#1 New York Times Bestseller

JOHN GRISHAM

THE LAST JUROR

Thái Hòa dịch

Tiểu thuyết

BỒI THẨM CUỐI CÙNG

"Một trong những tác phẩm xuất sắc nhất của ông: sâu sắc và gay cấn."
- The New York Times -

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

PHẦN MỘT

CHƯƠNG 1

Sau hàng chục năm được điều hành sai cách, bỏ thì thương vương thì tội, tờ *Thời báo Hạt Ford* chính thức phá sản vào năm 1970. Chủ tòa soạn, Emma Caudle, đã 93 tuổi, nằm liệt giường trong viện dưỡng lão ở Tupelo. Tổng biên tập, cũng là con trai bà, Wilson Caudle, cũng đã ở tuổi thất tuần, với một mảnh đạn trong đầu từ thời đi lính Thế chiến I. Quanh chỗ dính mảnh đạn có một vùng da tối tròn vành vạnh nằm ngay đỉnh vầng trán về của ông, và chính nó khiến ông cả đời phải chịu biệt danh Bớt. Lúc nào cũng Bớt. Bớt làm cái này. Bớt làm cái kia. Đây này, Bớt. Kia kìa, Bớt.

Thời trẻ, ông xông xáo khắp nơi, dự các cuộc họp hội đồng thành phố, các trận bóng, các cuộc bầu cử, phiên tòa, các hội nhóm, đủ loại sự kiện xã hội ở Hạt Ford. Ông là nhà báo giỏi, thấu đáo và nhạy bén. Rõ ràng vết thương trên đầu không ảnh hưởng gì đến năng lực khiển bút của ông. Nhưng sau Thế chiến II, mảnh đạn bắt đầu phát tác, và ông Caudle bỏ hết tất cả, chỉ còn viết cáo phó. Ông mê cáo phó và dành hàng giờ cho chúng. Kể cả những người dân tầm thường nhất Hạt Ford, cũng được ông viết những đoạn tụng ca hùng hồn mô tả chi tiết cuộc sống

của họ. Và cái chết của một công dân xuất chúng thì được lên trang nhất, tất nhiên là dưới ngòi bút của ông chủ biên Caudle. Ông không bỏ lỡ lễ cầu hồn hay lễ mai táng nào, chưa hề viết một lời không hay về bất kỳ ai. Tất cả mọi người khi nằm xuống đều được vinh danh. Hạt Ford đúng là nơi quá tuyệt để chết. Và ông Bớt rất được mọi người mến mộ, dù cho ai cũng thừa nhận ông hơi khùng.

Cả sự nghiệp làm báo của ông, chỉ có một cuộc khủng hoảng duy nhất là vào năm 1967, khoảng thời gian phong trào quyền công dân cuối cùng cũng lan tới Hạt Ford. Tờ báo của ông chưa hề thể hiện chút quan điểm bao dung chủng tộc nào. Chưa có người da đen nào được lên mặt báo trừ khi là tin tội phạm, đã bị kết án hoặc thuộc diện khả nghi. Chẳng hề có thông báo lễ cưới nào của người da đen. Chẳng hề có những bài vinh danh học sinh hay vận động viên da đen. Nhưng vào năm 1967, ông Caudle đã có một phát kiến khiến tất cả sững sờ. Bỗng một ngày đẹp trời, ông nhận ra rằng ở Hạt Ford này vẫn có những người da đen sắp giã từ cõi đời, và cái chết của họ lâu nay chẳng được thông báo cho thích đáng. Vậy là cả một thế giới cáo phó mới mẻ rộng lớn đang chờ sẵn và ông Caudle liền lao mình vào con nước còn hoang sơ và phần nào nguy hiểm này. Ngày thứ Tư, 8 tháng 3 năm 1967, tờ *Thời báo* trở thành tờ báo đầu tiên của người da trắng ở vùng Mississippi chịu đăng cáo phó cho người da đen. Lúc đó, chuyện này chẳng gây mấy chú ý.

Nhưng qua tuần sau, ông đăng liền ba cáo phó cho người da

đen, và người ta bắt đầu xì xầm. Rồi một tháng sau, người ta bắt đầu tẩy chay, hủy đăng ký mua báo và những người đăng quảng cáo ngưng hợp tác. Ông Caudle biết rõ tình hình, nhưng ông quá thích thú vai trò mới của mình là người khai sáng về hội nhập chủng tộc, nên chẳng buồn để tâm đến những chuyện vặt vãnh như doanh số và lợi nhuận. Sáu tuần sau bài cáo phó lịch sử đầu tiên ấy, ông tuyên bố, hẳn trên trang nhất và bằng chữ in đậm, chính sách mới của mình. Ông giải thích với công chúng rằng ông sẽ đăng bất kỳ điều gì ông muốn, và nếu những người da trắng không thích, thì ông sẽ bỏ phần cáo phó của họ luôn.

Mà thời này, chuyện hậu sự đàng hoàng là vấn đề hệ trọng trong đời sống ở Mississippi, dù là người da đen hay da trắng, nên thật khó để chấp nhận cảnh đến lúc nhắm mắt xuôi tay lại không có được bài tiễn biệt hùng hồn của ông Bớt để lại cho đời. Và họ cũng biết ông đủ điên để làm thật chứ chẳng đùa.

Thế là ấn bản tiếp theo, in đầy cáo phó, cả người da trắng và da đen, xếp theo bảng chữ cái chứ không phân chia theo màu da gì cả. Mọi chuyện thế là êm đẹp và tờ báo làm ăn phát đạt một thời gian.

Nhưng bỗng nhiên, chuyện phá sản từ trên trời rơi xuống. Đầu tiên, một chủ nhà in ở Memphis báo là tòa soạn nợ ông 60.000 đô. Tiếp theo một vài chủ nợ khác cũng thông báo họ chưa được thanh toán gì suốt sáu tháng qua. Ngân hàng cũng lên tiếng đòi nợ một khoản vay.

Tôi mới vào đây làm, nhưng cũng nghe phong thanh mấy vụ này rồi. Hôm đó, tôi đang ngồi đọc tạp chí ở bàn làm việc ngay tiền sảnh tòa soạn, thì một ông nhỏ con đi đôi giày mũi nhọn khệnh khạng bước vào đòi gặp Wilson Caudle.

"Ông ấy đang ở nhà tang lễ rồi," tôi trả lời.

Gã này nhỏ thó nhưng xấc láo vô cùng. Tôi có thể thấy khẩu súng dắt ở lưng quần gã, lấp ló sau lớp áo vest xanh nhăn nheo, cái kiểu cố tình cho người ta biết mình có súng ấy. Có lẽ gã còn chẳng có giấy phép sử dụng súng, nhưng ở Hạt Ford, đâu ai cần mấy giấy tờ đó, ít nhất là vào năm 1970. Thật ra, dân tình xem mấy giấy phép đó là tào lao phiền hà nữa thì có. Gã đưa ra một bì thư, bảo tôi, "Tôi cần đưa mấy giấy tờ này cho ông ấy."

Tôi chẳng hứng thú hỗ trợ gã, nhưng ai lại đi thô lỗ với người lùn cơ chứ, dù cho đó là một người lùn dắt súng bên hông đi nữa. "Ông ấy đang ở nhà tang lễ rồi," tôi lặp lại câu vừa nãy. "Thế thì tôi để đây cho cậu vậy," gã quyết định luôn.

Dù tôi mới ở đây chưa đầy hai tháng và vốn là dân đại học miền Bắc, nhưng cũng hiểu được đổi chuyện. Tôi biết rằng giấy tờ thật sự không phục vụ người ta. Chúng được chuyển phát, được giao tận tay, nhưng không bao giờ phục vụ. Giấy tờ là mối phiền phức và tôi chẳng muốn dây vào chúng làm gì. "Tôi không nhận chúng đâu," tôi nói, cúi đầu nhìn xuống gã. Quy luật tự nhiên thường khiến người lùn hiền lành ngoan ngoãn không hiếu chiến, và gã này cũng chẳng phải ngoại lệ. Khẩu súng chỉ là

cái mẽ ngoài đánh lừa người ta thôi. Gã nhìn quanh tiền sảnh, nở nụ cười gắng gượng, nhưng gã biết tình hình giờ không tốt cho gã rồi. Là kẻ nhạy bén, gã bèn nhét bì thư vào lại túi và cố lên giọng, "Nhà tang lễ ở đâu?"

Tôi chỉ đường rồi gã lính đi ngay. Một tiếng sau, ông Bớt về đến cửa, trên tay là bì thư giấy tờ vừa rồi, hét to hốt hoảng. "Hết rồi! Hết thật rồi!" Và thế là ông cứ ôm mặt than trời than đất khi tôi đọc kỹ tờ Đơn kiện yêu cầu Phá sản Cưỡng chế. Margaret Wright và Hardy từ trong nhà cũng chạy ra cố an ủi ông chủ. Ông ngồi trên ghế, hai tay chống gối ôm lấy mặt, khóc rưng rức đến thảm. Tôi đọc to tờ đơn cho những người có liên quan nghe.

Trong đơn nói rằng, ông Caudle phải đến tòa ở Oxford trong vòng một tuần để gặp các chủ nợ và thẩm phán, họ sẽ ra quyết định liệu tờ báo có thể tiếp tục hoạt động trong thời gian một người được ủy thác xử lý các vấn đề tài chính này. Tôi có thể thấy là Margaret và Hardy quan tâm đến công việc của mình hơn là đến ông Caudle đang hoảng loạn, nhưng họ vẫn làm màu đứng bên vỗ vai an ủi ông.

Sau một hồi khóc lóc, ông đứng dậy, cắn môi lưỡng lự, rồi tuyên bố, "Tôi phải đi báo cho mẹ."

Ba người chúng tôi chỉ biết nhìn nhau ngơ ngác. Bà Emma Caudle chỉ còn là cái xác không hồn, trái tim yếu ớt của bà vẫn gắng gượng nhưng ý thức thì có vẻ đã không còn. Bà chẳng biết mà cũng chẳng quan tâm Jell-O họ cho bà ăn có màu gì, và chắc

chắn bà chẳng quan tâm gì nữa đến Hạt Ford và tờ báo này. Bà chỉ còn da bọc xương, thế mà ông Bớt lại định nói chuyện phá sản cưỡng chế này với bà. Giờ tôi mới nhận ra cả bà cũng đâu còn ở bên chúng tôi nữa.

Ông Caudle lại bắt đầu khóc, và cứ để khuôn mặt giàn giụa nước mắt đó mà đi. Chắc sáu tháng sau tôi phải viết cáo phó cho ông quá.

Bởi tôi có bằng đại học, và lại đang cầm tờ đơn kiện trên tay, nên Hardy và Margaret nhìn tôi như đang chờ xin lời khuyên. Tôi là phóng viên, đâu phải luật sư, nên tôi cũng bảo họ là sẽ đưa giấy tờ này đến chỗ luật sư nhà Caudle. Chúng tôi phải làm theo lời cố vấn của ông ấy chứ. Thế là họ cố nặn một nụ cười rồi trở lại làm việc.

Đến trưa, tôi mua một lốc bia ở cửa hàng tạp hóa Quincy tại Hạ trấn, khu của người da đen ở Clanton, rồi dạo một vòng trên chiếc Spitfire. Giờ là cuối tháng Hai, nhưng trời ấm áp lạ thường, nên tôi hạ mui xuống và nhấn ga tiến thẳng đến bờ hồ, vừa đi vừa tự hỏi lần thứ bao nhiêu rồi không biết, tôi đang làm cái gì ở Hạt Ford, Mississippi này thế nhỉ?

Tôi lớn lên ở Memphis và học ngành báo chí ở Syracuse trong năm năm, đến khi bà tôi thấy chẳng còn muốn đầu tư vào cái vụ học lê lết của tôi nữa. Điểm số của tôi khá tầm thường, và còn một năm nữa mới lấy được bằng. Có khi là năm rưỡi ấy chứ. Bà tôi, BeeBee, có rất nhiều tiền nhưng lại rất ghét chi tiền, thế là

sau năm năm, bà quyết định rằng mình đã chi đủ cho cơ hội học hành của tôi rồi. Khi bà cắt trợ cấp, tôi đã rất thất vọng, nhưng chẳng phàn nàn gì. Tôi là đứa cháu duy nhất của bà và gia sản sau này bà để lại là quá đủ cho tôi rồi.

Tôi học báo chí theo kiểu lửng lơ. Thời mới đến Syracuse, lòng tôi đầy khao khát trở thành một phóng viên điều tra cho tờ *New York Times* hay *Washington Post*. Tôi đã muốn cứu thế giới bằng cách vạch trần tham nhũng, nạn phá hoại môi trường, những lãng phí tài chính của nhà nước, và sự bất công đang đè nặng người nghèo và người bị áp bức. Tôi còn mong mình sẽ được nhận giải Pulitzer. Sau chừng một năm đầy mơ mộng, tôi đã xem bộ phim về một phóng viên nước ngoài du hí khắp thế giới, lao đầu vào chiến chinh và người đẹp, thế mà vẫn có thời giờ để viết những bài báo đoạt giải. Ông nói tám thứ tiếng, để râu, đi giày bốt, quần kaki hồ phẳng phiu không bao giờ có lấy một vết nhăn. Thế là tôi quyết định phải trở thành một phóng viên như ông. Tôi để râu, mua vài đôi giày, quần kaki, cố học tiếng Đức và đi thả thính các em gái xinh đẹp. Trong năm ba, lúc điểm số lao dốc xuống vị trí chót lớp, tôi bắt đầu thấy thích ý tưởng làm việc ở một tòa soạn thành phố nhỏ. Tôi chẳng thể lý giải nổi sao mình lại ham vụ này đến vậy, ngoại trừ chuyện đó cũng là khoảng thời gian tôi kết thân với Nick Diener. Cậu ấy có gốc gác ở vùng quê Indiana, và gia đình cậu sở hữu một tờ báo của hạt với doanh thu rất ổn suốt mấy chục năm trời. Cậu lái chiếc Alfa Romeo sang chảnh và lúc nào cũng cầm theo cả xấp

tiền. Chúng tôi dần rất thân thiết với nhau.

Nick rất sáng dạ, thậm chí có thể học được ngành y, ngành luật hay cơ khí kỹ thuật. Nhưng mục tiêu duy nhất của cậu là trở về Indiana và điều hành tòa soạn của gia đình. Tôi cứ thấy ý tưởng của cậu kỳ cục quá thể, cho đến một tối nọ, trong cơn say, cậu tiết lộ con số bố mình kiếm được mỗi năm từ tờ tuần báo nhỏ bé với lượng phát hành thường kỳ chỉ 6000 tờ. Nó là một mỏ vàng, cậu khẳng định chắc nịch. Tờ báo nhà Nick chỉ đăng tin địa phương, thông báo lễ cưới, các sự kiện nhà thờ, các lễ tôn vinh, tin thể thao, ảnh của các đội bóng rổ, vài công thức nấu ăn, cáo phó và vài trang quảng cáo. Có lẽ thỉnh thoảng cũng có tin chính trị, nhưng rất trung dung, không dính dáng gì đến những chuyện dễ gây tranh cãi. Ấy thế mà bố cậu ấy là triệu phú. Theo Nick, đấy mới là công việc báo chí nhàn hạ mà hái ra tiền.

Thật quá hấp dẫn với thằng như tôi. Cuối năm thứ tư ở đại học (năm thứ tư chứ không phải năm cuối nhé, vì tôi vẫn chưa lấy được bằng), tôi đi thực tập hè ở một tờ tuần báo nhỏ tại Dãy núi Ozark ở Arkansas. Lương ở đó bèo thôi, nhưng nó khiến bà thấy an tâm về tôi. Mỗi tuần, tôi gửi báo qua thư cho bà, phân nửa bài trên báo do tôi viết. Chủ tòa soạn kiêm tổng biên tập kiêm nhà xuất bản ở đó, là một ông già tuyệt vời, quá phấn khích khi có một phóng viên muốn viết bài. Và tôi nhận ra, ông cũng rất giàu.

Sau năm năm Syracuse, điểm số của tôi giờ hết đường cứu vãn, nguồn cung của bà tôi cũng đã đến lúc dừng. Tôi về

Memphis thăm bà, cảm ơn bà vì đã cố gắng giúp cho tôi biết bao lâu nay, nói là tôi thương bà lắm. Bà cương quyết khuyên tôi lo mà tìm việc đi.

Vào lúc đó, em gái của Wilson Caudle đang sống ở Memphis, và có gặp qua bà tôi ở một bữa tiệc trà gì đó. Sau vài cuộc điện thoại qua lại, tôi gói ghém hành trang lên đường đi Clanton, Mississippi, nơi ông Bớt đang háo hức ngóng chờ. Sau một tiếng giới thiệu sơ về công việc, ông liền giao phó hết tin bài của Hạt Ford cho tôi.

Ngay số báo tiếp theo, ông liền viết một bài ngắn rất nhẹ nhàng có in cả ảnh của tôi để công bố cậu thực tập sinh mới ở tờ *Thời báo*. Bài này lại nằm ngay trang nhất mới ghê. Thời đó, tin tức truyền đi chậm lắm.

Bài thông báo đó có hai lỗi cực kỳ khủng khiếp và làm hại tôi suốt nhiều năm trời. Sai lầm thứ nhất là ông Bớt dám khẳng định Syracuse giờ đã nằm trong nhóm Ivy League. Ông thông báo với các độc giả ít ỏi của mình rằng tôi đã tiếp thu nền học thuật tầm Ivy League tại Syracuse. Phải cả tháng sau, mới có người cho tôi biết vụ này. Từ đó, tôi bắt đầu tin rằng, chẳng ai đọc báo cả, hoặc tệ hơn nữa là những người có đọc cũng đều là đám cực ngốc.

Sai lầm thứ hai thì thay đổi cả cuộc đời tôi. Tên khai sinh của tôi là Joyner William Traynor. Từ nhỏ cho đến tận năm 12 tuổi, tôi cứ hỏi bố mẹ suốt về lý do tại sao hai người vốn được cho là

thông minh lại đặt tên cho con là Joyner cơ chứ. Hóa ra về sau tôi mới được biết là bố hoặc mẹ tôi, một trong hai người nhưng ai cũng chối không chịu nhận, đã nhất quyết lấy tên của một người bà con giàu có nhưng đang có học hặc với họ, để đặt tên cho tôi như một nghĩa cử làm hòa. Nhưng mà trời đất ơi, đến tuổi này tôi vẫn chưa hề gặp mặt ông bác nọ. Theo tôi biết, ông đã chết mà không có một xu dính túi, nhưng dù gì đi nữa, thằng tôi đây phải mang cái tên Joyner cả đời. Khi vào Syracuse, tôi là J. William, một cái tên khá là bảnh cho anh thanh niên 18 tuổi. Nhưng rồi chiến tranh Việt Nam, những vụ bạo động, nổi loạn, chính biến, khiến tôi thấy cái tên J. William có vẻ quá thân thiện với chính quyền, với thiết chế. Vậy là tôi trở thành Will.

Nhiều lúc, ông Bớt gọi tôi là Will, William, Bill, thậm chí là Billy, và vì dù ông gọi tên nào tôi cũng trả lời, nên chuyện mới ra cơ sự này. Trong bài thông báo, dưới cái mặt cười hớn hở của tôi là tên mới ông đặt cho tôi: Willie Traynor. Tôi đâm hoảng. Cả đời này, kể cả trong mơ, tôi cũng chưa bao giờ nghĩ có ai lại gọi tôi là Willie. Tôi từng học trường dự bị ở Memphis, rồi học đại học ở New York, nhưng chưa hề thấy ai tên Willie.

Tôi đâu phải loại cổ lỗ sĩ đến thế cơ chứ. Tôi lái chiếc Triumph Spitfire và để tóc dài mà.

Biết nói sao với các bạn đại học của tôi ở Syracuse đây? Còn cả bà tôi nữa, biết giải thích thế nào đây.

Sau khi trốn trong căn hộ suốt hai ngày, tôi đã lấy đủ can đảm

để tìm ông Bớt yêu cầu ông phải làm gì đó khắc phục vụ này. Tôi không chắc là làm gì, nhưng đây là lỗi của ông và chắc chắn ông phải khắc phục được. Tôi hiên ngang tiến vào văn phòng tờ *Thời báo* và gặp ngay Davey Bigmouth Bass, biên tập viên mảng thể thao. “Này, tên ngầu đấy,” ông nói ngay. Tôi đi theo vào văn phòng ông để xin ý kiến.

“Tên tôi không phải là Willie,” tôi nói.

“Giờ thì là Willie rồi đấy.”

“Tên tôi là Will.”

“Dân ở đây sẽ thích cậu thôi. Một tay trí thức dân miền Bắc để tóc dài đi xe thể thao nhập khẩu. Này, với cái tên Willie, họ sẽ nghĩ cậu rất bảnh. Cứ nghĩ đến Joe Willie mà xem.”

“Joe Willie là ai chứ?”

"Joe Willie Namath."

“Ồ, ra là anh ấy.”

“Phải, cậu ấy là dân miền Bắc như cậu, quê ở Pennsylvania hay quanh đấy, nhưng khi đến Alabama, cậu ấy đổi tên từ Joseph William thành Joe Willie. Cậu ấy đi đâu, gái theo đến đấy mà.”

Tôi bắt đầu thấy đỡ rầu hơn. Vào năm 1970, Joe Namath có lẽ là vận động viên nổi tiếng nhất nước. Thế là tôi lên xe dạo một vòng, miệng cứ lẩm bẩm, “Willie, Willie.” Qua vài tuần, tôi bắt đầu bị chết tên. Ai cũng gọi tôi là Willie và có lẽ họ thấy thoải mái hơn vì cái tên chân chất này của tôi.

Tôi cũng đã kể cho bà nghe về tên thường gọi tạm thời của mình.

Tờ *Thời báo* rất mỏng, và tôi biết ngay là tòa soạn đang không ổn. Các trang hầu như chỉ toàn đăng cáo phó, chẳng có mấy chỗ cho tin tức và quảng cáo. Nhân viên thì không hài lòng cho lắm, nhưng họ được cái im lặng và trung thành. Ở Hạt Ford vào thời 1970, công việc là thứ khó tìm. Sau một tuần, kẻ mới vào nghề như tôi cũng có thể thấy được tòa soạn này đang đâm đầu xuống lỗ. Bởi quảng cáo thì tính phí mà cáo phó thì miễn phí. Ông Bớt dành hầu hết thời gian trong văn phòng bừa bộn của mình, ngủ một ngày vài giấc và gọi cho các tang gia. Có lúc họ chủ động gọi cho ông. Có lúc tang gia ghé tòa soạn, chỉ vài giờ sau khi ông cụ trút hơi thở cuối cùng, và đưa cho ông Bớt một bài tiểu sử viết tay đầy mỹ từ mà ông Bớt sẽ chộp ngay lấy và trân quý đem về bàn làm việc. Sau khi khóa chặt cửa phòng, ông sẽ viết, tìm hiểu, biên tập, viết đi viết lại cho đến khi nào hoàn hảo mới thôi.

Ông giao phó hết cái hạt này cho ngòi bút của tôi. Tờ báo có một phóng viên đa nhiệm, Baggy Suggs, một ông già cau có dành nhiều giờ quanh quẩn ở tòa án bên kia đường để đánh hơi tin giật gân, buôn chuyện và uống bourbon với hội các luật sư hết thời, quá già và quá nặng men rượu nên chẳng thể hành nghề nổi. Tôi sớm biết Baggy quá bận nói đến nỗi chẳng có thời giờ để kiểm tra nguồn tin và tìm hiểu sâu bất kỳ chuyện gì đáng để đọc, những bài trang nhất của ông thường là mấy mẩu chuyện nhàm về tranh chấp đất đai hay một ông chồng đánh vợ.

Margaret, thư ký tòa soạn, là một phụ nữ ngoan đạo, chính bà lo toan hết chỗ này, nhưng bà cũng đủ thông minh để cho ông Bớt vẫn nghĩ rằng mình là sếp. Bà đã năm mấy tuổi và làm ở đây hơn hai mươi năm. Bà là đá tảng, là mỏ neo, là tất cả của tờ *Thời báo* này. Margaret nói năng nhỏ nhẹ, có thể nói là e dè, và ngay từ ngày đầu đã bị tôi áp đảo, bởi tôi là dân Memphis lại còn học đại học ở miền Bắc năm năm. Tôi cẩn thận không huênh hoang về chuyện Ivy League, nhưng đồng thời lại muốn dân quê Mississippi này biết rằng tôi là người có học thức, mà là học thức cao ấy nhé.

Bà và tôi trở thành bạn tán gẫu, và sau một tuần, bà đã khẳng định điều tôi nghi ngờ - là ông Caudle đích thị bị điên và tờ báo thật sự đang khốn đốn về tài chính. Nhưng như bà nói, nhà Caudle có kim tiền gia tộc mà!

Phải qua vài năm tôi mới hiểu được chuyện bí ẩn này.

Ở Mississippi, kim tiền gia tộc không phải là của cải đâu. Nó chẳng phải là tiền hay tài sản gì cả, mà là địa vị dành cho một người da trắng, có học thức cao hơn bậc trung học, sinh ra trong gia đình khá giả hay cụ thể hơn là trong một ngôi nhà lớn có mái hiên, và nếu nó không nằm giữa cánh đồng bông hay đậu nành thì càng hoàn hảo. Hơn nữa, đó còn là người được nuôi nấng bởi một vú em da đen tên Bessie hay Pearl và được dạy dỗ bởi ông bà lẩm cẩm sở hữu ông bà của Bessie hay Pearl này, cũng như được dạy dỗ từ thuở mới lọt lòng về những quy tắc ứng xử nghiêm ngặt của tầng lớp đặc quyền đặc lợi. Đất đai và các quỹ tín thác

cũng có chút giá trị, nhưng ở Mississippi này có đầy những người thừa kế cái địa vị kim tiền gia tộc này lâm vào cảnh thiếu nợ. Cái địa vị đó không phải là thứ đạt được bằng nỗ lực. Nó là một thứ bẩm sinh rồi.

Khi tôi hỏi chuyện luật sư của nhà Caudle, ông giải thích khá súc tích về giá trị của kim tiền gia tộc. "Họ nghèo rớt mồng tơi ấy," ông nói với tôi đang ngồi lọt thỏm trong cái ghế bành bọc da đối diện bàn làm việc cổ to tướng bằng gỗ dái ngựa của ông. Ông tên Walter Sullivan, ở công ty luật danh tiếng Sullivan & O'Hara. Ít nhất là danh tiếng ở Hạt Ford, với bảy luật sư hành nghề. Ông tìm hiểu về đơn kiện phá sản này và nói đủ thứ chuyện về nhà Caudle cũng như số tiền họ từng có và cách họ hủy hoại một tòa soạn ăn nên làm ra. Ông làm luật sư cho họ suốt 30 năm trời, và hồi bà Emma còn điều hành, tờ *Thời báo* có 5000 người đăng ký mua báo và các trang báo tràn ngập tin quảng cáo. Bà luôn có sẵn một khoản 500.000 đô ở Ngân hàng Bảo an đề phòng khi hữu sự.

Rồi chồng qua đời, bà tái giá với một gã nghiện rượu trong vùng trẻ hơn bà 20 tuổi. Những lúc tỉnh rượu, lão lại vung vẩy những lời văn hoa rỗng tuếch và ra vẻ mình là một nhà thơ nhà văn đầy dằn vặt cảm xúc. Thế là bà Emma mê lão như điếu đổ và cho lão làm đồng tổng biên tập, một vị trí mà lão dùng để viết những bài xã luận dài dằng dặc chửi bới bất kỳ chuyện gì ra hồn ở Hạt Ford. Đó chính là khởi đầu cho hồi kết. Ông Bớt ghét lão bố dượng mới này, và lão già cũng thế, ân oán của hai người cứ

thế chồng chất đến đỉnh điểm là một trận đánh nhau tơi bời đi vào sử sách của khu trung tâm Clanton. Nó diễn ra ngay vỉa hè trước tòa soạn, trên quảng trường thành phố trước mặt một đám đông sững sờ. Dân trong vùng tin rằng cái đầu của ông Bớt, vốn đã yếu lắm rồi, đã bị tổn hại hơn nữa từ sau trận ẩu đả đó. Không lâu sau, ông bắt đầu bỏ hết mọi thứ và chỉ còn chuyên tâm viết cáo phó.

Ông bố dượng thì ôm tiền bỏ trốn, và bà Emma thất tình bắt đầu xa lánh sự đời.

"Nó từng là tờ báo tốt," ông Sullivan nói. "Nhưng giờ nhìn nó đi. Còn chưa đầy 1.200 người đăng ký đặt báo, lại đang nợ nần chồng chất. Phá sản rồi."

"Tòa sẽ phán thế nào?" Tôi hỏi.

"Họ sẽ cố tìm một người mua lại."

"Người mua lại sao?"

"Phải, sẽ có người mua. Hạt này phải có một tờ báo chứ." Ngay lập tức, tôi nghĩ đến hai người, Nick Diener và bà tôi. Gia đình Nick giàu có nhờ tờ tuần báo của hạt. Bà tôi thì giàu nứt vách và chỉ có một đứa cháu thân yêu này thôi. Tim tôi bỗng đập thình thịch khi ngửi thấy mùi cơ hội.

Ông Sullivan nhìn tôi ý vị, rõ ràng ông biết tôi đang nghĩ gì. "Và có thể mua nó với giá hạt dẻ," ông nói.

"Bao nhiêu?" tôi hỏi với sự tự tin của một phóng viên tay mơ 23 tuổi có người bà giàu nứt vách.

“Có lẽ là 50.000. 25 để mua lại, và 25 để vận hành. Hầu hết các khoản nợ có thể đưa vào diện phá sản, rồi cậu thương lượng lại với các chủ nợ mà cậu còn cần.” Ông ngưng ngang đó, cúi người tới trước, chống tay lên bàn, cặp lông mày muối tiêu nhíu lại như thể não ông đang phải nỗ lực vượt công suất. “Nó có thể là một mỏ vàng thật sự đấy.”

Bà tôi chưa hề đầu tư vào mỏ vàng, nhưng sau ba ngày năn nỉ dỗ dành, tôi đã rời Memphis với tờ chi phiếu 50.000 đô. Tôi đưa nó cho ông Sullivan, rồi ông cho nó vào quỹ tín thác và đệ đơn xin tòa cho bán tòa soạn. Thẩm phán là một ông lão lãng đãng yếu lắm rồi và đáng ra nên nằm cạnh giường bệnh của bà Emma mới phải, ông đã gật đầu ưng thuận đầy tử tế và ký tên vào lệnh tòa chấp thuận tôi là chủ mới của tờ *Thời báo Hạt Ford*.

Ở Hạt Ford này, phải sống qua ba thế hệ mới chính thức được đón nhận. Dù có tiền tài hay thế giá đến đâu cũng không thể cứ thế chuyển đến đây và mong được người ta tin tưởng. Bất kỳ người mới nào đều bị nghi ngờ, và tôi cũng không phải ngoại lệ. Người dân ở đây vô cùng nồng hậu, tử tế và lịch sự, gần như đến mức ta phải lấy làm phiền vì sự thân thiện của họ luôn ấy. Họ gật đầu chào và chuyện trò với bất kỳ ai gặp trên phố. Họ hỏi thăm sức khỏe, bàn chuyện thời tiết và mời ta đến nhà thờ. Họ hăm hở giúp đỡ người lạ.

Nhưng họ không thật sự tin tưởng ta trừ phi họ từng tin tưởng ông của ta.

Khi tin tức về một anh chàng lạ mặt trẻ tuổi giàu sụ đến từ Memphis đã mua lại tờ báo với giá 50 ngàn, hay 100 ngàn, thậm chí là 200 ngàn, bắt đầu lan ra thì làn sóng đàm tiếu liền dậy lên khắp cộng đồng. Margaret là người cập nhật những tin đồn mới nhất cho tôi. Vì tôi còn độc thân, nên họ đồn có thể tôi đồng tính luyến ái. Vì tôi từng học ở Syracuse, dù chẳng biết nó ở chỗ nào, nhưng nghe cái tên thì có vẻ tôi là dân cánh tả. Hay tệ hơn nữa, là dân theo chủ nghĩa tự do. Vì tôi quê ở Memphis, nên thế nào tôi cũng là kẻ ủ mưu trêu ngươi Hạt Ford.

Và họ còn lặng lẽ rỉ tai nhau một chuyện, đó là giờ tôi quản lý mục cáo phó! Chừng đó là đủ để tôi là người có thanh có thế ở đây rồi!

Tờ *Thời báo* mới tái phát hành vào ngày 18 tháng 3 năm 1970, chỉ ba tuần sau khi ông lùn nọ đem giấy tờ đến. Tờ báo hôm nay dày đến hai phân rưỡi, và chưa một tờ tuần báo hạt nào in nhiều ảnh hơn nó. Ảnh về các đội Ấu sinh Hướng đạo, Chim non Hướng đạo, các đội bóng rổ trường cấp hai, các câu lạc bộ vườn, câu lạc bộ sách, câu lạc bộ trà, hội tìm hiểu Kinh Thánh, các đội bóng mềm người lớn, cả các câu lạc bộ dân sự. Ảnh trên báo phải đến vài chục tấm. Tôi đã cố đưa hết tất cả mọi người sống trong hạt này lên trang báo. Còn những người quá cố thì được hưởng sự tôn vinh chưa hề có. Các bài cáo phó dài đến phát sợ. Tôi chắc mẩm là ông Bớt sẽ tự hào, nhưng chẳng nghe được tin gì từ ông cả.

Các tin bài nhẹ nhàng và phấn khởi. Tuyệt đối không có mấy

bài xã luận làm gì. Người ta thích đọc về cướp-hiếp-giết, nên ở góc trái dưới của trang nhất, tôi mở mục Tội phạm. Ơn trời, tuần trước có hai chiếc bán tải bị trộm, và tôi tường thuật vụ này như thể có kẻ dám xông vào cướp xe ở căn cứ Fort Knox vậy.

Ở chính giữa trang nhất là một tấm ảnh chụp chung ban điều hành mới, gồm Margaret, Hardy, Baggy Suggs, tôi, nhiếp ảnh gia của tòa soạn Wiley Meek, Davey Bigmouth Bass, và Melanie Dogan, một học sinh trung học làm việc bán thời gian. Tôi rất tự hào về nhân sự của mình. Chúng tôi làm việc cật lực trong mười ngày, và số báo đầu tiên đã thành công vang dội. Chúng tôi in 5000 tờ và bán hết sạch. Tôi gửi một thùng báo cho bà tôi, và bà vô cùng thích thú.

Tháng tiếp theo, tờ *Thời báo* mới dần dần thành hình, còn tôi thì vắt óc suy nghĩ để quyết định xem mình sẽ đưa nó lên tầm mức nào. Thay đổi ở vùng quê Mississippi này không phải là chuyện dễ dàng, nên tôi quyết định phải làm từ từ. Tờ báo cũ đã bị phá sản, nhưng suốt 55 năm qua, nó chẳng hề thay đổi gì mấy. Tôi viết thêm tin bài, bán thêm quảng cáo, in thêm nhiều hình của các nhóm người đa dạng. Và tôi cũng dốc nhiều công sức vào mục cáo phó.

Là kẻ chưa hề mê làm việc nhiều, nhưng từ khi làm chủ báo, tôi quên mất khái niệm thời gian. Tôi còn quá trẻ, quá bận rộn, nên chẳng biết sợ là gì. Tôi mới 23 tuổi, nhưng nhờ may mắn, gặp đúng thời điểm và có bà ngoại giàu có, nên đột nhiên được làm chủ một tờ tuần báo. Nếu tôi đã lưỡng lự và cần thời gian

phân tích tình hình, rồi đi tìm mấy dân ngân hàng và kế toán mà xin lời khuyên, chắc chắn sẽ có người thuyết phục được tôi bỏ vụ này. Nhưng khi ta đôi mươi thì làm gì biết sợ. Trên tay chẳng có gì, nên đâu có gì để mất.

Tôi cho rằng phải mất một năm mới bắt đầu có lãi, và đúng là mới đầu, doanh số tăng khá chậm. Rồi Rhoda Kassellaw bị giết. Tôi nghĩ theo lẽ tự nhiên thì sau một vụ giết người, phải in thêm báo để bán vì người ta muốn biết rõ chi tiết. Tuần trước vụ án, chúng tôi bán được 2400 tờ, và tuần tiếp sau đó, con số là gần 4000.

Đây không phải vụ giết người bình thường.

Hạt Ford là một nơi thanh bình, đầy những người ngoan đạo hoặc nhận mình ngoan đạo. Ở đây đánh nhau không phải chuyện hiếm, nhưng thường là do tầng lớp hạ lưu la cà ở mấy quán bia. Tháng nào cũng có một gã liều mang nổ súng vào hàng xóm hoặc chính vợ mình, và mỗi cuối tuần đều có ít nhất một vụ đâm người ở khu da đen. Mấy vụ đó hiếm khi có người chết.

Tôi làm chủ tòa soạn này trong mười năm, từ năm 1970 đến 1980, và rất hiếm khi có vụ giết người nào ở Hạt Ford. Không có vụ nào tàn bạo như vụ án mạng Rhoda Kassellaw, và cũng không có vụ nào là lên kế hoạch cố sát. Ba mươi năm sau, tôi vẫn cứ nghĩ về vụ án đó mỗi ngày.

CHƯƠNG 2

Rhoda Kassellaw sống ở Beech Hill, cách Clanton gần 20 cây số về phía Bắc. Cô ở trong một ngôi nhà gạch đơn sơ trên một con đường nội hạt nhỏ hẹp. Những bồn hoa trước nhà không hề có ngọn cỏ dại nào và được chăm sóc hằng ngày, bãi cỏ dày mượt và được cắt tỉa chu đáo. Lối vào nhà được rải đá dăm trắng, dọc hai bên là rải rác những xe đẩy, bóng và xe đạp. Hai đứa con nhỏ của cô lúc nào cũng chơi ngoài sân, chơi hăng lắm, thỉnh thoảng mới dừng chơi để nhìn một chiếc xe hơi chạy ngang qua.

Ngôi nhà thôn quê nhỏ yên bình này chỉ cách nhà ông bà Deece một tầm ném đá. Chồng cô bị xe tải cán chết đâu đó ở Texas khi còn khá trẻ, và thế là ở tuổi 28, Rhoda đã trở thành góa phụ. Tiền bảo hiểm nhân thọ của chồng giúp cô trả hết khoản vay mua nhà và mua xe. Số tiền còn lại được đầu tư để cho cô có một khoản thu nhập hàng tháng vừa đủ để sống và nuôi hai đứa con. Hầu như cô luôn ở ngoài sân vườn chăm sóc những luống rau, hoặc ra trước nhà nhổ cỏ và chăm hoa.

Cô sống khá khép mình. Các bà già ở Beech Hill xem cô là một góa phụ kiểu mẫu, ở yên trong nhà, vẻ mặt buồn sầu, hạn chế giao tiếp xã hội ngoại trừ thỉnh thoảng đến nhà thờ. Họ bảo nếu

cô đi nhà thờ thường xuyên hơn thì hay biết mấy.

Không lâu sau cái chết của chồng, Rhoda đã định quay về nhà mẹ ở Missouri. Cả cô và chồng đều không phải người gốc Hạt Ford. Họ chỉ ở đây vì chồng cô được công ty điều động. Nhưng tiền mua nhà đã trả hết, bọn trẻ sống vui vẻ, hàng xóm thì tử tế, và gia đình cô lại tọc mạch về số tiền bảo hiểm cô nhận được. Vậy nên cô quyết định ở lại Hạt Ford này. Cái suy nghĩ chuyển đi vẫn không bao giờ dứt nhưng chẳng bao giờ thành.

Rhoda Kassellaw là một phụ nữ đẹp, đẹp khi nào cô muốn, dù không mấy khi như vậy. Dáng người thon thả của cô thường ẩn mình dưới lớp váy cotton rộng hay lớp áo vải chambray thô những lúc làm vườn. Cô trang điểm rất nhẹ và mái tóc hoe thì luôn được bởi gọn gàng sau đầu. Hầu như cô chỉ ăn những thức trong khu vườn hữu cơ của mình, và có lẽ nhờ thế mà cô có làn da mềm mại sáng hồng. Một góa phụ trẻ đẹp như thế thường sẽ là nhân vật nổi bật của hạt, nhưng cô lại là người khép mình.

Tuy nhiên, sau ba năm để tang, khao khát lại trỗi dậy trong Rhoda. Tuổi xuân qua đâu chờ đợi ai, ba năm trời vừa lướt qua chớp mắt đấy thôi. Cô còn quá trẻ đẹp để mỗi tối cuối tuần ở yên trong nhà và đọc chuyện ru con ngủ. Cô nghĩ hẳn ngoài kia phải có gì đó để làm, dù chắc chắn không phải ở Beech Hill ảm đạm này.

Cô đã thuê một cô bé da đen ở cùng con phố để chăm con, rồi lái xe cả tiếng về phía Bắc, đến Tennessee, nơi cô nghe đồn là tụ

điểm của vài quán bar, sàn nhảy rất được. Có lẽ ở đó chẳng ai biết cô là ai. Cô thích thú nhảy nhót và đùa giỡn với những lời tán tỉnh, nhưng không bao giờ uống gì và luôn về nhà sớm. Rồi việc này đã trở thành thông lệ, mỗi tháng cô phải đi chơi hai đến ba lần.

Dần dần, những chiếc quần jean cô mặc ngày càng bó hơn, những điệu nhảy ngày càng bốc hơn, và giờ vui chơi ngày càng dài hơn. Người ta dần để ý đến và bàn tán về cô ở những quán bar và hộp đêm dọc xa lộ nội bang.

Hắn đã theo cô về đến tận nhà hai lần, trước khi ra tay giết cô. Chuyện xảy ra vào một đêm tháng Ba, khi những bồn hoa trước nhà vẫn tỏa ra mùi hương hy vọng của mùa xuân. Trời hôm ấy tối đen, không trăng không sao. Bear, con chó giữ nhà đã đánh hơi thấy khi hắn đang nấp bên một cái cây ở sân sau. Bear, con chó vốn luôn yên lặng, giờ bắt đầu gầm gừ sủa vang.

Con trai Michael của Rhoda năm tuổi, và cô con gái Teresa thì mới lên ba. Chúng đang mặc bộ pijama hình nhân vật Disney được ủi thẳng thớm, nằm ngắm đôi mắt long lanh của mẹ khi cô đọc cho chúng chuyện ông Jonah và con cá voi. Cô ôm chúng, hôn chúc ngủ ngon, và khi Rhoda tắt đèn phòng chúng, thì hắn đã vào nhà rồi.

Một tiếng sau, cô tắt tivi, đi quanh nhà khóa cửa và chờ Bear vào, nhưng chẳng thấy nó đâu cả. Cũng chẳng có gì lạ, vì Bear hay truy đuổi đám thỏ, sóc vào sâu trong rừng, nhiều khi đến

khuya mới về. Bear có thể ngủ ngoài hiên và đánh thức cô bằng tiếng sủa lúc bình minh. Vào phòng ngủ, cô cởi bỏ bộ váy cotton nhẹ và mở cửa buồng thay đồ. Hắn đã chờ sẵn ở đó, trong bóng tối.

Hắn chộp lấy cô từ sau lưng, dùng bàn tay to dày đẫm mồ hôi bịt miệng cô, "Tao có dao. Tao sẽ đâm chết mày và lũ con." Tay kia của hắn đưa lên con dao sáng loáng, vẫy vẫy nó trước mắt cô.

"Hiểu rồi chứ?" hắn phả hơi nóng vào tai cô.

Cô run rẩy và cố gắng lắc đầu. Cô chẳng thấy được mặt hắn. Hắn đẩy cô xuống sàn buồng thay đồ lộn xộn, ngã sấp mặt, rồi hắn giật tay cô ra sau, trói lại. Hắn lấy một cái khăn quàng len màu nâu của bà già nào đó đã cho cô, rồi cột chặt quanh mặt cô. "Không được hé miệng," hắn tiếp tục gầm gừ. "Không thì tao giết con mày." Khi đã xong phần bịt mắt, hắn bắt đầu nắm tóc cô, lôi cô đứng dậy đi đến giường. Hắn đưa lưỡi dao kề cổ cô, "Đừng chống cự. Lưỡi dao ngay đây này." Hắn cắt phăng quần lót của cô rồi bắt đầu cưỡng bức.

Hắn muốn thấy đôi mắt cô, đôi mắt xinh đẹp hắn từng thấy trong hộp đêm. Và cả mái tóc dài nữa. Hắn đã mời cô vài ly, nhảy với cô hai lần, thế mà đến lúc hắn muốn ngỏ lời thì cô lại chặn họng hắn. "Thử đi nào, em yêu," hắn nói vừa đủ để cô nghe thấy.

Trong ba tiếng qua, chai Jack Daniel đã giúp hắn có đủ gan làm thế này, nhưng giờ chất cồn đang làm hắn mụ mẫm. Hắn đè

lên người cô, ép từ từ, chậm rãi, tận hưởng từng giây phút. Hắn thì thào kiểu một kẻ tự thấy mình tài giỏi khi chiếm được thứ mình muốn.

Mùi whiskey và mùi mồ hôi của hắn khiến cô thấy buồn nôn, nhưng cô sợ quá chẳng dám nôn. Làm thế có thể khiến hắn nổi giận, có thể khiến hắn động thủ. Khi dần chấp nhận chuyện kinh khủng này, cô bắt đầu suy nghĩ. Phải im lặng. Đừng đánh thức bọn trẻ. Hành sự xong rồi, hắn sẽ làm gì đây?

Hắn bắt đầu đẩy nhanh hơn, tiếng thì thào của hắn cũng lớn hơn. "Im lặng, bé yêu," hắn cứ rít lên. "Không thì tao đâm." Cái giường sắt cứ kêu ken két, hắn chưa quen lắm với kiểu giường này. Ồn ào thật, nhưng hắn đâu quan tâm.

Tiếng giường kêu làm Michael tỉnh giấc, rồi nó thức cả Teresa dậy. Chúng nhẹ nhàng ra khỏi giường, lẳng lặng đi xuống hành lang tối om để rồi chứng kiến chuyện đang xảy ra. Michael mở cửa phòng mẹ mình, thì thấy một kẻ lạ đang nằm đè lên mẹ, nó kêu lên, "Mẹ!" Ngay lập tức, gã dừng lại, quay đầu về phía bọn trẻ.

Tiếng kêu của đứa con trai khiến Rhoda kinh hoàng, cô bật dậy vung cả hai tay vào hắn bằng hết sức bình sinh. Một cú đấm nhẹ trúng mắt trái hắn, rồi một cú đấm mạnh khiến hắn hơi choáng. Cô giật cái khăn đang bịt mắt mình ra, hai chân vẫn đá hắn liên hồi. Hắn tát cô, cố đè cô xuống lại. "Danny Padgitt!" cô vừa vùng vẫy, vừa hét lên. Hắn đánh cô cái nữa. "Mẹ!" Michael

kêu lên.

“Chạy đi con!” Rhoda cố hét, nhưng tiếng kêu chưa kịp ra khỏi họng đã nghẹn lại vì cú đấm của hắn.

“Im đi!” Padgitt quát.

“Chạy đi!” Rhoda lại hét lên, và hai đứa trẻ quay người chạy đi, lao xuống cầu thang, vào căn bếp và ra khỏi nhà an toàn.

Ngay khi cô hét tên hắn, Padgitt đã biết hắn chẳng còn lựa chọn nào khác ngoài khiến cô im lặng mãi mãi. Hắn cầm lấy con dao, đâm hai nhát, rồi bò ra khỏi giường, mặc vội áo quần và bỏ chạy.

Tối hôm đó, ông bà Aaron Deece đang xem chương trình tivi giờ muộn của đài Memphis, thì nghe thấy tiếng Michael gọi ngày càng lớn dần. Ông Deece ra mở cửa thì thấy cậu bé đã đến trước hiên nhà. Bộ pijama của cậu bé đẫm mồ hôi và sương đêm, hàm răng va lập cập đến nỗi nói không nên lời. “Hắn đánh mẹ cháu!” cậu bé cứ nói mãi. “Hắn đánh mẹ cháu!”

Nhìn vào khoảng tối giữa hai ngôi nhà, ông Deece thấy Teresa cũng đang chạy đến. Cô bé chạy mà cứ như đứng yên, như thể vừa muốn đến đây vừa không muốn rời nhà mình. Khi gặp bà Deece ở trước gara, cô bé đang mút tay và không nói được gì.

Ông Deece liền chạy vào nhà, lấy hai khẩu shotgun, một cho mình, một cho vợ. Bọn trẻ được đưa vào bếp, bị sốc đến tê dại. “Hắn đánh mẹ cháu,” cậu bé cứ nói mãi. Bà Deece liền ôm lấy hai đứa dỗ dành. Bà nhìn khẩu shotgun ông chồng vừa đặt lên bàn.

“Ở yên đây,” ông nói rồi lao ra khỏi nhà.

Ông không phải chạy đi xa. Rhoda đã gần đến được nhà Deece trước khi quỵ ngã trên bãi cỏ ướt. Người cô không một mảnh vải che thân, và cổ đầy máu. Ông bế cô lên, đưa đến hiên trước, rồi hét gọi vợ đưa bọn trẻ ra sau nhà, giữ chúng ở yên trong phòng ngủ. Ông chẳng muốn bọn trẻ phải thấy giờ hấp hối của mẹ mình.

Khi ông đặt cô lên ghế dựa, Rhoda thều thào trong hơi thở cuối cùng, “Danny Padgitt. Là Danny Padgitt.”

Ông lấy chăn che lại cho cô, rồi gọi xe cứu thương.

Danny Padgitt lái chiếc bán tải ở làn giữa, chạy như điên, khi nào cũng trên trăm tư cây số giờ. Hắn đã chếnh choáng nhưng chẳng muốn nhận mình say. Chỉ mười phút nữa là hắn về đến nhà, an toàn trong vương quốc nhỏ của gia đình hắn, nơi còn gọi là cồn Padgitt.

Mấy đứa oắt con làm hỏng bét mọi chuyện. Thôi để mai hẵng tính. Sau khi nốc một hơi dài hết phần năm chai Jack Daniel, hắn thấy tỉnh hơn một chút.

Một con thỏ hoặc cáo chồn gì đó phóng ra từ bên lề, và vừa thấy nó, hắn liền phản ứng bốc đồng, đạp phanh theo bản năng, nhưng rồi lại chuyển sang đạp ga, vì hắn đâu quan tâm mình đâm phải thứ gì và thật ra quá thích thú trò giết thú trên đường, nhưng lần này hắn quá trớn. Bánh xe bị phanh đứng sững, thế là đuôi xe trượt tới làm xe hắn quay ngang. Rồi phản ứng bản năng

đã làm hại hắn. Hắn xoay tay lái nhầm hướng, và chiếc xe bắt đầu quay tròn như xe đua vào khúc cua gắt. Nó bị trượt vào đường mương, nảy lên hai lần rồi đâm vào một hàng thông. Nếu tỉnh táo, chắc hắn đã chết rồi, nhưng kẻ say hay gặp may.

Hắn bò ra khỏi khung cửa kính vỡ nát, ngồi dựa vào xe một hồi lâu, đếm những vết thương vết trầy trên người và tính toán xem có thể làm được gì. Một chân hắn đột nhiên tê hẳn đi, và khi leo ngược lên đường, hắn mới nhận ra mình không thể đi được xa. Mà hắn cũng đâu cần thế.

Chưa kịp định thần, ánh đèn đỏ xanh đã chiếu vào mặt hắn. Một cảnh sát bước ra khỏi xe, kiểm tra hiện trường bằng cây đèn pin dài. Rồi thêm mấy ánh đèn pin khác cũng chĩa vào.

Họ thấy có máu, có mùi whiskey, thế là đủ để lấy còng ra.

CHƯƠNG 3

Dòng sông đà Mississippi hững hờ chảy từ Tennessee về phía Nam và đổ một mạch thẳng tắp như nhân tạo suốt gần 50 cây số xuyên qua trung tâm Hạt Tyler, Mississippi. Cách ranh giới Hạt Ford tầm ba cây số, nó bắt đầu uốn khúc và đến khi rời Hạt Tyler, trông chẳng khác gì con rắn thiêng đang cuộn mình chẳng muốn đi đâu nữa. Nước sông giờ đậm đặc, đầy bùn, chảy chậm, rất nhiều khúc nông. Dòng sông đà này không nổi tiếng vì vẻ đẹp của nó. Bùn, cát, sỏi nối đuôi nhau tạo thành những hàng dài uốn lượn đến vô tận dọc lòng sông. Hàng trăm bãi lầy và lạch nhỏ kéo con sông chảy chậm như rùa.

Hành trình qua Hạt Ford của nó khá ngắn, chỉ uốn mình ôm gọn một vòng khá tròn quanh hai ngàn mẫu đất ở góc Đông Bắc của Hạt, rồi tiếp tục hướng về Tennessee. Vòng tròn này gần như hoàn hảo, gần như định tách ly bãi đất này thành một hòn đảo, nhưng đến phút cuối lại đổi ý và trở mình quay đi, để lại một dải đất hẹp nối bãi với bờ.

Bãi đất giữa vòng tròn sông này được gọi là cồn Padgitt, một cánh rừng rậm rạp giữa vùng nước, với những cây thông, bạch đàn, du, sồi chen chúc nhau, xen kẽ vô số đầm lầy và lạch nhỏ

chằng chịt mà hiếm khi liên kết. Trên cồn chỉ có một ít đất đã được khai hoang nên cũng chẳng có gì để thu hoạch, ngoại trừ rất nhiều gỗ và bắp của dân chế whisky lậu. Thêm cả cần sa nữa, nhưng đấy là chuyện sau này mới có.

Trên dải đất hẹp nối ra cồn, có một con đường lát nhựa, lúc nổi lúc chìm, nhưng luôn có người trông coi. Con đường này được chính quyền hạt xây dựng từ lâu, nhưng hiếm ai dám dùng đến.

Cả cồn này thuộc sở hữu của gia tộc Padgitt kể từ thời Tái Thiết, khi Rudolph Padgitt, dân Nam tiến sau Nội chiến, đến đây không lâu sau chiến tranh và nhận ra rằng mọi mảnh đất đẹp đều đã có chủ. Ông ta đã tìm kiếm trong vô vọng, chẳng thấy chỗ nào hay ho, rồi tình cờ tìm được cái cồn đầy rắn rết này. Nhìn trên bản đồ, nó có vẻ đầy triển vọng. Ông đã gom một nhóm nô lệ vừa được giải phóng, xách súng và mã tấu mở đường lên cồn. Nhưng thật ra đâu ai ngoài ông muốn cái bãi đó.

Rồi Rudolph cưới một cô gái bán hoa trong vùng và bắt đầu đốn gỗ trên cồn. Vì sau Nội chiến, nhu cầu gỗ rất lớn, nên chẳng mấy chốc, ông ta phất lên nhanh chóng. Bà vợ của ông có vẻ rất mắn đẻ và chẳng mấy chốc ông ta đã có cả đàn Padgitt con. Một người da đen làm cho ông đã học được cách chưng cất rượu. Thế là Rudolph lại chuyển sang trồng bắp, nhưng không để lại ăn, cũng chẳng bán, mà dùng nó để sản xuất một trong những loại whisky ngon nhất vùng Hạ Nam Hoa Kỳ.

Rudolph nấu rượu lậu suốt 30 năm, cho đến khi ông chết vì xơ gan vào năm 1902. Thế là cả gia tộc Padgitt thừa hưởng cồn đất, tiếp tục làm tốt việc xẻ gỗ và nấu rượu lậu. Trên cồn có gần chục nhà nấu rượu, tất cả đều được bảo vệ cẩn mật, rất kín đáo, vận hành trơn tru đến mức hoàn hảo.

Nhà Padgitt nổi tiếng vì thứ rượu của mình, dù trong ngành này này, càng kín tiếng thì càng tốt. Họ rất kín đáo và đặt nặng tình thân gia tộc, cực kỳ khép kín và luôn sợ có kẻ nào đó xâm nhập vào vương quốc nhỏ này rồi phá hoại lợi nhuận khổng lồ của họ. Họ tự nhận mình là tiều phu, vì họ cũng xẻ gỗ và phát đạt nhờ ngành này. Công ty Gỗ Padgitt rất có tiếng ở lưu vực khúc sông này. Họ tự nhận mình là người làm ăn lương thiện, đóng thuế đầy đủ, cho con cái học trường công này nọ.

Trong thập niên 1920, 1930, khi rượu không còn nằm trong danh mục cấm, họ nấu bao nhiêu rượu vẫn không đủ cầu. Rượu nhà Padgitt được chuyển trong những thùng gỗ sồi qua sông Mississippi, rồi lên xe tải hướng về miền Bắc, đến tận Chicago. Trưởng tộc kiêm chủ tịch kiêm giám đốc sản xuất và tiếp thị là một ông già cứng cựa đúng kiểu chiến binh, Clovis Padgitt, con trai trưởng của Rudolph. Ngay từ nhỏ, ông Clovis đã được dạy rằng cái đem lại lợi nhuận cao nhất là cái không bị đánh thuế. Đó không chỉ là bài học đầu tiên mà còn là bài học lớn nhất của ông. Bài học thứ hai là chỉ giao dịch bằng tiền mặt. Clovis là dân mê tiền mặt và tìm mọi cách lách thuế, thậm chí người ta đồn rằng nhà Padgitt có nhiều tiền hơn cả kho bạc Bang Mississippi.

Năm 1938, ba nhân viên thuế vụ đã lặng lẽ vượt sông trên một con thuyền nhỏ thuê của dân trong vùng để dò cho ra nguồn gốc tài sản nhà Padgitt. Cuộc đột nhập kín đáo của họ sai đủ đường, sai ngay từ ý tưởng ban đầu. Chẳng hiểu vì sao, họ chọn vượt sông vào lúc nửa đêm. Kết cục chờ sẵn cho họ là bị phanh thây và chôn thật sâu dưới lòng đất.

Đến năm 1943, một sự kiện lạ xảy ra ở Hạt Ford, một người ngay thẳng được bầu làm cảnh sát trưởng. Hoặc là Hạt cảnh trưởng, như ông ta thường được biết đến. Ông tên là Koonce Lantrip, thật ra ông không ngay thẳng đến mức ấn tượng như tôi vừa nói, nhưng ít ra bài phát biểu của ông thể hiện quá rõ như thế. Ông thề sẽ chấm dứt nạn tham nhũng, thanh lọc bộ máy chính quyền hạt, chặn đứng dân nấu và bán rượu lậu, bao gồm cả nhà Padgitt. Nói thế là quá hay rồi, và kết quả là Lantrip thắng cử với cách biệt tám phiếu.

Những người ủng hộ ông háo hức chờ đợi, miệt mài chờ đợi, và sáu tháng sau khi nhậm chức, ông đã quy tụ các cảnh sát viên vượt sông bằng cây cầu duy nhất lúc đó, một cây cầu gỗ được chính quyền hạt xây từ năm 1915 do yêu cầu cứng rắn của Clovis. Thỉnh thoảng nhà Padgitt cũng dùng nó vào mùa xuân, lúc nước sông dâng cao. Ngoài người nhà họ ra, không ai được phép đi qua cây cầu đó.

Hai cảnh sát viên bị bắn ngay đầu, còn xác của Lantrip thì chưa hề được tìm thấy. Thật ra, ba người làm nhà Padgitt đã lôi xác Lantrip ra một đầm lầy, đích thân Buford, con trưởng của

Clovis chỉ đạo việc này.

Vụ tàn sát cảnh sát làm dậy sóng Mississippi suốt nhiều tuần, và thống đốc đe dọa sẽ gửi Vệ binh Quốc gia đến. Nhưng ngay lúc đó, Thế chiến nổ ra, thu hút hết sự chú ý của người dân cả nước. Vệ binh Quốc gia đâu còn đủ sức để lo việc này, và những người có thể dẹp yên nhà Padgitt cũng chẳng mấy bận tâm. Bãi biển Normandy hấp dẫn hơn cái bãi cồn này nhiều.

Với kinh nghiệm to lớn rút ra từ vị cảnh sát trưởng trung thực, dân tình Hạt Ford giờ bầu lên một ông theo kiểu cũ.

Ông ta tên là Mackey Don Coley, bố ông ta từng là cảnh sát trưởng thời những năm 1920, khi Clovis cai quản cồn Padgitt. Clovis và cụ Coley thời đó khá thân thiết và ai cũng biết cựu cảnh sát trưởng giàu có nhờ nhắm mắt làm ngơ cho lão Padgitt chuyển hàng ra khỏi hạt. Khi Mackey Don tuyên bố tranh cử chức cảnh sát trưởng, Buford liền gửi ngay cho ông 50.000 tiền mặt. Lần đó, Mackey Don thắng cử áp đảo. Đối thủ của ông theo đường hướng ngay thẳng mà.

Ở Mississippi này, người ta tin chắc dù hiếm khi nói ra, rằng một cảnh sát trưởng tốt thì phải bẩn một chút mới bảo đảm được trật tự trị an. Rượu lậu, gái điếm, bài bạc là những chuyện tất yếu của cuộc sống, và một cảnh sát trưởng tốt phải đủ hiểu biết trong mấy chuyện này để quản lý đám dân chơi và bảo vệ các Cơ Đốc nhân tốt lành. Làm sao mà diệt tận gốc được những thói xấu này chứ, vậy nên cảnh sát trưởng phải điều phối được cái

dòng chảy tội lỗi này thật êm thật khéo. Với những nỗ lực điều phối của mình, Mackey Don còn kiếm được thêm chút đỉnh từ những kẻ cung cấp các dịch vụ tội lỗi này. Ông ta đã kỳ vọng như thế. Hầu hết người bỏ phiếu đã kỳ vọng như thế. Chẳng người ngay thẳng nào có thể sống nhờ mức lương còm cõi. Chẳng người ngay thẳng nào có thể len lỏi vào bóng tối của thế giới ngầm.

Suốt cả trăm năm sau Nội chiến, hầu như mọi cảnh sát trưởng Hạt Ford đều nằm trong túi nhà Padgitt, bị mua chuộc bằng cả đống tiền, mua chuộc trắng trợn. Người ta đồn là Mackey Don Coley nhận một trăm ngàn đô mỗi năm, và đến dịp tranh cử, thì muốn bao nhiêu cũng được. Nhà Padgitt còn vung tay cho nhiều chính khách khác nữa để họ im lặng và duy trì chức vụ để im lặng. Nhà Padgitt đâu yêu cầu gì nhiều, chỉ muốn được yên thân trên cồn của họ thôi.

Sau Thế chiến II, nhu cầu rượu lậu cứ giảm dần đều. Vì nhiều thế hệ nhà Padgitt đã được dạy để hoạt động ngoài vòng pháp luật, nên Buford và cả gia tộc bắt đầu tản ra làm đủ loại giao thương phi pháp. Chỉ bán mỗi gỗ thì kinh doanh ảm đạm, lại bị ảnh hưởng bởi quá nhiều yếu tố thị trường, và quan trọng nhất là không kiếm được lượng tiền mà gia tộc kỳ vọng. Thế là họ bán súng, xe ăn trộm, tiền giả, mua rồi đốt nhà để kiếm tiền bảo hiểm. Suốt 20 năm, họ vận hành một nhà thổ lợi nhuận khủng ở rìa Hạt Ford, cho đến khi nó bị cháy một cách bí ẩn vào năm 1966.

Nhà Padgitt cực kỳ sáng tạo và tàn nhẫn, họ luôn bàn mưu lập kế tìm cơ hội kiếm tiền, luôn chực chờ cướp của kẻ khác. Có lời đồn lan khá rộng vào thời đó, rằng nhà Padgitt thuộc Dixie Mafia, một băng có cơ cấu mở, gồm đủ loại trộm cướp liều lĩnh tác oai tác quái ở vùng Thâm Nam vào những năm 1960. Những lời đồn này chưa hề được chứng minh mà thật sự rất nhiều người chẳng tin chuyện này, đơn giản bởi nhà Padgitt quá kín đáo, không chịu chia sẻ chuyện làm ăn với ai bao giờ. Dù gì, lời đồn này vẫn lan xa trong vài năm, và nhà Padgitt là chuyện cửa miệng ở các quán xá quanh quảng trường Clanton. Chẳng ai xem nhà Padgitt là anh hùng, nhưng huyền thoại thì đúng.

Năm 1967, một cậu trai trẻ nhà Padgitt chạy đến Canada để trốn nhập ngũ. Cậu ta dạt đến California, chơi thử cần sa và nhận ra mình có khiếu vụ này. Sau vài tháng, cậu chàng nhớ nhà và mò về cồn Padgitt. Cậu ta mua theo bảy cân cần sa, chia cho các anh em họ của mình, và ai cũng thấy hứng thú với thứ này. Cậu ta giải thích rằng khắp cả nước, nhất là ở California, thứ này được tiêu thụ như điên. Để các bạn biết, Mississippi khi nào cũng đi sau xu hướng cả nước ít nhất là năm năm.

Trồng thứ này chẳng tốn mấy chi phí, rồi vận chuyển đến các thành phố có nhu cầu cao là kiếm được bộn bạc. Bố cậu ta, Gill Padgitt, cháu của Clovis, đã thấy ra cơ hội, và chẳng mấy chốc, các cánh đồng ngô được đổi sang trồng cần sa. Một dải đất dài 600 mét được phát quang để làm đường băng cho phi cơ mà nhà Padgitt mới tậu. Trong vòng một năm, những chuyến bay hằng

ngày đến ngoại ô Memphis và Atlanta giúp hình thành mạng lưới tiêu thụ. Và với bàn tay của họ, cuối cùng cần sa cũng trở nên phổ biến ở vùng Thâm Nam.

Ngành rượu lậu phế lắm rồi. Ngành nhà thổ coi như bỏ. Nhà Padgitt còn bắt mối ở Miami và Mexico, tiền đổ về cả tấn. Suốt nhiều năm, chẳng ai ở Hạt Ford biết nhà Padgitt đang buôn thuốc phiện. Mà họ cũng có bao giờ bị bắt đâu. Chưa người nhà Padgitt nào bị truy tố vì tội liên quan đến ma túy.

Nói rõ luôn, chưa một người nhà Padgitt nào bị bắt. Suốt cả trăm năm buôn rượu lậu, cướp bóc, buôn súng, bài bạc, làm tiền giả, mở nhà thổ, hối lộ, thậm chí giết người và cuối cùng là sản xuất ma túy, mà chẳng có một ai, không một ai bị bắt. Vì họ là một hội khôn lanh, cẩn thận, chu đáo, kiên nhẫn trong từng đường đi nước bước.

Thế mà đến một ngày, Danny Padgitt, con út của Gill, bị bắt vì tội cưỡng hiếp và sát hại Rhoda Kassellaw.

CHƯƠNG 4

Hôm trước, ông Deece kể lại là khi biết chắc Rhoda đã chết, ông đành để cô nằm trên xích đu trước hiên nhà. Ông vào phòng tắm, thay đồ tắm rửa, máu của cô chảy dài đẫm cả sàn. Ông thay bộ đồ đi làm vào, chờ cảnh sát và xe cứu thương đến. Ông ngồi đó nhìn về phía nhà Rhoda, trên tay cầm khẩu shotgun đã lên đạn, sẵn sàng bắn ngay bất kỳ thứ gì động đậy, nhưng chẳng có động tĩnh gì. Rồi xa xa, văng vẳng tiếng còi hụ.

Vợ ông đang ở với bọn trẻ trong phòng ngủ sau nhà, ôm chặt chúng dưới lớp chăn kín mít. Michael cứ hỏi mẹ nó đâu, và người đó là ai? Nhưng Teresa thì quá sốc đến nỗi không thốt lên tiếng nào. Cô bé chỉ có thể rên rỉ thảm não khi mút mấy ngón tay như thể chúng đang bị đóng băng tê cứng.

Chẳng mấy chốc, đường Benning đã náo động với những ánh đèn đỏ xanh của cảnh sát. Họ chụp hình kỹ thi thể của Rhoda rồi mới đưa đi. Một đội cảnh sát do cảnh sát trưởng Coley dẫn đầu vào khám xét trong nhà cô. Ông Deece, tay vẫn cầm súng, tường thuật mọi chuyện cho viên cảnh sát điều tra, rồi cho cảnh sát trưởng.

Vừa qua 2 giờ sáng, một cảnh sát đến báo là đã thông báo cho

một bác sĩ trong thành phố và nên đưa hai đứa bé đến đó khám xem thế nào. Michael bám chặt ông Deece, còn Teresa thì nằm trong lòng vợ ông, ở băng ghế sau xe tuần tra. Đến bệnh viện, hai đứa trẻ được cho một liều an thần nhẹ, rồi cho nằm nghỉ ở một phòng riêng. Các y tá đem bánh quy và sữa đến để chúng ăn vặt cho đến khi ngủ thiếp đi. Đến sáng, một người dì từ Missouri tới và đón chúng đi.

Điện thoại tôi đổ chuông ngay trước nửa đêm. Wiley Meek, thợ ảnh của tòa soạn gọi. Ông nghe được vụ này qua tần số của cảnh sát và đã đến chực sẵn ở nhà giam hòng lấy hình nghi phạm. Ông bảo là cảnh sát dày đặc, nghe giọng có vẻ ông phấn khích đến phát cuồng rồi. "Nhanh đến đây," Wiley giục tôi. "Đây có thể là một vụ cực lớn đấy."

Lúc đó, tôi sống trên một gara kế bên biệt thự Hocutt, một lâu đài theo kiểu kiến trúc Victoria đang ngày càng đổ nát. Trong nhà đó toàn là các ông bà cụ nhà Hocutt, ba bà, một ông, và họ thay nhau vào vai chủ nhà với tôi. Biệt thự rộng năm mẫu của họ cách quảng trường Clanton năm khối nhà. Nó được xây từ cả trăm năm trước bằng tiền của gia tộc họ. Khu đất rộng phủ đầy cây cối, những thảm hoa phát triển quá mức, những bãi cỏ dại dày đặc, và đủ thú vật để làm khu bảo tồn. Ở đây có thỏ, sóc, chồn hôi, chồn túi, gấu mèo, cả triệu con chim, và một cơ số không ít rắn màu đen và lục dù mấy ông bà già bảo tôi là chúng không có độc. Ngoài ra còn có vài chục con mèo, nhưng tuyệt nhiên không có con chó nào. Nhà Hocutt ghét chó. Con mèo nào

cũng có tên, và trong hợp đồng thuê nhà của tôi còn có cả điều khoản là tôi phải tôn trọng lũ mèo này.

Dĩ nhiên là tôi làm đúng như thế. Căn hộ ở tầng áp mái có bốn phòng này thật rộng rãi sạch sẽ mà chỉ tốn của tôi có 50 đô mỗi tháng. Với cái giá đó, nếu họ muốn tôi tôn trọng mèo của họ, tôi sẵn sàng.

Ông cụ thân sinh của các bô lão trong nhà này là một tiến sĩ lừng danh ở Clanton suốt hàng chục năm. Mẹ của họ đã qua đời khi sinh con, và theo lời đồn đã thành huyền thoại trong vùng thì sau cái chết của bà, ông Hocutt chăm sóc đàn con đến mức ám ảnh. Để bảo vệ họ khỏi thế giới bên ngoài, ông dựng lên một trong những chuyện dối trá khủng nhất từng có ở Hạt Ford. Ông giải thích với các con rằng, trong nhà họ có bệnh điên gia truyền, nên họ tuyệt đối không nên kết hôn để khỏi truyền lại một dòng giống khùng điên thảm hại. Các con của ông tôn sùng ông, tin tưởng ông, và có lẽ cũng không mấy tỉnh táo cân bằng cho lắm. Họ không hề kết hộn. Người con trai, Max Hocutt, đã 81 tuổi. Hai bà sinh đôi, Wilma và Gilma, đã 75, còn Melberta, bà út thì 73 và đã lú lẫn hoàn toàn.

Vào nửa đêm hôm đó, khi tôi bước xuống cầu thang gỗ để lên đường, hình như bà Gilma đã nhìn trộm từ cửa sổ căn bếp. Có một con mèo nằm ngủ trên bậc thang, ngay hướng tôi đi, nhưng tôi kính cẩn bước qua, không dẫm lên nó, dù thật lòng tôi chỉ muốn đá cho nó bay ra đường.

Trong gara có hai chiếc xe. Của tôi là chiếc Spitfire, được phủ bạt để tránh lũ mèo. Bên cạnh là chiếc Mercedes đen bóng, trên cửa có hình một cặp dao chặt thịt trắng đỏ. Dưới cặp dao là số điện thoại màu xanh lá. Có người từng bảo ông Max Hocutt là ông có thể thu lại toàn bộ chi phí mua xe, xe gì cũng được, nếu dùng nó phục vụ cho việc làm ăn và sơn logo gì đó lên cửa xe. Thế là ông mua một chiếc Mercedes mới và làm thợ mài dao. Ông nói dụng cụ của ông luôn để sẵn trong xe.

Chiếc xe này đã mua được mười năm mà lái chưa đến 13.000 cây số. Bố của họ còn dạy rằng phụ nữ mà lái xe là tội ác, vậy nên ông Max làm tài xế cho cả nhà.

Tôi lướt con xe Spitfire ra con đường sỏi, vẫy tay chào bà Gilma đang nhìn hé từ sau tấm rèm. Bà liền quay đầu và biến mất. Nhà giam cách đây sáu khối nhà thôi, và tôi mới ngủ được nửa tiếng trước khi bị Wiley đánh thức.

Khi tôi đến nơi, Danny Padgitt đang bị lấy dấu vân tay. Văn phòng cảnh sát trưởng nằm ở sảnh trước dãy buồng giam, chỗ đó đang chật kín cảnh sát viên, quân dự bị, lính cứu hỏa tình nguyện và tất cả những ai bắt được sóng liên lạc của cảnh sát. Wiley Meek gặp tôi ở lối vào.

"Là Danny Padgitt!" ông nói, giọng đầy phấn khích.

Tôi khựng lại một giây, cố lục lọi trong đầu. "Là ai?"

"Danny Padgitt, dân ở cồn."

Tôi mới đến Hạt Ford chưa được ba tháng và chưa gặp người

nhà Padgitt nào. Họ vốn kín tiếng. Nhưng tôi có nghe vài mẩu chuyện về huyền thoại gia tộc họ. Kể chuyện về nhà Padgitt gần như đã thành một kiểu giải trí ở Hạt Ford này.

Wiley liến thoắng khoe, "Tôi đã chụp được mấy tấm cực đẹp vừa đúng lúc họ lôi hắn ra khỏi xe. Trên người hắn còn dính máu. Ảnh đẹp cực kỳ nhé! Cô gái đó chết rồi!"

"Cô gái nào cơ?"

"Cái cô bị giết ấy. Hắn còn hiếp cô ấy nữa, ít nhất là họ đồn thế."

Danny Padgitt, miệng tôi lẩm nhẩm cái tên đó còn đầu óc thì miên man với câu chuyện giật gân này. Tôi đã mường tượng về tít báo, chắc chắn sẽ là cái tít bạo nhất của tờ *Thời báo* suốt mấy năm qua. Ông Bớt già có thói quen tránh mấy chuyện giật gân và đã rơi vào cảnh phá sản. Kế hoạch của tôi thì khác.

Chúng tôi chen được vào trong và dáo dác tìm cảnh sát trưởng Coley. Tôi đã gặp ông hai lần kể từ khi làm chủ tờ *Thời báo*, và tôi thấy ấn tượng với bản tính nồng hậu và lịch sự của ông. Ông luôn miệng gọi tôi là anh, và gặp ai cũng nở nụ cười. Ông làm cảnh sát trưởng kể từ vụ thảm sát năm 1943, giờ cũng đã bảy mươi rồi. Dáng người ông dong dỏng, hơi gầy, không có cái bụng béo của hầu hết cảnh sát trưởng ở miền Nam. Nhìn bên ngoài, ông đúng là một quý ông, và hai lần trước gặp ông, tôi đều dấy lên thắc mắc tại sao một người tử tế như vậy lại biến chất cơ chứ. Cuối cùng, Coley cũng xuất hiện, đi cùng một cảnh

sát viên, và tôi dặn lòng phải quả quyết, liền bước thẳng tới chỗ ông.

"Cảnh sát trưởng, cho tôi hỏi vài câu thôi," tôi nói với giọng đầy nghiêm nghị. Cho tới giờ, chưa có phóng viên nào vào được đây. Lính của ông, cả biên chế, dự bị và dân quân mặc đồng phục tự may ở nhà, tất cả đều im lặng và ném cho tôi cái nhìn khinh khỉnh. Với họ, tôi vẫn là thằng nhóc giàu có láo xược dùng thủ đoạn nào đó để chiếm đoạt tờ báo của họ. Tôi là kẻ ngoại bang, chẳng có quyền gì mà xông vào đặt câu hỏi trong những lúc như thế này.

Cảnh sát trưởng Coley nhìn tôi mỉm cười như thường lệ, như thể những cuộc gặp lúc nửa đêm này là chuyện thường ở huyện. "Vâng, chào anh Traynor." Giọng ông có một điệu trầm nghe rất dễ chịu. Một người như thế làm sao có thể nói dối, hay là không?

"Ông có thể nói được gì về vụ giết người?"

Coley khoanh tay trước ngực, cho tôi vài thông tin căn bản kiểu cảnh sát. "Nữ, da trắng, 31 tuổi, đã bị tấn công ở nhà trên đường Benning. Bị hiếp, đâm, giết. Chưa nói chuyện với người thân của cô ấy thì tôi chưa tiết lộ tên tuổi được."

"Và ông đã bắt giữ một người?"

"Phải, anh à, nhưng giờ tôi không nói cụ thể được. Anh vui lòng chờ thêm vài tiếng nữa. Chúng tôi vẫn đang điều tra. Thế thôi, anh Traynor."

"Người ta đồn là ông đã bắt giữ Danny Padgitt."

“Tôi không quan tâm tin đồn, anh Traynor à. Ngành của tôi không làm kiểu đó. Của anh cũng thế mà.”

Vậy là tôi và Wiley lên đường đến bệnh viện, đi quanh dò la khoảng một tiếng mà chẳng tìm được gì để viết bài, rồi lái xe đến hiện trường vụ án ở đường Benning. Cảnh sát đã chăng dây phong tỏa ngôi nhà, vài người hàng xóm đang tụm lại với nhau trong im lặng cạnh bên dải dây vàng gần hộp thư đầu ngõ. Chúng tôi lặng lẽ tiến tới gần chỗ họ, dỏng tai mà chẳng nghe được gì. Có lẽ họ quá choáng váng không mở miệng nổi. Sau vài phút nhìn quanh ngôi nhà, chúng tôi đành lẩn ra xe đi về.

Wiley có một người cháu họ làm cảnh sát viên bán thời gian, anh chàng đang đứng gác ở nhà Deece cùng với nhóm cảnh sát đang xem xét và lấy mẫu ở hiên trước và chiếc xích đu nơi Rhoda trút hơi thở cuối cùng. Chúng tôi kéo anh ấy ra sau tán bằng lăng nhà Deece và anh kể hết mọi chuyện. Dĩ nhiên tất cả đều là thông tin chưa chính thức, như thể mấy chuyện máu me cướp hiếp giết này không nằm ngay của miệng dân Hạt Ford vậy.

Quanh quảng trường ở Clanton, có ba quán ăn nhỏ, hai cho dân da trắng và một cho dân da đen. Wiley đề xuất chúng tôi nên đến sớm kiếm một bàn mà nghe ngóng.

Tôi không ăn sáng vì vào giờ họ phục vụ bữa sáng thì thường tôi vẫn chưa ra khỏi giường. Tôi thức đến nửa đêm làm việc cũng được, nhưng lại không muốn dậy khi mặt trời chưa đứng bóng. Tôi cũng sớm nhận ra rằng, một trong những lợi điểm của

việc có một tờ tuần báo nhỏ là tôi có thể tùy ý làm việc muộn và đi ngủ muộn. Các bài báo viết giờ nào chẳng được, miễn là kịp hạn chót để in. Ngay cả ông Bớt cũng có tiếng là đến gần trưa mới ló mặt ở tòa soạn, và dĩ nhiên, ngay sau đó là lên đường đến nhà tang lễ. Tôi thích kiểu giờ giấc làm việc của ông.

Ngày thứ hai tôi sống ở căn hộ tại tầng trên gara nhà Hocutt, bà Gilma đã đập cửa phòng tôi lúc 9:30 sáng. Đập liên hồi, đập gấp gáp. Cuối cùng tôi cũng trườn ra được căn bếp nhỏ, với mỗi chiếc quần lót trên người, và thấy bà đang cố nhìn vào qua mấy khe rèm. Bà nói là bà đã định báo cảnh sát rồi. Mấy ông bà nhà Hocutt còn lại thì đi qua đi lại dưới lầu, quan sát xe của tôi, lòng chắc mẩm thế nào cũng đã có vụ án gì đó xảy ra.

Bà Gilma hỏi nãy giờ tôi làm gì. Tất nhiên là tôi đang ngủ thì nghe thấy ai đó đập cửa ầm ầm rồi. Thế là bà hỏi tiếp tại sao vào lúc 9:30 sáng thứ Tư mà tôi vẫn còn ngủ chứ. Tôi dụi mắt, cố nghĩ ra câu trả lời nào đủ thỏa đáng cho bà. Đột nhiên tôi nhận ra mình gần như đang khỏa thân đứng trước một trinh nữ 77 tuổi. Hình như bà cứ nhìn cặp giò của tôi suốt.

Bà giải thích cho tôi hay là cả nhà bà dậy từ năm giờ sáng. Ở Clanton, chẳng ai ngủ đến 9:30 cả. Bà không biết tôi có say rượu không? Và mọi người trong nhà, ai cũng lo lắng, chuyện chỉ có vậy thôi. Sau khi thưa với bà là tôi tỉnh táo khỏe khoắn cả, rồi với giọng còn ngái ngủ, tôi vừa đóng cửa tiễn bà vừa cảm ơn cả nhà đã quan tâm, nhưng tôi là người thường dậy sau 9:00 sáng.

Tôi có ghé Trà Quán vài lần vào cuối giờ sáng để uống cà phê muộn, cũng đã ăn trưa ở đó một lần. Là chủ một tờ báo, tôi thấy mình cần phải xã giao, phải chường mặt ra vào những giờ thích hợp vì một ý thức rõ ràng rằng mình sẽ viết về Hạt Ford, cư dân và sự việc ở đây trong nhiều năm trời nữa.

Wiley nói các quán ăn sẽ kín chỗ vào đầu giờ sáng. "Luôn là thế sau các trận bóng và tai nạn giao thông," ông cho biết.

"Còn giết người thì sao?" tôi hỏi.

"Lâu rồi chưa có vụ này."

Wiley nói đúng, mới hơn sáu giờ sáng một chút mà quán đã đông nghẹt. Wiley chào hỏi bắt tay vài người, vung ra mấy câu chửi thề. Ông là dân gốc Hạt Ford và quen biết tất cả mọi người. Tôi thì gật đầu, mỉm cười và nhận lấy những cái nhìn lạ lẫm. Chuyện này phải mất vài năm. Dân tình thân thiện nhưng luôn cảnh giác với người ngoài.

Chúng tôi tìm được hai chỗ ở quầy, và tôi gọi một ly cà phê. Chỉ cà phê, không gọi món ăn gì. Cô phục vụ chẳng vui gì với chuyện đó. Nhưng cô ấy lại nồng hậu với Wiley khi ông ngẫm nghĩ và gọi trứng tráng, thịt muối, bánh quy, yến mạch, và một miếng bánh khoai tây, đủ lượng cholesterol quật chết một con lừa luôn ấy.

Người ở quán tám chuyện về vụ hiếp giết, chỉ mỗi chuyện đó mà thôi. Nếu chuyện thời tiết mà đã đủ để người ta cãi nhau, thì một tội ác kinh tởm đến thế này sẽ gây xôn xao đến thế nào. Nhà

Padgitt nắm hạt này cả trăm năm, giờ đã đến lúc cho họ vào tù. Nếu cần thì gọi Vệ binh Quốc gia bao vây cồn. Phải cho Mackey Don ra rìa, ông ta ăn lộc của bọn họ từ lâu, để đám nghiện chạy nhong nhong ngoài đường và nghĩ chúng đứng trên luật pháp, rồi giờ chuyện thành ra thế này đây.

Ít ai nói gì về Rhoda, vì ít ai biết gì về cô. Có vài người biết cô hay tới những phòng trà ven xa lộ nội bang. Có người nói là cô từng ngủ với một tay luật sư trong vùng, dù không rõ anh ta tên gì. Chỉ toàn là tin đồn thôi.

Tin đồn cứ thế đặc quánh trong không khí Trà Quán. Vài ông to miệng thay nhau làm chủ trì câu chuyện, còn tôi thì ngạc nhiên khi thấy họ quá tùy tiện xác định thật giả. Và tệ cái nữa là tôi đâu thể in hết cả lô lốc những chuyện đồn đãi chúng tôi nghe được ở đây lên báo.

CHƯƠNG 5

Nhưng dù gì, chúng tôi cũng in được khá là nhiều chuyện. Tít báo to đùng nói rõ Rhoda Kassellaw đã bị cưỡng hiếp và giết hại, và Danny Padgitt đã bị bắt vì bị tình nghi là thủ phạm. Đi quanh khu vực tòa án, nhìn đâu cũng có thể đọc được cái tít đó dù đứng cách xa hơn chục mét.

Dưới tít báo là hai tấm ảnh, một là hình của Rhoda chụp hồi cuối cấp ba và một của Padgitt khi hắn bị còng tay đưa vào đồn. Tối hôm đó, Wiley đã phục kích quá chuẩn. Một tấm hình hoàn hảo với cái nhìn khinh khỉnh của Padgitt hướng về ống kính. Trên trán và áo hắn lộ rõ những vết máu. Chỉ cần nhìn ảnh là có thể thấy rõ hắn bẩn tính, xấu xa, say xỉn và chắc chắn là có tội. Wiley nghĩ chúng tôi nên nhẹ tay thôi, nhưng tuổi 23 của tôi vẫn còn quá trẻ để biết kiềm chế. Tôi muốn độc giả của mình phải thấy và biết được sự thật. Tôi muốn báo bán chạy.

Tấm ảnh Rhoda tôi có được nhờ một người chị của cô ở Missouri. Khi tôi mới gọi điện cho cô ấy lần đầu, cô chẳng muốn nói gì và cúp máy ngay lập tức. Lần thứ hai tôi gọi, cô ấy chịu tiết lộ đôi chút, cho biết bọn trẻ đang được bác sĩ chăm sóc, tang lễ sẽ cử hành vào chiều thứ Ba tại một thành phố nhỏ gần

Springfield, và còn cho biết cả nhà cô ấy hận Bang Mississippi tận xương tủy.

Tôi thành kính phân ưu rồi nói rằng tôi là dân Syracuse, là người tốt. Cuối cùng, cô ấy đồng ý gửi cho tôi tấm ảnh.

Mượn danh nghĩa một đống nguồn tin không tên, tôi thuật lại chi tiết chuyện xảy ra vào tối thứ Bảy ở đường Benning. Chuyện gì chắc chắn là tôi viết tới bến. Chuyện gì không chắc thì tôi vòng vo với những lời ám chỉ đủ để chuyển tải những gì tôi nghĩ là đã xảy ra. Baggy Suggs đã cố nhịn uống đủ lâu để tỉnh táo đọc lại và biên tập bài báo. Phải nhờ đến ông để đảm bảo chúng tôi khỏi bị kiện hoặc bị bắn.

Trên trang hai là bản đồ hiện trường vụ án và một tấm ảnh lớn chụp nhà của Rhoda, một tấm vào buổi sáng sau án mạng với cả đống xe cảnh sát và dải băng vàng giăng khắp nơi. Trên tấm ảnh còn có mấy chiếc xe đạp và đồ chơi của hai bé Michael và Teresa đang nằm vương vãi ở sân trước. Có thể nói tấm ảnh này còn kinh khủng hơn cả ảnh chụp thi thể, thứ tôi đã cố kiếm nhưng không được. Tấm ảnh thể hiện rõ ràng là trong nhà có trẻ con, và chúng bị liên lụy trong một tội ác quá tàn bạo đến nỗi hầu hết cư dân Hạt Ford vẫn cố không tin có chuyện đó.

Bọn trẻ đã thấy những gì? Đấy là câu hỏi nhức nhối cho tất cả.

Tôi không trả lời câu hỏi đó trên báo, nhưng cũng ám chỉ hết mức có thể. Tôi mô tả ngôi nhà và bài trí nội thất. Dùng một nguồn tin không tên, tôi ước tính phòng của bọn trẻ cách phòng

Rhoda khoảng 10 mét, kể rằng chúng đã chạy ra khỏi nhà trước Rhoda và đã trong tình trạng sốc nặng khi đến được nhà hàng xóm, một bác sĩ ở Clanton đã khám cho chúng và chúng đang được trị liệu ở nhà ngoại tại Missouri. Chúng đã thấy khá nhiều.

Liệu chúng có ra tòa làm chứng không? Baggy bảo là không đời nào có chuyện đó, đơn giản vì chúng quá nhỏ. Nhưng tôi vẫn lôi câu hỏi đó ra để cho các độc giả có thêm chuyện mà bàn luận và đau lòng. Sau khi bàn về khả năng phải đưa bọn trẻ đến tòa, tôi lại kết đoạn bằng ý kiến "chuyên gia" đồng ý rằng chuyện đó khó có xảy ra. Baggy rất thích thú khi được phong ngầm như thế.

Cáo phó của Rhoda được tôi viết dài hết sức có thể, mà với truyền thống của tờ *Thời báo*, đấy cũng chẳng phải chuyện lạ lùng gì.

Chúng tôi bắt đầu in lúc 10:00 tối thứ Ba, và báo sẽ lên kệ ở quảng trường Clanton trước 7:00 sáng thứ Tư. Vào thời điểm tòa soạn phá sản, số người đặt mua báo chỉ là 1200, nhưng sau một tháng dưới sự lãnh đạo của tôi, con số đó đã lên đến gần 2500, và lần này, tôi thấy in 5000 tờ là chuyện khả thi và hợp lý.

Với vụ án mang Rhoda Kassellaw, chúng tôi in 8000 tờ và đem rải khắp nơi, từ cửa các quán ăn gần quảng trường cho đến sảnh tòa án, bàn làm việc của các công chức hạt và các sảnh ngân hàng. 3000 tờ còn lại được gửi đến những người đặt báo tiềm năng, một nỗ lực quảng bá đặc biệt lâu lâu mới có lần.

Theo Wiley, đây là vụ án mạng đầu tiên sau tám năm. Và thủ phạm lại là người nhà Padgitt! Một câu chuyện giật gân kinh khủng, đồng thời là cơ hội vàng trong mắt tôi. Chắc chắn tôi sẽ khai thác hết sự giật gân, chấn động và máu me của nó. Tôi biết đây là kiểu làm báo rẻ tiền mà vẫn bất chấp.

Nhưng tôi không ngờ phản ứng lại nhanh và xấu đến vậy.

Lúc 9:00 sáng thứ Năm, phòng xử chính ở tầng hai Tòa nhà Tòa án Hạt Ford chật kín người. Chủ trì phiên tòa là thẩm phán Reed Loopus, một thẩm phán già thuộc tòa địa hạt đóng ở Hạt Tyler và mỗi năm ghé Clanton tám lần để cầm cán cân công lý. Ông là chiến binh già huyền thoại, cầm cân với bàn tay sắt, và theo lời Baggy - người đã dành gần như cả sự nghiệp quanh quẩn ở tòa án để hóng tin hay tạo tin đồn - thì ông là thẩm phán tuyệt đối liêm chính, một người không hiểu sao tránh được ma lực đồng tiền của nhà Padgitt. Có lẽ do sống ở một hạt khác, nên thẩm phán Loopus tin rằng tội phạm thì phải chịu bản án dài, cộng thêm lao động cải tạo thì càng tốt, dù nền tư pháp hiện thời không còn bản án đó cho ông phán quyết.

Hôm thứ Hai đầu tuần tiếp theo sau vụ giết người, các luật sư của nhà Padgitt đã bắt đầu ra tay cố bảo lãnh cho Danny về. Thẩm phán Loopus, người phụ trách sáu hạt, lúc đó đang bận xử ở một hạt khác, và ông từ chối chủ trì phiên điều trần xin bảo lãnh gấp mà họ kiến nghị. Thay vào đó, ông đặt lịch xử vào 9:00 sáng ngày thứ Năm, và thế là cho thành phố chúng tôi thêm vài

ngày để đồn đoán đủ thứ.

Vì tôi thuộc báo giới, còn là chủ của tờ báo địa phương, nên tôi thấy mình có trách nhiệm phải đến đó sớm và kiếm một chỗ ngồi tốt. Phải, chắc chắn tôi có chút hãnh diện kiểu chảnh chọe. Mấy người khác chỉ đến vì tò mò, còn tôi đây thì đến vì công chuyện quan trọng. Lúc mọi người chưa đến đủ, tôi và Baggy đã yên vị ở hàng ghế thứ hai rồi.

Luật sư chính của Danny Padgitt tên Lucien Wilbanks, một người mà tôi sớm thấy đáng ghét. Ông ta là tàn dư của một gia tộc luật sư và nhà băng lừng lẫy một thời. Gia tộc Wilbanks đã làm việc chăm chỉ từ những ngày đầu để xây dựng Clanton, rồi Lucien xuất hiện và gần như hủy hoại hết thanh danh của họ. Ông ta tự nhận mình là một luật sư cấp tiến, một thứ hiếm có khó tìm ở chốn này vào những năm 1970. Ông ta để râu dê, chửi thề như thánh, uống triền miên và thích nhận bào chữa cho những kẻ bị cáo buộc cưỡng hiếp, giết người và xâm hại trẻ em. Ông ta là thành viên da trắng duy nhất trong Hiệp hội Quốc gia Vì sự Tiến bộ của Người Da màu, nội chuyện đó không là đã dễ bị ăn đạn rồi. Nhưng ông ta chẳng màng.

Lucien Wilbanks hung hăng, gai góc và ác ý rành rành, ông ta chờ cho đến khi mọi người đã yên vị và ngay trước khi thẩm phán Loopus vào, rồi mới chầm chậm tiến lại phía tôi. Ông ta cầm trên tay một tờ *Thời báo* số mới nhất, vừa vẫy nó vừa chửi thề. “Thằng con hoang khốn nạn!” ông ta nói khá lớn, và mọi

người đang chộn rộn bỗng im bặt. “Nghĩ mình là cái thá hả?"

Tôi cũng chết điếng người không biết trả lời thế nào. Baggy bên cạnh tôi hình như đang cố xích ra xa một chút. Mọi ánh mắt trong phòng xử án đều hướng về tôi chằm chằm, và tôi biết mình phải nói gì đó. “Tôi chỉ nói sự thật thôi,” tôi đã cố gom hết tự tin để thốt ra cùng câu đó.

“Đây là báo chí rẻ tiền!” ông ta gầm lên. “Thứ rác rưởi giật gân tào lao!” và dí tờ báo sát mũi tôi.

“Xin cảm ơn,” tôi bình thản nói, như một bậc hiền triết thật sự. Trong phòng xử có ít nhất năm cảnh sát mà không một ai tỏ vẻ muốn can thiệp chuyện này.

“Ngày mai, chúng tôi sẽ đệ đơn kiện,” ông ta nói, mắt long lên sòng sọc, “đòi cậu phải bồi thường một triệu đô!”

“Tôi có luật sư đấy,” tôi đáp trả mà đột nhiên thấy ớn lạnh khi nghĩ đến chuyện tôi sắp phá sản như nhà Caudle đã từng. Lucien thả tờ báo xuống chân tôi, rồi quay người đi về phía bàn bị cáo. Giờ tôi mới thở hắt ra được, tim vẫn còn đang đập liên hồi. Tôi cảm nhận lồng ngực đang nhói lên vì xấu hổ và sợ hãi.

Nhưng tôi vẫn cố nở được một nụ cười gượng. Làm sao có thể để dân địa phương thấy một chủ biên kiêm chủ báo lại là người biết sợ được. Nhưng mà bồi thường một triệu đô đấy! Đột nhiên tôi nghĩ đến bà tôi ở Memphis. Phải thưa với bà chuyện đó thì khổ quá.

Vừa lúc đó, chấp hành tòa mở cánh cửa phía sau ghế quan tòa

và hô lên "Mời tất cả đứng dậy." Thẩm phán Loopus lướt vào, ngồi xuống ghế chủ tọa. Yên vị rồi, ông nhìn quanh phòng, mở lời, "Chào buổi sáng. Một phiên điều trần mà đông người dự thật. Những phiên thế này thường chẳng thu hút ai đến, trừ bị cáo, luật sư và có lẽ mẹ của bị cáo nữa. Nhưng hôm nay có đến 300 người dự khán."

Đây không chỉ là phiên điều trần bảo lãnh. Mà là vòng một của phiên tòa hiếp giết, và không mấy người ở Clanton muốn bỏ lỡ nó. Tôi cũng ý thức rất rõ rằng hầu hết những người đó lại không thể vào đây dự khán. Thế là họ chỉ biết trông chờ nơi tờ *Thời báo*, và tôi đầy quyết tâm cho họ có được những chi tiết phiên xử cặn kẽ nhất.

Mỗi lần nhìn xuống Lucien Wilbanks, tôi lại nghĩ đến đơn kiện triệu đô đó. Chắc chắn ông ta không kiện tờ báo của tôi đâu nhỉ? Kiện để làm gì chứ? Đâu có chữ nào phỉ báng, bôi nhọ gì.

Thẩm phán Loopus gật đầu với một viên chấp hành tòa, rồi cánh cửa bên hông phòng xử mở ra. Danny Padgitt được áp giải vào, hai tay bị còng. Hắn mặc một áo sơ mi trắng ủi phẳng phiu, quần kaki và giày lười, râu được cạo sạch sẽ và không có vết thương rõ ràng nào trên mặt. Hắn 24 tuổi, hơn tôi một tuổi, nhưng trông trẻ hơn tôi nhiều. Nhìn bộ dạng điển trai, sang chảnh của hắn tôi không khỏi nghĩ, lẽ ra chỗ của hắn phải là ở một đại học nào đó. Danny Padgitt khệnh khạng tiến vào rồi cười khinh khỉnh khi chấp hành tòa mở còng cho hắn. Hắn nhìn quanh phòng, dường như đang tận hưởng mọi sự chú ý đang đổ

dồn vào mình. Nơi hắn toát ra kiểu tự tin của một kẻ sống trong gia đình với nguồn tiền vô tận, số tiền họ sẽ dùng để hắn thoát cảnh này trong chớp mắt.

Ngồi ngay sau lưng hắn ở hàng ghế đầu là bố mẹ hắn và bà con trong nhà Padgitt. Gill, bố hắn, cháu nội của Clovis Padgitt khét tiếng, là người có bằng đại học và theo lời đồn cũng là người phụ trách rửa tiền cho gia tộc. Mẹ hắn ăn mặc đẹp và khá quyến rũ, một chuyện tôi thấy hơi khó hiểu khi người phụ nữ như thế lại đủ khờ để cưới người trong gia tộc Padgitt để rồi sống cả đời trên cái cồn biệt lập đó.

"Tôi chưa hề thấy bà ta," Baggy thì thầm với tôi. "Còn Gill thì sao?" tôi hỏi.

"Có lẽ là hai lần trong suốt 20 năm qua."

Đại diện cho bên công tố là công tố viên của hạt, một công chức bán thời gian tên là Rocky Childers. Thẩm phán Loopus hướng về phía anh. "Anh Childers, tôi hiểu là bên công tố phản đối đơn bảo lãnh."

Childers liền đứng lên, "Phải, thưa Tòa."

"Với căn cứ gì?"

"Mức độ khủng khiếp của tội ác này, thưa Tòa. Một vụ cưỡng hiếp tàn bạo ngay trên giường của nạn nhân, trước mặt những đứa con nhỏ của cô ấy. Một vụ giết người với ít nhất hai nhát dao đâm. Cộng với việc bị cáo đã cố bỏ trốn. Những lời của Childers vang dội khắp phòng xử lặng như tờ. "Khả năng cao là nếu anh

Padgitt được ra khỏi phòng tạm giam thì sẽ cao chạy xa bay."

Lucien Wilbanks chỉ chờ được đến đó liền đứng dậy phản bác ngay lập tức. "Thưa Tòa, chúng tôi phản đối. Thân chủ của tôi không có tiền án tiền sự gì, chưa hề bị bắt lần nào."

Thẩm phán Loopus bình thản nhìn xuống, "Ông Wilbanks, tôi mong đây là lần đầu cũng như lần cuối ông cắt lời bất kỳ ai ở phiên xử này. Tôi muốn ông ngồi xuống, và khi nào tòa sẵn sàng nghe ông nói, thì ông sẽ được gọi." Những lời của thẩm phán sắc như băng, và gần như có ý mỉa mai, khiến tôi tự nhủ không biết hai người họ đã có bao nhiêu lần chạm trán nhau ở phòng xử này rồi.

Nhưng Lucien Wilbanks chẳng lấy gì làm phiền, mặt lão dày quá rồi.

Tiếp theo, Childers viện dẫn ra một vài chuyện quá khứ. 11 năm trước, vào năm 1959, Gerald Padgitt đã bị truy tố vì tội cướp xe ở Tupelo. Phải mất một năm mới tìm được hai cảnh sát sẵn sàng vào cồn Padgitt để thực hiện lệnh bắt, và dù họ sống sót trở về, nhưng vẫn không bắt được người. Gerald Padgitt hoặc đã trốn khỏi hạt hoặc đã ẩn náu đâu đó trên cồn. "Giờ ông ta ở đâu," Childers hùng hồn nói, "ông ta chưa hề bị bắt, chưa hề ai thấy ông ta."

"Mọi người từng nghe về Gerald Padgitt chưa?" Tôi quay sang hỏi khẽ Baggy.

"Chưa."

“Nếu bị cáo này được bảo lãnh, chúng ta sẽ không bao giờ thấy lại anh ta nữa. Chuyện đơn giản là thế thôi.” Nói xong, Childers ngồi xuống.

“Ông Wilbanks,” thẩm phán cất tiếng gọi.

Lucien chậm rãi đứng lên và vẫy tay với Childers. “Công tố viên đang nhầm lẫn, như thường lệ,” ông ta nói với giọng sảng khoái. “Gerald Padgitt không bị truy tố những tội đó. Tôi không bào chữa cho ông ấy và tôi cũng chẳng quan tâm chuyện quái gì đã xảy ra với ông ấy.”

“Yêu cầu ông nói năng cẩn thận,” thẩm phán nhắc nhở. “Ông ấy đâu phải là người ra tòa. Phiên xử này là về Danny Padgitt, một chàng trai không có tiền án tiền sự gì.”

“Thân chủ của ông có bất động sản ở hạt này không?” Thẩm phán Loopus hỏi.

“Không có. Anh ấy mới 24 tuổi mà.”

“Vậy ta chốt cho xong vụ này đi, ông Wilbanks. Tôi biết gia đình bị cáo có lượng bất động sản cực lớn. Cách duy nhất để tôi chấp thuận bảo lãnh là nếu họ dùng toàn bộ bất động sản để làm bảo đảm.”

“Thật quá đáng.” Lucien gầm gừ.

“Tội ác anh ta bị cáo buộc cũng thế.”

Lucien thả tập giấy trên tay xuống bàn. “Cho tôi xin vài phút để tham vấn với gia đình bị cáo.”

Chuyện này khiến nhà Padgitt rối cả lên. Họ quây lại sau bàn

bị cáo với Wilbanks, và ngay từ đầu đã có nhiều biểu hiện phản đối. Tôi phải thú thật, nhìn đám gian manh giàu có lắc đầu quầy quậy và nổi cáu với nhau đúng là khá vui. Chuyện gia đình cãi vã dễ nổi lên và khá gay gắt khi liên quan đến tiền bạc, và dường như mọi người nhà Padgitt ở đây không thống nhất được nên làm thế nào. Nhìn cảnh này rồi, không biết đến lúc họ chia gia tài thì sẽ khủng khiếp đến thế nào nữa.

Lucien thấy bàn bạc có vẻ không ăn thua, và để tránh mất mặt, lão quay lại nói với tòa. "Thưa Tòa, chuyện đó không thể nào làm được. Bất động sản của nhà Padgitt có ít nhất 40 chủ sở hữu, và hầu hết không hiện diện ở tòa lúc này. Yêu cầu mà tòa đưa ra có phần độc đoán và quá quắt."

"Vậy tôi cho ông vài ngày để xử lý nhé," Loopus nói với giọng hào hứng vì mối phiền toái ông vừa gây ra.

"Không, thưa Tòa. Như thế thật không công bằng. Thân chủ của tôi có quyền có mức bảo lãnh hợp lý như mọi bị cáo khác."

"Thế thì bác bỏ bảo lãnh cho đến phiên điều trần sơ bộ."

"Chúng tôi không cần phiên sơ bộ."

"Tùy ông thôi," thẩm phán trả lời và ghi chép lại.

"Và chúng tôi yêu cầu vụ này được xử ở tòa có bồi thẩm đoàn càng sớm càng tốt."

"Khi nào đến lượt sẽ được xử, ông Wilbanks à, như mọi vụ khác vậy."

"Vì chúng tôi sẽ đệ đơn xin đổi tòa sớm nhất có thể." Lucien

nói dõng dạc, tuyên bố đầy uy lực.

“Không phải giờ hơi sớm cho chuyện đó à?” thẩm phán hỏi lại.

“Thân chủ của tôi không thể nào được xử công bằng ở hạt này.” Wilbanks vừa nói vừa nhìn quanh phòng xử, gần như cố lờ thẩm phán đi. “Tôi thấy người ta đã bắt đầu cố làm sao để truy tố, xét xử và kết tội thân chủ của tôi trước cả khi anh ấy có cơ hội bào chữa cho mình, và tôi nghĩ tòa phải can thiệp ngay lập tức bằng lệnh cấm phát biểu.”

Lão Lucien mới là kẻ cần bị cấm phát biểu thì có.

“Ý ông là sao, ông Wilbanks?” thẩm phán Loopus bắt đầu thấy tò mò.

“Ông chưa xem tờ báo địa phương sao?”

“Mới đây thì chưa.”

Mọi ánh mắt bỗng đổ dồn về phía tôi, và một lần nữa, tôi như rớt tim ra ngoài.

Wilbanks vừa nói vừa nhìn tôi chằm chằm. “Những câu chuyện lên trang nhất, những tấm ảnh đẫm máu, những nguồn tin không tên, những sự thật nửa vời và những hàm ý ám chỉ hòng kết tội một người vô tội!”

Baggy lại một lần nữa cố nhích xa khỏi tôi, lúc này tôi đúng là bơ vơ không người nâng đỡ.

Lucien bước tới bục thẩm phán, giơ ra một tờ báo. “Mời ông xem, lão gắt lên.” Loopus chỉnh gọng kính, cầm tờ *Thời báo* lên

và dựa người ra ghế. Ông bắt đầu đọc một cách thong thả.

Ông là kiểu đọc chậm. Tim tôi đã đập trở lại, nhưng giờ đang nện như búa tạ. Cổ áo sau gáy tôi cũng đã ướt đẫm. Thẩm phán Loopus đã đọc xong trang nhất và chậm rãi mở qua trang sau. Cả phòng xử im bặt. Ông sẽ cho tống giam tôi ngay hay sao? Ông quay sang gật đầu một cái là chấp hành tòa sẽ còng tay và lôi tôi đi? Tôi đâu phải luật sư. Tôi vừa bị một kẻ chuyên đòi bồi thường dọa kiện đòi triệu đô, và giờ thẩm phán đang đọc những bài báo khá khủng khiếp của tôi trong khi cả thành phố im lặng chờ ông ra phán quyết.

Tôi cảm nhận được nhiều ánh mắt gay gắt đang hướng về phía mình, nên cúi đầu viết đại lên tập giấy dù hầu như chẳng biết mình đang viết gì. Tôi phải cố hết sức để làm mặt tỉnh, nhưng thật sự lúc này chỉ muốn lao khỏi phòng xử này mà chạy về Memphis.

Có tiếng gấp giấy loạt xoạt, cuối cùng thẩm phán cũng đã đọc xong. Ông cúi tới gần micro một chút và nói ra những lời khiến sự nghiệp tôi lên hương ngay lập tức. “Bài báo viết rất hay. Hấp dẫn, có lẽ có đôi chút rùng rợn, nhưng chắc chắn không có gì quá đáng cả.”

Tôi vẫn cắm cúi viết như thể chưa nghe gì. Tôi vừa bị đẩy vào một cuộc xung đột không ngờ và khá chật vật cho tôi, nhưng nhờ thẩm phán mà tôi đã vẻ vang thoát ra an toàn ngay trước mũi nhà Padgitt và Lucien Wilbanks. “Chúc mừng anh,” Baggy

ghé sang nói khẽ.

Thẩm phán Loopus gấp tờ báo lại, đặt xuống bàn. Ông để cho Wilbanks vung môi múa mép vài phút về những kẽ hở trong quy trình của cảnh sát và văn phòng công tố, thậm chí là các kẽ hở có thể có của phiên tòa sắp đến, tất cả quy lại thành một âm mưu của những người giấu tên nào đó quyết tâm đối xử bất công với thân chủ của lão. Nhưng thật ra lão chỉ đang thể hiện cho nhà Padgitt xem. Lão đã thất bại trong nỗ lực xin bảo lãnh, nên phải thể hiện nhiệt tình để lấy lại chút ấn tượng với họ.

Còn thẩm phán Loopus thì chẳng hề tin gì mấy thứ đó.

Chẳng bao lâu sau, chúng tôi cũng biết Lucien chỉ bày trò. Lão chưa hề có ý định chuyển vụ này ra tòa ngoài Hạt Ford xử.

CHƯƠNG 6

Khi mua tờ *Thời báo*, tôi mua lại luôn ngôi nhà cổ của nó, một ngôi nhà không mấy giá trị. Nó nằm ở phía nam quảng trường Clanton, một trong bốn công trình đang dần mục nát được xây liền kề bởi một toán thợ hấp tấp, với thiết kế dài mà hẹp, cao ba tầng kèm một tầng hầm mà mọi nhân viên của tôi đều chẳng muốn bén mảng xuống. Mặt tiền là vài văn phòng với những tấm thảm cũ nát xơ chỉ, những mảng tường bong tróc và mùi khói của cả thế kỷ ám lên tận trần.

Mặt hậu, vốn xa mặt tiền khủng khiếp, là nơi để máy in. Mỗi tối thứ Ba, nhân viên in báo, Hardy, lại làm phép để cái máy in xếp chữ sống dậy và cố ra thêm một mẻ báo mới. Chỗ làm việc của ông sực nức mùi mực in.

Lên đến tầng một thì có một căn phòng với những kệ sách xếp hàng dài gồng gánh hàng đống sách phủ lớp bụi hàng chục năm trời, một bộ sưu tập về lịch sử, kịch Shakespeare và thi ca Ireland cũng như một loạt bách khoa toàn thư cổ lỗ sĩ của Anh quốc. Ông Bớt nghĩ đống sách này sẽ gây ấn tượng cho bất kỳ ai bước vào đây.

Trước cửa kính mặt tiền, qua lớp kính xỉn màu có mấy chữ

“THỜI BÁO” được vẽ từ thời nào không biết, chính là Tòa án Hạt Ford và bức tượng lính gác Liên bang đang đứng đó canh giữ. Phía dưới chân bức tượng là tấm bảng đồng viết tên 61 chàng trai của hạt đã chết trong Nội chiến, hầu hết là ở trận Shiloh.

Từ văn phòng của tôi ở tầng hai cũng có thể nhìn thấy bức tượng đó. Văn phòng tôi nằm cùng dãy với thư viện riêng của ông Bớt, một bộ sưu tập những tác phẩm chiết trung nữa có vẻ cũng bị quên lãng như đám ở tầng một. Phải nhiều năm sau tôi mới đụng đến quyển nào trong đám sách đó.

Văn phòng tôi rộng rãi mà lộn xộn, với một đống cổ vật vô dụng và những hồ sơ vô giá trị chất đống cùng với những tấm chân dung nhái của các tướng lãnh phe Liên minh miền Nam. Tôi mê chỗ này lắm. Khi ra đi, ông Bớt chẳng đem theo thứ gì, và sau vài tháng, có vẻ cũng chẳng ai muốn thứ gì trong đống tạp nham của ông. Vậy là nó cứ yên vị chỗ cũ, bị bỏ bê như lâu nay vẫn vậy, và dù tôi chẳng hề chạm đến nhưng dần dần chúng mặc nhiên trở thành đồ của tôi. Tôi đã đóng thùng các vật dụng cá nhân của ông, gồm thư từ, sao kê ngân hàng, ghi chép, bưu thiếp, rồi trữ chúng trong một phòng không ai sử dụng ở cùng tầng hai này để chúng tiếp tục bám bụi và mục rã.

Văn phòng của tôi có hai bộ cửa kính kiểu Pháp mở ra một ban công nhỏ với lan can sắt đủ rộng cho bốn người bắc ghế ngồi ngắm quảng trường. Thật ra ở đây chẳng có mấy thứ để ngắm, nhưng ngồi trên đó giết thời gian cũng hay, nhất là những lúc có

rượu để uống.

Baggy lúc nào cũng sẵn sàng làm một ly. Sau giờ ăn tối, ông đem đến một chai bourbon và chúng tôi ra ngồi trên hai chiếc ghế lắc lư. Thành phố nhỏ này vẫn còn dư âm của phiên điều trần bảo lãnh. Hầu hết đều cho rằng Danny Padgitt sẽ sớm được thả, ngay khi Lucien Wilbanks và Mackey Don Coley thu xếp được mọi chuyện. Sẽ có hứa hẹn, có tiền trao tay, rồi cảnh sát trưởng Coley sẽ đích thân bảo đảm hắn sẽ xuất hiện trước tòa đúng hẹn. Nhưng thẩm phán Loopus lại có kế hoạch khác.

Vợ của Baggy là một y tá. Bà làm việc ca đêm ở phòng cấp cứu, còn Baggy thì làm ca ngày nếu như ta chấp nhận cái màn lừ đừ quan sát thành phố đó là lao động. Hai người hiếm khi gặp nhau, một chuyện rõ ràng là rất tốt vì họ vốn cãi nhau như chó với mèo. Con cái của họ đã lớn và đi xa cả rồi, để lại hai ông bà cứ việc chiến tranh thoải mái. Uống được vài ly là Baggy sẽ lôi vợ ra phê phán. Ông đã 52 tuổi nhưng trông phải hơn ông cụ 70, và tôi cho rằng rượu là lý do chính khiến ông nhanh già và hay cãi nhau với vợ.

“Chúng ta sẽ xử đẹp họ,” Baggy nói đầy hãnh diện. “Chưa hề có bài báo nào được minh oan rõ ràng đến thế. Ngay tại tòa nhé.”

“Lệnh cấm phát biểu là gì thế?” Tôi hỏi. Tôi là lính mới thiếu kinh nghiệm và rõ ràng ai cũng biết thế, nên chẳng có lý do gì để phải giả vờ biết cái tôi chưa biết.

“Tôi chưa hề thấy lệnh đó ban hành bao giờ. Có nghe về nó

rồi, và tôi nghĩ mấy thẩm phán dùng nó để bắt đám luật sư và bị đơn im miệng."

"Vậy là nó không áp dụng cho báo giới?"

"Chưa hề. Wilbanks làm trò mèo thôi. Lão là thành viên của Liên hiệp Tự do Dân sự Mỹ, thành viên duy nhất ở Hạt Ford. Lão hiểu Hiến pháp. Không đời nào tòa lại bảo một tờ báo không được in gì đó. Chỉ là lão đang nản vì thân chủ của lão vẫn phải ăn cơm tù, nên lão bày trò gỡ gạc thôi. Mấy chiêu của đám luật sư ấy mà. Người ta dạy thứ đó ở trường luật đấy."

"Vậy ông không nghĩ ta sẽ bị kiện?"

"Không đời nào. Nghe này, trước hết, có gì để kiện đâu. Ta đâu có phỉ báng hay bôi nhọ ai. Chắc chắn ta có viết hơi thoáng vài chuyện, nhưng đều là mấy chuyện nhỏ nhặt và có lẽ cũng đúng sự thật nữa. Vả lại, nếu Wilbanks có muốn kiện thì cũng phải đệ đơn ở đây, Hạt Ford. Cũng tòa án đó, cũng phòng xử đó, cũng thẩm phán đó. Thẩm phán Reed Loopus sáng nay đã đọc bài báo của ta và tuyên bố là ổn mà. Đơn kiện đó đã phế từ khi Wilbanks chưa kịp chấp bút rồi. Tuyệt vời."

Tôi lại chẳng thấy có gì tuyệt vời cả. Tôi đang lo về tổn thất một triệu đô và không biết nếu chuyện xảy ra như thế thì tôi kiếm đâu ra số đó. Cuối cùng rượu cũng ngấm và tôi cũng bắt đầu được xả hơi. Tối thứ Năm ở Clanton này, không mấy người ra ngoài. Mọi cửa hàng và văn phòng quanh quảng trường đều đóng cửa.

Baggy, như thường lệ, đã xả hơi từ nãy giờ rồi. Margaret đã mách nhỏ cho tôi biết là ông ấy thường uống bourbon vào bữa sáng. Ông và một luật sư cụt chân tên Major thường có thói quen pha rượu vào cà phê. Họ sẽ gặp nhau ở ban công bên ngoài văn phòng của Major đối diện quảng trường, hút thuốc uống rượu và tám chuyện luật pháp chính trị từ khi tòa án vẫn còn vắng bóng người. Theo lời kể của Major thì ông đã mất một chân ở Guadalcanal trong Thế chiến II. Công việc luật sư của ông chỉ có một ngành, là soạn di chúc cho người già. Ông tự đánh máy luôn, khỏi cần thư ký. Về mức độ "chăm chỉ làm việc," ông không kém gì Baggy, hai người lúc nào cũng có mặt ở phòng xử với tình trạng lâng lâng, xem hết phiên xử này đến phiên xử khác.

"Có lẽ Mackey Don cho thằng nhóc vào phòng VIP." Baggy nói, giọng bắt đầu lè nhè.

"Phòng VIP à?" tôi hỏi.

"Phải... anh thấy phòng giam chưa?"

"Chưa."

"Chỗ đó còn không hợp nuôi chó. Chẳng có máy sưởi, thiếu không khí, phân nửa thời gian chẳng có nước dùng. Bẩn thỉu kinh khủng. Đồ ăn thì tởm. Mà đấy là cho dân da trắng. Dân da đen ở buồng đối diện, tất cả chung một buồng. Vệ sinh thì chỉ có cái hố trên sàn."

"Chắc nói đến đấy là được rồi."

“Nó là nỗi hổ thẹn của hạt, nhưng nói thật, quanh đây hầu như ở đâu cũng thế thôi. Nhưng trong dãy đó có một phòng có máy điều hòa không khí và thảm trải sàn, một chiếc giường sạch sẽ, tivi màu, đồ ăn ngon. Tôi gọi nó là phòng VIP, nơi mà Mackey Don cho mấy kẻ hắn ưa vào.”

Tôi ghi nhớ chuyện này trong đầu. Với Baggy, nó là “công chuyện” thường lệ, còn với tôi, một cựu sinh viên cao đẳng và từng học đại học báo chí, thì đấy là một câu chuyện thâm cung bí sử cần lôi ra. “Ông nghĩ Padgitt ở phòng VIP à?”

“Có lẽ. Hắn mặc đồ của hắn đến tòa mà.”

“Còn ngược lại thì sao?”

“Thì mặc đồ màu cam như mọi kẻ khác. Anh chưa thấy à?” Tôi thấy rồi chứ. Tôi từng đến tòa một lần, cách đây tầm một tháng, và giờ tôi mới nhớ ra hai hay ba bị cáo ngồi trong phòng xử chờ thẩm phán, ai cũng mặc bộ đồ áo liền quần màu cam dù mỗi bộ mỗi tông màu cũ mới khác nhau với dòng chữ “Trại giam Hạt Ford” in ở mặt trước và sau áo.

Baggy nhấp một ngụm rồi giải thích cặn kẽ. “Anh thấy đấy, cho những phiên điều trần sơ bộ hay đại loại thế, thì các bị cáo, nếu vẫn ở trong trại giam thì sẽ đến tòa với bộ dạng tù nhân. Thời trước, Mackey Don sẽ bắt họ mặc mấy bộ áo liền quần đó suốt toàn bộ tiến trình xử. Lucien Wilbanks đã đảo ngược một phán quyết có tội với lập luận rằng bồi thẩm đoàn có khuynh hướng kết tội bị cáo vì thân chủ của lão trông như một kẻ có tội

trong bộ áo tù màu cam đó. Và lão đúng chuyện đó. Thật khó để thuyết phục bồi thẩm đoàn là ta không có tội khi mà ta đang ăn mặc như phạm nhân, chân thì đi đôi giày cao su dùng trong phòng tắm."

Một lần nữa tôi lại phải ngạc nhiên trước sự lạc hậu của Mississippi này. Tôi có thể hình dung một bị cáo, nhất là bị cáo da đen, đang đối diện với bồi thẩm đoàn và mong có được phiên tòa công bằng, nhưng trên mình lại là bộ đồ trại giam được thiết kế để cách xa hàng dặm vẫn có thể nhận diện được. "Vẫn trong Cuộc chiến" là câu khẩu hiệu mà tôi đã nghe vài lần ở Hạt Ford này. Người ta có một sự kháng cự đến phát ngán trước thay đổi, nhất là khi liên quan đến vấn đề tội ác và hình phạt.

Khoảng trưa ngày hôm sau, tôi rảo bộ đến trại giam để tìm cảnh sát trưởng Coley với cái cớ là hỏi vài câu về chuyện điều tra vụ này, nhưng dự định thật của tôi là nhìn xem càng nhiều phạm nhân càng tốt. Thư ký cảnh sát trưởng báo cho tôi bằng giọng hơi xẵng rằng ông ta đang họp và tôi cũng chẳng lấy thế làm phiền.

Hai tù nhân đang lau chùi ở tiền sảnh. Bên ngoài là hai tù nhân nữa đang nhổ cỏ ở bồn hoa. Tôi bước quanh khối nhà và khi ra sau trại giam, tôi thấy có một khu vực mở nho nhỏ kèm một khung lưới bóng rổ. Sáu phạm nhân đang trốn nắng dưới bóng một cây sồi nhỏ. Ở phía đông trại giam có ba tù nhân đang đứng sau song sắt, mắt nhìn tôi chằm chằm.

Tổng cộng có 13 phạm nhân, 13 bộ đồ cam.

Tôi cũng đã hỏi chuyện người cháu họ của Wiley về trại giam này. Mới đầu, anh ta ngại không muốn nói, nhưng anh có ác cảm sâu sắc với cảnh sát trưởng Coley và nghĩ có thể tin tưởng tôi. Anh đã xác nhận những gì Baggy đoán, Danny Padgitt đang sống thoải mái trong buồng giam có điều hòa và muốn ăn gì thì ăn, muốn mặc gì thì mặc, còn chơi cờ với cảnh sát trưởng, gọi điện thoại cả ngày.

Số tiếp theo của tờ *Thời báo* đã củng cố chắc chắn danh tiếng của tôi là một thanh niên 23 tuổi gan dạ và cứng rắn. Trên trang nhất là tấm ảnh lớn chụp cảnh Danny Padgitt được đưa vào phòng xử cho phiên điều trần bảo lãnh với tay bị còng và bộ đồ dạo phố. Hắn còn phô ra cả vẻ mặt ngạo đời của mình. Phía trên tấm ảnh là dòng tít to tướng: BÁC BỎ BẢO LÃNH CHO DANNY PADGITT. Bài báo đó dài và cực kỳ đầy đủ chi tiết.

Bên cạnh còn có một bài báo khác, cũng dài như thế nhưng gây tai tiếng hơn hẳn. Trích lời của những nguồn tin không tên, tôi mô tả cặn kẽ tình trạng giam giữ của gã Padgitt. Tôi liệt kê đủ mọi đặc quyền của hắn, kể cả thời gian riêng với cảnh sát trưởng Coley bên bàn cờ. Tôi nói về chế độ ăn của hắn, về tivi màu và điện thoại gọi thả ga. Mọi thứ tôi xác minh được đều viết ra mặt báo. Rồi tôi so sánh điều kiện của hắn với 21 phạm nhân khác.

Trên trang hai là tấm ảnh đen trắng chụp bốn bị cáo đang được dắt vào phòng xử. Dĩ nhiên, cả bốn đều mặc bộ đồ áo liền

quần, cả bốn đều bị còng tay và râu tóc bù xù. Tôi đã tô đen mặt họ để dù họ là ai cũng sẽ khỏi phải chịu thêm phần sỉ nhục không cần thiết. Những vụ của họ đã qua lâu rồi.

Bên cạnh tấm ảnh đó là ảnh Danny Padgitt được dẫn vào phòng xử mấy hôm trước. Nếu không có còng tay, hẳn ai cũng nghĩ hắn chuẩn bị đi tiệc tùng. Sự tương phản quá rõ ràng. Hắn được cảnh sát trưởng Coley chiều chuộng, và cho đến giờ ông ta vẫn không chịu ngồi lại cho tôi hỏi về vấn đề này. Sai lầm lớn quá rồi.

Trong bài báo, tôi cũng nói rõ biết bao lần tôi đã cố nói chuyện với cảnh sát trưởng, gọi nhiều cuộc mà chẳng hề được hồi âm. Tôi đã đến nhà tù hai lần nhưng ông ta cũng không chịu tiếp tôi. Tôi còn để lại một danh sách câu hỏi và ông ta cũng chọn cách lờ đi. Tôi đã họa lên hình ảnh một nhà báo trẻ tuổi đầy nhiệt huyết mong mỏi tìm sự thật và bị một công chức do dân bầu lên cản trở.

Vì Lucien Wilbanks là một trong số những người bị chán ghét nhất ở Clanton, nên tôi cũng lôi cả lão vào. Tôi đã gọi điện, một chiêu mà tôi sớm thấy cực kỳ hữu dụng, đến văn phòng của ông ta bốn lần, rồi lão mới chịu gọi lại cho tôi. Mới đầu, lão không muốn bình luận gì về thân chủ của mình hay về vụ án, nhưng khi tôi khăng khăng đặt ra những câu hỏi về cách đối đãi hắn được nhận trong tù, thì lão liền nổi khùng. “Tôi đâu có điều hành cái trại giam chết tiệt đó, nhóc,” nghe tiếng của lão là tôi cũng hình dung ra đôi mắt long sòng sọc đang muốn trừng tôi.

Tôi cũng trích lại câu của lão.

"Ông đã hỏi chuyện thân chủ của mình ở trại giam chưa?", tôi hỏi.

"Dĩ nhiên là có."

"Anh ta mặc đồ gì?"

"Cậu không có việc gì hay hơn để viết báo hả?"

"Không, thưa ông. Anh ta mặc đồ gì?"

"Không trần truồng."

Lại một câu rất hay để trích lại, và tôi còn cho in đậm nó lên.

Một bên là một kẻ hiếp giết, một cảnh sát trưởng biến chất và một luật sư cấp tiến, còn bên kia là đơn độc mỗi mình tôi, nhưng tôi biết mình không thua trong cuộc chiến này. Phản ứng của dân tình trước bài báo thật khủng khiếp. Baggy và Wiley kể lại là ở các quán ăn, ai cũng đua nhau bày tỏ sự ngưỡng mộ dành cho chủ biên trẻ tuổi của tòa soạn. Dân tình khinh ghét nhà Padgitt và Lucien từ lâu lắm rồi. Và giờ cũng đã đến lúc loại bỏ Coley.

Margaret cho biết độc giả gọi đến liên tục để bày tỏ sự giận dữ trước sự biệt đãi mà Danny Padgitt được hưởng. Anh cháu họ của Wiley thì kể là trại giam rơi vào cảnh hỗn loạn, còn Mackey Don thì hục hặc với các cảnh sát viên. Ông ta đã chiều chuộng một kẻ giết người vào đúng năm 1971, năm bầu lại vị trí cảnh sát trưởng. Dân tình đang phẫn nộ và có lẽ họ sẽ phế truất ông ta.

Hai tuần đó là thời điểm sống còn của tờ *Thời báo*. Độc giả thèm khát biết thêm chi tiết về vụ việc, và nhờ chọn thời điểm

tốt, vận may và táo bạo, tôi đã cho họ đúng những gì họ muốn. Tờ báo đột nhiên sống dậy mãnh liệt, trở thành một thế lực trong vùng. Nó đã được tin tưởng vì dân ở đây muốn tờ báo phải đưa tin chi tiết và không sợ hãi.

Baggy và Margaret kể cho tôi là ông Bớt chưa bao giờ dùng những tấm hình có máu, cũng chẳng hề đứng ra thách thức cảnh sát trưởng. Nhưng thái độ của họ vẫn còn khá e dè. Có vẻ sự bạo gan của tôi vẫn chưa thấm được vào đội ngũ nhân viên tòa soạn. Tờ *Thời báo* đã, và sẽ là, màn diễn của một người với một đội ngũ hỗ trợ khá yếu ớt.

Nhưng tôi cũng chẳng mấy quan tâm chuyện đó. Tôi đang nói ra sự thật và bất chấp hậu quả có thế nào. Tôi là anh hùng trong vùng. Còn số người đăng ký mua báo tăng vọt lên gần 3000. Doanh số quảng cáo tăng gấp đôi. Tôi không chỉ rọi một ánh sáng mới vào hạt này mà còn kiếm tiền nhờ ánh sáng đó.

CHƯƠNG 7

Quả bom đó là một thiết bị phóng hỏa căn bản, và nếu phát nổ, ngọn lửa sẽ nhanh chóng bao trùm phòng in của chúng tôi. Tiếp sức cho ngọn lửa là nhiều loại hóa chất và không dưới 400 lít mực in đang nằm sẵn trong phòng, chừng đó là đủ để nó lao nhanh ra tiền sảnh. Và trong vài phút, với một tòa nhà không có vòi phun tự động hay báo cháy, ai biết còn cứu được bao nhiêu phần ở hai tầng trên. Có lẽ là không nhiều. Khả năng cao là nếu quả bom đó phát nổ đúng vào giờ ban sớm sáng thứ Năm thì nó sẽ thiêu trụi cả bốn tòa nhà liền kề này.

Nhưng may thay, nó đã được phát hiện đang nằm nguyên vẹn cạnh bên một chồng giấy cũ trong phòng in, nhờ công một gã khờ. Hay nói đúng hơn là một trong số những gã khờ của thành phố. Clanton có nhiều cái lạ lắm.

Ông ấy tên là Piston, và như tòa nhà này hay cái máy in cổ lỗ sĩ và thư viện chẳng ai mó tới trên lầu, Piston cũng nằm trong thỏa thuận mua lại tòa soạn *Thời báo*. Dù không phải là nhân viên chính thức, nhưng thứ Sáu nào, ông cũng đến để lấy 50 đô tiền lương, chỉ nhận tiền mặt, không nhận chi phiếu. Và để đền đáp số thù lao đó, thỉnh thoảng ông quét nhà, lâu lâu chùi bụi bẩn

trên cửa kính mặt tiền, đem rác đi vứt nếu có ai phàn nàn nhắc nhở. Ông không có giờ giấc làm việc, đến đi tùy thích, chẳng màng gõ cửa khi chúng tôi đang họp, lại còn thích dùng điện thoại và uống chùa cà phê của chúng tôi. Dù ấn tượng ban đầu nơi ông có vẻ hơi ghê rợn với đôi mắt cách xa nhau sau cặp kính dày, chiếc mũ lưỡi trai kéo thấp, bộ râu rậm rạp lộn xộn và hàm răng hô xấu kinh hồn, nhưng thật ra ông ấy vô hại. Ông còn làm việc lau dọn cho vài chỗ khác ở quanh quảng trường, và không hiểu sao sống được bằng mấy đồng bạc lẻ đó. Chẳng ai biết Piston sống ở đâu, với ai hay vào thành phố kiểu gì. Càng biết ít về Piston càng tốt.

Sáng thứ Năm đó, Piston đến sớm, vào bằng chìa khóa ông đã giữ hàng chục năm trời rồi, và nghe thấy có tiếng tích tắc gì đó. Khi đến gần kiểm tra, ông để ý thấy ba can nhựa 20 lít cột vào một chiếc hộp gỗ nằm trên sàn. Tiếng tích tắc phát ra từ chiếc hộp đó. Piston hay lảng vảng ở phòng in nhiều năm rồi, thỉnh thoảng cũng giúp Hardy vào những tối thứ Ba khi ông ấy hết giấy.

Gặp chuyện như thế, hầu hết mọi người sẽ tò mò rồi hoảng loạn, nhưng với Piston thì diễn biến hơi chậm hơn chút. Sau khi chọc quanh mấy cái thùng để đảm bảo chúng đang chứa đầy xăng và sau khi đi đến quyết định rằng mấy thứ này mà nằm chung chỗ với nhau thì cực kỳ nguy hiểm, ông mới tới văn phòng của Margaret và gọi báo cho Hardy, nói rằng tiếng tích tắc đang ngày một lớn hơn.

Hardy liền gọi cảnh sát và tầm 9:00 sáng, tôi bị cuộc gọi lôi ra khỏi giường.

Khi tôi đến nơi, hầu hết dân ở trung tâm thành phố đã di tản. Piston thì đang ngồi trên nắp capô một chiếc xe, tâm trạng cực kỳ rối bời khi biết mình vừa thoát chết trong gang tấc. Vài người thân và một tài xế xe cứu thương đang tụm lại hỏi han và có vẻ ông thích thú được làm trung tâm chú ý lắm.

Wiley Meek đã chụp hình quả bom trước khi cảnh sát đổ hết xăng trong mấy cái can ra và đặt chúng vào nơi an toàn ở con hẻm phía sau tòa nhà. “Thứ này chắc sẽ thổi bay nửa thành phố mất,” Wiley bình phẩm dựa trên kiến thức ảo tưởng về bom. Ông lo lắng rảo quanh hiện trường, ghi lại cảnh nhộn nhạo để sau này có khi dùng đến.

Cảnh sát trưởng thành phố giải thích với tôi là khu vực này vẫn đang bị phong tỏa vì chưa mở được chiếc hộp và thứ nằm trong đó vẫn đang kêu tích tắc không ngừng. “Có lẽ nó sẽ nổ, anh nói với giọng nghiêm trọng như thể mình là người đầu tiên đủ thông minh để nhận ra mối họa. Tôi cảm thấy anh ấy chẳng có mấy kinh nghiệm về bom, nhưng cũng hùa theo. Có người ở phòng xét nghiệm hình sự của bang đang cấp tốc đến, và phía cảnh sát quyết định rằng bốn tòa nhà liền kề của chúng tôi phải tiếp tục bị phong tỏa cho đến khi chuyên gia này xong việc.

Một quả bom ở trung tâm Clanton! Tin này lan nhanh hơn lửa cháy, và ai cũng gác công gác việc để hóng chuyện. Văn

phòng hành chính của hạt, các ngân hàng, cửa hàng, quán ăn đều đóng cửa, và chẳng mấy chốc, một đám đông hiếu kỳ đã tụ tập bên kia đường, dưới những tán sồi lớn ở phía nam tòa án, cách một khoảng vừa đủ an toàn. Họ chăm chăm nhìn về tòa nhà nhỏ của chúng tôi, rõ ràng là đầy quan ngại và sợ hãi, nhưng cũng đang chờ đợi chuyện gì đó giật gân thú vị. Cả đời chưa hề thấy bom nổ mà.

Cảnh sát thành phố Clanton, cảnh sát hạt, và mọi công chức ở hạt cũng sớm tề tựu, họ đi vẩn vơ bên vệ đường dù chẳng làm được việc gì. Cảnh sát trưởng Coley và người đứng đầu cảnh sát thành phố tụm lại bàn bạc và quan sát đám đông bên kia đường, rồi họ ra lệnh này lệnh kia, nhưng nếu không ai thi hành thì cũng chẳng ai biết. Rõ ràng là thành phố và hạt đều không có đội phá bom.

Lúc này, Baggy lại muốn uống một ly. Với tôi giờ còn quá sớm để mớm cồn. Tôi theo ông ra phía sau tòa án, lên một cầu thang hẹp, qua một hành lang rồi lên thêm 20 bậc thang nữa đến một phòng bẩn thỉu và trần thấp. “Đây từng là phòng bồi thẩm đoàn, rồi làm phòng thư viện luật.”

“Còn giờ là gì?” tôi hỏi, mà sợ chẳng muốn nghe câu trả lời.

“Phòng Luật. Chỗ của mấy luật sư, nhưng chủ yếu là để chứa rượu.” Trong phòng có một bàn nhỏ, chân gập và sứt mẻ đủ chỗ cho thấy rõ tuổi đời lâu lắm rồi. Quanh bàn có gần chục cái ghế, mỗi chiếc mỗi loại, kiểu mấy chiếc ghế chuyền tay qua phòng

ban này đến phòng ban kia rồi cuối cùng bị vứt vào cái xó này.

Ở một góc phòng có cái tủ lạnh nhỏ kèm ổ khóa. Dĩ nhiên, Baggy có chìa, ông mở ra và bên trong có sẵn một chai bourbon. Ông rót một ly thật đã tay vào cái cốc giấy rồi bảo tôi, “Kéo ghế ngồi đi.” Chúng tôi kéo hai cái ghế ra cửa sổ, nhìn xuống đám đông phía dưới. “Quang cảnh không tệ nhỉ?” ông tự hào nói. “Ông thường lên đây không vậy?"

“Mỗi tuần hai lần, có khi hơn. Chúng tôi chơi bài ở đây mỗi trưa thứ Ba và thứ Năm.”

“Hội gồm những ai?”

“Hội kín mà.” Ông nhấp một ngụm và chép môi thỏa mãn như thể người khát trong sa mạc. Trên cửa sổ, có một con nhện đang giăng mạng dày đặc. Bụi thì bám cả lớp trên bệ cửa sổ. “Chắc họ đang phát khùng rồi,” ông nói, mắt vẫn nhìn chăm chăm xuống đám đông chen chúc dưới kia.

“Họ là ai?” Tôi ngập ngừng hỏi.

“Nhà Padgitt.” Ông nói ra với giọng khá tự hào, rồi để lửng ngang đó.

“Ông chắc chắn là nhà Padgitt à?” tôi hỏi.

Baggy nghĩ ông ấy chuyện gì cũng biết, và phân nửa là đúng. Baggy cười nhếch mép, nhấp một ngụm, “Họ đốt nhà suốt mà. Một trong những chiêu của họ, lừa tiền bảo hiểm. Họ đã kiếm cả đống gia tài từ mấy công ty bảo hiểm.” Rồi lại nhấp một ngụm mới nói tiếp. “Nhưng cũng lạ khi họ dùng xăng. Anh biết mấy

tay phóng hỏa nhà nghề kiêng dùng xăng vì dễ bị lần ra mà. Anh biết vậy chứ?"

"Không."

"Chắc vậy rồi. Lính cứu hỏa thực thụ có thể ngửi ra mùi xăng ngay sau khi dập lửa. Mà xăng đồng nghĩa với phóng hỏa. Phóng hỏa nghĩa là khỏi có tiền bảo hiểm." Lại thêm một ngụm nữa. "Nhưng dĩ nhiên trong vụ này họ muốn anh biết đây là phóng hỏa. Hợp lý mà, nhỉ?"

Lúc đó, tôi chẳng thấy ra cái gì hợp lý cả. Tôi quá hoang mang nên chẳng nói được gì.

Baggy rất thỏa mãn khi thể hiện mình biết nhiều vậy. "Anh cứ nghĩ đi, hẳn là vì thế mà quả bom chưa được kích nổ. Họ muốn anh thấy. Nếu nó kích nổ, thì thành phố không có báo đọc, và chuyện đó sẽ khiến vài người bực. Dù cũng khiến vài người khác vui."

"Cảm ơn ông."

"Dù gì, giải thích như thế thì hợp lý hơn. Đây là hành động dọa dẫm tinh vi."

"Tinh vi à?"

"Phải, cứ so sánh với khả năng kia đi. Tin tôi đi, đám đó rành chuyện đốt nhà lắm. Anh gặp may đấy."

Tôi để ý thấy ông ấy đã kín đáo tách mình ra khỏi tòa soạn. Là "anh" gặp may, chứ không phải "ta" gặp may.

Rượu vào lời ra là thế đấy. "Tầm ba năm trước, có một vụ hỏa

hoạn lớn ở xưởng cưa trên xa lộ 401, ngay bên kia cồn. Họ chẳng bao giờ đốt gì trên cồn vì đâu muốn nhà chức trách lên đó săm soi. Dù gì, công ty bảo hiểm cũng đặt nghi vấn, không chịu thanh toán, vậy là Lucien Wilbanks đệ đơn kiện ầm ĩ. Vụ đó được lôi ra tòa của thẩm phán Reed Loopus. Tôi đã nghe từng lời trong phiên tòa đó." Lại thêm một ngụm rượu dài đầy thỏa mãn.

"Ai thắng kiện?"

Baggy lờ câu hỏi của tôi đi vì câu chuyện ông kể vẫn chưa đến đoạn đó. "Đấy là một vụ hỏa hoạn lớn. Lính cứu hỏa Clanton phải huy động toàn bộ xe họ có. Dân tình nguyện ở Karaway cũng đến, thêm toàn bộ xe cảnh sát trong vùng nữa. Ở đây, cảnh sát và cứu hỏa nhộn nhạo nhất mỗi khi có cháy lớn. Cháy và bom, có lẽ vậy, nhưng tôi nhớ là chưa hề có vụ gài bom nào."

"Và."

"Xa lộ 401 chạy qua vài chỗ đất thấp gần cồn Padgitt, những đoạn đầm lầy. Có một cây cầu bắc qua lạch Massey, và khi xe cứu hỏa đến cầu, họ thấy một chiếc bán tải đang nằm chắn đường, có vẻ đã bị người ta lật. Thế là con đường đó bị chặn hoàn toàn, chẳng cách nào đi vòng vì quanh đó toàn là đầm lầy và mương rãnh." Baggy chép môi rồi rót thêm rượu ra ly. Lúc thế này, tôi nên chêm lời dù biết có mở miệng thì thế nào cũng bị lờ đi, nhưng Baggy lại thích như vậy mới chịu nói tiếp. "Chiếc bán tải đó của ai?" Tôi hỏi, vừa mở miệng thì Baggy đã lắc đầu, như thể câu hỏi đó lạc đề quá rồi.

“Lửa cháy dữ dội. Mấy chiếc xe cứu hỏa phải dừng ở xa lộ 401 vì có thằng điên đã lật xe ở đó. Chẳng bao giờ tìm ra kẻ đó. Chẳng hề thấy bóng dáng người lái xe. Cũng không biết được chủ nhân chiếc xe vì nó không được đăng ký và chẳng có biển số. Ngay cả số khung cũng bị cào nhẵn rồi. Chưa ai đứng ra nhận mình là chủ chiếc xe đó dù nó chẳng hề bị hư hỏng gì mấy. Toàn bộ chuyện này đều được đưa ra trước tòa. Ai cũng biết nhà Padgitt đã phóng hỏa, lật một trong những chiếc bán tải họ trộm để chặn đường, nhưng công ty bảo hiểm không thể chứng minh được chuyện này.”

Dưới kia, cảnh sát trưởng Coley đã tìm được bộ loa. Ông ta đang bảo mọi người tránh xa con đường trước mặt văn phòng tòa soạn. Cái giọng rít lên của ông ta tạo cảm giác tình hình đang cấp bách hơn nữa.

“Vậy là công ty bảo hiểm thắng kiện?” tôi hỏi, nóng lòng muốn nghe kết quả.

“Đúng là một phiên tòa khốc liệt. Diễn ra trong ba ngày. Thường thì Wilbanks sẽ kiếm được thỏa thuận với một vài bồi thẩm. Lão làm thế lâu rồi và chưa hề bị tóm. Hơn nữa, lão quen hết mọi người trong hạt mà. Đám bảo hiểm là dân ở Jackson, và chẳng nắm rõ tình hình. Bồi thẩm đoàn họp trong hai tiếng, quay lại với phán quyết cho bên kiện, 100.000 đô, và phí phạt một triệu đô.”

“Một triệu mốt đô!” tôi thốt lên.

“Đúng rồi đấy. Phán quyết triệu đô đầu tiên ở Hạt Ford. Phải một năm sau, Tòa án Tối cao mới ra tay và giảm mức phí phạt xuống.”

Chuyện Lucien Wilbanks thao túng các bồi thẩm đúng là đáng ngại. Baggy để ly bourbon ngồi không một hồi và nhìn gì đó dưới đường. “Đây là dấu hiệu xấu, con trai à. Rất xấu.”

Tôi là sếp của ông và không thích bị gọi là “con trai”, nhưng tôi cũng cho qua. Hiện giờ có nhiều chuyện cấp thiết hơn nhiều. “Chuyện đe dọa à?” tôi hỏi.

“Phải. Nhà Padgitt hiếm khi rời cồn. Nội chuyện họ gây vụ việc ầm ĩ công khai thế này nghĩa là họ sẵn sàng tuyên chiến rồi. Nếu họ có thể đe dọa một tờ báo, thì thế nào chẳng làm vậy với bồi thẩm đoàn. Cảnh sát trưởng nằm trong tay họ rồi mà.”

“Nhưng Wilbanks nói lão muốn đổi tòa.”

Baggy khịt mũi, tay lại với lấy ly rượu. “Đừng tin chuyện đó làm gì, con trai.”

“Gọi tôi là Willie đi.” Chẳng hiểu sao tôi cứ bám lấy cái tên đó.

“Đừng tin chuyện đó làm gì, Willie. Thằng đó có tội, cơ hội duy nhất cho hắn là mua chuộc hoặc đe dọa bồi thẩm đoàn. Tôi cá một ăn mười là phiên tòa sẽ diễn ra ở đây thôi, ngay trong tòa nhà này.”

Sau hai tiếng chờ đợi trong vô vọng mong đám đông chuyển ý, cuối cùng giờ ăn trưa cũng đến và đám người tản ra dần. Chuyên gia của bang cuối cùng cũng đến và bắt đầu xem xét phòng in.

Tôi vẫn không được phép vào tòa nhà, cũng chẳng sao cả.

Vậy là tôi, Margaret và Wiley, ngồi ăn sandwich ở tiền đình trước sân tòa án. Chúng tôi ăn trong lặng lẽ, trao đổi những câu ngắn gọn, mắt đều chăm chú hướng về văn phòng tòa soạn bên kia đường. Thỉnh thoảng, có người thấy chúng tôi, ngại ngùng hỏi thăm dăm ba câu. Biết nói gì với nan nhân vụ đánh bom mà bom chưa nổ nhỉ? May thay, dân ở đây không mấy kinh nghiệm trong chuyện này nên cũng ngại thực hành. Nhưng chúng tôi cũng nhận vài lời cảm thông, vài đề nghị giúp đỡ nho nhỏ.

Rồi cảnh sát trưởng Coley tìm tới, nói qua báo cáo sơ bộ về quả bom. Đồng hồ trong chiếc hộp là loại báo thức vặn dây cót mua ở đâu cũng có. Mới đầu, chuyên gia nghĩ dây nổ có vấn đề, còn chê tay nào chế bom mà nghiệp dư quá.

"Vậy ông định điều tra thế nào?" tôi bồn chồn hỏi.

"Chúng tôi sẽ lấy dấu vân tay, và xem có tìm được nhân chứng nào không. Quy trình như thường lệ thôi."

"Ông nói chuyện với nhà Padgitt được không?" tôi hỏi, giọng còn bồn chồn hơn nữa. Xét cho cùng, tôi là đại diện cho cả đống nhân viên tòa soạn mà. Và dù tôi đang sợ chết khiếp, nhưng vẫn muốn họ thấy tôi gan dạ đến thế nào.

"Anh biết chuyện gì tôi không biết à?" Coley hỏi ngược lại tôi.

"Họ là nghi can à?"

"Còn anh là cảnh sát trưởng à?"

"Nhà Padgitt là đám phóng hỏa kinh nghiệm nhất hạt, đã đốt

nhà bao lâu nay mà chẳng bị gì. Tuần trước, luật sư của họ đã đe dọa tôi ở tòa. Và chúng tôi đã cho Danny Padgitt chường mặt lên trang nhất hai lần. Không nghi họ thì nghi ai đây?"

"Anh cứ tự nhiên viết truyện đi, con trai. Cứ chỉ thẳng mặt họ. Có vẻ đằng nào anh cũng quyết tâm kiện vụ này mà."

"Tôi lo tờ báo," tôi giằng lại, "còn ông lo bắt tội phạm." Coley ngả mũ chào Margaret rồi quay người bước đi.

"Năm sau là bầu cử rồi," Wiley nói, mắt nhìn Coley đang dừng lại hỏi thăm hai cô ở gần máy bán nước, "tôi mong lão sẽ có đối thủ."

Chuyện đe dọa lại tiếp diễn, và lần này, tổn thất là Wiley. Ông sống cách thành phố một dặm, ở một trang trại nhỏ rộng năm mẫu, chỗ để vợ ông trồng dưa hấu và nuôi vịt. Tối đó, ông vừa đỗ xe trước nhà và bước ra thì hai tên du côn nhảy ra khỏi bụi và xông tới. Tên to con đánh ông ngã ngửa rồi đấm vào mặt ông, tên kia thì lục lọi băng ghế sau xe để lấy hai máy ảnh. Wiley 58 tuổi và là cựu thủy quân lục chiến, ông xoay xở đạp được tên to con một cú ngã lăn ra đất. Hai bên đấm nhau và Wiley đang dần chiếm thế thượng phong thì tên nhỏ con nhảy ra lấy cái máy ảnh đập đầu ông. Wiley nói sau đó ông chẳng nhớ được gì nữa.

Vợ ông nghe thấy tiếng ồn ào thì chạy ra, thấy Wiley đang nằm bất tỉnh, hai cái máy ảnh đều vỡ nát. Đưa ông vào nhà, bà lấy túi đá lạnh chườm lên mặt, khám qua thì thấy chưa gãy xương nào. Ông cựu thủy quân lục chiến chẳng muốn đến bệnh

viện làm gì.

Sau đó, một cảnh sát đến lấy lời khai. Wiley chỉ thoáng thấy mặt của hai kẻ tấn công nhưng ông chắc chắn là chưa hề gặp chúng bao giờ. “Giờ chúng về lại cồn rồi. Chẳng tìm được chúng đâu,” ông bảo vậy.

Cuối cùng bà vợ cũng thuyết phục được ông, rồi một tiếng sau, họ mới gọi báo cho tôi từ bệnh viện. Tôi đến nơi khi ông đang chụp X-quang. Mặt ông bầm dập, nhưng vẫn mở miệng cười được. Ông cầm tay, kéo tôi lại gần. “Số tuần tới, trang nhất” ông nói qua cái hàm sưng và môi rách tím đen.

Vài tiếng sau, tôi rời bệnh viện, lái xe quanh quẩn vùng đồng quê, mắt cứ liếc nhìn gương chiếu hậu, sợ lại có thêm một đám nhà Padgitt cầm súng nhảy ra.

Đây đâu phải là một hạt vô pháp, nơi đám tội phạm có tổ chức xách súng chạy quanh làm luật. Ngược lại thì có, đây là nơi hiếm có tội ác xảy ra. Dân chúng cũng nghiêm khắc về chuyện tham nhũng biến chất. Nhưng mà cũng đâu hẳn là vậy, và tôi thà chết chứ không chịu khuất phục. Tôi sẽ mua một khẩu súng, trời ạ, ở hạt này ai chẳng có hai hoặc ba khẩu chứ. Và nếu cần, tôi sẽ thuê một vệ sĩ gì đó. Tờ báo của tôi đang ngày càng táo bạo hơn khi giờ xử án ngày một đến gần.

CHƯƠNG 8

Trước vụ phá sản và chuyển nhượng tờ báo, tôi đã nghe được một câu chuyện kỳ thú về một gia đình trong vùng. Ông Bớt chẳng hề viết bài về nó vì cần điều tra đôi chút và phải cất công băng qua phía bên kia đường ray.

Nhưng giờ tờ báo đã vào tay mình, nên tôi quyết định câu chuyện này quá hay không thể bỏ lỡ được.

Ở Hạ trấn, khu của dân da màu, có một cặp vợ chồng kỳ lạ, Calia và Esau Ruffin. Họ đã cưới nhau hơn 40 năm và có tám người con, bảy trong số đó có bằng tiến sĩ và đang làm giáo sư đại học. Người còn lại thì không ai rõ làm gì, dù theo lời Margaret thì cậu ấy tên Sam và đang lẩn trốn pháp luật.

Tôi gọi đến nhà họ và bà Ruffin nghe máy. Tôi giới thiệu bản thân, nói ra ý định của mình, thấy có vẻ bà biết khá rõ về tôi. Bà nói đã đọc tờ *Thời báo* 50 năm rồi, đọc từ đầu đến cuối, đọc hết, kể cả các mục cáo phó và quảng cáo thông báo, rồi sau một hồi, bà bảo là rất mừng khi giờ tờ báo đang nằm trong tay người giỏi giang hơn. Những bài báo dài hơn, ít lỗi hơn, nhiều tin tức hơn. Bà nói chậm rãi, rõ ràng, với cách chọn từ chuẩn mực mà tôi chưa hề được nghe kể từ khi rời Syracuse.

Khi chuyện trò vui vẻ rồi, tôi cảm ơn bà và nói muốn được gặp gỡ nói chuyện về gia đình phi thường của bà. Bà rất tự hào và nhất quyết mời tôi ghé nhà bà ăn trưa.

Và thế là mở đầu một tình bạn lạ thường đã mở mang tâm mắt cho tôi về rất nhiều thứ, một trong số đó là nền ẩm thực miền Nam.

Mẹ tôi mất năm tôi 13 tuổi. Bà bị chứng biếng ăn đến nỗi lúc khiêng quan tài bà chỉ cần bốn người là đủ. Bà chưa đến 45 cân và trông như thây ma. Chứng biếng ăn không phải là vấn đề duy nhất của bà.

Vì không ăn nên bà chẳng nấu. Tôi chẳng nhớ nổi mẹ từng nấu bữa ăn nóng nào cho tôi. Bữa sáng là một bát ngũ cốc Cheerios, bữa trưa là sandwich lạnh, bữa tối là một đống hổ lốn mấy thứ đông lạnh mà tôi vừa ăn vừa xem phim một mình. Tôi là con một và bố tôi chẳng bao giờ ở nhà, dù cho thế cũng khỏe vì hễ bố tôi về nhà là hai người lại cãi nhau ầm ĩ. Bố thì muốn ăn, mẹ thì không. Họ bất hòa về mọi thứ.

Tôi vẫn có đủ ăn, trong bếp lúc nào chẳng có bơ đậu, ngũ cốc gì đó. Thỉnh thoảng tôi ăn ở nhà bà và luôn tò mò không biết những gia đình thực sự nấu ăn thế nào và ngồi chung với nhau bên bàn ăn trong bao lâu. Trong nhà tôi, chuyện ăn uống chẳng bao giờ là chuyện quan trọng.

Đến tuổi thiếu niên, tôi sống nhờ vào mấy món đông lạnh. Ở Syracuse thì sống bằng bia và pizza. Suốt 23 năm cuộc đời, tôi

chỉ ăn vì đói. Và ở Clanton này, tôi đã biết làm thế là sai, sai quá rồi. Ở miền Nam, ăn uống chẳng mấy liên quan đến cái bụng đói.

Nhà Ruffin ở khu đẹp hơn của Hạ trấn, nằm trong dãy nhà ống có sơn quét và được giữ gìn sạch sẽ. Ở đây, địa chỉ nhà được viết trên các hộp thư, và khi vào một khúc cua, tôi bất giác mỉm cười vì thấy dãy hàng rào trắng với những khóm hoa mẫu đơn và diên vĩ. Giờ đang là đầu tháng 4, tôi cho hạ mui chiếc Spitfire xuống và vừa lúc đó bỗng ngửi thấy một mùi thơm ngon lành. Sườn nướng Calia Ruffin đứng đón tôi ở cánh cổng quay mở vào bãi cỏ sân trước chỉn chu của bà. Bà đẫy đà, vai rộng, với cái bắt tay chặt như đàn ông. Mái tóc muối tiêu thể hiện gánh nặng của việc nuôi dạy tám người con, nhưng mỗi khi cười, mà bà cười suốt, bà lại khiến khung cảnh sáng bừng với hai hàm răng trắng bóng hoàn hảo. Tôi chưa hề thấy hàm răng nào như thế.

Vừa dẫn tôi vào, bà vừa nói, "Thật mừng vì anh đến." Tôi cũng mừng như vậy. Lúc đó mặt trời đã điểm ngọ. Theo thói quen, đến giờ tôi vẫn chưa ăn gì, và mùi hương phảng phất ở hiên trước khiến tôi hơi choáng.

"Nhà đẹp quá," tôi nói, mắt nhìn chăm chú vào mặt tiền ngôi nhà. Nhà này làm bằng ván ghép và phủ một màu trắng bóng như thể chủ nhân thường xuyên sơn đi sơn lại đều đặn vậy. Hiên trước được che phủ với mái vòm bằng tôn xanh lục.

"Trời, cảm ơn anh. Nhà tôi mua nó được 30 năm rồi."

Tôi biết là hầu hết nhà cửa ở Hạ trấn đều thuộc sở hữu của các chủ đất da trắng ở bên kia đường ray. Sở hữu một ngôi nhà là thành tựu hiếm có của một người da đen vào những năm 1970.

“Ai làm vườn cho bà vậy?” Tôi hỏi bâng quơ khi dừng lại ngửi một bông hồng vàng. Hoa ở khắp nơi, dọc lối đi, trên mái vòm, hai bên bờ rào. “Hẳn là tôi rồi,” bà nói và nở nụ cười trắng bóng trong ánh mặt trời.

Bước ba bậc cầu thang lên hiên trước là tôi ngỡ ngàng. Một chiếc bàn nhỏ được chuẩn bị sẵn cho hai người ngồi, với khăn trải bàn trắng, khăn ăn trắng, một bình hoa nhỏ, một bình trà đá và ít nhất là bốn chiếc thố được đậy nắp.

“Bà sắp có khách à?” tôi hỏi.

“Ồ, chỉ có anh và tôi thôi. Esau có lẽ lát nữa mới về.”

“Chừng này đồ ăn đủ cho cả đạo quân đấy.” Tôi hít lấy hít để và bụng cồn cào đòi ăn.

“Ăn thôi nào,” bà Calia bảo, “không thì nó nguội mất.”

Tôi cố kiềm chế, bước thong thả đến bàn, kéo ghế cho bà ấy. Bà rất vui khi tôi lịch thiệp đến vậy. Tôi về chỗ của mình, đang chuẩn bị mở nắp và cắm đầu vào đĩa thì bà Calia cầm lấy hai tay tôi và cúi đầu. Rồi bà bắt đầu cầu nguyện, một lời cầu nguyện hơi dài. Bà tạ ơn Chúa vì mọi sự tốt đẹp mình có, kể cả “người bạn mới” là tôi đây. Bà cầu cho những người bị bệnh và cả những người có thể bị bệnh. Bà cầu nguyện xin mưa nắng thuận hòa, sức khỏe, khiêm nhượng và kiên nhẫn, và dù tôi bắt đầu nôn

nao sợ đồ ăn nguội mất nhưng vẫn cảm nhận được giọng nói đầy lôi cuốn của bà. Bà nói chậm rãi, từng chữ nói ra đều có cân nhắc. Vốn từ lại hoàn hảo, mọi phụ âm đều rõ ràng, mọi quãng ngắt chấm phết đâu vào đấy. Tôi phải hé mắt nhìn để đảm bảo mình không mơ. Ở miền Nam này, tôi chưa hề nghe người da đen nào nói như vậy, thậm chí người da trắng cũng không.

Tôi lại hé mắt lần nữa. Bà đang thưa chuyện với Chúa, và gương mặt bà thể hiện sự mãn nguyện vô cùng. Trong vài giây, tôi bỗng quên hết đống đồ ăn trước mặt. Bà nắm chặt tay tôi khi thân thưa cùng Đấng Toàn Năng với những lời nói và cung giọng chỉ có thể có được nhờ nhiều năm cầu nguyện. Bà trích cả Kinh Thánh, chắc chắn là bản Vua James, và tôi cũng thấy hơi kỳ khi nghe bà dùng những cổ ngữ vốn đã không còn thông dụng trong xã giao. Nhưng bà hiểu rõ từng lời mình nói. Được nắm chặt trong đôi tay của người phụ nữ thánh thiện này, tôi cảm thấy mình đang gần Chúa hơn bao giờ hết.

Tôi chẳng thể hình dung nổi một màn thờ kính dài đến thế trên bàn ăn với tám người con. Nhưng tôi cũng cảm thấy rằng khi Calia Ruffin cầu nguyện thì mọi người xung quanh đều bình tâm thinh lặng.

Cuối cùng, bà kết lời cầu với một đoạn dài đầy hoa mỹ xin tha thứ cho mọi tội của bà, dù bản thân tôi thấy chắc cũng chẳng có bao nhiêu, bà còn xin Chúa tha thứ cho tội của tôi nữa.

Rồi bà thả tay tôi ra, mở nắp mấy cái thố nhỏ. Cái đầu tiên là

sườn nướng với thứ nước sốt nấu bằng nhiều gia vị, dù tôi chỉ nhận biết được có mỗi hành và tiêu. Hơi bốc lên mặt tôi khiến tôi thèm đến nỗi muốn lấy tay bốc mà ăn cho nhanh cho rồi. Thố thứ hai là bắp nấu với ớt chuông xanh, vẫn còn nóng như vừa lấy từ lò ra. Thêm một đĩa đậu bắp luộc, và bà giải thích là khi chuẩn bị bữa này, bà thấy nó thì hay hơn là khoai tây chiên vì bà lo ngại như thế sẽ hấp thụ nhiều dầu mỡ quá. Hồi nhỏ bà được dạy là món gì cũng phải nghiền và chiên, từ cà chua cho đến đồ dầm, nhưng rồi bà nhận ra làm kiểu đó không được lành mạnh cho lắm. Còn có đậu lima, không nghiền cũng không chiên, mà được hầm với giò heo. Và cuối cùng là một đĩa gỗ đựng cà chua chín trộn ớt chuông và dầu ô liu. Bà bắt đầu kể cho tôi biết là ở đây, ngoài bà ra, không mấy người dùng dầu ô liu. Tôi chăm chú nghe từng lời của bà khi bà bắt đầu múc đồ ăn vào đĩa cho tôi.

Một người con trai của bà sống ở Milwaukee gửi dầu ô liu loại tốt cho bà, vì ở Clanton chẳng ai bán thứ đó.

Bà xin lỗi vì số cà chua này là mua ở cửa hàng, cà chua nhà bà vẫn còn xanh, phải đến hè mới chín được. Còn bắp, đậu bắp và đậu lima được trữ lại từ vụ mùa của vườn bà hồi tháng 8 năm ngoái. Thật sự, món rau "tươi" duy nhất là cải búp hái từ vườn nhà.

Ở ngăn lõm chính giữa bàn là một chảo đen nhỏ, và khi bà kéo chiếc khăn ăn che nó ra, thì trong đó có ít nhất hai ký bánh bắp nóng hổi. Bà lấy một miếng to đặt vào đĩa của tôi và nói, "đây, mời anh khai vị." Tôi chưa hề ngồi trước bàn ăn nào nhiều

đồ ăn thế này, và bữa tiệc thịnh soạn nhất đời tôi bắt đầu.

Tôi đã cố ăn chậm rãi, nhưng đành chịu. Tôi mang bụng đói đến đây, và với mùi hương hoa cỏ và chiếc bàn đẹp đẽ, cùng bài tạ ơn khá dài, bài mô tả các món đến từng chi tiết, tôi đã đói đến mức không còn kìm hãm nổi rồi. Tôi cặm cụi ăn còn bà Calia thì sẵn lòng lo hết phần chuyện trò.

Bà kể cho tôi là hầu hết thực phẩm đều lấy từ vườn nhà. Bà và chồng đã trồng bốn loại cà chua, đậu lima, đậu cô ve, đậu trắng, dưa chuột, cà tím, bí ngô, cải búp, cải ngựa, củ cải, hành tây vidalia, hành tây vàng, hành lá, cải bắp, đậu bắp, khoai tây đỏ, khoai tây nâu, cà rốt, củ cải đường, bắp, ớt chuông xanh, dưa vàng, hai loại dưa hấu khác nhau, và vài thứ khác nữa mà tạm thời bà không nhớ hết. Sườn heo lấy từ nhà anh bà, hiện đang sống ở ngôi nhà cũ của gia đình ở miền quê. Mỗi mùa đông, ông mổ hai con heo gửi cho bà để cho vào tủ đông ăn dần. Đổi lại, bà đều đặn gửi rau củ tươi cho ông.

“Chúng tôi không dùng hóa chất,” bà vừa nói vừa nhìn tôi đang ăn lấy ăn để. “Mọi thứ đều tự nhiên.”

Miệng tôi bảo đảm chắc chắn là thế rồi.

“Nhưng đều là đồ trữ lại, từ mùa đông. Nếu vào mùa hè, sẽ có đồ tươi mới hái vài tiếng, ngon hơn nhiều. Lúc đó, anh đến ăn cùng chứ, anh Traynor?”

Tôi gật đầu và nói ấp úng qua cái miệng đầy thức ăn, nhưng cũng đủ để bà hiểu là hễ bà mời tôi sẽ tới ngay.

“Anh muốn xem khu vườn nhà tôi không?” bà hỏi.

Tôi lại gật đầu, cái miệng giờ chứa nhiều thứ quá, không nói được nữa rồi.

“Tốt. Vườn ngay sau nhà thôi. Tôi sẽ hái cho anh một ít xà lách và đậu. Chúng ngon lắm."

“Tuyệt,” cuối cùng tôi cũng cố chừa hơi nói được một chữ. “Tôi cho là một người độc thân như anh cần mọi sự giúp đỡ có thể đấy.”

“Sao bà biết tôi độc thân?” Tôi nhấp một ngụm trà. Có lẽ trà này để tráng miệng, ngọt quá.

“Dân tình bàn tán về anh mãi mà. Ở Clanton chuyện gì người ta cũng biết, dù là bên này hay bên kia đường ray cũng thế.”

“Vậy bà còn nghe chuyện gì nữa?”

“Để xem nào. Anh thuê trọ ở nhà Hocutt. Anh đến từ miền Bắc.”

"Memphis."

“Xa thế à?”

“Cách đây một tiếng thôi mà.”

“Tôi đùa thôi. Một con gái của tôi đã học đại học ở đó.”

Tôi có rất nhiều câu muốn hỏi về các con bà, nhưng lại chưa sẵn sàng cất thìa nĩa để cầm giấy bút. Có lúc tôi gọi bà là cô Calia, thay vì cô Ruffin.

“Gọi là Callie đi,” bà bảo, “Callie là được rồi.” Một trong

những thói quen tôi học được ở Clanton là khi nói chuyện với phụ nữ, bất kể tuổi tác, phải kèm từ "cô" vào trước. Nếu mới quen biết vài năm thì dùng họ, gọi là cô Brown, cô Webster. Và dùng tên, cô Martha, cô Sara, nếu là người trẻ tuổi. Gọi như thế chứng tỏ là người hào hiệp và có dạy dỗ, và vì tôi chưa được công nhận có cả hai cái đó, nên phải cố theo lề thói của dân ở đây hết sức có thể.

"Cái tên Calia là gốc ở đâu vậy?" tôi hỏi.

"Tên Ý đấy," bà nói xong rồi thôi, như thể vậy là đủ, rồi cúi xuống ăn đậu lima. Tôi cũng ăn một miếng sườn, xong lại hỏi tiếp, "Tên Ý à?"

"Phải, đấy là tiếng mẹ đẻ của tôi. Chuyện dài lắm. Họ thật sự muốn đốt tòa soạn à?"

"Đúng thế," tôi trả lời, nhưng trong lòng thắc mắc sao một bà da đen ở nông thôn Mississippi lại bảo tiếng mẹ đẻ của bà là tiếng Ý nhỉ.

"Và họ còn đánh ông Meek?"

"Phải."

"Họ là ai?"

"Chúng tôi chưa biết. Cảnh sát trưởng Coley đang điều tra." Nói xong, tôi hồi hộp chờ xem phản ứng của bà với cảnh sát trưởng như thế nào. Trong lúc chờ đợi, tôi lại xử tiếp một miếng bánh bắp, bơ chảy ra đầy cằm.

"Ông ta làm cảnh sát trưởng cũng hơi lâu rồi nhỉ?"

Bà hỏi thế, nhưng tôi tin chắc là bà biết chính xác Mackey Don Coley lần đầu nhậm chức vào năm nào. “Bà nghĩ sao về ông ta?” tôi hỏi.

Bà nhấp một chút trà rồi ngẫm nghĩ. Bà Callie không hấp tấp trả lời, nhất là khi chuyện nói về người khác. “Ở phía bên này đường ray, cảnh sát trưởng là người giữ cho đám bài bạc, buôn rượu lậu và ma cô dắt gái tránh xa dân lành. Về mặt đó, ông Coley làm tốt.”

“Cho tôi hỏi bà một chuyện được không?”

“Chắc chắn rồi. Anh là phóng viên mà.”

“Bà nói chuyện rất rành mạch và chuẩn xác. Tôi không biết nền học vấn của bà đến đâu nữa?” Đây là một câu hỏi nhạy cảm trong một xã hội mà cả trăm năm qua chẳng đặt nặng vấn đề giáo dục. Đang là năm 1970, và Mississippi vẫn chưa có nhà trẻ công, cũng không có quy chế phổ cập giáo dục.

Nhưng bà Callie bật cười, một lần nữa cho tôi ngắm hàng răng trắng bóng đẹp đẽ. “Tôi đã học hết lớp 9, anh Traynor à.”

“Lớp 9 á?”

“Phải, nhưng chuyện của tôi hơi khác. Tôi có một gia sư tuyệt vời. Đấy lại là một câu chuyện dài khác nữa.”

Tôi bắt đầu nhận ra rằng những “câu chuyện dài” của bà Callie chắc phải vài tháng, hay thậm chí vài năm mới kể hết, và tôi sẽ được thong thả lắng nghe qua những buổi tiệc trưa cuối tuần ngay trên mái hiên này.

“Chuyện đó để sau hẵng kể nhé,” bà nói. “Ông Caudle thế nào rồi?”

“Không khỏe lắm. Ông ấy cứ ru rú trong nhà thôi.”

“Ông ấy là người tử tế. Lúc nào cũng thân thiết với cộng đồng da đen. Một con người can đảm cực kỳ.”

Tôi nghĩ cái “can đảm” của ông Bớt nằm ở chỗ mở rộng phạm vi của mục cáo phó hơn là mong muốn đối xử công bằng cho tất cả mọi người. Nhưng tôi cũng biết được rằng chuyện tang lễ rất quan trọng với người da đen, khi họ thường để quan tài cả tuần kèm một loạt lễ cầu hồn, quan tài mở nắp cho mọi người viếng, tiếng tỉ tê khóc thương không dứt, cũng như cuộc rước linh cữu dài cả cây số và cuối cùng là lễ tiễn biệt bên phần mộ đầy xúc động. Khi ông Bớt trở nên cấp tiến, mở mục cáo phó cho cả người da đen, tự nhiên ông đã thành anh hùng trong lòng dân Hạ trấn.

“Ông ấy là người tốt,” tôi vừa nói vừa với tay lấy miếng sườn thứ ba. Miệng tôi đã bắt đầu mỏi, nhưng trên bàn còn nhiều đồ ăn quá!

“Những bài cáo phó anh đăng đang khiến ông ấy tự hào đấy,” bà nói và mỉm cười nồng hậu với tôi.

“Cảm ơn bà. Tôi vẫn còn phải học hỏi nhiều.”

“Anh cũng có can đảm nữa, anh Traynor à.”

“Bà cứ gọi tôi là Willie được không? Tôi mới 23 tuổi thôi.”

“Tôi thích gọi là anh Traynor hơn.” Và bà muốn thế thì phải

thế rồi. Phải mất vài năm, bà mới quen dần và chịu gọi tôi bằng tên thay vì họ.

"Anh chẳng sợ nhà Padgitt," bà nói thẳng ra luôn. Cái này là chuyện lạ với tôi.

"Việc của nhà báo là thế mà," tôi đáp.

"Anh có nghĩ chuyện đe dọa sẽ tiếp diễn không?"

"Có lẽ là có. Họ đã quen muốn gì được nấy. Họ bạo lực, nhẫn tâm, nhưng một tờ báo tự do thì phải kiên cường trước đe dọa." Tôi nói mà chẳng tin nổi lời mình. Thêm một quả bom hay một vụ tấn công nữa, là tôi chuồn về Memphis ngay lập tức.

Bà ngừng nĩa và đưa mắt nhìn bâng quơ ra phía đường. Bà đang trầm ngâm suy nghĩ gì đó. Còn tôi, dĩ nhiên, vẫn cắm cúi ăn.

Cuối cùng, bà mới buột miệng, "Tội cho mấy đứa nhỏ, khi phải thấy mẹ chúng như thế."

Hình ảnh đó khiến tôi phải dừng nĩa. Tôi chùi miệng, hít một hơi dài, để tiếng gọi đồ ăn thinh lặng trong giây lát. Người dân Clanton không biết rõ cảnh tượng hiện trường tội ác khủng khiếp đến đâu, họ chỉ biết hình dung, đoán mò, và xôn xao bàn tán với nhau. Như thường lệ, những lời đồn rỉ tai lan nhanh như lửa cháy, tam sao thất bản, rồi lại lan tiếp. Tôi tò mò không biết ở Hạ trấn, người ta rỉ tai nhau thế nào. "Bà đã nói là bà đọc tờ *Thời báo* suốt 50 năm rồi," tôi nói qua tiếng ợ hơi.

"Đúng thế."

“Bà có nhớ được có vụ án nào tàn bạo hơn vụ này không?”

Bà ngừng một giây như thể đang lục lọi 50 năm ký ức, rồi chầm chậm lắc đầu. “Không.”

“Bà từng gặp ai nhà Padgitt chưa?”

“Chưa. Họ ở lì trên cồn, lúc nào chẳng thế. Người da đen làm cho họ cũng thế, ở lì trên đó, chế whisky, làm tà thuật, đủ trò ngớ ngẩn.”

“Tà thuật à?”

“Phải, ở bên này đường ray, ai cũng biết chuyện đó. Dân ở đây chẳng ai dám kiếm chuyện với dân da đen của nhà Padgitt, chưa hề.”

“Dân ở bên này đường ray có tin Danny Padgitt đã hiếp giết cô ấy không?”

“Những ai đọc báo của anh chắc chắn sẽ tin vậy.”

Bà Calia không biết câu đó của bà giá trị với tôi đến thế nào đâu. “Chúng tôi chỉ đưa tin chuyện thật thôi mà,” tôi hãnh diện đáp lời. “Anh ta bị bắt, đã bị khởi tố, và đang chờ ra tòa.”

“Có khả năng anh ta vô tội không?”

Tôi bất ngờ lúng túng trước câu hỏi này. “Dĩ nhiên là có.”

“Anh có nghĩ đăng báo với tấm ảnh anh ta bị còng tay, áo dính máu, là công bằng không?” Tôi choáng váng trước ý niệm công bằng của bà. Tại sao mà bà, hay bất kỳ người da đen nào khác ở Hạt Ford, lại quan tâm liệu Danny Padgitt có được đối xử công bằng hay không chứ? Đâu mấy người bận tâm chuyện các bị cáo

da đen có được đối xử tử tế trong tay cảnh sát và báo giới.

“Anh ta có vết máu trên áo khi vào trại giam. Chúng tôi đâu thêm thắt gì.” Cả hai chúng tôi đều không vui vẻ gì mấy với câu chuyện này. Tôi nhấp một ngụm trà mà gần như không nuốt xuống nổi. Bụng tôi hết chỗ rồi.

Bà nhìn tôi, mỉm cười, lại còn đánh bạo hỏi thêm, “Tráng miệng nhé? Tôi có bánh pudding chuối đây.”

Tôi có thể từ chối, đằng nào tôi cũng không ăn nổi thêm miếng nào nữa rồi, nhưng thỏa hiệp một chút thì hơn. “Hay ta chờ một lát, cho bụng dạ đằm lại đã.”

“Vậy thì uống chút trà nhé,” bà vừa nói vừa chêm trà vào ly tôi. Bây giờ hít thở còn khó nữa là, nên tôi ngả hết người ra ghế và quyết định bắt đầu vào vai nhà báo một cách nghiêm túc. Bà Callie, vốn ăn ít hơn tôi nhiều, giờ đang ngồi ăn cho xong phần đậu bắp.

Theo Baggy, Sam Ruffin là học sinh da đen đầu tiên đăng ký học ở các trường dành cho người da trắng ở Clanton. Chuyện đó từ hồi năm 1964, khi Sam học lớp 7, 12 tuổi, và đó hẳn là một trải nghiệm khó khăn đối với bất kỳ ai, với Sam lại càng khó khăn hơn nữa. Baggy từng cảnh báo tôi là có lẽ bà Callie sẽ không nói về cậu con út đâu. Hiện cậu đang bị treo thưởng lấy đầu và đã bỏ trốn khỏi vùng. Ban đầu, bà có hơi ngần ngại. Năm 1963, tòa đã tuyên rằng trường công da trắng không được phép từ chối học sinh da đen, dù cho thời đó, quy định trường đa

dạng chủng tộc vẫn chưa được áp dụng. Sam là con út, và vợ chồng bà quyết định cho cậu học trường da trắng với hy vọng các gia đình da đen khác cũng sẽ làm như họ. Nhưng lại không như vậy, và suốt hai năm, Sam là học sinh da đen duy nhất ở Trường Trung học Cơ sở Clanton. Cậu đã bị giày vò và đánh đập, nhưng cậu nhanh chóng biết cách dùng nắm đấm của mình và dần dần không còn bị bắt nạt nữa. Cậu đã nài xin bố mẹ cho về học lại ở trường da đen, nhưng họ vẫn không dao động, kể cả khi cậu chuyển lên trường cấp 3. Họ thấy nhẹ nhõm khi cuộc đấu tranh xóa bỏ phân tách chủng tộc trong nhà trường lan mạnh ở miền Nam và người da đen tiếp tục được hứa hẹn rằng thành tựu của vụ Brown kiện Bộ Giáo dục sẽ tiếp tục được phát triển.

Thế nhưng, bà Caila phải buồn rầu kể, "Thật khó để tin rằng đến năm 1970 này mà trường ở đây vẫn phân chia da đen da trắng." Các vụ kiện liên bang và quyết định từ tòa án được ban ra tới tấp khi người da trắng phản đối khắp miền Nam, nhưng Mississippi này như chiến tuyến cuối cùng của họ. Hầu hết những người tôi quen biết ở Clanton đều tin chắc rằng trường học phải phân rạch ròi theo màu da. Tôi, một dân miền Bắc ở Memphis, có thể nhận ra chuyện gì đang diễn ra ở đây. "Bà có hối tiếc vì đã cho Sam học ở một trường da trắng không?"

"Có và không. Phải có người dám can đảm đi bước đầu tiên chứ. Tôi rất đau lòng khi biết nó buồn, nhưng chúng tôi phải giữ lập trường. Chúng tôi không sẽ không thoái lui."

“Hiện giờ cậu ấy thế nào?”

“Sam là một chuyện khác hẳn, anh Traynor à, một chuyện để sau rồi tôi kể, mà có khi cũng không. Anh muốn đi xem vườn nhà tôi chứ?”

Câu đó như một mệnh lệnh hơn lời mời. Tôi bèn theo bà ra sau nhà, dọc theo một hành lang hẹp với dãy ảnh đóng khung chụp con cháu của bà. Trong nhà cũng gọn gàng ngăn nắp như bên ngoài. Căn bếp mở ra hiên sau, và vườn địa đàng trải dài từ đó đến tận hàng rào hậu. Không một phân đất nào bị bỏ không.

Khung cảnh trước mắt tôi như hình trong một tấm bưu thiếp, với đủ loại sắc màu, những luống cây trồng gọn gàng đâu vào đấy, những lối đi nhỏ xen kẽ giữa chúng để vợ chồng bà đi chăm gia sản tuyệt vời của mình.

“Bà làm gì với chừng này thực phẩm vậy?” Tôi kinh ngạc hỏi.

“Ăn một phần, bán một ít, chủ yếu là đi cho. Ở đây không ai phải đói.” Nghe đến đó, tôi bỗng thấy chột dạ. Thiếu đói là thứ tôi chưa hề biết bao giờ. Tôi theo bà ra vườn, đi chầm chậm giữa các lối nhỏ, nhìn theo tay bà đang chỉ các loại thảo mộc, dưa, và đủ thứ trái cây, rau củ ngon lành mà vợ chồng bà chăm sóc tận tình. Bà giải thích cho tôi về mọi loại cây, thậm chí cả thứ cỏ dại mà bà bực mình nhổ đi và vứt vào gốc dây leo nào đấy. Có vẻ bà không thể nào đi qua khu vườn này mà không bao quát hết mọi thứ dù là nhỏ nhất. Bà đưa mắt tìm côn trùng, giết một con sâu xanh đang bám vào dây cà chua, tìm cỏ dại, ghi chú về các việc

cần nhờ chồng làm.

Chuyến dạo vườn này thật sự giúp tôi mở mang tầm mắt về thực phẩm. Cái đầu ngốc nghếch của tôi giờ mới biết rau củ được trồng như thế này. Biết sao được, tôi là trẻ thành thị mà, cả đời chưa hề đặt chân vào vườn rau nào. Tôi muốn hỏi nhiều lắm, toàn những câu sẽ bị xem là ngớ ngẩn thôi, nên cố kìm lại.

Bà đang xem xét một bụi bắp, và có vẻ không mấy hài lòng. Bà hái một quả đậu cô ve, bẻ ra, xem xét nó như một nhà khoa học, rồi đưa ra ý kiến thận trọng là chúng cần thêm ánh nắng. Bà thấy một đám cỏ dại, và cho tôi biết là sẽ bảo chồng bà nhổ nó đi ngay khi ông về đến nhà. Tội cho ông Esau thật.

Sau ba tiếng ở nhà Ruffin, tôi cáo từ sau khi nhồi thêm mớ bánh pudding chuối vào bụng, cầm trên tay một túi cải búp mà tôi chẳng biết phải làm gì với nó và một vài thông tin quý báu để viết báo. Tôi còn nhận lời mời ghé lại ăn trưa vào thứ Năm tuần sau và một danh sách viết tay các lỗi bà Callie tìm được trên số báo tuần đó. Hầu hết là lỗi in và chính tả, tổng cộng 12 lỗi. Dưới thời ông Bớt, trung bình mỗi số báo phải có đến 20 lỗi, giờ đã bớt đi phân nửa rồi. Bà Calia cho biết đây là thói quen lâu nay của mình. “Có vài người thích chơi đố chữ, tôi thì thích tìm lỗi chính tả.”

Thật khó để bỏ qua chuyện này dù chắc chắn bà không có ý muốn chê trách ai. Do đó, tôi đã quyết tâm phải dò lại bản in một cách chăm chú hơn nữa.

Và thu hoạch cuối cùng cũng như lớn nhất của bữa trưa hôm đó là cảm giác tôi vừa có được một tình bạn mới và vô cùng đáng giá trong đời.

CHƯƠNG 9

Chúng tôi lại một lần nữa cho in ảnh khổ lớn lên trang nhất. Đây là tấm hình Wiley chụp quả bom trước khi cảnh sát phá nó. Tít báo quá chấn động: GÀI BOM Ở TÒA SOẠN THỜI BÁO.

Câu chuyện của tôi bắt đầu kể từ phát hiện bất ngờ của Piston, bao gồm mọi điểm tôi có thể chứng minh và cả một vài điểm tôi không thể. Cảnh sát trưởng thành phố không có phát biểu gì, cảnh sát trưởng hạt Coley thì chỉ nói vài câu vu vơ vô nghĩa. Kết bài báo là tóm tắt kết quả của phòng xét nghiệm hình sự của bang, và một dự báo rằng nếu phát nổ, quả bom này sẽ gây tổn hại "khủng khiếp" cho các tòa nhà ở phía nam quảng trường.

Wiley không cho tôi dùng tấm ảnh chụp khuôn mặt bầm dập của ông, dù tôi đã nài nỉ hết cỡ. Ở nửa dưới của trang nhất, tôi cho chạy cái tít NHIẾP ẢNH GIA TỜ THỜI BÁO BỊ HÀNH HUNG TẠI NHÀ. Một lần nữa, câu chuyện này không bỏ sót bất kỳ chi tiết nào, dù cho Wiley đã nhất quyết phải để ông duyệt qua trước mới được.

Trong cả hai bài báo, tôi không thèm dè dặt liên kết các tội ác này với nhau, và còn nói rõ rằng nhà chức trách, hay cụ thể là cảnh sát trưởng Coley, đã chẳng làm gì mấy để ngăn cản các

hành vi đe dọa có thể xảy ra sau này. Tôi không hề nhắc đến cái tên Padgitt. Đâu cần. Ở hạt này, ai chẳng biết chính họ đang dọa dẫm tôi và tòa soạn.

Ông Bớt quá lười để viết các bài xã luận. Thời tôi còn làm nhân viên chỉ thấy ông viết duy nhất một bài. Một nghị sĩ ở Oregon đã đệ một dự luật điên khùng ảnh hưởng đến việc khai thác cây gỗ đỏ, hình như là tăng khai thác chứ không phải giảm, dù tôi không chắc lắm. Chuyện đó làm ông Bớt bực mình. Suốt hai tuần liền, ông hì hục viết một bài xã luận và cuối cùng ra được một tràng đả kích 2000 chữ. Những ai có trình độ trung học đều thấy rõ ông vừa viết vừa tra từ điển. Đoạn đầu tiên đầy những chữ sáu ký tự, nhiều chưa từng thấy, và cực kỳ khó đọc. Ông Bớt đã sốc khi cộng đồng chẳng có phản ứng gì với bài đó, vì ông đã kỳ vọng người ta sẽ gửi thư đồng cảm đến tới tấp, nhưng đâu mấy người nảy sinh được đồng cảm với thuật ngữ từ điển.

Cuối cùng, ba tuần sau, một bản viết tay nguệch ngoạc được chuồi dưới cửa chính tòa soạn, với vài dòng chữ:

Gửi Tổng biên tập. Tôi rất tiếc vì ông đã nỗ lực quá sức vì những cây gỗ đỏ vốn không có ở Mississippi này. Nếu Quốc hội có làm gì ảnh hưởng đến gỗ mềm, ông sẽ vui lòng thông tri cho chúng tôi chứ?

Lời nhắn không có chữ ký, nhưng cũng đủ để ông Bớt sướng rơn. Ông nhẹ cả người khi có ai đó chú ý đến vấn đề ông nêu lên. Về sau, Baggy kể cho tôi là lời nhắn đó do một bạn nhậu của ông ở tòa án viết ra.

Tôi bắt đầu chấp bút cho bài xã luận của mình, “Một nền báo chí tự do và không bị kìm kẹp là điều quan thiết để có một chính quyền dân chủ.” Không cần vòng vo hay lên giọng dạy đời, tôi viết một mạch bốn đoạn ca ngợi tầm quan trọng của một tờ báo đầy sinh lực và chịu khó điều tra, không chỉ đối với đất nước mà còn cho mỗi một cộng đồng nhỏ nữa. Tôi đã thề rằng tờ *Thời báo* sẽ không e dè đưa tin về tội phạm trong vùng, dù là cưỡng hiếp, giết người, hay tham nhũng.

Bài báo đầy táo bạo, gan góc và xuất sắc. Dân thành phố đều đứng về phía tôi. Xét cho cùng, đây là tờ *Thời báo* đấu với nhà Padgitt và cảnh sát trưởng mà. Chúng tôi đã thể hiện lập trường đầy uy lực trước những kẻ xấu, dù cho chúng vô cùng nguy hiểm và rõ ràng là không hề chùn tay trước chúng tôi. Tôi cứ tự dặn lòng phải thật can đảm, mà ngoài thế ra còn chọn lựa nào khác chứ. Tờ báo của tôi phải làm gì đây, lờ đi vụ giết hại Kassellaw à? Nhẹ tay với Danny Padgitt sao?

Nhân viên của tôi hết sức phấn khởi với bài xã luận này. Margaret bảo nó khiến bà thấy thật tự hào khi làm việc cho tờ *Thời báo*. Wiley, vẫn đang dưỡng thương, giờ lúc nào cũng kè kè súng một bên, sẵn sàng giao chiến, “Cho chúng nếm mùi đi, lính mới.”

Chỉ có Baggy là tỏ vẻ hoài nghi. “Anh sẽ chuốc họa vào thân đấy,” ông bảo tôi vậy.

Và bà Callie một lần nữa lại khen ngợi đức tính dũng cảm của

tôi. Bữa trưa thứ Năm hôm đó, với sự tham gia của chồng bà, Esau, kéo dài suốt hai tiếng đồng hồ. Và tôi cũng đã bắt đầu lấy tin để viết bài về gia đình bà. Quan trọng hơn nữa là, hôm ấy, bà cho tôi biết số báo tuần đó chỉ mắc ba lỗi mà thôi.

Đầu giờ chiều ngày thứ Sáu, tôi đang ngồi một mình trong văn phòng thì bỗng nghe tiếng ầm ĩ ở lối vào dưới lầu, rồi cửa phòng tôi bật mở. Ông xông vào mà chẳng buồn mở miệng chào, hai tay thì đang nhét trong túi quần. Trông ông có vẻ quen quen, hình như tôi đã gặp đâu đó ở quảng trường rồi.

"Cậu có thứ này không, hả?" ông nói kiểu càu nhàu, rút tay phải ra và khiến tôi rớt cả tim ra ngoài. Ông đẩy khẩu súng lục sáng bóng lướt trên bàn đến chỗ tôi, như thể một bộ chìa khóa vậy. Nó xoay vài giây rồi nằm yên ngay trước mặt tôi, may thay, họng súng chĩa ra cửa sổ.

Ông củi người qua mặt bàn, giơ bàn tay to bự ra, "Harry Rex Vonner, hân hạnh." Tôi còn quá choáng váng, chẳng nói được gì, nhưng cuối cùng cũng chìa được cái tay ngượng nghịu ra bắt, mắt vẫn dán chặt vào khẩu súng.

"Nó là một khẩu Smith & Wesson, cỡ 38, ổ đạn sáu viên, đồ xịn đấy. Cậu có không?"

Tôi lắc đầu. Nghe tên thứ này đã làm tôi rợn người rồi.

Harry Rex miệng thì nói nhưng vẫn ngậm một điếu xì gà đen bự chảng ở khóe miệng trái. Tôi có cảm giác như đó là chỗ thường trực của nó cả ngày vậy, vì điếu xì gà không bốc khói,

chưa châm lửa. Ông ngả thân hình vạm vỡ ra ghế bành, như thể muốn ngồi lại đây chơi vài tiếng vậy.

“Cậu điên lắm, biết không hả?” Ông nói bằng cái giọng như gầm gừ. Đến đây, tôi cũng đã nhớ ra rồi. Ông là luật sư trong vùng, theo lời Baggy, là luật sư về ly hôn ác khẩu nhất hạt. Ông có bộ mặt xôi thịt, tóc ngắn, bù xù như mở rơm bị gió quật. Bộ vest kaki cũ rích của ông nhăn nheo và nhiều vết ố, như một tuyên ngôn rằng Harry Rex chẳng màng đến gì trên đời.

“Tôi làm gì với nó kia chứ?” Tôi hỏi, tay chỉ vào khẩu súng.

“Đầu tiên là nạp đạn, tôi sẽ cho cậu vài viên, rồi cậu cho nó vào túi quần, mang nó theo khắp nơi, và khi nào một thằng nhà Padgitt nhảy ra ám toán thì cậu cho nó một viên ngay giữa hai con mắt.” Để giúp mô tả ý mình, ông đưa ngón trỏ lên và gõ vào giữa hai mắt mình.

“Khẩu này chưa có đạn à?”

“Chưa. Cậu không biết gì về súng à?”

“Tôi e là không.”

“Thế thì lo học đi là vừa, nhất là với hoàn cảnh của cậu.” “Tệ đến thế à?”

“Có lần, tôi làm một vụ ly dị, hình như mười năm trước thì phải, cho một tay có cô vợ trẻ thích ghé nhà thổ làm thêm kiếm vài đồng. Gã làm việc trên tàu viễn dương, đi xa suốt, nên chẳng biết cô ả làm gì ở nhà. Cuối cùng, gã biết chuyện. Mà cái nhà thổ đó là của nhà Padgitt, và một thằng nhà đó kết cô vợ trẻ.” Tôi

vừa nghe chuyện vừa nhìn điếu xì gà nhấp nhô lên xuống nhưng vẫn nằm yên trên khóe miệng ông. "Thân chủ của tôi quá đau lòng và muốn đòi nợ bằng máu. Rồi anh ta cũng được máu, nhưng là máu của mình. Tối nọ, chúng tóm được anh ta và đánh cho tơi tả."

"Chúng là ai?"

"Nhà Padgitt, chắc chắn rồi, hoặc là tay chân của chúng."

"Tay chân à?"

"Ừ, đủ loại du côn du đãng làm việc cho chúng mà. Lũ đánh đấm, ném bom xăng, trộm xe, giết mướn."

Ông ngừng ngang chữ "giết mướn" mà quan sát vẻ mặt hoang mang của tôi. Có vẻ ông là kiểu có thể kể chuyện tràng giang đại hải và bất chấp tính xác thực. Harry Rex ngoác miệng cười, mắt nheo lại, và tôi cho là thế nào ông cũng chuẩn bị thêm thắt gì đây.

"Và dĩ nhiên chúng chưa hề bị bắt," tôi nói.

"Nhà Padgitt có đời nào bị bắt đâu."

"Vậy thân chủ của ông bị gì?"

"Gã nằm viện vài tháng. Não bị bầm dập khá nặng. Sau đó phải nhập xuất viện mãi, thật đáng buồn. Gia đình thì tan nát. Gã dạt đến Duyên hải Vịnh, và được bầu vào tham nghị viện của bang."

Tôi mỉm cười, gật đầu dù trong lòng nghĩ chắc đấy chỉ là chuyện bịa, nhưng cũng không hỏi thêm làm gì. Điếu xì gà bên

khóe miệng trái Harry Rex giờ đã được đẩy qua phải, mà không cần động tay.

"Cậu ăn thịt dê bao giờ chưa?" ông hỏi.

"Gì cơ?"

"Dê ấy."

"Chưa, tôi còn chẳng biết là thịt nó ăn được."

"Chiều nay, bọn tôi sẽ nướng một con. Mỗi thứ Sáu đầu tiên hàng tháng là bọn tôi tổ chức tiệc thịt dê ở nhà gỗ của tôi trong rừng. Có nhạc, có bia, trò chơi, tầm năm chục người, đều do tôi chọn lọc cẩn thận để mời, toàn tinh hoa xã hội đấy. Không có bác sĩ, dân nhà băng hay lũ đểu cáng câu lạc bộ đồng quê đâu. Toàn dân đẳng cấp thứ thiệt nhé. Sao cậu không ghé chơi nhỉ? Tôi có cả trường bắn sau hồ nhà đấy. Tôi sẽ đem súng theo và cậu sẽ biết cách dùng thứ này thôi."

Chuyến đi mười phút vào vùng quê theo lời Harry Rex lại thành chuyến đi nửa tiếng trên đường trải nhựa của hạt. Khi đến "đường mòn thứ ba qua trạm xăng Union 76 cũ của Heck" theo bản đồ Harry Rex vẽ cho tôi, là bắt đầu rẽ vào một con đường lát sỏi. Mới đầu, con đường khá êm, thỉnh thoảng lại thấy những hộp thư cho thấy có đôi người sống ở đây, nhưng sau ba dặm, không còn thấy hộp thư và dưới đường cũng chẳng còn sỏi. Khi tôi thấy "máy kéo rỉ sét mất lốp của Massey Ferguson" là xe rẽ trái vào một đường đất. Trên bản đồ viết đây là đường đi của heo, dù tôi chẳng hề thấy con nào. Đi hết đường heo là tới

một khu rừng rậm, đến đây tôi bắt đầu thật sự tính chuyện tìm cách quay về cho rồi, chiếc Spitfire của tôi đâu phải xe địa hình. Tới lúc đến được nhà gỗ của ông, tôi ước tính nãy giờ lái xe tổng cộng phải 45 phút.

Bên ngoài nhà là hàng rào thép gai và một cánh cổng sắt đang mở, nhưng tôi dừng xe ngay trước cổng, theo lời cái cậu cầm shotgun đứng đó. Cậu ta gác súng trên vai, phóng đôi mắt khinh thị nhìn chiếc xe của tôi, hỏi cáu bẳn, “Loại gì đây?”

“Triumph Spitfire. Xe Anh quốc đấy.” Tôi nở nụ cười, cố không tỏ vẻ xúc phạm gì. Sao tiệc thịt dê lại cần bảo vệ cầm súng chứ? Còn cái cậu này đặc sệt vẻ nhà quê của dân chưa hề thấy một chiếc xe ngoại nào.

“Anh tên gì?” cậu ta hỏi.

"Willie Traynor."

Tôi nghĩ nói “Willie” sẽ dễ tạo cảm tình hơn. Và cậu ta gật đầu về phía cổng. “Xe đẹp đấy,” cậu ta nói khi tôi lái ngang qua.

Ở bên trong, xe bán tải nhiều hơn xe con, và cả đống xe mạnh ai nấy đỗ ở bãi trước mặt nhà gỗ. Trên hai cái loa thùng đặt ở bệ cửa sổ, văng vẳng tiếng ỉ ôi của Merle Haggard. Một nhóm khách đang quây quần bên một miệng hố bốc khói, nơi nướng dê. Nhóm khác thì chơi ném móng ngựa cạnh nhà. Có ba cô gái ăn diện đẹp đang ngồi trước hiên, uống thứ gì đó chắc chắn không phải bia. Harry Rex xuất hiện, chào đón tôi nồng hậu.

“Cái cậu cầm shotgun là ai thế?” tôi hỏi.

“Ồ, nó à. Duffy, cháu họ vợ đầu của tôi.”

“Sao cậu ấy đứng đó?” Nếu tiệc thịt dê này có kèm vụ gì bất hợp pháp thì ít ra tôi cũng phải được báo trước chứ.

“Đừng lo. Duffy có làm gì đâu, súng cũng chẳng có đạn. Nó đứng gác khơi khơi như vậy nhiều năm rồi.”

Tôi cười theo như thể ông nói vậy nghe có lý lắm ấy. Ông dẫn tôi đến hố để cho tôi lần đầu tiên trong đời thấy con dê, dù còn sống hay đã chết. Trừ phần đầu và đuôi, thân con dê vẫn còn nguyên vẹn. Rồi Harry Rex giới thiệu một loạt đầu bếp ở đó. Mỗi tên tuổi là một nghề nghiệp khác nhau, luật sư, chuyên viên bảo lãnh, bán xe, nông dân. Khi đứng xem con dê được quay từ từ trên xiên giữa tiếng tranh cãi chí chóe, tôi sớm nhận ra rằng có quá nhiều ứng viên cho cách nướng chuẩn vị nhất. Harry Rex đưa tôi một chai bia, rồi chúng tôi đi vào nhà, gặp ai nói chuyện nấy. Tôi đã gặp một thư ký, một “môi giới bất động sản lươn lẹo” và vợ hiện tại của Harry Rex. Dường như ai ở đây cũng vui lòng gặp mặt chủ mới của *Thời báo*.

Căn nhà này nằm ở rìa một cái hồ sình lầy, loại hay thu hút rắn đến ở. Có một cầu tàu nhỏ vươn ra giữa mặt nước, và chúng tôi ra đó bắt chuyện. Harry Rex rất hớn hở khi giới thiệu tôi với bạn bè của ông. “Cậu bé này giỏi lắm, không phải loại trời ơi Ivy League thường thấy,” ông nói câu đó phải mấy lần. Tôi chẳng muốn bị gọi là “cậu bé,” nhưng rồi dần cũng quen.

Tôi tìm được một nhóm nhỏ dễ chuyện trò, gồm hai cô với vẻ

ngoài như đã đóng chốt ở mấy quán bar nhạc sống trong vùng, kẻ mắt đậm, tóc hấp xù, áo quần bó và ngay lập tức thể hiện hứng thú với tôi. Cuộc chuyện trò xoay quanh quả bom và vụ hành hung Wiley Meek, cũng như nỗi sợ hãi mà nhà Padgitt bao trùm trên hạt này. Tôi ra vẻ như thể đây chỉ là chuyện thường gặp trong sự nghiệp báo chí lâu năm và đầy hấp dẫn của mình. Họ hỏi nhiều câu khiến tôi thấy tự hào và thế là tôi nói chuyện nhiều hơn tôi tưởng.

Harry Rex cũng nhập cuộc và đưa tôi một lọ chất lỏng trong veo có vẻ đáng ngờ. “Uống chậm thôi.” ông nói như kiểu bố tôi vậy.

“Đây là gì vậy?” tôi hỏi. Tôi để ý thấy những người khác đang nhìn.

“Brandy đào.”

“Sao lại để trong lọ đựng trái cây?” tôi hỏi tiếp.

“Họ pha kiểu đó mà,” ông nói.

Một cô kẻ mắt đậm xen vào, “Rượu lậu đấy.” Đúng là người có kinh nghiệm.

Dân nông thôn ở đây đâu thường thấy một “dân Ivy League” uống hớp rượu lậu đầu tiên, nên mọi người bắt đầu xúm lại. Chắc chắn trong năm năm đầu học ở Syracuse, tôi đã uống nhiều rượu hơn bất kỳ ai ở đây, nên tôi chẳng thấy cần phải thận trọng làm gì. Tôi cầm cái lọ lên, “Nâng ly,” và nhấp một ngụm, rồi chép môi, “Không tệ,” cố nở nụ cười như của dân năm nhất

lần đầu dự tiệc hội huynh đệ đại học.

Môi tôi, điểm tiếp xúc ban đầu với thứ đó, bắt đầu thấy hơi nóng, rồi nó nhanh chóng lan ra khắp lưỡi và lợi, đến cổ họng, rồi tỏa khắp người tôi như lửa đốt. Mọi người ai cũng hóng nhìn. Harry Rex cũng nhấp một ngụm.

“Thứ này đâu ra vậy?” tôi hỏi kiểu hững hờ, dù cho đang nóng bừng cả người.

“Không xa nơi này,” có người trả lời thay Harry Rex luôn. Nóng bừng và hơi tê, tôi nhấp thêm ngụm nữa, nôn nóng tìm cách để đám đông lờ tôi đi một chút. Thật lạ là, nhấp đến ngụm thứ ba thì mới thấy có vị đào, như thể những ngụm vị giác phải bị sốc mới chịu hoạt động. Khi tôi thấy rõ ràng mình sẽ không bị thở ra lửa, nôn mửa hay la hét, cuộc chuyện trò lại tiếp tục. Harry Rex, có vẻ muốn đẩy nhanh vụ đào tạo cho tôi, liền đưa tôi một đĩa đồ chiên gì đó. “Ăn một miếng đi.” “Cái gì đây?” tôi hỏi với giọng ngờ vực.

Cả hai cô kẻ mắt đậm liền bịt mũi, chạy ra xa, như thể cái mùi đó khiến họ phát ói. “Dồi trường,” một người kêu lên. “Là cái gì cơ?”

Harry Rex liền cho một miếng vào miệng như để chứng minh nó ăn được, rồi đẩy đĩa lại sát mặt tôi hơn. “Ăn đi mà,” ông vừa nói vừa nhai rào rạo như ngon miệng lắm.

Mọi người lại đưa mắt theo dõi, vậy là tôi lấy một miếng nhỏ nhất cho vào miệng. Thứ này có thớ như cao su, vị hăng và gớm,

mùi thì như cái chuồng gà. Tôi nhai nhanh hết sức có thể, nuốt nó xuống, rồi hớp luôn một ngụm rượu lậu. Và trong vài giây, tôi tưởng chắc mình xỉu mất.

"Lòng heo đấy, cậu bé," Harry Rex nói và đưa tay vỗ lưng tôi. Ông cho thêm miếng nữa vào miệng rồi đưa cả đĩa về phía tôi.

"Thịt dê đâu rồi?" Tôi cố lắm mới mở miệng nổi.

Có thứ gì đỡ hơn không. Sao ở đây chẳng có bia và pizza chứ? Sao mấy người này ăn uống toàn mấy thứ không chịu nổi vậy?

Harry Rex quay người đi, đem theo cái mùi lòng heo phảng phất quanh ông. Tôi đặt lọ rượu xuống lan can mà cầu mong nó đổ mất cho rồi. Tôi nhìn quanh, thấy mọi người chuyển tay lọ rượu, thường thì một lọ là đủ cho cả nhóm rồi. Chắc chắn họ chẳng mấy quan tâm đến vi trùng vi khuẩn gì. Làm gì có vi khuẩn nào sống nổi trong phạm vi một mét quanh một mẻ rượu tồi.

Tôi xin phép rời chỗ cầu tàu, viện cớ là cần đi vệ sinh. Harry Rex bỗng từ cửa hậu ngôi nhà xuất hiện, trên tay là hai khẩu súng lục và một hộp đạn. "Nên bắn vài phát trước khi trời sập tối," ông bảo rồi vẫy tay, "Theo tôi."

Chúng tôi dừng lại ở hố nướng dê, gọi thêm một cao bồi tên Rafe đi cùng. "Rafe là người chạy việc cho tôi," Harry Rex kể khi chúng tôi đi về phía rừng.

"Chạy việc gì cơ?" tôi hỏi.

"Chạy kiếm các vụ án ấy mà."

“Tôi bám theo các xe cứu thương.” Rafe giải thích thêm. “Dù cho thường thì xe cứu thương chạy sau lưng tôi.”

Đúng là có quá nhiều thứ cần biết, dù cho tôi đã tiến bộ rất nhiều rồi. Lòng heo và rượu lậu trong vòng một ngày đúng là không tệ. Chúng tôi đi tầm trăm mét dọc một con đường mòn, qua vài tán cây, rồi đến một chỗ thoáng đãng. Giữa hai cây sồi khổng lồ, Harry Rex đã dựng một bờ tường hình bán nguyệt bằng các kiện cỏ khô cao tầm sáu mét. Ở chính giữa là một ga trải giường trắng, và chính giữa tấm ga là một hình người. Một kẻ tấn công. Kẻ địch. Mục tiêu.

Như tôi đã nghĩ, Rafe cũng rút súng ra. Harry Rex đưa tôi một khẩu. “Làm thế này nhé,” ông nói, mở đầu bài học hôm nay. “Đây là một khẩu súng lục ổ xoay sáu viên. Bấm ở đây là ổ đạn bật ra.” Rafe vươn qua và khéo léo lắp sáu viên đạn vào, rõ ràng đây là việc anh đã làm rất nhiều lần rồi. “Cho ổ vào lại vị trí như thế này là sẵn sàng nổ súng rồi.”

Chúng tôi đứng cách mục tiêu tầm 15 mét. Đứng ở đây, tôi vẫn nghe được tiếng nhạc phát ra từ nhà gỗ. Các khách khác mà nghe được tiếng súng thì sẽ nghĩ gì đây? Chẳng gì cả. Chuyện thường mà.

Rafe cầm lấy khẩu súng của tôi rồi hướng về phía mục tiêu. “Với người mới tập, hãy dạng chân rộng bằng vai, hơi gập gối, dùng cả hai tay như thế này, bóp cò bằng ngón trỏ phải.” Anh vừa nói vừa làm động tác minh họa, và dĩ nhiên là nhìn thì thấy

dễ ợt. Khi anh nổ súng, tôi đứng cách anh chưa đến mét rưỡi và tiếng nổ đó khiến tôi phát hoảng.

Sao phải nổ to thế chứ? Cả đời tôi, chưa hề tận tai nghe tiếng súng.

Phát thứ hai trúng ngay ngực mục tiêu, và bốn phát tiếp theo vào vùng bụng. Rồi Rafe quay sang tôi, mở ổ đạn, lắc mấy vỏ đạn rỗng ra, "Giờ đến lượt cậu."

Khi cầm lấy khẩu súng, tay tôi có hơi run. Nó còn ấm và mùi thuốc súng dày đặc bao quanh chúng tôi. Tôi loay hoay rồi cũng nhét được sáu viên đạn vào và đóng ổ đạn lại một cách gọn gàng. Quay mặt về phía mục tiêu, tôi nâng súng lên bằng hai tay, cúi người xuống như kiểu mấy tay dở hơi trong phim, nhắm mắt lại và bóp cò. Cảm giác như một quả bom nhỏ vừa nổ ngang tai tôi vậy.

"Phải mở to mắt ra chứ, chết tiệt," Harry Rex gầm lên.

"Tôi bắn trúng gì vậy?"

"Ngọn đồi sau rặng sồi."

"Thử lại đi," Rafe động viên.

Tôi đã cố nhìn qua thước ngắm, nhưng súng rung quá, nên chẳng ích gì. Tôi lại đưa tay vào cò súng, lần này mắt mở to, chờ xem viên đạn trúng được chỗ nào. Tôi để ý thấy chẳng có vết đạn nào gần chỗ mục tiêu cả.

"Cậu ấy bắn trượt tấm ga rồi," Rafe lẩm bẩm sau lưng tôi. "Bắn lại đi," Harry Rex bảo.

Tôi bắn tiếp, và một lần nữa, chẳng thấy đạn đáp chỗ nào. Rafe nhẹ nhàng cầm tay trái tôi và dắt tôi bước tới ba mét. “Cậu làm ổn đấy,” anh bảo. “Nhiều đạn mà, đừng lo.”

Phát thứ tư, tôi bắn trượt cả đám cỏ khô. Harry Rex kêu trời, “Chắc đám Padgitt an toàn quá rồi.”

“Do rượu thôi,” tôi nói.

“Chỉ cần luyện tập là sẽ được,” Rafe động viên, đẩy tôi tiến tới thêm chút nữa. Tay tôi bắt đầu đổ mồ hôi, tim đập thình thịch, tai thì ong lên.

Phát thứ năm, tôi bắn trúng tấm ga, dù là ở góc rìa phải, cách mục tiêu gần hai mét. Phát thứ sáu, tôi lại chẳng bắn trúng thứ gì, và nghe thấy tiếng đạn găm vào một trong mấy cành sồi.

“Bắn tốt lắm,” Harry Rex bảo. “Cậu suýt bắn trúng sóc rồi đấy.”

“Im đi,” tôi phát cáu.

“Cứ bình tĩnh,” Rafe vẫn miệt mài động viên. “Cậu quá căng thẳng thôi.” Anh giúp tôi nạp lại ổ đạn, và lần này, anh đứng sau cầm tay tôi. “Hít một hơi thật sâu,” anh nói qua vai tôi. “Thở ra rồi bóp cò. Anh giữ vững khẩu súng cho tôi nhìn thước ngắm, và khi súng nổ, đạn găm thẳng vào vùng háng của mục tiêu.

“Giờ mới bắt đầu vào việc đây,” Harry Rex thở phào.

Rafe để tôi tự tiếp tục, và như một cao bồi sát thủ, tôi nã liên tiếp năm phát. Tất cả đều bắn trúng tấm ga, một phát trúng ngay tai mục tiêu. Rafe khen tôi rồi giúp nạp đạn lần nữa.

Harry Rex có một khẩu Glock tự động cỡ 9 ly, và khi mặt trời dần lặn xuống, chúng tôi thay nhau nã đạn liên tục. Ông là tay súng cừ, dễ dàng bắn mười viên liên tiếp vào phần ngực mục tiêu từ cự ly 15 mét. Sau bốn lượt, tôi bắt đầu thấy thoải mái và tận hưởng trò này. Rafe là giáo viên tuyệt vời, thỉnh thoảng chỉ mẹo này mẹo kia tùy theo mức tiến bộ của tôi. "Chỉ cần luyện tập thôi," anh cứ nói mãi câu đó.

Cuối buổi, Harry Rex bảo, "Tôi tặng cậu khẩu súng luôn đấy. Cậu muốn đến đây tập khi nào cũng được."

"Cảm ơn ông." Tôi nói rồi nhét khẩu súng vào túi, như dân chơi thực thụ. Tôi quá mừng vì đã xong thêm một màn nhập gia, cũng như vừa làm được một việc mà mọi đàn ông ở chốn này đều làm xong trước sinh nhật tuổi 20. Nhưng tôi vẫn không thấy an toàn hơn chút nào. Nếu có tên nhà Padgitt nào nhảy bổ ra, hắn sẽ có lợi thế bất ngờ và chênh lệch quá nhiều năm kinh nghiệm. Tôi có thể hình dung mình sẽ đánh vật với khẩu súng trong bóng tối và cuối cùng nã được một phát đạn trúng ngược vào tôi thay vì kẻ thù.

Khi chúng tôi băng rừng về lại, Harry Rex nói bâng quơ, "Cái cô tóc vàng cậu gặp ấy, Carleen."

"Sao?" tôi nói, đột nhiên thấy bồn chồn.

"Cô nàng thích cậu."

Cái cô Carleen này ít nhất cũng phải 40. Tôi chẳng biết phải nói lại thế nào.

“Cô nàng giỏi cưỡi ngựa lắm.”

Chắc rồi, hẳn không mấy con ngựa ở Hạt Ford chưa qua tay nàng. “Thôi, cảm ơn,” tôi nói. “Tôi có người yêu ở Memphis rồi.”

“Thì sao?”

“Hay mà,” Rafe cũng tham gia.

“Ở đây một em, ở đó một em. Có gì đâu?”

“Tôi nói cái này nè, Harry Rex. Nếu cần tán em nào đó, tôi sẽ nhờ ông.”

“Chuyện nhỏ như con thỏ,” ông lầm bầm đáp lại.

Tôi làm gì có người yêu ở Memphis, nhưng cũng quen biết vài cô. Thà phải lái một cuốc đường dài còn hơn bặp vào kiểu của bà cô Carleen này.

Thịt dê có một vị đặc trưng không lẫn vào đâu được. Không ngon lắm, nhưng sau món lòng heo thì thịt dê cũng không tệ như tôi tưởng. Miếng thịt hơi dai và ám mùi khói, ăn cùng món nước sốt thịt khá sệt mà theo tôi nghĩ là để thêm nhiều hương vị hầu át đi cái vị của thịt. Tôi cắn một miếng rồi nốc bia cho dễ nuốt. Chúng tôi lại chỗ cầu tàu, chuyện trò trong tiếng hát ỉ ôi của Loretta Lynn. Lọ rượu lậu đã được chuyển tay khá nhiều vòng và có mấy vị khách bắt đầu bước ra nhảy. Carleen đã lẩn đi cùng anh chàng nào đó, tạ ơn trời. Harry Rex ngồi cạnh tôi, kể cho mọi người nghe về thành tích bắn sóc của tôi vừa rồi. Ông đúng là người có khiếu kể chuyện.

Có vẻ hơi lạ, nhưng hình như ai cũng cố tìm cách giúp tôi hòa nhập. Trên con đường tối tăm về nhà, câu hỏi mà ngày nào tôi cũng ngẫm nghĩ lại vắng lên. Mình đang làm gì ở Hạt Ford, Mississippi này vậy?

CHƯƠNG 10

Khẩu súng quá to không để gọn trong túi quần tôi được. Tôi đã cố để nó trong túi đi lui đi tới vài tiếng, nhưng cứ nơm nớp lo nó sẽ cướp cò thẳng vào hai hòn bi. Vậy nên tôi quyết định dùng bao súng da cũ kỹ mà bố đã cho. Ba ngày đầu, cái bao súng theo tôi đi khắp nơi, kể cả lúc ăn trưa, rồi tôi dần thấy chán. Sau một tuần, khẩu súng chuyển sang nằm dưới băng ghế xe, và thêm vài tuần nữa, nó hoàn toàn biến mất khỏi bộ nhớ của tôi. Tôi chẳng còn đến nhà gỗ đó để tập bắn, dù vẫn tham gia thêm vài tiệc thịt dê, nhưng cố gắng tránh món lòng heo, rượu lậu, và Carleen vốn ngày càng tỏ ra vồ vập.

Tình hình ở hạt đang khá yên ắng, khoảng lặng trước cơn bão là phiên tòa. Tờ *Thời báo* không nói gì về vụ việc, vì cũng đâu có chuyện gì xảy ra. Nhà Padgitt vẫn không chịu đem hết bất động sản để bảo lãnh cho Danny, nên hắn vẫn là thượng khách của cảnh sát trưởng Coley, xem tivi, chơi bài, nghỉ ngơi ăn nhậu trong buồng giam VIP.

Tuần đầu tiên của tháng 5, thẩm phán Loopus trở lại Clanton, tôi mới sực nhớ ra khẩu Smith & Wesson của mình.

Lucien Wilbanks đã đệ đơn yêu cầu đổi địa điểm xử, và thẩm

phán đã chỉ định phiên điều trần vào 9:00 sáng thứ Hai.

Có vẻ phân nửa hạt tề tựu ở đó, hầu hết dân làm việc quanh khu vực quảng trường đều đến dự. Tôi và Baggy vào phòng xử sớm, kiếm được chỗ ngồi tốt.

Phiên điều trần không cần sự hiện diện của bị cáo, nhưng rõ ràng cảnh sát trưởng Coley muốn trưng hắn ra một chút. Họ đưa hắn tới với hai tay bị còng và bộ đồ màu cam mới tinh. Ai cũng hướng mắt về phía tôi. Sức mạnh của báo chí đã tạo được thay đổi.

"Dàn cảnh thôi," Baggy thì thầm.

"Gì cơ?"

"Họ đang dụ ta đăng tấm ảnh Danny trong bộ áo tù dễ thương đấy. Rồi Wilbanks có thể một lần nữa chạy đi kiếm thẩm phán mà bảo là bồi thẩm đoàn đã bị tiêm nhiễm thông tin sai lệch. Đừng mắc câu họ."

Lại một lần nữa, tôi hoảng hốt nhận ra mình ngây thơ đến thế nào. Wiley đã chực sẵn bên ngoài nhà tù để kiếm tấm hình Danny khi họ đưa hắn lên xe đến tòa. Tôi có thể hình dung tấm ảnh bự chảng ngay trang bìa với bộ đồ cam của hắn.

Lucien Wilbanks vào phòng xử theo lối riêng từ phòng thẩm phán. Và như thường lệ, lão có vẻ vừa giận dữ vừa hoang mang, như mới bị thẩm phán chặn họng vậy. Lão bước về bàn bị cáo, vứt tập giấy xuống và đảo mắt liếc quanh khán phòng. Rồi đôi mắt lão dán vào tôi, nheo lại, nhìn bộ hàm có vẻ lão đang nghiến

răng như thể chực nhảy lên đây đánh tôi ngay. Thân chủ của lão cũng quay lại nhìn. Vài người bắt đầu chỉ trỏ và Danny Padgitt trừng mắt nhìn tôi chằm chằm như thể tôi sẽ là nạn nhân tiếp theo của hắn. Tim tôi như ngừng đập, nhưng vẫn cố giữ bình tĩnh. Baggy lại nhích ra xa tôi.

Hàng ghế đầu ngay sau bàn bị cáo là vài người nhà Padgitt, ai cũng lớn tuổi hơn Danny. Họ cũng đồng loạt ném ánh mắt trừng trừng về phía tôi, khiến tôi thấy mình đang lâm nguy tột độ. Đấy là những kẻ bạo lực, cả đời chuyên phạm tội, đe dọa, đánh người đến tàn phế, giết chóc, và tôi đang đứng cùng phòng với họ lúc họ đang thèm khát được cắt họng tôi ngay lập tức.

Một chấp hành tòa cất tiếng gọi mọi người đứng dậy chào thẩm phán đang bước vào. “Mời mọi người ngồi, thẩm phán Loopus bảo, rồi lướt qua đống hồ sơ trong lúc chúng tôi hồi hộp chờ đợi. Sau một lúc, ông chỉnh lại gọng kính, “Đây là kiến nghị đổi địa điểm xử, do bên bị cáo đệ lên. Ông Wilbanks, ông có bao nhiêu nhân chứng?”

“Gần chục người, khoảng đó. Để xem sẽ thế nào.”

“Còn bên công tố?”

Một ông béo lùn, hói cả đầu, mặc bộ đồ đen đứng lên, “Cũng tầm đó.” Ông là Ernie Gaddis, công tố viên bán thời gian lâu năm, cư trú ở Hạt Tyler.

“Tôi chẳng muốn phải ở đây cả ngày đâu,” thẩm phán Loopus nói, như kiểu ông có hẹn đánh golf chiều nay vậy. “Mời nhân

chứng đầu tiên của ông đi, Wilbanks."

"Mời ông Walter Pickard."

Tôi chẳng biết đó là ai, chuyện thường, nhưng lạ là ngay cả Baggy cũng không biết. Qua mấy câu hỏi mào đầu, mới biết được ông ta sống ở Karaway hơn 20 năm rồi, luôn đi lễ Chúa nhật và dự Hội Rotary mỗi thứ năm, làm chủ một nhà máy nội thất nhỏ.

"Hắn là dân mua gỗ của nhà Padgitt," Baggy rỉ tai tôi.

Vợ ông là giáo viên. Bản thân ông cũng huấn luyện cho đội bóng chuyền nhi đồng và tham gia Hướng đạo. Lucien đã rất nỗ lực và thể hiện quá rõ ngụ ý rằng ông Pickard này hiểu rõ về cộng đồng của mình.

Karaway là một thị trấn nhỏ hơn, cách Clanton gần 30 cây số. Ông Bớt chẳng hề để tâm đến nơi đó và chúng tôi cũng bán rất ít báo ở đó, tiền thu quảng cáo còn ít hơn nữa. Với sự hăng hái tuổi trẻ, tôi đã ngẫm nghĩ cách mở rộng đế chế của mình, có khi một tờ tuần báo nhỏ ở Karaway sẽ bán được 1000 bản cũng nên.

Trước bục nhân chứng, Wilbanks bắt đầu vào việc chính. "Lần đầu tiên ông nghe tin về vụ sát hại cô Kassellaw là khi nào?"

"Vài ngày sau vụ việc. Thỉnh thoảng Karaway nhận tin tức chậm lắm."

"Ai kể cho ông biết?"

"Một nhân viên của tôi. Cô ấy có người anh sống quanh Beech Hill, nơi xảy ra vụ việc."

“Ông có nghe chuyện cảnh sát đã bắt nghi phạm của vụ này không?” Lucien hỏi. Lão rảo bộ đi quanh, rất điềm nhiên, nhưng đôi mắt không bỏ lỡ chuyện gì.

“Có, tin đồn là một cậu nhà Padgitt đã bị bắt.”

“Sau đó, ông có xác minh chuyện đó không?”

“Có.”

“Bằng cách nào?”

“Tôi đã xem bài báo trên tờ *Thời báo* Hạt Ford. Có tấm ảnh chụp Danny Padgitt trên trang nhất, ngay cạnh ảnh của Rhoda Kassellaw."

“Ông có đọc các bài của tờ *Thời báo* không?”

“Có.”

“Và ông đã nghĩ là anh Padgitt có tội hay vô tội?”

“Tôi thấy cậu ấy có vẻ có tội. Trên ảnh, cậu ấy có dính máu nơi áo. Mặt cậu ấy nằm cạnh bên mặt của nạn nhân, song song luôn. Tít báo thì viết chữ to, DANNY PADGITT BỊ BẮT VÌ TỘI GIẾT NGƯỜI.”

“Vậy ông cho là anh ấy có tội?”

“Làm sao mà không kết luận như vậy được chứ.”

“Dân cư ở Karaway phản ứng thế nào với vụ giết người này?”

“Sốc và phẫn nộ. Hạt của chúng ta vốn yên bình. Hiếm khi có tội ác gì.”

“Theo ông, dân tình ở đó tin rằng Danny Padgitt đã cưỡng

hiếp và sát hại Rhoda Kassellaw?”

“Phải, nhất là sau khi đọc báo.”

Tôi có thể cảm thấy mọi ánh mắt đều đổ dồn về phía mình, nhưng vẫn cố tự khẳng định với lòng là chúng tôi không làm gì sai cả. Người ta tình nghi Danny Padgitt vì tên khốn nạn đó đã phạm nhiều tội mà.

“Theo ông, liệu anh Padgitt có thể được xét xử công bằng ở Hạt Ford không?”

“Không.”

“Ông có căn cứ gì để nói như thế?”

“Cậu ấy đã bị tờ báo đem ra xử và định tội rồi.”

“Ông có nghĩ nhiều bạn bè và hàng xóm của ông ở Karaway cũng có suy nghĩ như thế không?”

“Có.”

“Cảm ơn ông.”

Đến lượt công tố viên Ernie Gaddis đứng lên, tay cầm tập giấy như vũ khí xung trận. “Vậy ông làm ngành đồ nội thất, phải không, ông Pickard?”

“Đúng vậy.”

“Ông mua gỗ tại địa phương?”

“Phải.”

"Từ ai?"

Pickard khựng lại đánh giá tình hình và suy ngẫm câu hỏi.

“Anh em nhà Gates, Henderson, Tiffee, nhà Voyle, có lẽ còn vài người nữa.”

Baggy lại thì thầm, “Padgitt nắm nhà Voyle.”

“Ông có mua gỗ từ nhà Padgitt không?” Gaddis hỏi.

“Không.”

“Dù là hiện tại hay trước đây?”

“Không.”

“Mấy xưởng gỗ đó có cái nào do nhà Padgitt sở hữu không?”

“Tôi không rõ.”

Sự thật là chẳng ai rõ nhà Padgitt nắm những gì. Hàng chục năm nay, họ đã nhúng tay vào quá nhiều ngành, cả hợp pháp lẫn phi pháp. Có lẽ không mấy người ở Clanton biết về ông Pickard này, nhưng ngay lúc đó, nhiều người đã nghi ông ta có dính dáng đến nhà Padgitt rồi. Tại sao ông ta lại tình nguyện đứng ra làm chứng có lợi cho Danny chứ?

Gaddis liền ép thêm. “Ông nói rằng tấm ảnh có máu đó ảnh hưởng nhiều đến việc ông cho rằng anh ta có tội, phải vậy không?”

“Nó khiến cậu ấy có vẻ khả nghi.”

“Ông đã đọc hết bài báo chưa?”

“Tôi tin là rồi.”

“Ông có đọc đoạn nói rằng Danny Padgitt từng dính líu đến một tai nạn giao thông khiến anh ta bị thương và bị kết tội say

xỉn lái xe?"

"Tôi tin là đã đọc đoạn đó rồi."

"Ông muốn tôi cho ông xem đoạn đó không?"

"Không, tôi nhớ mà."

"Tốt, vậy tại sao ông lại nhanh chóng cho rằng máu trong tấm ảnh là máu của nạn nhân chứ không phải của anh Padgitt?"

Pickard lại trở người, trông có vẻ nản lắm rồi. "Tôi chỉ nói là tấm ảnh và bài báo kết hợp với nhau khiến cậu ấy có vẻ có tội."

"Ông từng tham gia bồi thẩm đoàn nào chưa, ông Pickard?"

"Chưa."

"Ông có hiểu giả định vô tội là gì không?"

"Có."

"Ông hiểu là công tố Bang Mississippi phải chứng minh rằng anh Padgitt có tội một cách chắc chắn chứ không phải là theo nghi vấn hợp lý chứ?"

"Có."

"Ông tin rằng bất kỳ ai bị cáo buộc phạm tội đều có quyền có phiên tòa công bằng chứ?"

"Có, tất nhiên."

"Tốt. Cứ cho là ông được triệu tập tham gia bồi thẩm đoàn cho vụ này. Ông đã đọc các bài báo, nghe đủ mọi chuyện bàn tán đồn đại đủ thứ, rồi ông đến chính phòng xử án này để tham gia vào tiến trình xét xử. Ông đã làm chứng rằng ông tin anh

Padgitt có tội. Cứ cho là ông được chọn làm bồi thẩm đi. Cứ cho là ông Wilbanks, một luật sư đầy kinh nghiệm và tài năng, công kích lập luận của công tố và đặt nghi vấn đối với bằng chứng của chúng tôi. Cứ cho là ông sẽ thấy hoài nghi đi, ông Pickard. Lúc đó ông có thể bỏ phiếu là vô tội được không?"

Ông ta gật đầu, rồi nói, "Có, nếu trong hoàn cảnh như thế."

"Vậy là dù hiện giờ ông cảm thấy bị cáo có tội hay vô tội, nhưng ông sẵn sàng lắng nghe các lời chứng và cân nhắc một cách công bằng trước khi ra quyết định của mình, phải không?"

Câu trả lời quá rõ ràng, nên Pickard không còn cách nào ngoài đáp "Có."

"Hẳn rồi," Gaddis tiếp lời. "Còn về vợ ông. Ông đã nhắc đến bà ấy. Bà ấy là giáo viên, phải chứ? Và bà ấy cũng có tâm thức cởi mở như ông, phải không?"

"Tôi nghĩ vậy. Phải."

"Còn về các hội viên Rotary ở Karaway. Họ cũng công tâm như ông?"

"Tôi cho là thế."

"Còn các nhân viên của ông, ông Pickard. Chắc chắn ông thuê những người trung thực, vô tư. Hẳn họ có thể lờ đi những gì đã đọc, biết lắng nghe và tham gia tiến trình xét xử anh Padgitt một cách công bằng, phải vậy không?"

"Tôi cho là thế."

"Tôi không hỏi gì thêm, thưa Tòa."

Ông Pickard vội vã rời bục nhân chứng rồi đi thẳng ra khỏi phòng xử luôn. Lucien Wilbanks đứng dậy, nói khá lớn giọng, "Thưa Tòa, bên bị xin mời anh Willie Traynor."

Mấy lời đó khiến anh Willie Traynor, là tôi đây, sây sẩm mặt mày hơn cả bị đánh. Tôi đứng cả tim, còn Baggy kế bên buột miệng hơi lớn, "Ôi trời."

Harry Rex đang ngồi ở ghế bồi thẩm đoàn với vài luật sư khác tận hưởng cuộc "vui" này. Khi lảo đảo đứng lên, tôi nhìn qua ông khẩn thiết tìm sự hỗ trợ. Ông cũng đứng dậy ngay tắp lự.

"Thưa Tòa, tôi là luật sư của anh Traynor, và anh ấy chưa được báo trước là sẽ ra làm chứng." Cố lên, Harry Rex! Làm gì đó đi!

Thẩm phán nhún vai, "Thì sao? Anh ấy ở đây rồi mà. Có vấn đề gì chứ?" Giọng ông đều đều không hề có chút quan ngại gì, và thế là tôi biết mình hết đường thoát rồi.

"Chuẩn bị là vấn đề quan trọng. Nhân chứng có quyền được chuẩn bị trước."

"Tôi tin anh ấy là chủ biên của tờ báo, phải không?"

"Phải."

Lucien Wilbanks sải bước đến hàng ghế bồi thẩm như thể chuẩn bị vung tay với Harry Rex. "Thưa Tòa, anh ta không phải là nguyên đơn, và sẽ không ra làm nhân chứng trước phiên xử chính thức. Anh ta là người viết những bài báo đó. Cứ nghe anh ta nói đi."

“Thế này là chơi bẩn, thưa Tòa,” Harry Rex phản đối. “Mời ông Vonner ngồi xuống.” thẩm phán hạ lệnh. Phần tôi cũng đã ngồi xuống ghế nhân chứng rồi. Tôi nhìn Harry Rex một cái nhắn nhủ, “Làm tốt lắm, ông luật sư.”

Một chấp hành tòa tiến tới trước mặt tôi, hỏi “Anh có vũ khí không?"

“Gì cơ?” Tôi đang quá lo lắng nên chẳng tỉnh táo cho lắm.

“Súng ấy. Anh có súng không?”

“Có.”

“Mời anh đưa cho tôi, được chứ?”

“À, nó nằm trong xe.” Với hầu hết người đang dự khán phiên tòa, chuyện này thật tức cười. Rõ ràng, ở Mississippi thì không được mang vũ khí khi lên làm chứng. Lại một luật ngớ ngẩn nữa. Nhưng chỉ mấy phút sau, tôi mới thấy cái luật này hợp lý kinh khủng. Nếu có súng trong tay, chắc tôi đã lôi ra nã thẳng vào Lucien Wilbanks rồi.

Chấp hành tòa cho tôi tuyên thệ, rồi Wilbanks rảo bước tiến tới. Mọi ánh mắt đều hướng về phía tôi. Lão bắt đầu nhẹ nhàng với vài câu mào đầu, hỏi lý do tôi mua lại tờ báo. Tôi trả lời chuẩn cả, dù câu nào câu nấy cũng khiến tôi phải dè chừng. Gã đang dẫn dắt tôi cho lập luận nào đó, mà tôi không rõ là gì.

Dân chúng có vẻ thích thú màn này. Chuyện tôi đột nhiên nắm tòa soạn *Thời báo* vẫn là chuyện gợi nhiều hiếu kỳ và suy đoán, và giờ tôi lại đứng ra trước mặt mọi người, thuật lại

chuyện đó dưới sức nặng của lời tuyên thệ trước tòa.

Sau vài phút Wilbanks hỏi lung tung, ông Gaddis, người tôi cho là về phe mình vì rõ ràng Wilbanks thì không, đã đứng lên, "Thưa Tòa, chuyện này chẳng đi đến đâu cả. Chính xác thì hỏi chuyện anh ấy để làm gì?"

"Hỏi hay lắm. Ông Wilbanks?"

"Xin tòa chờ cho giây lát."

Lucien liền đưa ra mấy tờ *Thời báo*, đưa cho tôi, công tố viên và thẩm phán. Lão nhìn tôi, "Anh Traynor, hiện giờ tờ *Thời báo* có bao nhiêu người đăng ký mua dài hạn?"

"Khoảng 2200," tôi trả lời với chút tự hào. Vào thời điểm phá sản, con số này của ông Bớt chỉ tầm 1200.

"Và bao nhiêu tờ báo để bán ở các sạp?"

"Khoảng một ngàn tờ."

Mười hai tháng trước, tôi còn sống ở tầng ba ký túc xá ở Syracuse, New York, lâu lâu ghé lớp, hăng hái góp phần vào cuộc cách mang tình dục, nốc rượu vô độ, hút cần, hễ thích là cứ ngủ đến trưa, và tập thể dục bằng cách nhảy vào bất kỳ cuộc tuần hành phản chiến nào để hò hét vào mặt cảnh sát. Tôi đã tưởng mình là đứa không ra gì. Giờ đột nhiên tôi mới nhận ra trong thời gian qua tôi đã đi được một hành trình phi thường đến thế nào.

Nhưng mà, thời khắc trọng đại này cũng là lúc hàng trăm cư dân thành phố cũng như người đăng ký mua báo của tôi đang

dồn hết ánh mắt chằm chằm về phía tôi. Giờ không phải là lúc để tỏ ra yếu đuối.

"Bao nhiêu phần trăm số báo phát hành của anh được bán ở Hạt Ford, anh Traynor?" lão hỏi, như một câu bâng quơ khi ngồi uống cà phê tám chuyện.

"Hầu như toàn bộ. Tôi không nắm con số chính xác."

"Anh có sạp báo nào nằm ngoài Hạt Ford không?"

"Không."

Ông Gaddis lại cố giải cứu tôi, "Thưa Tòa, chuyện này để làm gì chứ?"

Đột nhiên, Wilbanks đưa ngón tay chỉ lên trời, đổi giọng hùng hồn hẳn. "Thưa Tòa, tôi cho là các bồi thẩm tương lai ở hạt này đã bị tiêm nhiễm thứ báo chí giật gân của tờ *Thời báo*. Nói một cách công tâm, tờ báo này chẳng được ai ở ngoài hạt này đọc cả. Đổi địa điểm xét xử không chỉ là chuyện hợp lý, mà còn là chuyện bắt buộc."

Cái từ "tiêm nhiễm" đã lật ngược giọng điệu hoàn toàn. Nó khiến tôi giật mình hoang mang, và một lần nữa, tôi lại băn khoăn không biết việc mình làm có đúng hay không. Tôi hướng mắt tìm Baggy, nhưng ông đã thu người ẩn sau một bà ngồi trước mặt.

"Tôi sẽ quyết định điều gì là hợp lý và bắt buộc, ông Wilbanks, mời tiếp tục," thẩm phán Loopus nói dứt khoát.

Wilbanks cầm tờ giấy lên, chỉ vào trang nhất. "Tôi muốn nói

đến tấm hình của thân chủ tôi. Ai đã chụp tấm này?"

"Ông Wiley Meek, thợ ảnh của tòa soạn."

"Và ai quyết định cho nó lên trang nhất?"

"Tôi."

"Còn về kích cỡ, ai quyết định chuyện đó?"

"Tôi."

"Anh có nghĩ rằng làm như thế sẽ bị xem là tạo giật gân không?"

Đúng quá chứ còn gì nữa. Tôi muốn giật gân mà. "Không." tôi đáp tỉnh bơ. "Tình cờ đó là tấm ảnh duy nhất của Danny Padgitt mà chúng tôi có vào thời điểm đó. Anh ta tình cờ là người duy nhất bị bắt giữ vì tội ác đó. Nên chúng tôi đăng tấm đó. Nếu làm lại, tôi cũng sẽ làm thế thôi."

Trời, ngay cả tôi cũng không ngờ mình lại lỳ đòn đến thế. Tôi liếc mắt về phía Harry Rex và thấy ông đang nở điệu cười nham hiểm. Ông gật đầu về phía tôi như lời thúc giục tiến quân. "Vậy theo anh, đăng tấm ảnh đó là hợp lý?"

"Tôi không nghĩ có gì bất hợp lý."

"Trả lời câu hỏi của tôi đi. Theo anh, làm thế là hợp lý?"

"Phải, hợp lý và đúng đắn."

Dường như Wilbanks đang ghi nhớ câu này để dùng về sau. "Bài báo của anh mô tả khá chi tiết về bài trí bên trong nhà của Rhoda Kassellaw. Anh đã xem nhà lúc nào?"

“Tôi chưa xem.”

“Anh đã vào nhà lúc nào?”

“Tôi chưa vào đó.”

“Anh chưa hề thấy bài trí trong nhà đó?”

“Đúng thế.”

Lão lật mở tờ báo, lướt qua rồi ngẩng đầu lên, “Bài báo của anh nói rằng phòng ngủ của hai đứa con chỉ cách phòng cô Kassellaw chưa đến năm mét, và anh ước tính, từ giường của chúng đến giường cô ấy chỉ khoảng gần chục mét. Làm sao anh biết được chuyện này?”

“Tôi có nguồn tin.”

“Nguồn tin. Vậy nguồn tin của anh có đang ở đây không?”

“Có.”

“Nguồn tin của anh là một cảnh sát thành phố hay cảnh sát hạt?”

“Anh ấy muốn giữ kín về danh tính.”

“Anh đã dùng bao nhiêu nguồn tin cho những bài báo này?”

“Một vài.”

Theo ký ức mơ hồ từ những gì tôi học được ở trường báo chí, tôi nhớ lại một vụ mà một phóng viên cũng gặp tình huống tương tự và từ chối tiết lộ danh tính các nguồn tin. Chuyện này đã khiến thẩm phán vụ đó bực mình, ra lệnh phóng viên phải nói ra mới được. Và khi phóng viên tiếp tục từ chối làm thế,

thẩm phán đã phán anh tội khinh thường tòa rồi giam anh vài tuần vì giấu danh tính nguồn tin. Tôi không nhớ rõ kết cục ra sao, nhưng cuối cùng, phóng viên đó đã được thả và tự do báo chí được bảo đảm.

Trong đầu tôi, bỗng lóe lên hình ảnh tôi bị cảnh sát trưởng Coley còng tay lôi đi, la hét cầu cứu Harry Rex, nhưng vẫn bị tống vào tù, bị lột trần rồi tròng vào bộ đồ cam.

Chắc chắn như thế sẽ là vận đỏ cho tờ *Thời báo*. Trời, còn gì bằng mấy bài báo kể chuyện trong tù.

Wilbanks lại tiếp tục, "Anh viết rằng bọn trẻ đã bị sốc. Làm sao anh biết được chuyện này?"

"Tôi đã nói chuyện với ông Deece, hàng xóm nhà kế bên."

"Ông ấy có dùng từ 'sốc' không?"

"Có."

"Anh viết rằng bọn trẻ đã được bác sĩ ở Clanton khám vào cùng đêm xảy ra vụ việc. Làm sao anh biết được chuyện này?"

"Tôi có nguồn tin, và sau đó, tôi đã xác minh với vị bác sĩ đó."

"Và anh viết là bọn trẻ giờ đang được trị liệu tâm lý ở Missouri. Ai kể cho anh chuyện đó?"

"Tôi đã nói chuyện với dì của bọn trẻ."

Lão ném tờ báo xuống bàn rồi rảo vài bước về phía tôi. Đôi mắt sòng sọc của lão nheo lại, nhìn trừng trừng vào tôi. Giá mà có khẩu súng trong tay tôi thì hay biết mấy.

"Anh Traynor, sự thật là anh đã cố họa lên hình ảnh quá rõ

ràng rằng hai đứa trẻ ngây thơ này đã chứng kiến mẹ mình bị cưỡng hiếp và sát hại ngay trên giường của cô ấy, phải thế không?"

Tôi hít một hơi thật sâu, cân nhắc câu chữ. Cả phòng xử im bặt, chờ đợi. "Tôi đã tường thuật những chuyện thật một cách chính xác hết sức có thể," tôi nói, mắt nhìn thẳng về phía Baggy, thầm mong dù ông có trốn tránh thì ít ra cũng gật đầu động viên tôi một cái.

"Để bán thật nhiều báo, anh đã dựa vào các nguồn tin không tên, những sự thật nửa vời, những lời đồn đại và ức đoán, hòng tạo nên một câu chuyện giật gân."

"Tôi đã tường thuật sự thực chính xác hết sức có thể." tôi lặp lại câu đó, cố giữ bình tĩnh.

Lão khịt mũi, "Có phải thế không?" Lão với tay cầm tờ báo lên lại, "Tôi xin trích đọc đây: 'Bọn trẻ có ra làm chứng trước tòa không?' Anh đã viết câu đó, phải không, anh Traynor?"

Làm sao tôi phủ nhận được. Tôi đã tự hại mình bằng câu đó rồi. Nó là phần mà tôi và Baggy đã tranh cãi xem có nên viết hay không. Chúng tôi đều hơi ngần ngại, và giờ nhìn lại, giá mà lúc đó chúng tôi biết chùn tay theo bản năng.

Giờ có chối cũng không được. "Đúng," tôi khẳng khái.

"Anh dựa vào sự thực chính xác nào để đặt ra câu hỏi đó?"

"Nó là một câu hỏi mà tôi đã nghe nhiều người đặt ra sau vụ án mạng," tôi trả lời dứt khoát.

Wilbanks ném thẳng tờ báo lên bàn như một thứ bẩn thỉu. Lão lắc đầu, tỏ vẻ hoang mang kiểu giễu cợt. “Có hai đứa trẻ, phải không, anh Traynor?”

“Phải. Một bé trai và một bé gái.”

“Cậu bé được mấy tuổi?”

“Năm.”

“Còn cô bé được mấy tuổi?”

"Ba."

“Anh thì bao nhiêu tuổi, anh Traynor?”

"Hai mươi ba."

“Và ở tuổi 23, anh đã viết báo về bao nhiêu phiên tòa rồi?”

“Chưa phiên tòa nào.”

“Anh đã dự bao nhiêu phiên tòa rồi?”

“Chưa hề.”

“Vì anh chẳng biết gì về các phiên tòa, anh đã tìm hiểu về pháp lý kiểu gì để viết những bài báo này một cách chính xác đây?”

Đến đây, nếu có súng, chắc tôi dí vào đầu mình mất thôi. “Tìm hiểu về pháp lý à?” Tôi hỏi lại, như thể lão đang nói tiếng nước ngoài vậy.

“Phải, anh Traynor. Anh đã tìm được bao nhiêu vụ án mà trẻ em năm tuổi hoặc nhỏ hơn được phép ra tòa làm chứng trong một vụ án hình sự?”

Tôi lại ngước mắt về phía Baggy, nhưng rõ ràng ông đã chui hẳn xuống ghế luôn rồi. “Không có vụ nào.”

“Trả lời chuẩn lắm, anh Traynor. Không vụ nào. Trong lịch sử bang này, không có trẻ em nào dưới 11 tuổi từng ra làm chứng cho một phiên tòa xử vụ án hình sự. Làm ơn ghi chú lại chuyện đó để lần sau tự nhắc nhở nếu như anh lại muốn dụ dỗ độc giả bằng thứ báo chí giật gân rẻ tiền.”

“Đủ rồi, ông Wilbanks,” thẩm phán Loopus nói, dù có hơi nhẹ giọng so với mức tôi mong muốn. Tôi nghĩ là ông và các luật sư khác, kể cả Harry Rex, đều thích hành hạ đôi chút với những ai lạm dụng chuyện pháp lý rồi làm loạn lên. Kể cả ông Gaddis có vẻ cũng hài lòng khi để tôi nếm mùi đau khổ.

Lucien đủ khôn để dừng tay khi đã gây đủ thương tích. Lão làu bàu, “Tôi đã xong việc với anh ta rồi.” Ông Gaddis không hỏi gì. Chấp hành tòa hướng dẫn tôi rời ghế nhân chứng, và tôi bước nhanh trong tuyệt vọng về ghế của mình, nơi Baggy vẫn đang co rúm như con chó hoang giữa trời giông bão.

Suốt thời gian còn lại của phiên điều trần, tôi cặm cụi ghi chép, nhưng chỉ là nỗ lực để trông có vẻ bận rộn và là người quan trọng. Tôi có thể cảm nhận được vô số ánh mắt đang nhìn mình. Tôi đã bị hạ nhục thảm hại và chắc phải trốn chui trốn lủi trong văn phòng vài ngày.

Trong bài phát biểu kết của mình, Wilbanks kiến nghị chuyển địa điểm xét xử vụ này đi thật xa, thậm chí là đến tận Duyên hải

Vịnh, nơi có lẽ dân tình đã nghe về vụ án nhưng chưa ai bị "tiêm nhiễm" những luận điệu của tờ *Thời báo*. Lão đã kiếm chuyện với tôi và tờ báo của tôi một cách hăng hái nhất. Còn công tố viên, trong bài phát biểu kế, đã nhắc thẩm phán một câu châm ngôn, "Những lời cứng rắn cay độc cho thấy động cơ không mấy chính nghĩa."

Tôi hí hoáy viết lại câu đó, rồi lao thẳng ra khỏi phòng xử như thể vừa chộp được một tít báo quá hay vậy.

CHƯƠNG 11

Gần trưa ngày hôm sau, Baggy lao vào văn phòng tôi với tin nóng hổi là Lucien Wilbanks vừa rút lại kiến nghị đổi địa điểm xét xử. Như thường lệ, ông bắt đầu bài phân tích dài hơi.

Ý kiến thứ nhất là nhà Padgitt không muốn phiên tòa dời sang hạt khác. Họ biết thừa Danny có tội và chắc chắn sẽ bị kết tội bởi một bồi thẩm đoàn chuẩn mực ở bất kỳ đâu. Cơ hội duy nhất của họ là kiếm một bồi thẩm đoàn có thể mua chuộc hoặc dọa dẫm. Vì mọi phán quyết có tội đều phải có sự nhất trí của toàn bộ bồi thẩm, nên họ chỉ cần kiếm một phiếu cho Danny là đủ. Chỉ một phiếu chống là bồi thẩm đoàn sẽ vô dụng và thẩm phán sẽ phải tuyên bố là khởi tố sai. Chắc chắn rồi vụ này sẽ bị đưa ra xét xử lại, nhưng kết quả cũng sẽ như thế thôi. Sau ba bốn lần nỗ lực bất thành, bên công tố sẽ bỏ cuộc.

Tôi chắc chắn Baggy đã chực ở tòa án nguyên sáng nay, kể lại cho cái hội nhỏ của ông về phiên điều trần và dỏng tai nghe ý kiến của mấy ông luật sư đó. Baggy giải thích cặn kẽ là phiên điều trần hôm trước chỉ là chiêu trò của Lucien Wilbanks, vì hai lý do rõ ràng. Thứ nhất, Lucien đang dụ tờ *Thời báo* đăng một tấm ảnh nữa của Danny lên trang nhất, nhưng với bộ đồ cam.

Thứ hai, Wilbanks muốn tôi lên bục nhân chứng để hành tôi một chút. “Chắc chắn gã làm được thế rồi.” Baggy nhận xét chốt lại.

“Cảm ơn ông,” tôi gượng gạo đáp lời.

Wilbanks đã chuẩn bị sẵn thế thủ cho phiên tòa mà lão biết thế nào cũng sẽ diễn ra ở Clanton này, và gã muốn tờ *Thời báo* bớt hung hăng hơn một chút.

Lý do thứ ba hay thứ tư là Lucien chưa hề bỏ lỡ cơ hội để ra oai trước công chúng. Baggy đã thấy kiểu đó nhiều lần rồi và thuật lại cho tôi vài vụ.

Tôi không chắc những lập luận của Baggy là chuẩn, nhưng lúc đó, nghĩ kiểu gì cũng thấy không ổn. Lao vào một phiên điều trần hai tiếng khi biết trước đó chỉ là màn khoe mẽ cho vui thì đúng là phí phạm thời gian. Tôi nghĩ ẩn sau vụ này thế nào cũng có chuyện gì đó nghiêm trọng hơn.

Bữa tiệc thứ ba là thịt nướng nồi, và chúng tôi ngồi ăn ở hiện dưới trời mưa rả rích.

Như thường lệ, tôi thú nhận là chưa hề ăn thịt nướng nồi, nên bà Callie mô tả công thức và quá trình nấu nướng cho tôi nghe. Bà mở nắp một chiếc nồi sắt lớn nằm chính giữa bàn, nhắm mắt lại khi mùi hương ngào ngạt tỏa ra. Tôi vừa mới ra khỏi giường là đến đây liền, nên bụng đói đến nỗi ăn cả khăn bàn luôn cũng được.

Bà bảo tôi, đây là món đơn giản nhất của bà. Lấy một miếng

thịt mông bò, không lọc mỡ, đặt vào đáy nồi, rồi xếp khoai tây, hành tây, củ cải, cà rốt và củ cải đường lên trên, thêm ít muối, tiêu và nước, cho vào lò nướng chậm trong năm tiếng là xong ấy mà. Bà cho thịt và rau củ vào đĩa của tôi, rồi rưới thứ nước sốt đậm đặc lên trên. “Dùng củ cải đường nên nó có màu tím nhẹ đấy,” bà giải thích cho tôi biết.

Bà hỏi tôi có muốn là người cầu nguyện tạ ơn không, và tôi xin kiếu. Lâu rồi, tôi có cầu nguyện đâu. Bà Callie giỏi việc này hơn tôi nhiều. Bà cầm lấy hai tay tôi, cả hai cùng nhắm mắt lại.

Chúng tôi ăn uống chuyện trò giữa tiếng mưa lách tách trên mái tôn.

“Ông Esau đâu ạ?” Ăn đến miếng thịt bự thứ ba, tôi bắt đầu mở chuyện.

“Đang đi làm. Thỉnh thoảng ông ấy được về ăn trưa, nhưng thường là không.” Trong đầu bà đang vướng bận một chuyện khác, và cuối cùng bà cũng không kìm được nữa, “Cho tôi hỏi anh một câu hơi riêng tư nhé?”

“Vâng, được mà.”

“Anh là một Cơ Đốc nhân phải không?”

“Chắc chắn rồi. Mẹ thường đưa tôi đi nhà thờ vào lễ Phục Sinh.”

Câu trả lời đó dường như chưa đủ với bà. Bà muốn biết gì đó hơn thế nữa. “Anh đi nhà thờ nào?”

“Giáo hội Giám nhiệm. Nhà thờ St. Luke ở Memphis.”

“Hình như ở Clanton không có nhà thờ của giáo hội đó.”

“Tôi cũng chưa thấy cái nào.” Làm như tôi chịu khó tìm kiếm một nơi để thờ phượng lắm vậy. “Vậy bà theo nhà thờ của phái nào?” tôi hỏi lại.

“Hội thánh Đức Chúa Trời trong Đấng Christ,” bà trả lời nhanh, và mặt bà ửng đỏ lên. “Mục sư của tôi là Thurston Small, một người tốt lành của Chúa. Và là một giảng sư đầy uy lực. Anh nên đến nghe ông giảng đi.”

Tôi đã nghe nhiều về chuyện thờ phượng của người da đen, chuyện họ ở nhà thờ nguyên ngày sabbath, các buổi phụng vụ kéo đến tận tối và chỉ dừng khi tinh thần đã kiệt lực. Tôi còn nhớ mình đã chịu khổ nhiều trong các buổi phụng vụ Phục Sinh ở Giáo hội Giám nhiệm, dù chúng không bao giờ quá 60 phút theo quy định.

“Người da trắng có cùng dự lễ với các bà không?” tôi hỏi.

“Chỉ trong năm nào có bầu cử thôi. Một vài chính trị gia tới săm soi cái này cái kia, hứa hẹn đủ điều.”

“Họ ở lại hết buổi phụng vụ chứ?”

“Làm gì có. Họ quá bận để làm được thế.”

“Vậy là có thể đến rồi về lúc nào cũng được?”

“Với anh thì được. Chúng tôi sẽ tạo ngoại lệ.” Bà bắt đầu kể một câu chuyện dài về nhà thờ của bà, vốn cách nhà bà không xa, đi bộ là tới. Nơi đó từng bị thiêu rụi trong cơn hỏa hoạn cách đây không lâu lắm. Sở cứu hỏa, dĩ nhiên là nằm ở khu dân da

trắng, chẳng bao giờ vội vã khi nhận cuộc gọi từ Hạ trấn. Thế là cộng đồng của bà mất nhà thờ, nhưng hóa ra đó lại là phúc lành! Mục sư Small đã quy tụ cộng đoàn lại với nhau. Trong gần ba năm, họ hội họp ở nhà kho mà ông Virgil Mabry, một Cơ Đốc nhân tốt lành, cho mượn. Nhà đó cách Phố chính một khối nhà, và nhiều người da trắng không thích mấy chuyện dân da đen thờ phượng ở phần đất vốn dành riêng cho da trắng. Nhưng ông Mabry vẫn không nao núng. Mục sư Small đã kêu gọi được nhiều ủng hộ trợ giúp, và ba năm sau vụ hỏa hoạn, họ đã khánh thành một nhà thờ mới, rộng gấp đôi cái cũ. Giờ mỗi Chúa nhật ở đó đều chật kín người.

Tôi thích nghe bà kể chuyện, vì như vậy cái miệng tôi được tự do lo ưu tiên hàng đầu là ăn và ăn. Nhưng tôi vẫn luôn thấy bị lôi cuốn bởi cách chọn từ chuẩn xác, nhịp điệu uyển chuyển và vốn từ tầm đại học của bà.

Khi kể xong chuyện nhà thờ mới, bà hỏi tôi, “Anh có thường đọc Kinh Thánh không?”

“Không.” tôi lắc đầu và nhai tiếp một miếng củ cải.

“Chưa hề sao?”

Tôi chẳng bao giờ nghĩ sẽ nói dối bà Callie làm gì. “Chưa hề.”

Câu đó lại khiến bà thêm thất vọng. “Anh thường xuyên cầu nguyện không?”

Tôi dừng lại một giây rồi đáp, “Mỗi tuần một lần, tại đây.”

Bà chầm chậm đặt dao nĩa qua một bên, và nghiêm nét mặt

nhìn tôi như thể chuẩn bị nói gì thâm thúy lắm. “Anh Traynor, nếu anh không đi nhà thờ, không đọc Kinh Thánh và không cả cầu nguyện, tôi không chắc anh có phải là một Cơ Đốc nhân không nữa.”

Bản thân tôi cũng không chắc mà. Tôi cứ tiếp tục nhai để khỏi phải nói lời biện hộ gì. Bà Callie tiếp tục bài thông công, “Chúa Jesus đã nói, 'Đừng phán xét để khỏi bị phán xét.' Tôi chẳng có tư cách gì để phán xét linh hồn ai, nhưng tôi phải thú thật là tôi lo cho linh hồn anh lắm.”

Tôi cũng lo, nhưng không đến mức phải bỏ dở bữa trưa ngon thế này.

“Anh có biết những người sống ngoài ý Chúa sẽ thế nào không?” bà hỏi.

Sẽ chẳng tốt gì, tôi biết mà. Nhưng tôi quá đói và quá sợ chẳng dám trả lời. Bà đang giảng đạo chẳng buồn ăn, còn tôi thì chẳng thích hay chẳng được tận hưởng cả hai.

“Phaolô đã viết trong thư Roma, ‘Lương bổng của tội lỗi là cái chết, nhưng ơn của Thiên Chúa là sự sống đời đời qua Chúa Jesus, Chúa chúng ta.' Anh biết câu đó nghĩa là gì không, anh Traynor?"

Tôi với tay lấy một miếng to, gật đầu với bà, còn miệng thì đầy thịt bò. Bà nhớ toàn bộ Kinh Thánh sao? Và tôi chuẩn bị nghe hết cả quyển à?

“Cái chết luôn chỉ là chết phần xác, nhưng cái chết của linh

hồn là mãi mãi xa rời Chúa Jesus. Chết nghĩa là đời đời trong địa ngục, anh Traynor à. Anh hiểu không?"

Bà nói quá rõ ý mình rồi mà. "Ta đổi chủ đề được không?" tôi nói.

Bỗng nhiên, bà Callie mỉm cười, "Dĩ nhiên là được. Anh là khách của tôi, và tôi phải làm sao để anh thấy được hoan nghênh chứ." Bà lại cầm nĩa lên, và chúng tôi cặm cụi ngồi ăn, lắng nghe tiếng mưa rơi.

"Mùa xuân này mưa nhiều quá," bà bắt chuyện. "Tốt cho mấy cây đậu, nhưng cà chua và dưa của tôi cần ánh nắng."

Tôi mừng rỡ khi biết bà vẫn đang lên kế hoạch cho những bữa trưa sau này của chúng tôi. Câu chuyện tôi dự định viết về bà Callie và ông Esau cùng những người con xuất sắc của họ đã gần hoàn tất rồi. Tôi chỉ đang kéo dài thời gian tìm hiểu với hy vọng có thêm vài bữa trưa thứ Năm ở hiên nhà bà. Mới đầu, tôi thấy mặc cảm tội lỗi vì bà chuẩn bị quá nhiều đồ ăn cho một thực khách duy nhất là tôi, và chúng tôi thường chỉ ăn hết một phần bàn tiệc đó. Nhưng bà bảo đảm với tôi là không thứ gì bị bỏ phí cả. Bà và Esau, có lẽ thêm vài người bạn nữa, sẽ bảo đảm xử lý số đồ ăn thừa đó một cách gọn gàng. "Hiện giờ, tôi chỉ nấu ăn ba lần mỗi tuần," bà thú nhận với chút giọng xấu hổ.

Món tráng miệng hôm nay là bánh nhân đào và kem vani. Chúng tôi thống nhất là để chúng chờ một tiếng, hầu có thời gian làm việc cần làm. Bà đem ra hai ly cà phê đen đậm, và

chúng tôi chuyển sang chỗ ghế lắc, để tiếp tục bài phỏng vấn. Tôi lấy tập giấy ghi chú ra và bắt đầu đặt câu hỏi. Bà Callie thì thích thú nhìn tôi chăm chú ghi lại lời bà.

Bảy người con đầu của bà đều mang tên Ý, Alberto (AI), Leonardo (Leon), Massimo (Max), Roberto (Bobby), Gloria, Carlota, và Mario. Chỉ có Sam, cậu con út, nghe đồn đang lẩn trốn, là mang cái tên Mỹ. Trong lần thứ hai tôi ghé nhà, bà đã giải thích là bà lớn lên trong một gia đình người Ý ngay tại Hạt Ford này, nhưng đấy là một câu chuyện dài nữa mà bà muốn để dành về sau.

Bảy người con đầu đều là thủ khoa khóa của mình tại Trường Trung học Phố Burley, trường cho người da màu. Ai cũng có bằng tiến sĩ và làm công tác giảng dạy ở đại học. Chi tiết tiểu sử của họ chiếm vài trang giấy, và bà Callie có thể kể về con cái suốt hàng tiếng đồng hồ.

Bà cứ nói, tôi cứ viết, lắc lư nhè nhẹ trên ghế, lắng nghe tiếng mưa rơi, rồi ngủ thiếp đi.

CHƯƠNG 12

Baggy có chút dè dặt khi bàn đến chuyện đăng bài về nhà Ruffin. "Cái này đâu phải tin tức," ông vừa đọc vừa lẩm bẩm. Tôi chắc chắn Hardy đã cảnh báo với ông là tôi tính dành nguyên trang bìa cho câu chuyện về một gia đình da đen. "Mấy chuyện này thường nằm ở trang năm mới phải," ông tiếp tục.

Nếu không có vụ giết người, thì bài viết trang bìa lý tưởng của Baggy là một vụ tranh chấp ranh giới đất đai trong một phòng xử không có bồi thẩm đoàn, vài luật sư vừa ngồi đó vừa ngủ gật và một thẩm phán 90 tuổi đội mồ sống dậy để phân xử.

Năm 1967, ông Caudle đã thể hiện sự táo bạo khi đăng cáo phó cho người da đen, nhưng trong ba năm qua, tờ *Thời báo* hiếm khi để tâm đến chuyện gì phía bên kia đường ray. Wiley Meek miễn cưỡng đi với tôi để chụp hình ông bà Callie và Esau ở trước nhà họ. Tôi đã cố thu xếp lên lịch chụp vào đúng trưa thứ Năm với món ngon trong ngày là cá da trơn chiên, bánh bột bắp và xà lách trộn. Wiley ăn đến mệt nghỉ.

Margaret cũng ý kiến này nọ về bài báo, nhưng như thường lệ, bà chiều lòng sếp. Thật ra là cả tòa soạn chẳng ai mặn mà gì với ý tưởng này, nhưng tôi mặc kệ. Tôi đang làm việc mình nghĩ

là đúng, hơn nữa, một phiên tòa lớn sắp xảy ra rồi.

Và thế là, vào thứ Tư, ngày 20 tháng 5 năm 1970, trong một tuần hoàn toàn chẳng có tin gì để in về vụ án mạng Kassellaw, tờ *Thời báo* dành nguyên nửa trang nhất cho nhà Ruffin, với dòng tít báo khổ lớn: NHÀ RUFFIN TỰ HÀO VỀ BẢY GIÁO SƯ ĐẠI HỌC. Phía dưới là tấm ảnh lớn chụp bà Callie và ông Esau đang ngồi trước hiên, mỉm cười tự hào. Dưới nữa là hình chân dung chụp hồi trung học của cả tám người con, từ Al cho đến Sam. Câu chuyện của tôi mở đầu như sau:

Khi Calia Harris buộc phải thôi học ngang lớp 10, bà đã tự hứa với lòng mình rằng con cái bà sẽ không chỉ học hết trung học mà phải học hết đại học nữa. Năm 1926, bà Calia, hay Callie như cách bà tự gọi, mới 18 tuổi, là chị đầu của ba người em. Đã mất bố vì bệnh lao, nên giáo dục trở thành thứ quá xa xỉ trong nhà bà. Callie làm việc cho gia đình DeJarnette từ năm 1929, thời điểm bà cưới Esau Ruffin, một thợ mộc và là giảng sư bán thời gian. Họ thuê một căn hộ hai phòng ở Hạ trấn với giá 15 đô mỗi tháng và bắt đầu dành dụm từng đồng. Họ sẽ có việc cần đến toàn bộ số tiền tiết kiệm này.

Năm 1931, Alberto ra đời.

Giờ đến năm 1970, những người con của bà đã thành đạt cả. Tiến sĩ Alberto Ruffin là giáo sư xã hội học ở Đại học Iowa. Tiến sĩ Leonardo Ruffin là giáo sư sinh học ở Purdue. Tiến sĩ Massimo Ruffin là giáo sư kinh tế học ở Đại học Toledo. Tiến sĩ Roberto

Ruffin là giáo sư sử học ở Marquette. Tiến sĩ Gloria Ruffin Sanderford dạy tiếng Ý ở Duke. Tiến sĩ Carlota Ruffin là giáo sư nghiên cứu đô thị ở UCLA. Tiến sĩ Mario Ruffin vừa hoàn tất luận án tiến sĩ về văn học thời trung cổ và là giáo sư dạy ở Đại học Grinnell tại Iowa. Tôi cũng nhắc đến Sam, nhưng không nói gì nhiều.

Qua điện thoại, tôi đã chuyện trò với cả bảy vị giáo sư và trích dẫn nguyên văn lời của họ trong bài báo. Chủ đề rất đơn giản và bình thường, tình yêu, hy sinh, kỷ luật, làm việc chăm chỉ, sự động viên, đức tin nơi Chúa, niềm tin nơi gia đình, tham vọng, kiên trì, không chấp nhận lười biếng hoặc thất bại. Mỗi một trong bảy người đều có câu chuyện thành công đáng để in hết một số báo của chúng tôi. Mỗi một người đều đã làm ít nhất một công việc toàn thời gian trong khi miệt mài trên giảng đường đại học và làm luận án cao học. Hầu hết đều làm một lần hai công việc. Người đi trước giúp đỡ người đi sau. Mario kể cho tôi là anh đã nhận năm hay sáu chi phiếu nho nhỏ mỗi tháng từ anh chị em và bố mẹ.

Năm người con đầu đã rất kiên trì trong việc học đến nỗi hoãn chuyện kết hôn cho đến tận tuổi trên dưới 30. Carlota và Mario vẫn còn độc thân. Và cứ như vậy, thế hệ tiếp theo cũng được vun đắp một cách cẩn thận. Con của Leon là đứa cháu lớn tuổi nhất, năm tuổi. Tổng cộng đến giờ, ông bà Ruffin có năm người cháu. Max và vợ cũng đang chuẩn bị sinh đứa thứ hai.

Có quá nhiều chuyện để viết về gia đình Ruffin, nên số báo

hôm đó, tôi chỉ in phần một. Ngày hôm sau, khi tôi đến Hạ trấn ăn trưa, bà Callie gặp tôi mà nước mắt giàn giụa. Ông Esau cũng tiến tới, bắt tay tôi thật chặt, rồi đến cái ôm siết hơi vụng về của đàn ông. Chúng tôi ngồi ăn thịt cừu hầm và trao đổi về phản ứng của dân tình đối với bài báo. Khỏi cần phải nói, ở Hạ trấn ai cũng xôn xao, suốt chiều thứ Tư và sáng thứ Năm, hàng xóm lũ lượt cầm báo kéo đến nhà Ruffin. Tôi cũng đã gửi gần chục tờ đến cho mỗi giáo sư nhà họ.

Khi chúng tôi ngồi lại uống cà phê ăn bánh táo, thì mục sư của họ, Thurston Small, vừa đỗ xe lại và tiến vào. Hai ông bà giới thiệu chúng tôi với nhau, có vẻ mục sư rất vui khi được gặp tôi. Ông nhanh chóng nhận một đĩa bánh và bắt đầu tổng kết về tầm quan trọng của bài báo này đối với cộng đồng da đen ở Clanton. Vụ cáo phó thật tuyệt, khi mà dân da đen ở hầu hết mọi thành thị miền Nam vẫn đang bị lờ đi. Ông Caudle đã đem lại tiến bộ trong chuyện này. Nhưng một bài tiểu sử hoành tráng và đề cao một gia đình da đen ngay trang nhất là một bước tiến khổng lồ của tinh thần bao dung sắc tộc ở chốn này. Tôi thì không thấy thế. Với tôi, đây đơn thuần là một câu chuyện thú vị đầy tính nhân văn về bà Callie Ruffin và gia đình phi thường của bà.

Mục sư có hứng thú với ẩm thực và có tài nói chuyện dông dài nữa. Qua cái bánh thứ hai, là ông bắt đầu vào tiết mục độc thoại khen ngợi bài báo của tôi. Không có vẻ gì ông sẽ ra về sớm, nên tôi đành đứng lên xin phép cáo từ trước.

Ngoài là một lao công không chính thức và phần nào không

đáng tin cậy lắm cho các công ty đóng quanh quảng trường, Piston còn kiêm thêm một việc nữa, thông tín viên không cần giấy phép hành nghề. Cứ tầm một tiếng, ông lại xuất hiện trước cửa khách hàng của mình, chủ yếu các văn phòng luật, nhưng cũng đến cả ba ngân hàng, vài chỗ môi giới bất động sản, bảo hiểm, và tòa soạn *Thời báo*. Ông cứ đứng đó vài phút, chờ đợi người ta giao cho ông món gì đó để chuyển đi. Chỉ cần cô thư ký lắc đầu là ông liền quay đi sang chỗ tiếp theo. Nếu có lá thư hay một gói nhỏ cần được chuyển quanh đây, các cô thư ký sẽ chờ Piston đến. Thứ gì ông cũng nhận, rồi rảo nhanh giao hàng. Nhưng nếu món đồ nặng hơn năm cân thì miễn. Vì ông đi bộ, nên chỉ chuyển phát trong phạm vi quảng trường, hoặc tối đa là đi thêm một hai khối nhà. Trong giờ làm việc, thế nào cũng thấy Piston ở khu trung tâm thành phố, chưa có hàng thì thong thả đi bộ, có hàng thì rảo nhanh chân.

Chủ yếu là ông giao thư tín giữa các văn phòng luật với nhau. Piston giao thư thì nhanh hơn bưu chính, lại còn rẻ hơn nhiều. Miễn phí mà. Ông nói đấy là việc phục vụ cộng đồng, dù cho ông biết thế nào vào dịp Giáng sinh, cũng sẽ được tặng thịt xông khói hay bánh.

Sáng thứ Sáu, ông vào văn phòng tôi với lá thư tay từ Lucien Wilbanks. Tôi sợ chẳng dám mở ra. Đây là đơn kiện đòi một triệu đô mà lão đã hứa sẽ làm sao? Trên thư chỉ có vài dòng:

Anh Traynor thân mến.

Tôi thích thú khi đọc bài của anh về gia đình Ruffin, một gia đình

xuất sắc. Tôi cũng đã nghe về thành tựu của họ rồi, nhưng bài báo của anh thật sự đem lại thông tin sâu sát. Tôi ngưỡng mộ sự can đảm của anh.
Mong anh tiếp tục làm thế một cách hăng hái hơn nữa. Chân thành, Lucien Wilbanks

Tôi căm ghét lão, nhưng ai lại không cảm kích một lời khen chứ? Lão tận hưởng cái tiếng là một người cấp tiến máu lửa đứng lên vì những chính nghĩa ít người ủng hộ. Và như thế, sự ủng hộ của lão cũng có chút gì làm hài lòng tôi, dù tôi biết đây chỉ là tạm thời.

Ngoài vụ đó ra, không có lá thư nào, cũng không có cuộc gọi nặc danh hay lời đe dọa nào cả. Năm học đã kết thúc và dân tình đang sôi sục. Những làn sóng dữ dội và đáng ngại đòi xóa bỏ phân tách chủng tộc trong nhà trường đang dần hình thành. Dân cư trong hạt có nhiều vấn đề quan trọng hơn cần lo lắng.

Sau gần một thập kỷ căng thẳng và xung đột về quyền công dân, nhiều người da trắng ở Mississippi sợ rằng hồi kết đang đến gần. Nếu tòa liên bang có thể ra lệnh xóa bỏ sự phân tách về chủng tộc trong nhà trường, thế thì tiếp theo sẽ đến nhà thờ và nhà ở hay sao?

Ngày tiếp theo, Baggy đến một buổi hội chung ở tầng hầm một nhà thờ. Những người chủ trì đang cố xem thử mọi người có ủng hộ cho một trường tư toàn da trắng ở Clanton không. Số người đến dự rất đông, đều hoảng sợ, giận dữ và quyết tâm bảo vệ con cái mình. Một luật sư tổng kết tình hình của nhiều vụ

kiện liên bang và đưa ra ý kiến tuyệt vọng rằng phán quyết cuối cùng sẽ được ban hành ngay trong hè này. Ông dự đoán rằng học sinh da đen độ tuổi cấp ba sẽ được chuyển vào Trường Trung học Clanton và học sinh da trắng độ tuổi cấp hai sẽ phải chuyển sang Trường Phố Burley ở Hạ trấn. Chuyện này khiến mọi người hoảng loạn, đàn ông thì lắc đầu, đàn bà thì khóc. Ý nghĩ học sinh da trắng sẽ phải qua bên kia đường ray để học, đơn giản là không thể chấp nhận được.

Họ đang tính lập một trường mới, và yêu cầu chúng tôi không viết bài về chuyện đó, ít ra là tạm thời. Họ muốn ổn định phần nào cam kết về tài chính đã rồi mới công bố. Chúng tôi cũng chiều theo ý họ. Thời điểm đó, tôi đâu mấy thảnh thơi để dây vào mấy chuyện gây tranh cãi.

Một thẩm phán liên bang ở Memphis đã ra phán quyết về lộ trình xe buýt khiến thành phố chia rẽ gay gắt. Học sinh da đen nội thị sẽ được di chuyển đến vùng ngoại ô da trắng, và học sinh da trắng thì đi theo hướng ngược lại. Thế là tình hình càng căng thẳng hơn nữa, và tôi muốn trốn tránh thành phố này một thời gian.

Đây sẽ là một mùa hè đổ lửa thực sự, như thể giữa thành phố đang có một quả bom sẽ phát nổ bất kỳ lúc nào.

Tôi bỏ một tuần, qua tuần tiếp theo mới đăng phần hai câu chuyện nhà Ruffin. Ở phần dưới trang nhất, tôi đăng hình chụp mới nhất của bảy giáo sư nhà họ. Phần bài hôm nay nói về công

việc và cuộc sống hiện thời của họ. Cả bảy người, ai cũng mang nặng tâm tư hướng về Clanton và Mississippi, dù không một ai dự định chuyển hẳn về đây. Họ từ chối phán xét về một nơi đã bắt họ học ở những trường thứ cấp, bắt họ ở yên bên phần này đường ray, không cho họ bầu cử và ăn uống ở hầu hết quán trong thành phố, thậm chí không được uống nước ở đài phun nước sân trước tòa án. Họ không muốn đắm chìm trong chuyện tiêu cực. Thay vào đó, họ tạ ơn Chúa vì sự tốt lành của Ngài, vì Ngài đã cho họ sức khỏe, gia đình, bố mẹ và những cơ hội họ có trong đời.

Tôi kinh ngạc trước sự khiêm nhường và tử tế của họ. Cả bảy người đã hứa sẽ gặp tôi vào dịp nghỉ lễ Giáng sinh, ở hiên nhà bà Callie, ăn bánh hồ đào và kể cho nhau những câu chuyện.

Tôi kết thúc bài báo dài của mình với một chi tiết đầy hấp dẫn về gia đình họ. Khi mỗi một người con rời nhà lên đường lập nghiệp, ông Esau đều dặn dò họ phải viết ít nhất một lá thư mỗi tuần gửi cho mẹ mình. Và họ đã làm thế từ đó cho đến giờ. Rồi ông Esau còn bảo họ phải làm sao để bà Callie nhận được một lá thư mỗi ngày. Bảy giáo sư, bảy ngày một tuần. Vậy là Alberto viết thư và gửi đi vào Chúa nhật, Leonardo viết thư và gửi đi vào thứ Hai, cứ như thế. Có ngày bà Callie nhận hai hay ba lá thư, có hôm thì không. Nhưng những bước đến chỗ hộp thư luôn luôn đầy thú vị.

Và mọi lá thư nhận được, bà đều giữ lại. Bà lấy một hộp các-tông trong tủ ở phòng ngủ chính ra cho tôi xem, bên trong là

hàng trăm lá thư của các con bà.

“Rồi sẽ có lúc tôi đưa anh đọc chúng,” bà nói, nhưng tôi thấy không chắc lắm. Mà tôi cũng đâu muốn đọc những chuyện quá riêng tư đến thế.

CHƯƠNG 13

Công tố viên của hạt, Ernie Gaddis, đã đệ đơn mở rộng phạm vi tuyển chọn bồi thẩm đoàn. Theo Baggy, chuyên gia tự nhận của chúng tôi, thì với một phiên tòa hình sự điển hình, thư ký tòa địa hạt sẽ triệu tập tầm 40 người để chọn làm bồi thẩm. Khoảng 35 người sẽ chịu đến và ít nhất năm người không đủ tiêu chuẩn vì quá già hoặc quá yếu. Gaddis lập luận trong kiến nghị rằng vì vụ án mạng Kassellaw này ai ai cũng biết nên càng khó tìm được những bồi thẩm vô tư. Ông xin tòa cho triệu tập ít nhất 100 bồi thẩm tiềm năng.

Nhưng ý của ông, vốn không xuất hiện trong bài kiến nghị mà ai cũng biết, là để nhà Padgitt dọa dẫm trăm người thì khó hơn dọa dẫm 40 người. Lucien Wilbanks đã chồm lên phản đối và đòi mở phiên điều trần. Thẩm phán Loopus bảo là không cần điều trần, và ra lệnh mở rộng phạm vi chọn bồi thẩm đoàn. Ông cũng có hành động bất thường là niêm phong danh sách bồi thẩm tiềm năng. Baggy và hội bạn nhậu của ông, cũng như tất cả mọi người khác quanh tòa án, đều sốc trước quyết định này. Đây là chuyện xưa nay chưa hề có. Theo lệ thường, các luật sư và bị cáo, đều có danh sách bồi thẩm đoàn sơ bộ cả hai tuần trước ngày xét

xử.

Phán quyết này được xem là một trở ngại lớn cho nhà Padgitt. Nếu không biết ai là bồi thẩm tiềm năng, làm sao mà mua chuộc hay dọa dẫm họ đây?

Gaddis còn kiến nghị tòa gửi giấy triệu tập qua đường bưu điện, chứ không giao cho văn phòng cảnh sát trưởng trực tiếp đi giao. Loopus cũng thích ý tưởng này. Rõ ràng ông biết về mối thân tình giữa nhà Padgitt và cảnh sát trưởng. Cũng không có gì ngạc nhiên khi Lucien Wilbanks chồm lên phản đối tiếp. Trong bài đáp trả điên cuồng, lão nói rằng thẩm phán Loopus đang đối xử khác biệt và bất công đối với thân chủ của lão. Đọc bản kiến nghị, tôi cũng phải nể cách lão hành văn dài mấy trang giấy mà vô cùng rành mạch.

Ai cũng nhận thấy thẩm phán Loopus quyết tâm chủ trì một phiên tòa an toàn và vô tư. Ông từng là công tố viên hồi thập niên 1950 và có tiếng là thường đứng về phía công tố. Chắc chắn ông có chút quan ngại đối với nhà Padgitt và tiếng tăm tội phạm của họ. Hơn nữa, trên giấy tờ, vụ khởi tố Danny Padgitt có vẻ quá chặt chẽ rồi.

Vào ngày thứ Hai, 15 tháng 6, thư ký tòa địa hạt bí mật gửi giấy triệu tập bồi thẩm cho 100 công dân đăng ký bầu cử ở Hạt Ford. Một trong số đó đã đến hòm thư của bà Callie Ruffin, và trưa thứ Năm tuần đó, bà đưa cho tôi xem khi chúng tôi dùng bữa.

Năm 1970, Hạt Ford có 26% dân da đen, 74% dân da trắng, ngoài ra không còn sắc dân nào khác. Sáu năm sau mùa hè náo động 1964 và năm năm sau Đạo luật Quyền Bầu cử năm 1965, vẫn không mấy người da đen đăng ký bầu cử ở Hạt Ford. Trong cuộc bầu cử bang năm 1967, gần 70% dân da trắng có quyền bầu cử đã đi bỏ phiếu, trong khi con số này của người da đen chỉ là 12%. Dân chúng ở Hạ trấn khá lãnh đạm với chuyện này. Một trong những lý do là hạt này dân da trắng chiếm đa số quá lớn, nên chẳng thể nào có hy vọng một người da đen được bầu lên nắm chức gì đó. Thế thì đi bầu làm gì nữa?

Một lý do khác là cái kiểu làm khó khi đăng ký bầu cử. Suốt cả trăm năm qua, dân da trắng đã dùng đủ mọi chiêu trò để dân da đen không thể đăng ký. Hồ sơ thuế, kiểm tra mù chữ, đủ thứ trên đời.

Nhưng thêm một lý do nữa là hầu hết người da đen ngại ngần chuyện này là vì họ sẽ được giới chức da trắng đăng ký. Và đăng ký nghĩa là thêm thuế, thêm giám sát, thêm theo dõi, thêm xâm phạm. Đăng ký nghĩa là có thể phải làm nghĩa vụ bồi thẩm.

Theo Harry Rex, một nguồn tin tòa án đáng tin cậy hơn Baggy, thì ở Hạt Ford, chưa hề có bồi thẩm da đen nào. Vì các bồi thẩm tiềm năng đều được chọn ra từ danh sách đăng ký bỏ phiếu, nên có quá ít người da đen để chọn vào danh sách bồi thẩm đoàn sơ bộ. Những người qua được các vòng sơ khảo cũng đều bị loại khi đến vòng cuối cùng chọn ra 12 người. Đối với các vụ án hình sự, bên công tố thường không muốn chọn người da

đen vì tin rằng họ sẽ dễ động lòng trước bị cáo. Còn với các vụ án dân sự, bên bị đơn cũng không muốn có bồi thẩm da đen vì sợ họ quá tùy tiện ra phán quyết về chuyện tiền bạc.

Tuy nhiên, những giả thuyết này vẫn chưa hề được kiểm chứng ở Hạt Ford.

Ông bà Callie và Esau Ruffin đã đăng ký bầu cử từ năm 1951. Họ đã cùng nhau đi đến văn phòng thư ký tòa địa hạt để xin được thêm vào danh sách cử tri. Cô thư ký, như đã được đào tạo, đưa họ một tấm thẻ cũ mèm với dòng chữ "Tuyên ngôn độc lập" ở trên cùng. Tấm thẻ đó viết bằng tiếng Đức.

Viên thư ký vốn cho là ông bà Ruffin cũng mù chữ như hầu hết dân da đen ở Hạt Ford, thờ ơ bảo, "Hai người đọc được cái này không?"

Bà Callie trả lời ngay, "Đây đâu phải tiếng Anh, là tiếng Đức."

"Cô đọc được không?" viên thư ký hỏi lại, nhận ra mình sẽ phải vất vả với cặp vợ chồng này đây.

"Tôi nghĩ cô cũng như tôi thôi," bà Callie lịch sự đáp trả. Cô thư ký bèn lấy lại tấm thẻ đó, rồi đưa một tấm khác ra. "Cô đọc cái này được không?"

"Được. Đây là *Tuyên ngôn Nhân quyền*."

"Mục số 8 nói gì?"

Callie đọc chậm rãi rồi nói, "Tu chính án thứ tám cấm mức phạt quá đáng và hình phạt tàn khốc."

Và ngay lúc đó, Esau cúi người tới và nói, "Chúng tôi có sở hữu

bất động sản." Ông đặt chứng từ nhà lên bàn và viên thư ký mở ra kiểm tra. Sở hữu bất động sản không phải là điều kiện tiên quyết để được bầu cử, nhưng nếu là người da đen, thì đó là một yếu tố cực kỳ quan trọng. Không còn biết nói gì nữa, cô thư ký bảo, "Tốt rồi. Thuế cử tri là hai đô mỗi người." Esau đưa tiền, và từ đó, họ tham gia vào cử tri đoàn cùng 31 người da đen khác, trong số đó không có ai là nữ giới.

Họ chưa hề bỏ lỡ cuộc bầu cử nào. Bà Callie đã luôn lo lắng khi quá ít bạn bè của bà bận tâm đến chuyện đăng ký và đi bầu, nhưng vì quá bận nuôi dạy tám người con, nên bà không còn thời gian lo chuyện đó. Hạt Ford không bị cuốn vào cơn náo động về chủng tộc vốn đã lan khắp hầu hết bang, nên cũng chẳng có động lực thực sự nào để kêu gọi người da đen đi đăng ký bầu cử.

Mới đầu, tôi chẳng biết bà lo lắng hay phấn khích nữa. Và hình như ngay cả bà cũng thế. Nữ cử tri da đen đầu tiên giờ có thể trở thành bồi thẩm da đen đầu tiên. Bà chưa hề thoái lui trước thách thức nào, nhưng phán quyết về người khác lại là một chuyện khiến bà bận tâm về luân lý. "Đừng phán xét để khỏi bị phán xét," bà trích lại câu của Chúa Jesus hơn một lần.

"Nhưng nếu ai cũng theo câu đó, thì toàn bộ hệ thống tư pháp của chúng ta sẽ sụp đổ, phải chứ?" tôi hỏi.

"Tôi chẳng biết nữa," bà nói, mắt nhìn xa xăm. Tôi chưa hề thấy bà Callie ưu tư đến như vậy.

Chúng tôi ăn gà chiên kèm khoai tây nghiền và nước sốt thịt. Hôm nay, ông Esau không về nhà ăn được.

“Làm sao tôi có thể phán xét một người tôi quen là có tội đây?” bà lại hỏi tiếp.

“Trước hết, bà lắng nghe các chứng cứ. Bà là người cởi mở mà. Sẽ không có gì khó khăn đâu.”

“Nhưng anh biết là hắn đã giết cô ấy. Anh nói quá rõ như thế trên báo.” Sự thành thật quá độ của bà lại một lần nữa khiến tôi giật thót.

“Chúng tôi chỉ tường thuật sự việc thôi, bà Callie. Nếu nó khiến hắn có vẻ có tội, thì hắn có tội thôi.”

Rồi hai chúng tôi lại im lặng, những khoảng lặng dài và thường xuyên trong bữa trưa hôm ấy. Bà trầm ngâm suy nghĩ và không ăn gì mấy.

“Còn về án tử hình thì sao?” bà hỏi. “Rồi họ sẽ cho anh ta vào phòng hơi ngạt, phải không?”

“Phải. Một vụ chủ ý giết người mà.”

“Ai quyết định chuyện tử hình hay không?”

“Bồi thẩm đoàn.”

“Trời ơi.”

Sau đó, bà không nuốt nổi gì nữa. Bà bảo từ khi nhận giấy triệu tập bồi thẩm đoàn, huyết áp bà đã tăng vọt và phải đi khám bác sĩ rồi. Tôi giúp bà ngồi lên sofa rồi lấy cho bà một cốc nước đá. Bà nhất quyết là tôi phải tiếp tục ăn cho xong bữa, và tôi quá

sẵn lòng giúp chuyện đó trong thinh lặng. Lát sau, bà khỏe lên một chút, chúng tôi ngồi trên ghế lắc nơi hiên, nói đủ thứ chuyện miễn không phải là về Danny Padgitt và phiên tòa xử hắn.

Cuối cùng tôi cũng thành công dẫn dắt câu chuyện về chất Ý trong cuộc đời bà. Ngay từ buổi ăn trưa đầu tiên của chúng tôi, bà đã kể là bà học tiếng Ý trước cả tiếng Anh. Bảy người con của bà đều mang tên Ý.

Câu chuyện dài đó trước sau gì bà cũng phải kể cho tôi nghe chứ. Hơn nữa hiện giờ, tôi cũng không có việc gì phải làm gấp.

Vào những năm 1890, giá bông tăng đột biến khi nguồn cầu tăng mạnh khắp toàn thế giới. Những vùng đất màu mỡ của miền Nam gánh sức ép phải gia tăng sản lượng. Các ông chủ đồn điền lớn ở vùng Châu thổ Mississippi thèm khát tăng thu hoạch, nhưng lại phải đối diện vấn đề thiếu hụt nhân công. Nhiều người da đen đủ sức khỏe đã bỏ vùng đất mà tổ tiên họ phải sống đời nô lệ để tìm những công việc tốt hơn và cuộc sống còn tốt hơn nữa ở miền Bắc. Những người còn ở lại thì chẳng mấy hăng hái về công việc hái bông với đồng lương còm cõi.

Các chủ đất bèn cùng nhau lên kế hoạch nhập khẩu lao động từ nguồn di dân Âu châu vốn có sẵn tính công nghiệp và chịu khó để tăng sản lượng. Qua bắt mối với các môi giới lao động người Ý ở New York và New Orleans, những lời hỏi thăm, dối trá, dụ dỗ, hợp đồng được tung ra, và năm 1895, con thuyền đầu

tiên chở các gia đình lao động di dân đã đến Châu thổ Mississippi. Họ là dân Bắc Ý, vùng Emilia-Romagna, phụ cận Verona. Hầu hết trong số họ đều ít học và nói được vài chữ tiếng Anh, nhưng cuộc sống trước mắt ngay lập tức nói với họ bằng thứ ngôn ngữ dễ hiểu nhất là họ đã bị lừa. Ở môi trường sống tồi tệ ở một vùng cận nhiệt đới, họ phải chiến đấu với bệnh sốt rét, muỗi và rắn, thiếu thốn nước sạch, mà phải làm cật lực để tăng sản lượng bông với một đồng lương không thể nào sống nổi. Họ buộc phải vay mượn tiền với giá cắt cổ từ các chủ đất. Thực phẩm cũng như nhu yếu phẩm thì mua từ cửa hàng của công ty với giá trên trời.

Vì dân Ý làm việc quá chăm chỉ, nên các chủ đất muốn tìm thêm. Vậy là họ tô son trát phấn lên triển vọng công việc, hứa hẹn đủ điều với các môi giới lao động Ý, và dòng nhân công di dân cứ thế đổ về. Một hệ thống làm công trả nợ bắt đầu hình thành, và dân Ý còn bị đối xử tệ hơn các nông dân da đen.

Qua thời gian, chính phủ đã có những nỗ lực để phân chia lợi nhuận và chuyển đổi quyền sở hữu đất đai, nhưng vì thị trường bông vải đem lại dòng tiền quá khủng khiếp, nên chẳng thỏa thuận nào đi đến đâu cả. Sau 20 năm bị bóc lột sức lao động, cuối cùng dân Ý cũng tan tác đi nơi khác.

Những người còn ở lại vùng châu thổ này thì bị xem là công dân hạng hai suốt nhiều thập kỷ. Con cái họ không được đi học, và vì họ là người Công giáo, nên chẳng được chào đón ở các nhà thờ Tin Lành. Các câu lạc bộ đồng quê cũng không có chỗ cho

họ. Họ là những “dago” và bị đẩy xuống tận đáy xã hội. Nhưng nhờ làm việc chăm chỉ và biết dành dụm tiền bạc, họ dần tích lũy được đất đai.

Gia đình Rossetti kiếm được mảnh đất gần Leland, Mississippi, vào năm 1902. Hồi trước, họ sống ở một ngôi làng gần Bologna, vì nghe lời một môi giới lao động lươn lẹo mà lâm phải cảnh này. Ông bà Rossetti đưa cả bốn người con gái theo, cô chị đầu là Nicola, được 12 tuổi khi đặt chân đến Mỹ. Dù trong năm đầu tiên ở đây cả nhà thường thiếu ăn, nhưng vẫn xoay xở được để khỏi chết đói. Đặt chân đến đất khách quê người với túi tiền rỗng không, sau ba năm lao động đã trở thành khoản nợ 6000 đô và họ chẳng có cách nào để trả.

Thế là vào nửa đêm, họ bỏ trốn khỏi vùng Châu thổ, đi nhờ tàu hàng đến Memphis, nương nhờ nhà một người bà con xa.

Ở tuổi 15, Nicola đã phát tiết vẻ đẹp trời phú, với mái tóc dài, đôi mắt nâu, đậm chất Ý. Trông cô già dặn hơn tuổi và ông chủ một cửa hàng áo quần đã nhận cô vào làm ngay khi cô bảo mình đã 18. Ông chủ chỉ mất thêm ba ngày nữa để ngỏ lời cầu hôn cô. Ông bảo nếu Nicola chịu theo ông, thì ông sẵn sàng ly dị người vợ chung sống với mình 20 năm và bỏ rơi đàn con. Cô từ chối thẳng thừng. Thế là ông ta tìm đến ông Rossetti và đề nghị khoản tiền 5000 đô. Ông Rossetti từ chối ngay.

Thời đó, chỗ mua sắm và xã giao cho các gia đình nông trang giàu có ở miền bắc Mississippi là ở Memphis, thực sự là trong

vòng phạm vi quanh khách sạn Peabody thôi. Và cũng tại đó, ông Mr. Zachary DeJarnette ở Clanton đã có cơ duyên gặp được Nicola Rossetti. Hai tuần sau, họ cưới nhau.

Ông 31 tuổi, đã góa vợ và không có con, đang nghiêm túc tìm một bà chủ mới để cai quản gia đình. Ông cũng là chủ đất lớn nhất Hạt Ford, nơi đất đai không màu mỡ bằng vùng Châu thổ, nhưng vẫn đem lại lợi nhuận khổng lồ nếu nắm trong tay đủ nhiều đất đai như bốn ngàn mẫu đất mà ông thừa kế từ gia đình. Ông của DeJarnette từng là chủ nô của ông nội Calia Harris Ruffin.

Cuộc hôn nhân đó là một giao kèo cho cả nhà. Nicola khôn ngoan hơn tuổi nhiều, và cô cũng mong mỏi bảo vệ gia đình mình. Cả nhà cô đã chịu quá nhiều đau khổ. Bây giờ, cơ hội vừa đến và cô phải tận dụng nó triệt để. Trước khi đồng ý kết hôn, cô bắt ông DeJarnette phải hứa không chỉ tuyển bố cô làm đốc công nông trại mà còn chu cấp cho gia đình cô một căn nhà tiện nghi. Ông còn đồng ý cho ba em gái cô được ăn học và trả hết tiền nhà họ nợ chủ đất ở vùng Châu thổ. Ông DeJarnette quá say mê Nicola, nên cô ra điều kiện gì, ông cũng chấp nhận hết.

Những người Ý đầu tiên ở Hạt Ford, không đến bằng toa hàng, mà là toa hạng nhất trên chuyến tàu Trung Illinois. Một đoàn người đứng chào mừng, giúp họ dỡ đống hành lý mới toanh xuống, và đưa họ lên hai chiếc Ford Model T 1904. Nhà Rossetti được đối đãi như hoàng tộc khi theo chân ông DeJarnette đi dự hết tiệc này đến tiệc khác ở Clanton. Cả thành

phố xôn xao bàn tán về nhan sắc chim sa cá lặn của tân nương nhà DeJarnette. Nghe đồn là sẽ có hôn lễ trang trọng, để chính thức hóa nghi thức hôn phối nhanh gọn ở Memphis, nhưng vì ở Clanton không có nhà thờ Công giáo nào nên chuyện đó sớm bị gạt đi. Tân nương và tân lang vẫn chưa xác định rõ vấn đề tôn giáo này. Dù cho lúc đó, nếu Nicola yêu cầu ông DeJarnette cải sang Ấn giáo chắc ông cũng làm theo ngay tắp tự.

Cuối cùng, họ về đến dinh thự ở rìa thành phố. Khi nhà Rossetti bước vào lối đi dài dẫn đến dinh thự tiền Nội chiến do tay cụ tổ DeJarnette xây lên, ai cũng nước mắt giàn giụa.

Họ sẽ sống ở đây cho đến khi nhà của đốc công được sửa xong. Nicola nhận lấy nhiệm vụ của bà chủ dinh thự và cố hết sức để có thai càng sớm càng tốt. Các cô em gái được có gia sư riêng, và chỉ trong vài tuần đã nói tiếng Anh trôi chảy. Ông Rossetti hằng ngày đi cũng cậu con rể chỉ kém ông ba tuổi để học cách điều hành trang trại.

Còn bà Rossetti thì ghé vào bếp, nơi bà gặp bà India, mẹ của Callie.

“Bà tôi nấu ăn cho nhà DeJarnette, mẹ tôi cũng thế,” bà Callie kể. “Tôi nghĩ mình cũng sẽ thế, nhưng hóa ra lại không như vậy.”

“Ông Zack và bà Nicola có con không?” tôi hỏi. Lúc đó, tôi đã uống đến ly trà thứ ba hay thứ tư gì rồi. Trời thì nóng và đá tan rất nhanh. Bà Callie đã kể chuyện suốt hai tiếng đồng hồ, quên

luôn chuyện triệu tập bồi thẩm đoàn và phiên tòa xử vụ án mạng.

“Không. Thật đáng buồn, vì họ mong có con lắm. Khi tôi ra đời năm 1911, bà Nicola đã nuôi tôi thay mẹ tôi. Bà nhất quyết đặt cho tôi cái tên Ý. Bà cho tôi sống trong nhà lớn với bà. Mẹ tôi chẳng phiền gì chuyện đó, bà có nhiều con mà, hơn nữa, bà cũng làm việc trong nhà lớn cả ngày.”

“Còn bố bà thì làm gì?” tôi hỏi.

“Làm việc ở nông trại. Nhà ông DeJarnette là chốn tuyệt vời để ở và làm việc. Nhà tôi thật may mắn vì ông ấy chăm lo cho chúng tôi. Họ là những người tốt. Luôn tốt. Không nhiều người da đen được như thế. Hồi đó, cuộc sống của người da đen nằm trong tay chủ nhà da trắng. Nếu chủ nhà ác độc và ngược đãi, thì cuộc sống khốn khổ. Nhưng nhà DeJarnette là những người tuyệt vời. Bố tôi, ông tôi, cả ông cố tôi, đều làm việc cho họ, và chưa hề bị ngược đãi.”

“Còn bà Nicola?”

Bà Callie cười, nụ cười đầu tiên sau một tiếng đồng hồ. “Tôi thật có phúc. Tôi có đến hai người mẹ. Bà cho tôi mặc những bộ đồ bà mua ở Memphis. Khi tôi mới chập chững, bà dạy tôi nói tiếng Ý song song tiếng Anh. Bà dạy tôi đọc từ năm ba tuổi.”

“Và bà vẫn nói tiếng Ý?”

“Không. Lâu quá rồi.” Bà Nicola thích kể cho tôi chuyện hồi nhỏ của bà ở Ý và hứa đến một ngày bà sẽ đưa tôi tới đó, để ngắm

kênh đào Venice, thành Vatican ở Roma và tháp nghiêng Pisa. Bà mê hát và còn dạy tôi hát opera.

"Vậy là bà ấy có học?"

"Mẹ của bà có chút học vấn, ông Rossetti thì không, và mẹ bà đã bảo đảm cho bà và các em biết đọc biết viết. Bà Nicola hứa sẽ cho tôi học đại học ở miền Bắc, hay thậm chí là ở châu Âu, nơi dân tình bao dung hơn. Vào những năm 1920, ý nghĩ một phụ nữ da đen vào đại học đúng là chuyện điên rồ."

Câu chuyện đang mở ra nhiều hướng. Tôi muốn ghi chép lại vài phần, nhưng hôm nay lại không đem theo sổ. Hình ảnh một cô bé da đen sống trong dinh thự, nói tiếng Ý và nghe nhạc opera ở Mississippi cách đây 50 năm, đúng là chuyện độc nhất vô nhị.

"Bà có làm việc trong nhà đó không?" tôi hỏi.

"Ồ, có chứ, khi tôi lớn hơn. Tôi lo việc dọn dẹp, nhưng chưa hề làm nhiều như những người khác. Bà Nicola muốn giữ tôi bên mình. Chúng tôi ngồi trong phòng khách của bà ấy để luyện nói, ít nhất một tiếng mỗi ngày. Bà nhất quyết bỏ ngữ âm Ý của mình, và cũng nhất quyết là tôi phải phát âm và có ngữ vựng chuẩn. Có một giáo viên về hưu, cô Tucker, tôi không bao giờ quên bà ấy, và bà Nicola cho xe đến đón bà ấy mỗi sáng. Bên tách trà, chúng tôi đọc một bài và bà Tucker sẽ chỉnh những lỗi phát âm dù là nhỏ nhất. Chúng tôi còn học ngữ pháp, học từ vựng. Bà Nicola ép mình cho đến khi nói được thứ tiếng Anh hoàn hảo."

“Chuyện học đại học thì sao?”

Đột nhiên, bà Callie thấy đuối sức, và câu chuyện coi như tạm dừng ở đó. “À, anh Traynor, đó đúng là chuyện quá đau buồn. Ông DeJarnette mất sạch gia sản vào những năm 1920. Ông dốc rất nhiều vốn đầu tư vào xe lửa, tàu thủy, cổ phiếu, và chuyện phá sản ập đến một cách không ngờ. Ông đã tự sát bằng súng, đấy lại là chuyện khác nữa.”

“Còn bà Nicola?”

“Bà ấy xoay xở giữ được ngôi nhà lớn cho đến thời Thế chiến II, rồi chuyển về Memphis sống với bố mẹ. Chúng tôi gửi thư cho nhau hàng tuần suốt nhiều năm. Tôi vẫn đang giữ những lá thư đó. Bà qua đời bốn năm trước, thọ 76 tuổi. Tôi đã khóc suốt một tháng. Bây giờ, hễ nghĩ đến bà, tôi lại muốn khóc. Tôi thương bà ấy quá.” Giọng bà xuôi dần, và theo kinh nghiệm, tôi biết bà chuẩn bị đi ngủ trưa rồi.

Tối hôm đó, tôi vùi đầu vào kho lưu trữ của tòa soạn. Vào ngày 12 tháng 9 năm 1930, có một bài báo in trên trang nhất về vụ ông Zachary DeJarnette tự sát. Tuyệt vọng vì việc kinh doanh sụp đổ, ông đã để lại một di chúc mới và thư tuyệt mệnh cho người vợ, Nicola, rồi như để khỏi phiền mọi người thêm nữa, ông lái xe đến nhà tang lễ ở Clanton, bước vào cửa chính, cầm theo khẩu shotgun hai nòng, tìm đến phòng liệm xác, kéo ghế ngồi, cởi giày ra, kê súng vào miệng và dùng ngón chân cái bóp cò.

CHƯƠNG 14

Vào ngày thứ Hai, 22 tháng 6, các bồi thẩm tiềm năng cho vụ Danny Padgitt đã tề tựu, chỉ thiếu tám người. Sau đó, chúng tôi sớm biết là bốn người đã chết và bốn người thì biệt tích. Hầu như ai nấy đều có vẻ rất lo lắng. Baggy bảo thường thì các bồi thẩm chẳng biết họ sẽ được chọn cho vụ gì. Nhưng với vụ xử Danny Padgitt thì khác. Ở Hạt Ford này, ai chẳng biết ngày đó cuối cùng đã đến.

Ở một thành phố nhỏ thế này, chẳng mấy việc thu hút đông người cho bằng một phiên tòa án mạng, và chưa đến 9:00 sáng mà phòng xử đã chật kín người. Các bồi thẩm tiềm năng đứng kín một bên, bên còn lại là người đến xem. Họ chen chúc nơi ban công, đứng ép cả vào tường. Như để thể hiện sức mạnh, cảnh sát trưởng Coley cho mọi nhân viên - dù có hay không có đồng phục - mà ông có trong tay quy tụ hết ở đây, rảo quanh ra vẻ quan trọng dù chẳng làm được gì. Giờ mà đi cướp ngân hàng thì tiện biết mấy.

Tôi và Baggy có chỗ ở hàng ghế đầu. Ông đã thuyết phục thư ký tòa là chúng tôi có giấy phép báo chí, nên phải có chỗ ngồi đặc biệt. Ngồi cạnh tôi là một phóng viên ở Tupelo, một ông xuề xòa

bốc mùi thuốc lá tẩu rẻ tiền. Tôi kể sơ cho ông về vụ này, những chi tiết không chính thức ấy, và có vẻ ông khá ấn tượng về hiểu biết của tôi.

Nhà Padgitt dốc toàn quân ra trận hôm nay. Họ chiếm mấy dãy ghế sát sau lưng bàn bị cáo, chụm đầu lại hội ý với Danny và Lucien Wilbanks, trông không khác gì một phường trộm cướp tụ họp, mà đúng thế còn gì. Họ là đám kiêu căng và tội lỗi, và trong lòng tôi chẳng có gì cho họ ngoài sự ghét bỏ. Tôi chẳng biết tên tuổi cụ thể của họ, hiếm người biết lắm. Nhưng khi quan sát họ, tôi tự hỏi xem kẻ nào là tên phóng hỏa bất tài đã xách mấy can xăng lẻn vào phòng in của chúng tôi. Hôm nay, tôi để sẵn súng trong cặp táp, và tôi khá chắc trong người họ thế nào cũng có súng. Chỉ cần có hành động bộp chộp nào là một cuộc đấu súng kiểu cao bồi sẽ nổ ra ngay. Thả thêm đám lính đào tạo kém mà mê nổ súng của Coley ra là nửa thành phố sẽ bị xóa sổ.

Tôi thấy được một vài người nhà Padgitt trừng tôi, nhưng chủ yếu họ lo về mấy bồi thẩm hơn. Họ quan sát kỹ khi các bồi thẩm tiềm năng vào phòng xử và nhận chỉ dẫn từ thư ký tòa. Nhà Padgitt và đám luật sư của họ nhìn vào danh sách kiếm được đâu đó. Họ đang so sánh thông tin.

Danny ăn mặc đẹp, nhưng giản dị, với áo sơ mi trắng tay dài và quần kaki là hồ phẳng phiu. Như Wilbanks hướng dẫn, hắn mỉm cười suốt, đúng điệu thanh niên nghiêm túc vô tội.

Ở bàn bên kia, Ernie Gaddis và bộ sậu nhỏ của ông cũng đang quan sát các bồi thẩm tiềm năng. Gaddis có hai trợ lý, một là phụ tá luật và một là công tố viên bán thời gian, tên Hank Hooten. Phụ tá luật lo cầm hồ sơ và cặp táp. Hooten có vẻ chẳng có vai trò gì nhiều, nhưng chỉ hiện diện ở đó để Ernie có người tham vấn.

Baggy cúi người tới, có vẻ đã đến giờ ông mở chế độ rỉ tai rồi. "Cái anh mặc vest nâu đó," ông hất hàm về phía Hooten, "anh ta từng xoạc Rhoda Kassellaw."

Tôi sốc, thể hiện rõ ra mặt, giật người lui sau một chút rồi nhìn Baggy. Ông gật đầu thỏa mãn và buông câu ông luôn nói sau khi kể ra chuyện gì đó bẩn bựa. "Chuyện là thế đấy," ông thì thầm. Như thế nghĩa là ông chắc chắn trăm phần trăm. Baggy thường sai, nhưng không bao giờ hoài nghi.

Hooten trạc 40, với mái tóc hơi ngả muối tiêu, ăn vận đẹp, có thể nói là điển trai. "Anh ta là người ở đâu?" tôi thì thầm hỏi. Phòng xử đang ồn ào vì thẩm phán Loopus chưa vào.

"Ở đây. Anh ta làm về luật bất động sản, mấy thứ việc nhẹ nhàng. Một gã tồi thật sự. Đã ly dị vài lần, cả ngày đi tìm mái."

"Gaddis có biết trợ lý của mình từng qua lại với nạn nhân không?"

"Dĩ nhiên là không. Nếu biết Ernie đã loại anh ta ra rồi."

"Ông nghĩ Wilbanks biết không?"

"Chẳng ai biết cả." Baggy nói với giọng tự hào hơn nữa. Như thể ông đã bắt gặp họ tại trận, rồi giữ kín mãi chuyện đó trong

lòng cho đến mấy phút trước. Tôi thấy khó mà tin được Baggy chuyện này.

Vài phút trước 9:00, bà Callie đến tòa. Esau đi với bà vào phòng xử, rồi ông phải đi ra lại vì không có chỗ ngồi. Bà đến trình báo với viên thư ký và được xếp ngồi ở hàng ghế thứ ba, được giao một bảng câu hỏi để điền. Bà nhìn quanh tìm tôi, nhưng có lẽ nhiều người quá nên bà nhìn không ra. Tôi đếm thấy có bốn người da đen nữa trong số bồi thẩm tiềm năng.

Một viên chấp hành tòa cất tiếng gọi chúng tôi đứng dậy. Thẩm phán Loopus mời mọi người ngồi rồi ông vào thẳng việc với tinh thần có vẻ khá phấn chấn. Trước mặt ông là phòng xử chật kín người, và hai năm nữa là lại đến kỳ tranh cử mặc dù lâu nay ông chẳng hề có đối thủ nào. Sáu bồi thẩm bị loại vì đã trên 65 tuổi. Năm người bị loại vì lý do y tế. Thủ tục cứ thế tiếp diễn. Tôi thì không thể rời mắt khỏi Hank Hooten. Nhìn bộ dạng anh ta chắc chắn là kẻ đào hoa.

Xong phần câu hỏi sơ bộ, số bồi thẩm tiềm năng còn lại 79 người. Bà Callie giờ đã chuyển xuống ngồi ở hàng ghế thứ hai, một dấu hiệu không tốt mấy nếu như bà đang cố tránh được chọn vào bồi thẩm đoàn. Thẩm phán cho mời Ernie Gaddis, ông tự giới thiệu mình lần nữa và giải thích dài dòng rằng ông đến đây nhân danh Bang Mississippi, những công dân đóng thuế và những người đã bầu ông lên để khởi tố những kẻ phạm tội. Ông là luật sư của nhân dân.

Ông ở đây để khởi tố Danny Padgitt, người đã bị truy tố sau một phiên tòa sơ bộ về tội danh cưỡng hiếp và sát hại Rhoda Kassellaw. Ông hỏi có ai chưa nghe gì về vụ giết người này không. Không một cánh tay nào giơ lên.

Ernie đã phát biểu trước các bồi thẩm suốt ba chục năm nay rồi. Ông thân thiện, khéo léo, và tạo ấn tượng là có thể thảo luận bất kỳ chuyện gì với ông, thậm chí ngay trong một phiên tòa. Nhưng bây giờ, ông đang từ từ chuyển sang phần hù dọa. Đã có ai không phải người thân từng liên hệ bạn để nói về vụ này không? Một người lạ nào đó? Có người bạn nào cố thay đổi quan điểm của bạn không? Thư triệu tập được gửi cho các bạn qua đường bưu điện, danh sách bồi thẩm đoàn được niêm phong. Về lý thuyết, không ai được biết bạn là một bồi thẩm tiềm năng. Đã có ai nhắc đến chuyện này với bạn chưa? Có ai đe dọa bạn không? Có ai đề nghị cho các bạn gì không? Cả phòng xử im phăng phắc khi Ernie điểm qua những câu hỏi đó.

Không một ai đưa tay, mà rõ ràng, không ai đưa tay mới ổn. Nhưng Ernie đã chuyển tải thành công thông điệp của mình rằng những kẻ đó, người nhà Padgitt, thường kín đáo làm trò bẩn ở Hạt Ford. Ông đè thêm sức ép lên họ, và để lại ấn tượng rằng ông, công tố viên và là luật sư của nhân dân, là người biết sự thật.

Vào đoạn kết bài phát biểu, ông đưa ra một câu hỏi như phát súng ngang tai. “Tất cả mọi người có hiểu rằng thao túng bồi

thẩm đoàn là tội hình sự không?"

Có vẻ họ đều hiểu.

"Và tôi, công tố viên, sẽ truy lùng, truy tố, đưa ra tòa, và làm hết sức mình để kết tội bất kỳ ai tham gia vào việc thao túng bồi thẩm đoàn. Mọi người đã rõ chưa?"

Khi Ernie dứt lời, chúng tôi đều có cảm giác như mình đã bị thao túng. Bất kỳ ai từng nói chuyện về vụ án này, mà dĩ nhiên như thế là bao gồm tất cả mọi người trong hạt, dường như đều là đối tượng bị Ernie truy tố và dồn vào đường cùng.

"Ông ta giỏi thật đấy," ông phóng viên ở Tupelo bình luận. Lucien Wilbanks đứng lên, bắt đầu một bài phát biểu dài và buồn tẻ về giả định vô tội và vai trò nền tảng của nó đối với nền pháp lý Hoa Kỳ. Bất chấp những gì mọi người đã đọc trên tờ báo địa phương - nói đến đây lão liếc mắt khinh miệt về phía tôi - thì thân chủ lão, đang ngồi ngay trong phòng xử này, là một người vô tội. Và nếu có bất kỳ ai cảm thấy không phải thế, thì người đó buộc phải đưa tay lên và nói thẳng ra.

Không một ai đưa tay cả. "Tốt. Thế thì, với sự thinh lặng của mình, tất cả mọi người đang bảo tòa rằng mình có thể nói là Danny Padgitt đây vô tội. Phải thế không?" Lão dồn ép mọi người một hồi lâu với chuyện đó, rồi chuyển sang phần gánh nặng chứng cứ với một bài nói về thách thức khủng khiếp của bên công tố phải chứng minh thân chủ mình có tội một cách tuyệt đối đến nỗi không còn chút nghi vấn hợp lý nào cả.

Hai tấm khiên thần này, giả định vô tội và bằng chứng không thể chối cãi, là quyền mặc nhiên của tất cả chúng ta, bao gồm cả các bồi thẩm, được viết rõ bởi những tổ phụ lập quốc trong Hiến pháp và Tuyên ngôn Nhân quyền.

Đã gần đến trưa, có vẻ ai cũng mong tòa tạm nghỉ, nhưng Wilbanks hầu như chẳng để tâm chuyện đó và vẫn tiếp tục lải nhải. Khi lão chịu về ghế ngồi, lúc 12:15, thẩm phán Loopus bảo mọi người là ông đã đói quá rồi và tòa tạm nghỉ đến 2:00 chiều.

Tôi và Baggy ngồi ăn sandwich ở phòng Luật với vài đồng tửu của ông, ba luật sư già hết thời không bao giờ bỏ lỡ phiên tòa nào suốt nhiều năm trời. Baggy muốn làm một ly whisky lắm, nhưng vì vài lý do lạ thường mà ông buộc lòng phải cự lại vì tiếng gọi nghĩa vụ. Đồng tửu của ông thì không. Viên thư ký đã đưa cho chúng tôi danh sách bồi thẩm tiềm năng.

Bà Callie mang số thứ tự 22, người da đen đầu tiên và người phụ nữ thứ ba đếm từ số một trở đi.

Có cảm giác bên bị cáo sẽ không phản đối, vì bà là người da đen mà theo giả thuyết chung thì người da đen có khuynh hướng đồng cảm với bị cáo. Tôi không chắc bao nhiêu người da đen có thể đồng cảm nổi với một tên du côn da trắng như Danny Padgitt, nhưng các luật sư rất chắc chắn rằng Lucien Wilbanks sẽ mừng rỡ nếu bà vào bồi thẩm đoàn.

Cũng với giả thuyết như thế, bên công tố sẽ sẽ đưa ra những thử thách khó khăn và khó lường để cố gạt bà ra. Nhưng Chick

Elliot, ông già nhất và mê rượu nhất hội lại không đồng ý như vậy. "Tôi mà là bên công tố thì sẽ nhận bà ấy," ông nêu ý kiến, rồi nốc cạn một ly shot bourbon.

"Tại sao?" Baggy hỏi.

"Vì ta đều biết rõ về bà ấy mà, nhờ tờ *Thời báo* đấy. Bà ấy được biết đến là một người nhạy cảm, kính sợ Chúa, mê trích Kinh Thánh, nuôi dạy tốt cả đàn con với kỷ luật sắt đá."

"Tôi đồng ý," Tackett, ông ít tuổi nhất trong ba người xen vào. Nhưng mà ông Tackett là kiểu đồng ý với bất kỳ giả thuyết nào đang thắng thế. "Bà ấy sẽ là bồi thẩm lý tưởng cho bên công tố. Hơn nữa, bà lại là một phụ nữ. Nhớ nhé, đây là vụ cưỡng hiếp. Là tôi thì sẽ kiếm càng nhiều bồi thẩm là nữ càng tốt."

Họ tranh luận chuyện này cả tiếng đồng hồ. Đây là buổi đầu tiên tôi ngồi với họ, và đột nhiên tôi nhận ra làm thế nào mà Baggy lại có được quá nhiều ý kiến khác nhau về quá nhiều vấn đề đến thế. Dù cố không thể hiện ra, nhưng trong lòng tôi cứ mơ hồ lo sợ những bài báo dài và sâu sắc của tôi về bà Callie thế nào cũng sẽ làm hại bà theo cách nào đó.

Sau giờ ăn trưa, thẩm phán Loopus chuyển đến giai đoạn chất vấn nghiêm trọng nhất, hỏi về án tử hình. Ông giải thích bản chất của một trọng tội và những tiến trình nối tiếp phán quyết, rồi nhường lời cho Ernie Gaddis.

Công tố viên gọi từng người, lịch sự hỏi họ những câu hỏi về việc phán xét người khác và án tử hình. Bồi thẩm số 11 là thành

viên một hội thánh không tên tuổi nào đó, và ông đã nói rất rõ rằng mình không bao giờ được góp phần đẩy ai đó vào phòng hơi ngạt. Bồi thẩm số 34 là một cựu binh đã tham gia hai cuộc thế chiến và ông thấy rằng phải áp dụng án tử hình một cách thường xuyên hơn nữa. Dĩ nhiên chuyện này khiến Ernie thích thú. Cuối cùng, Ernie cũng gọi đến bà Callie. “Bà Ruffin, tôi đã đọc về bà, và có vẻ bà là một người mộ đạo. Có phải thế không?”

“Phải, tôi mến Chúa,” bà trả lời, rõ ràng rành mạch như mọi khi.

“Bà có ngần ngại khi đưa ra phán quyết người khác không?”

“Có, thưa ông.”

“Bà có muốn rút lui không?”

“Không, thưa ông. Trách nhiệm công dân của tôi là ở đây, như tất cả mọi người khác.”

“Và nếu bà vào bồi thẩm đoàn, và bồi thẩm đoàn thấy anh Padgitt có tội về những tội ác này, bà có thể bỏ phiếu tử hình anh ta không?"

“Chắc chắn tôi không muốn làm thế.”

“Câu hỏi của tôi là, ‘Bà có thể hay không?' Mời bà vui lòng trả lời.”

“Tôi có thể làm theo luật, như tất cả những người khác. Nếu luật nói rằng phải cân nhắc án tử hình thì tôi có thể làm theo luật.”

Bốn tiếng sau, Calia H. Ruffin trở thành bồi thẩm cuối cùng

được chọn, là người da đen đầu tiên ngồi ghế bồi thẩm ở Hạt Ford. Mấy ông say ở phòng Luật đã đúng. Bên bị cáo muốn chọn bà ấy vì bà ấy da đen. Bên công tố muốn bà ấy vì họ biết quá rõ về bà. Hơn nữa, Ernie Gaddis phải chắt chiu những đòn công kích để loại những người đáng ngại hơn.

Tối hôm đó, tôi ngồi một mình trong văn phòng, viết bài báo về ngày khai mạc phiên tòa và việc chọn bồi thẩm đoàn. Tôi nghe có tiếng gọi quen quen dưới lầu. Thủ tục của Harry Rex khi vào đây là mở tung cửa và giậm chân rầm rầm lên sàn gỗ, nên ai ở tờ *Thời báo*, dù vào giờ nào, cũng biết là ông vừa đến. "Cậu Willie!" ông hét gọi.

"Trên này nè," tôi hét lại.

Ông lao lên tầng, vào phòng tôi rồi ngả người lên chiếc ghế quen thuộc. "Cậu nghĩ sao về bồi thẩm đoàn?" Giọng ông có vẻ hoàn toàn vắng bóng hơi men.

"Tôi chỉ quen một người trong số họ," tôi trả lời. "Ông thì quen được mấy người?"

"Bảy."

"Ông có nghĩ họ chọn bà Callie vì những bài báo của tôi không?"

"Có," ông nói, thành thật thẳng thừng như lâu nay. "Ai cũng bàn tán về bà ấy. Cả hai bên đều có cảm giác quen biết bà ấy. Giờ đã là năm 1970, và thành phố này chưa hề có bồi thẩm da đen nào. Bà ấy trông ổn cả mà. Chuyện đó làm cậu lo à?"

“Có lẽ vậy.”

“Tại sao? Bà ấy làm bồi thẩm thì có vấn đề gì đâu? Đã đến lúc người da đen làm gì đó rồi. Bà ấy và chồng luôn lo ngại không dám vượt rào. Nhưng mà có gì nguy hiểm đâu, thường là thế.”

Tôi chưa nói chuyện với bà Callie và cũng chẳng thể làm thế cho đến sau khi phiên tòa kết thúc. Thẩm phán Loopus đã ra lệnh cách ly các bồi thẩm trong một tuần. Giờ có lẽ họ đang ẩn mình trong khách sạn nào đó ở thành phố khác rồi. “Có bồi thẩm nào đáng ngờ không?” tôi hỏi.

“Có lẽ có. Ai cũng lo về cái thằng què sống gần Dumas. Họ Fargarson. Nó bị thương ở lưng lúc làm tại nhà máy cưa của ông chú. Chú của nó bán gỗ cho nhà Padgitt nhiều năm rồi. Thằng đó láo lắm. Gaddis đã muốn đá nó nhưng nó qua hết mấy câu hỏi thử thách.”

Cái “thằng què” mà ông ấy nói, phải dùng gậy để đi lại và ít nhất cũng được 25 tuổi rồi. Harry Rex có thói quen gọi bất kỳ ai nhỏ hơn mình là thằng, nhất là với tôi.

“Nhưng với nhà Padgitt thì khó lường lắm. Có khi đến giờ chúng nắm nửa bồi thẩm đoàn rồi cũng nên.”

“Ông không thật sự tin như thế chứ?”

“Ừ, nhưng tôi cũng chẳng ngạc nhiên khi bồi thẩm đoàn không ra được phán quyết. Phải tốn công lắm Ernie mới xử được thằng nhóc đó.”

“Nhưng hắn sẽ phải vào tù chứ?” Ý nghĩ Danny Padgitt sẽ

thoát sự trừng phạt khiến tôi kinh hãi. Tôi đã đầu tư vào Clanton này, và nếu nền công lý bị lung lạc đến thế, thì tôi chẳng muốn ở đây làm gì nữa.

"Rõ ràng rồi."

"Tốt. Còn án tử hình?"

"Tôi cá là thế nào cũng có. Đây là cái rốn của Vành đai Kinh Thánh mà, Willie. Mắt đền mắt, răng đền răng. Loopus sẽ làm hết sức có thể để giúp Ernie kiếm được phán quyết tử hình."

Trong những câu chuyện trò sau đó, tôi lỡ lời hỏi tại sao Harry Rex làm việc muộn vậy. Hóa ra một thân chủ của ông rời thành phố vì công chuyện rồi lén trở về bắt tận tay cô vợ đang cặp với bồ. Thân chủ đó và Harry Rex đã ngồi hai tiếng trên một chiếc bán tải mượn đỗ sau một nhà nghỉ ở phía bắc thành phố. Hóa ra, cô vợ đó có đến hai gã bồ. Và câu chuyện đó đốt của tôi nửa giờ ngồi nghe.

CHƯƠNG 15

Sáng thứ Ba, phiên tòa phí phạm gần hai tiếng để các luật sư tranh cãi về kháng nghị gay gắt nào đó trong văn phòng thẩm phán. “Có lẽ là về mấy tấm ảnh,” Baggy liên tục rỉ tai tôi. “Họ luôn tranh cãi về ảnh.” Vì chẳng được hóng nghe họ bàn cãi gì nên chúng tôi đành sốt ruột ngồi yên chờ đợi, giữ ghế tốt kiếm được trong phòng xử. Tôi đã viết hàng trang các ghi chú vô dụng với nét chữ mèo cào. Cứ cắm cúi viết như thế giúp tôi có việc để làm và quên đi những ánh mắt trừng trừng từ đám nhà Padgitt. Khi bồi thẩm đoàn đã ra khỏi phòng xử, họ liền hướng mắt về phía những người dự khán, và tôi là tâm điểm.

Các bồi thẩm được đưa vào một phòng cách biệt, có cảnh sát đứng gác phòng khi có kẻ muốn làm gì họ để kiếm lợi thế trong phiên tòa. Căn phòng đó ở trên tầng hai, có cửa kính lớn nhìn xuống góc đông của khuôn viên tòa. Bên ngoài phòng là cục nóng điều hòa kêu ầm ầm đến nỗi cả quảng trường cũng nghe được. Lúc này, tôi nghĩ đến bà Callie và chứng huyết áp của bà. Tôi biết thế nào bà cũng đang đọc Kinh Thánh, mong cái đó giúp được bà bình tâm. Hồi sáng, tôi đã gọi cho ông Esau. Ông rất buồn khi bà tỏ ra khá thu mình, tránh né.

Esau đang ngồi ở mấy hàng ghế cuối phòng xử, sốt ruột chờ đợi như chúng tôi.

Khi cuối cùng thẩm phán Loopus và các luật sư cũng bước ra, nhìn bộ dạng họ như vừa bước xuống sàn đấu vậy. Thẩm phán ra hiệu với chấp hành tòa cho gọi các bồi thẩm vào, rồi ông chào mừng họ, cảm ơn họ, thăm hỏi về chỗ ăn nghỉ, xin lỗi vì những bất tiện trong thời gian qua, xin lỗi vì chuyện trì hoãn sáng nay, rồi hứa với họ là từ giờ phiên tòa sẽ tiến triển suôn sẻ cả.

Ernie Gaddis tiến lên bục và bắt đầu bài diễn văn mở đầu với bồi thẩm đoàn. Ông cầm tập giấy trên tay, nhưng không nhìn xuống nó lần nào. Gaddis nói hùng hồn về những điểm chính mà bên công tố sẽ chứng minh để buộc tội Danny Padgitt. Khi mọi chứng cứ đã được đưa ra, mọi nhân chứng đã nói xong hết, các luật sư và thẩm phán đã xong việc, thì công lý được giao trọn nơi tay bồi thẩm đoàn để được thực thi. Chắn chắn Gaddis nghĩ rằng bồi thẩm đoàn sẽ thấy Danny Padgitt có tội hiếp dâm và giết người. Mỗi lời ông nói ra đều để lại dấu ấn, không phí phạm một lời nào. Một bài nói ngắn gọn đến không ngờ. Cung giọng tự tin và những nhận định súc tích đã truyền đạt được thông điệp rõ ràng rằng ông nắm trong tay sự thực, và sẽ đòi được phán quyết định tội trong vụ này. Ông không cần những lập luận dài dòng, đánh vào cảm xúc, để thuyết phục bồi thẩm đoàn.

Baggy thích thú quay sang tôi, “Luật sư yếu thế thì thường nói nhiều.”

Lạ thay, Lucien Wilbanks trì hoãn bài diễn văn mở đầu đến tận lúc bên bị bắt đầu mời nhân chứng, một chuyện hiếm khi xảy ra. “Lão đang âm mưu gì đó,” Baggy lẩm bẩm như thể đang đi guốc trong bụng Lucien vậy. “Chẳng lạ gì.”

Nhân chứng đầu tiên của bên công tố là cảnh sát trưởng Coley. Dĩ nhiên một phần công việc của cảnh sát trưởng là làm chứng trong những vụ án hình sự, nhưng chắc Coley chẳng ngờ có ngày ông ta phải đứng ra làm chứng chống lại một người nhà Padgitt. Vài tháng nữa là đến kỳ bầu cử rồi. Với lão bây giờ, thể hiện trước cử tri là chuyện rất quan trọng.

Với sự thúc ép và chiến lược kỹ lưỡng từ phía Gaddis, Coley thuật lại cho cả phòng xử về tiến trình vụ án. Họ đưa ra sơ đồ lớn với nhà Kassellaw, nhà Deece, những con đường quanh Beech Hill và nơi mà Danny Padgitt bị bắt, kèm ảnh của những địa điểm đó. Còn có ảnh thi thể của Rhoda, một loạt ảnh 20x25 được đưa cho các bồi thẩm chuyền tay nhau. Phản ứng của họ thật kinh khủng. Nhìn mặt ai cũng thấy rõ là bị sốc. Một số còn co rúm lại. Vài người há hốc miệng sững sờ. Bà Callie thì nhắm mắt lại, có vẻ đang cầu nguyện. Một bà nữa trong bồi thẩm đoàn, Barbara Baldwin, vừa nhìn qua tấm đầu tiên đã hụt hơi và không dám nhìn tiếp. Rồi bà nhìn về phía Danny Padgitt như thể sẵn sàng thực thi công lý ngay lập tức. “Chúa ơi,” một bồi thẩm nam thốt lên. Một người khác thì bịt miệng như thể quá buồn nôn.

Các bồi thẩm ngồi trên ghế xoay có bịt nút ở chân, và mấy cái

ghế cứ rung nhẹ. Khi những tấm ảnh được chuyền quanh, tôi thấy không cái ghế nào đứng yên nổi. Những tấm ảnh là thứ kích động, có khả năng tạo định kiến cao, nhưng hầu như luôn được chấp nhận để làm chứng cứ, và thấy chúng đang gây náo động trong hàng ghế bồi thẩm đoàn, tôi chắc chắn Danny Padgitt toi đời rồi. Thẩm phán Loopus chỉ cho phép đưa ra sáu tấm ảnh, một tấm phải rút lại.

Lúc bấy giờ đã là 1:00 chiều, và ai cũng cần nghỉ trưa, nhưng tôi thấy mấy bồi thẩm của chúng tôi chắc không nuốt nổi miếng nào trong bữa trưa rồi.

Nhân chứng thứ hai của bên công tố là một người chị của Rhoda sống ở Missouri, là cô Ginger McClure, người mà tôi đã trao đổi vài lần. Khi biết tôi từng học ở Syracuse và không phải dân gốc Hạt Ford, cô đã cởi mở hơn nhiều và gửi cho tôi một tấm ảnh để đăng cáo phó. Sau đó, cô còn gọi điện hỏi xem tôi có thể gửi cho cô những số báo có bài liên quan đến vụ của Rhoda được không vì văn phòng công tố không chịu tiết lộ đầy đủ thông tin cho cô.

Ginger có dáng người mảnh khảnh, quyến rũ và ăn mặc đẹp, nên khi cô bước lên bục nhân chứng, mọi ánh mắt đều đổ dồn về phía cô.

Theo Baggy, luôn có một người trong gia đình nạn nhân ra làm chứng. Khi một người thân yêu nhìn thẳng vào bồi thẩm đoàn mà kể về mất mát của mình, thì cái chết của nạn nhân trở

nên rõ ràng hơn bao giờ hết.

Ernie muốn Ginger ra trước bồi thẩm đoàn và khơi gợi sự cảm thông của họ. Ông còn muốn nhắc cho bồi thẩm đoàn rằng, hai đứa trẻ đã mãi mãi mất đi mẹ mình vì hành động giết người có chủ ý. Ernie chỉ hỏi Ginger vài câu ngắn gọn, và Lucien Wilbanks, biết thân biết phận, cũng không đòi đối chất gì. Khi xuống khỏi bục, Ginger đi về cái ghế để sẵn cho cô ngay gần bên Ernie Gaddis, chỗ của thân nhân người bị hại. Toàn bộ khán phòng dõi theo cô cho đến khi nhân chứng tiếp theo được mời lên.

Chuyện máu me lại được lôi ra. Một chuyên viên pháp y của bang được mời đến để nói về kết quả mổ tử thi. Dù có trong tay nhiều ảnh, nhưng ông không dùng tấm nào. Đâu cần. Nguyên do cái chết của cô quá rõ ràng, mất quá nhiều máu. Có một vết cắt dài mười phân từ tai trái của cô thẳng xuống dưới, sâu gần năm phân, và theo ý kiến pháp y, một người đã thấy quá nhiều vết thương do dao, thì đây là một cú đâm nhanh và mạnh từ một cây dao dài khoảng 15 phân, rộng gần ba phân. Người dùng dao này có khả năng là thuận tay phải. Vết rách đã cắt đứt hoàn toàn tĩnh mạch cổ trái, và ngay thời điểm đó, nạn nhân chỉ còn vài phút để sống. Một vết cắt khác dài hơn 16 phân, sâu hơn hai phân, chạy từ đáy cằm đến tai phải, gần như cắt đứt tai phải ra làm hai. Nếu chỉ có vết thương này, thì có lẽ không dẫn đến khả năng tử vong.

Chuyên viên pháp y mô tả những vết thương khủng khiếp đó

như thể nói về mấy vết rận cắn, như chuyện nhỏ, chuyện thường mà thôi. Trong ngành của mình, ông đã thấy chuyện chém giết này hàng ngày, và giờ đang thuật lại cho bồi thẩm đoàn nghe. Nhưng với mọi người khác trong phòng, những chi tiết đó thật rợn người. Tôi có thể cảm nhận lúc chuyên viên pháp y đang nói, mọi bồi thẩm đều nhìn vào Danny Padgitt và thầm phán quyết "có tội" rồi.

Lucien Wilbanks bắt đầu phần đối chất một cách điềm đạm. Hai người đã chạm mặt nhau ở nhiều phiên tòa trước đó. Lucien khiến chuyên viên pháp y thừa nhận rằng có thể một vài ý kiến của ông sai, chẳng hạn như kích cỡ hung khí và việc hung thủ thuận tay phải. "Tôi đã nói rằng khả năng cao là thế," ông kiên nhẫn đáp lại. Tôi cảm thấy có vẻ ông đã bị đối chất quá nhiều lần, nên chẳng có gì làm ông nao núng được nữa. Wilbanks cố công kích vài điểm, nhưng cẩn trọng không để gợi lại những chứng cứ rợn người đó. Bồi thẩm đã nghe đủ về những vết đâm vết chém rồi, có điên mới gợi lại cảm giác đó cho họ.

Tiếp theo là một chuyên viên pháp y khác. Ông này cũng đồng thời khám nghiệm tử thi và tìm thấy vài manh mối về thân phận của hung thủ. Ở vùng âm hộ, ông tìm thấy tinh trùng khớp hoàn toàn với máu của Danny Padgitt. Dưới móng ngón tay trỏ phải của Rhoda, có một mảnh da người nhỏ xíu. Nó cũng khớp với máu của bị cáo.

Khi đối chất, Lucien Wilbanks hỏi liệu có phải ông đã đích thân xét nghiệm Danny Padgitt hay không. Câu trả lời là không.

Trên cơ thể của Danny Padgitt có vết trầy xước, cào cấu gì như thế hay không?

"Tôi không khám người anh ta," chuyên viên pháp y đáp.

"Ông có kiểm tra ảnh chụp anh ấy không?"

"Không."

"Vậy nếu anh ấy bị mất một chút da, ông không thể bảo đảm là mất khi nào, phải chứ?"

"Tôi e là thế."

Sau vài giờ trình bày chứng cứ và lời chứng, mọi người trong phòng xử đều mệt lử. Thẩm phán Loopus cho bồi thẩm đoàn rút lui sau khi nghiêm nghị cảnh báo về chuyện không liên lạc với bên ngoài. Có vẻ động thái này hơi thừa khi mà họ được giấu kỹ ở một thành phố khác, lại có cảnh sát canh gác.

Tôi và Baggy tức tốc quay về tòa soạn, hì hục đánh máy điên cuồng đến gần 10:00 tối. Giờ là thứ Ba, và Hardy thích có bài để in trước 11:00 đêm. Trong những tuần hiếm hoi không gặp trục trặc máy móc, ông có thể in 5000 bản trong chưa đầy ba tiếng đồng hồ.

Nhận bài rồi, Hardy xếp chữ nhanh hết sức có thể. Chẳng có thời gian để biên tập hay dò lại, nhưng tôi không lo lắm về số báo này vì bà Callie nằm trong bồi thẩm đoàn và đâu thể tìm lỗi sai của chúng tôi được. Vừa xong việc là Baggy nốc liền một hơi rượu và tức tốc ra về. Tôi cũng đang định về nhà thì cô Ginger McClure vừa đến trước cửa tòa soạn, mở lời chào tự nhiên như

thể chúng tôi là bạn cũ lâu năm. Cô mặc quần jean bó và áo đỏ.

Ginger hỏi tôi muốn uống gì không. Ở văn phòng thì không được rồi, thế là chúng tôi rời quảng trường trên chiếc Spitfire và lái đến tiệm tạp hóa Quincy mua một lốc bia Schlitz. Cô ấy muốn xem nhà của Rhoda lần cuối, dù chỉ đứng ngoài đường mà nhìn thôi. Trên đường đến đó, tôi thận trọng hỏi dò về hai đứa trẻ. Câu chuyện thật không dễ chịu gì. Cả hai đang sống cùng người chị kia của Rhoda, Ginger cũng cho tôi biết là cô ấy vừa mới ly dị. Hai đứa bé đang được trị liệu tâm lý đều đặn. Cậu bé có vẻ gần như bình thường rồi, dù thỉnh thoảng cũng rơi vào trạng thái trầm lặng lâu giờ. Cô bé thì tệ hơn nhiều, không ngừng gặp ác mộng về mẹ mình và không kiểm soát nhịn tiểu được. Thỉnh thoảng lại thấy cô bé nằm co quắp kiểu bào thai, mút ngón tay và kêu rên đau khổ. Các bác sĩ đã phải cho cô bé dùng nhiều loại thuốc.

Cả hai đứa trẻ đều không chịu kể cho các dì hay bác sĩ về những gì chúng thấy vào đêm đó. “Chúng đã thấy mẹ chúng bị cưỡng hiếp và bị đâm,” Ginger nói, uống xong chai đầu tiên. Chai của tôi vẫn còn phân nửa.

Nhà của vợ chồng Deece trông như thể hai ông bà đã ngủ một mạch mấy ngày rồi. Chúng tôi rẽ vào căn nhà từng là một mái ấm hạnh phúc nhỏ của ba mẹ con. Ngôi nhà trống không, tối tăm, và hoang lạnh. Trên sân có cắm bảng “RAO BÁN.” Ngôi nhà này là tài sản giá trị duy nhất của Rhoda. Toàn bộ sẽ được

chuyển cho các con cô.

Theo lời Ginger, tôi tắt đèn và tắt máy xe, dù thầm nghĩ đây không phải là ý hay bởi rõ ràng hàng xóm có thể cảm thấy có gì đó không ổn khi có ai làm thế này. Hơn nữa, chiếc Triumph Spitfire của tôi là chiếc độc nhất vô nhị ở Hạt Ford, như thế càng tăng thêm vẻ khả nghi cho nó.

Cô chậm rãi đặt tay lên tay tôi mà hỏi, "Làm sao hắn vào được nhà nhỉ?"

"Họ đã tìm được dấu giày ở cửa sân sau. Có vẻ cửa đó không khóa. Và chúng tôi im lặng, nhưng cùng hình dung cảnh hành hung, cưỡng hiếp, con dao, bọn trẻ chạy ra khỏi nhà hét gọi ông Deece cứu mẹ chúng.

"Cô có thân với cô ấy không?" tôi hỏi, tai vừa nghe thấy tiếng xe đâu đó xa xa.

"Hồi nhỏ thì thân, gần đây thì không. Nó rời nhà đi mười năm rồi mà"

"Cô hay đến đây thăm em không?"

"Hai lần. Tôi cũng chuyển đi xa, đến California. Chúng tôi có thể nói là mất liên lạc. Sau khi chồng nó mất, chúng tôi nài nỉ nó về lại Springfield, nhưng nó bảo thích ở đây. Sự thật là nó và mẹ tôi không hợp tính nhau."

Một chiếc bán tải chầm chậm chạy qua. Tôi cố tỏ ra tỉnh như sáo, nhưng cũng ý thức rõ ở khu vực tối tăm của hạt có thể xảy ra những chuyện gì. Ginger thì cứ đăm đăm nhìn ngôi nhà, chìm

đắm trong hình dung khủng khiếp nào đó, có vẻ không nghe thấy gì. May là chiếc bán tải không dừng lại. “Đi thôi,” cô vừa nói vừa siết chặt tay tôi. “Tôi sợ.”

Khi lái xe đi, tôi nhìn thấy ông Deece đang nấp bên hông gara, tay cầm khẩu shotgun. Ông đã được sắp xếp là nhân chứng cuối cùng của bên công tố.

Ginger có phòng ở một nhà nghỉ trong vùng, nhưng cô không muốn về đó. Lúc đó đã quá nửa đêm, chẳng còn mấy chỗ để đi, nên chúng tôi lái về nhà Hocutt, tôi đưa cô ấy lên lầu, lách qua đám mèo, vào căn hộ của tôi.

“Đừng có ý gì nhé,” cô ấy nói khi vung chân rũ giày và ngồi lên sofa. “Tôi không có hứng.”

“Tôi cũng thế,” tôi giả tỉnh.

Giọng cô ấy đã bắt đầu suồng sã rồi, và cái hứng của cô ấy cũng có thể thay đổi rất nhanh. Tôi quá sẵn lòng chờ lúc đó.

Tôi tìm được bia lạnh trong bếp, và chúng tôi ôm chai ngồi xuống như thể định tám chuyện đến sáng “Kể về gia đình cậu đi,” cô ấy bảo.

Tôi chẳng mê chủ đề này lắm, nhưng vì cô gái này, thì cũng được. “Tôi là con một. Mẹ mất năm tôi 13. Bố tôi sống ở Memphis, trong nhà của gia tộc, ông cứ ở lì đó vì không có mấy lựa chọn khác. Ông có một văn phòng trên tầng áp mái và ở đó suốt ngày đêm để giao dịch chứng khoán. Tôi chẳng biết ông giỏi vụ đó không, nhưng nghe nói ông thua nhiều hơn thắng. Chúng

tôi gọi điện cho nhau mỗi tháng một lần."

"Cậu có giàu không?"

"Không, bà tôi mới giàu. Bà ngoại của tôi, BeeBee, đã cho tôi vay tiền để mua tòa soạn này."

Ginger nhấp mấy ngụm bia, trầm ngâm nghĩ ngợi, rồi cũng tự sự. "Nhà tôi có ba chị em, giờ còn hai. Hồi nhỏ chúng tôi nghịch ngợm lắm. Một tối nọ, bố tôi đi mua đồ ăn rồi chẳng bao giờ trở về. Sau đó, mẹ tôi đã thử trò chơi hôn nhân hai lần nữa, nhưng chẳng đi đến đâu. Tôi đã ly dị. Chị tôi cũng ly dị. Rhoda thì chết rồi." Cô cầm chai bia chồm tới cụng với tôi. "Mừng hai người có gia đình thảm hại."

Đã ly dị, không con cái, phóng khoáng và xinh đẹp. Tôi quá sẵn sàng dành thời gian với nàng Ginger này.

Cô ấy muốn biết thêm về Hạt Ford và những nhân vật ở đây, như Lucien Wilbanks, nhà Padgitt, cảnh sát trưởng Coley và nhiều nữa. Tôi cứ kể mải miết với hy vọng cô ấy sẽ có hứng.

Nhưng hóa ra chẳng được gì. Khoảng 2:00 sáng, cô ấy nằm ra sofa, còn tôi về giường một mình.

CHƯƠNG 16

Ba người già nhà Hocutt, Max, Wilma và Gilma, đi lui đi tới quanh gara dưới căn hộ mấy tiếng để chờ lúc tôi và Ginger bước ra. Có lẽ họ muốn thấy mặt cô ấy. Trong lúc tôi hớn hở giới thiệu thì họ lại nhìn cô một cách khinh miệt. Tôi ngờ là ông Max nghĩ thầm "Khi cho cậu thuê chỗ này, chúng tôi đâu ngờ sẽ có chuyện thông dâm xảy ra." Nhưng họ không nói lời nào khó nghe, và chúng tôi nhanh chân lên xe đến văn phòng. Ginger nhảy lên xe của mình rồi biến mất.

Số báo mới nhất đã nằm chất đống ở tiền sảnh. Tôi chộp lấy một tờ để dò nhanh xem thế nào. Tít báo khá là kiềm chế, PHIÊN TÒA XỬ DANNY PADGITT BẮT ĐẦU: BỒI THẨM ĐOÀN ĐƯỢC CÁCH LY. Trang nhất không có tấm ảnh nào chụp bị cáo. Chúng tôi đã đăng đủ ảnh rồi và tôi muốn để dành chỗ cho số tuần sau, với hy vọng có được tấm hình của tên du côn rời tòa sau khi nhận án tử hình. Tôi và Baggy đã viết hết những gì mắt thấy tai nghe trong hai ngày xử đầu tiên, và tôi khá tự hào về mấy bài đó, với giọng điệu thẳng thắn, đúng sự thật, chi tiết, vừa đủ hoa mỹ và có phần gợi cảm giác ghê rợn. Bản thân phiên tòa đã quá đủ cho một bài báo hay rồi. Và sự thật là, tôi cũng đã

rút ra được bài học xương máu về kiểu giật gân hóa rồi. Đến 8:00 sáng, những tờ *Thời báo* đã tràn ngập sân tòa án và quảng trường thành phố.

Sáng thứ Tư, không có cuộc tranh chấp trước giờ mở tòa nào, và đúng 9:00 sáng, các bồi thẩm được mời vào, phiên tòa bắt đầu. Ernie Gaddis gọi lên nhân chứng tiếp theo của mình, Chub Brooner, điều tra viên lâu năm của sở cảnh sát hạt. Theo cả Baggy và Harry Rex, ở đây Brooner có tiếng là bất tài.

Để khiến bồi thẩm đoàn và toàn thể khán phòng chú ý, Gaddis đưa ra chiếc áo sơ mi trắng dính máu mà Danny Padgitt mặc vào đêm bị bắt. Chiếc áo được giữ nguyên, không giặt, và những vết máu đã ngả sang màu nâu sẫm. Ernie nhẹ nhàng vẫy nó cho cả phòng xử đều thấy. Chiếc áo này được một cảnh sát viên tên Grice lấy ra khỏi người của Danny Padgitt, trước sự chứng kiến của Brooner và cảnh sát trưởng Coley. Các xét nghiệm cho thấy trên áo có hai loại máu, máu O+ và B+. Các xét nghiệm kỹ hơn từ phòng điều tra của bang đã xác định máu B+ là của Rhoda Kassellaw.

Tôi quan sát Ginger dán mắt chăm chăm vào cái áo. Sau vài phút, cô ngoảnh mặt đi và bắt đầu viết gì đó. Cũng chẳng lạ gì, khi ngày thứ hai ở tòa, Ginger trong mắt tôi còn đẹp hơn nữa. Tôi để ý đến tâm trạng của cô quá mà.

Chiếc áo sơ mi đó đã bị rách ở mặt trước. Danny tự làm mình bị thương khi bò ra khỏi chiếc xe tải gặp tai nạn và đã được khâu

12 mũi. Phần giải thích của Brooner với bồi thẩm đoàn khá tạm. Rồi Ernie lấy ra một chiếc giá vẽ và đặt lên nó hai tấm ảnh phóng to chụp dấu giày ở sân sau nhà Rhoda. Trên bàn trưng bày chứng cứ, là đôi giày mà Danny đã mang khi vào tù. Bắt bẻ Brooner là một việc có vẻ khá dễ dàng, nhưng bên công tố đã nêu ra được ý của mình là mọi chứng cứ đều trùng khớp.

Rõ ràng Brooner khiếp sợ Lucien Wilbanks, và mới bị đối chất câu đầu tiên đã bắt đầu lắp bắp. Lucien Wilbanks khôn khéo tránh nhắc đến sự thật là máu của Rhoda có trên áo của Danny, và thay vào đó, chọn cách dồn ép Brooner về vấn đề khoa học trong việc xác định dấu giày trùng khớp. Ông điều tra viên của chúng ta đã phải thừa nhận rằng kiến thức chuyên môn của mình không được toàn diện cho lắm. Lucien chỉ vào một dãy rìa ở đế chiếc giày phải, và Brooner không thể xác định được chúng trong hình chụp dấu giày. Vì cân nặng và cách di chuyển, đế thường để lại dấu rõ hơn phần còn lại, Brooner đã làm chứng như thế. Lucien đã dẫn dụ Brooner khiến tất cả mọi người cảm thấy hoang mang, và cả tôi cũng phải thừa nhận tôi thấy hơi nghi hoặc về mấy dấu giày này. Nhưng cái đó quan trọng gì đâu. Quá nhiều chứng cứ rồi mà. “Khi bị bắt, anh Padgitt có đeo găng tay không?” Lucien hỏi. “Tôi không rõ. Tôi không phải là người bắt giam.”

“Các ông đã cởi áo sơ mi và tháo giày của anh ấy. Các ông có tháo găng tay nào không?”

“Cái đó tôi không biết.”

“Ông đã xem lại toàn bộ hồ sơ chứng cứ, phải chứ, ông Brooner?"

“Phải.”

“Là trưởng tổ điều tra, ông nắm rõ mọi khía cạnh của vụ án này, phải không?”

“Phải.”

“Ông có thấy điều gì nhắc đến chuyện anh Padgitt có đeo găng tay hay là bị tháo găng tay không?”

“Không.”

“Tốt. Ông có rắc bụi ở hiện trường vụ án để tìm dấu vân tay không?”

“Có”

“Theo thủ tục, phải chứ?”

“Phải, luôn làm thế mà.”

“Và dĩ nhiên, ông đã lấy dấu vân tay của anh Padgitt khi anh ấy bị bắt, phải chứ?”

“Phải.”

“Tốt. Các ông đã tìm được bao nhiêu vân tay của anh Padgitt ở hiện trường vụ án.”

“Không cái nào.”

“Không một cái nào sao?”

“Không cái nào.”

Đến đó, Lucien dừng phần đối chất, ngồi xuống trong chiến thắng. Thật khó để tin rằng hung thủ có thể vào nhà, nấp ở đó một hồi, cưỡng hiếp và giết hại nạn nhân rồi bỏ trốn, mà không để lại một dấu vân tay nào. Nhưng Chub Brooner không khiến người ta thấy tin tưởng cho lắm. Để ông ta làm trưởng tổ điều tra đồng nghĩa với khả năng cao họ đã bỏ sót hơn chục cái vân tay rồi.

Thẩm phán Loopus ra lệnh tạm nghỉ, và khi các bồi thẩm đứng lên chuẩn bị đi ra, tôi hướng mắt về phía bà Callie, vừa hay bà cũng nhìn lại. Thấy tôi, bà liền nở nụ cười tươi tắn nhất. Bà gật đầu như muốn nói, "Đừng lo cho tôi."

Chúng tôi giãn chân cẳng một chút và thầm thì to nhỏ về những lời chứng vừa rồi. Tôi mừng khi thấy trong phòng xử này rất nhiều người đọc tờ *Thời báo*. Tôi bước đến bàn của bên nguyên, cúi xuống nói nhỏ với Ginger, "Cô ổn cả chứ?" "Tôi chỉ muốn về nhà thôi," cô đáp lại rất khẽ.

"Đi ăn trưa thì sao?"

"Được đấy."

Nhân chứng cuối cùng của bên công tố là ông Aaron Deece. Khi ông bước lên bục cũng đã 11:00 rồi, và chúng tôi hồi hộp chờ đợi những gì ông sắp kể lại từ ký ức đêm đó. Ernie Gaddis dẫn dắt ông bằng những câu hỏi để tạo hình tượng về Rhoda và hai đứa con của cô. Họ là hàng xóm của nhà Deece suốt bảy năm trời, một nhà hàng xóm chuẩn mực và tuyệt vời. Ông nhớ ba mẹ

con họ vô cùng, không thể tin cả ba đã ra đi theo những cách khác nhau. Trong lúc nói, thỉnh thoảng ông dừng lại gạt nước mắt.

Với Lucien, chuyện này chẳng hay ho gì mấy cho bên bị, nhưng lão vẫn đánh liều cố đợi vài phút, rồi đứng dậy lịch sự kiến nghị, "Thưa Tòa, chuyện này quá cảm động, nhưng thật sự là không được phép."

Thế là thẩm phán bèn ra lệnh cho ông Gaddis chuyển sang vấn đề tiếp theo.

Ông Deece thuật lại tối hôm đó, thời gian, nhiệt độ, thời tiết. Rồi ông nghe tiếng kêu hoảng loạn của Michael, cậu bé năm tuổi, đang gọi tên ông cầu cứu. Ông thấy hai đứa trẻ ngoài sân nhà mình, đang mặc đồ ngủ, người đẫm sương, bàng hoàng chấn động vì sợ hãi. Ông đưa chúng vào nhà, vợ ông lấy chăn bọc cho chúng. Ông mang giày, xách súng, chạy ra khỏi nhà thì thấy Rhoda đang lần về phía ông. Cô hoàn toàn trần truồng, gương mặt đầy máu. Ông đỡ cô, đưa cô đến hiện trước, đặt lên xích đu.

Lucien liền đứng lên, nhưng kiên nhẫn đợi.

"Cô ấy có nói gì không?" Ernie hỏi.

"Thưa Tòa, tôi phản đối việc nhân chứng này làm chứng về bất kỳ điều gì nạn nhân đã nói. Rõ ràng đây là lời đồn."

"Ông Wilbanks, ông đã kiến nghị rồi. Chúng ta đã thảo luận trong phòng tôi, và chuyện này được phép. Ông Deece, mời ông

trả lời câu hỏi."

Ông Deece hít vào, thở ra, nhìn qua bồi thẩm đoàn. "Hai hay ba lần, cô ấy nói, Là Danny Padgitt! Là Danny Padgitt""

Để thêm tác động sâu sắc, Ernie vờ xem ghi chú, để cho những lời đó lan ra khắp phòng xử rồi nổ bùm bùm trong tai từng người nghe.

"Ông từng gặp Danny Padgitt chưa, ông Deece?"

"Chưa."

"Trước đêm hôm đó, ông có nghe tên anh ta chưa?" "Chưa."

"Cô ấy còn nói gì nữa không?"

"Lời cuối cùng cô ấy nói là, 'Hãy chăm sóc con tôi'."

Tôi nhìn qua, thấy Ginger đang đưa khăn giấy lên chấm mắt, bà Callie đang cầu nguyện, vài bồi thẩm khác thì cúi gằm mặt.

Ông Deece tiếp tục kể cho xong câu chuyện: ông đã gọi cho văn phòng cảnh sát trưởng, vợ ông giữ bọn trẻ trong phòng ngủ khóa chặt cửa, ông thì đi tắm vì người đầy máu, sau đó cảnh sát hạt đến nơi, thực hiện công tác điều tra, xe cứu thương đến đưa thi thể đi, ông và vợ ở lại với bọn trẻ cho đến khoảng hai giờ sáng, rồi đưa chúng đến bệnh viện ở Clanton. Họ ở lại đó cho đến khi có người bà con ở Missouri đến nhận hai đứa bé.

Trong lời chứng của ông, chẳng có gì để bắt bẻ hay đặt nghi vấn, nên Lucien Wilbanks không đối chất. Bên công tố đã xong, và phiên tòa tạm nghỉ ăn trưa. Tôi đưa Ginger đến Karaway, nhà hàng món Mễ duy nhất tôi biết, và chúng tôi ăn bánh enchilada

dưới bóng cây sồi, nói đủ thứ chuyện trên đời, trừ phiên tòa ra. Cô ấy có vẻ thờ ơ, muốn rời Hạt Ford và không bao giờ quay lại nữa.

Tôi thì quá mong cô ấy ở lại.

Lucien Wilbanks bắt đầu phần biện hộ của bên bị với một bài mở đầu nho nhỏ tán dương chàng trai trẻ Danny Padgitt. Danny đã lấy bằng trung học với số điểm giỏi, làm việc chăm chỉ trong ngành khai thác gỗ của gia đình, ước mơ sau này lập một công ty của riêng mình. Danny của lão cũng chẳng hề có tiền án. Vết nhơ duy nhất với pháp luật là một lần, chỉ một lần, bị phạt chạy quá tốc độ hồi năm 16 tuổi.

Kỹ năng thuyết phục của Lucien đã được trui mài lão luyện, nhưng lão vẫn chịu thua trước thử thách này. Khoác cái chất nồng hậu và trìu mến lên một người nhà Padgitt là chuyện bất khả thi. Trong phòng xử đã có nhiều ánh mắt nghi ngại, vài điệu cười mỉa mai. Nhưng họ đâu phải là người phán quyết vụ án này. Lucien đang nói với các bồi thẩm, nhìn vào mắt họ, và chẳng ai biết liệu lão và thân chủ của lão đã kiếm được một vài phiếu hay chưa.

Câu chuyện của Lucien vẫn tiếp tục, lão thừa nhận, Danny chẳng phải thánh nhân. Như hầu hết thanh niên điển trai, anh chàng sớm thích thú chuyện cặp kè cô này cô kia, và đã cặp nhầm người, một người đã có chồng. Danny đã ở với cô đó vào đêm Rhoda Kassellaw bị sát hại.

“Nghe tôi đây!” Lucien lớn tiếng thỉnh cầu các bồi thẩm. “Thân chủ của tôi không sát hại cô Kassellaw! Vào thời điểm xảy ra án mạng kinh khủng này, anh ấy đang ở với một phụ nữ khác, tại nhà cô ấy, không xa nhà Kassellaw. Anh ấy có chứng cứ ngoại phạm vững chắc.”

Tuyên bố này khiến cả phòng xử im bặt, chờ đợi bất ngờ tiếp theo. Lucien đúng là cáo già trong mấy trò kịch tính. “Người phụ nữ này, người tình của anh ấy, sẽ là nhân chứng đầu tiên của chúng tôi.”

Nói đến đó, lão cũng dừng bài phát biểu mở đầu của mình, rồi vài phút sau, họ mời Lydia Vince lên bục nhân chứng. Tôi thì thầm với Baggy, ông bảo chưa hề nghe đến cô ta, cũng chẳng biết có nhà Vince nào ở Beech Hill. Phòng xử bắt đầu vang lên nhiều tiếng xì xầm, thắc mắc về cô này, rồi đâu đâu cũng chỉ có những cái cau mày, hoang mang và lắc đầu khi có vẻ chẳng ai biết gì về cô ta. Qua phần hỏi mào đầu của Lucien, có vẻ hồi tháng 3, cô ta sống ở một ngôi nhà thuê nằm trên đường Hurt, nhưng hiện giờ sống ở Tupelo, đang tiến hành thủ tục ly dị, đã có một con, là dân gốc Hạt Tyler và đang thất nghiệp. Cô ta tầm 33 tuổi, bộ dạng hấp dẫn kiểu rẻ tiền với váy ngắn, áo bó khoe bộ ngực khủng, tóc nhuộm vàng. Lạ là, cung cách cô ta toát lên vẻ hoang mang sợ hãi.

Cô ta nói là đã ngoại tình với Danny khoảng một năm. Tôi liếc qua bà Callie và chẳng lạ gì khi thấy bà tỏ ra khá khó chịu. Vào đêm Rhoda bị sát hại, Danny đã ở nhà cô ta. Malcolm Vince,

chồng cô, lúc đó ở Memphis lo công chuyện gì đó mà cô ta không rõ. Trong quãng thời gian đó, ông chồng này đi công tác nhiều lắm. Cô ta và Danny đã làm tình hai lần, rồi khoảng nửa đêm, khi nghe tiếng xe chồng cô về, Danny liền chuồn đi bằng cửa hậu.

Sự chấn động của một người phụ nữ có chồng thừa nhận tội ngoại tình ngay trước mặt phiên tòa với cả ngàn người nhìn vào chính là để thuyết phục bồi thẩm đoàn rằng hẳn cô ta đã nói thật. Đâu có ai, dù đáng trọng hay không, lại đi thừa nhận chuyện đó theo kiểu như thế. Làm vậy sẽ hủy hoại thanh danh, nếu như cô ta quan tâm chuyện thanh danh. Làm vậy còn ảnh hưởng đến chuyện ly dị, có thể khiến cô ta mất quyền nuôi con. Và nó còn cho phép chồng cô ta kiện Danny Padgitt về tội chia rẽ tình cảm, dù có lẽ các bồi thẩm chẳng nghĩ xa được đến thế.

Những câu cô Vince này trả lời cho Lucien rất ngắn gọn và súc tích như được chuẩn bị sẵn. Cô ta không dám nhìn mặt bồi thẩm đoàn hay kẻ mà cô ta nhận là người tình cũ. Thay vào đó, đôi mắt cô cứ dán chặt vào đôi giày của Lucien. Cả luật sư và nhân chứng đều cẩn thận không hỏi đáp gì ngoài bài soạn sẵn. “Cô ta nói láo,” Baggy thì thầm nhưng lại khá to, và chắc chắn tôi đồng ý với ông rồi.

Đến phần đối chất, Ernie Gaddis đứng dậy, cố ý đi thẳng về phía bục nhân chứng, nhìn trừng trừng cô Vince với ánh mắt hoài nghi rõ ràng đối với màn tự thú tội ngoại tình này. Đôi mắt nâu của ông nheo lại sau gọng kính hệt như một giáo sư vừa bắt

quả tang sinh viên quay cóp.

“Cô Vince, ngôi nhà ở đường Hurt thuộc sở hữu của ai?”

“Jack Hagel.”

“Cô đã ở đó bao lâu?”

“Khoảng một năm.”

“Cô có ký giấy tờ thuê nhà không?”

Cô ta ngần ngại một thoáng khá lâu rồi nói, “Có lẽ chồng tôi ký. Tôi thật sự không nhớ rõ.”

“Tiền thuê hàng tháng là bao nhiêu?”

“Ba trăm đô.”

Ernie cẩn thận viết ra mọi câu trả lời, như thể từng chi tiết đều sẽ được điều tra kỹ lưỡng và mọi chuyện dối trá sẽ bị vạch trần.

“Cô rời nhà đó khi nào?”

“Tôi không rõ, khoảng hai tháng trước.”

“Vậy cô đã ở Hạt Ford bao lâu?”

“Tôi không rõ nữa, vài năm.”

“Cô có bao giờ đăng ký bầu cử ở Hạt Ford không?”

“Không.”

“Còn chồng cô?”

“Không.”

“Mà anh ấy tên gì nhỉ?”

“Malcolm Vince.”

“Giờ anh ấy sống ở đâu?”

“Tôi không chắc lắm. Anh ấy di chuyển suốt. Lần gần nhất tôi biết thì anh ấy ở đâu đó quanh Tupelo.”

“Và hai người đang tiến hành ly dị, phải chứ?”

“Phải.”

“Cô đệ đơn ly dị khi nào?”

Đến đoạn này, cô ta bỗng ngước mắt lên, nhìn Lucien, nhưng ông ta tránh đi. “Thật ra chúng tôi vẫn chưa đệ đơn.”

“Tôi xin lỗi, tôi cứ tưởng cô nói vợ chồng cô đang tiến hành thủ tục ly hôn.”

“Chúng tôi đã không còn gì, và đều đã thuê luật sư.”

“Ai là luật sư của cô?”

“Ông Wilbanks.”

Lucien giật mình, như thể vừa biết tin vậy. Ernie ngưng một chút cho mọi người thấm chuyện đó rồi hỏi tiếp, “Ai là luật sư của chồng cô?”

“Tôi không nhớ tên.”

“Chồng cô đệ đơn ly dị, hay là cô?”

“Chúng tôi cùng đệ đơn.”

“Cô đã ngủ với bao nhiêu người đàn ông ngoài chồng mình?”

“Chỉ Danny mà thôi.”

“Tôi hiểu rồi. Và cô đang sống ở Tupelo, phải chứ?”

“Phải.”

“Cô nói mình đang thất nghiệp?”

“Hiện giờ là thế.”

“Và đã ly thân với chồng?”

“Tôi chỉ nói là chúng tôi đã chia tay.

“Cô sống ở đâu tại Tupelo?”

“Một căn hộ.”

“Tiền thuê là bao nhiêu?”

“Hai trăm đô một tháng.”

“Và cô sống ở đó với con?”

“Phải.”

“Con cô có làm việc không?”

“Con tôi mới năm tuổi.”

“Vậy làm sao cô chi trả tiền thuê nhà và nhu yếu phẩm?”

“Tôi xoay sở sống qua ngày thôi.” Thật sự, chẳng ai tin nổi câu trả lời đó.

“Cô đi loại xe gì?”

Cô ta lại ngập ngừng. Đây là kiểu câu hỏi có thể xác minh chỉ bằng vài cuộc điện thoại. “Một chiếc Mustang 1968”

“Xe xịn đấy. Cô mua nó khi nào?”

Lại một vấn đề dễ dàng xác minh bằng giấy tờ, và kể cả người không khôn lắm như cô Vince đây cũng thấy ra đó là cái bẫy. “Vài tháng trước,” cô ta nói, giọng chắc nịch.

“Chiếc xe đứng tên cô?”

“Phải.”

“Giấy tờ thuê nhà cũng đứng tên cô?”

“Phải.”

Nãy giờ toàn giấy với tờ, những thứ cô ta không thể nói dối và cũng là những thứ đáng ra cô ta chẳng đủ tiền chi trả. Ernie nhận một tờ ghi chú từ tay Hank Hooten, đọc kỹ với vẻ hoài nghi.

“Cô quan hệ với Danny Padgitt bao lâu?”

“Thường là 15 phút.”

Cả trong một phòng xử căng thẳng thế này, mọi người cũng phải bật cười. Ernie tháo kính ra, lấy đuôi cà vạt mà chùi, cười khẩy với cô Vince rồi hỏi lại theo cách rõ ràng hơn. “Chuyện tình giữa cô và Danny Padgitt kéo dài bao lâu?”

“Gần một năm.”

“Cô gặp anh ta lần đầu vào lúc nào?”

“Ở các hộp đêm dọc xa lộ nội bang.”

“Ai giới thiệu hai người với nhau?”

“Tôi thật sự không nhớ rõ. Anh ấy và tôi vào cùng một hộp đêm, rồi nhảy với nhau. Chuyện gì đến cứ thế đến.”

Chắc chắn Lydia Vince đã đi quán bar nhạc sống rất nhiều và chẳng hề từ chối những ai muốn nhảy nhót với mình. Ernie cần thêm vài lời nói dối nữa để vạch trần một thể.

Ông hỏi một loạt câu về nhân thân của cô và chồng, về ngày

sinh, học vấn, hôn nhân, công việc, gia đình. Tên tuổi, ngày tháng và sự kiện, là những thứ dễ dàng xác minh đúng sai. Cô ta rõ ràng là kẻ sẵn sàng bán thân và nhà Padgitt đã bỏ tiền kiếm về một nhân chứng.

Khi ra khỏi phòng xử chiều hôm đó, tôi thấy hoang mang và bứt rứt. Suốt nhiều tháng qua, tôi đã tin chắc rằng Danny Padgitt giết Rhoda Kassellaw, giờ tôi vẫn tin như thế. Nhưng có vẻ bồi thẩm đoàn đang dao động. Một nhân chứng đã tuyên thệ lại khai man trắng trợn, nhưng những lời chứng đó cũng đủ để khiến một bồi thẩm phải đặt ra nghi vấn hợp lý.

Ginger còn rầu hơn tôi nhiều, nên chúng tôi quyết định đi uống cho say. Mua xong burger, khoai tây chiên và một lốc bia, chúng tôi đến phòng nhà nghỉ của cô ấy, ăn uống rồi tuôn ra những lo sợ và căm giận đối với nền tư pháp hủ bại. Cô nói hơn một lần rằng, gia đình cô sẽ tan nát nếu như Danny Padgitt thoát tội. Mẹ cô vốn đã không ổn định rồi, và phán quyết vô tội sẽ đẩy bà vượt lằn ranh tỉnh táo cuối cùng. Còn các con của Rhoda, biết nói gì với chúng đây?

Chúng tôi cố mở tivi xem, nhưng chẳng có gì hay. Lo lắng về phiên tòa khiến chúng tôi mệt mỏi quá rồi. Khi tôi đang lim dim chuẩn bị ngủ thì Ginger từ phòng tắm bước ra, khỏa thân, và tối đó bước sang một trang mới dễ chịu hơn. Tôi và Ginger quần nhau một hồi lâu, đến khi men rượu cuối cùng cũng lôi chúng tôi vào giấc ngủ.

CHƯƠNG 17

Đã có một chuyện lớn xảy ra mà tôi không biết, và cũng đâu có lý do gì để biết, vì tôi vừa là lính mới ở chốn này vừa không liên quan gì đến các hoạt động tư pháp, hơn nữa tôi đang bận vùi đầu vào Ginger và tạm quên chuyện phiên tòa.

Hóa ra, sau khi tòa tạm nghỉ vào hôm thứ Tư, Ernie Gaddis đã tìm đến văn phòng của Harry Rex để nhâm nhi vài ly và cả hai đều thừa nhận là quá bực mình với phần làm chứng của Lydia Vince. Thế là họ bắt đầu gọi điện tứ tung, trong vòng một tiếng đã quy tụ được một nhóm luật sư đáng tin cậy, vài chính trị gia nữa.

Tất cả đều nhất trí rằng nhà Padgitt đang ra tay phá hoại cáo buộc quá vững chắc đối với người nhà của họ. Họ đã xoay xở tìm được một nhân chứng có thể mua chuộc. Rõ ràng, Lydia đã nhận tiền để ngụy tạo câu chuyện đó, hoặc cô ta quá túng tiền hoặc quá ngu ngốc không hiểu được nguy cơ nếu bị phát hiện là khai man. Dù gì, cô ta cũng đã cho bồi thẩm đoàn một lý do, dù không mấy vững chắc, để hoài nghi về cáo buộc này.

Phán quyết vô tội trong một vụ rõ ràng rành thế này sẽ khiến cả thành phố đùng đùng phẫn nộ và biến hệ thống tư pháp

thành trò hề. Nếu bồi thẩm đoàn lưỡng lự thì cũng không khá gì hơn, bởi đó là thông điệp rằng ở Hạt Ford này, công lý là thứ có thể mua được. Ernie, Harry Rex và các luật sư khác ngày này qua ngày khác dốc hết sức để thao túng hệ thống tư pháp sao cho có lợi cho thân chủ của mình, nhưng luật vẫn là luật. Hệ thống vẫn ổn bởi vì các thẩm phán và bồi thẩm làm việc một cách vô tư, không thiên vị. Nếu để Lucien Wilbanks và nhà Padgitt thành công trong chuyện can thiệp tiến trình xét xử thì sẽ gây ra hậu quả không thể khắc phục.

Mọi người ở đó đều nhất trí rằng hoàn toàn có khả năng bồi thẩm đoàn sẽ không thể đưa ra phán quyết cuối cùng. Lydia Vince còn lâu mới là một nhân chứng đáng tin, nhưng các bồi thẩm đâu hiểu biết nhiều về những chuyện lời chứng ngụy tạo và lừa gạt tòa. Hội luật sư nhất trí rằng "thằng què" Fargarson sẽ là mối đe dọa với bên công tố. Sau hai ngày xử, gần 15 tiếng quan sát, họ cảm thấy mình có thể đọc vị được các bồi thẩm.

Ông John Deere cũng khiến họ thấy đáng lo. Tên thật của ông là Mo Teale, một thợ máy sửa máy kéo làm cho công ty sản xuất máy móc nông nghiệp John Deere hơn 20 năm qua. Ông là người giản dị. Chiều ngày thứ Hai, khi đã chọn xong bồi thẩm đoàn và thẩm phán Loopus cho họ về nhà gói ghém đồ đạc để đến chỗ ở bí mật, ông Mo của chúng ta đơn giản là đem theo loạt đồng phục đi làm của mình trong tuần đó. Sáng nào cũng vậy, ông vào dãy ghế bồi thẩm đoàn trong bộ áo vàng viền xanh lục và quần xanh lục viền vàng, như thể chuẩn bị ra tay xử lý đống

máy móc bù-lon ốc vít như thường lệ.

Mỗi khi Ernie Gaddis đứng lên là Mo đều khoanh tay cau mày. Ngôn ngữ cơ thể của ông khiến bên công tố thấy ái ngại.

Harry Rex nghĩ chuyện quan trọng lúc này là tìm người chồng tội nghiệp của Lydia. Nếu họ thật sự đang tiến hành ly hôn, thì chuyện giữa hai người khó mà êm đẹp. Khó mà tin được cô ta đã có tư tình với Danny Padgitt, nhưng cũng khó mà tin được cô ta không phải kiểu lẳng lơ. Có thể ông chồng có thể có gì đó để lật ngược lời chứng của Lydia.

Vì thế Ernie muốn điều tra thật sâu đời tư của cô ta. Ông muốn tạo hoài nghi về tài chính của cô ta để có thể gióng hồi chuông với bồi thẩm đoàn, "Làm sao cô ta có thể sống sung túc như thế khi đang thất nghiệp và tiến hành ly dị?"

"Vì cô ta đã nhận 20.000 đô từ nhà Padgitt," một luật sư trả lời luôn. Thế là họ sa đà tranh luận và ước đoán xem bao nhiêu tiền thì mua chuộc được Lydia trong vụ này.

Trong lúc đó, Harry Rex và hai luật sư khác gọi cho mọi luật sư khắp năm hạt phụ cận để hỏi thăm về Malcolm Vince. Khoảng 10:00 tối, họ tìm được một luật sư ở Corinth, cách đây hai giờ xe, cho biết đã gặp mặt Malcolm Vince để bàn về một vụ ly hôn, nhưng chưa chính thức đảm nhận. Anh Vince hiện đang sống ở một nhà di động đâu đó ở vùng hoang vu rìa Hạt Tishomingo. Ông luật sư không nhớ được chỗ làm việc, nhưng chắc chắn là có viết lại trong hồ sơ để ở văn phòng. Đích thân

công tố viên của chúng tôi cầm máy và thuyết phục được ông luật sư về văn phòng ngay để tìm thông tin đó.

Tám giờ sáng hôm sau, tầm thời gian tôi rời nhà nghỉ của Ginger, thẩm phán Loopus đã đồng ý ra trát tòa mời Malcolm Vince. Hai mươi phút sau, cảnh sát ở Corinth ghé một nhà kho, tìm một thợ lái xe nâng hàng đang làm việc và trình trát yêu cầu anh đến tham dự phiên tòa ở Hạt Ford.

"Để làm cái quái gì thế?" Malcolm chất vấn.

"Tôi chỉ làm theo lệnh thôi." viên cảnh sát trả lời gọn lỏn.

"Tôi tới đó để làm gì?"

"Anh có hai lựa chọn, anh bạn à," viên cảnh sát trả lời. "Ở đây với tôi cho đến khi họ tới đón anh, hoặc anh đi ngay và mọi chuyện êm đẹp cả." Chủ của Malcolm bảo anh cứ đi đi, xong việc thì về ngay.

Sau tiếng rưỡi trì hoãn, cuối cùng phiên tòa cũng được bắt đầu. Ông John Deere vẫn diện bộ đồ màu mè vui mắt như mọi khi, nhưng số bồi thẩm còn lại có vẻ đã hơi mệt mỏi. Phiên tòa này chắc phải kéo dài cả tháng mà.

Bà Callie đưa mắt tìm tôi và nở một nụ cười mỉm kín đáo, không phải kiểu rạng ngời tỏa nắng như thường lệ. Trên tay bà là một quyển *Tân Ước* nhỏ.

Ernie đứng lên, báo với tòa là không hỏi Lydia Vince thêm gì nữa. Lucien nói mình cũng không muốn hỏi gì. Đến lúc này, Ernie mới thông báo là mình có nhân chứng mới muốn mời lên.

Lucien Wilbanks phản đối, và hai người tranh cãi ngay tại chỗ. Khi biết nhân chứng mới này là ai, Lucien bỗng rầu mặt thấy rõ. Dấu hiệu tốt đây.

Rõ ràng thẩm phán Loopus cũng lo ngại về chuyện phán quyết treo. Ông đã ra quyết định bất lợi cho bên bị, và rồi Malcolm Vince đang vô cùng hoang mang bị gọi lên bục làm chứng. Ernie đã gặp anh, nhưng chỉ nói chuyện sơ qua mười phút, nên rõ ràng Malcom vừa bối rối vừa không sẵn sàng.

Mở đầu là phần hỏi đáp thông tin căn bản, tên tuổi, địa chỉ, nghề nghiệp, chuyện gia đình gần đây. Malcolm có vẻ miễn cưỡng thừa nhận mình đã kết hôn với Lydia và chuyện cô ấy muốn chấm dứt tình trạng hôn nhân này. Anh kể là cả tháng nay, anh chưa gặp vợ hay con. Gần đây công việc của anh không đều, nhưng vẫn cố gửi cho cô 50 đô một tuần để nuôi con.

Anh biết cô đang thất nghiệp nhưng lại sống trong một căn hộ khá đẹp. “Anh không trả tiền cho căn hộ của cô ấy sao?” Ernie hỏi, giọng đầy ngờ vực, thận trọng đưa mắt về phía bồi thẩm đoàn.

“Không, thưa ông.”

“Vậy gia đình cô ấy chi trả cho căn hộ đó?”

“Gia đình cô ấy còn chẳng đủ tiền trả cho một đêm ở nhà nghỉ nữa là,” Malcolm với giọng đầy thỏa mãn.

Lydia đã rời khỏi phòng xử ngay khi được cho lui xuống, có khi đang thu xếp để trốn ra nước ngoài luôn cũng nên. Nhiệm

vụ của cô đã xong, màn diễn đã hết, tiền công cũng đã nhận. Cô sẽ không bao giờ đặt chân đến Hạt Ford làm gì nữa. Không rõ nếu cô ta có ở đây thì Malcolm có ngại ngùng gượng gạo hơn không, nhưng rõ ràng vắng Lydia khiến anh nói tự do thoải mái, không cần kiềm chế gì cả.

"Anh không thân với gia đình cô ấy à?" Ernie hỏi, một câu quá đỗi bâng quơ.

"Hầu hết nhà cô ấy đều ở trong tù mà."

"Tôi hiểu rồi. Hôm qua, cô ấy đã làm chứng rằng vài tháng trước, cô đã mua một chiếc Ford Mustang 1968. Anh có phụ cô ấy tiền mua xe không?"

"Không."

"Anh có biết vì sao một phụ nữ thất nghiệp có thể mua nổi một thứ như thế không?" Ernie liếc mắt về phía Danny Padgitt.

"Không."

"Anh có biết gần đây cô ấy còn mua thứ gì bất thường nữa không?"

Malcolm nhìn qua bồi thẩm đoàn, thấy vài khuôn mặt thân thiện, rồi tự tin kể, "Có, cô ấy đã mua một tivi màu cho mình và một chiếc mô-tô cho em trai."

Đến đoạn này, có vẻ mọi người bên bàn bị cáo đều đang nín thở. Chiến lược của họ là lặng lẽ bất thần đưa Lydia ra làm chứng dối, tạo chứng cứ ngoại phạm, rồi đẩy nhanh vụ án đến phần phán quyết khi lời chứng của cô ta chưa bị xem là vô hiệu.

Ở hạt này, đâu mấy người quen Lidya và giờ cô ta lại đang sống cách đây cả tiếng chạy xe.

Chiến lược đó giờ lại đổ bể và có khi còn phản tác dụng. Cả phòng xử đều có thể cảm nhận được sự căng thẳng giữa Lucien và thân chủ của ông ta.

“Anh biết một người tên Danny Padgitt chứ?” Ernie hỏi.

“Chưa hề nghe đến.” Malcolm trả lời dứt khoát.

“Hôm qua, vợ anh làm chứng rằng cô ấy đã ngoại tình với anh ta trong gần một năm.”

Thật hiếm khi thấy một người chồng phải nghe cái tin như thế giữa chốn công cộng, nhưng Malcolm có vẻ khá điềm nhiên. “Thế à?” anh ấy hỏi lại.

“Phải. Cô ấy đã làm chứng rằng chuyện tình của hai người họ kết thúc từ hai tháng trước.”

“À, tôi nói này, chuyện đó khó tin lắm.”

“Tại sao anh lại nói vậy?”

Malcolm đột nhiên vặn vẹo người, hai mắt bỗng dán xuống đất. “Chuyện đó có hơi riêng tư một chút.”

“Anh Vince, tôi chắc chắn là thế rồi. Nhưng đôi khi các vấn đề riêng tư phải được thảo luận trước tòa án công khai. Ở đây có một người phải ra tòa, bị cáo buộc tội giết người. Đây là chuyện nghiêm trọng, và chúng tôi cần biết sự thật.”

Malcolm gác chân trái lên chân phải, tay gãi cằm. “Vâng, chuyện là thế này. Chúng tôi không còn làm tình từ cách đây hai

năm. Và nó chính là lý do khiến chúng tôi ly dị."

"Có lý do đặc biệt nào khiến hai người không quan hệ tình dục nữa?" Ernie hỏi mà hồi hộp đến nín thở.

"Có. Cô ấy bảo là ghét làm tình với tôi, bảo chuyện đó khiến cô ấy kinh tởm. Cô ấy thích làm tình với... nói sao nhỉ... với đàn bà."

Dù đã biết câu trả lời sẽ thế nào, nhưng Ernie vẫn ra vẻ cực sốc. Mọi người khác cũng vậy. Ernie lui xuống, thảo luận gì đó với Hank Hooten, tạo một chút thời gian để các bồi thẩm có thể hấp thụ hết sự thật choáng váng này. Cuối cùng, ông quay lên, "Thưa Tòa, tôi không còn câu hỏi nào nữa."

Lucien bước lên đối chất với Malcolm Vince mà như thể đang bước tới trước mặt họng đại bác vậy. Lão hỏi vu vơ vài phút. Theo Baggy, một luật sư giỏi không bao giờ hỏi câu nào mà mình chưa biết chắc chắn câu trả lời, nhất là với những nhân chứng nguy hiểm cho thân chủ mình, như Malcolm Vince đây.

Lucien không biết Malcolm sẽ nói những gì nhưng lão là một luật sư giỏi. Lão chỉ cố khiến Malcolm thừa nhận là chẳng còn tình cảm gì với Lydia và rất mong chờ hoàn tất thủ tục ly dị vì hai năm qua thật chẳng êm đềm chút nào. Đúng kiểu một vụ ly hôn điển hình. Rồi Lucien cũng khiến Malcolm kể là đã nghe về vụ sát hại Kassellaw vào sáng hôm sau án mạng. Tối hôm trước, anh đi chơi và về nhà rất muộn. Lucien đã moi ra được một lợi thế mỏng manh khi chứng minh Lydia thực sự đã ở nhà một

mình vào đêm đó, đúng như lời cô đã làm chứng.

Nhưng chuyện đó giờ đâu còn là gì nữa. Bồi thẩm đoàn và toàn bộ phòng xử đều đang khá phẫn nộ về tội lỗi của cô Lydia này.

Khi phiên tòa trở lại sau khoảng thời gian tạm nghỉ khá dài, Lucien chầm chậm đứng lên thưa với thẩm phán. "Thưa Tòa, bên bị không còn nhân chứng nào nữa. Tuy nhiên, thân chủ của tôi muốn được ra làm chứng. Tôi muốn biên bản tòa ghi lại rõ ràng rằng, anh ấy sẽ ra làm chứng bất chấp lời khuyên can của tôi."

"Đã ghi nhận," thẩm phán Loopus hờ hững.

"Một sai lầm cực kỳ ngu ngốc luôn. Thật không tin nổi hắn," Baggy thì thầm với tôi bằng cái giọng đủ cho nửa phòng xử nghe thấy.

Danny Padgitt đứng phắt dậy, vọt lên bục nhân chứng ngay lập tức. Hắn cố nặn ra một nụ cười, nhưng ai cũng chỉ thấy điệu cười khẩy. Hắn cố tỏ ra tự tin, nhưng trong mắt mọi người chỉ toàn thấy sự tự mãn. Hắn tuyên thệ chỉ nói sự thật, nhưng chẳng ai nghĩ chuyện sẽ như thế.

"Tại sao anh nhất quyết đứng ra làm chứng?" Lucien hỏi câu đầu tiên, và cả phòng xử im lặng chờ đợi.

"Vì tôi muốn những con người thiện lương ở đây được nghe chuyện thật sự là thế nào," hắn vừa nói vừa đưa mắt nhìn các bồi thẩm.

“Vậy mời anh nói cho họ nghe đi,” Lucien đưa tay về phía bồi thẩm đoàn.

Câu chuyện của Padgitt đầy chuyện trên trời dưới đất, vì đâu có ai để bắt bẻ hắn. Lydia đi rồi, Rhoda đã chết. Hắn kể là đã ở vài tiếng tại nhà bạn gái hắn, Lydia Vince, vốn sống cách nhà Rhoda Kassellaw chưa đến một cây số. Hắn biết chính xác Rhoda sống ở đâu vì đã ghé thăm cô vài lần. Hắn muốn một chuyện tình yêu thực sự với Rhoda, nhưng hiện giờ vẫn còn vướng bận Lydia. Nhưng mà hắn và Rhoda đã có quan hệ thân mật hai lần rồi. Hai người gặp nhau ở các hộp đêm dọc xa lộ nội bang, đã nhảy và ngồi uống với nhau nhiều giờ. Cô ấy gợi cảm, tính tình phóng khoáng, lại có tiếng hay ngủ lang.

Đúng là xát muối vào vết thương, nghe đến đây, Ginger cúi đầu xuống, cố bịt tai lại. Cảnh đó đã đập vào mắt bồi thẩm đoàn.

Danny không tin những lời tào lao từ chồng của Lydia bảo là cô ta có khuynh hướng đồng tính luyến ái, vì theo hắn thấy, cô ta thích thú khi thân mật với đàn ông mà. Hắn bảo Malcolm chỉ nói dối để cố giành quyền nuôi con mà thôi.

Padgitt ra làm chứng cũng không tồi, nhưng phải nhớ, hắn làm chứng để giữ mạng cho mình. Hắn trả lời câu nào cũng gọn gàng, vung vẩy quá nhiều điệu cười giả tạo hướng về phía bồi thẩm đoàn, chuyện hắn kể quá súc tích, quá chuẩn và quá hay. Tôi vừa nghe vừa nhìn bồi thẩm đoàn và không thấy mấy dấu hiệu đồng cảm. Fargarson, gã què, lắng nghe với vẻ hoài nghi

hệt như với mọi nhân chứng trước giờ. Ông John Deere ngồi yên khoanh tay cau mày. Bà Callie thì chẳng ích gì cho Padgitt rồi, và với bà, không cần đến tội giết người, riêng tội thông dâm là đã đủ để bà bỏ phiếu cho hắn đi tù.

Lucien cố hỏi đáp thật ngắn gọn. Thân chủ của lão đã chui sẵn đầu vào thòng lọng rồi, lão mà vung vẩy lung tung thì coi như phụ giúp bên công tố đạp luôn cái ghế đỡ chân cho xong việc. Khi ngồi xuống, Lucien ném ánh mắt lộ rõ vẻ hằn học với đám nhà Padgitt rồi trấn tĩnh lại, chờ đợi chuyện thế nào cũng phải đến.

Được đối chất với một bị cáo có tội đúng là giấc mơ của công tố viên. Ernie khoan thai bước tới bàn để chứng cứ, cầm lên cái áo dính máu của Danny. "Chứng cứ số tám." ông nói với thư ký tòa, rồi đưa cao cho bồi thẩm đoàn cùng xem.

"Anh Padgitt, anh mua cái áo này ở đâu?"

Danny đờ người ra, không chắc đang tính nên chối hay nhận nó là của mình, hay là đang cố nhớ đã mua nó ở đâu thật. "Anh không trộm nó chứ?" Ernie ép thêm.

"Không."

"Vậy mời anh trả lời câu hỏi, và xin nhớ là anh đã tuyên thệ sẽ nói sự thật. Anh mua áo này ở đâu?" Ernie vừa nói vừa đưa cái áo ra xa, cầm nó bằng mấy đầu ngón tay, như thể máu trên đó vẫn còn ướt và sẽ dính vào bộ vest của ông vậy.

"Hình như là ở Tupelo. Tôi không nhớ lắm. Chỉ là cái áo sơ mi

thôi mà."

"Anh có áo nào bao lâu rồi?"

Danny lại ngập ngừng. Trên đời này, có mấy anh chàng nhớ ra mình đã mua áo khi nào chứ?

"Tầm một năm gì đó. Tôi không ghi nhớ mấy chuyện áo quần."

"Tôi cũng thế," Ernie nói. "Khi ở trên giường với Lydia tối đó, anh có cởi áo không?"

Padgitt dè dặt trả lời, "Có."

"Nó nằm đâu khi hai người... quan hệ?"

"Trên sàn, có lẽ vậy."

Giờ đã xác nhận rõ ràng cái áo đó là của Danny Padgitt, Ernie có thể thoải mái đẩy nhân chứng này lên bàn xẻ thịt. Ông lôi ra báo cáo pháp y, đọc cho Padgitt nghe, hỏi tại sao máu của hắn lại dính lên cái áo đó. Và thế là lại bắt đầu cả câu chuyện dài về kỹ năng lái xe, tốc độ thường lái, loại xe và chuyện hắn khá say khi bị lật xe. Nhìn màn dồn ép của Ernie tôi chẳng hiểu sao một vụ lái xe lúc say xỉn lại chí mạng đến thế. Rõ ràng độ lì của Danny không được bao nhiêu, hắn bắt đầu cáu lên trước những câu hỏi châm chích mỉa mai của Ernie.

Về chuyện vết máu của Rhoda. Nếu hắn đã ngủ trên giường của Lydia, cái áo nằm dưới sàn phòng Lydia, thì tại sao vết máu của Rhoda lại chạy từ phòng cô đến tận phòng của Lydia cách đó gần cây số?

Danny cứng giọng trả lời đấy là một âm mưu do ai đó dàn xếp, bịa ra một giả thuyết mới và đào cái hố mà hắn không bao giờ ngoi lên nổi. Ngồi trong tù một mình quá lâu có thể rất nguy hại cho một kẻ có tội. Hắn cố giải thích rằng có ai đó đã lấy máu của Rhoda bôi lên áo hắn, hoặc cái người khám nghiệm áo hắn đã nói dối, cố định tội cho hắn. Mấy giả thuyết này rõ ràng gây hứng thú rõ ràng cho mọi người trong phòng xử. Ernie cũng vui vẻ đùa giỡn với cả hai giả thuyết hoang đường này một lát, rồi cuối cùng tung loạt đòn quyết định là một loạt câu hỏi dữ dội về lý do tại sao Danny, một người chắc chắn có đủ tiền để thuê những luật sư giỏi nhất, lại không thuê chuyên gia riêng để đến tòa giải thích về vết máu cho bồi thẩm đoàn.

Có lẽ chẳng tìm được chuyên gia nào nhận vụ này, vì chẳng ai có thể đưa ra kết luận trên trời mà hắn muốn.

Về mẫu tinh dịch cũng thế. Nếu Danny đã bắn tinh ở phòng Lydia, sao lại tìm thấy tinh dịch ở phòng Rhoda? Về phía Danny, lời lý giải quá đơn giản, lại là một âm mưu cố gài tội hắn mà thôi. Các báo cáo pháp y đã bị ngụy tạo, cảnh sát làm việc tắc trách. Ernie cứ thế dồn ép hắn mãi cho đến khi toàn bộ phòng xử đều mệt lử.

Đến 12:30, Lucien đứng dậy, đề nghị cho tạm nghỉ ăn trưa. “Tôi chưa nói xong!” Ernie quát vang cả phòng. Ông muốn hoàn tất cuộc truy sát này trước khi Lucien có thể tiếp cận và chỉnh đốn Danny, dù cho đó là một việc gần như bất khả thi. Thòng lọng đã thắt, Danny chỉ còn một chút hơi tàn và Ernie không

định nương tay vào lúc thế này.

"Mời tiếp tục," thẩm phán Loopus quyết định vậy và Ernie bất ngờ quát vào mặt Danny, "Anh đã làm gì với con dao?"

Câu hỏi này khiến tất cả mọi người trong phòng giật nảy mình, nhất là nhân chứng kiêm bị cáo, hắn thụt lùi một chút, ấp úng, "Tôi..." rồi im bặt.

"Tôi làm gì? Thôi nào, anh Padgitt, hãy nói ra anh đã làm gì với con dao, hung khí giết người trong vụ này."

Danny lắc đầu quầy quậy, quá hoang mang sợ hãi không thốt nên lời. Cuối cùng, hắn cũng cố thốt ra được mấy chữ câu giờ, "Con dao nào cơ?" Nhìn mặt hắn rõ ràng là vẻ mặt biết mình có tội, như thể con dao đó vừa rơi từ trong túi hắn ra vậy.

"Con dao anh dùng để tấn công cô Rhoda Kassellaw."

"Đâu phải tôi dùng."

Ernie không vội, ông lại quay sang Hank Hooten bàn bạc, tạo một khoảng lặng cần thiết, đúng phong cách một đao phủ chậm rãi mà tàn nhẫn. Rồi ông lấy báo cáo pháp y ra, hỏi Danny có nhớ lời chứng của chuyên viên pháp y đầu tiên không, có nghĩ báo cáo đó cũng nằm trong âm mưu mà hắn vẽ ra không. Danny chẳng biết phải trả lời thế nào. Mọi chứng cứ đều chống lại hắn, nên giờ hắn chỉ còn cách phóng lao thì phải theo lao và tiếp tục bài phủ nhận tất tần tật.

Thế còn mẩu da của hắn nằm trong kẽ móng tay của Rhoda, cũng nằm trong âm mưu này? Còn tinh dịch của hắn? Và cứ thế,

Danny đã bị chôn chân chặt cứng vào chân tường. Lucien ngồi dưới này, thỉnh thoảng lại ngoái nhìn bố của Danny với ánh mắt "Tôi đã bảo rồi mà".

Danny lên bục chỉ khiến Ernie có dịp lôi ra lại mọi chứng cứ, và hậu quả cho hắn thật quá khủng khiếp. Những phản biện yếu ớt của hắn trở nên vô nghĩa khi đi kèm một thuyết âm mưu lố bịch, nực cười. Nhìn hắn bị vùi dập hoàn toàn trước mặt bồi thẩm đoàn, đúng là khiến mọi người mãn nguyện. Người tốt đã thắng. Trông bồi thẩm đoàn có vẻ như ai cũng chuẩn bị xách súng ra để đích thân làm đội hành quyết.

Ernie thả tập giấy lên bàn, có vẻ đã sẵn sàng nghỉ đi ăn trưa rồi. Ông cho cả hai tay vào túi áo, nhìn thẳng nhân chứng kiêm bị cáo trên bục, "Hãy nhớ anh đang trả lời dưới lời tuyên thệ nói thật, anh đang muốn nói với bồi thẩm đoàn rằng anh không cưỡng hiếp và sát hại Rhoda Kassellaw?"

"Đúng."

"Anh không bám theo cô ấy từ xa lộ nội bang về đến nhà, vào tối hôm thứ Bảy đó?"

"Đúng."

"Anh không lẻn vào bằng lối cửa sân trong?"

"Đúng."

"Và không trốn trong tủ chờ đến khi cô ấy đã cho con đi ngủ?"

"Đúng."

"Và anh không tấn công cô ấy khi cô ấy vào phòng thay đồ

ngủ?”

“Đúng.”

Lucien bật dậy, giận dữ gào lên, “Phản đối, thưa Tòa, ông Gaddis đang cố vào vai nhân chứng.”

“Phản đối vô hiệu,” Thẩm phán Loopus phán ngay lập tức. Ông muốn có một phiên tòa công bằng, và để chống lại đủ thứ dối trá từ bên bị, bên công tố phải có mức độ tự do nhất định để có thể mô tả hiện trường án mạng.

“Anh không dùng khăn quàng bịt mắt cô ấy?”

Những câu hỏi càng lên cao điểm, đầu của Padgitt lắc càng mạnh.

“Và anh không dùng dao cắt quần lót của cô ấy?”

“Đúng.”

“Anh không cưỡng hiếp cô ấy trên chính giường của cô, khi hai con của cô đang ngủ không xa đó?”

“Đúng.”

“Và anh không làm ồn khiến chúng thức giấc?”

“Đúng.”

Với sự cho phép của thẩm phán, Ernie tiến lại gần ghế nhân chứng, ngước mắt buồn bã nhìn về phía bồi thẩm đoàn, rồi quay sang Danny, “Michael và Teresa đã chạy đến để xem mẹ chúng thế nào, phải không, anh Padgitt?”

“Tôi không biết.”

“Và chúng thấy anh đang nằm đè lên mẹ chúng, phải không?”

“Tôi đâu ở đó.”

“Rhoda đã nghe thấy tiếng chúng, phải không? Chúng có hét lên, cầu xin anh tha cho mẹ chúng không?”

“Tôi đâu ở đó.”

“Và Rhoda đã làm việc mà một người mẹ sẽ làm, hét lên bảo chúng chạy đi, phải vậy chứ, anh Padgitt?”

“Tôi đâu ở đó.”

“Thì anh đâu ở đó!” Ernie gầm lên, vang vang cả phòng xử. “Nhưng áo anh ở đó, dấu chân anh ở đó, tinh dịch anh ở đó! Anh nghĩ bồi thẩm đoàn này ngu ngốc hả, anh Padgitt?”

Bị cáo vẫn tiếp tục lắc đầu. Ernie chậm rãi đi về bàn mình, kéo ghế ra. Nhưng lúc tưởng như sắp ngồi xuống, ông lại gầm vang, “Anh là kẻ hiếp dâm. Anh là kẻ giết người. Và anh còn là kẻ dối trá, phải vậy không, anh Padgitt?”

Lucien bật dậy ngay, “Phản đối, thưa Tòa. Thế này là quá đáng rồi.”

“Phản đối được chấp thuận. Ông còn câu hỏi nào không, ông Gaddis?”

“Không, thưa Tòa, bên công tố xin kết thúc phần đối chất với nhân chứng này.”

“Ông Wilbanks, ông còn muốn nói gì nữa không?”

“Không thưa tòa.”

“Vậy thì mời nhân chứng xuống.” Danny chầm chậm đứng lên. Điệu cười mỉa, vẻ nghênh ngang đã biến mất hẳn. Gương mặt hắn đỏ bừng vì giận dữ và ướt đẫm mồ hôi.

Khi chuẩn bị bước ra khỏi bục nhân chứng và về bàn bị cáo, đột nhiên Padgitt quay về phía bồi thẩm đoàn, mặt nhăn nhúm lại vì căm giận, ngón trỏ tay phải chĩa ra chỉ thẳng vào 12 người đang ngồi đó và buông ra những lời làm chấn động cả phòng xử. “Các người mà kết tội tôi thì tôi sẽ xử hết, xử không chừa một ai.”

“Chấp hành tòa” thẩm phán Loopus miệng ra lệnh, tay chộp lấy búa. “Đủ rồi, anh Padgitt.”

“Không chừa một ai!” Danny hét lên, lặp lại lời hăm dọa. Ernie liền bật dậy, nhưng không biết nói gì. Mà sao phải nói gì chứ? Bên bị đã tự đâm đầu xuống lỗ rồi. Lucien cũng đứng dậy, cũng chẳng biết làm gì cho phải. Hai cảnh sát liền xông đến lôi Padgitt về bàn bên bị. Hắn bị lôi đi, nhưng mắt vẫn trừng trừng nhìn các bồi thẩm, như thể đang chuẩn bị xả súng vào họ vậy.

Khi cảnh náo động đã lắng xuống, tôi mới nhận ra nãy giờ tim mình đập liên hồi vì phấn khích. Ngay cả Baggy cũng choáng váng không thốt nên lời.

“Tòa tạm nghỉ ăn trưa,” thẩm phán tuyên bố rồi đi ra. Nhưng bụng tôi giờ chẳng thấy đói nữa. Tôi chỉ muốn lao về căn hộ và đi tắm mà thôi.

CHƯƠNG 18

Tòa xử lại vào lúc 3:00. Các bồi thẩm đều đủ mặt, nhà Padgitt chưa hạ ai trong giờ nghỉ. Bà Callie cười với tôi, nhưng chẳng có nét gì vui.

Thẩm phán Loopus giải thích cho bồi thẩm đoàn rằng giờ là phiên tranh luận bế mạc, sau đó ông sẽ đọc chỉ thị chính thức cho bồi thẩm đoàn và họ có một vài tiếng để ra phán quyết định tội. Các bồi thẩm lắng nghe cẩn thận, nhưng tôi e là họ vẫn còn choáng váng vì màn đe dọa trắng trợn vừa rồi. Cả thành phố đều choáng váng. Các bồi thẩm là đại diện cho chúng tôi, cho cả cộng đồng này, và đe dọa họ nghĩa là đe dọa tất cả mọi người.

Công tố viên Ernie là người phát biểu trước, và chẳng mấy chốc, chiếc áo đẫm máu lại được lôi ra. Nhưng ông biết cẩn trọng, không lạm dụng nó quá. Các bồi thẩm vốn đã hiểu thấu sự tình và biết quá rõ về chứng cứ này.

Phần phát biểu của công tố viên thấu đáo nhưng ngắn gọn đến bất ngờ. Khi ông đưa ra lời thỉnh cầu cuối cùng đòi một phán quyết có tội, cả phòng xử đều hướng mắt về phía bồi thẩm đoàn. Nhìn khuôn mặt họ, đôi mắt họ, chẳng có chút đồng cảm nào cho bị cáo. Fargarson, "thằng què" thậm chí còn gật đầu

theo lời Ernie. Ông John Deere cũng không còn khoanh tay nữa, chăm chú lắng nghe từng chữ một.

Phần phát biểu của Lucien còn ngắn gọn hơn, nhưng lão có gì đâu mà nói. Lão mở đầu bằng phần biện hộ cho những lời cuối cùng mà thân chủ lão đã ném thẳng vào mặt bồi thẩm đoàn. Lão xin lỗi về hành vi của thân chủ mình, nói rằng đó chỉ là do áp lực tình huống, khi một chàng trai 24 tuổi phải đối mặt với án tù hoặc tệ hơn nữa là phòng hơi ngạt. "Danny" của lão - vì lão cứ luôn miệng gọi tên hắn như thể nhắc đến một cậu bé ngây thơ vô tội - phải gánh chịu áp lực quá khủng khiếp đến nỗi lão thấy phải lo ngại cho sự ổn định tâm thần của hắn.

Vì không thể chạy theo thuyết âm mưu ngớ ngẩn của thân chủ mình, cũng như biết rõ đừng nhắc đến chứng cứ làm gì, nên lão làm cả tòa mất nửa tiếng hoặc hơn để nghe bài ca ngợi các anh hùng đã viết nên Hiến pháp và Tuyên ngôn Nhân quyền. Nghe cách Lucien giải thích về giả định vô tội và yêu cầu bên công tố phải chứng minh lập luận có tội một cách chắc chắn tuyệt đối không còn bất kỳ điều gì để hoài nghi, tôi bỗng tự hỏi nếu thế thì có được mấy tội phạm sẽ bị kết án đây.

Bên công tố có quyền phát biểu phản bác bế mạc, nhưng bên bị thì không, nên Ernie là người được nói những lời cuối cùng. Ông bỏ qua chứng cứ, cũng không nhắc đến bị cáo, và thay vào lại nói về Rhoda, về tuổi trẻ và sắc đẹp, cuộc sống đơn sơ của cô ở Beech Hill, cái chết của chồng, và thách thức phải một mình

nuôi dạy hai đứa con thơ.

Cách này rất hiệu quả, và các bồi thẩm nuốt lấy từng lời.

“Đừng quên cô ấy” là điệp khúc của ông. Là một tay hùng biện cừ khôi, ông để dành chiêu độc nhất cho phút cuối.

“Và đừng quên con cái của cô ấy,” ông vừa nói vừa nhìn vào mắt từng bồi thẩm. “Chúng đã ở đó khi mẹ chết. Cái chúng đã chứng kiến thật quá kinh khủng và chúng sẽ kinh sợ cả đời. Chúng có tiếng nói trong phòng xử này, và tiếng nói của chúng chính là các bạn.”

Sau đó, thẩm phán Loopus đọc chỉ dẫn cho bồi thẩm đoàn rồi bảo chấp hành tòa đưa họ lui về phòng để cân nhắc phán quyết. Lúc đó đã hơn 5:00 chiều, giờ này các cửa hàng quanh quảng trường đã đóng cửa, người bán kẻ mua đã ra về từ lâu, giao thông chẳng còn mấy, đỗ xe cũng dễ dàng.

Nhưng vào ngày diễn ra phiên tòa thì không!

Đám đông chật cứng trên bãi cỏ tòa án, họ hút thuốc, tán gẫu, dự đoán bao lâu thì có phán quyết. Số khác thì chen chúc trong các hàng quán, uống tách cà phê hoặc ăn bữa nhẹ. Ginger theo về văn phòng tôi, ngồi trên ban công quan sát hoạt động bên dưới. Tinh thần cô đã kiệt quệ, nước mắt đã khóc cạn, và cô chỉ muốn đi khỏi Hạt Ford càng sớm càng tốt.

“Cậu quen Hank Hooten không?” cô ấy hỏi.

“Chưa từng gặp nhau. Sao lại hỏi vậy?”

“Giờ ăn trưa, tôi vô tình gặp anh ta và anh ta bảo quen thân

Rhoda, biết là nó không lang chạ bừa bãi, với Danny Padgitt lại càng không. Tôi bảo là tôi chẳng hề tin em mình lại quen loại mạt hạng như hắn."

"Anh ta có nói là từng hẹn hò với cô ấy không?" tôi hỏi.

"Anh ta không nói, nhưng tôi cũng đoán thế. Khi kiểm tra đồ đạc Rhoda, một hai tuần gì đó sau đám tang, tôi tìm thấy tên và số điện thoại của anh ta trong sổ danh bạ của con bé."

"Cô đã gặp Baggy rồi?" tôi hỏi.

"Rồi."

"Baggy rảo khắp nơi, nghĩ cái gì mình cũng biết. Hôm thứ Hai, khi khai mạc phiên tòa, ông ấy đã bảo tôi là Rhoda và Hank đang hẹn hò nhau. Còn nói Hank đã qua hai đời vợ, nổi tiếng là kẻ trăng hoa."

"Vậy là anh ta đang độc thân?"

"Chắc là không. Để tôi hỏi Baggy."

"Có lẽ biết em tôi ngủ với một luật sư sẽ làm tôi vui hơn chút."

"Sao lại vui hơn?"

"Tôi chẳng biết."

Cô cởi giày ra, kéo chiếc váy ngắn lên cao hơn nữa. Tôi mân mê cặp đùi, và đầu óc tạm rời xa phiên tòa, nhưng chỉ được trong chốc lát. Trước cửa tòa án bỗng xôn xao, và tôi nghe ai đó hét lên gì đó về "phán quyết."

Sau khi suy nghĩ trong chưa đầy một tiếng, bồi thẩm đoàn đã sẵn sàng. Khi các luật sư và người dự khán đã yên vị, thẩm phán

Loopus mới quay sang bảo chấp hành tòa, “Đưa họ vào.”

Khi cánh cửa hông mở ra, Fargarson là người đầu tiên bước vào, Baggy quay sang thì thầm với tôi, “Có tội là cái chắc. Nhanh ra phán quyết thì luôn là có tội.”

Thật ra, lúc trước Baggy đã khẳng định chắc nịch phán quyết sẽ bị treo, bị trì hoãn dài ngày, nhưng giờ tôi cũng chẳng buồn nhắc lại ông.

Chủ tịch bồi thẩm đoàn đưa một tờ giấy gấp lại cho chấp hành tòa chuyển đến thẩm phán. Loopus mở ra, đọc chầm chậm, xem xét kỹ hồi lâu, rồi cúi người lại gần micro, “Mời bị cáo đứng lên.” Cả Padgitt và Lucien đều đứng dậy, chậm chạp và khó khăn, như thể đang đứng trước đội hành quyết vậy.

Thẩm phán Loopus tuyên đọc, “Về tội danh thứ nhất, tội danh cưỡng hiếp, bồi thẩm đoàn chúng tôi thấy bị cáo Danny Padgitt có tội. Về tội danh thứ hai, tội danh giết người, bồi thẩm đoàn chúng tôi thấy bị cáo Danny Padgitt có tội.”

Lucien mặt tỉnh bơ, còn Padgitt lại cố gắng làm ngược lại. Hắn nhìn các bồi thẩm với sự hung hãn thù hằn hết sức có thể, nhưng đâu có là gì so với hơn chục ánh mắt khinh bỉ đáp trả lại.

“Mời bên bị ngồi,” thẩm phán bảo rồi quay sang bồi thẩm đoàn. “Xin cảm ơn các bạn vì đã dốc sức phục vụ cho công ích. Đến đây là hoàn tất phần xác định có tội hay vô tội của phiên tòa. Giờ chúng ta chuyển sang phần hình phạt, và các bạn sẽ phải quyết định liệu bị cáo này sẽ nhận án tử hình hay án tù. Giờ các

bạn sẽ trở về khách sạn, phiên tòa sẽ tạm nghỉ cho đến 9:00 sáng mai. Cảm ơn và chúc một tối an lành."

Mọi chuyện kết thúc quá nhanh đến nỗi đám đông dự khán chẳng kịp phản ứng gì. Họ đưa Danny Padgitt ra, lần này là với hai tay bị còng, đám người nhà Padgitt thì sững sờ hoang mang cực độ. Lucien chẳng buồn nán lại để trò chuyện với họ.

Tôi và Baggy tức tốc về văn phòng, gõ máy đánh chữ như điên. Phải vài ngày nữa mới in báo, nhưng chúng tôi muốn lưu giữ khoảnh khắc này. Sau tầm nửa tiếng, ngọn lửa cảm hứng trong Baggy đã lụi dần vì cơn thèm rượu bắt đầu lên tiếng. Lúc Ginger ghé văn phòng, trời đã tối, cô mặc quần jeans bó áo ôm, tóc xõa, bộ dạng nói rõ bốn chữ "Đưa em đi chơi."

Chúng tôi lại ghé tạp hóa Quincy, mua một lốc bia, rồi hạ mui xe, hưởng làn gió ấm mùi bùn đất suốt một tiếng rưỡi trên đường đến Memphis.

Ginger không nói gì nhiều và tôi cũng không muốn hỏi. Gia đình ép cô phải đại diện đến tham dự phiên tòa, chứ cô đâu muốn phải trải qua cơn ác mộng này. May mắn thay, cô tìm được tôi làm nguồn khuây khỏa chút ít.

Tôi sẽ không bao giờ quên đêm đó. Lái xe băng băng trên xa lộ tối đen, uống lon bia lạnh, cầm tay một cô gái xinh đẹp chủ động đến tìm tôi, người đã qua đêm với tôi và chắc chắn sẽ làm thế lần nữa.

Nhưng chuyện tình ngọt ngào ngắn ngủi của chúng tôi đã sắp

tàn, chỉ còn vài tiếng nữa thôi. Baggy nghĩ giai đoạn tuyên án sẽ mất chưa đến một ngày nên phiên tòa sẽ kết thúc vào ngày mai, thứ Sáu. Ginger chỉ muốn rời Clanton càng sớm càng tốt và không bao giờ ngoảnh đầu lại, còn tôi dĩ nhiên đâu thể bỏ đi cùng cô ấy. Tôi đã xem bản đồ rồi, Springfield, Missouri xa nơi này lắm, ít nhất phải sáu tiếng lái xe. Đi lại hàng ngày là gần như bất khả thi, dù cho nếu cô ấy muốn, chắc tôi cũng tìm cách làm cho bằng được.

Nhưng linh tính mách bảo tôi rằng Ginger sẽ biến mất khỏi đời tôi cũng nhanh như cách cô ấy bước vào. Tôi chắc chắn ở quê nhà cô ấy hẳn phải có bạn trai, có khi còn hơn thế, nên tôi sẽ không được hoan nghênh ở đó. Và nếu có gặp tôi ở Springfield thì cũng chỉ khiến cô ấy nhớ về Hạt Ford và những ký ức kinh khủng.

Tôi siết chặt tay Ginger, thề sẽ biến những giờ cuối cùng này thành khoảng thời gian tuyệt diệu nhất.

Đến Memphis, chúng tôi tới những tòa nhà cao cạnh bờ sông. Ở đây có nhà hàng sườn nướng nổi tiếng Rendezvous của một gia đình người Hy Lạp. Hầu hết các quán ăn ngon Memphis đều là của người Ý hoặc Hy Lạp.

Vào những năm 1970, khu trung tâm Memphis không phải chốn an toàn cho lắm. Tôi đỗ xe tại một gara rồi đi dọc một con hẻm đến Rendezvous. Mùi khói từ lò nướng của nhà hàng tuôn ra qua ống thông gió tạo thành một làn khói sương dày đặc

quanh các tòa nhà. Đấy là cái mùi thơm ngon nhất tôi từng ngửi thấy, và như hầu hết các khách quen khác, bụng tôi đã sôi cồn cào khi đặt chân đến ngưỡng cửa.

Những ngày thứ Năm, khách không đông lắm. Chúng tôi chờ năm phút, rồi được một bồi bàn dẫn đi len lỏi qua cả dãy bàn, qua dãy buồng nhỏ, đến tận một phòng lớn sâu bên trong. Anh nháy mắt với tôi, sắp chỗ cho chúng tôi ở một bàn tối góc phòng. Chúng tôi gọi sườn nướng và bia, rồi cho những bàn tay tranh thủ tìm đến nhau trong lúc chờ món lên.

Phán quyết có tội khiến ai cũng nhẹ nhõm. Bất kỳ phán quyết nào khác cũng đều là một thảm họa và Ginger hẳn đã giận dữ rời Clanton ngay lập tức. Mai cô ấy cũng sẽ đi, nhưng ít ra, hiện giờ tôi vẫn còn cô ấy trong vòng tay. Chúng tôi nâng ly mừng phán quyết. Với Ginger, phán quyết đó nghĩa là công lý đã chiến thắng. Với tôi cũng vậy, nhưng tôi còn cảm kích hơn vì nó cho tôi thêm một tối nữa cạnh mỹ nhân.

Ginger ăn ít thôi, thế là tôi chén xong miếng sườn của mình rồi xử lý luôn phần trên đĩa của cô ấy. Tôi kể cho Ginger về bà Callie và những bữa trưa trước hiên nhà, về những đứa con xuất chúng và xuất thân đặc biệt của bà. Ginger bảo cô cũng mến bà Callie như cô mến cả 11 bồi thẩm còn lại.

Nhưng tình cảm đó lại sớm tan biến.

Đúng như tôi dự kiến, bố tôi đang đóng chốt trên tầng áp mái, nơi mà ông gọi là văn phòng. Thật ra nó là tầng thượng của một

tòa tháp phong cách Victoria ở góc mặt tiền tòa nhà bệ rạc của chúng tôi tại khu trung tâm Memphis. Ginger muốn xem nó và vào giờ này nhìn nó đẹp hơn lúc ban ngày. Nhà tôi nằm ở một khu ảm đạm đầy những ngôi nhà xuống cấp của những gia đình phú quý giật lùi đang cố sống sót theo kiểu nghèo tao nhã.

"Bố cậu làm gì trên đó vậy?" Ginger hỏi khi chúng tôi đang ngồi trên xe, tắt máy tối om và văng vẳng bên tai tiếng con chó schnauzer của bà Duckworth sủa ăng ẳng cách bốn số nhà.

"Tôi kể rồi mà. Ông giao dịch chứng khoán và trái khoán."

"Vào ban đêm á?"

"Ông đang nghiên cứu thị trường. Chẳng bao giờ đúng."

"Và ông bị mất tiền?"

"Chắc chắn là chẳng kiếm được đồng nào."

"Cậu lên đó chào bố không?"

"Thôi. Tôi chỉ chọc ông thêm cáu."

"Bao lâu rồi hai bố con chưa gặp nhau?"

"Tầm ba, bốn tháng gì đó." Hiện giờ tôi còn tâm trí nào mà gặp bố chứ. Lửa tình háo hức đã chiếm trọn tôi rồi. Chúng tôi lái xe ra khỏi Memphis, vào ngoại ô, và tôi tìm được nhà trọ Holiday ở xa lộ liên bang để tấp vào.

CHƯƠNG 19

Sáng thứ Sáu, ông Esau Ruffin gặp tôi ở hành lang ngoài phòng xử và cho tôi một bất ngờ thú vị. Đi cùng với ông là ba người con trai, Al, Max và Bobby (Alberto, Massimo và Roberto), ai cũng mong được chào hỏi tôi. Tôi đã nói chuyện với cả ba người họ cách đây một tháng khi viết bài về bà Callie và những người con xuất chúng. Chúng tôi bắt tay và hỏi thăm nhau vài câu, rồi họ lịch sự cảm ơn tôi vì tình cảm tôi dành cho mẹ của họ, vì những lời tốt đẹp tôi viết về gia đình họ. Họ đều nói chuyện ôn tồn, thoải mái và chỉn chu như bà Callie.

Họ vừa đến đây vào tối muộn hôm qua để ủng hộ tinh thần cho mẹ mình. Cả tuần, ông Esau chỉ mới nói chuyện với bà được một lần vì tòa chỉ cho mỗi bồi thẩm được gọi duy nhất một cuộc điện thoại trong suốt thời gian xử án. Ông biết bà vẫn ổn, chỉ lo về chứng huyết áp của bà mà thôi.

Chúng tôi chuyện trò một hồi rồi cùng nhau vào phòng xử, và bốn người nhà họ ngồi ngay cạnh chỗ tôi. Một lát sau, khi bà Callie bước ra, bà nhìn xuống chỗ tôi thì thấy ba người con trai và nụ cười của bà bỗng rạng rỡ sáng ngời, nỗi mệt mỏi trong đôi mắt tan biến ngay lập tức.

Trong phiên tòa, tôi đã thấy vẻ mặt bà có phần nào hãnh diện. Bà đang ngồi ở chỗ mà chưa người da đen nào từng ngồi, sánh vai ngang hàng với những đồng bào da trắng, phán xét một người da trắng, những chuyện trước nay chưa hề có ở Hạt Ford. Tôi cũng thấy được sự lo âu của bà khi phiêu lưu vào một địa hạt quá lạ lẫm này.

Nhưng giờ đã có các con trai đến xem, gương mặt bà chỉ còn niềm hãnh diện, nỗi sợ hãi lo âu đã tan biến cả. Bà ngồi thẳng lưng thêm một chút, và dù lâu nay chẳng bỏ sót gì, nhưng giờ mắt bà đang sáng lên, bồn chồn nhìn quanh chờ đợi điều sắp đến và hoàn tất nhiệm vụ này của mình.

Thẩm phán Loopus giải thích với các bồi thẩm rằng trong giai đoạn tuyên án, bên công tố sẽ cung cấp chứng cứ về các tình tiết khiến tội ác đã phạm nghiêm trọng thêm, để hỗ trợ cho yêu cầu án tử hình. Bên bị sẽ không được đưa ra các chứng cứ giảm nhẹ. Bản thân thẩm phán cũng không nghĩ tiến trình này sẽ kéo dài. Hôm nay là thứ Sáu, phiên tòa đã kéo dài quá lâu rồi, các bồi thẩm cũng như tất cả mọi người khác ở Clanton đều muốn Padgitt ra đi để nhịp sống của thành phố này trở lại bình thường.

Ernie Gaddis đứng lên, cảm ơn các bồi thẩm vì đã đưa ra phán quyết có tội thật hợp lý và thừa nhận là mình cảm thấy không cần phải đưa ra thêm lời chứng nào nữa. Tội ác này quá dã man đến nỗi chẳng còn gì khiến nó có thể nặng thêm nữa. Ông xin các bồi thẩm hãy nhớ lại những tấm hình chụp Rhoda trên xích

đu trước hiên nhà ông Deece, nhớ lại lời chứng của chuyên viên pháp y về những vết thương kinh khủng và cơn hấp hối của cô, và xin đừng quên những đứa con bơ vơ của cô. Làm như thể có ai quên được chuyện đó vậy.

Ernie hùng hồn đòi có án tử hình. Ông nói vắn tắt về lý do tại sao những người dân Mỹ thiện lương tin tưởng vào bản án tối hậu này, vì sao nó xứng đáng được dùng để vừa làm hình phạt vừa làm sự răn đe. Ông còn trích dẫn cả Kinh Thánh.

Trong gần 30 năm làm công tố viên hình sự ở sáu hạt, ông chưa hề thấy một vụ nào đáng bị tuyên án tử hình đến thế. Nhìn khuôn mặt các bồi thẩm, tôi tin chắc ông sẽ có được cái ông muốn.

Ernie kết bài bằng lời nhắc nhở rằng các bồi thẩm đã được chọn sau khi tuyên hứa là mình có thể tuân thủ luật pháp. Rồi ông đọc cho họ trích đoạn luật về án tử hình. Gấp quyển sách lại, ông dõng dạc vung nhát búa cuối cùng để đóng đinh chặt bản án này, "Bang Mississippi đã chứng minh được vụ này. Các vị đã xác định được Danny Padgitt có tội cưỡng hiếp và giết người. Giờ luật pháp yêu cầu phải có bản án tử hình. Và trách nhiệm của các vị là phải đưa ra được bản án đó."

Bài diễn thuyết hùng hồn của Ernie tổng cộng đến 51 phút, và khi ông nói xong, tôi biết bồi thẩm đoàn chắc chắn sẽ đưa Padgitt lên đoạn đầu đài, không chỉ một mà phải hai lần.

Theo Baggy, trong một vụ trọng án, thì sau khi bên bị cố

chứng minh sự vô tội của mình suốt phiên nhưng vẫn bị bồi thẩm đoàn phán có tội thì thường bị cáo sẽ đứng lên nói lời ăn năn hối hận vì tội ác mà mình đã cố chối cãi suốt cả tuần qua. "Họ sẽ van xin, khóc lóc. Xem hay ho lắm," ông bảo vậy.

Nhưng vì những lời kinh khủng vào hôm trước, Padgitt bị cấm không được hiện diện gần bồi thẩm đoàn. Lucien đành mời mẹ của hắn, Lettie Padgitt. Bà ta tầm 50, dáng điệu thanh tao, mái tóc muối tiêu ngắn, và mặc bộ váy đen như thể đã để tang cho con mình rồi. Với những câu hỏi dẫn dắt của Lucien, bà ta làm chứng một cách gọn gàng chỉn chu hệt như đang đọc bài soạn sẵn chi tiết đến từng quãng ngắt. Bà ta kể về cậu bé Danny thích đi câu cá sau giờ học, từng bị gãy chân vì ngã lúc trèo cây, từng thắng giải đánh vần hồi lớp bốn. Danny thuở bé chưa hề gây phiền toái gì, và cả lúc lớn cũng vẫn là đứa con ngoan, là niềm vui cho gia đình. Hai đứa anh của hắn không ngoan hiền cho lắm, nhưng Danny lại khác.

Bài làm chứng này ngớ ngẩn và thể hiện quá rõ ràng mục đích tô son trát phấn cho một con quỷ. Nhưng trong bồi thẩm đoàn có ba bà mẹ, là bà Callie, bà Barbara Baldwin và bà Maxine Root, họ là những người mà Lucien nhắm đến. Lão chỉ cần một người ngả về mình là đủ.

Thế nên, cũng chẳng ngạc nhiên gì khi bà Padgitt bắt đầu rơi lệ. Bà ta chẳng hề tin rằng con mình lại phạm một tội ác khủng khiếp đến thế, nhưng nếu bồi thẩm đoàn đã tin như vậy, thì bà ta sẽ cố chấp nhận sự thật này. Nhưng tại sao lại xóa sổ nó khỏi

cõi đời? Tại sao lại giết cậu bé ngoan của bà? Đưa con của bà lên đoạn đầu đài thì ích lợi gì cho thế giới chứ?

Tôi có thể thấy nỗi đau của bà là thật tâm. Cảm xúc của bà đang quá nguyên sơ, trần trụi. Bất kỳ con người nào trên đời cũng sẽ cảm thông với một người phụ nữ sắp mất con. Cuối cùng bà sụp đổ, và Lucien để yên cho bà nức nở trên bục nhân chứng. Cái ban đầu là một màn diễn dày công biên soạn đã trở thành một lời thỉnh cầu dốc hết ruột gan khiến các bồi thẩm phải xót xa.

Lucien nói lão không còn nhân chứng nào nữa. Rồi lão và Ernie nói vài lời tóm lại ngắn gọn và đến 11:00 trưa, bồi thẩm đoàn lại bắt đầu trọng trách phán quyết của mình.

Ginger đã hòa vào đám đông đi mất. Tôi về văn phòng mình chờ cô một hồi nhưng vẫn chẳng thấy, nên tôi rảo bộ qua bên kia quảng trường, tới văn phòng của Harry Rex. Ông bảo thư ký đi mua sandwich và chúng tôi dùng bữa trưa trong phòng họp bừa bộn của ông. Như hầu hết luật sư ở Clanton, suốt tuần qua ông cắm chốt ở phòng xử để xem một vụ án chẳng có ý nghĩa tài chính gì với mình.

"Bạn cậu sẽ kiên quyết chứ?" ông hỏi qua cái miệng nhồm nhoàm thịt và pho mát.

"Bà Callie hả?" tôi hỏi.

"Ừ. Bà ấy thoải mái về chuyện phòng hơi ngạt chứ?"

"Tôi chẳng biết. Chúng tôi đâu có dịp chuyện trò."

“Chúng tôi thấy lo về bà ấy, cả gã què chết tiệt nữa.”

Harry Rex lặng lẽ mà tích cực tham gia vào vụ này đến mức có thể nghĩ là ông làm việc cho công tố bang và Ernie Gaddis luôn ấy. Nhưng ngoài ông ra, còn nhiều luật sư khác ở đây kín đáo góp sức cho bên công tố.

“Họ mất chưa đầy 60 phút để định tội hắn,” tôi nói, “vậy là dấu hiệu tốt nhỉ?”

“Có lẽ, nhưng đến lúc ký án tử hình, các bồi thẩm hay làm chuyện trái khoáy lắm.”

“Thì có sao chứ? Hắn sẽ bị chung thân. Theo những gì tôi biết về Parchman, án chung thân còn tệ hơn cả phòng hơi ngạt.”

“Chung thân đâu hẳn là chung thân,” ông vừa nói vừa lấy khăn giấy lau miệng.

Nghe đến đó, tôi bỏ miếng bánh trên tay xuống, “Vậy chung thân là thế nào?” tôi hỏi.

“Mười năm, có khi còn ít hơn.”

Tôi vẫn đang cố hiểu chuyện này. “Ý ông là án chung thân ở Mississippi chỉ là mười năm?”

“Cậu hiểu đúng rồi đấy. Sau mười năm, có khi còn chưa đến, kẻ phạm tội giết người sẽ đủ điều kiện để xin ân xá. Điên rồ quá, phải không hả?”

“Nhưng tại sao?”

“Đừng cố hiểu làm gì, Willie, là luật thôi mà. Luật đã có từ 50 năm rồi. Và tệ hơn nữa là bồi thẩm đoàn chẳng biết chuyện này.

Ta cũng chẳng mách họ được. Cậu ăn thêm xà lách trộn không?"

Tôi lắc đầu.

"Tòa án Tối cao lỗi lạc của chúng ta cho rằng nếu bồi thẩm đoàn không biết án chung thân thật ra lại nhẹ đến thế thì họ sẽ có khuynh hướng ngả về án tử hình hơn. Nếu thế thì lại bất công cho bị cáo."

"Chung thân mà là mười năm," tôi lẩm bẩm một mình. Luật kiểu gì thế, như ở Mississippi này, còn có luật các tiệm bán rượu phải đóng cửa vào ngày bầu cử, như thể sợ cử tri sẽ say xỉn mà bầu nhầm người ấy. Nhưng mà thế còn hợp lý hơn.

"Cậu hiểu chuyện rồi đấy," Harry Rex nói xong là nhét miếng sandwich bự còn lại vào miệng. Ông lôi từ trên giá sách ra một bì thư, mở nó ra rồi thả một tấm ảnh đen trắng trước mặt tôi. "Lộ tẩy rồi nhé," ông cười hả hê.

Đấy là ảnh chụp tôi đang vội vã đi ra từ phòng của Ginger ở nhà nghỉ vào sáng thứ Năm. Tôi trong ảnh trông mệt mỏi, còn chút váng vất, có vẻ sợ bị bắt gặp, nhưng cũng đầy mãn nguyện.

"Ai chụp tấm này vậy?" tôi hỏi.

"Lính của tôi. Cậu ấy đang làm một vụ ly hôn, tình cờ thấy chiếc xe đỏ chót của cậu tấp vào nên quyết định kiếm chút trò vui."

"Đâu chỉ anh ấy được vui."

"Cô nàng hấp dẫn thật mà. Cậu ấy đã cố kiếm cái ảnh phòng the nhưng chẳng tìm ra góc chụp."

“Tôi ký tên tặng ông luôn nhé?”

“Thôi, cậu cứ giữ đi.”

Sau ba tiếng suy nghĩ và bàn bạc khá bế tắc và chậm chạp, bồi thẩm đoàn mới có được quyết định để trình lên thẩm phán Loopus. Ông ra lệnh tiếp tục phiên tòa và chúng tôi liền phóng như bay qua đường đến phòng xử.

Nếu bồi thẩm đoàn không thể đưa ra phán quyết nhất trí về án tử hình thì theo luật, thẩm phán buộc phải tuyên án chung thân.

Cả phòng xử, ai nấy đều bồn chồn pha lẫn sợ hãi khi chờ các bồi thẩm bước ra. Ở phòng bồi thẩm đoàn, hẳn đã có chuyện gì đó rồi. Nhà Padgitt đã ra tay rồi sao?

Nhưng rồi họ lần lượt bước ra, và tôi thấy khuôn mặt bà Callie đờ đẫn, một vẻ mặt tôi chưa hề thấy nơi bà. Còn bà Barbara Baldwin rõ ràng đã khóc. Sắc mặt một vài bồi thẩm nam thì như vừa đánh nhau xong và đang nôn nóng muốn xông vào tái chiến.

Chủ tịch bồi thẩm đoàn đứng lên, căng thẳng giải thích với thẩm phán rằng bồi thẩm đoàn không thể thống nhất và không có tiến bộ nào trong một tiếng đồng hồ qua. Ông không mấy lạc quan về một bản án được tất cả nhất trí, và họ đều muốn về nhà cho rồi.

Thẩm phán Loopus bèn hỏi từng bồi thẩm một về khả năng đưa ra được một bản án tất cả nhất trí. Họ đều nói là không.

Tôi có thể cảm nhận lửa giận bắt đầu nhen nhóm dần nơi mọi người dự khán. Người ta quay sang bên này bên kia, thì thầm to nhỏ, và như thế càng khiến các bồi thẩm thêm lo.

Vậy là thẩm phán Loopus đưa cái mà về sau này Baggy giải thích cho tôi là "thuốc nổ phá đường", một bài ứng khẩu về việc giữ gìn luật pháp và giữ vững lời đã hứa khi được chọn làm bồi thẩm. Bài khiển trách khá dài và nghiêm khắc, nhưng cũng có thể thấy rõ nhiều phần tuyệt vọng trong đó.

Và nó chẳng hiệu quả. Hai tiếng sau, thẩm phán hỏi bồi thẩm đoàn về phán quyết, kết quả vẫn như cũ. Ông miễn cưỡng cảm ơn và cho họ về nhà.

Khi họ đi rồi, ông cho gọi Danny Padgitt lên, mắng cho hắn một bài thấm tận xương tủy đến mức khiến tôi nổi cả da gà. Ông gọi hắn là tên hiếp dâm, tên giết người, hèn nhát, đối trá, là thứ trộm cướp khốn nạn nhất vì đã cướp đi người mẹ của hai đứa trẻ còn quá nhỏ. Đúng là một màn mắng chửi tối tăm mặt mũi. Tôi đã cố viết ra hết không chừa lời nào, nhưng vì thẩm phán Loopus chửi quá hay quá đúng, nên tôi dừng luôn cả bút và chỉ lắng nghe. Một mục sư cũng không thể nào mắng chửi về tội lỗi của kẻ này được như ông.

Nếu có quyền, ông đã cho hắn bản án tử hình, và là bản án thực thi thật sớm, thật đau đớn.

Nhưng luật là luật, và ông phải tuân thủ luật. Ông tuyên án hắn tù chung thân và ra lệnh cảnh sát trưởng Coley chuyển hắn

đến nhà tù bang ở Parchman ngay lập tức. Coley cho còng tay hắn đưa đi.

Thẩm phán Loopus đập búa bãi tòa. Ở cuối phòng xử, có cãi vã nổ ra khi một lão chú của Danny va phải Doc Crull, một thợ hớt tóc và là người có tiếng nóng nảy. Đám đông nhanh chóng tụm lại, vài người chửi nhà Padgitt, bảo họ cuốn xéo về cồn ngay đi. "Về cái vũng lầy của bọn mày đi," tôi nghe vài người hét lên thế. Cảnh sát tách họ ra, và nhà Padgitt rời khỏi tòa án.

Đám đông nán lại một chút, như thể phiên tòa vẫn chưa xong, như thể công lý chưa được thực thi trọn vẹn. Rõ ràng nhiều người thấy nóng mặt, những tiếng chửi thề vang lên, nhìn cảnh này tôi có thể hình dung được cách những vụ dân chúng kích động tự xử tự hành quyết hình thành như thế nào.

Ginger vẫn không đến. Cô nói sẽ ghé qua văn phòng để chào tạm biệt, nhưng rõ ràng cô đã đổi ý. Tôi có thể hình dung cô đã bỏ đi trong màn đêm, vừa khóc vừa chửi rủa, đếm xem còn bao nhiêu cây số nữa là thoát khỏi Mississippi này. Ai mà trách cô được?

Chuyện tình ba ngày của chúng tôi kết thúc đột ngột theo cách cả hai đều đã lường trước nhưng không ai nói ra. Tôi chẳng nghĩ sẽ có dịp gặp lại nhau, và nếu có thì cũng chỉ là một vài đêm để quên đi chuyện đời rồi ai đi đường nấy. Cô ấy sẽ còn gặp nhiều người đàn ông nữa mới tìm được người bên cô lâu dài. Tôi ra ngồi ở ban công văn phòng mình, nhìn xuống chờ đợi xe Ginger

tấp vào, dù trong lòng biết rõ có lẽ lúc này cô ấy đã đến Arkansas rồi. Cảm giác này thật quá lạ lẫm, khi mới sáng hôm nay chúng tôi còn thức dậy cùng nhau, háo hức trở lại tòa án để xem kẻ giết em gái cô ấy lãnh án tử hình.

Với những tình tiết và nhất là cảm xúc còn đang rất mới, rất mãnh liệt, tôi ngồi vào bàn viết một bài xã luận về bản án này. Đây sẽ là một màn công kích gay gắt nhắm vào luật hình sự của bang. Đây sẽ là những lời chân thành và thật tâm nhất, đi vào lòng độc giả nhất.

Tôi đang say sưa viết thì ông Esau gọi đến. Ông đang ở bệnh viện với bà Callie và mong tôi sớm ghé đến đó.

Bà đã bị ngất khi lên xe rời tòa án. Esau và ba người con tức tốc đưa bà đến bệnh viện, một quyết định quá hợp lý. Bác sĩ bảo huyết áp của bà quá cao, có nguy cơ đột quỵ. Sau vài tiếng, bà đã ổn định lại, trông sắc mặt khá hơn hẳn. Tôi cầm tay bà, bảo tôi rất tự hào về bà, đủ thứ. Nhưng mục đích thật sự của tôi là câu chuyện xảy ra ở trong phòng bồi thẩm đoàn cơ, một câu chuyện sẽ không một ai chịu kể cho tôi.

Thăm bà xong, tôi ra uống cà phê với Al, Max, Bobby và ông Esau đến tận nửa đêm. Bà Callie chẳng hé ra điều gì về thời gian cân nhắc của bồi thẩm đoàn.

Nhưng các con bà thì kể về cuộc đời họ, về các anh chị em, con cái và sự nghiệp cũng như thời gian sinh trưởng ở Clanton này. Tôi háo hức lắng nghe, có lúc còn muốn lôi cả giấy bút ra.

CHƯƠNG 20

Trong sáu tháng đầu tiên ở Clanton, tôi thường đi chơi xa vào những dịp cuối tuần. Ở đó có ít trò để chơi quá mà. Trừ tiệc dê nướng lâu lâu có một lần của Harry Rex, một tiệc cocktail khủng khiếp mà tôi chuồn đi chỉ sau 20 phút tham dự, thì chẳng có gì để gặp nhau giao lưu cả. Thật sự mọi người trạc tuổi tôi đều đã kết hôn cả, và bữa tiệc gia đình lý tưởng với họ là tiệc kem vào tối thứ Bảy ở một trong vô số nhà thờ nho nhỏ tại đây. Hầu hết những ai có cơ hội đi xa học đại học đều chẳng quay trở về.

Vì chán, thỉnh thoảng tôi đi Memphis vào những dịp cuối tuần, nhưng thường ở lại nhà bạn chứ chẳng hề về nhà mình. Tôi còn đi vài chuyến đến New Orleans, nơi một cô bạn gái cũ hồi trung học đang sống và tiệc tùng tới bến. Nhưng tôi là chủ tờ *Thời báo*, một công dân của Clanton. Tôi phải chấp nhận cuộc sống ở một thành phố nhỏ, bao gồm cả những dịp cuối tuần tẻ nhạt. Thế là văn phòng trở thành nơi trú ẩn cho tôi.

Trưa thứ Bảy sau hôm có bản án, tôi lại đến đó. Trong đầu tôi đã có sẵn vài mẩu chuyện về phiên tòa này để viết, lại còn thêm bài xã luận mà tôi chỉ vừa chấp bút được mấy hàng. Lúc bước vào, tôi thấy trên sàn có bảy lá thư được chuồi qua khe cửa. Đây

là truyền thống ở tờ *Thời báo* cũng khá lâu rồi. Vào những dịp hiếm hoi ông Bớt viết được gì đó khiến độc giả thấy phải phản hồi, thì sẽ có một lá thư, không phải qua đường bưu điện mà được kín đáo chuồi qua khe cửa.

Bốn lá có ký tên, ba lá ẩn danh. Hai lá được đánh máy, số còn lại là viết tay, trong đó có một lá chữ xấu quá tôi chẳng đọc nổi. Cả bảy lá đều thể hiện sự phẫn nộ khi Danny Padgitt chỉ bị án chung thân. Tôi chẳng ngạc nhiên khi thị trấn này muốn đòi nợ máu hắn. Tôi cũng thấy khó chịu khi sáu trong bảy lá thư này có nhắc đến bà Callie. Lá đầu tiên được đánh máy và không ký tên. Trên thư chỉ có vài dòng:

Thân gửi Tổng biên tập. Cộng đồng chúng ta đã bị hạ giá thêm một mức nữa khi một kẻ ngoài vòng pháp luật như Danny Padgitt có thể cưỡng hiếp, giết người và thoát tội. Sự hiện diện của một người da đen trong bồi thẩm đoàn là hồi chuông cảnh tỉnh rằng suy nghĩ của dân đó không như suy nghĩ của những người da trắng tuân thủ luật pháp.

Bà Edith Caravelle ở Beech Hill, thì nói những lời đơn giản với dòng chữ viết tay đẹp đẽ:

Thân gửi Tổng biên tập. Tôi sống cách nơi xảy ra án mạng chỉ hơn cây số và lại có hai đứa con tuổi thiếu niên. Tôi biết giải thích thế nào với chúng về bản án đó đây? Kinh Thánh có viết: "Mắt đền mắt, răng đền răng." Có lẽ quy tắc đó không áp dụng ở Hạt Ford.

Rồi lại đến một lá thư không tên nữa, viết bằng mực thơm,

giấy viết có viền hoa lá.

Thân gửi Tổng biên tập. Thấy khi cho người da đen đảm nhận trách nhiệm gì là sao rồi đấy. Mọi bồi thẩm da trắng hẳn sẽ treo cổ tên Padgitt đó ngay trong phòng xử. Giờ Tòa án Tối cao còn bảo phải để người da đen dạy học cho con cái ta, làm cảnh sát bảo vệ đường phố ta và tranh cử làm người điều hành ta. Cầu Chúa giúp chúng ta.

Là tổng biên tập kiêm chủ sở hữu, tôi có toàn quyền kiểm soát nội dung in trên các số *Thời báo*. Tôi có thể biên tập các lá thư, lờ chúng đi, hoặc chọn lá nào đăng lá nào bỏ. Về những vấn đề gây tranh cãi, các lá thư gửi cho tổng biên tập thường là thứ thêm dầu vào lửa. Nhưng chúng giúp báo bán chạy, vì mấy lá thư đó còn lên được diễn đàn nào ngoài các trang báo địa phương này, vừa miễn phí vừa có tiếng vang trong cộng đồng.

Đọc xong loạt thư đầu, tôi đã ra quyết định sẽ không in bất kỳ thứ gì có hại cho bà Callie. Và tôi ngày càng giận dữ khi người ta cho rằng bà là người gây trì hoãn và ngăn cản bản án tử hình.

Tại sao thành phố lại nóng lòng đổ hết trách nhiệm trong bản án ô nhục này cho người da đen duy nhất trong bồi thẩm đoàn? Và họ còn chẳng có chứng cứ gì nữa. Tôi thề với lòng mình sẽ tìm hiểu cho ra chuyện thực sự đã diễn ra trong phòng bồi thẩm đoàn, và nghĩ ngay đến Harry Rex. Chắc chắn đến thứ Hai, Baggy sẽ váng vất hơi men bước vào văn phòng và làm như biết rõ từng chi tiết cuộc họp của bồi thẩm đoàn hôm đó. Nhưng khả năng cao là ông ấy chỉ nói bừa. Ở thành phố này, nếu có người

tìm ra được sự thật, hẳn là Harry Rex.

Wiley Meek ghé văn phòng kể cho tôi chuyện xôn xao trong thành phố. Ở các quán cà phê, bà con đang bàn tán dữ lắm. Padgitt là cái tên bị xỉ vả. Lucien Wilbanks cũng bị chửi, nhưng đó là chuyện thường rồi. Cảnh sát trưởng Coley có lẽ cũng sắp về vườn, đợt bầu cử tới, ông ta kiếm được cùng lắm là 50 phiếu. Hai đối thủ của Coley đang vươn lên và chỉ còn sáu tháng nữa là đến ngày bầu cử.

Có người bảo là trong bồi thẩm đoàn, 11 người bỏ phiếu tử hình chỉ có một người chống. "Có lẽ là mụ da đen," cái câu đó cứ được lặp đi lại trong Trà Quán lúc bảy giờ sáng thứ Bảy. Người ta rỉ tai nhau là một cảnh sát đứng gác phòng bồi thẩm đoàn kể rằng tỷ lệ thuận chống là sáu-sáu, nhưng đến 9:00, câu chuyện này cũng bị dìm xuống. Đến cuối giờ sáng hôm đó, ở các quán quanh quảng trường, chỉ còn lại hai giả thuyết được đa số ủng hộ nhất. Một là bà Callie đã phá đám vì bà là người da đen. Hai là nhà Padgitt đã dùng tiền mua chuộc hai hoặc ba bồi thẩm hệt như cách họ đã làm với "con đàn bà dối trá" Lydia Vince.

Wiley nghĩ giải thuyết thứ hai có vẻ được nhiều người ủng hộ hơn, dù tôi biết rõ là nhiều người sẵn sàng tin bất kỳ chuyện gì người ta đồn đại. Nên kết luận của tôi sáng đó là mặc kệ mấy chuyện đồn ở quán cà phê, chúng chẳng là gì cả.

Chiều thứ Bảy, tôi băng qua đường tàu, chầm chậm lái vào Hạ trấn. Đường phố ở đây có vẻ nhộn nhịp với nhiều trẻ con đạp xe,

thanh niên chơi bóng rổ, nhiều người ra trước hiên ngồi, nhạc xập xình vang lên qua những cánh cửa mở và tiếng cười đùa trước những cửa tiệm. Ai cũng ra đường, như để xả hơi trước khi bước vào không khí tĩnh nguyện tối thứ Bảy. Ai cũng ngoái lại nhìn, vẫy tay về phía tôi, nhưng có lẽ họ thích thú chiếc xe nhỏ gọn của tôi hơn là màu da sáng

Trước hiên nhà bà Callie có mấy người đang ngồi. Al, Max và Bobby ngồi với mục sư Thurston Small và vài chấp sự hội thánh ăn vận đẹp. Ông Esau thì đang ở trong nhà chăm sóc cho vợ. Sáng nay bà vừa được xuất viện kèm lời dặn dò kỹ lưỡng là phải nằm yên trên giường, tuyệt đối không được làm bất kỳ việc gì. Max dẫn tôi vào phòng thăm bà.

Bà Callie đang ngồi trên giường, kê gối sau lưng, đọc Kinh Thánh. Nụ cười nhẹ nhoẻn trên môi bà khi thấy tôi, “Anh Traynor, gặp anh tôi mừng quá. Anh ngồi đi. Esau, lấy cho anh Traynor tách trà với.” Như thường lệ, ông Esau liền nhanh nhẹn làm theo lệnh bà.

Tôi ngồi vào cái ghế gỗ cứng đặt kế giường bà. Bà ngồi một chỗ, nhưng trông hoàn toàn khỏe mạnh, nên tôi cũng nhẹ cả người. “Tôi thấy hơi lo về bữa trưa thứ Năm thường lệ đấy,” tôi mở lời đùa vui, và cả hai cùng cười.

“Tôi sẽ nấu mà,” bà nói.

“Không được đâu. Tôi có ý này hay hơn. Để tôi đem đồ ăn đến nhé.”

“Tôi nấu được mà, có gì khó khăn đâu.”

“Tôi sẽ mua đồ ăn chỗ nào đó. Món gì nhẹ nhàng thôi, như sandwich chẳng hạn.”

“Sandwich cũng được đấy,” bà nói, đưa tay vỗ nhẹ lên đầu gối tôi. “Cà chua nhà tôi cũng sắp chín rồi.”

Chợt tay bà không vỗ gối tôi nữa, nụ cười vụt tắt, đôi mắt bỗng nhìn ra xa xăm. “Chúng tôi đã không làm được việc phải làm, phải không, anh Traynor?” Giọng bà vừa buồn vừa bực.

“Mọi người không thích bản án đó lắm,” tôi nói.

“Tôi cũng không thích,” bà đáp.

Và đó cũng là sự đối xử bà sắp phải chịu trong nhiều năm tới. Về sau, ông Esau có kể cho tôi là 11 bồi thẩm kia đã thề trên Kinh Thánh rằng sẽ không nói về quyết định của những người trong bồi thẩm đoàn. Bà Callie thì không thề trên Kinh Thánh, nhưng đã hứa với họ là sẽ giữ bí mật.

Tôi để bà nghỉ ngơi rồi đi ra hiên, lắng nghe các con bà và mấy vị khách ở nhà thờ nói về chuyện cuộc đời. Tôi ngồi một góc, uống trà, cố không can dự sâu vào cuộc chuyện trò của họ. Nhiều lúc, tôi thả mình lắng nghe âm thanh của Hạ trấn buổi chiều muộn.

Sau vài tiếng, mục sư và các chấp sự ra về, chỉ còn các anh con trai nhà Ruffin. Cuộc chuyện trò bắt đầu chuyển sang phiên tòa, phán quyết và phản ứng của dân bên này đường ray.

“Hắn đã đe dọa bồi thẩm đoàn thật sao?” Max hỏi tôi. Tôi

thuật lại câu chuyện, ông Esau phụ họa thêm các chi tiết. Cả ba người con của họ đều sốc hệt như chúng tôi lúc đó trong phòng xử.

“Ơn trời là hắn phải ngồi sau song sắt cả đời,” Bobby nói, và tôi thật sự không nỡ lòng nào nói ra sự thật cho họ. Họ cực kỳ tự hào về mẹ mình, như lâu nay vẫn vậy.

Tôi thì quá mệt mỏi và chán nản, chẳng muốn dính líu gì đến phiên tòa đó nữa. Tầm 9:00 tối tôi ra về, lái xe chầm chậm qua Hạ trấn, lòng thầm nhớ Ginger.

Clanton xôn xao vì bản án đó suốt mấy ngày. Tòa soạn đã nhận được 18 lá thư gửi tổng biên tập, sáu trong số đó được tôi chọn đăng. Ba lá hoàn toàn nói về phiên tòa, và dĩ nhiên chúng càng khuấy động công luận hơn nữa.

Tôi cứ nghĩ thành phố này sẽ nói mãi về Danny Padgitt và Rhoda Kassellaw, thế mà đột nhiên, chuyện lắng hẳn đi. Trong chớp mắt, đúng ra là trong chưa đầy 24 giờ, phiên tòa đó đã chìm vào quên lãng.

Thành phố Clanton, dù là Thượng trấn hay Hạ trấn, đều có những việc quan trọng hơn để làm.

PHẦN HAI

CHƯƠNG 21

Theo một phán quyết dứt khoát và không chấp nhận trì hoãn, Tòa án ra lệnh bãi bỏ ngay hệ thống trường học tách biệt chủng tộc. Không còn trì hoãn, kiện tụng, hứa hẹn gì nữa, phải hợp nhất chủng tộc trong trường học ngay lập tức. Và Clanton choáng váng trước quyết định này, hệt như mọi thành phố khác ở miền Nam.

Harry Rex đem văn bản phán quyết đó cho tôi xem, giải thích những điểm phức tạp của nó. Nhưng mà có gì phức tạp đâu. Mọi học khu đều phải ngay lập tức thi hành kế hoạch xóa bỏ phân tách chủng tộc.

Ngậm điếu xì gà chưa châm lửa trên miệng, Harry Rex buông giọng dự báo, "Chuyện này sẽ giúp báo bán chạy đây."

Đúng là thế, khắp thành phố mở ra đủ loại cuộc họp lớn nhỏ, và tôi tường thuật lại hết. Vào một tối oi ả giữa tháng 7, một buổi họp lớn được tổ chức ở sân thể thao của trường. Các khán đài chật kín những bậc phụ huynh đầy quan ngại. Ông Walter Sullivan, luật sư của tờ *Thời báo* kiêm luật sư của trường này, là diễn giả chính, một mình ông nói gần hết buổi vì đằng nào ông đâu có tham gia tranh cử. Các chính khách thích nấp sau lưng

ông hơn. Ông nói thẳng toạc, không úp mở gì, thông báo rõ ràng rằng trong sáu tuần nữa, hệ thống trường học mới của Hạt Ford sẽ được triển khai và hoàn toàn xóa bỏ phân tách chủng tộc.

Tại trường của người da đen ở phố Burley cũng có một cuộc họp nho nhỏ. Tôi và Baggy đã đến đó, đưa theo cả Wiley Meek để chụp ảnh. Và ở đây, cũng vẫn là ông Sullivan giải thích sự tình cho mọi người. Bài nói chuyện của ông đã hai lần phải tạm dừng vì người ta vỗ tay tưng bừng quá.

Sự khác biệt giữa hai cuộc họp quá rõ ràng. Các phụ huynh da trắng giận dữ và lo sợ, tôi còn thấy một vài cô khóc rấm rứt. Ngày định mệnh mà họ lo sợ cuối cùng đã đến. Còn với người da đen, đây là chiến thắng. Các phụ huynh da đen cũng bận tâm, nhưng họ còn có tâm trạng phấn khởi vì cuối cùng con cái họ sẽ được đăng ký học ở những trường tốt hơn. Dù còn nhiều việc nữa phải làm để thay đổi chuyện việc làm, nhà ở và phúc lợi y tế, nhưng hội nhập chủng tộc trong trường công đã là một bước tiến lớn trong cuộc đấu tranh vì quyền công dân.

Bà Callie và ông Esau cũng đến dự buổi đó. Họ vốn là những người rất được trọng vọng ở Hạ trấn này. Sáu năm trước, họ đã dắt Sam đến trường da trắng và đẩy cậu ấy vào hang hùm. Tình cảnh suốt ba năm trời làm người da đen duy nhất trong lớp đã khiến cậu và gia đình phải trả một cái giá quá đắt. Nhưng giờ chuyện đó có vẻ là cái giá hoàn toàn xứng đáng, ít ra là với ông bà Ruffin. Chỉ tiếc là giờ tôi không biết Sam ở đâu để mời phỏng

vấn.

Còn có thêm một cuộc họp ở Nhà thờ First Baptist, người tham dự chỉ toàn là da trắng thuộc giới trung lưu khá giả. Lâu nay họ đã họp để gây quỹ xây dựng một trường tư và hiện giờ chuyện đó càng trở nên cấp bách hơn bao giờ hết. Hội đó có một số bác sĩ, luật sư, hầu hết là kiểu dân câu lạc bộ đồng quê. Có vẻ con cái họ ở một tầm quá cao, không thể nào học chung với những đứa trẻ da đen được.

Họ nhanh chóng lập kế hoạch mở lớp học ở một nhà máy bỏ hoang phía nam thành phố. Họ sẽ thuê tòa nhà đó trong một hoặc hai năm, chờ đến khi chiến dịch gây đủ quỹ lập trường mới. Thế là họ nháo nhào đi tìm thuê giáo viên, đặt sách, nhưng còn có một nhiệm vụ cấp thiết hơn nữa, hơn cả việc tránh xa dân da đen là làm sao để lập một đội bóng bầu dục. Nhiều lúc bầu không khí có vẻ kích động đến điên rồ, như thể một trường với 75% học sinh da trắng sẽ là mối đe dọa khủng khiếp đến an nguy của con cái giới trung lưu da trắng này vậy.

Tôi đã viết nhiều bài dài với những tiêu đề đầy táo bạo và thấy rõ Harry Rex đã đúng. Báo bán chạy cực kỳ. Đến cuối tháng 7 năm 1970, con số phát hành của chúng tôi đã lên đến năm ngàn, một sự thay đổi toàn diện. Sau vụ Rhoda Kassellaw và chuyện xóa bỏ phân tách chủng tộc, tôi đã nghiệm ra hoàn toàn câu nói của Nick Diener, bạn tôi ở Syracuse. “Một tờ tuần báo ở thành phố nhỏ chẳng in báo, in tiền thì đúng hơn.”

Tôi cần tin và Clanton này luôn có. Tuần nào thiếu tin thì tôi sẽ đăng một bài thổi phồng về đơn kháng cáo của nhà Padgitt. Nó thường nằm ở cuối trang nhất và viết theo kiểu như thể hắn sắp được ra khỏi nhà tù Parchman rồi. Tôi không chắc độc giả của tôi giờ còn quan tâm chuyện này lắm không. Đầu tháng 8, lại có chuyện để đăng khi Davey Bigmouth Bass giải thích cho tôi về những nghi thức của bóng bầu dục trung học.

Wilson Caudle chẳng hứng thú gì với thể thao, một chuyện cũng chẳng sao cả, trừ việc toàn bộ dân ở Clanton này ai cũng sống chết với đội Cougars vào mỗi tối thứ Sáu. Thế là ông luôn nhét bài của Bigmouth vào trang cuối, còn chẳng thèm kèm ảnh. Nhưng tôi lại ngửi thấy mùi tiền, và giờ đội Cougars được chuyển thành tin trang nhất.

Sự nghiệp bóng bầu dục của tôi đã kết thúc từ năm lớp 9, dưới tay lão huấn luyện viên bẩn tính vốn là một cựu binh Thủy quân lục chiến. Memphis vào tháng 8 thì chẳng khác gì miền nhiệt đới, thật chẳng thích hợp để tập bóng bầu dục chút nào. Vậy mà tôi đã phải chạy nhiều vòng quanh sân, chạy hết tốc lực với đầy đủ trang bị trên người, dưới cái nóng 34 độ, và lão huấn luyện viên đó còn không cho chúng tôi uống nước. Sân tennis nằm sát sân bóng bầu dục của chúng tôi, vừa nôn ọe xong, tôi ngước mắt lên thì thấy hai trai hai gái đang đánh tennis. Có con gái là đã thích rồi, nhưng cái đập vào mắt tôi lúc đó là những chai nước lạnh lớn để sẵn cho họ uống lúc nào cũng được.

Vậy là tôi bỏ bóng bầu dục, chuyển sang với tennis và các bạn

gái xinh đẹp, một quyết định tôi chưa bao giờ phải hối tiếc. Các trận của đội bóng trường tôi diễn ra vào các chiều thứ Bảy, nên tôi lại càng xa lạ với bầu khí phát cuồng của những trận bóng chuyên nghiệp tối thứ Sáu.

Nhưng giờ tôi sẵn sàng để hòa mình trở lại vào không khí thể thao này rồi.

Khi đội Cougars tập trung cho buổi luyện tập đầu tiên, Bigmouth và Wiley đã đến chụp hình, lấy tin. Chúng tôi đăng trên trang nhất một tấm ảnh thật lớn, chụp bốn cầu thủ, hai đen hai trắng, và một tấm nữa chụp ban huấn luyện, trong đó có một người da đen. Bigmouth viết vài bài về đội Cougars, các cầu thủ và triển vọng của đội trong mùa này, dù họ chỉ mới bước vào tuần luyện tập đầu tiên.

Chúng tôi tường thuật lễ khai giảng, phỏng vấn các học sinh, giáo viên và ban giám hiệu, bài nào cũng mang hơi hướng tích cực. Thật sự là vào mùa tựu trường tháng 8, Clanton có chút bất ổn về chủng tộc vốn không phải chuyện lạ gì ở vùng Thâm Nam.

Tờ *Thời báo* đã viết nhiều bài dài về các cổ vũ viên, ban nhạc, các đội thể thao học đường, mọi thứ chúng tôi nghĩ ra được. Và bài nào cũng kèm ảnh. Tôi chẳng biết có bao nhiêu cô cậu ở đây chưa được lên mặt báo của chúng tôi, nhưng chắc là không nhiều.

Trận bóng bầu dục đầu tiên trong mùa giải năm nay là trận tương tàn nội bộ với Karaway, thành phố kế cận, nhỏ hơn nhiều

nhưng lại có huấn luyện viên giỏi hơn hẳn. Tôi ngồi xem cùng Harry Rex, và hai chúng tôi hò hét đến khản cả giọng. Mọi khán đài đều kín chỗ và hầu hết là dân da trắng.

Và vào tối thứ Sáu đó, những người da trắng vốn lâu nay phản đối quá gay gắt chuyện tiếp nhận học sinh da đen, đột nhiên thay đổi tâm thức hẳn. Trong hiệp một của trận đầu tiên, ngôi sao mới của làng bóng bầu dục đã xuất hiện. Ricky Patterson, một cậu bé da đen nhỏ con đã cầm bóng chạy một mạch hơn 70 mét ngay lần chạm bóng đầu tiên. Lần thứ hai, cậu ấy chạy một mạch 40 mét, và từ đó trở đi, mỗi khi bóng đến tay cậu ấy là cả khán đài đều đứng phắt dậy reo hò. Sáu tuần sau khi lệnh xóa bỏ phân tách chủng tộc được ban ra, những người mà tôi vốn thấy là bất dung, hẹp hòi giờ đang đứng dậy hò hét như điên mỗi khi Ricky có bóng.

Clanton thắng sát nút 34-30, và tờ báo chúng tôi chẳng ngại ngần chộp lấy ngay cơ hội này. Toàn bộ trang nhất chẳng viết gì ngoài bóng bầu dục. Chúng tôi còn lập tức mở giải Cầu thủ của tuần với học bổng 100 đô chuyển đến một quỹ mơ hồ nào đó mà vài tháng sau chúng tôi mới biết nó là gì. Ricky là người đầu tiên nhận giải này, thế là có thêm một bài phỏng vấn kèm tấm ảnh bự chảng.

Khi Clanton toàn thắng bốn trận đầu giải, tờ *Thời báo* càng có cơ hội khuấy động thêm bầu khí phát cuồng này. Kết quả là con số phát hành của chúng tôi lên đến 5500.

Vào một ngày nóng đầu tháng 9, tôi rảo bộ qua quảng trường đến ngân hàng, trong bộ đồ thường lệ, quần jean bạc, áo sơ mi cotton nhăn nhó, tay áo xắn lên, đi giày lười không tất. Lúc đó, tôi chỉ là cậu trai 24 tuổi, nhưng nhờ đang nắm trong tay một cơ sở kinh doanh nên tâm trí tôi dần xa rời trường đại học và bắt đầu hướng đến sự nghiệp, dù là rất chậm. Tôi vẫn để tóc dài, ăn vận như sinh viên và thường chẳng mấy để tâm đến trang phục hay hình tượng.

Nhưng không phải ai cũng thấy thoải mái với chuyện đó. Ông Mitlo vừa thấy mặt liền lôi tôi vào cửa hàng phụ kiện may mặc của ông. “Tôi chờ cậu mãi,” ông nói bằng chất giọng nước ngoài đặc sệt vốn hiếm thấy ở Clanton này. Mitlo là người gốc Hungary, đã trốn khỏi châu Âu, để lại một hai đứa con gì đó. Tôi vốn đã liệt ông vào danh sách những người có chuyện đời thú vị để nhắm viết bài khi mùa giải bóng bầu dục kết thúc.

“Nhìn cậu đi!” ông buông câu giễu cợt khi ngay khi tôi vừa vào cửa hàng. Nhưng mặt ông lại đang cười, và với những người nhập cư, ta dễ dàng bỏ qua sự thô lỗ của họ vì vấn đề ngôn ngữ.

Nghe ông nói vậy, tôi cũng nhìn lại mình. Có vấn đề gì nhỉ? Rõ ràng là quá nhiều. “Cậu là một người chuyên nghiệp” ông bắt đầu giảng bài cho tôi. “Một yếu nhân của thành phố này mà lại ăn mặc như… ừm… ông bắt đầu gãi gãi cằm trong lúc tìm từ.

Tôi cố giúp ông một lời. “Sinh viên.”

“Không,” ông nói, vẫy tay như thể sinh viên cũng đâu trông

thảm như tôi. Cuối cùng, ông cũng từ bỏ nỗ lực ngôn ngữ học phức tạp này và tiếp tục giảng bài.

"Cậu là người độc nhất vô nhị. Có bao nhiêu người làm chủ một tờ báo chứ? Cậu có học, càng hiếm ở đây, lại là dân gốc Bắc! Cậu trẻ, phải, nhưng đừng để mình có vẻ thiếu chín chắn. Ta phải khắc phục diện mạo cho cậu thôi."

Vậy là chúng tôi bắt tay vào việc này, dù thật ra là tôi bị ép làm thế. Ông Mitlo đăng rất nhiều quảng cáo trên tờ *Thời báo*, nên tôi chắc chắn chẳng thể làm ngơ ông được. Hơn nữa, ông nói cũng có lý. Thời sinh viên đã qua, tuổi nổi loạn đã là dĩ vãng. Tôi đã qua được chiến tranh Việt Nam, những năm 1960 đầy biến động và đại học. Dù hiện giờ tôi chẳng hề tính chuyện vợ con nhưng cũng bắt đầu cảm nhận được tuổi tác của mình rồi.

"Cậu phải mặc vest," ông quyết định thay tôi. Người ta kể là ông Mitlo từng tới trước mặt giám đốc ngân hàng, và ngay trước mặt bao người, chê bai cái áo sơ mi xấu, bộ vest không đồng bộ và cái cà vạt xám xịt của ông ấy. Harry Rex chẳng ưng gì ông Mitlo và ngược lại.

Tôi không định bắt đầu khoác lên mình mấy bộ vest xám và giày da wingtip đâu. Ông Mitlo lôi ra một bộ vest sọc xanh, một áo sơ mi trắng, rồi đi đến giá để cà vạt chọn ra một chiếc nơ sọc đỏ vàng cực chuẩn. "Thử bộ này đi," ông đưa tôi bộ đồ ông tuyển rồi chỉ tay về phòng thử đồ. Ơn trời, cửa hàng hôm nay vắng người. Tôi đâu còn chọn lựa nào nữa, đành thử bộ đồ lên người,

nhưng đến cái nơ thì chịu, chẳng đeo vào được. Vậy là ông Mitlo bước tới sửa nhanh giúp tôi. “Đẹp hơn nhiều rồi,” ông vừa nói vừa ngắm nghía thành quả của mình. Tôi đứng đó ngắm mình trong gương một hồi khá lâu. Tôi không chắc đây là cảm giác gì, nhưng thấy khá thú vị về sự thay đổi này. Bộ đồ trên người cho tôi cá tính và đẳng cấp khác hẳn. Dù muốn hay không tôi cũng phải mua bộ này và mặc nó ít nhất một lần.

Để thêm nét chấm phá, ông Mitlo tìm thêm một cái mũ phớt trắng vừa vặn với cái đầu bờm xờm của tôi. Khi chỉnh mũ, ông giật giật mớ tóc trên tai tôi, “Nhiều tóc quá. Cậu là một người chuyên nghiệp nhé. Cắt đi.”

Tôi để lại cho ông sửa lưng quần và ủi áo sơ mi, rồi hôm sau ghé lại lấy bộ cánh mới của mình. Dự định của tôi là đem về nhà, rồi chờ, chờ lâu lắm đến hôm nào thành phố bớt tấp nập mới đem ra mặc và đi thẳng đến tiệm của ông Mitlo để ông tận mắt thấy tôi trân trọng hảo ý của ông thế nào.

Nhưng dĩ nhiên, ông lại có dự định khác. Ông nhất quyết bảo tôi phải mặc thử, và khi tôi đã mặc thử rồi, ông lại nhất quyết bắt tôi phải đi một vòng quảng trường để cho người ta trầm trồ.

“Thật sự giờ tôi bận lắm,” tôi cố hết sức từ chối vì ngay lúc này tòa vi cảnh đang xử và khu trung tâm thành phố nhộn nhịp người qua lại.

“Tôi nhất quyết đấy,” ông vẫy vẫy ngón tay như thể tuyệt đối không thương lượng.

Ông chỉnh mũ cho tôi rồi bồi thêm phụ kiện cuối cùng là điếu xì gà mà ông tự tay cắt, nhét vào miệng tôi và châm lửa giúp. “Một diện mạo thật uy lực,” ông nói, không giấu vẻ tự hào. “Nhà xuất bản duy nhất của thành phố mà. Giờ lên đường nào.”

Tôi đi qua dãy nhà đầu tiên, chẳng ai nhận ra đó là tôi. Hai nông dân đứng trước tiệm hạt giống ngoái lại nhìn tôi, tôi cũng nhìn họ và thấy không ưa áo quần của họ chút nào. Với điếu xì gà trên môi, tôi thấy mình như Harry Rex vậy. Hơn nữa, điếu của tôi đã châm lửa và rất bự. Tôi nghĩ nên tạt qua văn phòng ông chơi.

Bà Gladys Wilkins là người điều hành đại lý bảo hiểm với chồng. Bà tầm bốn mươi, khá đẹp và lúc nào cũng ăn diện Khi thấy tôi, bà đứng sững như trời trồng, “Trời, Willie Traynor. Cậu bảnh quá.”

“Cảm ơn bà.”

“Cậu làm tôi nhớ đến Mark Twain đấy.”

Tôi chào bà, tiếp tục sải bước, lòng càng hưng phấn hơn. Hai viên thư ký cũng ngoái nhìn. “Cái nơ đẹp lắm,” một trong hai người khen tôi rõ to. Bà Clare Ruth Seagraves thì chặn tôi lại, nói mãi về một bài tôi đã viết mấy tháng trước mà giờ chẳng còn nhớ nữa. Bà vừa nói vừa ngắm từ trên xuống dưới bộ vest của tôi, cả cái nơ, cái mũ, nhưng chẳng để ý điếu xì gà. “Trông cậu điển trai quá, cậu Traynor,” cuối cùng bà cũng nói ra điều muốn nói và có vẻ bẽn lẽn vì lỡ miệng nói thẳng Tôi chầm chậm rảo

bước quanh quảng trường và cảm thấy có lẽ ông Mitlo nói đúng. Tôi là dân chuyên nghiệp, nhà xuất bản, yếu nhân của Clanton, nên phải có hình tượng mới chứ.

Nhưng mà tôi phải kiếm loại xì gà nào nhẹ hơn điếu này chút. Dạo xong một vòng quảng trường, tôi cũng đã hơi phê thuốc và phải kiếm chỗ ngồi nghỉ.

Ông Mitlo đặt thêm cho tôi một bộ vest sọc xanh và hai bộ xám nhạt. Tự ông quyết định là đồ của tôi sẽ không tối màu như dân luật sư và ngân hàng, mà phải sáng sủa, thật ngầu và có chút độc đáo. Ông không từ nan gì để tìm cho tôi mấy cái nơ độc nhất vô nhị, lại còn bỏ công tìm thêm loại vải thích hợp để may sẵn đồ cho mùa thu đông.

Trong vòng một tháng, Clanton đã dần quen mắt với nhân vật bảnh bao mới mẻ này. Tôi ngày càng được nhiều người chú ý, nhất là các bà các cô. Mới đầu, Harry Rex cười cợt tôi, dù bộ cánh của ông ấy cũng lố lắm.

Nhưng chẳng sao, miễn các cô gái ở đây thích là được.

CHƯƠNG 22

Vào cuối tháng 9, hai nhân vật tầm cỡ của thành phố lần lượt qua đời trong vòng một tuần. Đầu tiên là ông Bớt Wilson Caudle. Ông chết ở nhà, cô đơn trong phòng ngủ mà ông giam mình suốt từ khi rời tờ *Thời báo*. Thật lạ là suốt sáu tháng lên nắm quyền tờ báo tôi chẳng hề hỏi han ông gì cả, nhưng cũng có thể thông cảm được, vì thời gian qua mọi chuyện rối ren quá và chắc chắn, tôi chẳng cần lời khuyên của ông làm gì. Một chuyện làm tôi thấy buồn hơn nữa là suốt sáu tháng qua cũng chẳng có ai tìm tới nói chuyện với ông.

Ông mất vào hôm thứ Năm, tang lễ vào thứ Bảy. Hôm thứ Sáu, tôi vội vã đến chỗ ông Mitlo để kiếm một bộ đồ đưa tang phù hợp với người vai vế như tôi. Ông nhất quyết tôi phải mặc vest đen, còn chọn cho tôi một cái nơ cực chuẩn, mảnh, sọc đen và nâu sẫm, rất tôn nghiêm, rất trang trọng, và khi thắt nó đi quanh, tôi cũng cảm thấy rõ nó tôn hình ảnh tôi lên vô cùng. Ông lấy thêm một mũ phớt đen trong bộ sưu tập riêng của mình, tự hào cho tôi mượn nó đi dự tang lễ. Với ông, cái mũ quan trọng lắm, như câu ông hay nói, "Thật đáng tiếc khi dân Mỹ chẳng chịu đội mũ nữa."

Phụ kiện cuối cùng là một cây batoong gỗ đen sáng bóng.

Khi ông đưa nó ra, tôi chỉ đứng trơ mắt nhìn. “Tôi không cần gậy đâu. Thật mà, cầm batoong trông như thằng khùng .”

“Đây là gậy đi đường nhé,” ông vừa nói vừa dúi vào tay tôi.

“Thế thì có gì khác nhau chứ?”

Vậy là ông giảng một bài rối tung rối mù về vai trò trọng đại của gậy đi đường trong cuộc cách mạng thời trang nam ở châu Âu hiện đại. Ông nói bằng tất cả say mê, và càng say mê thì chất giọng gốc Đông Âu của ông càng lấn át khiến tôi nghe mà chẳng hiểu mô tê gì. Tôi bèn cầm luôn cây gậy cho đỡ đứng trơ ra đó mất thời giờ.

Hôm sau, khi tôi đến nhà thờ Giám lý để dự tang lễ ông Bớt, các bà các cô đều ngoái lại nhìn tôi. Thậm chí vài ông cũng thế, dù cho hầu hết trong số họ thắc mắc tôi làm quái gì mà lại đội thêm mũ đen và cầm gậy. Ông Stan Atcavage, chủ ngân hàng mà tôi cộng tác, thầm thì với ai đó nhưng vừa đủ để tôi nghe được, “Chắc cậu ấy sẽ hát hò nhảy nhót cho ta xem mất.” “Lại quanh quẩn với ông Mitlo đây mà,” người khác thầm thì đáp lại.

Tôi vào ghế, vô tình gác cây gậy hơi mạnh tay, và tiếng “cộp” đó khiến mọi người giật bắn. Thật tình, tôi chẳng biết người ta để gậy thế nào khi ngồi vào hàng ghế trong nhà thờ. Thế là tôi bèn cầm nó, nhét vào giữa hai chân, còn cái mũ thì gác trên đùi. Tạo hình tượng đúng là vất vả thật. Tôi nhìn quanh và thấy ông Mitlo. Ông đang đi đưa đám mà cứ nhìn về phía tôi, hớn hở vô

cùng.

Ca đoàn bắt đầu hát bài "Ân sủng diệu kỳ" và cả cộng đoàn chìm vào tâm trạng tiếc thương. Mục sư Clinkscale điểm qua những nét chính trong cuộc đời ông Bớt, sinh năm 1896, con một của bà Emma Caudle, góa vợ và không con, cựu binh Thế chiến I, chủ biên của tờ tuần báo hạt suốt hơn 50 năm ròng và là người đưa cáo phó lên tầm nghệ thuật.

Mục sư nói một hồi rồi đến một bài đơn ca tiễn đưa xua bớt đi không khí buồn tẻ. Đây là tang lễ thứ tư tôi dự ở Clanton. Trước đó, trừ ngày tiễn đưa mẹ mình, tôi chưa hề dự tang lễ nào. Trong một thành phố nhỏ, tang lễ là những sự kiện xã giao, và tôi thường nghe người ta nói những câu như, "Buổi lễ hay quá" hoặc "Bảo trọng nhé, hẹn gặp ở tang lễ," nhưng không gì bằng được câu "Hẳn bà ấy thích tang lễ này lắm."

Và "bà ấy" ở đây là người nằm trong quan tài ấy.

Đến ngày tang lễ ai cũng tạm nghỉ việc và mặc bộ đồ đi lễ nhà thờ đẹp nhất. Chỉ có dân bất chấp xã hội mới không đến dự tang lễ mà thôi. Và vì tôi đã có quá nhiều cái khác lạ với dân hạt này rồi, nên rõ ràng tôi phải thực hiện nghiêm túc việc kính viếng người đã khuất cho đàng hoàng.

Người chết thứ hai ra đi vào đúng tối hôm đó, và hôm thứ Hai, vừa nghe tin dữ, tôi liền chạy về nhà lục tìm khẩu súng của mình.

Malcolm Vince đã bị bắn hai phát vào đầu khi anh rời một

quán bar nhạc sống ở một khu hẻo lánh tại Hạt Tishomingo. Hạt này vốn không có thói ăn chơi, và quán bar nhạc sống bị xếp vào hạng phi pháp, chính vì thế phải mở lậu ở những vùng hẻo lánh trong rừng.

Cũng chính vì thế mà vụ án mạng này chẳng có nhân chứng nào. Malcolm đang uống bia và đánh bida, cư xử bình thường, không hề gây sự gì. Hai người quen của anh thuật lại với cảnh sát rằng sau ba tiếng ở quán, Malcolm ra về một mình vào tầm 11:00 đêm. Anh vui vẻ, không say. Anh chào tạm biệt họ, bước ra ngoài, và ngay lập tức, họ nghe thấy tiếng súng. Cả hai người khẳng định anh không đem theo súng.

Chỗ đó nằm ở cuối một con đường đất, cách đường nhựa tầm gần nửa cây số, đoạn rẽ vào có một người cầm shotgun đứng gác và việc của anh ta là báo động cho chủ quán nếu có cảnh sát hay kẻ nào khả nghi lại gần. Tishomingo nằm trên xa lộ nội bang, và dân ở đó có thâm thù huyết hận với đám giang hồ ở Alabama. Quán bar nhạc sống là những nơi thường được họ chọn để thanh toán trả đũa nhau. Người gác có nghe tiếng súng đoạt mạng Malcolm và cam đoan rằng sau đó không thấy có xe nào chạy ra khỏi đó. Làm gì có xe nào qua mặt được anh ta.

Kẻ giết Malcolm, dù là ai, cũng đã đi từ phía rừng đến và phải là đi bộ. Tôi đã hỏi chuyện cảnh sát trưởng của Hạt Tishomingo. Ông ủng hộ giả thuyết đây là trả đũa chứ không phải một vụ đụng độ nhất thời thường thấy ở mấy quán bar như thế này.

“Ông nghĩ ra ai có thể là người muốn trừ khử anh Vince không?” Tôi hỏi mà trong lòng thầm mong sao câu trả lời sẽ là một kẻ nào đó có thâm thù với anh trong vùng đó.

“Tôi chẳng biết,” cảnh sát trưởng trả lời. “Cậu ấy sống ở đây chưa lâu mà.”

Suốt hai ngày liền, lúc nào tôi cũng để sẵn khẩu súng trong túi, nhưng rồi cũng dần thấy mệt với nó. Nếu nhà Padgitt muốn xử tôi hay một bồi thẩm, hay thẩm phán Loopus và Ernie Gaddis, hay bất kỳ ai chúng xem là đã góp phần tống Danny vào tù, thì thật tình, dù cố thế nào chúng tôi cũng khó lòng thoát nổi tay chúng.

Số báo tuần đó dành trọn cho ông Bớt Wilson Caudle. Tôi lục trong phòng tư liệu ra mấy tấm ảnh cũ và tung hết chúng lên trang nhất. Chúng tôi đăng những câu chuyện, giai thoại và sự tiếc thương đồng cảm của nhiều bạn bè dành cho ông. Rồi tôi góp nhặt tất cả đưa vào một bài cáo phó dài nhất lịch sử tờ báo này.

Ông Bớt xứng đáng được thế.

Nhưng về phần Malcolm Vince, tôi lại không chắc phải làm thế nào. Anh không phải là cư dân Hạt Ford, nên không hẳn đủ tư cách để được đăng cáo phó. Nhưng mấy chuyện đó chúng tôi linh hoạt lắm. Một cư dân ưu tú của Hạt Ford dù đã chuyển đi xa vẫn đủ tư cách để có được một bài cáo phó, nhưng rõ ràng người đó phải có gì đó để đáng lên mặt báo. Còn một người chỉ ở tạm

hạt này vài năm, chẳng có gia đình, cũng không đóng góp mấy cho cộng đồng thì làm sao mà đủ tư cách. Và Malcolm Vince lại là thế.

Nếu tôi làm quá chuyện này lên, nhà Padgitt sẽ được hả hê vì đã thành công trong màn giết gà dọa khỉ cho cả hạt này thấy. Rõ ràng, hễ ai nghe nói đến vụ án mạng này đều chắc mẩm thủ phạm không ai khác ngoài nhà Padgitt. Và sự đe dọa của chúng sẽ lại bao trùm lên cả Clanton.

Nếu tôi làm ngơ chuyện này thì tôi sẽ là thằng hèn nhát, trốn tránh trách nhiệm của một nhà báo. Baggy nghĩ chuyện này đáng lên trang nhất, nhưng với màn tiễn đưa ông bạn già Bớt, rõ ràng là hết chỗ, nên tôi cho bài này lên trang ba kèm tiêu đề: NHÂN CHỨNG TRONG VỤ PADGITT BỊ GIẾT Ở HẠT TISHOMINGO. Ban đầu, tôi định viết là MALCOLM VINCE BỊ GIẾT Ở HẠT TISHOMINGO, nhưng Baggy cảm thấy chúng tôi nên để từ "PADGITT" cạnh chữ "GIẾT" thì mới ấn tượng. Dù vậy, bài báo đó, tôi chỉ viết vỏn vẹn 300 từ.

Vì chuyện này, tôi đã lái xe đến Corinth để đánh hơi. Harry Rex cho tôi thông tin về luật sư lo ly hôn cho Malcolm, Pud Perryman. Văn phòng của ông nằm ở Phố chính, giữa một tiệm hớt tóc và một tiệm may Trung Hoa. Vừa mở cửa bước vào, tôi đã cảm nhận được rằng đây chính là luật sư thất bát nhất tôi từng gặp. Nhiều vụ đi vào bế tắc, khiến thân chủ phật ý và phí luật sư cứ bị khất mãi, chuyện có lẽ là vậy. Tấm thảm trải sàn đã ố màu và xơ xác. Đồ nội thất là những thứ để lại từ thời thập

niên 1950. Trong phòng phủ một màn khói xì gà, cả cũ và mới, thật tình chẳng tốt gì cho đầu óc của một người như tôi.

Nhìn ông Perryman cũng chẳng thấy dấu hiệu gì là sung túc. Ông tầm 45 tuổi, bụng bự, tóc tai bù xù, râu ria không cạo, đôi mắt đỏ au vì cữ rượu tối qua vẫn chưa giã hết. Perryman bảo tôi biết chuyên ngành của ông là ly hôn và tranh chấp tài sản, như thể đó là một chuyện ấn tượng lắm. Hoặc ông đã thu phí luật sư không đủ cao, hoặc ông toàn nhận mấy thân chủ không có gì để thật sự phải tranh chấp đến cùng.

Ông bảo cách đây một tháng, ông đã gặp Malcolm, và lục tìm tập hồ sơ về anh trong núi giấy tờ trên bàn làm việc. Đơn ly hôn chưa hề được trình lên tòa. Nỗ lực hòa giải giữa đôi bên chẳng đi đến đâu.

“Cô ta cao chạy xa bay rồi,” ông nói.

“Gì cơ?” tôi hỏi lại.

“Cô ta đi mất rồi. Sau phiên tòa đó là cô ta dọn đồ ra đi ngay. Đem theo đứa con và lặn mất tăm.”

Tôi thật sự không quan tâm chuyện của Lydia cho lắm. Tôi quan tâm kẻ nào đã bắn Malcolm kìa. Perryman đưa ra vài giả thuyết mơ hồ, chỉ cần tôi hỏi thêm vài câu căn bản là vô dụng ngay. Tôi thấy ông khá giống Baggy, một chuyên gia đàm tiếu, người chầu chực quanh tòa án, và nếu qua một tiếng mà chưa nghe được tin đồn gì hay ho thì liền tự mình bịa ra vậy.

Lydia không có bạn trai hay anh em hay bất kỳ ai có khả năng

muốn bắn chết Malcolm vì chuyện lùm xùm ly dị này. Mà thật ra cũng đâu đã chính thức ly dị, nên chưa có gì đáng kể để khiến ai phải tức giận.

Tôi có cảm giác ông Perryman này thích nói lung tung và bịa chuyện cả ngày thay vì lo xử lý các vụ kiện của mình. Tôi ngồi trong văn phòng gần một tiếng vô ích rồi cuối cùng cũng cáo từ được để ra ngoài hít lấy hít để không khí trong lành.

Sau đó, tôi lái thêm 30 phút đến Iuka, nơi đặt tòa án của Hạt Tishomingo và gặp cảnh sát trưởng Spinner vừa kịp lúc để mời ông đi ăn trưa. Bên con gà nướng trong một quán ăn khá đông đúc, ông giúp tôi cập nhật thông tin về vụ án mạng này. Kẻ gây án quá gọn gàng chứng tỏ hắn nắm rõ vùng này. Cảnh sát chẳng tìm được chứng cứ gì, dấu giày, vỏ đạn đều không có. Dựa trên viên đạn gây sát thương, họ xác định hung khí là một khẩu Magnum 44 ly, và hai phát đạn bắn ra đã thổi bay đầu Malcolm. Để thể hiện uy lực, cảnh sát trưởng lôi khẩu súng lục của mình đưa cho tôi. “Súng này 44 ly đấy.” Tôi cầm trên tay, thấy nó nặng phải gấp đôi khẩu súng xoàng của tôi. Nghĩ đến mấy phát súng đó, tôi chẳng còn hứng thú ăn uống gì nữa.

Tìm được ai quen biết Malcolm, cảnh sát đã hỏi chuyện cả rồi. Malcolm sống ở hạt này chưa đầy năm tháng. Anh không có tiền án tiền sự gì, không hề tham gia vụ ẩu đả nào, cũng không đánh bạc, phá làng phá xóm hay say xỉn. Mỗi tuần một lần, anh ghé quán bar nhạc sống đó để đánh bida và uống bia, lặng lẽ và biết điều. Trong phạm vi sáu mươi ngày, không hề có khoản vay hay

hóa đơn nào quá hạn. Cũng chẳng có dấu hiệu gì là có chuyện làm ăn phi pháp hay ngoại tình ghen tuông. “Tôi chẳng thấy có động cơ nào cả,” cảnh sát trưởng chốt lại. “Thật vô lý.”

Tôi cho ông biết là Malcolm đã ra làm chứng trong phiên tòa của Danny Padgitt, kể lại chuyện Danny đã đe dọa bồi thẩm đoàn thế nào. Ông lắng nghe chăm chú, và sau đó bỗng kiệm lời hẳn. Tôi có cảm giác ông muốn được yên thân ở Hạt Tishomingo và không dính dáng gì đến nhà Padgitt.

“Đấy có thể là động cơ gây án,” tôi chốt lại giả thuyết của mình.

“Báo thù sao?”

“Chắc chắn luôn. Chúng là đám man rợ mà.”

“Ừ, tôi có nghe về nhà đó rồi. Có lẽ chúng ta thật may mắn vì không nằm trong bồi thẩm đoàn đó nhỉ?”

Trên đường về Clanton, tôi chẳng thể nào quên được vẻ mặt của cảnh sát trưởng Spinner khi nói ra câu đó. Vẻ tự đắc của của một người bảo vệ pháp luật được vũ trang đã biến mất hoàn toàn, nhường chỗ cho vẻ mặt biết ơn của một người may mắn được làm việc cách xa nhà Padgitt hai hạt.

Cuộc điều tra của ông đến đó coi như đã xong.

CHƯƠNG 23

Người Do Thái duy nhất ở Clanton là Harvey Kohn, một người đàn ông nhỏ con bảnh bao chuyên bán giày và túi xách cho các bà các cô từ hàng chục năm nay. Cửa hàng của ông nằm ở khu vực quảng trường, kế bên công ty luật của Sullivan, cùng dãy nhà mà ông đã mua lại trong thời Đại khủng hoảng. Ông góa vợ, các con thì đã rời Clanton sau khi tốt nghiệp trung học. Mỗi tháng một lần, ông Kohn lái xe đến Tupelo, nơi có hội đường Do Thái gần Clanton.

Giày Kohn nhắm đến khách hàng ở phân khúc cao, một mảng hơi khó bán ở thành phố nhỏ như Clanton này. Số ít các quý bà quý cô giàu có lại thích đi mua sắm ở Memphis hơn, nơi họ có thể mua đồ với giá cắt cổ rồi về khoe khoang với nhau. Để hút khách, ông Kohn gắn giá trên trời cho mấy đôi giày của mình rồi hạ giá kịch sàn để bán. Như vậy, sau đó các cô có thể nổ giá nào tùy ý lúc vung vẩy khoe đôi giày mới mua với bạn bè.

Ông tự mình quản lý cửa hàng, mở cửa từ sớm và đóng cửa muộn, với sự hỗ trợ của một cậu học sinh làm việc bán thời gian. Hai năm trước khi tôi đến Clanton, ông từng thuê cậu bé da đen 16 tuổi, Sam Ruffin, để nhận hàng, chuyển hàng, dọn dẹp và

nghe điện thoại giúp mình. Sam có vẻ sáng dạ và cần cù. Cậu lại lịch sự, lễ độ, ăn mặc đàng hoàng và chẳng bao lâu sau, ông Kohn đã tin tưởng giao cậu quản lý cửa hàng mỗi khi ông về nhà lúc 11:45 để ăn trưa qua loa và ngủ một giấc khá dài.

Trưa nọ, bà Iris Durant ghé cửa hàng, lúc đó chỉ có mình Sam. Iris 41 tuổi, hai con, một đứa học cùng trường với Sam. Bà khá gợi cảm, hay mặc váy ngắn và thích buông lời trêu ghẹo, thường ghé chọn đám giày tuyển của ông Kohn. Hôm đó, bà đã thử hơn hai chục đôi, rất thong thả mà chẳng mua gì. Sam biết rõ giày ở cửa hàng mình và rất cẩn thận khi giúp bà thử giày.

Hôm sau, bà quay lại, cũng giờ trưa như vậy, mặc váy ngắn hơn, trang điểm đậm hơn. Với đôi chân trần, bà quyến rũ Sam và hai người quấn lấy nhau trên bàn làm việc của ông Kohn trong văn phòng nhỏ của ông sau quầy thu ngân. Từ đó bắt đầu chuyện ngoại tình sẽ thay đổi cuộc đời cả hai người.

Iris đi "mua giày" phải vài lần một tuần và Sam cũng tìm được một chỗ êm ái hơn là cái sofa trên lầu. Cậu sẽ đóng cửa hàng trong 15 phút, tắt điện và vào cuộc mây mưa vụng trộm.

Chồng của Iris là một hạ sĩ trong lực lượng Tuần tra Xa lộ Mississippi. Thấy số giày mới trong tủ của vợ mình bỗng tăng vọt, ông bắt đầu sinh nghi. Mà mấy chuyện đáng nghi của vợ vốn chẳng lạ gì với ông nữa.

Thế là ông thuê Harry Rex đi điều tra, một việc dễ như ăn kẹo. Bà Iris vào cửa hàng ông Kohn cùng một thời điểm suốt ba ngày

liên tục, và cũng trong ba ngày liên tục đó, Sam nhanh nhẹn khóa cửa trước, mắt đảo bốn phía, trước khi đèn đóm trong cửa hàng tắt ngúm. Đến ngày thứ tư, Harry Rex và Rafe lẻn vào bằng cửa hậu. Họ nghe thấy tiếng động trên lầu. Rafe xông vào khi hai người đang hành sự và chỉ cần năm giây ngắn ngủi là đã chụp lại đủ bằng chứng trước khi họ kịp định thần.

Một tiếng sau, ông Kohn đuổi việc Sam. Harry Rex thì giúp thân chủ đệ đơn ly hôn ngay trong chiều đó. Còn Iris phải nhập viện với đủ vết bầm tím, chảy máu và gãy mũi. Ông chồng đã dùng nắm đấm đánh bà đến khi bà lăn ra bất tỉnh. Vừa chập tối, ba cảnh sát bang mặc sắc phục đến gõ cửa nhà Sam ở Hạ trấn. Họ giải thích với bố mẹ cậu rằng cảnh sát muốn mời cậu đến đồn vì tội biển thủ ở cửa hàng Kohn. Nếu bị kết tội, cậu có thể phải đối mặt với 20 năm tù giam. Họ còn cho ông bà Ruffin biết, tất nhiên là nói nhỏ thôi, rằng Sam đã bị bắt quả tang đang quan hệ với một bà da trắng, lại là một người đã có chồng, nên người ta đang treo thưởng 5000 đô để lấy mạng của cậu.

Iris bị ly dị và mất quyền nuôi con, phải rời thành phố trong nhục nhã và sợ hãi không còn dám quay về.

Nhưng tôi còn nghe được một câu chuyện theo hướng khác về Sam. Lúc tôi đến Clanton, chuyện đàm tiếu này đã khá cũ, nhưng vẫn đủ giật gân để nhiều người thỉnh thoảng nhắc đến. Ở miền Nam, không hiếm chuyện đàn ông da trắng có nhân tình da đen, nhưng Sam là trường hợp đầu tiên được ghi lại về một

người phụ nữ da trắng tìm đến thanh niên da đen ở Clanton.

Baggy là người kể lại chuyện này cho tôi, hẳn rồi. Harry Rex cũng giúp xác nhận nhiều phần trong đó.

Nhưng bà Callie lại không chịu nói về nó. Sam là con út của bà mà lại không thể về nhà với bà. Cậu đã phải bỏ trốn, bỏ học, sống nhờ các anh chị em suốt hai năm qua. Và giờ cậu ấy gọi điện nhờ cậy tôi.

Thế là tôi đến tòa án, lục lọi các hồ sơ cũ mà chẳng tìm thấy biên bản truy tố Sam Ruffin nào. Tôi đã hỏi cảnh sát trưởng Coley xem ông có ban lệnh bắt nào không. Ông tránh né câu hỏi và muốn biết tại sao tôi lại khơi lên một vụ án cũ như vậy. Tôi còn hỏi thêm nếu Sam về đây, liệu cậu ấy có bị bắt không. Và lại một lần nữa, ông ta trốn tránh câu trả lời. "Cẩn thận đấy, anh Traynor," ông cảnh báo tôi thẳng mặt.

Vậy nên tôi tìm Harry Rex và hỏi về huyết lệnh huyền thoại đòi lấy đầu Sam. Ông kể cho tôi về thân chủ của mình, hạ sĩ Durant, cựu thủy quân lục chiến, chuyên gia về vô số vũ khí, cảnh sát thâm niên, một người cực kỳ nóng tính và vô cùng mất mặt vì hành động đồi bại của vợ, cảm thấy cách duy nhất để đòi lại danh dự là giết chết gã tình nhân đó. Durant đã tính giết Iris, nhưng lại sợ phải vào tù. Ông thấy giết thằng nhóc da đen thì an toàn hơn. Bồi thẩm đoàn Hạt Ford sẽ đồng cảm với ông hơn.

"Và ông ta muốn đích thân ra tay. Như vậy đỡ phải tốn năm ngàn đô."

Harry Rex thích thú khi kể những chuyện kinh khủng này cho tôi, nhưng cũng thú thật rằng cả năm rồi chưa gặp lại thân chủ và không chắc ông ta đã tái hôn hay chưa.

Trưa ngày thứ năm, chúng tôi dọn bàn ở hiên, tạ ơn Chúa vì bữa ăn thịnh soạn trên bàn. Ông Esau vẫn đang ở chỗ làm như thường lệ.

Vào cuối hạ, cây trái trong vườn đều chín cả, chúng tôi thưởng thức rau củ đủ loại. Cà chua đỏ và vàng, dưa chuột và hành trộn giấm, đậu lima, đậu cô ve, đậu bắp, bí, khoai tây luộc, bắp luộc nguyên trái và bánh mì bắp nóng giòn như mọi khi. Giờ vào mùa khí trời đã dịu hơn, cây cối bắt đầu đổi màu, bà Callie chuyển sang nấu những món nhiều tâm sức hơn, nào là vịt hầm, cừu hầm, thịt hầm cay, đậu đỏ và cơm nấu với xúc xích heo, cũng như món kinh điển của chúng tôi, thịt nướng nồi.

Hôm đó, chúng tôi ăn gà và bánh bao. Tôi ăn chậm rãi, một việc mà lâu nay bà cứ phải nhắc nhở tôi suốt. Ăn được phân nửa bàn, tôi bắt đầu mở lời, "Sam đã gọi cho tôi, bà Callie à."

Bà dừng lại, nuốt cho xong miếng trong miệng, "Giờ nó thế nào?"

"Sam ổn cả. Cậu ấy muốn về nhà dịp Giáng Sinh này, nói là các anh chị đều về và cậu ấy muốn cùng mừng lễ với cả nhà."

"Anh biết nó ở đâu không?" bà hỏi.

"Bà biết không?"

"Không."

“Cậu ấy đang ở Memphis. Chúng tôi đã hẹn gặp nhau ở đó, vào ngày mai.”

“Sao anh lại đi gặp Sam?” Bà có vẻ nghi ngờ động cơ của tôi.

“Sam muốn tôi giúp cậu ấy. Max và Bobby đã kể cho cậu ấy về tình bạn của bà và tôi. Cậu ấy nghĩ tôi là người da trắng có thể tin cậy được.”

“Có thể nguy hiểm lắm đấy,” bà e dè.

“Cho ai?”

“Cả hai.”

Bác sĩ đã bày tỏ quan ngại về cân nặng của bà. Thỉnh thoảng bà cũng thấy lo chuyện đó. Với những món khó tiêu như thịt hầm và bánh bao, bà chỉ ăn một phần nhỏ và ăn chậm rãi. Giờ khi nghe xong chuyện của tôi và Sam, bà càng không có bụng dạ nào để ăn tiếp nữa. Bà gấp khăn ăn lại và bắt đầu nghiêm túc trò chuyện.

Sam rời Clanton lúc nửa đêm, lên xe buýt đường dài đi Memphis. Đến nơi, cậu gọi về cho Callie và Esau. Ngày hôm sau, một người bạn lái xe tới Memphis, đem áo quần và tiền cho cậu. Khi chuyện về Iris lan nhanh khắp thành phố, Callie và Esau đã khiến mọi người tin chắc rằng con trai út của họ suýt chút nữa đã bị cảnh sát bắn chết. Xe cảnh sát tuần tra xa lộ lượn qua lượn về trước nhà họ suốt ngày đêm. Nhiều kẻ nặc danh gọi đến nhà Ruffin để đe dọa và chửi rủa.

Ông Kohn thì đâm đơn kiện. Một phiên điều trần được tổ

chức bất chấp Sam không có mặt. Bà Callie chưa hề thấy biên bản truy tố chính thức nào, nhưng bà cũng đâu rõ mấy giấy tờ đó là thế nào.

Memphis có vẻ quá gần, nên Sam dạt đến Milwaukee, ẩn náu tại nhà của Bobby vài tháng. Suốt hai năm ròng, cậu cứ lúc chỗ này khi chỗ khác ở nhà các anh chị mình, luôn lên đường ban đêm, luôn sợ sẽ có người bắt gặp. Các anh chị lớn nhà Ruffin thường xuyên gọi điện về nhà và viết thư hằng tuần, nhưng họ không dám nhắc đến Sam vì sợ có người theo dõi.

"Nó đã sai khi dính vào một phụ nữ như thế," bà Callie nói, nhấp một ngụm trà. Bữa trưa của bà đã bị tôi phá hỏng. "Nhưng nó còn quá trẻ tuổi. Kẻ tán tỉnh không phải là nó."

Hôm sau, tôi bắt đầu trở thành giao liên không chính thức giữa Sam Ruffin và bố mẹ cậu.

Chúng tôi gặp nhau ở một quán cà phê trong trung tâm thương mại tại Memphis. Cậu ấy đứng từ xa quan sát tôi trong nửa tiếng đồng hồ rồi mới bất ngờ xuất hiện, ngồi vào ghế đối diện tôi. Hai năm lẩn trốn đã dạy cho cậu nhiều điều.

Khuôn mặt trẻ trung của cậu đã hằn nhiều nét của một đời chui lủi. Theo thói quen, cậu cứ đảo mắt dáo dác ngó quanh suốt. Khi nói chuyện, cậu cố hết sức để nhìn thẳng vào mắt tôi, nhưng chỉ được vài giây là hết. Đúng như tôi dự đoán, cậu nói năng nhẹ nhàng, rõ ràng và lịch sự. Và giọng cậu không giấu nổi lòng biết ơn khi tôi sẵn sàng liều mình tìm cách giúp cậu.

Cậu cảm ơn tôi vì đã làm bạn với mẹ cậu. Bobby ở Milwaukee đã cho cậu xem những bài trên tờ *Thời báo*. Chúng tôi nói về các anh chị cậu, hành trình cậu chuyển từ UCLA đến Duke, rồi Toledo, rồi Grinnell ở Iowa. Cậu không thể nào sống tiếp như thế được nữa. Cậu ấy quá mong mỏi có giải pháp cho chuyện ở nhà để cậu sớm được sống như một người bình thường. Cậu đã học xong trung học ở Milwaukee, và dự định sẽ vào trường luật. Nhưng sống chui lủi thế này thì sao mà làm được.

"Hiện giờ em đang chịu nhiều sức ép lắm," cậu tâm sự. "Bảy anh chị của em đều làm tiến sĩ mà."

Tôi bèn kể hết cho cậu về chuyện không thấy có biên bản truy tố, cuộc chuyện trò với cảnh sát trưởng Coley, và những gì Harry Rex kể về tình hình ông Durant. Sam cảm ơn ríu rít về những thông tin này và về sự hào hiệp của tôi.

"Không có nguy cơ bị bắt đâu," tôi đảm bảo với cậu. "Tuy nhiên, vẫn có nguy cơ ăn đạn."

"Em thà bị bắt còn hơn," cậu đáp ngay.

"Tôi cũng vậy."

"Ông ta đáng sợ lắm," Sam nói về ông Durant, rồi kể luôn một câu chuyện mà tôi không mấy theo kịp. Có vẻ giờ Iris sống ở Memphis. Sam vẫn giữ liên lạc với bà. Bà đã kể cho Sam vài chuyện khủng khiếp về chồng cũ của mình và hai cậu con trai cũng như những lời họ đe dọa bà. Bà tuyệt đối không được đặt chân vào Hạt Ford nữa. Tính mạng bà cũng đang gặp nguy

hiểm. Hai đứa con trai hết lần này đến lần khác nói rõ là chúng hận bà và không bao giờ muốn gặp lại bà nữa.

Iris hoàn toàn suy sụp, lòng đầy cảm giác tội lỗi, tâm lý không còn ổn định.

“Là lỗi của em cả,” Sam nói. “Mẹ em đâu dạy em làm những việc như vậy.”

Chúng tôi chuyện trò trong một tiếng, rồi hứa vài tuần nữa sẽ gặp lại nhau. Sam đưa cho tôi hai lá thư, mỗi lá dài mấy tờ, nhờ tôi gửi cho bố mẹ, rồi chào tạm biệt. Cậu lẩn vào đám đông người mua sắm trong trung tâm thương mại và tôi không khỏi dấy lên những câu hỏi đau lòng. Một cậu bé 18 tuổi như thế thì trốn ở đâu? Làm sao để cậu sống qua ngày? Nhất là Sam không phải kiểu giang hồ đã học cách sinh tồn bằng nắm đấm trên đường phố.

Tôi kể cho Harry Rex về cuộc gặp với Sam ở Memphis. Mục tiêu của tôi là tìm cách thuyết phục ông Durant tha cho Sam.

Vì đã chắc mẩm rằng mình nằm trong danh sách đen của đám nhà Padgitt rồi nên tôi chẳng muốn phải gây thù chuốc oán với bất kỳ ai nữa. Tôi bắt Harry Rex thề giữ bí mật, và hoàn toàn tin chắc ông ấy sẽ bảo vệ tôi như người trung gian hòa giải.

Sam sẽ chịu rời Hạt Ford vĩnh viễn, học cho xong trung học và đại học ở miền Bắc rồi có lẽ ở lại đó cả đời luôn. Cậu ấy đơn giản chỉ muốn gặp lại bố mẹ, ghé thăm Clanton một chuyến thật nhanh, rồi tiếp tục sống mà không phải cảnh giác mọi nơi mọi

lúc.

Harry Rex chẳng quan tâm, cũng không muốn can dự. Ông hứa với tôi sẽ chuyển lời cho ông Durant, nhưng không mấy lạc quan về kết quả. “Gã là một thằng trời đánh mà,” ông nhắc câu đó đến mấy lần.

CHƯƠNG 24

Đầu tháng 11, tôi trở lại Hạt Tishomingo để hỏi thêm thông tin từ cảnh sát trưởng Spinner. Chẳng ngạc nhiên khi biết rằng cuộc điều tra vụ giết Malcolm Vince chẳng có tiến triển gì. Ông dùng chữ "gọn gàng sạch sẽ" phải đến mấy lần, nghĩa là toàn bộ chứng cứ chỉ có một thi thể và hai viên đạn không thể dò được dấu vết. Người của ông đã hỏi chuyện mọi người quen biết và đồng nghiệp của Malcolm mà chẳng xác định được có ai có động cơ gây ra chuyện đó với anh.

Spinner cũng đã hỏi chuyện cảnh sát trưởng Mackey Don Coley, và chẳng ngạc nhiên khi lão không tin vụ án mạng này có liên quan gì đến phiên tòa xử Danny Padgitt ở Hạt Ford. Có vẻ hai ông cảnh sát trưởng này có chút hiềm khích trong quá khứ, và tôi cũng thấy vui hơn phần nào khi Spinner chốt lại một câu, "Lão Coley đó còn chẳng bắt nổi một đứa nhóc mà."

Tôi bật cười thích thú, nói thêm vào, "Phải, ông ta và nhà Padgitt gắn bó xưa giờ rồi."

Spinner nghe đến đây mới nói thật với tôi, "Tôi bảo với lão là cậu đang hỏi dò khắp nơi." Lão bảo, "Thằng nhóc đó sẽ tự chuốc họa vào thân. Tôi chỉ muốn báo cho cậu biết vậy thôi."

“Cảm ơn ông. Quan điểm của tôi và Coley khác nhau lắm.”

“Vài tháng nữa là đến kỳ bầu cử rồi mà.”

“Phải. Nghe nói Coley có hai ba đối thủ gì đó.”

“Một là đủ rồi.”

Nói hết chuyện, cảnh sát trưởng Spinner hứa sẽ gọi cho tôi nếu phát hiện thêm tình tiết gì mới, nhưng cả hai chúng tôi đều biết sẽ chẳng bao giờ có chuyện đó. Tôi rời Iuka và lên đường đến Memphis.

Cảnh sát tuần tra Durant khá hài lòng khi biết Sam Ruffin vẫn sợ nơm nớp huyết lệnh đang treo lơ lửng trên đầu. Harry Rex đã chuyển lời giúp tôi về chuyện Sam vẫn đang chạy trốn nhưng mong mỏi được về nhà gặp mẹ.

Durant vẫn chưa tái hôn. Ông ta đang khá cô đơn, cực kỳ cay đắng và bẽ mặt vì chuyện bị vợ cắm sừng. Ông ta tuôn một tràng với Harry Rex về chuyện cuộc đời vợ ông đã bị hủy hoại, hai đứa con giờ trở thành trò cười và bị bắt nạt vì chuyện của mẹ mình. Đám nhóc da trắng chế giễu chúng mỗi ngày, còn đám nhóc da đen, bạn cùng lớp mới của chúng năm nay, thì chảnh chọe và mỉa mai về chuyện đó.

Cả hai cậu con trai của ông đều là tay thiện xạ và kẻ săn mồi khát máu, ba cha con nhà Durant đã thề sẽ cho Sam Ruffin một viên đạn vào đầu ngay khi có cơ hội. Họ còn biết rõ chỗ ở của nhà Ruffin tại Hạ trấn. Khi nghĩ đến chuyến hồi hương thường niên vào kỳ Giáng Sinh của những người da đen đến miền Bắc lập

nghiệp, Durant đã nói thẳng, “Thằng nhóc đó mà lẻn về nhà, chúng tôi sẽ chờ sẵn,” gã nói chắc như đinh đóng cột với Harry Rex.

Gã cũng có chút thù hằn với tôi vì tôi thân thiết với bà Callie và anh chị của Sam. Gã còn đoán rất đúng về chuyện tôi là mối liên lạc của nhà Ruffin.

Sau mấy câu chuyện trò với gã Durant trở về, Harry Rex liền cảnh báo tôi, “Tốt hơn hết cậu đừng dây vào chuyện này. Thằng cha này điên lắm.”

Nhưng mà có thêm một người mong tôi chết đâu phải là chuyện to tát gì với tôi.

Đến ngày hẹn, tôi gặp Sam ở một quán ven đường xa lộ nội bang, cách Tennessee tầm hơn cây số. Bà Callie đã nhờ tôi gửi bánh, thư và một ít tiền mặt, tất cả bỏ trong một thùng các-tông chiếm hết ghế khách trong chiếc Spitfire. Hai năm trời, đây là lần đầu tiên bà liên lạc được với con trai út của mình. Sam cố đọc một lá thư của bà, nhưng rồi lại xúc động quá không đọc nổi bèn cho lại vào bì thư. “Em nhớ nhà lắm,” cậu nói với tôi khi đưa tay gạt nước mắt, cố giấu phút yếu lòng khỏi ánh mắt các tài xế đang ăn cạnh đó. Một cậu bé sợ hãi, lạc lối.

Tôi thuật lại cuộc chuyện trò với Harry Rex, không giấu chuyện gì. Sam đã quá ngây thơ khi nghĩ rằng chỉ cần cậu hứa tránh xa Hạt Ford, lâu lâu mới về nhà thăm là gã Durant sẽ chấp thuận. Cậu chẳng hiểu rõ sự thù hận mà cậu đã khơi lên. Tuy

nhiên, có vẻ cậu cũng hiểu được mối nguy đang chực chờ mình ở đó.

"Hắn sẽ giết cậu, Sam à," tôi nói với giọng nghiêm túc hết sức.

"Và hắn sẽ thoát tội, phải không?"

"Với cậu chuyện đó thì quan trọng gì chứ? Cậu chết rồi mà. Bà Callie thà biết cậu sống khỏe ở miền Bắc còn hơn ngày nào cũng đi thăm cậu trong nghĩa trang Clanton."

Cậu đã mua chút đồ Giáng Sinh, nhờ tôi chuyển quà cho bố mẹ và cả đại gia đình. Chúng tôi hẹn gặp nhau sau hai tuần rồi chia tay và rời quán. Khi gần đến chiếc Spitfire, đột nhiên tôi thấy cần giải quyết nhu cầu nên quay lại. Nhà vệ sinh nằm sau một quầy quà tặng nhỏ kế bên quán. Liếc nhìn qua cửa kính, tôi thấy Sam lén la lén lút nhảy lên một chiếc xe. Người ngồi sau tay lái là một phụ nữ da trắng, tầm bốn mấy tuổi. Có lẽ là Iris rồi. Có những người chẳng bao giờ chịu khôn lên nổi.

Vài ngày trước Giáng Sinh, nhà Ruffin lũ lượt kéo nhau về. Bà Callie bận rộn nấu nướng cả tuần và đã hai lần nhờ tôi ghé quầy tạp hóa mua giúp bà vài món đồ cần gấp. Tôi nhanh chóng làm quen với cả nhà và được chăm sóc ân cần vô cùng, biệt đãi lớn nhất là được quyền ăn bất kỳ lúc nào và bất kỳ món gì tôi muốn.

Lớn lên trong ngôi nhà đó, cuộc sống con cái bà Callie đã quen xoay quanh bố mẹ, anh chị em, Kinh Thánh và căn bếp. Trong dịp lễ, lúc nào trên bàn cũng có món ăn tươi nào đó cộng thêm hai hay ba món nằm sẵn trong lò. Hễ mỗi lần câu "Bánh hồ đào

đã nướng xong!" vang lên là chấn động cả ngôi nhà, ngoài mái hiên thậm chí là lan ra cả đường phố. Cả nhà quây quần bên bàn ăn, chờ ông Esau thay mặt cả nhà dâng lời tạ ơn Chúa vì cho họ sức khỏe và của ăn họ sắp "chia nhau", rồi cái bánh liền được cắt thành từng miếng dày để trên đĩa và nhanh chóng biến mất.

Nghi thức đó cũng tiếp tục lặp lại với bánh bí ngô, bánh dừa, bánh dâu tây, vân vân. Mà đấy chỉ là những món ăn vặt "cầm hơi" cho họ giữa những bữa ăn chính.

Không như mẹ mình, con cái nhà Ruffin không một ai có vẻ gì là thừa cân. Và tôi sớm hiểu ra tại sao. Họ kêu với mẹ là lâu nay chẳng được ăn như thế. Ở chỗ họ sống, đồ ăn đạm bạc, phần lớn là đồ đông lạnh và sản xuất hàng loạt. Lại còn nhiều món ăn bản xứ mà họ không thể nuốt nổi. Hơn nữa, ai cũng ăn vội. Cứ thế, họ thay nhau kể lể đủ thứ chuyện.

Tôi có cảm giác khi đã được tận hưởng những bữa ăn phong phú dồi dào của bà Callie rồi, thì mọi món khác ở mọi nơi khác chẳng thể nào thỏa mãn cái bụng của họ được nữa.

Carlota, vẫn đang độc thân và đang dạy về nghiên cứu đô thị ở UCLA, tham gia cực kỳ hăng hái khi câu chuyện bàn đến những xu hướng ẩm thực đang lan tràn ở California. Hiện thời, mốt đang là đồ ăn sống, bữa trưa là một đĩa cà rốt sống kèm cần tây sống, thêm một tách trà thảo mộc nhỏ xíu để dễ nuốt.

Gloria, đang dạy tiếng Ý ở Duke, được xem là người may mắn nhất trong số anh chị em vì vẫn còn được ở miền Nam. Cô và bà

Callie ngồi lại so sánh và bình phẩm những công thức khác nhau cho mấy món quen thuộc như bánh mì bắp, thịt hầm Brunswick và thậm chí là cải búp. Mấy vụ này thường căng lên, đám đàn ông cũng nhảy vào góp ý, và đã có mấy lần thành cãi nhau ỏm tỏi.

Sau bữa trưa kéo dài ba tiếng, Leon (Leonardo) dạy sinh học ở Purdue rủ tôi lấy xe dạo một vòng. Leon là anh Ba trong nhà, có chút dáng vẻ của dân học thuật, một thứ mà mọi người khác đã xoay xở tránh được. Anh để râu, hút tẩu, mặc áo khoác vải tuýt với miếng đệm ở khuỷu tay, kèm cách nói với những từ ngữ như đã soạn bài sẵn.

Chúng tôi lướt qua đường phố Clanton trên xe của anh. Anh muốn biết về Sam và tôi kể hết, không chừa lại gì, cũng như nêu rõ quan điểm rằng tình hình quá nguy hiểm để Sam có thể đặt chân vào Hạt Ford.

Leon lại hỏi về phiên tòa xử Danny Padgitt. Tôi từng gửi nhiều số *Thời báo* cho mọi người trong nhà Ruffin. Một bài báo của Baggy đã nêu bật về lời đe dọa của Danny với bồi thẩm đoàn, còn bôi đậm câu trích nguyên văn lời hắn, "Các người mà kết tội tôi thì tôi sẽ xử hết, xử không chừa một ai."

"Hắn có khả năng được ra tù không?" Leon hỏi.

"Có," tôi ngập ngừng trả lời.

"Khi nào?"

"Chẳng ai rõ được. Hắn bị một án chung thân cho tội giết

người, một án chung thân cho tội cưỡng hiếp. Mỗi tội tối thiểu phải ngồi tù mười năm, nhưng tôi nghe nói hệ thống ân xá của Mississippi hay tào lao lắm."

"Vậy là tối thiểu mười năm?" Tôi chắc chắn là anh đang vừa nói vừa tính tuổi mẹ mình. Bà đã 55 tuổi rồi.

"Không ai biết chắc được. Có khả năng sẽ được giảm án tối thiểu vì chấp hành tốt."

Đến đoạn này, Leon có vẻ cũng rối như tôi. Sự thật là, không một ai có chút hiểu biết về hệ thống tư pháp hoặc hệ thống cải huấn có thể trả lời dứt khoát thắc mắc của tôi về trường hợp của Danny. Ở Mississippi, ân xá là chuyện miễn bàn luận, và người ta ngại không dám hỏi han quá nhiều.

Leon bảo tôi là anh đã hỏi mẹ mình về phán quyết, hỏi rất nhiều. Hỏi cụ thể là bà bỏ phiếu án chung thân hay án tử hình? Và lần nào bà cũng trả lời là bồi thẩm đoàn đã thề sẽ giữ kín tuyệt đối chuyện đó. "Anh biết được gì không?" Leon hỏi tôi.

Tôi đâu biết gì nhiều. Khi nói chuyện với tôi, bà đã ngụ ý rất rõ là bà không đồng ý với phán quyết này, nhưng đó vẫn chưa phải câu trả lời dứt khoát. Nhiều tuần sau phán quyết, người ta đồn đoán đủ thứ chuyện. Hầu hết những người hay lai vãng ở tòa đều ủng hộ giả thuyết rằng có ba hay bốn bồi thẩm đã không chịu bỏ phiếu án tử hình. Bà Callie thường bị xem là nằm trong số đó.

"Nhà Padgitt có tác động gì họ không?" Leon hỏi tiếp. Xe lúc

này đang đi vào con đường rợp bóng cây của trường Trung học Clanton.

“Đấy là giả thuyết có nhiều người ủng hộ nhất. Nhưng chẳng ai thật sự biết rõ gì. Lần gần nhất hạt này ra án tử hình cho một phạm nhân da trắng là từ 40 năm trước rồi.”

Leon dừng xe lại và chúng tôi nhìn đăm đăm vào cánh cổng gỗ sồi uy nghiêm của trường. “Vậy là cuối cùng cũng đã xóa bỏ phân tách chủng tộc.”

“Phải.”

“Tôi chưa hề nghĩ mình sẽ thấy được ngày này.” Anh cười với vẻ mãn nguyện vô cùng. “Tôi từng mơ được vào học ở đây. Hồi tôi còn nhỏ, bố tôi làm lao công ở đây, và mỗi thứ Bảy, tôi lại đến đây, đi dọc những hành lang, mê mẩn ngắm nhìn các phòng học. Tôi hiểu tại sao mình không được hoan nghênh ở đây, nhưng thật sự, tôi không bao giờ chấp nhận nổi lý do đó.”

Tôi cũng chẳng biết bình phẩm gì chuyện này, chỉ lắng nghe mà thôi. Lời Leon nói đậm giọng buồn hơn là giận.

Lát sau, chúng tôi lái xe đi, qua đường sắt, về lại Hạ trấn, và tôi vừa ngạc nhiên vừa thích thú khi thấy những chiếc xe đẹp mang biển số ngoài bang đang đỗ san sát trên đường. Những gia đình đông vui ra hiên ngồi tận hưởng khí trời, trẻ con chơi đầy sân nhà và đường phố. Lại thêm nhiều xe khác đến, xe nào nhìn qua cửa kính cũng đầy những hộp quà gói giấy sáng bóng.

“Nhà là nơi có mẹ,” Leon cảm thán. “Đến Giáng Sinh, ai cũng

về nhà."

Khi gần đến nhà bà Callie, Leon cảm ơn tôi vì đã kết thân với mẹ anh. "Mẹ tôi kể về anh suốt."

"Toàn là vì mấy bữa trưa ấy mà," tôi trả lời và cả hai cùng bật cười. Xe vừa đỗ lại trước cửa, chúng tôi đã ngửi thấy một mùi thơm phức từ trong nhà bay ra. Leon sáng mắt, hít một hơi dài, "Bánh bí ngô." Đúng là người có kinh nghiệm.

Cả bảy giáo sư trong nhà đã nhiều lần thay nhau cảm ơn tôi vì tình bạn với mẹ họ. Bà đã kết thân với nhiều người, có nhiều bạn thân, nhưng trong hơn tám tháng qua, bà đặc biệt trân trọng thời gian thân thiết với tôi.

Hôm trước Giáng Sinh, đến cuối giờ chiều tôi mới từ biệt cả nhà ra về. Lúc đó họ đang chuẩn bị để đi lễ. Sau đó, sẽ là tặng quà cho nhau và ca hát. Trong nhà Ruffin, ông bà con cháu phải đến hơn 20 người, chắc chắn tối đó chẳng ai muốn ngủ đâu.

Tôi cũng đã xác định trước là thế nào mình cũng phải xin phép ra về. Thế nào cũng sẽ có những cái ôm, những giọt nước mắt vui sướng, hát hò và kể chuyện, những chuyện chắc chắn nhà Ruffin sẽ hoan nghênh tôi tham gia, nhưng tôi nghĩ nên để họ có thời gian gia đình riêng tư cho trọn vẹn.

Tôi đây biết gì về chuyện gia đình chứ?

Thế là tôi lái xe đến Memphis, chốn mà tôi đã trải qua mười năm thơ ấu chẳng biết trang trí Giáng Sinh là gì. Tôi và bố ra một nhà hàng món Hoa cách nhà không xa. Lúc cố nuốt món

canh hoành thánh dở tệ, tôi không khỏi nghĩ đến cảnh náo động ở căn bếp bà Callie và biết bao món ngon liên tục được dọn lên.

Bố tôi đã rất cố gắng để tỏ ra quan tâm đến tờ *Thời báo*. Hàng tuần tôi gửi cho ông một bản như nghĩa vụ phải làm, nhưng chỉ sau vài phút chuyện trò, tôi đã biết ngay ông chưa hề đọc chữ nào. Tâm trí ông để hết vào điểm xấu của chiến tranh Đông Nam Á đối với thị trường chứng khoán rồi.

Chúng tôi ăn vội rồi ai đi đường nấy. Đáng buồn là, cả bố lẫn tôi, chẳng ai nghĩ đến chuyện tặng quà Giáng Sinh cho nhau.

Trưa chính ngày Giáng Sinh, tôi đến ăn tiệc ở nhà bà ngoại. Cảm giác chào đón nồng nhiệt ở đây khác hẳn. Bà còn mời ba người bạn góa tóc hoa râm ghé chơi, ăn thịt xông khói uống rượu sherry, và năm người chúng tôi uống đến hơi chuếnh choáng. Tôi góp vui bằng một vài câu chuyện ở Hạt Ford, có chuyện tôi kể đúng, có chuyện thì thêm mắm dặm muối cho vui. Đi chơi với Baggy và Harry Rex suốt, tôi cũng học được vài thuật kể chuyện mà.

Ba giờ chiều, tôi và bốn bà già ngấm rượu đều chìm vào giấc ngủ. Sáng hôm sau, tôi chuồn lẹ về lại Clanton.

CHƯƠNG 25

Một ngày giá lạnh cuối tháng 1, có mấy tiếng súng nổ vang đâu đó ở quảng trường. Lúc tôi đang ngồi ở bàn làm việc, thong thả đánh máy câu chuyện về ông Lamar Farlowe và cuộc hội ngộ của ông với tiểu đoàn lính nhảy dù tại Chicago, thì một viên đạn găm thẳng vào ô kính cửa sổ tầng ngay trên đầu tôi. Thế là tuần này có tin đăng bài rồi.

Viên đạn găm vào tòa nhà tôi là viên thứ hai hay thứ ba trong cả loạt đạn nã điên cuồng. Tôi liền nằm xuống sàn, đầu óc quay cuồng. Súng của mình đâu? Đám Padgitt đang tấn công cả thành phố sao? Hay lão Durant và hai con lão đang tới xử mình? Tôi bò lồm cồm đến chỗ chiếc cặp táp, tiếng súng vẫn nổ đùng đoàng bên ngoài, nghe có vẻ như vang lên từ bên kia đường, nhưng vào lúc hoảng loạn thế này đầu óc tôi không chắc nổi chuyện đó. Một viên nữa găm vào văn phòng tôi, rồi tiếng súng nghe còn gần hơn.

Tôi xổ cặp táp ra mới nhớ là khẩu súng chắc đang nằm ở căn hộ hoặc xe tôi rồi. Giờ trong tay không có vũ khí, tôi chẳng khác gì con cá nằm trên thớt, vô phương tự vệ. Harry Rex và Rafe chắc sẽ chán tôi lắm.

Tôi sợ đến mức đờ người ra bất động. Rồi chợt nhớ ra Bigmouth Bass đang ở trong văn phòng tầng dưới, và như mọi đàn ông thực thụ ở Clanton, trên người ông lúc nào cũng có cả kho súng. Trong bàn làm việc của ông còn có mấy khẩu súng ngắn, trên tường treo hai khẩu súng săn phòng khi nổi hứng muốn đi săn hươu trong giờ nghỉ trưa. Bất kỳ ai muốn xử tôi đều sẽ gặp sự phản kháng quyết liệt của các nhân viên dưới quyền tôi. Có hy vọng rồi.

Ngoài quảng trường bỗng im bặt trong giây lát, rồi tiếng la hét hoảng loạn nổ ra. Lúc đó tầm 2:00 chiều, giờ tất bật ở khu trung tâm thành phố. Tôi bò dưới bàn làm việc, đúng kiểu được dạy khi có cảnh báo gió lốc. Tiếng Bigmouth đâu đó dưới lầu vọng lên, "Ở yên trong văn phòng anh đi." Tôi ghé mắt nhìn xuống, thấy ông đang cầm một khẩu 30 ly, một hộp đạn, nép mình vào gờ hành lang chờ đợi bất kỳ điều gì sẽ xảy ra.

Tôi chẳng hiểu nổi có thằng nào điên đến nỗi nổ súng loạn xạ ngay chỗ này. Trong phạm vi quanh quảng trường Clanton tổng cộng phải có đến cả ngàn khẩu súng. Mọi chiếc bán tải đậu ở đây đều có hai súng trường dưới gờ cửa sổ xe và một khẩu shotgun dưới ghế. Dân tình lại quá máu me muốn được lỗi chúng ra! Và họ sẽ bắn trả ngay thôi. Lúc đó, chuyện sẽ rất kinh khủng.

Rồi tiếng súng lại vang lên. Dựa theo tiếng súng, tôi biết chúng không lại gần tôi được, và thằng tôi vẫn bò dưới bàn, nhưng hơi thở đã bắt đầu trở lại bình thường, đầu óc bắt đầu vận động phân tích. Tôi dần nhận ra cuộc tấn công này không nhắm

vào tôi. Tôi chỉ tình cờ ở gần mục tiêu mà thôi. Tiếng còi hụ vang lên, rồi thêm vài tiếng súng, tiếng la hét. Gì đây trời!

Điện thoại dưới lầu đổ chuông và ai đó chộp lấy nghe máy ngay lập tức.

Rồi Bigmouth hét lên từ tầng dưới, "Willie! Ổn chứ?"

"Ổn!"

"Có tay bắn tỉa trên nóc tòa án."

"Hay!"

"Nấp kín vào!"

"Yên tâm!"

Tôi nhẹ nhõm được đôi chút, nhích ra để với lấy cái điện thoại, bấm số gọi đến nhà Wiley Meek, nhưng có vẻ ông đã lên đường tới đây rồi. Thế là tôi bò ra phía ban công, mở một cánh cửa hiên. Rõ ràng cánh cửa mở ra đã thu hút tay bắn tỉa. Ô cửa cách đầu tôi hơn một mét vỡ toang, kính rơi xuống như mưa. Tôi liền nằm sấp xuống sàn, sợ đến nín thở. Tiếng súng vẫn chát chúa vang lên liên tiếp. Dù là ai, chắc chắn hắn đang hoảng lên vì chuyện gì đó.

Tám phát súng, mỗi phát càng inh tai hơn vì giờ tôi đã nằm kề cánh cửa mở. Hắn dừng 15 giây nạp đạn rồi lại nã thêm tám phát nữa. Tôi nghe tiếng kính vỡ, tiếng đạn dội trên gạch, đạn xuyên vào khung gỗ. Rồi tất cả chìm vào im lặng.

Tôi lồm cồm nhỏm dậy, kéo một cái ghế dựa, lấy nó chắn mà bò đi. Hành lang có một dãy chấn song bằng thép, cộng thêm cái

ghế trước mặt, tôi tự tin mình đã được che chắn kĩ rồi. Thật sự, tôi không chắc tại sao mình lại thấy phải nhích về phía tay súng, nhưng tôi mới 24 tuổi, lại là chủ một tờ báo biết rằng mình có thể viết cả một câu chuyện dài hơi về vụ việc đầy giật gân này. Tôi cần thêm chi tiết viết bài.

Nhìn hé qua cái ghế và dãy chấn song, tôi đã thấy được tay bắn tỉa. Trên mái vòm bèn bẹt của tòa án có một đình bát giác đỉnh vòm với bốn ô cửa mở. Hắn đóng chốt ở đó, đang ló mặt ra một ô. Hình như hắn da đen, tóc bạc trắng, và hình ảnh đó càng khiến tôi thấy ớn lạnh hơn. Gặp phải một tên loạn thần thứ dữ rồi.

Hắn đang nạp đạn, rồi nhích người ra bắt đầu bắn vu vơ xuống dưới. Có vẻ hắn ở trần, một chuyện quái gở, vì trời đang âm một độ và đã có dự báo chiều nay có thể có tuyết rơi nhẹ. Bản thân tôi đang lạnh cóng dù trên người là một chiếc áo vest len lông cừu bảnh bao mua ở cửa hàng ông Milto.

Ngực hắn lại màu trắng với những sọc đen, trông hệt như ngựa vằn. Đây là một người đàn ông da trắng tô vẽ vài phần da đen.

Người xe đều đã dạt đi hết. Cảnh sát thành phố đã phong tỏa các ngả đường, tản ra và nấp sau xe họ. Trong khung kính một cửa hàng, có cái đầu ló ra dáo dáo quan sát rồi lặn mất hút ngay lập tức. Tiếng súng tạm im ắng, tay bắn tỉa đang thu mình. Ba cảnh sát hạt liền nhanh chân chạy vào tòa án. Vài phút trôi qua

mà dài dằng dặc.

Wiley lao nhanh lên những bậc thang vào văn phòng và tiến tới cạnh tôi. Ông thở mạnh đến nỗi tôi tưởng như ông đã chạy một mạch từ ngôi nhà ngoại ô đến tận đây. "Hắn bắn trúng ta!" ông thì thầm, như thể sợ tay bắn tỉa nghe được, mắt thì nhìn quanh mấy chỗ kính vỡ.

"Hai lần," tôi xác nhận luôn.

"Hắn ở đâu?" ông vừa hỏi vừa cầm máy ảnh gắn lens chụp xa lên, sẵn sàng vào việc.

"Đình bát giác," tôi chỉ tay về phía đó rồi dặn dò. "Cẩn thận đấy. Ta mà mở cửa là hắn bắn liền."

"Anh có thấy hắn chưa?"

"Nam, da trắng, nhấn nhá da den."

"Ồ, lại một đứa khùng."

"Cúi đầu xuống."

Chúng tôi thu người nấp thêm vài phút nữa. Ngày càng thêm nhiều cảnh sát kéo đến, họ hăng hái chạy quanh nhưng không rõ đi đâu, trông như một đám con nít vừa được thả ra sân chơi, hồ hởi vì có việc thú vị để làm nhưng không biết làm cách nào.

"Có ai bị thương không?" Wiley đột nhiên hỏi tôi, như sợ bỏ lỡ vài khung hình máu me.

"Sao tôi biết được chứ?"

Lại vài tiếng súng vang lên đanh gọn. Chúng tôi hé mắt ra nhìn và thấy hắn, đang nâng súng bắn lung tung. Wiley bắt đầu

vào việc, chụp ảnh bằng lens tầm xa.

Baggy và mấy ông bạn giờ đang ở Phòng Luật trên tầng ba, không hẳn ngay dưới đình bát giác nhưng cũng không xa đó mấy. Thực sự họ là những người đang ở gần tay súng nhất lúc hắn bắt đầu màn tập bắn bia người này. Sau khi hắn nã được chín hay mười loạt đạt, họ bắt đầu thấy sợ thật sự, tin chắc mình sắp bị tấn công, nên quyết định phải tự cứu thân gấp. Xoay sở một hồi, họ cũng mở được ô cửa sổ vốn bị niêm phong chặt ở cái hốc nhậu đó. Chúng tôi thấy một sợi dây điện được ném ra khỏi cửa sổ, rơi xuống gần chạm mặt đất vốn cách đó phải hơn 12 mét. Tiếp theo, chân phải Baggy thò ra đặt trên bệ cửa một lát rồi lấy đà đẩy thân hình đẫy đà của ông lên. Chẳng ngạc nhiên khi Baggy đòi làm người ra trước.

“Chúa ơi.” Wiley nói với giọng như vừa bắt được vàng và nâng máy ảnh lên ngay. “Họ say quắc cần câu rồi.”

Bám vào sợi dây điện bằng hết sức bình sinh, Baggy lao mình qua khung cửa để xuống nơi an toàn. Nhưng kế hoạch của ông có vẻ không ổn cho lắm. Sợi dây căng như dây đàn dưới sức nặng của ông, hai tay ông căng cứng bám chặt nó. Rõ ràng là ở trong phòng còn nhiều dây nữa, và đám đồng tửu sẽ thả ông xuống từ từ.

Với hai tay vươn thẳng lên trên, quần ông cũng bị kéo theo lên, để lộ mảng da trắng nhợt trên đôi vớ đen. Baggy đâu quan tâm mấy đến diện mạo, có hay không có tay bắn tỉa cũng vậy.

Loạt súng tạm dừng, còn Baggy thì đong đưa ở đó, chầm chậm bị xoắn lại tấp về phía tòa nhà, vẫn chỉ mới xuống được một mét. Tôi có thể thấy Major đang điên cuồng giữ lấy sợi dây. Ông ấy chỉ có một chân thôi, và tôi lo là nó cũng sắp đi đời. Sau lưng ông còn có hai người nữa, có lẽ là Wobble Tackett và Chick Elliot, hai người còn lại trong bộ tứ đánh bài thường lệ.

Wiley bắt đầu cười, nhưng vừa cười vừa cố kìm lại, giọng trầm trầm làm rung cả người.

Mỗi lần tay súng tạm nghỉ là dân tình hít một hơi, đảo mắt nhìn quanh cầu mong nó hết thật luôn cho rồi. Nhưng súng vẫn đều đều nổ, và mỗi loạt đạn càng khiến chúng tôi lo lắng hơn.

Hai phát súng vang lên. Baggy oằn người như vừa bị bắn, dù trên thực tế, tay bắn tỉa không đời nào thấy được ông, và cú oằn đột ngột vừa rồi rõ ràng đã khiến chân còn lại của Major chịu không nổi. Sợi dây bung ra rơi tự do và Baggy hét lên khi lao xuống một dãy hoàng dương do hội Nữ tử Liên bang trồng. Đám cây đã hứng bớt lực rơi và độ dẻo dai của chúng như tấm bạt nhún hất Baggy qua một bên, đáp đất như một trái dưa bở và thành người duy nhất bị thương trong toàn bộ vụ việc này.

Tôi nghe thấy mấy tiếng cười xa xa.

Wiley thì chẳng màng gì đến ông bạn đồng nghiệp, tập trung tối đa ghi lại cảnh này. Những tấm ảnh đó sẽ được lén chuyền tay nhau khắp Clanton suốt nhiều năm cho mà xem.

Baggy nằm yên bất động một hồi khá lâu. “Cứ để lão gàn nằm

yên đó," một cảnh sát gào lên.

"Tiên tửu trường sinh bất tử mà," Wiley cũng nói vọng vào.

Cuối cùng, Baggy cũng ngoi đầu dậy. Hệt như con chó vừa bị xe tải tông, ông bò vào bụi hoàng dương vừa cứu mạng mình, ẩn nấp chờ qua cơn bão.

Một chiếc xe cảnh sát đỗ cách Trà Quán ba nhà. Tay bắn tỉa liền nã một tràng về phía đó, và khi thùng xăng xe nổ tung, chúng tôi liền quên béng Baggy. Chuyện này đã lên một tầm mới khi khói đen mù mịt bắt đầu phun ra từ dưới gầm xe, còn có vài ánh lửa nữa. Tay bắn tỉa như vừa có được trò mới, và trong vài phút toàn nhắm xe mà bắn. Chắc chắn chiếc Spitfire của tôi là món đồ chơi bắt mắt, nhưng may thay có lẽ nó quá nhỏ.

Đến đoạn này, hắn phát cuồng luôn rồi, chuyển sang loạn lên. Hai cảnh sát hạt đã lên được mái vòm, và khi họ nhảy vào đình bát giác, tay bắn tỉa đã rũ rượi nằm nghỉ chờ họ.

"Bắt được hắn rồi!" một cảnh sát hét lên báo cho Coley. Chúng tôi chờ thêm hai mươi phút trong im lặng. Từ xa có thể thấy đôi giày wingtip và vớ đen của Baggy ló ra dưới bụi hoàng dương, nhưng chỉ thế thôi. Major trên kia, tay cầm ly, nhìn xuống, hét gì đó về phía Baggy chắc đang mê man bất tỉnh.

Thêm toán cảnh sát xông vào tòa án. Chúng tôi thở phào nhẹ nhõm, ngã người ra ghế, nhưng mắt vẫn dán chặt về phía đình bát giác. Bigmouth, Margaret và Hardy cũng lên ban công quan sát với chúng tôi. Đứng ở tầng dưới, họ đã thấy màn tiếp đất của

Baggy rồi. Chỉ có mình Margaret tỏ ra quan tâm không biết ông ấy thế nào.

Chiếc xe cảnh sát trúng đạn vẫn tiếp tục cháy cho đến khi đội cứu hỏa tới dập. Cửa tòa án bật mở và vài nhân viên công vụ của hạt bước ra, phả khói thuốc mù cả trời. Hai cảnh sát giúp đưa Baggy ra khỏi bụi hoàng dương. Ông đi không nổi, rõ ràng là đang đau lắm. Họ đưa ông lên một xe cảnh sát tuần tra rồi chở đi.

Nhìn lại về phía đình bát giác, thay chỗ tay súng giờ là một cảnh sát hạt, thành phố đã trở lại bình yên. Năm người chúng tôi liền xuống lầu, và như toàn bộ cư dân ở thành phố này, đua nhau chạy đến chỗ tòa án.

Tầng ba đã bị phong tỏa. Hiện không có phiên tòa nào, nên cảnh sát trưởng Coley thông báo mọi người đến phòng xử án và ông sẽ tường trình ngắn gọn vụ việc. Khi bước vào phòng, tôi thấy Major, Chick Elliot và Wobble Tackett được một cảnh sát hộ tống đi xuống. Rõ ràng họ quá say, cười ngặt nghẽo và gần như không đứng nổi nữa.

Wiley bước xuống tầng dưới để thăm dò. Xác tay súng sắp được đưa đi, và ông muốn chụp được mặt hắn. Tóc trắng, mặt đen, vẽ vằn vện - có quá nhiều thắc mắc để giải đáp mà.

Rõ ràng cảnh sát bắn tỉa đã không hoàn thành nhiệm vụ. Tay súng bắn tỉa được xác minh là Hank Hooten, luật sư làm trợ lý Ernie Gaddis truy tố Danny Padgitt. Anh ta đã bị bắt, không hề

hấn gì.

Khi cảnh sát trưởng Coley công bố chuyện này, ai nấy đều bàng hoàng và hoang mang. Mọi người vốn đã khá bồn chồn rồi, và chuyện này lại quá khó tin. “Chúng tôi tìm thấy anh Hooten ở cầu thang dẫn lên đình bát giác,” Coley tiếp tục nói, nhưng tôi chẳng còn tâm trí nào để ghi lại. “Anh ta không kháng cự và hiện giờ đã hoàn toàn bị khống chế.”

“Anh ta mặc gì?” có người hỏi.

“Chẳng mặc gì?”

“Không mặc gì sao?”

“Tuyệt đối không có gì trên người. Anh ta bôi một thứ màu đen, có lẽ là xi đánh giày, lên mặt và ngực, còn lại thì trần như nhộng.”

“Anh ta dùng vũ khí gì?” tôi hỏi.

“Chúng tôi tìm thấy hai khẩu súng trường hạng nặng, hiện giờ tôi chỉ nói được thế.”

“Anh ta có nói gì không? “Không một lời.”

Wiley cho biết họ đã lấy ga trải giường quấn lại cho Hank rồi tống vào băng ghế sau một xe tuần tra. Ông đã chụp được vài tấm, nhưng không mấy hy vọng có hình đẹp. “Cả chục cảnh sát vây quanh anh ta mà.”

Rồi hai chúng tôi lên xe đến bệnh viện xem tình hình Baggy thế nào. Tối hôm trước vợ ông trực ca đêm ở phòng cấp cứu, vậy mà sáng nay bị gọi dậy kêu đến bệnh viện gấp nên khi chúng tôi

đến nơi, bà không mấy vui vẻ. “Chỉ gãy tay thôi,” bà nói, rõ ràng là thất vọng khi nó không nặng như bà tưởng. “Vài vết bầm dập trầy trợt nữa. Lão ngốc đó đã làm trò gì vậy?” Tôi và Wiley chỉ biết đưa mắt nhìn nhau.

“Lão say chứ gì?” bà hỏi tiếp. Baggy lúc nào chẳng say. “Tôi chẳng rõ nữa. Ông ấy bị rơi khỏi cửa sổ phòng tầng trên của tòa án.”

“Ôi trời. Lão say cái chắc rồi.”

Tôi kể sơ về chuyện Baggy cố thoát thân, nói sao cho có vẻ như ông đã làm một chuyện hào hùng giữa làn đạn chí mạng. “Từ tầng ba á?” bà hỏi.

“Phải.”

“Vậy là lão đang chơi bài, uống rượu thì bỗng nổi hứng nhảy xuống từ tầng ba.”

“Căn bản là thế,” Wiley đáp liền.

Tôi chẳng ngăn kịp và vội lấp liếm, “Không hẳn thế đâu.” nhưng bà ấy đã quay người bước đi rồi.

Lúc chúng tôi vào phòng, Baggy đang nằm ngáy o o. Đã có sẵn rượu, lại thêm thuốc an thần, không li bì mới lạ. “Rồi ông ấy sẽ ước gì mình không bao giờ tỉnh lại,” Wiley thì thầm.

Và Wiley nói đúng. Giai thoại Baggy nhảy lầu trở thành câu chuyện thú vị được người ta nhắc đi nhắc lại suốt vài năm sau đó. Wobble Tackett thề thốt rằng Chick Elliot là người buông dây trước, còn Chick thì cãi rằng cái chân còn lại của Major

không trụ nổi nên mới ra cớ sự này. Nhưng ai thả trước cũng chẳng thành vấn đề, vì dân tình trong thành phố ai cũng nghĩ rằng ba lão bạn già ngốc nghếch của Baggy ở Phòng Luật cố tình thả ông xuống bụi hoàng dương thì có.

Hai ngày sau, Hank Hooten được đưa đến bệnh viện tâm thần bang ở Whitfield, và anh ta sẽ phải ở đó vài năm. Ban đầu tội danh bị truy tố của Hank là cố sát cả nửa thành phố Clanton, nhưng rồi các cáo buộc cũng giảm dần. Người ta đồn rằng Hank kể với Ernie Gaddis là anh không chủ ý bắn ai cả, cũng không muốn hại ai, nhưng anh chỉ giận cái thành phố này vì không thể cho Danny Padgitt bản án tử hình.

Sau đó, mọi người kháo nhau rằng họ chẩn đoán Hank bị tâm thần phân liệt. “Thằng khùng”, ai cũng kết luận vậy.

Dù gì, ở Hạt Ford xưa giờ, chưa ai mất trí một cách hoành tráng như vậy.

CHƯƠNG 26

Một năm sau khi mua tờ báo, tôi gửi lại cho bà ngoại BeeBee tờ chi phiếu 55.000 đô, trả đủ cả gốc tôi mượn lẫn lãi 10%. Khi đưa tiền cho tôi, bà không nói gì đến tiền lãi, cũng chẳng bắt tôi ký giấy nợ. Trả 10% là hơi cao, nhưng tôi mong làm thế sẽ khiến bà thấy ngại mà gửi tờ chi phiếu lại. Tôi hồi hộp gửi nó đi rồi chờ hồi âm, và đúng như tôi dự đoán, một tuần sau đã có thư từ Memphis đến.

William thương mến. Bà đã mở chi phiếu của cháu ra xem. Bà không dự tính sẽ nhận lại số tiền này và hiện giờ bà cũng không có việc gì để dùng đến. Dù có vẻ sẽ không xảy ra, nhưng nếu sau này vì lý do đặc biệt gì đó mà bà cần đến nó, thì ta sẽ bàn bạc sau. Thấy cháu trả lại tiền khiến bà vô cùng tự hào về cháu và an tâm về nhân cách của cháu. Thành tựu của cháu trong chưa đầy một năm khiến bà quá tự hào và vui sướng khi kể cho bạn bè về người cháu tổng biên tập và nhà xuất bản báo chí thành đạt.

Thú thật là bà đã hơi lo khi cháu về nhà sau khi tốt nghiệp Syracuse. Có vẻ cháu thiếu định hướng và động lực, tóc lại hơi dài. Nhưng cháu đã chứng minh là bà đã nhầm, lại còn cắt tóc ngắn nữa. Cháu đã thành một quý ông, trong cả ngoại hình và hành xử.

Cháu là cả thế giới của bà, William à, bà thương cháu vô cùng. Nhớ viết thư thăm bà thường xuyên hơn nhé. Thương cháu, BeeBee
Tái bút: Anh chàng tội nghiệp trút hết áo quần và bắn cả thành phố giờ thế nào rồi? Dân tình ở đó đúng là thú vị thật!

Bà ngoại BeeBee đã có hai đời chồng. Người chồng đầu tiên mất vào năm 1924 vì một chứng bệnh hay ho gì đó. Rồi bà tái hôn với một thương gia buôn vải bông, ông bà chỉ có một mụn con là người mẹ yểu mệnh của tôi. Ông ngoại tôi cũng mất vào năm 1938, để lại cho bà cả gia tài. Bà không tái hôn nữa, và sống những năm tháng tam tuần để đếm tiền, chơi bài và du lịch. Là đứa cháu độc nhất, tôi mặc định là người thừa kế của bà, dù thật sự tôi chẳng rõ gia tài của bà nhiều chừng nào.

Nếu bà ngoại mong nhận thư thì chắc chắn tôi sẽ viết.

Tôi mừng rỡ xé tấm chi phiếu vừa nhận lại, ra nhà băng và mượn thêm 50.000 đô từ Stan Atcavage. Hardy vừa tìm được một máy in cũ nhưng mới sử dụng chưa được bao lâu ở Atlanta, và tôi quyết định xuống tiền 108.000 đô để mua nó. Cái máy in cổ đại đã được ra đường, và phòng in của tờ báo thực sự khoác lớp áo hiện đại của thế kỷ 20. Nhờ đó tờ *Thời báo* cũng có diện mạo mới, chữ rõ hơn, hình nét hơn, thiết kế đẹp hơn. Con số phát hành của chúng tôi đã lên đến 6000 và tờ báo đang trên đà tăng trưởng lợi nhuận vững vàng. Cuộc bầu cử thành phố năm 1971 lại càng khiến tôi chắc chắn về chuyện này.

Tôi thật sự kinh ngạc trước số người chạy đua vào các chức vụ công ở Mississippi. Mỗi hạt được chia thành năm quận và mỗi

quận có một cảnh sát được bầu lên, đeo phù hiệu, đeo súng và đồng phục tự chọn. Nếu đủ tài chính, mà chắc chắn ai cũng đủ, thì cảnh sát sẽ lắp thêm đèn hiệu lên xe và có quyền dừng xe bất kỳ ai, bất kỳ lúc nào thấy có vi phạm gì đó. Mấy cảnh sát quận này chẳng cần được đào tạo hay rèn luyện gì cả. Họ cũng không phải báo cáo cho cảnh sát trưởng hạt hay cảnh sát trưởng thành phố, người duy nhất giám sát họ là các cử tri bốn năm một lần. Theo lý thuyết, họ chỉ là những người truyền lệnh triệu tập, nhưng khi được bầu lên rồi, mấy cảnh sát này không kìm được ma lực của khẩu súng và quyền bắt người.

Càng viết nhiều phiếu phạt, họ càng kiếm bộn tiền. Đây chỉ là công việc bán thời gian với mức lương trung bình, nhưng ít nhất một trong năm cảnh sát dân cử ở mỗi hạt xem đây là cần câu cơm chính. Và chính người này là nguồn cơn rắc rối.

Mỗi hạt đều có một Thẩm phán Hòa bình, danh hiệu thời 1971 cho một nhân viên tư pháp mà lại không hề được đào tạo về pháp lý. Họ không cần học vấn hay kinh nghiệm gì. Phiếu bầu là tất cả. Thẩm phán Hòa bình này phụ trách phán xử mọi người mà cảnh sát dân cử đưa về, quan hệ của hai người họ khá là thân ái và phần nào đáng ngờ. Mấy tài xế dân ngoài bang mà bị cảnh sát dân cử Hạt Ford bắt lại thường sẽ bị Thẩm phán Hòa bình hành cho ra bã.

Và thế là mỗi hạt có năm giám sát viên, năm ông chúa nhỏ thật sự nắm quyền lực. Để lấy lòng người ủng hộ, họ cho lát đường, sửa cống nước, rải sỏi các lối đi nhỏ. Với người đối địch,

họ chẳng làm được gì nhiều. Quy định của mọi hạt đều do Hội đồng Giám sát thực hiện.

Mỗi hạt đều có một cảnh sát trưởng, thu thuế viên, định thuế viên, thư ký tòa và điều tra viên, tất cả đều do dân cử. Các hạt nông thôn có chung một tham nghị viên và một hạ nghị viên. Thời năm 1971, còn có các chức vụ dân cử như ủy viên xa lộ, ủy viên dịch vụ công, ủy viên nông nghiệp, thủ quỹ bang, kiểm toán bang, trưởng công tố bang, phó thống đốc và thống đốc.

Tôi cứ nghĩ đây là một bộ máy lố bịch và cồng kềnh cho đến khi các ứng viên cho những vị trí này bắt đầu tìm đến tờ *Thời báo* đặt quảng cáo. Một cảnh sát dân cử rất tồi ở Quận 4 (hay còn bị gọi là Tứ Tàn) có đến 11 đối thủ khi cuộc tranh cử chỉ mới chớm đầu tháng 1. Hầu hết mấy anh nghèo này lả lướt vào tòa soạn của chúng tôi với một "tuyên bổ" được vợ viết ra trên tờ giấy vở. Tôi cứ kiên nhẫn đọc chúng, chỉnh sửa, thậm chí là vắt óc cố hiểu xem họ viết gì. Rồi tôi nhận tiền và chạy cho họ mẩu quảng cáo bé xíu, mà hầu như cái nào cũng bắt đầu với "Sau vài tháng cầu nguyện.." hoặc "Nhiều người đã ngỏ ý muốn tôi tranh cử..."

Đến cuối tháng 2, cả hạt chỉ chăm chăm vào cuộc bầu cử đến tháng 8 mới diễn ra. Cảnh sát trưởng Coley có hai đối thủ đáng gờm. Hạn chót để đăng ký tham gia tranh cử là tháng 6, và lão vẫn chưa có động thái gì, khiến dân tình xôn xao có khi năm nay lão không ra tranh cử nữa.

Nhưng mà thật ra hễ liên quan đến bầu cử, một chút chuyện nhỏ xíu cũng đủ khuấy động dư luận ở đây rồi.

Bà Callie vẫn giữ quan niệm của người xưa là ăn ở nhà hàng chỉ tốn tiền và do đó còn là tội nữa. Danh sách tội tiềm tàng của bà nhiều hơn hầu hết mọi người, nhất là so với tôi. Phải mất sáu tháng tôi mới thuyết phục được bà ghé quán Claude ăn trưa ngày thứ Năm. Lập luận của tôi là nếu tôi thanh toán thì bà đâu có phí phạm tiền bạc, nên sẽ không mắc tội gì, còn tôi thì thêm một tội nữa cũng đâu nhằm nhò gì. Thật sự, đi ăn ngoài là một trong những chuyện làm tôi thoải mái nhất thì có.

Tôi chẳng lo về chuyện dân tình thấy tôi đi cùng một phụ nữ da đen ở trung tâm thành phố, vì tôi có màng đến dư luận đâu. Tôi cũng không lo về chuyện mình là người da trắng duy nhất ở quán Claude. Cái khiến tôi bận tâm nhất và cũng là lý do khiến tôi lần lữa bữa ăn trưa này là làm sao để đưa bà Callie lên và xuống chiếc Triumph Spitfire bé xíu của tôi cơ.

Bà và ông Esau có một chiếc Buick từng chở được một lần cả tám đứa con của họ, và dù có tăng thêm năm chục cân bà Callie vẫn có thể ra vào ghế trước chiếc đó dễ dàng.

Với tình hình hiện nay, bà chẳng giảm cân được đâu. Chứng huyết áp cao và mức cholesterol cao của bà là mối quan ngại lớn của các cô cậu nhà Ruffin. Năm nay bà đã 60 tuổi, dù vẫn khỏe mạnh, nhưng nguy cơ đang chực chờ.

Chúng tôi bước ra đường và bà đứng trơ ra nhìn xe tôi. Hôm

đó trung tuần tháng 3, trời đang gió và có thể có mưa nên tôi phải bật mui lên, khiến chiếc xe hai chỗ này trông còn bé hơn bình thường.

"Tôi không chắc là được đâu," bà nói luôn. Phải mất sáu tháng để mời bà ra ngoài ăn, nên tôi không đời nào để bị hủy phút chót. Tôi mở cửa xe và bà nhìn vào với ánh mắt nghi ngại.

"Anh có gợi ý gì không?"

"Có, cứ theo phương pháp quay đằng hậu vào trước."

Cuối cùng cách đó cũng thành, bà vào được xe, và tôi nổ máy lái xe trong tình trạng vai chen vai. "Dân da trắng lái mấy chiếc xe vui thật đấy," bà hồ hởi nói như thể lần đầu đi máy bay vậy. Tôi gạt cần số, lăn bánh ra đường, cả hai cười nói vui vẻ.

Đến trước tòa soạn, tôi xuống xe giúp bà chui ra và giờ mới biết hóa ra vào lại dễ hơn ra nhiều. Vào trong, tôi giới thiệu bà với Margaret Wright và Davey Bigmouth Bass, rồi dẫn bà đi tham quan một vòng. Bà đã tò mò muốn biết về máy in mới vì đã thấy chất lượng in ấn cải thiện rõ rệt. "Ở đây ai là người dò bài vậy?" bà thầm thì hỏi.

"Là bà chứ ai nữa," tôi hí hửng trả lời. Theo lời bà, hiện giờ chúng tôi chỉ mắc ba lỗi chính tả mỗi tuần. Và mỗi bữa ăn trưa ngày thứ Năm, tôi đều nhận danh sách lỗi mà bà soạn sẵn cho.

Hai chúng tôi rảo bộ quanh quảng trường rồi vào quán Claude, quán ăn da đen kế bên tiệm giặt ủi. Ông Claude đã mở quán nhiều năm rồi và đồ ăn của ông chắc chắn là ngon nhất

thành phố. Ông không cần thực đơn vì hôm đó ông nấu món gì thì thực khách cứ việc ăn món đó. Thứ Tư có cá da trơn, thứ Sáu là đồ nướng, nhưng bốn ngày còn lại thì phải chờ ông Claude giới thiệu mới biết có món gì. Ông ra tiếp chúng tôi, trên người còn đeo tạp dề dính dầu mỡ, chỉ cho chúng tôi một bàn cạnh khung cửa kính mặt tiền. Quán đang phục vụ nửa công suất và có vài ánh mắt hiếu kỳ bắt đầu hướng về phía chúng tôi.

Lạ là bà Callie chưa hề gặp ông Claude. Tôi cứ tưởng mọi người da đen ở Clanton phải gặp nhau ít nhất một lần rồi, nhưng bà Callie mới giải thích là không phải vậy. Ông Claude sống ở vùng nông thôn ngoại ô, và dân Hạ trấn kháo nhau rằng ông không hề đi nhà thờ. Bà Callie cũng chẳng có mong muốn gặp mặt ông làm gì. Hai người từng cùng dự một tang lễ cách đây vài năm, nhưng chưa hề chuyện trò.

Tôi giới thiệu họ với nhau, và khi nghe cái tên, ông Claude buột miệng, "Nhà Ruffin. Toàn là bác sĩ."

"Tiến sĩ," bà Callie chỉnh lại.

Ông Claude là người ăn to nói lớn, kiếm tiền bằng món ăn và lại không đi nhà thờ, nên ngay lập tức bà Callie đã thấy không ưa rồi. Ông cũng hiểu ý dù chẳng bận tâm làm gì, và quay đi hét gọi ai đó ở sau bếp. Một cô phục vụ dọn trà đá và bánh mì bắp lên, hai thứ này bà Callie cũng không ưa. Theo lời bà thì trà loãng và gần như không có đường, bánh mì bắp lại thiếu muối và để nguội, một chuyện không thể chấp nhận được. "Đây là nhà

hàng, bà Callie," tôi nói nhỏ, "bà cứ thả lỏng đi mà."

"Tôi đang cố đây."

"Không dám đâu. Gặp thứ gì bà cũng cau mày thì làm sao tận hưởng được một bữa ngon chứ?"

"Cái nơ của anh đẹp đấy."

"Cảm ơn bà."

Có lẽ trong tất cả, bà Callie là người khoái trá nhất về tủ đồ được nâng cấp của tôi. Bà đã giải thích cho tôi biết là dân Negro thích diện đẹp và rất có ý thức thời trang. Khi nói chuyện, bà vẫn gọi mình là Negro.

Với các phong trào quyền dân sự đang nổi lên và các vấn đề phức tạp mà nó khơi ra, giờ khó mà biết nên gọi người da đen thế nào. Những người da đen lớn tuổi, tầng lớp cao như bà Callie thích được gọi là Negro. Những người ở tầng lớp thấp hơn thì là "dân da màu."

Dù tôi chưa hề nghe bà Callie dùng từ này, nhưng cũng không phải là chuyện lạ khi những người da đen tầng lớp cao gọi những người da đen tầng lớp thấp nhất là "mọi đen."

Tôi không tài nào hiểu nổi mấy kiểu tầng lớp và tên gọi này, nên tôi cứ gọi "người da đen" cho lành. Những người cùng màu da với tôi ở phía bên này đường ray thì có nguyên cả từ điển để mô tả người da đen, và trong số đó không mấy từ mang nghĩa yêu quý.

Lúc đó, tôi là người duy nhất không phải Negro ở quán

Claude, nhưng chẳng ai thấy phiền vì chuyện này.

“Hai người ăn gì nào?” Ông Claude hét lên từ sau quầy. Cạnh quầy có một tấm bảng đen giới thiệu món ớt Texas, gà chiên và sườn heo áp chảo. Bà Callie biết thịt gà và thịt heo quá nhiều đạm đối với bà, nên hai chúng tôi đều gọi món ớt.

Rồi bà Callie kể cho tôi về khu vườn. Rau quả vụ đông của bà tốt lắm và hai vợ chồng đang chuẩn bị gieo hạt cho vụ hè. Niên lịch Nông dân dự báo hè năm nay sẽ nóng nhẹ, lượng mưa trung bình (dù thật ra năm nào họ chẳng nói thế), nên bà đang háo hức trông chờ thời tiết ấm áp và những bữa trưa tại hiên trước, chỗ chuẩn mực nhất cho nghi thức đó. Tôi hỏi hạn về Alberto, người anh cả, và sau nửa tiếng chuyện trò, bà nhắc đến cậu con út Sam. Cậu ấy đã về Milwaukee, ở với Roberto, vừa làm vừa đi học bổ túc ban đêm. Toàn bộ con cháu của bà đều khỏe cả.

Rồi bà muốn nói về “Hank Hooten tội nghiệp.” Bà nhớ rõ anh ta ở phiên tòa, dù anh ta chưa hề có lời nào với bồi thẩm đoàn. Tôi nói luôn cho bà những tin tức mới nhất tôi nhận được. Hiện giờ anh ta đang ở trong một căn phòng với bốn bức tường đệm mút, chắc cũng không sớm ra khỏi đó đâu.

Thực khách bắt đầu kéo đến đầy quán. Ông Claude bước ra, trên tay là một chồng đĩa, và nói thẳng với chúng tôi, “Ăn xong thì về được rồi.” Bà Callie cố tỏ ra khó chịu vì hành động này, nhưng ai cũng biết Claude có tiếng thấy khách ăn xong là tiễn ngay. Vào những ngày thứ Sáu, khi có vài khách da trắng đến ăn

đồ nướng và quán hết bàn, ông sẽ đặt giờ cho khách luôn, nói rõ to, “Cho anh 20 phút.”

Bà cố tỏ ra mình chẳng thích trải nghiệm vừa rồi - đi ăn nhà hàng, khăn trải bàn rẻ tiền, đồ ăn, Claude, giá cả, đông người, đủ thứ. Nhưng đó chỉ là giả vờ thôi. Trong lòng bà vui thầm vì được một quý ông da trắng trẻ tuổi lịch lãm mời đi ăn. Bạn bè của bà, làm gì có ai được như vậy.

Về đến Hạ trấn, khi tôi nhẹ nhàng giúp bà chui ra khỏi xe, bà đưa tay vào túi xách lấy ra một mảnh giấy nhỏ. Tuần này chỉ có hai lỗi, cả hai đều ở mục quảng cáo ngắn do Margaret phụ trách.

Tôi tiễn bà đến cổng. “Vừa rồi cũng không đến nỗi tệ nhỉ?”, tôi nói.

“Tôi đã được vui lắm. Cảm ơn anh. Thứ Năm tuần tới anh ghé nhà tôi chứ?” Tuần nào, bà cũng hỏi câu đó, dù bà biết thừa câu trả lời rồi.

CHƯƠNG 27

Trưa ngày Quốc khánh 04 tháng 7, nhiệt độ ngoài trời là hơn 38 độ, độ ẩm còn khủng khiếp hơn nữa. Cuộc diễu hành do xe của thị trưởng dẫn đầu, dù năm nay ông không tranh cử chức vụ gì. Bầu cử địa phương và bầu cử bang vào năm 1971. Bầu cử tổng thống vào năm 1972. Bầu cử tư pháp vào năm 1973. Và bầu cử thành phố vào năm 1974. Dân Mississippi mê đi bầu không kém bóng bầu dục.

Thị trưởng ngồi ở ghế sau chiếc Corvette 1962, ném kẹo cho trẻ em đứng dọc lề đường quanh quảng trường. Sau ông là hai ban nhạc trung học của Clanton và Karaway, Hướng đạo sinh, Hội Shriners đi xe đạp tí hon, một chiếc xe cứu hỏa, vài chục xe hoa, một đội kỵ binh vũ trang, các cựu chiến binh từ mọi cuộc chiến diễn ra trong thế kỷ này, bộ sưu tập xe mới cóng của một nhà buôn xe Ford, và ba máy kéo John Deere phục chế. Bồi thẩm thứ tám, ông Mo Teale, lái một trong ba chiếc đó. Đi cuối đoàn diễu hành là một loạt xe cảnh sát của hạt lẫn thành phố, tất cả đều sáng bóng đến hoàn hảo.

Tôi đứng xem đoàn diễu hành từ ban công tầng ba của Ngân hàng Bảo an. Stan Atcavage đã tổ chức một tiệc thường niên ở

đó. Giờ tôi đang nợ ngân hàng cả đống nên được mời đến uống nước chanh và ngắm bầu không khí lễ hội.

Vì lý do gì đó không ai nhớ nổi, các hội viên Hội Rotary luôn là người phụ trách phần phát biểu tranh cử. Họ đỗ một chiếc xe moóc dài và bẹt ngay cạnh tượng lính gác Liên minh để làm sân khấu và trang trí với những kiện cỏ khô và cờ quạt ba màu đỏ, trắng, xanh. Khi cuộc diễu hành đã xong, đám đông chuyển sang quây quần quanh sân khấu, háo hức chờ đợi. Một cuộc hành hình treo cổ bình thường cũng không thu hút khán giả bằng lúc này.

Ông Mervin Beets, chủ tịch Hội Rotary, bước lên và chào mừng mọi người. Trong mọi sự kiện ở Clanton, cầu nguyện là nghi thức bắt buộc, và với tinh thần xóa bỏ phân tách chủng tộc, ông mời mục sư Thurston Small lên chủ sự. Theo Stan, trong lễ Quốc khánh năm đó, số người da đen đến dự tăng thấy rõ.

Trước mặt một đám đông thế này, mục sư Small chẳng thể nào làm qua loa được. Ông xin Chúa chúc lành cho mọi người, mọi sự, phải đến hai lần. Các loa phóng thanh được treo trên những cọc cắm vòng quanh tòa án, nên giọng ông vang dội khắp khu vực trung tâm thành phố.

Ứng viên đầu tiên là Timmy Joe Bullock, một thanh niên đầy hoang mang muốn làm cảnh sát dân cử để kiếm cơm. Timmy bước đến chiếc xe moóc, dè dặt như thể đang bước lên tấm ván mỏng, và khi đứng sau micro, nhìn xuống đám đông chen chúc

trước mặt, anh lạnh toát đến gần xỉu. Timmy cố lắm cũng nói ra được tên mình, rồi đưa tay xuống bọc tìm bài phát biểu. Có vẻ anh không hợp với việc nói trước công chúng cho lắm, nhưng trong mười phút dài dằng dặc, anh cũng chỉ ra được sự gia tăng tội phạm, phiên tòa xử vụ án mạng mới đây và chuyện tay súng điên. Anh không thích những kẻ giết người, và kịch liệt chống những kẻ xả súng. Anh sẽ làm việc cật lực để bảo vệ chúng tôi khỏi cả hai loại đó.

Timmy nói xong rồi bước xuống với vài tiếng vỗ tay lác đác. Nhưng ít ra, anh còn có gan xuất hiện. Trong năm quận, có 22 ứng viên cho năm chức cảnh sát dân cử, nhưng chỉ có bảy người đủ can đảm để nói trước đám đông hôm nay. Khi xong phần phát biểu của các ứng viên cảnh sát dân cử và Thẩm phán Hòa bình, Woody Gates và ban nhạc Country Boys chơi vài bài nhạc đồng quê.

Vài chỗ trên bãi cỏ tòa án có mấy quầy đồ ăn đồ uống nhẹ được dựng lên. Hội Lions lo chuẩn bị và phân phát những lát dưa hấu mát lạnh. Các cô ở hội làm vườn thì bán kem nhà làm. Hội Jaycees thì đang nướng sườn. Đám đông quây quần dưới những tán sồi lớn, trốn ánh nắng mặt trời.

Mackey Don Coley cuối cùng cũng chính thức nhập cuộc vào cuối tháng 5. Lão có ba đối thủ, người nổi bật nhất là một cảnh sát thành phố Clanton tên T. R. Meredith. Khi ông Beets công bố đến phần phát biểu của các ứng viên cảnh sát trưởng, ai nấy đều

bỏ bóng râm mà chen chúc quanh sân khấu.

Freck Oswald đang tranh cử chức vụ này lần thứ tư. Ba lần trước, ông đều là người có ít phiếu nhất và lần này có lẽ cũng vậy, nhưng có vẻ nội chuyện tham gia tranh cử đã đủ thích thú với ông rồi. Ông không ưa tổng thống Nixon và chỉ trích gay gắt chính sách đối ngoại của chính phủ Nixon, nhất là về quan hệ với Trung Quốc. Đám đông lắng nghe, nhưng có vẻ họ đều mơ hồ.

Tryce McNatt thì mới tranh cử lần hai. Ông mở đầu với câu, "Tôi thật sự chẳng quan tâm quái gì về Trung Quốc." Một câu rất hài nhưng cũng rất ngốc. Chửi thề trước mặt công chúng với rất nhiều quý bà quý cô có thể khiến ông phải trả giá đắt. McNatt bực mình với cung cách vỗ về tội phạm của chính quyền. Ông phản đối bất kỳ động thái nào muốn xây thêm trại tạm giam mới ở Hạt Ford, làm thế chỉ lãng phí tiền thuế mà thôi! Ý tưởng của ông là bản án nặng hơn, nhiều nhà tù hơn, thậm chí là xiềng chân tập thể và lao động khổ sai.

Lâu nay tôi chưa nghe phong thanh gì về ý tưởng xây trại tạm giam mới cả.

Theo McNatt, với vụ án mạng Kassellaw và vụ ầm ĩ của Hank Hooten, tội phạm ở Hạt Ford giờ đã ngoài tầm kiểm soát, và họ cần một cảnh sát trưởng mới, một người truy lùng tội phạm chứ không phải kết thân với chúng. "Hãy thanh tẩy hạt này!" ông chốt lại bằng một câu khẩu hiệu, và đám đông cũng hò vang lặp

lại theo.

T. R. Meredith là một chiến binh với 30 năm thâm niên trong ngành bảo vệ pháp luật. Ông là một diễn giả tồi, nhưng theo Stan, lại quen biết cả nửa hạt. Stan rành mấy chuyện này quá vì nửa hạt còn lại là người quen của ông mà. "Meredith sẽ thắng cách biệt ngàn phiếu," Stan cũng dự đoán luôn cho tôi hay. Nhưng không phải ai cũng đồng ý với ông.

Ứng viên cuối cùng là Mackey Don. Lão đã làm cảnh sát trưởng từ năm 1943 và chỉ muốn kéo thêm một nhiệm kỳ cuối cùng. "Điệp khúc 20 năm qua của lão đấy," Stan nhắc khéo. Coley tập trung nói về kinh nghiệm, sự am hiểu tình hình và dân chúng của hạt. Khi lão dứt lời, tràng pháo tay từ phía đám đông đủ lịch sự nhưng chắc chắn không phải là động thái cổ vũ gì.

Còn có hai ông tranh cử chức thu thuế viên, chắc chắn đó là vị trí ít được mến mộ nhất hạt này. Khi họ nói, đám đông lại tản ra đi tìm kem và dưa hấu. Tôi tới chỗ Harry Rex, nơi ông đang tổ chức một tiệc nhỏ ngay vỉa hè trước mặt văn phòng.

Các bài phát biểu tiếp tục đến hết buổi chiều. Bấy giờ là mùa hè 1971 và tính đến thời điểm đó đã có ít nhất 50.000 thanh niên Mỹ đã thiệt mạng ở chiến trường. Một dịp quy tụ như thế này mà diễn ra ở vùng khác trên đất Mỹ hẳn đã thành một cuộc mít tinh phản chiến sục sôi. Các chính trị gia sẽ bị đá đít xuống khỏi sân khấu, cờ quạt và biểu ngữ sẽ bị lôi ra đốt.

Nhưng dịp Quốc khánh ở đây, chẳng ai nhắc đến chiến tranh. Hồi ở Syracuse, tôi đã thích thú tham gia biểu tình ở sân trường, tuần hành trên các ngả đường, nhưng ở vùng Thâm Nam này, những hoạt động như thế chẳng hề tồn tại. Đứng trước một cuộc chiến tranh, người ái quốc thực sự sẽ luôn cất tiếng ủng hộ. Chúng ta phải ngăn chặn đám hippy, cấp tiến và phản chiến ở miền Bắc, và California đơn giản là quá hèn nhát chẳng dám chiến đấu.

Tôi đang cầm đĩa kem dâu mua từ một cô ở hội làm vườn và thong thả rảo bước quanh tòa án, thì nghe rầm một tiếng. Từ cửa sổ Phòng Luật ở tầng ba, có tay pha trò nào đó vừa ném ra một hình nộm, tất nhiên là của Baggy rồi. Hình nộm đang bị vướng cả hai tay trên đầu, hệt như tư thế của Baggy lúc trước, và trên ngực nó là tấm bảng viết chữ "BÙNG." Để bảo đảm mọi người dưới kia đều hiểu thâm ý của trò đùa, mỗi bên túi quần của hình nộm thò ra một chai Jack Daniel rỗng.

Hôm đó, tôi chưa gặp Baggy và đến lúc này cũng không mong ông đến đây làm gì. Chẳng ngạc nhiên khi Wiley chớp ngay vài tấm ảnh hình nộm Baggy đó.

"Theo đến rồi!" ai đó hô lớn và đám đông có vẻ phấn khích thấy rõ. Theo Morton là tham nghị viên lâu năm của hạt chúng tôi. Khu vực bầu cử của ông bao gồm bốn hạt, và dù ông sống ở Baldwin, nhưng vợ ông là dân gốc Clanton. Ông có hai nhà hưu dưỡng và một nghĩa trang. Dù đã bỏ nghề phi công từ lâu, nhưng ông nổi tiếng là người đã sống sót qua ba vụ rơi máy bay.

Theo là một diễn giả đa sắc thái - thẳng thừng, châm chích, hài hước, và hoàn toàn không thể đoán trước. Đối thủ của ông là một chàng trai trẻ tên là Warren, vừa tốt nghiệp trường luật và được đồn là đang bắt đầu lộ trình để làm thống đốc. Warren đã phạm sai lầm khi công kích Theo bằng một điều luật đáng ngờ đã được "nhét vào" phiên họp cuối và tăng hỗ trợ của nhà nước cho những người ở nhà hưu dưỡng.

Đấy là khiêu chiến công khai rồi. Tôi đứng trong đám đông, nhìn Warren thao thao bất tuyệt, và sau vai anh là tấm bảng với chữ "BÙNG" treo trên cửa sổ tầng ba.

Rồi đến lượt Theo lên bục, lời mở đầu của ông là giới thiệu vợ mình, Rex Ella, một người trong gia tộc Marby ở Clanton. Ông nói về bố mẹ và ông bà, chú bác cô dì của vợ mình, rồi chẳng mấy chốc là nhắc đến cả nửa đám đông đang quây quần ở đó. Clanton là quê hương thứ hai của ông, là khu vực bầu cử của ông, là dân của ông, và ông đã làm việc cật lực để phụng sự Clanton từ Jackson.

Một bài phát biểu quá trơn tru, quá mượt, quá tự trào. Bậc thầy diễn thuyết mà.

Ông là chủ tịch Ủy ban Xa lộ trong tham nghị viện, tất nhiên phải dành vài phút để khoe biết bao con đường mới ông đã cho mở và tu sửa ở Bắc Mississippi. Mỗi nhiệm kỳ, ủy ban của ông xử lý 400 văn bản pháp chế. Bốn trăm nhé! Bốn trăm dự luật hoặc luật. Là chủ tịch, ông đảm trách phần soạn thảo luật. Việc của

tham nghị viên là thế mà. Soạn thảo luật tốt và xóa bỏ luật xấu.

Đối thủ của ông là người vừa tốt nghiệp trường luật, một thành tựu đáng nể. Còn Theo không có cơ hội vào đại học hay trường luật vì bận đi chinh chiến với quân Nhật trong Thế chiến II. Nhưng rõ ràng đối thủ của ông đã bỏ bê chuyện học luật. Nếu không thì đâu có trượt lần đầu thi lấy giấy phép hành nghề.

"Anh ấy đã trượt kỳ thi lấy giấy phép hành nghề luật đấy!"

Theo vừa nói xong, thì ai đó đứng ngay sau lưng Warren trẻ tuổi liền kêu lớn, "Nói dối!" Mọi người đều quay lại nhìn Warren như thể anh mất trí rồi. Theo hướng về phía đó, nói với giọng hoài nghi: "Nói dối sao?"

Ông đưa tay vào túi lấy ra một tờ giấy gấp tư. "Tôi có bằng chứng đây!" Ông giữ một góc giấy rồi vẫy nó cho mọi người xem. Chẳng cần đọc ra bất kỳ lời nào in trên giấy, Theo nói tiếp luôn, "Làm sao có thể giao phó việc viết luật cho một người không lấy nổi giấy phép hành nghề luật chứ? Anh Warren và tôi đây đều chẳng khác gì nhau, chúng tôi đều chưa có giấy phép hành nghề luật. Vấn đề là, tận ba năm học trường luật có vẻ chẳng ích gì cho anh ấy."

Những người ủng hộ Theo bật cười khoái trá. Warren trẻ tuổi vẫn cố tỏ ra tỉnh bơ nhưng rõ ràng đã sụp đổ trong lòng rồi.

Theo vẫn tiếp tục tung đòn hiểm, "Nếu anh ấy vào trường luật Mississippi thay vì học ở Tennessee thì có lẽ đã hiểu được luật của chúng ta rồi!"

Những màn hủy hoại đối thủ của Theo đã thành giai thoại. Ông từng có lần hạ nhục đến nỗi đối thủ sa sầm mặt mày bỏ vê ngay. Hôm đó, lấy ra một "bản khai có tuyên thệ" từ trong túi, Theo nói ông có bằng chứng về chuyện "cựu mục sư" có tư tình với vợ của một chấp sự. Và cũng như lần này, bản khai đó chỉ trưng ra cho có lệ chứ không hề được đọc lên.

Với Theo, thời hạn mười phút quy định cho mỗi ứng viên chỉ là quy định cho có. Ông thao thao bất tuyệt với hàng loạt lời hứa giảm thuế và chống lãng phí, còn bảo đảm sẽ khiến những kẻ giết người có nguy cơ phải lãnh án tử hình cao hơn. Kết bài hùng biện, ông cảm ơn tất cả vì đã ủng hộ ông suốt 20 năm qua. Ông còn nhắc rằng trong hai cuộc bầu cử gần nhất, dân chúng Hạt Ford đã đóng góp cho ông và bà Rex Ella vợ ông, gần 80% số phiếu họ nhận được.

Giữa âm thanh của tràng pháo tay vang dội kéo dài, Warren lẳng lặng chuồn mất. Tôi cũng vậy. Tôi quá mệt với mấy bài diễn thuyết và chính trị rồi.

Bốn tuần sau, lúc chiều muộn ngày thứ Ba đầu tiên trong tháng 8, cũng đám đông lần trước quy tụ về quanh tòa án để chờ kết quả kiểm phiếu. Thời tiết bây giờ đã dịu đi hẳn, chỉ còn 33 độ và độ ẩm 98%.

Ngày cuối của cuộc bầu cử là thiên đường cho cánh phóng viên. Hai ứng viên chức Thẩm phán Hòa bình đã lao vào thượng cẳng tay hạ cẳng chân với nhau ở sau lưng một nhà thờ của

người da đen. Hai vụ kiện đã nổ ra, ai cũng cáo buộc bên kia tội phỉ báng và phát tán mẫu phiếu bầu giả. Một người bị tạm giam khi bị bắt quả tang đang xịt những lời tục tĩu lên bảng quảng cáo tranh cử của Theo, (sau khi cuộc bầu cử lắng xuống, mới biết hóa ra chính Theo thuê ông này làm thế). Ai cũng nghĩ người đáng nghi nhất là Warren trẻ tuổi. "Một chiêu quá thường." Baggy nhận định. Trưởng Sở Tư pháp bang đã yêu cầu điều tra con số phiếu khiếm diện quá cao. "Chuyện thường khi bầu cử ấy mà," Baggy kết luận gọn gàng như vậy. Căng thẳng lên đến đỉnh điểm vào ngày thứ Ba, toàn hạt dừng hết mọi hoạt động để đi bỏ phiếu và tận hưởng thú vui của một cuộc bầu cử vùng nông thôn.

Điểm bỏ phiếu đóng cửa vào lúc sáu giờ, tầm một tiếng sau cả quảng trường chộn rộn với những ức đoán và kỳ vọng. Người dân từ khắp hạt đổ hết về đây, họ đứng thành từng nhóm nhỏ vây quanh ứng viên mình ủng hộ, thậm chí còn lấy những băng rôn biểu ngữ để phân chia ranh giới địa bàn. Nhiều người đem theo đồ ăn thức uống, thậm chí cả ghế gấp, như thể đang chuẩn bị vào xem trận bóng chày. Hai tấm bảng đen to tướng đặt cạnh nhau ngay bên cửa chính tòa án để công bố kết quả bầu cử.

"Đã có kết quả từ Bắc Karaway," viên thư ký thông báo trên dàn loa mở hết công suất, lớn đến nỗi đứng cách năm, bảy cây số vẫn nghe được. Bầu không khí ở quảng trường liền nghiêm trọng hẳn lên.

"Bắc Karaway luôn có kết quả sớm nhất," Baggy vẫn tiếp tục

làm hướng dẫn viên tour bầu cử cho tôi. Giờ đã là 8:30, trời chập choạng tối. Chúng tôi ngồi ở hiên tòa soạn hóng tin. Tuần này, số báo thường lệ sẽ bị hoãn một ngày để phát hành "Ấn bản Bầu cử" vào thứ Năm. Đọc kết quả bầu cử cho mọi vị trí tranh cử cũng phải mất kha khá thời gian. Khi đọc đến đoạn, "Giờ là cuộc tranh cử vị trí cảnh sát trưởng, thì vài ngàn người đứng đó bỗng nín thở chờ đợi.

"Mackey Don Coley, 84. Tryce McNatt, 21. T. R. Meredith, 62, và Freck Oswald, 11. Góc quảng trường, nơi đám người ủng hộ Coley đóng quân liền rộ lên vui sướng.

"Coley luôn áp đảo ở Karaway mà," Baggy giải thích. Nhưng lão phế rồi."

Tôi ngạc nhiên, "Phế á?" Mới có kết quả của điểm bầu cử đầu tiên trong 28 điểm bầu cử toàn hạt mà Baggy đã dự đoán người thắng cử rồi.

"Phải. Để T.R. kiếm chừng đó phiếu ở nơi ông ta không có vốn xã giao gì, chứng tỏ dân chúng chán Mackey Don lắm rồi. Cứ chờ số phiếu ở Clanton là biết."

Kết quả kiểm phiếu các nơi lần lượt bay về, trong đó có những chỗ mà tôi còn chưa hề nghe tên, như Đồi Thư Thái, Lùm Rậm, Klebie, Tam Giác, Đồi Clover, Hẻm Xanh, Gò Chồn, Xưởng của Massey, Gò Calico. Woody Gates và ban nhạc Country Boys, những người hình như lúc nào cũng có mặt, góp mấy bài nhạc đồng quê để lấp khoảng trống trong những lúc chờ kết quả.

Nhà Padgitt bỏ phiếu ở một điểm bầu cử nhỏ xíu tên là Lạch Nhảy, và chẳng lạ lùng gì khi ở đó, Coley được 31 phiếu còn ba người kia cộng lại chỉ được 8 phiếu. Lúc thư ký bầu cử công bố đoạn này, đám đông liền vang lên một tràng hò hét chế giễu. Tiếp theo là đến Đông Clanton, điểm bầu cử lớn nhất và cũng là nơi tôi bỏ phiếu. Coley được 285 phiếu, Tryce 47, và khi nghe T.R. được 644 phiếu, cả quảng trường liền reo lên cuồng nhiệt.

Baggy quay sang ôm chầm lấy tôi, và chúng tôi hòa cùng không khí ăn mừng của cả thành phố. Coley đã bị đánh bại hoàn toàn, không cần lượt bỏ phiếu đối đầu.

Khi kẻ thất cử dần dần nhận ra thất bại của mình, những người ủng hộ họ cũng bắt đầu tản mác về nhà. Đến tầm 11:00, đám đông đã thưa đi đáng kể. Tới nửa đêm, tôi rời văn phòng, rảo một vòng quảng trường, chìm vào bầu không khí thú vị của phong tục bầu cử nơi này.

Tôi khá tự hào về thành phố này. Sau một vụ án mang với bản án lố bịch, chúng tôi đã đứng lên, đã phản kích, và thể hiện rõ rằng ở đây không có chỗ cho thói tham nhũng hủ bại. Số phiếu gạt bỏ Coley cũng là cách chúng tôi đánh vào nhà Padgitt. Sau một trăm năm, lần đầu tiên cảnh sát trưởng không nằm trong tay chúng.

T. R. Meredith thắng cử áp đảo với 61% số phiếu. Theo tiếp tục giữ ghế với 82% số phiếu như lâu nay vẫn vậy. Hôm đó, chúng tôi in 8000 “Ấn bản Bầu cử” và bán hết sạch. Mỗi năm trôi

qua, tôi lại càng tin tưởng vào hệ thống bầu cử. Thế này mới đúng là dân chủ chứ.

CHƯƠNG 28

Một tuần trước Lễ Tạ ơn năm 1971, Clanton chấn động khi một người con thành phố đã bỏ mạng tại chiến trường. Pete Mooney, thượng sĩ 19 tuổi, đã mất trong một cuộc tập kích.

Tôi không quen nhà Mooney, nhưng Margaret thì có. Chính bà báo tin này cho tôi và còn xin nghỉ phép vài ngày. Bà và nhà Mooney là hàng xóm đã lâu. Con trai bà và Pete Mooney là bạn thân từ nhỏ.

Tôi đã bỏ chút thời gian kiểm lại kho lưu trữ và phát hiện ra vào năm 1966, Marvin Lee Walker, một cậu da đen, là người con đầu tiên của mảnh đất này bỏ mạng khi tham gia chiến tranh tại Việt Nam. Chuyện xảy ra từ trước khi ông Caudle bắt đầu quan tâm đến mảng cáo phó, và bài báo trên tờ *Thời báo* viết về chuyện đó quá sơ sài, sơ sài đến mức không chấp nhận nổi. Chuyện đó mà lại không được lên trang nhất. Thay vào đó, bị nhét vào trang ba, với ba trăm chữ và không có cái ảnh nào. Thời đó, Clanton đâu biết đến quốc gia châu Á kia.

Nên với họ đây chỉ là chuyện về một cậu thanh niên không thể học cao, có lẽ chẳng được bầu cử và thậm chí còn chẳng dám uống nước ở đài phun nước trước tòa án, bị giết ở một đất nước

mà chẳng mấy người ở Clanton xác định được vị trí trên bản đồ. Cái chết của cậu ấy là chuyện chính đáng, vì sự nghiệp quốc gia mà.

Từ nhà mình, Margaret cung cấp thêm những thông tin tôi cần để viết bài. Pete tốt nghiệp trường Trung học Clanton vào năm 1970. Cậu ấy nằm trong đội tuyển bóng bầu dục và bóng chuyền của trường, đã được khen thưởng hai lần. Cậu ấy còn là một học sinh khá, dự định làm việc hai năm để tích lũy tiền rồi sau đó vào đại học. Nhưng thật không may, cậu lại quá hợp chỉ tiêu tuyển quân, và đến tháng 12 năm 1970 thì nhận giấy báo nhập ngũ.

Theo lời Margaret, đây là chuyện tôi không được cho lên mặt báo, nhưng Pete đã lần lữa chuyện trình diện để tham gia thao luyện. Hai bố con nhà Mooney đã cãi nhau nhiều tuần về cuộc chiến này. Cậu con trai muốn đi Canada để khỏi phải dây vào chuyện này. Nhưng ông bố lại sợ con trai mình sẽ thành kẻ trốn nhập ngũ, thanh danh gia đình sẽ bị hủy hoại, đủ thứ. Ông chỉ thẳng mặt đứa con trai này là một thằng hèn. Ông Mooney từng đi lính ở Triều Tiên, và tuyệt đối không chấp nhận phong trào phản chiến. Bà Mooney cố giúp hai bố con hòa giải, nhưng trong lòng bà không nỡ để con mình xông vào cuộc chiến ở một đất nước lạ hoắc hơ. Cuối cùng, Pete cũng chịu thua, lên đường rồi trở về trong thùng gỗ.

Tang lễ diễn ra ở nhà thờ First Baptis, hội thánh mà nhà Mooney tham dự rất tích cực. Pete được rửa tội ở đây vào năm

11 tuổi, và gia đình cũng như bạn bè nguôi ngoai phần nào khi thấy giờ cậu đang ở bên Chúa, dù tuổi đời còn quá trẻ để được gọi về nhà Cha.

Tôi ngồi với vợ chồng Margaret. Đây là lần đầu tiên tôi dự tang lễ của một người lính 19 tuổi. Dồn hết tâm trí vào cỗ quan tài, tôi cố tránh những tiếng nấc, tiếng khóc vang lên rải rác. Huấn luyện viên đội bóng bầu dục trung học của cậu có bài điếu văn khiến cả nhà thờ phải đổ lệ, trong đó có cả tôi.

Tôi chỉ thấy được cái lưng của ông Mooney đang ngồi ở hàng ghế đầu. Có lẽ ở đây, không ai đau khổ bằng ông ấy.

Sau một tiếng trong nhà thờ, chúng tôi đưa linh cữu đến nghĩa trang Clanton, được hành lễ theo nghi thức quân đội đầy đủ. Lúc quân nhạc thổi bài "Taps," bài tiễn đưa quân nhân về nơi yên nghỉ, mẹ của Pete bỗng thét lên tiếng khóc xé lòng, khiến tôi phải ớn lạnh. Bà cứ bám vào quan tài đang hạ xuống huyệt. Bố của Pete cũng không thể trụ nổi nữa, ông khuỵu gối, phải nhờ vài chấp sự hội thánh đỡ lấy.

Khi rảo bộ một mình qua những con phố về văn phòng, trong đầu tôi cứ vang vang "Thật phí hoài, thật phí hoài." Và tối đó, một mình trong màn đêm, tôi nguyền rủa bản thân vì quá im lặng, quá hèn nhát. Tôi là tổng biên tập của một tờ báo mà, chết tiệt! Dù tôi có nhận ra giá trị của chức vụ đó hay không, thì tôi vẫn là tổng biên tập duy nhất ở thành phố này. Và nếu tôi tâm tư về một vấn đề gì đó, chắc chắn tôi có đủ sức và đủ quyền để cho

nó lên báo.

Trước Pete Mooney, hơn 50.000 chiến sĩ là đồng bào của cậu đã ngã xuống, dù cho con số báo cáo thương vong của quân đội thường không đáng tin cho lắm.

Năm 1969, Tổng thống Nixon và Cố vấn An ninh Quốc gia, Henry Kissinger, đã nhận ra họ không thể nào thắng cuộc chiến Việt Nam, hay đúng hơn là nước Mỹ không nên cố làm gì nữa. Nhưng họ giữ kín chuyện này. Họ vẫn tiếp tục tuyển quân, tiếp tục theo đuổi chiến lược vô luân là vờ như tin tưởng vào một kết quả thắng lợi.

Từ lúc Nixon quyết định làm như thế cho đến khi chiến tranh chấm dứt vào năm 1973, gần 180.000 đồng bào tôi đã mất, trong đó có Pete Mooney.

Trang nhất số báo hôm đó, nửa trên là ảnh Pete mặc quân phục, nửa dưới là bài xã luận của tôi:

!!! blockquote ""

Cái chết của Pete Mooney phải khiến chúng ta đặt ra một câu hỏi không thể chối cãi: Chúng ta đang làm cái quái gì ở Việt Nam thế này? Một học sinh giỏi giang, một vận động viên mạnh mẽ, một người lãnh đạo ở trường học, một lãnh đạo cộng đồng trong tương lai, một trong những người con sáng giá nhất của chúng ta, đã mất bên bờ con sông mà chúng ta chưa hề nghe tên, ở một đất nước mà chúng ta chẳng mấy quan tâm.

Lý do chính thức mà họ đưa ra suốt 20 năm qua là chúng ta ở đó để chiến đấu với Cộng sản. Nếu thấy chủ nghĩa Cộng sản xuất hiện, thì theo lời cựu Tổng thống Lyndon Johnson, chúng ta phải "dùng mọi biện pháp cần thiết để ngăn chặn nó chồm lên."

Triều Tiên, Việt Nam. Chúng ta còn có quân đóng ở Lào và Cambodia, dù Tổng thống Nixon vẫn chối bỏ chuyện đó. Tiếp theo còn chỗ nào nữa? Chúng ta phải gửi những người con của mình đi khắp nơi, đi bất kỳ nơi nào trên thế giới để can thiệp vào những dân tộc khác sao?

Việt Nam đã bị chia thành hai quốc gia từ khi Pháp đầu hàng vào năm 1954. Bắc Việt là một nước nghèo do một người Cộng sản tên Hồ Chí Minh lãnh đạo. Nam Việt là một nước nghèo do một nhà độc tài tên Ngô Đình Diệm lãnh đạo trước khi bị ám sát trong cuộc đảo chính năm 1963. Từ lúc đó, Nam Việt đã nằm dưới chế độ quân phiệt, do quân đội nắm quyền.

Việt Nam đã triền miên trong chiến tranh kể từ năm 1964, khi người Pháp mở chiến dịch tiêu diệt Cộng sản và đã thất bại thảm hại. Thế nên, chúng ta nhảy vào để dạy cho người ta thấy phải chiến tranh như thế nào. Thất bại của chúng ta còn thảm hại hơn cả người Pháp, thế mà chúng ta vẫn chưa chịu bỏ cuộc.

Còn bao nhiêu Pete Mooney nữa phải chết trước khi chính phủ của chúng ta quyết định từ bỏ?

Và chúng ta còn gửi quân đi bao nhiêu nước nữa?

Chúng ta đang làm cái quái gì ở Việt Nam thế này? Trong khi các

chính trị gia nghĩ cách để rút chân ra khỏi vũng bùn đó, thì chúng ta đây đang phải ngậm nước mắt chôn những người lính trẻ.

Văng tục ngay trên báo có thể khiến vài người phàn nàn, nhưng tôi mặc kệ. Phải nói thật mạnh mới có thể rọi được chút ánh sáng vào cái đầu u mê của những người cuồng ái quốc ở Hạt Ford. Trước khi những lá thư và cuộc gọi góp ý ồ ạt đổ về tòa soạn, tôi đã kết được một người bạn đáng giá.

Khi tôi trở về sau bữa trưa thường lệ với bà Callie vào thứ Năm, Bubba Crockett đã chờ sẵn trong văn phòng tôi. Anh mặc quần jean, đi giày bốt, áo sơ mi vải dạ, tóc để dài, và sau khi giới thiệu bản thân, anh liền cảm ơn tôi về bài xã luận hôm trước. Anh đang có chuyện cần được nói ra, còn tôi thì đang đầy bụng nên giờ ngồi một chỗ nghe anh kể cả buổi có vẻ cũng hợp lý.

Bubba sinh trưởng ở Clanton, tốt nghiệp trung học ở đây năm 1966. Bố anh có một vườn ươm cách thành phố ba cây số về phía Nam, nghề chính nhà anh là trồng trọt. Anh nhận lệnh nhập ngũ vào năm 1967 và liền hăng hái lao vào cuộc chiến. Đơn vị của anh đến miền Nam Việt Nam đúng vào thời điểm xảy ra cuộc chiến Tết Mậu Thân. Mới hai ngày ra chiến trường anh đã mất ba người bạn thân thiết.

Nỗi kinh hoàng chiến tranh trong anh thật không thể nào diễn tả nổi. Anh đã chứng kiến những người bị thiêu, đã nghe những tiếng la hét cầu cứu, anh đã vấp chân lên những xác người, đã lôi xác đồng đội ra khỏi bãi chiến trường, đã trải qua

những trận triền miên không ngủ, không thực phẩm, hết đạn, và những nỗi kinh hoàng trong màn đêm. Tiểu đoàn của anh đã mất cả trăm người chỉ trong năm ngày đầu lâm trận. “Sau một tuần, tôi biết thế nào mình cũng chết” anh nói mà đôi mắt ươn ướt. “Lúc đó, tôi trở thành một người lính giỏi, rất giỏi. Phải như thế mới sống sót được.”

Anh đã bị thương hai lần, dù chỉ bị thương nhẹ, điều trị ở bệnh viện dã chiến là đủ. Nhưng bị thương như thế thì không được cho về nhà. Anh nói về sự chán nản khi phải nhảy vào cuộc chiến mà chính phủ không để cho họ thắng. “Lính của chúng ta giỏi hơn bên họ. Khí tài của chúng ta áp đảo họ hoàn toàn. Chỉ huy của chúng ta cực kỳ xuất sắc, nhưng đám người ở Washington không để họ chiến đấu, chiến đấu thật sự ấy.”

Bubba biết nhà Mooney, và chính anh đã khuyên nhủ Pete đừng lên đường nhập ngũ. Anh đã đứng từ xa quan sát tang lễ và nguyền rủa tất cả mọi người.

“Lũ người ngu ngốc đó vẫn ủng hộ chiến tranh, anh tin nổi không? Hơn 50.000 ngàn người chết ta mới chịu rút quân, và mấy người này vẫn cãi cùn với ta trên đường phố Clanton rằng đây là cuộc chiến vì chính nghĩa.”

“Họ đâu cãi với anh,” tôi nói.

“Đúng. Tôi đã tẩn vài kẻ như thế rồi mà. Anh có chơi bài không?”

Tôi không chơi, nhưng đã nghe nhiều chuyện giật gân về dân

chơi bài ở thành phố này, nên nghe hỏi vậy, tôi liền nghĩ có lẽ vụ này thú vị đây. “Có chơi sơ sơ,” tôi vừa nói vừa tính kiếm một quyển sách dạy chơi bài hoặc nhờ Baggy kèm cặp.

“Chúng tôi chơi bài vào mỗi tối thứ Năm, trong một nhà kho ở vườn ươm Trong hội, có mấy người từng đi lính. Có lẽ anh nên đến chơi thử.”

“Tối nay á?”

“Phải, tầm 8:00. Chơi nhẹ nhàng thôi, còn uống bia, ăn lẩu, kể chuyện thời chiến. Các bạn tôi muốn gặp anh lắm.” “Tôi sẽ đến,” tôi vừa đáp vừa tìm cách gặp Baggy ngay.

Chiều đó, bốn lá thư được chuồi dưới cửa tòa soạn, cả bốn đều chỉ trích tôi và lời tôi chỉ trích chiến tranh. Ông E. L. Green, một cựu binh đã trải hai cuộc thế chiến, người đăng ký lâu năm của tờ *Thời báo* và đang cân nhắc lại chuyện đặt báo này.

Ông nói: *Nếu ta không ngăn chặn chủ nghĩa đó, nó sẽ lan đến mọi ngóc ngách của thế giới. Rồi một ngày, nó sẽ đến bên cửa nhà ta, và chúng ta sẽ bị con cháu mình chất vấn tại sao chúng ta không có can đảm để ngăn chặn trước khi nó lan tràn.*

Anh của ông Herbert Gillenwater đã hy sinh trong chiến tranh Triều Tiên. Ông nhắn nhủ tôi:

Cái chết của anh ấy thật thương tâm và tôi vẫn đau khổ vì chuyện đó mỗi ngày. Nhưng anh ấy là một người lính, một anh hùng, một người Mỹ đầy tự hào, và cái chết của anh ấy đã ngăn chặn chúng. Khi chúng ta quá sợ không dám chiến đấu, thì chúng ta

sẽ bị khuất phục.

Ông Felix Toliver ở Lùm Rậm thì cho rằng có lẽ tôi đã ở miền Bắc quá lâu, nơi dân chúng toàn là đám sợ cầm súng. Ông khẳng định bao lâu nay, đa số quân nhân là những thanh niên dũng cảm miền Nam, và nếu tôi không tin thì cứ tìm hiểu một chút sẽ thấy ngay. Tỷ lệ thương vong của lính miền Nam trong hai cuộc chiến tranh ở châu Á cao hơn hẳn miền Bắc. Và ông kết luận đầy hùng hồn:

Tự do của chúng ta được mua bằng cái giá là sinh mạng của vô số người lính can trường. Nhưng nếu chúng ta quá sợ không dám chiến đấu thì sẽ thế nào? Hitler và quân Nhật hẳn vẫn còn nắm quyền. Phần nhiều thế giới văn minh hẳn đã thành tàn tích. Chúng ta sẽ bị cô lập và cuối cùng bị diệt vong.

Tôi đã định đọc hết mọi lá thư gửi đến nhưng vốn mong sẽ có một hai người ủng hộ bài xã luận của tôi. Tôi chẳng phiền khi bị chỉ trích. Họ càng chỉ trích tôi càng thấy mình đã đúng. Qua thời gian, tôi ngày càng lì lợm chẳng ngán chuyện gì, một phẩm chất vốn rất cần thiết để làm tổng biên tập.

Sau khi được Baggy huấn luyện cấp tốc, tôi chỉ thua 100 đô trên sới bạc với Bubba và các bạn. Họ còn mời tôi lần sau ghé chơi tiếp.

Xong phần bài bạc, đám đôi mươi chúng tôi ngồi quây quần bên bàn. Có ba người đã tham chiến ở Việt Nam, là Bubba, Darrell Radke, con của chủ một công ty sản xuất khí propane, và

Cedric Young vốn bị thương nặng ở chân. Người còn lại là anh của Bubba, David, không được nhập ngũ vì mắt kém, và tôi nghĩ lý do có lẽ là vì hút quá nhiều cần sa.

Chúng tôi bàn tán sôi nổi về ma túy. Trước khi đi lính, cả ba cựu quân nhân này đều chưa hề thấy hay nghe nói đến cần sa ma túy gì cả. Chuyện ma túy xuất hiện ở đường phố Clanton vào thập niên 1960 chỉ là chuyện cười với họ. Theo họ kể, ở nơi đóng lính, người ta dùng ma túy đầy đường. Mỗi khi chán hay nhớ nhà là lôi cần sa ra hút, và còn hút để bình tâm giữa chiến trận. Bệnh viện dã chiến đầy thương binh với những loại thuốc giảm đau mạnh nhất, và Cedric đã nghiện morphin trong chưa đầy hai tuần bị thương.

Hùa theo không khí, tôi cũng kể vài câu chuyện chơi thuốc hồi đại học, nhưng so với họ, tôi chỉ là kẻ nghiệp dư. Và tôi không nghĩ những chuyện họ kể có gì phóng đại. Chẳng trách chúng ta thua trận, ai cũng phê mà.

Họ bày tỏ sự ngưỡng mộ với bài xã luận của tôi và sự cay đắng vì bị đẩy đến chiến trường Việt Nam. Cả ba đều mang trên mình những vết sẹo chiến tranh, Cedric thì thể hiện ra mặt, còn Bubba và Darrel có vẻ âm ỉ hơn, một cơn thịnh nộ bị kìm nén và rất muốn được bung ra, nhưng biết bung ra với ai?

Họ còn kể cho nhau những câu chuyện chiến trường kinh khủng. Tôi đã nghe rằng các cựu binh không muốn nói về trải nghiệm chiến trường, nhưng ba người này thì không. Và sao lại

phải thế, khi nó có vẻ là liều thuốc giảm đau cho họ.

Hầu như tối thứ Năm nào, họ cũng chơi bài, và tôi là khách mời luôn được chào đón. Đến nửa đêm, tôi xin phép ra về, còn họ vẫn ngồi lại, uống rượu, hút thuốc và nói về Việt Nam. Với tôi, chừng đó chuyện chiến tranh trong một ngày là quá đủ rồi.

CHƯƠNG 29

Tuần tiếp theo, tôi dành nguyên một trang báo cho cuộc khẩu chiến mà tôi đã mở ra. Trang báo đầy thư gửi tổng biên tập, tổng cộng 17 lá, chỉ có hai lá phần nào ủng hộ cảm giác phản chiến của tôi. Tôi bị nói là theo chủ nghĩa tự do, phản quốc, chính khách nhận vơ, và tệ nhất là tên hèn, vì tôi đã không khoác lên mình bộ áo lính. Mọi lá thư đều được ký đầy đủ họ tên một cách tự hào, không lá nào viết ẩn danh, họ là những người cuồng ái quốc đầy nhiệt huyết không ưa gì tôi và muốn cả hạt đều biết thế.

Tôi mặc kệ hết. Tôi đã khuấy động chuyện này và ít nhất giờ thành phố bắt đầu tranh luận về chiến tranh. Hầu hết tranh luận đều một chiều, nhưng tôi đã khơi lên cảm giác mạnh mẽ nơi nhiều người.

Phản ứng của dân tình trước mười bảy bức thư thật đáng kinh ngạc. Một nhóm học sinh trung học đã giúp giải cứu tôi khi đến tận tòa soạn để đưa tâm thư của mình. Chúng đầy nhiệt huyết phản chiến, chẳng hề muốn ra trận và hơn nữa, thấy thật kỳ cục khi hầu hết những lá thư ủng hộ cuộc chiến đều từ những người quá già để cầm súng ra trận. Tôi quá thích tuyên bố của

chúng: “Máu của chúng tôi, đâu phải của ông bà.”

Nhiều học sinh đã lôi ra những lá thư tôi cho lên mặt báo và thẳng tay mạt sát. Becky thấy bị xúc phạm trước câu ông Robert Earl Huff nói, “...đất nước chúng ta được xây bằng máu của những người lính. Chiến tranh sẽ luôn ở bên chúng ta.”

Cô bé phản pháo rằng: “Chiến tranh sẽ luôn ở bên chúng ta bao lâu những kẻ ngu muội và tham tàn cố áp đặt ý mình lên người khác.”

Kirk Wallace thì phản đối lời chê bai toàn tập của bà Mattie Louise Ferguson đối với tôi. Trong đoạn cuối thư, cậu bé viết, “Đáng buồn thay, bà Ferguson có gặp người theo chủ nghĩa tự do, phản quốc, chính khách nhận vơ, cũng chẳng nhận ra được. Cuộc sống thui thủi ở Gò Chồn bảo vệ bà khỏi phải gặp mấy người như vậy mà.”

Tuần tiếp theo, tôi dành nguyên một trang nữa để đăng 31 lá thư của các học sinh. Còn có ba lá thư hộ chiến khác nữa, tôi cũng cho in nốt. Kết quả là lại thêm một đợt sóng thư tuôn đến, tất cả đều được tôi cho lên báo.

Bằng những trang giấy của tờ *Thời báo*, chúng tôi phản đối cuộc chiến cho đến tận Giáng Sinh, khi mọi người đột nhiên kêu gọi đình chiến để tận hưởng kỳ nghỉ lễ cho trọn vẹn.

Ông Max Hocutt qua đời đúng vào ngày đầu năm mới 1972. Bà Gilma gõ cửa sổ căn hộ tôi từ sáng sớm và lôi tôi ra khỏi giường. Đêm đó tôi mới ngủ được có năm tiếng sau cả tuần thiếu ngủ

trầm trọng.

Tôi theo bà vào biệt thự cũ, lần đầu tiên tôi đặt chân vào đây sau nhiều tháng, và quá sốc khi thấy căn nhà này bị hư hoại quá nặng nề. Nhưng hiện giờ, có chuyện khẩn cấp hơn cần làm. Chúng tôi đến chân cầu thang chính, nơi bà Wilma đang chờ sẵn. Bà chỉ ngón tay nhăn nheo cong queo lên lầu, "Anh ấy trên đó. Phòng đầu tiên bên phải. Sáng nay, chúng tôi đã lên đó một lần rồi."

Giới hạn của họ là lên lầu mỗi ngày một lần thôi. Hai bà sinh đôi này cũng đã đến nửa sau thất tuần, chỉ kém ông Max mấy tuổi.

Ông nằm trên một chiếc giường lớn, đắp một tấm ga trắng bẩn lên tận cổ. Da ông đã trắng bệch không khác gì màu tấm ga rồi. Tôi đứng cạnh ông một lát để kiểm tra hơi thở thật chắc chắn. Trước giờ, tôi chưa từng bị gọi đi xác nhận tình trạng tử vong bao giờ, mà chắc cũng không mấy người phải làm việc này. Sau một hồi đứng đó, tôi bảo đảm đây không phải là hai bà ấy tưởng nhầm, ông Max trông chẳng khác gì người đã chết cả tháng rồi.

Tôi xuống lầu, nơi bà Wilma và Gilma đang đợi. Họ nhìn tôi như thể trông đợi tôi sẽ có chẩn đoán mới về tình trạng anh mình.

"Tôi e rằng ông ấy đã qua đời."

"Chúng tôi biết thế mà," bà Gilma trả lời lặng lẽ.

“Giờ chúng tôi phải làm sao?” bà Wilma hỏi.

Dù đây là lần đầu tôi phải làm việc này, nhưng bước tiếp theo có vẻ khá rõ ràng rồi. “Có lẽ ta nên gọi ông Magargel ở nhà tang lễ.”

“Đã bảo rồi mà,” bà Wilma lên giọng với Gilma.

Hai người họ nói xong vẫn đứng yên tại chỗ, nên tôi bèn lấy điện thoại gọi ông Magargel. “Hôm nay là ngày đầu năm mới đấy,” ông càu nhàu. Rõ ràng cuộc gọi của tôi đã dựng ông dậy khỏi giường.

“Ông ấy chết rồi,” tôi nói.

“Cậu chắc chứ?”

“Chắc chắn. Tôi đã lên xem rồi.”

“Ông ấy nằm đâu?”

“Trên giường. Ông ấy đã ra đi trong bình an.”

“Người già hay có kiểu ngủ như chết lắm mà.”

Đến đoạn này, tôi phải tránh xa hai bà sinh đôi để họ khỏi phải nghe tôi tranh luận về chuyện anh trai họ đã chết thật hay chưa. “Ông ấy không ngủ, ông Magargel à. Ông ấy chết rồi.”

“Một tiếng nữa, tôi sẽ đến nơi.”

“Có việc gì chúng tôi cần làm không?” tôi hỏi luôn.

“Việc gì chứ?”

“Tôi không rõ. Báo cảnh sát hay gì đó?”

“Ông ấy bị giết à?”

“Không.”

“Thế sao cậu lại muốn báo cảnh sát?”

“Xin lỗi, tôi không hỏi nữa.”

Hai bà mời tôi đến căn bếp uống ly cà phê cho tỉnh người. Trên quầy bếp là một hộp Cream of Wheat, bên cạnh là một bát ngũ cốc lớn đã trộn sẵn. Rõ ràng hai bà ấy đang chuẩn bị bữa sáng cho anh mình, và khi thấy ông không xuống họ mới lên tìm.

Cà phê họ pha đắng không uống nổi, tôi phải cho thêm ít đường mới nuốt trôi. Họ ngồi bên kia bàn bếp, chăm chú nhìn từng cử động của tôi. Đôi mắt hai bà đỏ ngầu, nhưng không phải đang khóc.

“Chúng tôi không sống ở đây nổi,” bà Wilma mở lời, nói ra chuyện họ đã bàn thảo nhiều năm trời.

“Chúng tôi muốn cậu mua lại nơi này,” bà Gilma thêm vào. Rồi hai bà ấy tiếp tục, mỗi người nói nửa câu, nhưng luôn hợp ý nhau.

“Chúng tôi sẽ bán nó cho cậu.”

“Với giá một trăm ngàn…”

“Chúng tôi sẽ lấy tiền…”

"Rồi di Florida…."

“Florida?” tôi thắc mắc.

“Ở đó có bà con.”

“Bà ấy sống ở làng hưu dưỡng.”

“Chỗ đó đẹp lắm.”

“Họ lại chăm sóc tốt…”

“Melberta lại ở gần đó.”

Melberta sao? Vậy mà lâu nay tôi cứ tưởng bà ấy còn ở đây, chỉ là đang ẩn mình đâu đó. Họ giải thích rằng mấy tháng trước đã cho bà em của mình đến một nhà chăm sóc đâu đó ở bắc Tampa. Giờ họ muốn đến đó sống những ngày tháng còn lại. Căn biệt thự thân thương này quá rộng với sức họ. Với hông đau, gối mỏi, mắt kém, một ngày một lần leo lên “24 bậc thang” theo lời bà Gilma, là một cực hình với họ, chưa kể nguy cơ bị ngã chết. Họ cũng không đủ tiền để tu sửa nó cho hợp với người già, không muốn phí tiền trả cho người dọn dẹp, cắt cỏ và giờ, với sự ra đi của ông anh, lại phải tìm thêm cả tài xế.

“Chúng tôi muốn cậu mua lại chiếc Mercedes luôn…”

“Chúng tôi đâu lái xe…”

“Max luôn chở chúng tôi đi..”

Lâu lâu một lần, chỉ để có cái mà cười, tôi lại ngó nghiêng đồng hồ cây số của chiếc Mercedes. Mỗi năm, nó chỉ chạy tầm ngàn cây số. Không như ngôi nhà, chiếc xe này gần như mới cóng.

Ngôi nhà có sáu phòng ngủ, bốn tầng và một tầng hầm, bốn hay năm phòng vệ sinh, phòng ăn và phòng khách, thư viện, nhà bếp, những mái hiên dài và rộng giờ đã sập hết, và một

phòng gác mái mà tôi chắc mẩm là đầy kho tàng gia tộc được cất giấu từ nhiều thế kỷ trước. Phải mất vài tháng mới dọn sạch nơi này trước khi tiến hành cải tạo. 100.000 đô là giá hời để mua một căn biệt thự lớn thế này, nhưng bán báo khắp cả bang sợ cũng không đủ tiền để tu bổ nó.

Còn đám động vật nữa chứ. Mèo, chim, thỏ, sóc, cá vàng nhan nhản khắp nơi, chỗ này chẳng khác gì cái sở thú.

Đúng là tôi đã thử tìm nhà, nhưng nói thật, khoản tiền thuê nhà 50 đô mỗi tháng quá hời đến nỗi tôi chẳng nỡ dọn đi đâu khác. Hiện giờ tôi chỉ mới 24 tuổi, độc thân, lại đang hưởng thụ cảm giác tài khoản ngân hàng tăng dần đều. Có lý do gì để tôi phải mạo hiểm tài chính để mua cái hố đen hút tiền này chứ?

Thế mà chỉ hai ngày sau tang lễ, tôi đã ký giấy mua nhà.

Vào một ngày thứ Năm lạnh lẽo ẩm ướt tháng 2, tôi tấp chiếc Mercedes trước cổng nhà Ruffin ở Hạ trấn. Ông Esau đang ngồi trước hiên liền hỏi ngay, “Anh vừa đổi xe à?”

“Không, tôi vẫn giữ chiếc nho nhỏ đó. Đây là xe của ông Hocutt."

“Tôi tưởng nó màu đen chứ” Ở Hạt Ford này vốn chỉ có vài chiếc Mercedes mà.

“Thật ra, nó cần được sơn lại.” Giờ chiếc Mercedes đang khoác lớp áo màu hạt dẻ sẫm. Tôi phải đem nó đến tiệm để xóa hình cặp dao mà ông Hocutt đã sơn, rồi bỗng nảy ra ý đổi màu cho nó.

Chẳng mấy chốc, người ta đã đồn nhau là tôi lừa nhà Hocutt để mua rẻ chiếc Mercedes. Thật sự, tôi đã trả đúng giá xe cũ theo quy định là 9.500 đô. Vụ chuyển nhượng đã được phê chuẩn bởi thẩm phán Reuben V. Atlee, người cầm cân công lý lâu năm của Hạt Ford. Ông còn phê chuẩn việc tôi mua lại ngôi nhà với giá 100.000 đô, một con số có vẻ quá thấp cho đến khi hai người định giá do tòa chỉ định ước lượng giá trị của nó là 75 và 85 ngàn đô. Một người còn nói rõ ràng việc tu sửa biệt thự Hocutt sẽ "cần đến chi phí khổng lồ chưa từng thấy."

Thật ra, Harry Rex, luật sư của tôi, đã cố cho tôi thấy rõ câu này trong biên bản định giá để mong tôi đổi ý.

Hôm nay, ông Esau có vẻ kiệm lời, và khi tôi vào trong nhà, bầu không khí cũng không khác gì mấy. Như lâu nay vẫn vậy, vào giờ này trong tuần, khắp nhà sẽ đẫm mùi thịt nướng của con gì đó trong lò, hôm nay là thịt thỏ.

Nhưng trái ngược với mùi sảng khoái đó là vẻ mặt u sầu của bà Callie. Ông Esau lấy ra một phong thư, "Đây là giấy gọi nhập ngũ. Của Sam." Ông thả trên bàn để tôi tự xem, rồi đứng lên rời căn bếp.

Trong bữa ăn, tôi thấy rõ hai vợ chồng họ đều có vẻ lặng lẽ, băn khoăn và hoang mang. Ông Esau có lúc nghĩ rằng việc đúng đắn là để Sam thực hiện những gì mà tổ quốc cần. Nhưng bà Callie thì thấy mình đã mất Sam một lần rồi, và không thể nào chịu nổi ý nghĩ phải mất cậu lần nữa.

Tối đó, tôi gọi cho Sam báo tin dữ. Cậu ấy đang ở Toledo thăm Max mấy ngày. Chúng tôi nói chuyện điện thoại hơn một tiếng, và tôi kiên quyết thuyết phục cậu ấy ý thức rằng cậu không có việc gì phải nhập ngũ cả. May thay, Max cũng cùng cảm thức đó.

Trong tuần tiếp theo, tôi tiếp tục gọi điện cho Sam, Bobby, Al, Leon, Max, và Mario, ai cũng nhất trí về quyết định dành cho Sam. Cả cậu ấy lẫn các anh đều không tin rằng cuộc chiến này là vì chính nghĩa, nhưng Mario và Al thì rất lo ngại chuyện phạm luật. Tôi là người phản chiến kịch liệt nhất, Bobby và Leon thì khá trung dung. Sam thì nghe ai nói cũng thấy đúng, đổi ý kiến liên tục. Đây là một quyết định khó khăn nhất đời, nhưng tôi để ý thấy, Sam ngày càng muốn nói chuyện với tôi lâu hơn. Việc cậu ấy đang lẩn trốn suốt hai năm qua sẽ rất có ích cho vụ này.

Sau hai tuần hỏi han ý kiến, Sam lặn tăm một mạch. Một đêm nọ, cậu gọi cho tôi từ Ontario và nhờ tôi báo bố mẹ là cậu ổn cả. Sáng sớm hôm sau, tôi lái xe đến Hạ trấn báo tin cho ông Esau và bà Callie rằng con trai họ đã có quyết định sáng suốt nhất đời.

Với họ, Canada có vẻ xa vạn dặm, nhưng tôi bảo họ, Việt Nam còn xa hơn thế nhiều.

CHƯƠNG 30

Nhà thầu thứ hai tôi thuê để cải tạo biệt thự Hocutt là ông Lester Klump ở Lùm Rậm. Ông được Baggy tiến cử, là một người am hiểu cách thức phục hồi một tòa biệt thự. Stan Atcavage ở ngân hàng cũng nói đỡ vào, và vì Stan là chủ nợ khoản vay 100.000 đô này, nên tôi nghĩ nghe lời ông khuyên thì hơn.

Nhà thầu đầu tiên hứa hẹn nhưng không đến, và khi tôi gọi điện sau ba ngày chờ đợi thì số đó đã không còn sử dụng. Điềm gở cái chắc rồi.

Ông Klump và con trai, Lester con, dành nhiều ngày xem xét kỹ lưỡng ngôi nhà. Khối lượng công việc dự kiến khiến họ phát hoảng, chắc chắn đây là ác mộng nếu chủ nhà muốn gấp, đặc biệt là tôi. Họ là những người làm chậm rãi, có phương pháp thứ tự rõ ràng, thậm chí người ta còn đồn là họ chậm hơn hầu hết dân xây dựng ở Hạt Ford, và tôi sớm nhận ra đúng là thế. Việc tôi cố giải thích mình đang sống ở một góc tiện nghi của ngôi nhà có vẻ chỉ khiến họ thong thả hơn, vì ít ra tôi đâu rơi vào cảnh vô gia cư trong lúc họ làm việc.

Dù vậy, ai cũng nhất trí họ là người làm việc điềm đạm và thường luôn hoàn thành đúng hạn. Chính vì thế họ mới có chỗ

đứng cao trong giới cải tạo nhà.

Sau vài ngày giằng co, cuối cùng chúng tôi đã thống nhất rằng tôi sẽ chi trả tiền công và vật tư theo tuần, cộng với mười phần trăm "chi phí đội" mà tôi nghĩ hẳn nghĩa là lợi nhuận. Phải mất cả tuần hối thúc mới khiến Harry Rex chịu thảo hợp đồng xây dựng. Ban đầu, ông nhất mực từ chối và chửi tôi là thằng điên.

Nhà Klump sẽ tiến hành dọn dẹp và phá dỡ, rồi xử lý phần mái và hiên. Xong công đoạn này, chúng tôi mới ngồi lại bàn tiếp. Tháng 4 năm 1972, họ bắt đầu thi công.

Mỗi ngày, tối thiểu một trong hai bố con hiện diện trực tiếp để giám sát. Họ mất nguyên một tháng đầu tiên để dọn sạch đám sâu mọt và thú hoang đã cư ngụ ở đây hàng thập kỷ.

Cảnh sát tuần tra của bang đã chặn một xe chở đầy học sinh lớp 12 chỉ vài tiếng sau lễ tốt nghiệp của chúng. Trên xe đầy bia, và cậu cảnh sát tuần tra mới vào nghề đã ngửi thấy có mùi gì đó là lạ. Ma túy đã tìm được đường vào Hạt Ford.

Trên xe đó có một mớ cần sa. Cả sáu học sinh mới tốt nghiệp liền bị truy tố tội tàng trữ ma túy và mọi tội danh khác mà cảnh sát có thể nghĩ ra cho chúng. Cả thành phố bị sốc, sao ma túy có thể len lỏi vào một cộng đồng nhỏ hiền lành như thế này chứ? Làm sao để ngăn chặn nó đây? Tôi không dành nhiều mặt báo cho chuyện này lắm, dồn ép sáu đứa nhóc phạm sai lầm đâu hay ho gì. Trên bài báo, tôi trích lời cảnh sát trưởng Meredith rằng cảnh sát sẽ hành động dứt khoát để "loại bỏ tai ương này khỏi

cộng đồng.” “Đây không phải là California,” ông chốt lại hùng hồn.

Thế là dân cư Clanton liền hùng hổ đi lùng đám buôn thuốc, dù chẳng ai rõ phải tìm ai.

Vì cảnh sát đang làm căng và lùng sục để bắt cần sa nên buổi đánh bài vào thứ Năm tuần tới phải dời đến một địa điểm khác nằm sâu trong vùng quê. Bubba Crockett và Darrell Radke sống ở ngôi nhà biệt lập khá xiêu vẹo cùng một cựu binh tên Ollie Hinds, cũng thích chơi bài nhưng trừ poker ra. Họ gọi nhà mình là Hang Cáo. Nó nằm sâu trong một hẻm núi rậm rạp ở cuối con đường đất mà chẳng ai nhận ra nổi dù là giữa ban ngày.

Ollie Hinds bị đủ thứ triệu chứng sang chấn hậu chiến và có lẽ cả những tổn thương tâm lý từ trước đó nữa. Anh là dân gốc Minnesota, ra chiến trường cùng Bubba và đã sống sót sau những ác mộng máu lửa kinh hoàng. Anh đã bị bắn, bị thiêu, bị bắt, trốn thoát, rồi cuối cùng được cho giải ngũ khi bác sĩ tâm lý của quân đội chẩn đoán tình trạng anh quá tệ. Và theo tôi thấy, có vẻ chẳng ai làm gì để trị liệu cho anh cả. Khi tôi đến nơi, Ollie đang ở trần, phơi ra những vết sẹo và hình xăm, đôi mắt đờ đẫn không cảm xúc mà chẳng mấy chốc tôi biết được lúc nào anh cũng như vậy cả.

Tôi mừng vì anh không tham gia chơi poker. Thấy kiểu của anh, tôi sợ nếu thua vài ván, chắc anh xách súng ra để đòi nợ quá.

Vụ bắt cần sa và phản ứng của thành phố là chuyện để chúng tôi đùa và chế giễu. Dân tình phản ứng như thể sáu đứa thiếu niên này là người đầu tiên ở đây chơi thuốc, và từ khi chúng bị bắt, cả hạt như thể đang ngồi trên đống lửa. Với chút chủ tâm và khoa ngôn, cơn đại dịch ma túy có thể khiến cả nước phân tâm khỏi một chuyện khác.

Nixon đã cho ném bom cảng Hải Phòng và Hà Nội một cách điên cuồng. Tôi khơi ra chuyện này nhưng tối đó có vẻ họ không hứng thú với chiến tranh lắm.

Darrel đã nghe đồn là có một cậu da đen ở Clanton được gọi nhập ngũ nhưng đã bỏ trốn sang Canada. Tôi chẳng bình luận gì.

"Thằng này khôn đấy," Bubba bảo. "Khôn lắm."

Rồi câu chuyện tiếp tục nói về ma túy. Nói chuyện một hồi, Bubba khoe điếu cần sa, "Trời, thứ này ngọt kinh. Không phải của nhà Padgitt nhé."

"Từ Memphis đấy," Darrel nói luôn. "Hàng Mễ."

Vì tôi chẳng biết gì về đường dây cung cấp ma túy trong vùng, nên tôi tập trung lắng nghe một hồi đến khi thấy không ai mê bàn tiếp vụ này, tôi mới chêm vào, "Tưởng đám Padgitt có hàng xịn chứ."

"Chúng nên tập trung làm rượu lậu thì hơn," Bubba bảo.

"Hút cũng được mà," Darrel bình luận, "chỉ khi không kiếm được hàng khác. Mấy năm trước, chúng kiếm bộn tiền từ thứ

đó. Khi chưa ai ở đây nghĩ đến, chúng đã bắt đầu trồng rồi. Giờ trên sân chơi đã có kẻ cạnh tranh với chúng."

"Nghe nói chúng đang giảm dần, quay lại với ngành rượu lậu và trộm xe," Bubba nói.

"Tại sao?" tôi thắc mắc.

"Giờ nhiều cớm ma túy quá. Liên bang, tiểu bang, địa phương. Trang bị cả trực thăng, máy quay theo dõi đủ thứ. Đây đâu phải Mexico, thích trồng gì thì trồng, chẳng ai ý kiến."

Bên ngoài bỗng vang lên tiếng súng cách đó không xa. Mấy người còn lại chẳng ai biểu hiện gì. "Là tiếng gì vậy?" tôi thắc mắc trước thái độ của họ.

"Ollie đấy," Darrel giải thích. "Đang đi săn chồn. Anh ấy đeo kính nhìn đêm, xách khẩu M16 đi bắn mấy con thú nhỏ. Có vẻ thích thú chuyện săn bắn lắm."

Mấy ván tiếp theo, tôi gặp may khi thua ba ván liền và có cớ hoàn hảo để xin phép ra về.

Sau nhiều trì hoãn, Tòa án Tối cao Mississippi cuối cùng đã xác nhận bản án của Danny Padgitt. Bốn tháng trước, bản án đã được thông qua với sáu thuận ba chống, và phán quyết vẫn được giữ nguyên. Lucien Wilbanks lại tiếp tục đệ đơn xin điều trần và được chấp thuận. Harry Rex nghĩ chuyện có thể rắc rối lắm đây.

Nỗ lực kháng cáo lần này cũng bất thành, và giờ gần hai năm sau phiên tòa, phán quyết đã được chốt chặt. Lần này là năm thuận bốn chống, bản án không còn cơ hội nào thay đổi được

nữa.

Điểm khiến các thẩm phán bất đồng là lập luận dữ dội của Lucien rằng Ernie Gaddis đã quá tự do khi dồn ép Danny Padgitt trong phiên đối chất. Với những câu hỏi dẫn dụ về việc hai đứa con của Rhoda có ở trong phòng chứng kiến vụ cưỡng hiếp, Ernie đã đưa ra cho bồi thẩm đoàn những thông tin có hại cho bị cáo vốn không phải là chứng cứ.

Harry Rex đọc hết mọi thông báo và theo dõi phiên tòa giúp tôi, ông khá lo lắng vì lập luận của Lucien rất hợp lý. Nếu năm thẩm phán cũng tin như thế, vụ án này có thể bị gửi lại về Clanton để xét xử lại. Một mặt, thêm phiên tòa sẽ rất có lợi cho việc bán báo. Nhưng mặt khác, tôi chẳng muốn đám Padgitt rời cồn chạy quanh Clanton làm loạn thêm lần nữa.

May thay, cuối cùng chỉ có bốn thẩm phán chống phán quyết, và vụ này thế là khép lại hoàn toàn. Tôi vui sướng đăng tin mừng này lên trang nhất *Thời báo* và mong sẽ không bao giờ phải nghe đến cái tên Danny Padgitt nữa.

PHẦN BA

CHƯƠNG 31

Năm năm hai tháng sau khi Lester Klump cha và Lester Klump con đặt chân vào biệt thự Hocutt, đại dự án cải tạo này mới được hoàn thành. Gian khổ đã qua và kết quả thật mỹ mãn.

Khi chấp nhận tiến độ ì ạch của họ, tôi đã xác định phải dằm dề với cái nhà này và chịu khó kiếm thêm mối quảng cáo để trang trải. Trong năm xây dựng cuối cùng, tôi đã hai lần ngốc nghếch cố thử dọn vào nhà sống giữa đống vôi vữa. Tôi chẳng phiền lắm với bụi, mùi sơn, hành lang ngổn ngang, điện đài chập chờn, thiếu nước nóng, lò sưởi và điều hòa, nhưng tôi không thể chịu nổi tiếng búa cưa từ sáng sớm. Họ không làm việc từ sớm tinh mơ, một chuyện sau này tôi biết là hơi lạ với dân xây dựng, nhưng 8:30 sáng vẫn là quá sớm với tôi. Tôi thích ngủ đến tận 10:00 cơ. Chuyện đó không thể nào thay đổi được, nên sau mỗi lần cố gắng bất thành, tôi đều phải lủi thủi về lại căn hộ cũ, nơi yên ắng hơn đôi chút.

Suốt năm năm trời, chỉ có duy nhất một lần tôi chậm chi trả cho ông Klump. Tôi không chấp nhận vay tiền để cải tạo nhà, dù Stan Atcavage luôn sẵn sàng. Sau giờ làm mỗi ngày thứ Sáu, tôi ngồi lại với Lester con, thường là ở một cái bàn gỗ ép đặt ở hành

lang, uống một lon bia, tính toán chi phí nhân công và vật liệu trong tuần, thêm 10%, rồi viết chi phiếu cho anh. Suốt hai năm đầu, mỗi lần như vậy tôi đều ghi chép lại đầy đủ để theo dõi tổng chi phí cải tạo nhà. Nhưng qua năm thứ ba, tôi chẳng buồn làm thế nữa. Tôi chẳng muốn biết ngôi nhà này đã đốt bao nhiêu tiền của tôi.

Tôi đến khánh kiệt vì nó, nhưng mặc kệ. Và bây giờ, cái hố đen hút tiền đã ngậm miệng, tôi đã đi dây trên bờ vực vỡ nợ đủ lâu, đã thành công vượt qua, và giờ có thể bắt đầu tiếp tục công cuộc tích trữ tiền bạc, đồng thời có được một thứ kỳ vĩ thể hiện được thời gian, công sức và số tiền khổng lồ tôi đã đầu tư.

Ngôi nhà này được tiến sĩ Miles Hocutt xây dựng vào khoảng năm 1900. Nó mang đậm phong cách Victoria với hai mái đầu hồi cao ở mặt tiền, một trụ tháp chạy dọc bốn tầng nhà, và mái hiên dài chạy dọc hai bên hông nhà. Qua năm tháng, nhà Hocutt đã sơn màu lam rồi vàng cho ngôi nhà, và ông Klump còn tìm ra một khu vực được sơn màu đỏ tươi ẩn dưới ba lớp sơn khác. Tôi chọn phong cách an toàn, với tông màu trắng, đi kèm màu be và nâu sáng, mái thì sơn màu đồng. Nhìn bên ngoài, nó chỉ là một ngôi nhà phong cách Victoria rất bình thường, nhưng rồi sẽ được nâng cấp đáng kể trong những năm sau.

Vào bên trong nhà, lớp áo gỗ tâm thông mới bóng đã phục hồi vẻ đẹp thời ban đầu của sàn nhà cả ba tầng. Những bức tường ngăn phòng và hành lang được phá bỏ tạo không gian thoáng đãng. Bố con nhà Klump, dưới sự thúc ép của tôi, cũng đã chịu

phá bỏ hoàn toàn căn bếp và xây lại bếp mới ở tầng hầm thượng. Lò sưởi trong phòng khách vốn đã sập hẳn dưới áp lực của dàn máy dập, tôi còn xóa sổ luôn thư viện và phá thêm tường để khi bước vào phòng giải lao là ta có thể nhìn xuyên qua thư viện cũ thấy được căn bếp từ xa. Tôi cho lắp thêm cửa sổ khắp nơi, vì thiết kế ban đầu của ngôi nhà không khác gì bản vẽ xây hang động.

Ông Klump bảo là cả đời chưa hề uống champagne, nhưng vui vẻ nhấp một ngụm trong buổi lễ mừng công nho nhỏ nơi chái hiên. Tôi đưa ông tờ chi phiếu cuối cùng, mong là thế, bắt tay nhau, nhờ Wiley Meek chụp một tấm, rồi khui chai ăn mừng.

Nhiều phòng trong nhà vẫn trống không, phải mất thêm vài năm trời mới trang trí hết chỗ này, ngoài ra công việc này đòi hỏi thợ thầy với hiểu biết và thị hiếu cao hơn những người tôi có thể tìm được nơi đây. Dù nguyên nửa nhà trong tình trạng tường không phòng trống, nhưng trông vẫn nguy nga vô cùng. Phải tổ chức tiệc ăn mừng mới được!

Tôi đã mượn 2000 đô của Stan, đặt rượu vang và champagne từ Memphis về và tìm được một người nấu tiệc có tiếng ở Tupelo (người nấu tiệc duy nhất ở Clanton lại chỉ chuyên về sườn nướng và cá da trơn, trong khi tôi lại muốn tiệc này phải có chút đẳng cấp mới được).

Danh sách khách mời chính thức lên đến 300 người, bao gồm mọi người tôi quen biết trong thành phố, thậm chí cả vài người

không quen. Còn danh sách không chính thức là bất kỳ ai được tôi hớn hở hẹn hò, "Hoàn công xong là sẽ có tiệc tưng bừng." Tôi còn mời bà ngoại BeeBee và vài người bạn của bà từ Memphis đến. Tôi có mời bố, nhưng có lẽ ông quá bù đầu với mấy chuyện lạm phát và thị trường chứng khoán. Tôi mời cả bà Callie và ông Esau, mục sư Thurston Small, Claude, ba thư ký ở tòa án, hai giáo viên, một trợ lý huấn luyện viên bóng rổ, một giao dịch viên ngân hàng, và anh luật sư mới mở văn phòng ở Clanton, tổng cộng 12 người da đen, và hẳn nếu quen biết nhiều hơn thế tôi đã mời thêm rồi. Tôi quyết tâm biến buổi này thành tiệc bất phân chủng tộc đầu tiên ở Clanton.

Harry Rex đem đến rượu lậu và một đĩa lớn dồi trường khiến bà con tưng bừng hết mức. Bubba Crockett và hội Hang Cáo đến trong tình trạng phê thuốc và sẵn sàng tiệc tùng tới bến. Ông Mitlo là người duy nhất mặc tuxedo đến dự. Piston cũng xuất hiện, rồi lẻn ra về qua cửa sau với một túi đầy đồ ăn nhẹ đắt tiền. Woody Gates và ban Country Boys chơi nhạc hàng giờ trên sân khấu là chái hiên bên. Nhà Klump cũng dắt toàn bộ nhân công đến dự, đây là khoảnh khắc tự hào của họ và tôi bảo đảm họ được hưởng mọi công trạng xứng đáng. Lucien Wilbanks đến hơi muộn và gần như ngay lập tức khơi ra cuộc cãi vã om sòm về chính trị với tham nghị viên Theo Morton. Bà nghị Rex Ella thì bảo tôi rằng suốt 20 năm qua, đây là buổi tiệc lớn nhất, tưng bừng nhất Clanton này. Cảnh sát trưởng mới, Tryce McNatt cũng đến dự cùng vài cảnh sát viên không mặc đồng phục. (T. R.

Meredith đã qua đời vì ung thư ruột một năm trước rồi.) Một người tôi yêu mến, thẩm phán Reuben V. Atlee, đóng đô ở phòng bí mật, say sưa kể nhiều câu chuyện rất hấp dẫn về tiến sĩ Miles Hocutt. Mục sư Millard Stark của Hội thánh First Baptist chỉ nán lại được mười phút trước khi nhận ra tiệc này có rượu. Mục sư Cargrove của Hội thánh Trưởng Lão thì có uống champagne và có vẻ khá rành về nó. Baggy uống đến mức đến tận chiều hôm sau tôi mới tìm ra ông ngủ li bì ở một phòng tầng hai. Cặp sinh đôi Stuke, chủ cửa hàng ngũ kim, đến dự tiệc trong bộ đồ yếm mới tinh giống nhau. Họ đã 70 tuổi, sống với nhau, chẳng lấy vợ, và hầu như ngày nào cũng mặc áo quần đôi. Trong thư mời, tôi đã nói rõ "Trang phục tự chọn" cơ mà.

Tôi đã cho dựng hai cái lều trắng lớn ở bãi cỏ sân trước, mà vẫn không đủ chỗ cho mọi người. Tiệc bắt đầu từ một giờ chiều thứ Bảy, đến tận nửa đêm, khi đồ ăn đồ uống hết sạch mới chịu tàn. Đến 10:00 tối, Woody Gates và ban nhạc đã mệt rã rời, rượu cạn sạch, chỉ còn ít bia không lạnh, đồ ăn cũng chỉ còn vài miếng tortilla. Mọi người ai cũng đã đi mấy vòng quanh nhà để nhìn ngắm và thưởng thức rồi.

Cuối giờ sáng hôm sau, tôi đổ trứng cho bà ngoại và các bạn của bà. Chúng tôi ngồi ở hiện trước, uống cà phê và ngắm đống tàn tích khổng lồ của đêm tiệc. Tôi phải mất cả tuần mới dọn dẹp sạch hết chỗ đó.

Qua nhiều năm tháng ở Clanton, tôi đã được nghe nhiều câu chuyện kinh dị về nhà tù bang ở Parchman. Nó nằm ở vùng

nông thôn trải dài ở Châu thổ, khu vực nông nghiệp trù phú nhất của bang này, cách Clanton hai tiếng đi xe về phía Bắc. Điều kiện sống trong tù rất thảm, các nhà trại chen chúc tù nhân, ngột ngạt vào mùa hè và lạnh cóng vào mùa đông, đồ ăn sơ sài, y tế yếu kém, bạo lực tình dục, lao động cưỡng bức, quản giáo ác ôn, và danh sách thảm hại này dường như nói mãi không hết.

Khi nghĩ về Danny Padgitt, một suy nghĩ khá thường xuyên, tôi luôn thấy nhẹ nhõm vì tin rằng ít ra Parchman sẽ cho Padgitt cái hắn đáng phải chịu. Hắn không bị cột vào ghế trong phòng ngạt đã là may mắn lắm rồi.

Nhưng hóa ra tôi đã nhầm.

Vào cuối thập niên 1960, trong nỗ lực giảm tải cho nhà tù Parchman, bang đã xây dựng hai nhà tù vệ tinh cho nó. Kế hoạch là đưa một ngàn tù nhân không bạo lực đến chỗ giam giữ nhân văn hơn. Họ sẽ được đào tạo nghề, thậm chí còn được ra làm việc bên ngoài nhà tù. Một trong hai nhà tù vệ tinh đó nằm gần thị trấn Broomfield, cách Clanton ba tiếng lái xe về phía Nam.

Thẩm phán Loopus đã qua đời vào năm 1972. Trong phiên tòa xử Danny Padgitt, nhân viên tốc ký cho ông là một cô gái trẻ chất phác tên Darla Clabo. Cô ấy làm việc cho thẩm phán Loopus vài năm, và khi ông qua đời, cô cũng lên đường đi xa. Khi cô bước vào văn phòng tôi vào một chiều hè năm 1977, tôi đã có cảm giác quen quen.

Darla giới thiệu qua là tôi nhớ ra mình đã gặp cô ấy ở đâu. Suốt năm ngày liền trong phiên tòa xử Padgitt, cô đã ngồi ngay dưới ghế thẩm phán, cạnh bàn để vật chứng, ghi lại từng lời một của tất cả mọi người. Hiện giờ cô sống ở Alabama, và đã lái xe năm tiếng để nói cho tôi một chuyện, nhưng trước hết, cô bắt tôi phải thề giữ bí mật.

Quê cô ở Broomfield. Hai tuần trước, cô về thăm mẹ thì thấy một gương mặt quen đang đi trên vỉa hè vào tầm giờ ăn trưa. Chính là Danny Padgitt đang đi với một gã khác. Cô giật mình thảng thốt, đến nỗi trượt chân khỏi rìa lề đường, suýt thì ngã lăn ra đường.

Hai người họ bước vào một quán cạnh đó, ngồi ăn trưa thong thả. Darla quan sát họ qua cửa sổ nhưng không vào. Có khả năng Danny có thể nhận ra cô, dù cô không rõ chuyện đó thì có gì để cô sợ đến thế.

Người đi cùng hắn mặc bộ đồng phục vốn khá quen mắt ở Broomfield, quần xanh thẫm, áo sơ mi trắng ngắn tay với dòng chữ "Cơ sở Cải huấn Broomfield" rất nhỏ trên túi áo. Gã đi giày cao bồi và không đeo súng. Cô giải thích cho tôi biết là các quản giáo quản lý tù nhân làm việc ngoài nhà tù được chọn có đem theo vũ khí hay không. Thật khó để hình dung có người đàn ông da trắng nào ở Mississippi lại tình nguyện từ chối đem súng nếu được phép, nhưng cô cho rằng có lẽ Danny không muốn vệ sĩ riêng của mình mang theo súng.

Danny mặc quần vải thô trắng, áo sơ mi trắng, có lẽ do trại phát. Hai người vui vẻ ăn trưa khá lâu và chuyện trò như hai người bạn tốt. Ngồi trong xe của mình, Darla quan sát họ ra khỏi quán. Cô bám theo từ khá xa khi họ thong thả rảo bộ qua vài khối nhà rồi vào tòa nhà văn phòng vùng của Sở Xa lộ Mississippi. Sau đó, viên quản giáo ra xe của nhà tù và lái đi.

Sáng hôm sau, mẹ của Darla vào Sở Xa lộ với cớ là đệ yêu cầu sửa đường. Bà bị nhân viên thông báo thẳng thừng rằng họ không có quy trình này, và vừa tiếp tục phàn nàn về chuyện đường xá bà vừa đưa mắt tìm một thanh niên trẻ mà Darla đã mô tả cẩn thận. Hắn đang cầm một bảng kẹp giấy, trông không khác gì một nhân viên giá áo túi cơm đi làm cho có lệ.

Bạn của mẹ Darla có con trai làm bàn giấy ở trại Broomfield và anh đã xác nhận rằng Danny Padgitt được chuyển đến đó từ hè 1974.

Kể xong, cô hỏi thẳng tôi, “Anh sẽ vạch trần chuyện của hắn chứ?”

Đầu óc tôi vẫn còn quay cuồng, nhưng tôi có thể hình dung được bài báo sẽ thế nào. “Tôi sẽ điều tra chuyện này. Rồi xem xét theo những gì mình tìm được.”

“Xin anh đấy. Như thế này thật quá sức vô lý.”

“Thật không thể tin nổi.”

“Thằng khốn đó đáng ra phải ở dãy buồng tử tù.”

“Đúng.”

“Tôi đã trải qua bốn phiên tòa xử án giết người với thẩm phán Loopus, nhưng vụ này hằn trong ký ức tôi nhất”

“Tôi cũng vậy.”

Cô ấy lại bắt tôi thề lần nữa, rồi để lại địa chỉ của mình vì muốn nhận số báo sẽ in chuyện này.

Sáng hôm sau, tôi bật dậy từ lúc 6:00 sáng, rồi cùng Wiley lái xe đến Broomfield. Vì cả chiếc Spitfire lẫn Mercedes đều dễ thu hút sự chú ý ở bất kỳ thành phố nhỏ nào tại Mississippi, nên chúng tôi đi bằng chiếc Ford của Wiley. Chúng tôi dễ dàng tìm được nhà tù cách thành phố hơn bốn cây số, cũng như tìm được văn phòng Sở Xa lộ. Đến trưa, tôi và Wiley vào vị trí dọc Phố chính. Vì chắc chắn Danny Padgitt sẽ nhận ra cả hai, nên chúng tôi buộc lòng phải tìm cách ẩn mình trên đường phố tấp nập của một thị trấn lạ mà không khiến ai sinh nghi gì. Wiley ngồi nép mình trong xe, máy ảnh sẵn sàng. Tôi thì cầm tờ báo che kín mặt ngồi trên ghế băng.

Ngày đầu tiên, chẳng thấy bóng dáng Danny đâu, thế là chúng tôi về lại Clanton và sáng hôm sau lại lên đường tiếp tục chiến dịch Broomfield. Lúc 11:30, một chiếc xe tù đỗ lại trước mặt văn phòng Xa lộ. Viên quản giáo đi vào trong, đón tù nhân, rồi cả hai rảo bộ đi ăn.

Trang nhất tờ *Thời báo* ngày 17 tháng 7 năm 1977 là bốn tấm ảnh lớn, một tấm chụp Danny Padgitt rảo bộ trên hè phố, cười đùa với viên quản giáo, một tấm chụp họ đi vào quán City Grill,

một tấm chụp tòa nhà Sở Xa lộ, và tấm cuối chụp cổng của nhà tù Broomfield. Trang sau là bài báo: PADGITT KHÔNG Ở TÙ MÀ RA TRẠI

Bốn năm sau khi bị kết tội đã cưỡng hiếp tàn bạo và sát hại Rhoda Kassellaw, bị tuyên án chung thân ở nhà tù tiểu bang Parchman, Danny Padgitt đã được chuyển đến nhà tù vệ tinh mới của bang ở Broomfield. Sau ba năm ở đó, hắn được hưởng mọi biệt đãi của một phạm nhân có quan hệ rộng, với công việc văn phòng ở Sở Xa lộ bang, có quản giáo kiêm bảo vệ riêng, được ngồi lâu giờ thưởng thức bánh kẹp pho mát và sữa lắc ở các quán ăn trong vùng, nơi các thực khách chưa hề nghe đến tên hắn hay tội ác hắn đã phạm...

Bài báo được tôi viết theo cách hiểm nhất, giận dữ nhất có thể. Tôi đã ép cô phục vụ ở City Grill kể hết là hắn chỉ toàn ăn bánh kẹp pho mát với khoai tây chiên, mỗi tuần ba lần và luôn là người trả tiền. Tôi đã gọi hơn chục cuộc cho Sở Xa lộ cho đến khi tìm được một nhân viên cấp cao biết gì đó về Danny Padgitt. Ông ta không chịu trả lời các câu tôi hỏi và tôi cho ông ta lên báo không khác gì một kẻ tội phạm. Mọi nỗ lực xâm nhập nhà tù Broomfield đều vô ích. Tôi nêu ra hết mọi nỗ lực của tôi để phanh phui chuyện này, tạo cảm giác như đám quan liêu đang cố che đậy cho Padgitt. Không ai ở Parchman biết chút gì, hoặc có lẽ nếu biết họ cũng chẳng muốn nói. Tôi đã gọi cho ủy viên xa lộ (một viên chức dân cử), giám đốc nhà tù Parchman (may phước là chức vụ được chỉ định), Trưởng Sở Tư pháp bang, Phó Thống

đốc và cả Thống đốc. Họ đều bận, hẳn rồi, nên tôi quay sang hỏi chuyện đám lính lác của họ và cho họ hình ảnh của lũ dở hơi.

Tham nghị viên Theo Morton có vẻ bị sốc. Ông đã hứa sẽ xử lý triệt để chuyện này và gọi lại cho tôi. Nhưng đến lúc chuyện đã lên báo mà tôi vẫn chưa thấy cuộc gọi đâu.

Phản ứng của Clanton khá đa chiều. Khi tôi ra đường, nhiều người réo gọi hoặc chặn tôi lại, thể hiện sự giận dữ và muốn phải có hành động gì đó. Họ thật sự tin là khi Padgitt bị án chung thân và bị dắt đi tay trong còng thì hắn sẽ phải sống cả đời ở địa ngục Parchman. Vài người thì thờ ơ và muốn quên quách Padgitt cho rồi. Hắn là chuyện đã quá cũ.

Còn có những người chán nản, ngạc nhiên một cách yếm thế. Họ nghĩ nhà Padgitt lại ra tay, tìm đúng người, chi đủ tiền để biến chuyện không thể thành có thể như bao lần khác. Harry Rex nằm trong số này. "Có gì mà ầm ĩ chứ? Chúng từng mua mấy đời Thống đốc rồi mà."

Tấm hình Danny Padgitt rảo bộ trên phố, tự do tuyệt đối, đã khiến bà Callie sợ hãi kinh hoàng. "Tối qua bà ấy không ngủ," ông Esau lúng búng với tôi khi tôi đến nhà bà ăn trưa vào thứ Năm tuần đó. "Giá mà anh không tìm thấy hắn thì hơn."

May thay, mấy tờ báo ở Memphis và Jackson đánh hơi thấy câu chuyện đó, và tiếp sức cho nó. Họ khiến tình hình căng đến nỗi các chính trị gia phải ra tay. Thống đốc, Trưởng Sở Tư pháp và tham nghị viên Morton liền đua nhau gây sức ép đưa Padgitt

về lại Parchman.

Hai tuần sau khi bài báo đăng, Danny Padgitt đã được "thuyên chuyển về lại" nhà tù bang.

Ngay hôm sau, tôi nhận hai cuộc điện thoại, một gọi đến văn phòng, một gọi đến nhà khi tôi còn ngủ. Giọng nói khác nhau nhưng cùng thông điệp. Tôi chết chắc rồi.

Tôi liền báo cho FBI ở Oxford và hai đặc vụ đã tìm đến Clanton. Tôi còn tung tin cho một phóng viên ở Memphis, và chẳng mấy chốc, cả thành phố biết tôi đã bị đe dọa đến mức FBI phải can thiệp. Suốt một tháng, cảnh sát trưởng McNatt cho một xe tuần tra túc trực trước văn phòng tôi trong giờ làm việc, một cảnh sát khác thì gác ở lối vào nhà buổi tối.

Sau bảy năm yên bình, giờ tôi lại phải quen với khẩu súng bên mình.

CHƯƠNG 32

Đến giờ vẫn chưa có máu đổ. Các mối đe dọa vẫn còn đó, nhưng qua thời gian, chúng bớt đáng ngại hơn nhiều. Tôi vẫn luôn đem súng theo mình, dù không phải lúc nào cũng nằm ngay trong người, nhưng tôi cũng dần bớt để ý đến nó. Thật khó để tin là nhà Padgitt sẽ liều mạng lãnh cơn thịnh nộ khi thủ tiêu tổng biên tập của tờ báo địa phương. Dù không phải cả thành phố đều quý mến tôi như ông Caudle năm xưa, nhưng độ phản xung vẫn quá lớn để nhà Padgitt dám làm liều.

Lần này, chúng kín tiếng và nhẫn nhịn đến lạ. Thật ra từ sau khi Mackey Don Coley bị phế truất vào năm 1971, nhà Padgitt lại thể hiện sự sắc sảo trong biệt tài ứng phó của mình. Danny đã gây quá nhiều sự chú ý rồi, nên chúng quyết tâm không để bị lôi ra trước công luận lần nữa. Chúng thu mình sâu hơn vào cồn Padgitt, tăng cường an ninh và trông chờ hão huyền vào chuyện cảnh sát trưởng tân cử, T. R. Meredith, hay người kế nhiệm ông, Tryce McNatt, sẽ chui vào túi mình. Chúng mở rộng trang trại cần sa và tuồn hàng đi bằng máy bay, thuyền, xe bán tải và xe tải giả danh chở gỗ.

Với sự sắc sảo lâu nay, khi đánh hơi thấy ngành cần sa bắt đầu

có nguy cơ cao, chúng liền chuyển tiền vào các việc kinh doanh hợp pháp. Chúng mua một công ty thầu xây dựng xa lộ và nhanh chóng biến nó thành nhà thầu tin cậy cho các dự án của chính quyền. Chúng mua luôn một nhà máy nhựa đường, một nhà máy bê tông Redi-Mix và các bãi cung cấp sỏi ở phía bắc của bang. Xây dựng xa lộ là một ngành có tiếng tham nhũng ở Mississippi, và nhà Padgitt lại là dân chơi quá sõi trong mảng này.

Tôi đã quan sát, tìm hiểu hoạt động của chúng hết sức có thể. Thời bấy giờ, vẫn chưa có Luật Tự do Thông tin và luật yêu cầu công vụ phải công khai. Tôi biết tên tuổi vài công ty mà nhà Padgitt đã mua, nhưng không thể nào dò được dấu vết của chúng. Tôi chẳng có gì để viết bài, vì bề ngoài, mọi chuyện làm ăn đó đều hợp pháp.

Tôi vẫn chờ, nhưng không hy vọng lắm. Rồi một ngày, Danny Padgitt sẽ trở lại, và khi đó hắn sẽ nhảy lên cồn, lặn mất tăm không còn chút dấu vết nào nữa. Hoặc có khi hắn làm ngược lại cũng nên.

Ở Clanton, không mấy người không đi lễ nhà thờ. Những người đi lễ biết chính xác ai không làm như họ, và hầu như ai cũng tỏ thái độ "đến dự lễ với chúng tôi đi." Câu chào quen thuộc, "Hẹn gặp hôm Chúa nhật," thật ra có ý là, "Nhớ đến dự lễ nhé."

Năm đầu tiên ở đây, tôi nhận tới tấp những lời mời khéo như

vậy. Và khi người ta biết rằng ông chủ kiêm tổng biên tập của tờ *Thời báo* không đi lễ nhà thờ thì tôi trở thành kẻ tai tiếng nhất thành phố. Nhưng tôi quyết định mặc kệ vậy.

Hằng tuần, Margaret phụ trách chuyên trang Tôn giáo, bao gồm danh sách lễ nhà thờ của mọi giáo phái trong vùng. Còn có vài quảng cáo của một số cộng đoàn giàu có, thông báo về lễ hồi tâm, lễ hòa giải, những bữa tối họp đoàn và vô số hoạt động khác.

Từ chuyên trang này và sổ danh bạ, tôi đã lập danh sách mọi nhà thờ ở Hạt Ford. Tổng cộng có đến 88 nhà thờ, nhưng con số này không cố định, vì giáo dân dao động, và giáo đoàn có thể hợp rồi tan. Mục tiêu của tôi là đến thăm từng cái một, chuyện chắc chắn xưa giờ tôi chưa hề làm nhưng sẽ giúp tôi được những người chăm đi lễ nhà thờ xem trọng.

Các phái Cơ Đốc ở đây đa dạng đến rối rắm. Tôi thật không hiểu tại sao những người tự nhận mình theo cùng một giáo lý căn bản lại chia rẽ đến vậy? Về căn bản, họ đồng ý với nhau rằng (1) Chúa Jesus là con Thiên Chúa, (2) Ngài sinh ra bởi người nữ đồng trinh, (3) Ngài sống cuộc đời hoàn hảo, (4) bị người Do Thái bách hại, và bị người La Mã đóng đinh, (5) sau ba ngày, Ngài sống lại và lên trời, (6) và (dù chuyện này thì mỗi phái một khác) phải theo Chúa Jesus bằng cách nhận phép rửa tội và giữ đức tin để được vào thiên đàng.

Giáo lý khá là rõ ràng, nhưng chi tiết thì lại rối như quỷ. Ở

Clanton, không có giáo hội Công giáo, Giám nhiệm hay Mặc Môn. Hạt này chủ yếu là phái Baptist, nhưng phân nhánh cực kỳ. Tiếp theo là phái Ngũ tuần, và rõ ràng họ cũng đấu đá nhau như ở phái Baptist.

Năm 1974, tôi bắt đầu cuộc phiêu lưu thăm hết mọi nhà thờ ở Hạt Ford. Đầu tiên là nhà thờ Binh đoàn Phúc âm, một nhà thờ phái Ngũ tuần sôi động nằm bên con đường lát sỏi cách thành phố ba cây số. Theo bài quảng cáo, buổi lễ bắt đầu lúc 10:30, và tôi kiếm một chỗ ở mấy hàng ghế cuối, cách xa trung tâm hết sức có thể. Tôi được chào đón rất nồng hậu, và họ bắt đầu khán nhau là có khách thiện chí tìm hiểu vừa đến. Tôi nhìn quanh, thấy toàn gương mặt lạ. Mục sư Bob mặc bộ vest trắng, áo sơ mi xanh thẫm, cà vạt trắng và mái tóc đen dày của ông được chải keo dính chặt vào đầu. Khi ông cất lời thông báo, cộng đoàn bắt đầu hò reo. Họ còn vẫy tay tạo thành con sóng và hét hò khi ca viên hát solo. Phải một tiếng sau, mới bắt đầu vào bài giảng, lúc đó tôi đã muốn ra về lắm rồi, nhưng cũng cố ngồi lại nghe 45 phút cho hết bài giảng vốn chỉ khiến tôi mơ hồ và mệt mỏi. Nhiều lần, nhà thờ như rung chuyển vì màn giậm chân hết lực của mọi người. Các cửa sổ rung lên trước tinh thần và tiếng hò reo dữ dội. Mục sư Bob "đặt tay" lên ba người đang mắc những chứng bệnh khá là mơ hồ, và họ nói mình đã được lành. Rồi một chấp sự đứng lên, bắt đầu trình diễn một thứ tiếng lạ tôi chưa nghe bao giờ. Ông nắm chặt tay, mắt nhắm nghiền, tuôn ra một loạt những lời lạ tai theo cách trôi chảy đều đặn. Tôi thấy đây

không phải diễn, không phải giả vờ. Sau vài phút, một cô khá trẻ trong ca đoàn bắt đầu dịch những câu ông nói ra tiếng Anh. Hóa ra đấy là một khải tượng Chúa ban xuống thông qua người chấp sự này, nói rằng có những người mắc tội không thể tha thứ. "Hãy ăn năn!" Mục sư Bob hét lên, và mọi cái đầu trong nhà thờ liền cúi xuống.

Lỡ chấp sự đang nói về tôi thì sao? Tôi liếc mắt nhìn quanh, hết hồn khi thấy cửa chính đã bị khóa, còn có hai chấp sự khác đứng gác.

Nhưng rồi tinh thần trong nhà thờ cũng dịu dần đi, và sau hai tiếng ngồi ở đó, tôi phóng vút ra ngoài. Phải kiếm một ly uống cho lại hồn mới được.

Bài viết nhẹ nhàng khoan khoái về chuyến thăm nhà thờ Binh đoàn Phúc âm của tôi được đăng lên chuyên trang Tôn giáo của số kế tiếp. Tôi nhắc đến bầu khí nồng hậu ấm áp trong nhà thờ, màn solo rất hay của cô Helen Hatcher, bài giảng hùng hồn của mục sư Bob và đủ thứ khác.

Khỏi cần phải nói, bài này được người đọc phản hồi quá tích cực.

Và thế là tôi đều đặn thăm các nhà thờ, ít nhất cũng mỗi tháng hai lần. Tôi đã ngồi với bà Callie và ông Esau, nghe mục sư Thurston Small giảng suốt hai tiếng 12 phút. Thật ra, tôi luôn tính giờ các bài giảng. Bài ngắn nhất là của mục sư Phil Bish ở nhà thờ Giám lý Hiệp nhất Karaway, 17 phút. Nhà thờ đó cũng

giành luôn giải nơi lạnh lẽo nhất, vì hôm tôi đến đó là vào tháng 1 mà máy sưởi lại hỏng, nên có lẽ nhờ thế bài giảng mới ngắn như vậy. Tôi cũng ngồi với Margaret ở nhà thờ First Baptist Clanton, nghe mục sư Millard Stark giảng bài thường niên về tội uống rượu. Hôm đó, quá đen cho tôi khi vẫn còn cơn say nguội từ buổi quá chén hôm trước và mục sư Stark cứ nhìn tôi cả buổi.

Tôi còn tìm được nơi hội thánh Nhà tạm Mùa gặt hành lễ ở phòng hậu của một tiệm sửa xe bỏ hoang tại Beech Hill, ngoài tôi ra, ở đó chỉ có thêm sáu người chống mắt nghe một ông Ngôn sứ Peter mắt trắng dã nói về ngày tận thế cận kề bằng màn quát mắng như tát nước vào mặt suốt gần cả tiếng. Tuần đó, bài của tôi chỉ có vài dòng chiếu lệ.

Nhà thờ Hội thánh Đấng Christ ở Clanton thì không có nhạc cụ nào. Sau này mới có người giải thích cho tôi là nhạc cụ bị cấm chiếu theo Kinh Thánh. Nhưng tôi cũng đã được nghe một bài solo rất hay và viết khá dài để tán thưởng, dù cho phần phụng vụ thì chẳng có gì thú vị cả. Ngược lại, khi tôi đến nhà nguyện Núi Pisgah ở Hạ trấn, bục giảng nằm lọt thỏm giữa đủ thứ trống, đàn, kèn và dàn loa. Dọn đường cho bài giảng là nguyên một chương trình ca nhạc, cả cộng đoàn đứng lên hát hò nhảy múa. Theo lời bà Callie thì Núi Pisgah là "nhà thờ hạ lưu."

Số 64 trong danh sách của tôi, là nhà thờ Độc lập Gò Calico, nằm sâu trong vùng đồi ở phía đông bắc của hạt. Theo lưu trữ của tờ *Thời báo*, thì năm 1965, ông Randy Bovee đã bị rắn đuôi chuông cắn hai lần trong một buổi phụng vụ tối Chúa nhật ở

nhà thờ này. Ông Bovee qua khỏi, nhưng họ phải tạm cất mấy con rắn một thời gian. Tuy nhiên, chuyện này đã khiến dân chúng xôn xao nhiều, và khi cột báo thăm nhà thờ của tôi ngày càng nổi, có vài người đã hỏi liệu tôi có định đến Gò Calico không.

Tôi luôn trả lời bằng câu cửa miệng, "Tôi dự định đến thăm mọi nhà thờ mà."

"Nhưng họ không thích khách lạ đâu," Baggy cảnh báo trước cho tôi như thế.

Tôi đã được chào đón quá nồng hậu ở mọi nhà thờ tôi đến, cả da trắng và da đen, lớn hay nhỏ, ở thành phố hay nông thôn, nên tôi không thể hiểu nổi làm sao có Cơ Đốc nhân nào lại thô lỗ với khách muốn tìm hiểu chứ.

Sự thật gần đúng như thế, người ở Gò Calico không thô lỗ, nhưng cũng chẳng vui vẻ gì trước sự hiện diện của tôi. Tôi muốn xem đám rắn, nhưng xem từ chỗ an toàn ở dãy ghế cuối cơ. Tôi tìm đến nhà thờ họ vào một tối Chúa nhật, chủ yếu bởi người ta kháo nhau rằng "họ không đem rắn ra khi còn ánh mặt trời." Tôi đã lục lọi trong Kinh Thánh xem thử có lý do nào để làm thế không, nhưng chẳng thấy gì.

Tối hôm đó, tôi cũng không thấy rắn đâu, chỉ có những nắm tay đấm thùm thụp vào ngực khi mục sư thúc giục chúng tôi "hãy than khóc và kêu van vì tội lỗi của mình!". Ca đoàn hát ngâm nga ậm ờ theo nhịp đàn guitar điện và trống, lại còn thêm

một điệu nhảy kiểu thổ dân cổ đại. Đến đoạn này, tôi muốn về lắm rồi, nhất là vì chẳng thấy rắn đâu cả.

Nhưng bỗng tôi thoáng thấy một gương mặt vừa quen vừa lạ. Gầy gò, xanh xao, hốc hác, tóc muối tiêu. Tôi không nhớ ra là ai, nhưng biết là từng gặp rồi. Người đó ngồi ở hàng thế thứ hai và có vẻ lạc điệu với bầu khí hỗn loạn của buổi phụng vụ. Nhiều lần có vẻ như anh ta đang cầu nguyện, nhưng khi mọi người đứng thì anh lại ngồi. Cộng đoàn có vẻ vừa chấp nhận vừa làm ngơ anh.

Bỗng anh quay lại nhìn thẳng vào tôi. Là Hank Hooten, cựu luật sư gây ra màn xả súng ở Clanton hồi năm 1971! Anh đã bị trói gô đem đến bệnh viện tâm thần, và có tin đồn là được xuất viện sau vài năm. Nhưng từ đó, chẳng ai thấy anh đâu cả.

Suốt hai ngày sau đó, tôi cố sức lùng tìm Hank Hooten. Những cuộc gọi đến bệnh viện tâm thần bang chỉ đi vào ngõ cụt. Hank có một người anh ở Lùm Rậm, nhưng lại không chịu gặp tôi. Tôi đã thử dò hỏi ở Gò Calico, nhưng hiển nhiên, chẳng ai chịu hé lời nào với kẻ lạ như tôi.

CHƯƠNG 33

Nhiều người sốt sắng thờ phượng vào sáng Chúa nhật lại trở nên bất cần đức tin hẳn khi tối đến. Trong lúc đi thăm các nhà thờ, tôi đã nghe nhiều mục sư dặn dò con chiên là vài tiếng sau phải trở lại nhà thờ để giữ trọn ngày Sabbath. Tôi chưa hề đếm kỹ lưỡng, nhưng như thường lệ, chỉ khoảng một nửa chấp hành chuyện này. Tôi đã thử đến vào buổi phụng vụ tối Chúa nhật, thường là để xem mấy màn nghi lễ thú vị như cầm rắn hay chữa bệnh, hoặc có lần là cả "mật nghị hội thánh" đem một anh ra xử vì tội tơ tưởng vợ người ta. Tối đó, sự hiện diện của tôi khiến họ dè chừng và anh bạn đó được tạm tha.

Nhưng tôi chủ yếu giới hạn chuyện tìm hiểu so sánh giáo phái trong phạm vi ban ngày.

Harry Rex từng giúp một anh người Mễ tên Pepe thuê chỗ mở nhà hàng cách quảng trường một khối nhà. Pepe khá phát đạt trong những năm 1970 nhờ những món cay ngon lành. Ớt là thứ phải có mỗi khi Pepe nấu ăn, bất chấp các khách hàng da trắng thường la oai oái vì cay rát cổ.

Vào ngày Chúa nhật, rượu bị cấm trên toàn Hạt Ford, không được bán lẻ lẫn phục vụ ở nhà hàng. Nhưng Pepe có phòng hậu

với một chiếc bàn dài và cửa luôn khóa. Anh cho Harry Rex và bạn bè dùng phòng đó, ăn uống gì tùy thích, và quan trọng nhất là margarita Pepe pha ngon cực kỳ. Chúng tôi thưởng thức nhiều món ngon lạ vị và uống margarita để chống cay. Tiệc kín này thường tầm hơn chục người, đều là nam giới, trẻ trung, và chỉ phân nửa có vợ. Harry Rex dọa nếu chúng tôi hé miệng về phòng hậu này của Pepe thì ông sẽ cắt cổ hết.

Cảnh sát thành phố Clanton từng mở cuộc bố ráp, nhưng Pepe thì giả vờ chẳng biết nửa chữ tiếng Anh, còn cửa vào phòng hậu luôn khóa, lại được che chắn khá kỹ. Pepe tắt đèn quán cho êm chuyện, và suốt 20 phút, chúng tôi chờ trong bóng tối, vừa uống vừa dỏng tai nghe mấy cảnh sát cố tìm cách nói chuyện với Pepe. Mà thật tình, tôi chẳng hiểu sao lúc đó chúng tôi lại lo lắng đến thế. Vì thẩm phán thành phố, Harold Finkley, đang ngồi cuối bàn nốc ly margarita thứ tư hay thứ năm gì đó rồi.

Mấy tối Chúa nhật ở nhà Pepe thường kéo dài và huyện náo, vui chơi xong chúng tôi cũng chẳng đủ sức để lái xe về, thế là hôm đó tôi đi bộ về văn phòng, ngủ trên sofa. Tôi đang nằm ngáy giữa bầu không khí thoang thoảng mùi tequila thì chuông điện thoại đổ hồi lúc nửa đêm. Là một phóng viên tôi quen biết ở tờ nhật báo Memphis.

“Anh có tường thuật buổi điều trần ân xá ngày mai không?” anh ấy hỏi.

Ngày mai á? Cái đầu váng vất men rượu của tôi chẳng biết mai

là ngày gì.

"Ngày mai sao?" Tôi lúng búng hỏi lại.

"Ngày mai, 18 tháng 9," anh trả lời chậm rãi, rõ ràng.

Tôi mơ hồ chắc chắn năm hẳn là 1978.

"Mà điều trần ân xá gì vậy?" Tôi hỏi, cố tỉnh táo.

"Cho Danny Padgitt. Anh không biết sao?"

"Không!"

"Đã lên lịch điều trần lúc 10:00 sáng tại Parchman."

"Anh đùa tôi rồi!"

"Không. Tôi cũng vừa biết tin. Có vẻ họ không báo tin đến chỗ anh rồi."

Tôi ngồi đó trong bóng tối một hồi lâu, nguyền rủa cái bang lạc hậu này xử lý công chuyện một cách lố bịch không thể chấp nhận nổi. Có lý gì lại chấp nhận cân nhắc ân xá cho Danny Padgitt chứ? Đã tám năm trôi qua từ ngày phán quyết. Hắn chịu hai án tù chung thân, mỗi án ít nhất cũng ngồi tù mười năm chứ. Chúng tôi cứ nghĩ rằng hắn sẽ phải ở yên trong tù ít nhất 20 năm.

Lúc 3:00 sáng, tôi lái xe về nhà, ngủ vật vờ thêm hai tiếng, rồi gọi điện đánh thức Harry Rex, rõ ràng cũng không đủ tỉnh táo để làm gì. Tôi mua hai bánh xúc xích và cà phê ly đúp rồi gặp Harry Rex ở văn phòng ông tầm 7:00 sáng. Chúng tôi đều ũ rũ, bực bội, và vừa kiểm lại sách luật vừa gắt lên những câu cay độc, vung vẩy chửi thề, không phải nhắm vào nhau mà nhắm vào cái

quy trình mơ hồ vô lương tâm mà đám lập pháp dựng lên cách đây 30 năm. Hướng dẫn luật chỉ toàn những định nghĩa mơ hồ, tạo quá nhiều điều kiện cho đám chính trị gia và tay chân tác oai tác quái.

Vì các công dân tuân thủ luật pháp có bao giờ dính dáng gì đến chuyện ân xá, nên nó cũng không thuộc ưu tiên xử lý cập nhật của hội đồng lập pháp. Và vì hầu hết tù nhân của bang đều nghèo khó hoặc là người da đen, chẳng thể thao túng hệ thống, nên thật dễ để dí cho họ bản án nghiêm khắc rồi đẩy họ đi xa. Nhưng với một phạm nhân có tiền, có quan hệ, thì hệ thống ân xá là cái mê cung của những luật lệ tréo ngoe mâu thuẫn để cho Hội đồng Ân xá thi ân giáng phúc.

Nhờ một điều khoản nào đó trong luật hình sự và luật ân xá mà hai bản án chung thân "liên tiếp" của Danny Padgitt thành hai bản án "đồng thời." "Nghĩa là song song, cùng một lần ấy," Harry Rex cố giải thích.

"Thì sao?" tôi thắc mắc.

"Nó được áp dụng khi một bị cáo chịu nhiều cáo buộc. Nếu liên tiếp thì là 80 năm tù, nhưng thường thì chỉ 10 năm, là đồng thời đấy."

Tôi lại lắc đầu phản đối, làm Harry Rex cáu luôn vì hết cách giải thích.

Cuối cùng tôi cũng gọi được cảnh sát trưởng Tryce McNatt. Giọng ông cũng có vẻ say nguội dù ông thuộc một hội thánh

kiêng rượu tuyệt đối. McNatt cũng không biết gì về phiên điều trần ân xá. Tôi hỏi ông có định tham dự không, nhưng hôm nay ông bận nhiều cuộc họp quan trọng rồi.

Tôi còn muốn gọi cả thẩm phán Loopus, nhưng ông đã thành người thiên cổ từ sáu năm trước. Ernie Gaddis cũng đã nghỉ hưu, giờ đang câu cá ở dãy núi Smoky rồi. Người kế nhiệm ông, Rufus Buckley, thì sống ở Hạt Tyler, và tôi cũng không có số liên lạc.

Tám giờ sáng, tôi nhảy lên xe, cầm theo cái bánh chưa ăn và ly cà phê nguội lạnh.

Sau một tiếng lái xe về hướng tây Hạt Ford, đồi núi dần biến mất, mặt đất bắt đầu bằng phẳng hẳn khi vào vùng Châu thổ. Đây là vùng nông nghiệp trù phú mà dân tình lại nghèo, nhưng tôi chẳng còn tâm trí nào để ngắm cảnh và bình luận chuyện xã hội. Tôi chỉ đang lo ngại phiên điều trần ân xá này là phiên kín miễn dự khán.

Tôi còn lo chuyện đặt chân vào Parchman, nơi ai cũng kháo nhau là một địa ngục trần gian.

Sau hai tiếng, những hàng rào cao và dây thép gai hiện ra. Tôi rẽ vào cổng chính, báo với quản giáo gác cổng rằng tôi là phóng viên đến dự phiên điều trần ân xá. “Đi thẳng, rẽ trái ở tòa nhà thứ hai,” anh vừa chỉ vừa viết lại tên tôi.

Có một cụm tòa nhà nằm sát xa lộ, một dãy nhà thô không khác gì nhà phố. Tôi dừng lại ở tòa nhà Quản trị A, chạy hộc tốc

vào tìm thư ký trưởng. Và cô ấy lại bảo tôi chạy sang tòa nhà kế đó, tầng hai. Đã 10:00 rồi.

Cuối hành lang có mấy người đang đang đứng lảng vảng trước một phòng. Một là quản giáo, một là cảnh sát tuần tra bang, một thì mặc bộ vest nhăn nhúm.

"Tôi đến dự buổi điều trần."

"Trong kia," viên quản giáo vừa nói vừa đưa tay chỉ cho tôi. Khỏi cần gõ, tôi mở cửa bước vào, đúng kiểu một phóng viên bạo dạn. Trong phòng đã đâu vào đấy, và chắc chắn họ chẳng ngờ đến sự hiện diện của phóng viên này.

Có năm người trong Hội đồng Ân xá, họ ngồi một hàng sau chiếc bàn chính giữa phòng, mỗi người đều có bảng tên đặt trước mặt. Một chiếc bàn khác kê dọc tường, nơi tụ tập của hội nhà Padgitt, Danny, bố mẹ, một ông chú và Lucien Wilbanks. Bên kia tường là bàn của nhân viên ân xá và nhà tù.

Tất cả đều nhìn tôi như người trên trời rơi xuống. Tôi thì chỉ quan tâm mỗi Danny Padgitt, và ngay lập tức, chúng tôi đều không giấu sự khinh miệt dành cho nhau.

"Tôi giúp được gì không?" một ông bự con, ăn mặc xuề xòa ngồi chính giữa bàn cất tiếng hỏi. Đấy là Barrett Ray Jeter, chủ tịch hội đồng. Như bốn người còn lại, ông ta được Thống đốc chỉ định chức vụ này để đền đáp đóng góp cho mình trong kỳ tranh cử.

"Tôi đến dự buổi điều trần của Padgitt," tôi nói.

“Phóng viên đấy!” Lucien nói như quát. Trong một thoáng, tôi tưởng như mình sắp bị bắt ngay tại chỗ và bị tống vào hốc sâu nhất của nhà tù địa ngục này cả đời.

“Của tờ nào?” Jeter hỏi tiếp.

“*Thời báo Hạt Ford*,” tôi trả lời.

“Tên?”

“Willie Traynor.” Tôi nhìn thẳng Lucien khi lão ném cho tôi ánh mắt thù hằn.

“Đây là phiên điều trần kín, anh Traynor à” Jeter tuyên bố. Luật không nói rõ khi nào thì điều trần kín hay mở, nên thường luôn là kín.

“Vậy ai được tham dự?” Tôi hỏi gặng.

“Hội đồng Ân xá, phạm nhân được xét ân xá, gia đình, nhân chứng, luật sư của phạm nhân và bất kỳ nhân chứng nào của bên chống.”

“Bên chống” nghĩa là gia đình nạn nhân, nhưng bị nhắc đến như thể kẻ xấu.

“Còn cảnh sát trưởng của hạt chúng tôi thì sao?” tôi hỏi.

“Ông ấy cũng được mời.”

“Cảnh sát trưởng của chúng tôi không nhận được thông báo nào. Tôi vừa nói chuyện với ông ấy cách đây ba tiếng. Thật ra, ở Hạt Ford chẳng một ai biết tin về phiên điều trần này trước nửa đêm qua.” Nghe tôi nói vậy, đám Hội đồng Ân xá bắt đầu gãi đầu gãi tai. Đám nhà Padgitt thì quây lại bên Lucien.

Bằng phương pháp loại trừ, tôi nhanh chóng suy luận mình là một nhân chứng và muốn dự khán màn kịch này. Tôi nói, to và rõ hết sức có thể, "Vì ở đây không có ai khác ở Hạt Ford làm bên chống, nên tôi là nhân chứng."

"Anh không thể vừa là phóng viên vừa là nhân chứng được," Jeter nói.

"Có chỗ nào trong Bộ luật Mississippi viết vậy không?" Tôi vừa nói vừa vung vẩy quyển sách luật mượn của Harry Rex.

Jeter quay sang gật đầu với một anh trẻ tuổi mặc vest đen. "Tôi là luật sư của Hội đồng Ân xá," anh ta từ tốn bảo tôi, "anh được làm chứng trong buổi điều trần này, anh Traynor, nhưng không được tường thuật."

Tôi dự tính sẽ bất chấp, tường thuật hết mọi chi tiết rồi viện đến Tu chính án Thứ nhất. "Thì cứ vậy đi," tôi trả lời. "Luật do các anh đặt mà." Chưa đầy một phút, ranh giới đã được vạch ra rõ ràng, một bên là tôi, và bên kia là tất cả những người còn lại.

"Bắt đầu tiến hành," Jeter tuyên bố, và tôi bắc ghế ngồi với một đám người dự khán khác.

Luật sư của Hội đồng Ân xá đọc biên bản sơ bộ. Anh ta trích dẫn những điểm chính trong bản án của Padgitt và cẩn thận tránh nhắc đến từ "liên tiếp" hay "đồng thời". Dựa trên hồ sơ "mẫu mực" trong quá trình ở tù của phạm nhân, Danny Padgitt được đánh giá là "thụ án tốt," một từ mơ hồ do hệ thống ân xá bịa ra chứ không phải do lập pháp của bang ấn định. Trừ đi thời

gian ở trong trại giam của hạt chờ ra tòa, giờ phạm nhân đã đủ tư cách để được xét ân xá.

Công chức thụ lý hồ sơ của Danny thì kể lể dài dòng về mối quan hệ của mình với phạm nhân. Bà ta kết luận với quan điểm vu vơ rằng Danny đã "thật tâm hối hận", "thay đổi con người," "không còn là mối đe dọa với xã hội", thậm chí còn sẵn sàng trở thành "công dân gương mẫu."

Phải tốn bao nhiêu tiền để có cả mớ văn hoa ca tụng đó vậy? Tôi không thể kìm nổi thắc mắc đó. Tốn bao nhiêu vậy? Và nhà Padgitt phải sục sạo bao lâu mới tìm được người chịu mở túi cho họ đút tiền vào?

Tiếp theo đến lượt Lucien. Giờ không có Gaddis, cảnh sát trưởng McNatt hay thậm chí là Hank Hooten tội nghiệp, chẳng có một ai để phản bác, nên lão tự tin vung vẩy những ý kiến hoang đường về vụ án, nhất là về chứng cứ ngoại phạm "vô cùng xác đáng" từ lời của Lydia Vince. Lão còn trơ tráo nói rằng bồi thẩm đoàn đã phân vân về phán quyết có tội. Tôi chỉ muốn chộp lấy gì đó mà ném vào mặt lão, mắng chửi lão và cả đám khốn kiếp này. Có lẽ làm thế sẽ khiến lão có được chút thành thật nào chăng

Tôi chỉ muốn hét lên, "Nếu vô tội thì làm sao hắn ân hận được chứ?"

Lucien bới móc chỉ trích phiên tòa năm xưa là bất công. Lão còn tự nhận lỗi là đã không nỗ lực để thay đổi địa điểm xử án

sang một vùng khác của bang, nơi người ta sáng suốt hơn và không định kiến. Đến lúc Lucien đóng cửa hố phân giữa mặt lão, hai người trong hội đồng đã có vẻ buồn ngủ.

Bà Padgitt là người tiếp theo, đứng lên nói về những lá thư hai mẹ con gửi cho nhau trong tám năm qua, những năm tháng dài như cả thế kỷ. Qua những lá thư, bà đã thấy con mình trưởng thành, tăng tiến đức tin, khao khát được tự do để phục vụ cho đồng bào mình.

Phục vụ cần sa loại nặng hơn chứ gì? Hay là whisky bắp sạch hơn?

Vì theo sách, đến đoạn này là phải khóc, nên bà mẹ của hắn cũng rớt ra mấy giọt nước mắt. Tất cả chỉ là một phần của vở kịch lớn, và có vẻ cũng chẳng tác động gì mấy đến những cái đầu vốn đã có quyết định sẵn ở bàn hội đồng. Thật sự, nhìn mặt họ, tôi đã biết thừa kết quả rồi.

Người cuối cùng phát biểu là Danny, một bài nói rất khéo, vừa chối tội vừa thể hiện sự hối lỗi. “Tôi đã học được từ những sai lầm của mình,” làm như thể cưỡng hiếp và giết người là tội vặt, chẳng khiến ai bị tổn hại gì vậy. “Giờ tôi là con người khác hẳn rồi.”

Theo lời hắn, đây là kết quả của cơn lốc tinh thần tích cực mà hắn được hưởng khi vào Parchman, từ làm tình nguyện ở thư viện, hát trong ca đoàn, làm ở nông trại, cho đến các buổi tuyên truyền ở trường học để khiến đám nhóc sợ không còn dám

phạm tội.

Ở bàn hội đồng, hai người chăm chú lắng nghe, một người gà gật, hai người kia thì vẻ mặt trầm ngâm nhưng nhìn qua đôi mắt, tôi chỉ thấy mỗi cái đầu rỗng tuếch.

Danny cũng nhỏ vài giọt nước mắt, chốt lại bằng câu van xin cảm động xin được thả.

"Có bao nhiêu nhân chứng của bên chống?" Jeter hỏi.

Tôi đứng lên, nhìn quanh một lượt, chẳng thấy ai là người Hạt Ford cả, "Có lẽ chỉ mình tôi thôi."

"Mời anh, anh Traynor."

Tôi chẳng biết nói gì, cũng không biết ở mấy chỗ thế này, lời nào được phép lời nào không. Nhưng theo những gì tôi chứng kiến nãy giờ, tôi cho rằng muốn nói gì cũng được, dù Jeter hẳn sẽ bắt tôi dừng ngay nếu tôi phạm đến chuyện nhạy cảm.

Tôi nhìn từng người ở bàn hội đồng, cố hết sức để lờ đi những ánh mắt hình viên đạn từ phía đám Padgitt, rồi bắt đầu mô tả sống động nhất vụ cưỡng hiếp và giết người. Tôi nói hết mọi thứ có thể nhớ được, còn nhấn mạnh sự thật rằng hai đứa trẻ đã phải chứng kiến một vài phần của cuộc hành hung giết người.

Tôi vừa nói vừa sợ Lucien phản đối, nhưng hóa ra xung quanh cứ im lặng như tờ. Năm vị hội đồng ngái ngủ bỗng nhiên tỉnh táo hẳn, ai cũng chăm chăm nhìn tôi, nuốt lấy từng chi tiết ghê rợn. Tôi còn mô tả các vết thương, họa lên cảnh tượng thương tâm khi Rhoda trút hơi thở cuối trên tay ông Deece,

miệng thều thào, “Là Danny Padgitt. Là Danny Padgitt.”

Tôi gọi Lucien là kẻ dối trá, mỉa mai trí nhớ kém cỏi của ông ta hẳn đã quên gần sạch chuyện ở phiên tòa năm ấy. Bồi thẩm đoàn mất chưa đến một tiếng để ra phán quyết có tội.

Và với trí nhớ đến cả tôi cũng phải kinh ngạc, tôi thuật lại màn diễn thảm hại của Danny trên bục nhân chứng, những lời dối trá sau để che đậy lời dối trá trước, hoàn toàn không có chút sự thật nào. “Đáng ra anh ta phải bị truy tố tội khai man,” tôi khẳng định.

“Và khi xong phần làm chứng, thay vì về lại ghế, anh ta bước tới chỗ bồi thẩm đoàn, chỉ tay vào mặt các bồi thẩm mà nói, ‘Các người mà kết tội tôi thì tôi sẽ xử hết, xử không chừa một ai’.”

Một thành viên hội đồng tên là Horace Adler liền bật dậy ngay, hỏi đám nhà Padgitt, “Có thật thế không?”

“Có trong biên bản tòa mà,” tôi nói ngay trước khi Lucien có cơ hội nói dối lần nữa. Về phía mình, lão cũng chầm chậm đứng dậy.

“Có thật thế không, ông Wilbanks?” Adler hỏi gặng.

“Anh ta đã đe dọa bồi thẩm đoàn?” một hội đồng viên khác cũng hỏi theo.

“Tôi có biên bản tòa đây,” tôi tự tin tuyên bố. “Và tôi sẵn lòng mời quý vị xem qua.”

“Có thật thế không?” Adler hỏi đến lần thứ ba.

“Trong phòng xử hôm đó có đến 300 người,” tôi nói, đưa mắt

nhìn Lucien, cảnh cáo không lời với ông ta - *Đừng làm thế. Đừng nói dối làm gì.*

"Im lặng, anh Traynor," một hội đồng viên bảo tôi.

"Có trong biên bản tòa đây," tôi nhắc lại.

"Đủ rồi!" Jeter hét lên.

Lucien đứng đờ ra đó, cố nghĩ cách, trong khi mọi người chăm chăm chờ lão. "Tôi không nhớ hết mọi chuyện," cuối cùng lão cũng mở miệng, và tôi khịt mũi khinh bỉ lớn hết sức có thể. "Có lẽ thân chủ của tôi đã nói gì đó tạo cảm giác như thế, nhưng đấy chỉ là một thoáng xúc động, và trong hoàn cảnh căng thẳng như thế, có thể buột miệng ra những lời như vậy mà. Nhưng hãy xem xét bối cảnh..."

"Bối cảnh cái con khỉ!" Tôi hét lên, bước tới trước mặt như thể chuẩn bị giáng cho lão một đấm. Một quản giáo bước lên, tôi cũng đứng lại. "Nó nằm trong biên bản tòa giấy trắng mực đen đây này!" Đến lúc này tôi không kìm nổi sự giận dữ được nữa. Rồi tôi quay sang hội đồng, "Sao các người có thể ngồi đó và để họ nói dối như thế? Các người không muốn nghe sự thật sao?"

"Anh còn gì muốn nói nữa không, anh Traynor?" Jeter hỏi.

"Có! Tôi mong hội đồng này không biến hệ thống tư pháp thành trò hề và để kẻ này tự do chỉ sau tám năm tù. Hắn được ngồi đây thay vì ở dãy buồng tử tù đã là may mắn lắm rồi. Và tôi mong lần tới các vị tổ chức điều trần ân xá cho hắn, nếu như còn có lần tới, thì mong các vị mời một vài công dân ở Hạt Ford,

cảnh sát trưởng hay công tố viên. Và các vị có thể thông báo cho gia đình được chứ? Họ có quyền ở đây để các vị nhìn vào mặt họ trước khi thả tự do cho kẻ giết người này."

Tôi ngồi xuống, lửa giận vẫn bừng bừng. Tôi trừng mắt nhìn Lucien Wilbanks và quyết định sẽ chuyên tâm trừng trị lão cho đến hết đời lão hay đời tôi, không thể nào đội trời chung với lão khốn này được. Jeter tuyên bố tạm nghỉ, và tôi cho là họ cần thời gian để ngồi lại với nhau trong phòng hậu mà tính tiền. Có lẽ họ sẽ gọi nhà Padgitt đến để chung chi thêm cho một vài hội đồng viên. Để chọc giận luật sư của hội đồng, tôi lôi giấy ra hí hoáy viết lại những ghi chú cho bài báo mà gã đã cấm tôi viết.

Sau 30 phút, hội đồng về lại phòng để tiếp tục điều trần, trông mặt ai cũng có vẻ lén la lén lút như vừa phạm tội. Jeter yêu cầu bỏ phiếu. Hai phiếu thuận, hai phiếu chống và một phiếu trắng. "Lần này, đơn ân xá bị bác bỏ," Jeter tuyên bố và bà Padgitt liền bật khóc. Bà ôm Danny trước khi hắn bị quản giáo kéo đi.

Khi đứng dậy ra về, Lucien và nhà Padgitt đi ngang qua tôi, sát rạt. Tôi cứ lờ họ đi, mắt cắm xuống sàn, kiệt sức, chuếnh choáng.

"Tiếp theo là Charles D. Bowie," Jeter gọi, và một đám người mới từ từ đi vào. Tôi nghe loáng thoáng gì đó về tội xâm hại tình dục, nhưng giờ chẳng còn hơi sức nào để lo chuyện gì khác. Tôi rời phòng, ra hành lang, nửa trông nửa sợ gặp mặt đám Padgitt, gì cũng được, vì tôi muốn xong việc với chúng cho rồi.

Nhưng đám nhà Padgitt đã đi hết, chẳng thấy bóng dáng ai khi tôi ra khỏi tòa nhà rồi lái xe qua cổng chính nhà tù quay về Clanton.

CHƯƠNG 34

Buổi điều trần lên trang nhất tờ *Thời báo Hạt Ford* số tiếp theo. Tôi viết ra mọi chi tiết mình nhớ được, và trang năm là bài xã luận nghiêm khắc của tôi về tiến trình điều trần. Tôi gửi báo cho mọi thành viên Hội đồng Ân xá, cả luật sư hội đồng, và trong cơn hăng, tôi gửi luôn cho mọi thành viên hội đồng lập pháp của bang, Trưởng Sở Tư pháp, Phó Thống đốc và Thống đốc. Hầu hết đều làm ngơ, nhưng luật sư của Hội đồng Ân xá thì không.

Anh ta viết cho tôi một bức thư dài thể hiện sự quan ngại sâu sắc về "sự vi phạm có chủ ý đối với quy trình của Hội đồng Ân xá." Anh ta còn tính ngồi lại với Trưởng Sở Tư pháp để "đánh giá mức độ nghiêm trọng của vấn đề" và có những hành động sẽ khiến tôi phải lãnh "những hậu quả nặng nề."

Luật sư của tôi, Harry Rex, bảo đảm rằng chính sách điều trần kín của Hội đồng Ân xá rõ ràng là vi hiến, vi phạm trắng trợn Tu chính án Thứ nhất, và ông sẵn sàng biện hộ cho tôi trước tòa án liên bang. Với mức phí giảm giá, hẳn rồi.

Tôi cáu tiết gửi thư hồi đáp cho gã luật sư, chúng tôi cứ tranh cãi bằng đường bưu điện vài tháng cho đến khi gã có vẻ không còn hứng thú đeo bám tôi nữa.

Rafe, người lùng thân chủ cho Harry Rex, có một đồ đệ tên Buster, một tay cao bồi lực lưỡng khi nào cũng kè kè vài khẩu súng bên mình. Tôi thuê Buster với giá 100 đô một tuần để vào vai vệ sĩ. Vài tiếng một ngày, Buster sẽ lảng vảng ở tiền sảnh tòa soạn, hoặc ngồi trước đường vào nhà tôi, ở hiên nhà hay bất kỳ nơi nào cho mọi người dễ thấy và nhận ra rằng Willie Traynor là yếu nhân đủ tầm cỡ để có vệ sĩ. Nếu nhà Padgitt dám lại gần để nổ súng thì thế nào cũng phải lãnh vài phát bắn trả.

Sau vài năm tăng cân đều và bất chấp cảnh báo của bác sĩ, bà Callie cuối cùng cũng chịu thua. Sau một lần đi khám có vẻ rất nặng, bà tuyên bố với ông Esau rằng sẽ ăn kiêng, giới hạn 1.500 calo mỗi ngày, trừ thứ Năm, vì tôi ấy mà. Một tháng trôi qua, và tôi chẳng thấy bà có vẻ giảm được cân nào. Nhưng ngày thứ Năm sau bài báo về buổi điều trần, đột nhiên trông bà như đã sụt liền mấy chục cân.

Thay vì chiên gà, bà lại cho vào lò nướng. Thay vì nghiền khoai tây trộn bơ và kem rồi phủ một lớp nước sốt thịt, bà lại đem khoai đi hấp. Vẫn ngon, nhưng hơi lạ với cái bụng của tôi vốn đã quen với lượng mỡ màng kha khá hàng tuần.

Sau khi cầu nguyện, tôi đưa bà hai lá thư Sam gửi. Như thường lệ, bà mở thư đọc ngay trong khi tôi cắm cúi ăn. Và như thường lệ, bà mỉm cười rồi cuối cùng lau nước mắt. “Nó ổn cả, bà nói, mà đúng thế thật.

Với sự ngoan cường điển hình của nhà Ruffin, Sam đã lấy

bằng đại học đầu tiên, ngành kinh tế, và đã dồn tiền để học trường luật. Cậu nhớ nhà vô cùng, và chán nản thời tiết ở Canada. Nói thẳng là cậu nhớ mẹ và nhớ món mẹ nấu.

Tổng thống Carter đã ân xá cho mọi thanh niên trốn nhập ngũ, và Sam đang vật lộn chọn lựa giữa ở lại Canada hay về nhà. Nhiều đồng bạn ly hương của cậu đã thề sẽ ở lại và nhập quốc tịch Canada, và cậu cũng bị ảnh hưởng bởi tinh thần của họ. Cậu còn có người yêu ở đó nữa, dù chưa kể cho bố mẹ.

Có lúc chúng tôi bàn về chuyện trên báo, nhưng thường là nói về mục cáo phó hay thậm chí là mục quảng cáo. Vì bà Callie đọc hết không sót chữ nào, nên bà biết ai đang rao bán ổ chó con và ai muốn mua máy cắt cỏ cũ còn tốt. Và vì tuần nào cũng đọc hết từng chữ, nên bà biết nông trại này rộng chừng nào hay có mảnh đất nào đang rao bán. Bà nắm rất rõ giá cả thị trường. Có lúc chúng tôi đang ăn thì một chiếc xe chạy qua, bà sẽ hỏi, "Đó là chiếc gì vậy?"

"Plymouth Duster 1971," tôi trả lời.

Và bà có thể nói ngay, "Nếu trong tình trạng tốt, nó tầm 2.500 đô đấy."

Có lần Stan Atcavage cần bán một thuyền đánh cá dài bảy mét mà ông vừa tịch biên, tôi liền gọi cho bà Callie. Bà bảo, "Cách đây ba tuần, có một ông ở Karaway cần mua thuyền." Tôi kiểm lại và tìm thấy mẩu tin quảng cáo đó. Ngay hôm sau, Stan đã bán được thuyền cho ông ấy.

Bà rất thích các thông cáo pháp lý, một trong những mảng thu lợi nhất của tờ báo. Chứng thư, tịch biên, đệ đơn ly hôn, chứng thực di chúc, tuyên bố phá sản, xác nhận sở hữu đất, hàng chục loại thông cáo pháp lý phải đăng trên tờ báo của hạt theo quy định của luật. Chúng tôi nhận hết, với giá cả phải chăng.

"Tôi thấy tài sản của ông Everett Wainwright đang được xác thực thừa kế," bà Callie bảo.

"Tôi không nhớ đã đăng cáo phó của ông ấy lúc nào nữa." tôi nói, miệng vẫn nhồm nhoàm. "Ông ấy mất khi nào nhỉ?"

"Năm hay sáu tháng trước. Thời gian qua đâu nhiều cáo phó."

"Gia đình họ đưa gì thì tôi đăng cái đó thôi. Bà biết ông ấy à?"

"Ông ta có một cửa hàng tạp hóa gần đường ray từ lâu lắm rồi." Nghe giọng, tôi thấy bà chẳng quan tâm ông Everett Wainwright này lắm.

"Ông ấy là người tốt hay xấu?"

"Ông ta có hai mức giá, giá cho dân da trắng và dân Negro. Hàng có bao giờ dán nhãn giá đâu, và cũng chỉ có mình ông ta đứng thu tiền. Khách hàng da trắng đi vào gọi, 'Ông Wainwright, lon sữa đặc này nhiêu tiền?' là ông ta hớn hở, '38 xu.' Mới phút sau, tôi vào hỏi, 'Ông Wainwright, lon sữa đặc này bao nhiêu tiền vậy?' Là ông quát, '54 xu.' Ông ta cũng chẳng thèm giấu giếm chuyện đó. Chẳng quan tâm luôn."

Gần chín năm trời, tôi đã nghe bà kể nhiều chuyện cũ. Nhiều lúc tôi tưởng đã nghe hết sạch rồi, nhưng hóa ra kho chuyện của

bà Callie là vô tận.

"Vậy sao bà lại mua hàng ở đó?"

"Đó là cửa hàng duy nhất chúng tôi được vào. Ông Monty Griffin có một cửa hàng lớn hơn ở sau rạp chiếu phim cũ, nhưng cách đây 20 năm, chỗ đó vẫn là cấm địa."

"Ai cấm bà?"

"Ông Monty Griffin. Ông ta chẳng quan tâm ta có tiền hay không, chỉ không muốn có dân Negro đặt chân vào cửa hàng mình thôi."

"Và ông Wainwright cũng chẳng quan tâm chuyện tiền bạc?"

"Quan tâm chứ. Ông ta chẳng muốn tiếp chúng tôi, nhưng lại muốn lấy tiền chúng tôi."

Bà còn kể câu chuyện về một cậu da đen đang tha thẩn quanh cửa hàng thì bị ông Wainwright lấy chổi đánh đuổi. Để trả thù, cậu bé đột nhập vào cửa hàng ông một hoặc hai lần mỗi năm suốt một thời gian dài mà không bị phát hiện. Cậu trộm thuốc lá, kẹo và bẻ hết mọi cán chổi.

"Có đúng là họ hiến toàn bộ tiền của ông ta cho nhà thờ Giám lý?" bà hỏi.

"Tin đồn là thế."

"Bao nhiêu?"

"Tầm trăm ngàn đô."

"Họ đã kháo nhau là ông ta cố mua vé vào thiên đàng." Từ lâu tôi quen với những chuyện đồn rất chính xác mà bà Callie nghe

được về bên kia đường ray. Nhiều bạn của bà làm giúp việc cho các gia đình ở đó mà. Những người giúp việc biết hết mọi chuyện.

Bà Callie lại bàn đến chuyện đời sau, vì bà rất lo cho phần hồn của tôi. Bà lo tôi không thành một Cơ Đốc nhân đàng hoàng, lo tôi không được "tái sinh" hay "cứu rỗi." Theo bà, phép rửa tội nhận khi còn nhỏ hoàn toàn không đủ. Khi đến một độ tuổi nhất định, tuổi có thể nhận trách nhiệm, thì để được "cứu rỗi" khỏi kiếp địa ngục đời đời, người đó phải vào nhà thờ (còn nhà thờ nào thì là chuyện tranh cãi vô tận) và công khai tuyên xưng đức tin vào Chúa Jesus Christ.

Bà Callie vẫn còn nặng ưu tư vì tôi chưa chịu làm vậy.

Và sau khi đã thăm 77 nhà thờ khác nhau, tôi phải thừa nhận rằng đại đa số người dân Hạt Ford có cùng niềm tin như bà, dù có nhiều biến thể khác nhau. Một phái rất mạnh là Hội thánh Đấng Christ. Họ bám vào quan niệm lạ lùng rằng họ, và chỉ có họ mà thôi, được tiền định sẽ lên thiên đàng. Mọi hội thánh khác đều rao giảng "giáo điều hệ phái." Và họ, như nhiều phái khác, còn tin rằng một khi người ta đã đạt được sự cứu rỗi thì vẫn có thể bị mất đi vì hành xử xấu xa. Phái Baptist, phái có đông người theo nhất, thì tin vào "được cứu rỗi một lần là đủ." Giáo lý này có vẻ rất dễ chịu đối với một số tín hữu Baptist dễ sa ngã mà tôi quen biết ở đây.

Tuy nhiên, tôi vẫn không phải là kẻ hoàn toàn vô vọng. Bà

Callie quá mừng khi thấy tôi đi lễ nhà thờ và hấp thụ phúc âm. Bà tin chắc và cầu nguyện liên tục mong một ngày Chúa vươn tay ra chạm đến trái tim tôi và tôi sẽ quyết định theo Ngài, rồi bà và tôi sẽ được ở cùng nhau trên thiên đàng đời đời. Bà Callie thật sự sống hết mình vì ngày bà "về nhà vinh phúc."

Bà bảo tôi, "Chúa nhật tuần này, mục sư Small sẽ chủ trì bàn tiệc của Chúa," đấy là câu cửa miệng của bà để mời tôi cùng bà đi dự lễ nhà thờ. Nhưng mà mục sư Small giảng quá dài, tôi không chịu nổi.

"Cảm ơn bà, nhưng Chúa nhật này tôi lại đi thăm nhà thờ khác."

"Xin Chúa chúc lành cho anh. Lần này là chỗ nào vậy?"

"Nhà thờ Baptist Nguyên khởi Maranatha."

"Tôi chưa hề nghe tên nhà thờ đó."

"Có trong sổ danh bạ điện thoại mà."

"Nó nằm ở đâu vậy?"

"Đâu đó ở Dumas, hình như là vậy."

"Của dân da đen hay da trắng?"

"Tôi chẳng biết nữa."

Nhà thờ thứ 78 trong danh sách của tôi là nhà thờ Baptist Nguyên khởi Maranatha, như hạt ngọc nằm dưới chân đồi, kề bên một con lạch nhỏ, dưới bóng tán sồi ít nhất cũng phải 200 năm tuổi rồi. Nhà thờ sơn trắng, dài và hẹp, với mái tôn khá dốc và gác chuông vươn cao chìm trong tán sồi. Cửa trước đang mở

rộng, chào đón tất cả mọi người đến thờ phượng. Một phiến đá đặt cạnh cửa đề năm khánh thành - 1813.

Tôi nhẹ nhàng ngồi vào hàng ghế sau, chỗ quen thuộc thường lệ, cạnh một quý ông ăn vận đẹp với tuổi đời chắc cũng bằng nhà thờ này. Sáng đó, có 58 người dự lễ. Các cửa sổ đều mở rộng, đón làn gió nhẹ thổi qua các tán cây len vào xoa dịu những bồn chồn của buổi sáng tất bật. Suốt một thế kỷ rưỡi, người ta đã quy tụ về đây, ngồi trên những hàng ghế này, nhìn qua những khung cửa này, ngắm những cái cây này, và thờ phượng một Chúa duy nhất. Ca đoàn hát một bài thánh ca nhẹ nhàng đưa tâm hồn tôi trôi dạt êm đềm trong cảm giác của một thời xa xưa.

Mục sư J. B. Cooper là một người khá vui tính. Tôi đã gặp ông vài lần trong nhiều năm chạy quanh viết cáo phó. Một lợi ích khi đi thăm các nhà thờ trong hạt là tôi có dịp làm quen với mọi mục sư ở đây. Chuyện này giúp cho các bài cáo phó của tôi phong phú hơn hẳn.

Mục sư Cooper nhìn xuống đàn chiên và nhận ra người khách lạ duy nhất là tôi. Ông gọi tên tôi, chào mừng tôi, và đùa vài câu về chuyện được đưa tin tử tế trên tờ *Thời báo*. Sau bốn năm thăm thú với 77 bài báo khá sinh động và tốt tính về các nhà thờ, giờ tôi chẳng thể nào lẻn vào một buổi phụng vụ mà không bị chú ý.

Đến bây giờ tôi vẫn thường bị bất ngờ vì những gì tôi gặp ở các nhà thờ vùng quê. Thường thì các bài giảng ầm ĩ và kéo dài, và nhiều lần tôi tự hỏi sao những người này có thể chịu đựng hết

tuần đến tuần khác những lời mắng nhiếc thậm tệ lên án bất kỳ việc gì họ làm trong tuần qua. Ở vùng quê Mississippi, chuyện gì cũng là tội, và không chỉ những tội căn bản được viết trong Thập điều đâu. Tôi đã nghe nhiều lời rủa sả cay độc đối với truyền hình, phim ảnh, chơi bài, tạp chí, sự kiện thể thao, đồng phục cổ vũ viên, xóa bỏ phân tách chủng tộc, các nhà thờ đa chủng tộc, Disney (vì nó chiếu vào các tối Chúa nhật), khiêu vũ, uống rượu xã giao, tình dục trong hôn nhân, đủ mọi thứ.

Nhưng mục sư Cooper thì rất nhẹ nhàng. Bài giảng của ông, dài 28 phút, nói về sự khoan dung và yêu thương. Yêu thương là thông điệp chính của Đấng Christ. Đấng Christ chỉ yêu cầu một điều là chúng ta hãy yêu thương nhau. Đến phần lên bàn thờ kết ước với Chúa, ca đoàn hát ba tiểu khúc bài "Này con đây," nhưng mọi người đều ngồi yên tại chỗ, vì hẳn họ đã làm thế nhiều lần rồi, còn tôi thì chưa đến lúc.

Như thường lệ, tôi nán lại vài phút để nói chuyện với mục sư Cooper. Tôi bảo là rất thích buổi lễ, thật lòng là thế, rồi tôi xin tên các ca viên để viết bài. Các giáo dân ở đây rất nồng hậu và thân thiện, nhưng đến đoạn này họ sẽ muốn chuyện trò cả ngày, kể những chuyện hay với hy vọng được lên báo. "Bố tôi đã xây mái nhà thờ vào năm 1902 đấy." "Cơn lốc xoáy năm 1938 đi qua cách nhà thờ có chút xíu, lúc đó chúng tôi đang tổ chức buổi chấn hưng lòng đạo."

Tôi đang trên đường ra thì thấy một người ngồi xe lăn đang được đẩy xuống con dốc cho người khuyết tật. Một gương mặt

thân quen, tôi liền bước tới chào hỏi. Là Lenny Fargarson, gã què năm nào, bồi thẩm số bảy hay tám gì đấy. Trong phiên tòa năm 1970, anh vẫn có thể đi lại, dù không đẹp mắt lắm, nhưng giờ đã phải ngồi xe lăn. Bố anh chào hỏi tôi và tự giới thiệu. Mẹ anh vừa rồi đứng trong hội chuyện trò với tôi lúc nãy.

"Cho tôi nói chuyện với anh một lát?" Fargarson bảo tôi. Ở Mississippi, câu hỏi đó nghĩa là, "Ta phải nói chuyện và khá là lâu đấy." Tôi ngồi xuống một ghế băng dưới tán sồi. Ông bố đẩy anh đến, rồi để chúng tôi nói chuyện riêng.

"Tôi đọc báo của anh hàng tuần," Fargarson nói câu mào đầu rồi hỏi ngay, "Anh nghĩ Padgitt sẽ được thả không?"

"Có. Vấn đề chỉ là lúc nào. Hắn có thể đệ đơn xin ân xá mỗi năm một lần, liên tục."

"Hắn có về lại đây không, Hạt Ford ấy?"

Tôi nhún vai, vì làm sao biết được. "Có lẽ. Nhà Padgitt bám dính cái cồn của chúng mà."

Anh ngẫm nghĩ câu này một hồi. Khuôn mặt anh hốc hác, nhăn nheo như ông già. Nếu tôi nhớ đúng thì vào thời điểm diễn ra phiên tòa anh chỉ mới 25 tuổi. Chúng tôi suýt soát tuổi nhau, nhưng trông anh già gấp đôi tôi. Tôi đã nghe người ta kể chuyện anh bị thương vì máy cưa.

"Anh sợ chuyện đó à?" tôi hỏi.

Anh mỉm cười, "Giờ tôi còn sợ gì nữa, anh Traynor. Có Chúa là mục tử chăn dắt tôi."

“Có Chúa bên ta,” tôi đáp, vẫn còn dư âm của bài giảng. Với tình trạng sức khỏe và chiếc xe lăn thế này, rất khó để hiểu rõ con người Lenny là thế nào. Anh đã chịu quá nhiều đau khổ. Đức tin của anh mạnh mẽ đấy, nhưng hình như tôi cũng thoáng thấy chút gì đó sợ hãi.

Bà Fargarson đang tiến tới chỗ chúng tôi.

“Anh sẽ viết bài nếu hắn được thả chứ?” Lenny hỏi.

“Tôi muốn lắm, nhưng không chắc sẽ thế nào.”

“Khi biết hắn ra tù, anh gọi cho tôi được không?”

“Dĩ nhiên là được.”

Bà Fargarson nấu món thịt nướng nồi cho bữa trưa Chúa nhật và bà không chấp nhận bất kỳ cớ thoái thác nào. Đột nhiên tôi bỗng thấy đói bụng, hơn nữa ở biệt thự Hocutt cũng chẳng có món gì ngon. Bữa trưa Chúa nhật thường lệ của tôi là sandwich nguội và một ly rượu vang dưới mái hiên, rồi ngủ vùi cả chiều.

Lenny sống với bố mẹ cạnh con đường lát sỏi cách nhà thờ ba cây số. Bố anh là bưu tá, mẹ là giáo viên. Còn có một người chị sống ở Tupelo. Trên bàn ăn với món thịt nướng, khoai tây và trà cũng ngọt như của bà Callie pha, chúng tôi ngồi kể lại phiên tòa vụ Kassellaw và phiên điều trần ân xá đầu tiên của Padgitt. Lenny có lẽ không quan tâm lắm chuyện Danny Padgitt được thả hay không, nhưng bố mẹ anh rõ ràng vô cùng lo sợ.

CHƯƠNG 35

Clanton đón tin vui lớn vào đầu năm 1978. Bargain City sắp đến! Cùng với McDonald và các chuỗi thức ăn nhanh học theo đua nhau mọc lên khắp đất nước, Bargain City là một chuỗi cửa hàng toàn quốc đang tăng tốc đổ bộ vào các thành phố nhỏ miền Nam. Hầu hết mọi người đều hớn hở. Một vài người lại cảm thấy đây là khởi đầu cho hồi kết.

Bargain City đang đánh chiếm thế giới với những nhà kho giảm giá khủng, bán đủ mọi thứ với giá cực thấp. Các cửa hàng lại rộng rãi, sạch sẽ, có cả quán ăn, tiệm thuốc, ngân hàng, thậm chí điểm khám mắt và đại lý du lịch. Một thành phố nhỏ mà không có Bargain City thì thật tầm thường và kém cỏi.

Họ đã chọn mảnh đất 50 mẫu ở Phố Chợ, cách quảng trường Clanton hơn một cây số. Một vài cư dân đã biểu tình và hội đồng thành phố tổ chức buổi điều trần công khai để quyết định có cho Bargain City xây cửa hàng không. Đây không phải lần đầu họ bị phản đối và họ đã dần phát triển chiến lược mua chuộc lòng người rất hiệu quả.

Phòng hội đồng đầy người cầm những tấm bảng đỏ trắng, hai màu tiêu biểu của Bargain City, với những dòng chữ, BARGAIN

CITY-NƠI SỐNG TỐT và CHÚNG TÔI MUỐN CÔNG VIỆC.

Các kỹ sư, kiến trúc sư, luật sư và nhà thầu đều đến dự, kéo theo cả thư ký và vợ con. Họ vẽ lên viễn cảnh phát triển kinh tế, thuế doanh thu, 150 công ăn việc làm cho dân địa phương và những sản phẩm tốt nhất với giá thấp nhất.

Bà Dorothy Hockett thì lên tiếng phản đối. Tài sản của bà nằm cạnh khu vực trung tâm thương mại dự kiến và bà chẳng muốn đủ thứ ồn ào kéo theo nó. Hội đồng thành phố có vẻ đồng cảm, nhưng quyết định đã được quyết từ lâu rồi. Khi không còn ai lên tiếng phản đối Bargain City, tôi bèn đứng dậy, bước lên bục.

Tôi tin rằng để bảo tồn khu vực trung tâm Clanton thì chúng tôi phải bảo vệ những cửa tiệm, hàng quán và văn phòng quanh quảng trường. Một khi bối cảnh cân bằng bị phá vỡ, thì sự xáo trộn sẽ không có điểm dừng. Thành phố này sẽ tỏa ra cả chục hướng, đồng thời đem đi mất nét đẹp của Clanton cổ điển.

Hầu hết công việc mà họ hứa hẹn đều là việc với mức lương tối thiểu. Nguồn thuế doanh thu mới mà họ đem lại sẽ đi kèm cái giá là giới thương nghiệp địa phương bị Bargain City loại trừ. Làm gì có chuyện người dân Hạt Ford đột nhiên đi mua thêm xe đạp và tủ lạnh chỉ bởi Bargain City trưng bày bắt mắt.

Tôi còn nhắc đến Titus, thành phố cách Clanton một tiếng đi xe về phía Nam. Hai năm trước, Bargain City đã mở cửa hàng ở đó. Kể từ đó, 14 cửa hàng bán lẻ và một quán ăn đã phải đóng cửa. Phố chính của họ giờ vắng tanh.

Tôi còn kể về Marshall ở vùng Châu thổ. Trong ba năm kể từ khi Bargain City mở cửa hàng, các hộ kinh doanh gia đình ở Marshall đã phải đóng cửa hai tiệm thuốc, hai cửa hàng bách hóa nhỏ, một cửa hàng thức ăn chăn nuôi, một cửa hàng ngũ kim, một tiệm áo quần nữ, một tiệm quà tặng, một nhà sách, hai quán ăn. Tôi đã ngồi ăn trưa ở quán ăn duy nhất còn sót lại, và bà phục vụ vốn làm ở đó hơn 30 năm, bảo tôi rằng doanh số của họ chưa bằng một nửa so với trước kia. Quảng trường ở Marshall cũng khá giống ở Clanton, trừ chuyện hầu hết chỗ đỗ xe giờ vắng hoe, và trên vỉa hè chẳng có mấy người đi bộ.

Tôi kể thêm về thành phố Tackerville, có dân số tương đồng với Clanton. Một năm trước, Bargain City mở cửa hàng ở đó, và thành phố đã phải chi 1,2 triệu đô để sửa đường hòng đáp ứng nhu cầu giao thông.

Tôi đưa cho thị trưởng và các hội đồng viên bản sao bài nghiên cứu của một giáo sư kinh tế ở Đại học Georgia. Ông đã lần theo Bargain City khắp miền nam trong sáu năm qua, và đánh giá tác động kinh tế cũng như xã hội của nó đối với các thành phố có dân số dưới 10.000. Con số thuế doanh thu của các thành phố đó chẳng thay đổi, chỉ là chuyển từ các doanh nghiệp nhỏ sang cả cho Bargain City. Chuyện công ăn việc làm cũng thế, số nhân viên ở các cửa hàng cũ mất việc tương đồng với con số người có việc làm mới ở Bargain City. Họ chẳng đầu tư gì lớn lao cho cộng đồng ngoài mảnh đất và tòa nhà của mình. Sự thật là Bargain City còn chẳng để tiền ở các ngân hàng địa phương.

Ngày nào cũng vậy, đến nửa đêm là tiền thu trong ngày được chuyển khoản về trụ sở chính ở Gainesville, Florida.

Nghiên cứu này kết luận rằng khai triển cửa hàng Bargain City rõ ràng có lợi cho các cổ đông của họ, nhưng là sự tàn phá về kinh tế đối với hầu hết các thành phố nhỏ. Và tác hại thực sự chính là văn hóa. Với các cửa hàng đóng cửa, lề đường vắng hoe, đời sống thành thị phong phú của các con phố chính và quảng trường sẽ nhanh chóng tiêu vong.

Thỉnh nguyện đơn ủng hộ Bargain City có 480 chữ ký. Thỉnh nguyện đơn phản đối của chúng tôi chỉ có 12. Hội đồng thành phố đã bỏ phiếu nhất trí tuyệt đối, 5 thuận 0 chống.

Về nhà, tôi đã viết một bài xã luận gay gắt về chuyện này và kết quả là nhận những lá thư hằn học suốt cả tháng. Lần đầu tiên, có người gọi tôi là “thằng ôm cây, một từ chế giễu những ai bảo vệ môi trường.

Trong vòng một tháng, xe ủi đất đã san phẳng 50 mẫu, rồi tường bắt đầu dựng lên và họ công bố sẽ khai trương vào ngày 01 tháng 12, vừa kịp mùa mua sắm Giáng Sinh. Với số tiền dự tính sẽ chảy vào túi, Bargain City hối hả xây dựng. Họ vốn có tiếng là khôn ngoan và quyết đoán.

Cửa hàng và bãi đỗ xe rộng tầm 20 mẫu. Vòng ngoài nhanh chóng được bán cho các chuỗi cửa hàng khác, và rất nhanh, thành phố đã phê duyệt xây dựng một trạm xăng 16 vòi tự phục vụ, một cửa hàng tiện lợi, ba nhà hàng thức ăn nhanh, một tiệm

giày giảm giá, một tiệm nội thất giảm giá và một tiệm thực phẩm lớn.

Tôi không thể từ chối quảng cáo cho Bargain City. Tôi không cần tiền, nhưng vì chỉ có mỗi tờ *Thời báo* phủ sóng khắp hạt, nên để quảng cáo, họ chỉ có một lựa chọn là chúng tôi. (Thật ra, để đáp trả một vụ tranh cãi tôi khơi lên hồi năm 1977, một tờ báo cánh hữu tên *Biên niên Clanton* được thành lập nhưng hoạt động khá chật vật).

Đến giữa tháng 11, tôi gặp đại diện của Bargain City và chúng tôi đăng một loạt quảng cáo khá bộn tiền về lễ khai trương. Tôi tính tiền cao nhất có thể, và họ chẳng hề phàn nàn gì.

Ngày 01 tháng 12, thị trưởng, tham nghị viên Morton và vài người tai to mặt lớn khác cắt băng khánh thành Bargain City. Dân chúng chỉ chờ có vậy là xông qua cửa và bắt đầu mua sắm như đói khát lâu ngày. Giao thông trên xa lộ dẫn vào thành phố bị ùn tắc.

Tôi từ chối đăng bài lễ khai trương lên trang nhất, thay vào đó, nhét nó vào tận trang bảy, và chuyện này khiến thị trưởng, ông nghị Morton và nhiều người vai vế khác nổi giận. Họ cứ nghĩ hình họ cắt băng phải được lên trang nhất, nổi nhất.

Mùa Giáng Sinh năm nay vất vả cho các doanh nghiệp nhỏ ở trung tâm thành phố rồi. Ba ngày sau Giáng Sinh, thiệt hại đầu tiên đã đến khi cửa hàng Western Auto tuyên bố đóng cửa. Nó đã đóng đô ở tòa nhà đó suốt 40 năm, bán xe đạp, đồ gia dụng và

tivi. Ông Hollis Barr, chủ cửa hàng bảo tôi rằng giá nhập một tivi màu Zenith là 438 đô, và ông cố bán nó với giá 510 đô. Nhưng cùng mẫu đó, Bargain City lại bán với giá 399 đô.

Dĩ nhiên, chuyện đóng cửa Western Auto được tôi cho lên trang nhất.

Qua tháng 1, chuỗi đóng cửa lại tiếp tục với tiệm thuốc Swain nằm kế Trà Quán, rồi tiệm Quà tặng Maggie kế cửa hàng phụ kiện may mặc của ông Mitlo. Tôi xem mỗi cửa hàng bị đóng cửa là một cái chết, và mỗi bài báo đều nghe như cáo phó.

Một chiều nọ, tôi ngồi lại với hai ông sinh đôi nhà Stuke ở cửa hàng ngũ kim của họ. Đây là một tòa nhà cổ tuyệt đẹp, với sàn gỗ, những chiếc kệ kiểu cổ chứa cả triệu món, và cuối nhà là một lò đốt củi, nơi hai ông ngồi lại bàn bạc mỗi khi chuyện làm ăn trắc trở. Vào đây ta có thể tìm được bất kỳ thứ gì mà khỏi phải bỏ công tìm. Hễ đặt chân vào là ai cũng hỏi hai ông sinh đôi những câu như "cái miếng bèn bẹt vặn vào máy rửa chén ở đầu cái que lắp vừa cái miếng bấm để xả cầu ấy. Một trong hai ông sẽ chạy vào đống phụ tùng được sắp xếp qua loa và vài phút sau chạy ra đưa cho ta bất kỳ thứ gì cần thiết để có thể xả cầu. Ở Bargain City thì chẳng hỏi kiểu đó được.

Chúng tôi ngồi bên bếp lò trong một ngày đông lạnh, nghe bài hò hát của ông Cecil Clyde Poole nào đó, một đại tá quân đội tuyên bố nếu được giao quản lý chính sách quốc gia thì sẽ cho ném bom tất cả trừ Canada. Ông ta cũng muốn ném bom

Bargain City, vạch mặt và mắng chửi họ bằng đủ thứ lời lẽ cay nghiệt nhất, sáng tạo nhất. Chúng tôi thong thả nói chuyện, vì có khách nào lai vãng đâu. Một ông cho tôi biết doanh số của họ đã giảm 70%.

Qua tháng 2, họ đóng cửa cửa hàng mà bố họ đã mở vào năm 1922. Trên trang nhất, tôi đăng tấm hình ông chủ đời đầu đang đứng sau quầy hồi năm 1938. Đồng thời, lại một bài xã luận gay gắt nữa được tung ra, một lời nhắc nhở "đã bảo rồi mà" giáng vào mặt bất kỳ ai vẫn còn đọc tràng đả kích của tôi. "Cậu giảng đạo hơi quá rồi đấy," Harry Rex cứ nhắc tôi suốt, "mà cũng có ai nghe đâu."

Ở Tiền sảnh ở tòa soạn *Thời báo* hiếm khi có người trực. Ở đó, có mấy cái bàn để vài tờ báo mới in, một quầy cao thỉnh thoảng Margaret để các tờ quảng cáo. Mỗi khi khách đến đều phải kéo chuông ầm ĩ. Tầm mỗi lần một tuần lại có một khách lạ liều lĩnh lên tận văn phòng tôi, nơi cửa thường xuyên mở. Và thường sẽ là một người thân đau buồn muốn đăng bài cáo phó.

Một chiều tháng 3 năm 1979, tôi ngước mắt lên thì thấy một ông mặc bộ vest đẹp đang đứng ở cửa văn phòng. Không như Harry Rex, mỗi lần đến là la hò ầm ĩ đến mức ai cũng nghe, người này lại lẳng lặng lên cầu thang không một tiếng động.

Ông là Gary McGrew, một cố vấn ở Nashville, với lĩnh vực chuyên môn là báo chí tỉnh lẻ. Trong lúc tôi pha cà phê mời khách, ông giải thích rằng một thân chủ giàu có của mình dự

định mua vài tờ báo ở Mississippi trong năm nay. Vì tôi có 7000 người đăng ký dài hạn, không nợ nần, máy in hiện đại và đang thầu in cho sáu tờ tuần báo nhỏ hơn, cộng thêm mục định hướng khách hàng, nên thân chủ của ông đặc biệt hứng thú với chuyện mua lại tờ *Thời báo Hạt Ford*.

"Hứng thú cỡ nào?" tôi hỏi.

"Cực kỳ luôn ấy. Nếu cho xem sổ sách, tôi có thể định giá cho công ty anh."

Rồi ông rời đi và tôi gọi vài cuộc để xác minh độ tín nhiệm của cố vấn lạ hoắc này. Kết quả có vẻ ổn, thế là tôi kiểm lại tình hình tài chính của mình. Ba ngày sau, chúng tôi gặp lại, lần này là vào buổi tối. Tôi chẳng muốn Baggy, Wiley hay bất kỳ ai hóng chuyện. Họ mà ở đây thì tin tờ *Thời báo* đổi chủ sẽ là chuyện bàn tán sôi nổi đến mức người ta phải mở quán cà phê lúc 3:00 sáng mất.

McGrew ngồi kiểm sổ như một nhà phân tích lão luyện. Tôi chờ đợi, có phần thấp thỏm, như thể phán quyết sẽ thay đổi cả cuộc đời tôi ấy.

"Anh có lãi ròng 100.000 đô, cộng thêm anh đang trả lương nhân viên hết 50.000 đô. Khấu hao thêm 20.000 nữa, không tính lãi vì anh không nợ nần gì. Vậy là anh thu về dòng tiền 170.000 đô mỗi năm, theo tiêu chuẩn, cứ nhân lên sáu lần, vị chi giá trị của anh là 1.020.000 đô."

"Còn tòa nhà?" tôi hỏi.

Ông McGrew đảo mắt nhìn như thể trần nhà có thể sập bất kỳ lúc nào. “Mấy chỗ này không được mấy đồng đâu.”

“Thì cũng được 100.000.”

“Được. Thêm 100.000 cho máy in và các thiết bị khác. Tổng giá trị tầm 1.200.000.”

“Lời đề nghị luôn đấy à?” tôi hỏi, bỗng thấy bồn chồn hơn nữa.

“Có lẽ thế. Tôi phải thảo luận với thân chủ đã.”

Thật ra, tôi chẳng có ý định bán tờ *Thời báo*. Tôi đã vô tình đi vào ngành này, gặp nhiều vận may, làm việc chăm chỉ để viết bài và cáo phó, đăng quảng cáo, rồi chín năm sau, công ty tôi tăng giá hơn một triệu đô.

Tôi vẫn còn trẻ, còn độc thân, dù tôi chán cảnh cô đơn sống một mình với lũ mèo chiếm hữu ba tầng trống trải còn lại ở biệt thự Hocutt. Tôi vốn đã chấp nhận hiện thực là sẽ không tìm được ý trung nhân ở Hạt Ford này. Mọi cô gái tốt đều đã có chủ đầu tuổi đôi mươi, mà tôi thì quá già để cạnh tranh trong tầm tuổi đó. Tôi từng hẹn hò vài cô đã ly dị còn trẻ, hầu hết đều nhanh chóng sà vào vòng tay tôi và tỉnh dậy trên giường tôi mà vẫn còn trong cơn mơ được tiêu cả đống tiền người ta đồn tôi đã tích lũy được. Người duy nhất tôi thấy thích và đã hợp tan nhiều bận trong một năm, lại vướng bận ba đứa con nhỏ.

Giờ mà có cả triệu đô chắc là cuộc sống sẽ khác hẳn. Một khi suy nghĩ đó đã gieo vào đầu thì nó cứ lảng vảng mãi không thôi.

Công việc ngày càng thấy tẻ nhạt. Tôi ngày càng chán ngán những bài cáo phó phi lý và áp lực không ngừng nghỉ của hạn giao bài. Ít nhất một lần mỗi ngày tôi đều nghĩ đến chuyện không phải tất bật đăng quảng cáo thì sướng biết mấy. Tôi còn có thể ngừng mục xã luận để khỏi phải nhận những lá thư rủa sả gửi tổng biên tập.

Một tuần sau, tôi bảo Gary McGrew rằng tờ *Thời báo* không phải để bán. Ông bảo tôi thân chủ ông dự định mua ba tờ báo trong phạm vi năm nay, nên vẫn còn nhiều thời gian để tôi cân nhắc.

Và lạ là, câu chuyện giữa hai chúng tôi chẳng hề đến tai ai bao giờ.

CHƯƠNG 36

Vào một chiều thứ Năm đầu tháng Năm, tôi nhận cuộc gọi từ luật sư của Hội đồng Ân xá. Buổi điều trần của Danny Padgitt sẽ diễn ra vào thứ Hai tuần sau.

"Tính thời gian chuẩn quá nhỉ?" tôi nói.

"Sao lại thế?" anh ta hỏi lại.

"Chúng tôi phát hành vào thứ Tư, nên giờ không thể đăng bài gì trước buổi điều trần."

"Chúng tôi đâu theo dõi tờ báo của anh, anh Traynor. "Tôi không tin thế đâu," tôi bật lại ngay.

"Anh nghĩ vậy không đúng đâu. Hội đồng đã quyết định anh không được tham dự buổi điều trần. Anh đã vi phạm quy định của chúng tôi khi tường thuật lần trước."

"Tôi bị cấm cửa sao?"

"Đúng thế."

"Đằng nào tôi cũng sẽ ở đó thôi."

Tôi cúp máy rồi gọi cảnh sát trưởng McNatt. Ông cũng đã được thông báo về buổi điều trần nhưng không chắc có tham dự hay không. Ông đang bận tìm một đứa bé mất tích ở Wisconsin

và rõ ràng cũng chẳng mấy hứng thú xen vào chuyện của nhà Padgitt.

Công tố viên của chúng tôi, Rufus Buckley, bận phiên tòa xử tội cướp có vũ khí ở Hạt Van Buren vào thứ Hai. Ông đã hứa sẽ gửi thư phản đối chuyện ân xá, nhưng chỉ là hứa hão. Thẩm phán tòa địa hạt, Omar Noose, cũng bận chủ trì phiên tòa đó nốt. Tôi bắt đầu nghĩ sẽ chẳng có ai đến đó để phản đối chuyện thả Padgitt.

Để chọc chơi, tôi thử rủ Baggy đi cùng. Ông liền thở dốc, viện ra cả sở lý do xin kiếu.

Rồi tôi qua báo tin cho Harry Rex. Ông cũng bận một phiên tòa xử ly hôn hôm thứ Hai ở Tupelo, nếu không đã đi với tôi đến Parchman rồi. "Thằng đó sẽ được thả, Willie à," ông nói chắc nịch.

"Năm ngoái ta đã ngăn được mà," tôi không chấp nhận nổi.

"Một khi đã bắt đầu xét ân xá, thì vấn đề chỉ là sớm hay muộn thôi."

"Nhưng phải có ai đó đấu tranh phản đối chứ."

"Đấu tranh làm gì? Nếu đằng nào hắn cũng được thả thì chọc vào đám Padgitt làm gì cho phiền. Cậu không kiếm được ai tình nguyện theo cậu đâu."

Đúng là khó mà tìm được người tình nguyện khi cả thành phố đi trốn hết. Tôi vốn đã hình dung sẽ có cả đám đông phẫn nộ xông vào phá ngang buổi điều trần.

Nhưng đám đông hôm đó chỉ có ba người.

Wiley Meek đồng ý đi với tôi dù ông bảo sẽ không lên tiếng. Nếu họ thật sự cấm cửa tôi thì Wiley sẽ ngồi dự khán và thuật lại cho tôi. Và sự xuất hiện của cảnh sát trưởng McNatt giúp tôi tự tin hơn nhiều.

An ninh ở hành lang bên ngoài phòng điều trần khá chặt. Vừa thấy tôi, gã luật sư hội đồng liền nổi giận, chúng tôi lời qua tiếng lại. Các quản giáo liền vây lấy tôi, đẩy tôi ra khỏi tòa nhà, vào tận trong xe, rồi để lại hai gã đầu óc ngu si tứ chi phát triển đứng canh.

Theo lời Wiley, buổi điều trần trơn tru như sách. Lucien và đám nhà Padgitt ngồi chờ sẵn. Gã luật sư hội đồng đọc báo cáo nội bộ vẽ lên hình tượng Danny như một hướng đạo sinh mẫu mực. Công chức thụ lý hồ sơ ân xá cũng không kém cạnh. Rồi đến lượt Lucien lải nhải những chuyện lố bịch phi lý trong mười phút. Cuối cùng là bố của Danny, nài xin thống thiết cho con mình được thả. Con trai ông thiết tha muốn được về nhà, cùng gia đình chăm lo xẻ gỗ, rải sỏi, đổ nhựa đường, chạy xe tải và thầu xây dựng. Công việc sẽ nhiều đến nỗi chẳng có thời gian để dây vào rắc rối gì.

Cảnh sát trưởng McNatt đứng lên đại diện cho người dân Hạt Ford. Ông bồn chồn và vốn không phải diễn giả giỏi, nhưng đã mô tả lại vụ án một cách rất rõ ràng. Nhưng lạ là ông lại quên nhắc thành viên hội đồng ân xá về lời đe dọa giết người của

Danny Padgitt nhắm vào bồi thẩm đoàn năm đó, 12 người được chọn ra từ chính dân chúng đã bầu ông lên. Với bốn phiếu thuận một phiếu chống, Danny Padgitt chính thức được ân xá.

Clanton thất vọng với phán quyết này, nhưng chỉ trong âm thầm. Trong phiên tòa, cả thành phố chỉ muốn máu đền máu và cay đắng khi bồi thẩm đoàn không thể ra bản án tử hình.

Nhưng đã chín năm trôi qua, và từ buổi điều trần đầu tiên, dân chúng đã chấp nhận rằng thế nào Danny Padgitt cũng sẽ được thả. Chẳng ai ngờ sẽ sớm đến thế, nhưng sau buổi điều trần, chúng tôi cũng chẳng còn thấy lạ nữa.

Hắn được thả vì hai yếu tố này. Thứ nhất, Rhoda Kassellaw không còn người thân thích nào ở đây. Không còn người bố người mẹ thương con nào để khơi gợi lòng cảm thông và đòi công lý. Không có người anh chị em nào để nhắc nhớ người ta về chuyện đau lòng năm đó. Con cái của cô cũng đã đi xa và chìm vào quên lãng. Cô sống cuộc đời khá tách biệt và không có người bạn nào đủ thân thiết để oán hận kẻ giết người.

Yếu tố thứ hai là nhà Padgitt sống ở một thế giới khác. Hiếm khi có ai chạm mặt người nhà họ, và không khó để chúng tôi tin rằng Danny sẽ lên cồn, không bao giờ ló mặt ra nữa. Cho nên với người dân Hạt Ford, hắn ở Parchman hay cồn Padgitt cũng đâu có gì khác biệt. Nếu không bao giờ thấy mặt thì sẽ chẳng nhớ đến tội ác của hắn. Suốt chín năm từ sau phiên tòa, tôi chưa hề chạm mặt người nhà Padgitt nào ở Clanton. Trong bài xã luận

gay gắt trong số báo sau buổi điều trần, tôi nói thẳng “một kẻ giết người máu lạnh lại bước đi giữa chúng ta.” Nhưng đâu hẳn là vậy.

Tin đăng trang nhất và bài xã luận chẳng khiến ai quan tâm đến mức gửi thư cho tòa soạn. Người ta có bàn tán đấy, nhưng chẳng xôn xao và cũng chẳng được bao lâu.

Một tuần sau khi Padgitt được thả, cuối giờ sáng, Baggy nhẹ nhàng vào văn phòng tôi, đóng cửa lại, và như thường lệ, đấy là dấu hiệu có tin tốt. Ông vừa nghe ngóng được vài chuyện sốt dẻo nên phải đóng cửa cho kỹ mới dám kể tôi nghe ấy mà.

Thường lệ, tôi đến văn phòng tầm 11:00. Và cũng như thường lệ, khoảng giữa trưa là Baggy bắt đầu một tiếng kể lể đủ thứ tin đồn, chuyện lạ.

Ông nhìn quanh như sợ tường có tai có mắt, rồi nói nhỏ, “Nhà Padgitt phải tốn trăm ngàn đô để đưa thằng đó ra.”

Tôi chẳng ngạc nhiên về số tiền hay chuyện hối lộ, nhưng ngạc nhiên khi Baggy moi được tin đó.

“Không,” tôi nói. Phán câu đó luôn khiến ông thêm hăng. “Chuyện là thế đấy,” ông đắc ý nói, câu cửa miệng mỗi khi ông chắc mẩm.

“Ai nhận tiền?”

“Phần này mới hay nè. Anh không tin nổi đâu.”

"Ai?"

“Anh sẽ sốc cho xem.”

"Ai?"

Baggy chầm chậm làm nghi lễ châm thuốc. Thời gian đầu, tôi sẽ há miệng ngóng tin sốt dẻo ông sắp nói, nhưng qua năm tháng, tôi biết là chuyện càng sốt thì nghi thức càng thong thả. Thế nên, tôi lại cúi xuống viết bài.

“Có lẽ không hẳn là bất ngờ đâu,” ông vẫn tiếp tục rào trước đón sau. “Không bất ngờ chút nào.”

“Ông có định nói không nào?”

“Theo.”

“Tham nghị viên Morton?”

“Chuyện là thế đấy.”

Đúng là sốc thật, và tôi phải thể hiện ra hết nếu không người kể sẽ mất hứng. “Theo sao?” tôi hỏi.

“Ông ta là chủ tịch Ban Cải huấn của tham nghị viện. Ông ta nắm chức đó cả đời, biết cách chung chi quá rồi. Ông ta muốn trăm ngàn đô, nhà Padgitt muốn chi, thỏa thuận xong là hắn được ra. Đơn giản vậy thôi.”

“Tôi cứ tưởng Theo không ăn hối lộ,” tôi nói, thật lòng đấy. Vậy mà bị đáp trả bằng cái khịt mũi rõ to.

“Đừng ngây thơ thế chứ,” Baggy nói ngay. Baggy biết tuốt mà.

“Vậy ông nghe tin từ ai?”

“Chuyện này không nói được.” Có khả năng hội đánh bài của ông đã dựng chuyện để xem nó lan nhanh thế nào trong quảng trường trước khi có người thuật lại chuyện này vào tai họ.

Nhưng cũng hoàn toàn có khả năng Baggy đã nghe ngóng được gì đó thật. Nhưng mà thông tin này cũng chẳng nghĩa lý gì. Tiền mặt làm sao mà dò dấu vết nổi.

Ngay khi tôi ngừng mơ mộng chuyện nghỉ hưu sớm, lấy đống tiền, lên máy bay đi châu Âu, xách ba lô cuốc bộ xuyên nước Úc, ngay khi tôi vừa trở lại nhịp điệu quen thuộc của viết bài và cáo phó, hăm hở đăng quảng cáo cho mọi doanh nghiệp trong thành phố, thì Gary McGrew lại xuất hiện. Lần này, ông đem theo thân chủ đi cùng.

Ray Noble là một trong ba trụ cột của một công ty nắm quyền sở hữu 30 tờ tuần báo ở vùng Thâm Nam và đang muốn tăng con số này thêm nữa. Như cậu bạn đại học Nick Diener của tôi, Noble cũng xuất thân trong một gia đình báo chí và nói chuyện rất chuẩn. Anh bảo tôi phải thề giữ bí mật, rồi trình bày kế hoạch của mình. Công ty của anh muốn mua tờ *Thời báo*, cộng thêm hai tờ báo ở Hạt Tyler và Hạt Van Buren. Thiết bị của hai tờ kia sẽ bị bán đi, toàn bộ chuyện in ấn sẽ được thực hiện ở Clanton vì chúng tôi có máy in xịn hơn. Họ sẽ chỉnh đốn công tác kế toán, tăng cường mảng in quảng cáo. Lời đề nghị 1.200.000 của họ vốn đã là mức định giá cao rồi, nhưng giờ họ sẵn sàng nâng lên 1.300.000, trả toàn bộ bằng tiền mặt.

“Sau khi nộp thuế, anh sẽ còn trong tay cả triệu đô,” Noble bảo.

“Tôi biết tính mà,” tôi nói, như thể bán mớ báo. Những chữ

“cả triệu đô” cứ vang vang trong đầu tôi.

Họ lại ép thêm chút nữa. Họ cũng đã tìm đến hai tờ báo kia và tôi có cảm giác kết quả chưa được như họ mong đợi. Tờ *Thời báo* của tôi là mấu chốt. Chúng tôi có trang thiết bị tốt hơn, con số phát hành cao hơn.

Tôi từ chối và họ ra về, nhưng cả ba chúng tôi đều biết đây sẽ không phải là lần cuối chúng tôi gặp nhau.

Mười một năm sau khi trốn khỏi Hạt Ford, Sam trở lại theo cách không khác gì lúc anh đi, bằng xe buýt lúc nửa đêm. Anh về nhà được hai ngày tôi mới biết tin. Trưa thứ Năm, tôi đến nhà bà Callie như thường lệ, thì thấy Sam đang ngồi ở hiên, nở nụ cười tươi rói y hệt mẹ mình. Hôm nay, trông bà Callie như trẻ hơn mười tuổi. Bà chiên gà và trong vườn có bao nhiêu thứ rau quả, bà đem ra nấu hết. Ông Esau cũng ngồi vào bàn và chúng tôi ăn uống chuyện trò vui vẻ suốt ba tiếng.

Giờ Sam đã có một bằng đại học và đang dự định vào trường luật. Cậu suýt cưới một cô gái người Canada nhưng bị gia đình cô ấy phản đối gay gắt. Bà Callie khá nhẹ nhõm khi biết chuyện không thành. Lâu nay, Sam vẫn không tiết lộ gì chuyện tình của mình cho bố mẹ.

Cậu dự định ở lại Clanton vài ngày, hầu như chỉ ở trong nhà, đến đêm mới dám đi quanh Hạ trấn một chút. Tôi đã hứa sẽ nói chuyện với Harry Rex, hỏi dò về bố con nhà Durant. Theo các thông báo pháp lý in ở Thời đại, tôi biết ông Durant đã tái hôn

rồi ly dị lần hai.

Sam muốn ngắm nghía thành phố, nên chiều hôm đó, tôi chở cậu đi trên chiếc Spitfire. Giấu mặt dưới mũ bóng chày Detroit Tigers, cậu hé mắt nhìn ngắm thành phố nhỏ mà cậu gọi là quê hương. Tôi chỉ cho cậu văn phòng của tôi, nhà của tôi, Bargain City và phần mở rộng phía tây thành phố. Chúng tôi chạy vòng quanh tòa án, tôi kể cho cậu vụ xả súng và màn thoát hiểm tức cười của Baggy. Hầu hết mọi chuyện này, cậu vốn đã biết qua thư của bà Callie rồi.

Khi tôi thả cậu xuống trước nhà Ruffin, Sam hỏi tôi, "Padgitt được thả thật à?"

"Chưa ai gặp hắn cả" tôi nói, "nhưng tôi chắc chắn hắn chuồn về cồn rồi."

"Anh nghĩ sẽ có chuyện gì không?"

"Không có đâu."

"Em cũng nghĩ thế, nhưng nói mãi mẹ em vẫn không chịu nghe."

"Sẽ không có chuyện gì đâu, Sam à."

CHƯƠNG 37

Phát súng duy nhất đã đoạt mạng Lenny Fargarson được bắn ra từ một khẩu súng săn cỡ 30,06 ly. Hẳn hung thủ đã đứng trong phạm vi 200 mét từ hiên trước nhà, nơi anh ngồi. Trước sân nhà anh là một rặng cây rậm rạp, khả năng cao là hung thủ đã nấp trên cây, thong thả bóp cò qua tầm ngắm thoáng đãng mà Lenny không hề hay biết.

Chẳng ai nghe tiếng súng. Hôm đó, Lenny đang ngồi trên xe lăn trước hiên, đọc một quyển sách anh mượn hàng tuần ở thư viện Clanton. Bố anh đang đi giao thư. Mẹ anh đang mua sắm ở Bargain City. Và khả năng cao là Lenny chết ngay lập tức, không đau đớn gì. Viên đạn đi vào bên phải đầu, ngay trên hàm, rồi xuyên ra trên tai trái, để lại một lỗ to tướng.

Khi mẹ anh về đến nhà, Lenny đã trút hơi thở cuối từ lâu rồi. Bà đã đủ tự chủ, không chạm đến thi thể anh hay hiện trường. Máu chảy khắp hiên, thậm chí nhỏ xuống các bậc thang.

Wiley nghe báo cáo vụ việc qua đài thu sóng liên lạc của cảnh sát. Ông gọi tôi với thông báo rợn người, “Bắt đầu rồi. Gã què Fargarson đã chết.”

Wiley chạy đến văn phòng đón tôi rồi lao thẳng đến hiện

trường. Cả hai chúng tôi chẳng ai nói lời nào, nhưng suy nghĩ thì giống hệt nhau.

Lenny vẫn đang nằm trước hiên. Viên đạn khiến anh ngã ra khỏi xe lăn, nằm nghiêng người, hướng mặt vào nhà. Cảnh sát trưởng McNatt bảo chúng tôi đừng chụp ảnh và chúng tôi rất sẵn lòng tuân thủ. Đằng nào tôi cũng không đăng hình này lên báo.

Bạn bè và người thân bắt đầu kéo đến, một cảnh sát đứng gác chỉ cho họ vào nhà bằng lối cửa hông. McNatt dùng lính của mình tạo thành rào chắn che thi thể. Tôi lùi lại, cố nuốt trôi cảnh tượng đau lòng đó.

Khi thi thể đã được đặt lên cáng đưa vào xe cứu thương, cảnh sát trưởng McNatt mới tiến đến, đứng dựa vào chiếc bán tải kế bên tôi.

"Anh có nghĩ cái tôi nghĩ không?"

"Có."

"Anh tìm giúp tôi danh sách bồi thẩm năm đó nhé."

Dù chúng tôi chưa hề in tên các bồi thẩm lên báo, nhưng tôi có đủ thông tin của họ trong hồ sơ lưu trữ. "Được."

"Sẽ mất bao lâu?" McNatt hỏi.

"Cho tôi một tiếng. Ông định làm thế nào?"

"Tôi sẽ báo cho họ."

Khi chúng tôi rời đi, cảnh sát bắt đầu lùng sục rặng cây quanh nhà Fargarson.

Tôi đem danh sách đến văn phòng cảnh sát trưởng và chúng tôi cùng ngồi điểm qua. Năm 1977, tôi đã viết cáo phó cho bồi thẩm số năm, Fred Bilroy, một kiểm lâm về hưu, bất ngờ qua đời vì viêm phổi. Theo tôi biết, cả mười người còn lại vẫn còn sống.

McNatt đưa danh sách cho ba cảnh sát. Họ sẽ tản ra đi cấp báo một tin mà chẳng ai muốn nghe bao giờ. Tôi tình nguyện báo cho bà Callie Ruffin.

Bà đang ngồi ở hiện xem hai bố con chí chóe trên bàn cờ. Họ phấn khởi khi thấy tôi, nhưng niềm vui trong ánh mắt sớm bị dập tắt. "Tôi có tin rất đáng ngại, bà Callie," tôi mở lời bằng giọng sầu não. Cả ba nín thở chờ đợi.

"Lenny Fargarson, anh bạn bị què trong bồi thẩm đoàn năm đó, đã bị giết chiều nay."

Bà đưa tay che miệng rồi ngồi phịch xuống ghế. Sam chạy đến vỗ về bà. Tôi thuật lại ngắn gọn chuyện đã xảy ra.

"Cậu ấy là một con chiên ngoan đạo," bà Callie nói. "Chúng tôi đã cầu nguyện với nhau trước khi bắt đầu cân nhắc phán quyết." Bà không khóc, nhưng nước mắt cũng chực sẵn rồi. Ông Esau đi lấy cho bà một viên thuốc huyết áp. Ông và Sam ngồi hai bên ghế bà, còn tôi ngồi trên xích đu. Chúng tôi cứ thế ngồi yên ở mái hiên nhỏ đó. Bà Callie cứ trầm ngâm không nói lời nào.

Hôm đó là một tối xuân ấm áp, trăng gần tròn và Hạ trấn huyên náo với tiếng con nít chạy xe đạp, hàng xóm gọi nhau qua bờ dậu và một nhóm chơi bóng rổ ở cuối đường. Một đám nhóc

mười tuổi bắt đầu săm soi chiếc Spitfire của tôi, Sam chạy ra đuổi chúng đi. Đây là lần thứ hai tôi ở đây khi trời đã tối. "Tối nào cũng như thế này à?" cuối cùng tôi cũng mở miệng phá tan im lặng.

"Phải, thời tiết đẹp mà," Sam ngập ngừng. "Ở đây thích lắm. Ai cũng quen biết nhau. Năm chín tuổi, em chơi bóng chày làm vỡ kính xe người ta. Em liền quay đầu chạy về nhà, đến nơi thì mẹ đã chờ sẵn ở hiên rồi. Mẹ biết hết. Em phải quay lại chỗ đó, nhận lỗi và hứa đền bù đầy đủ."

"Và con đã làm thế," ông Esau cũng tham gia.

"Em phải làm lụng sáu tháng để dành dụm 120 đô bồi thường đấy."

Bà Callie hẳn sẽ mỉm cười vì chuyện cũ này, nhưng giờ trong đầu bà chỉ toàn nghĩ đến Lenny Fargarson. Dù chín năm rồi chưa gặp lại, nhưng bà đã có những ký ức thân mến với anh. Cái chết của Lenny hẳn làm bà buồn, nhưng chắc chắn còn làm bà sợ hơn nữa.

Ông Esau đi vào pha trà chanh, và khi trở ra, ông lặng lẽ nhét một khẩu shotgun hai nòng sau ghế, trong tầm tay ông nhưng khuất mắt vợ.

Trăng lên cao dần, xe cộ cũng bắt đầu thưa thớt, hàng xóm ai về nhà nấy. Tôi thấy nếu bà Callie ở lại nhà mình thì sẽ thành mục tiêu rất dễ hạ. Kế bên và trước mặt đều là nhà. Chẳng có đồi núi, tháp, hay khoảng trống nào trong tầm mắt.

Tôi không nói ra, nhưng chắc chắn ông Esau và Sam cũng cùng suy nghĩ với tôi. Khi bà Callie bảo muốn đi ngủ, tôi chào tạm biệt và lái xe về lại trại tạm giam. Ở đó đầy cảnh sát và bầu không khí sôi động chỉ có mỗi khi có án mạng. Tôi không khỏi nhớ lại khoảnh khắc chín năm trước, khi Danny Padgitt bị bắt về đây, trên áo còn dính máu.

Các cảnh sát không tìm được hai trong số các bồi thẩm, họ đã chuyển đi nơi khác và cảnh sát trưởng McNatt đã cố tìm tung tích họ. Ông hỏi về bà Callie, tôi báo bà an toàn cả. Tôi không báo chuyện Sam về nhà làm gì.

Ông đóng cửa văn phòng và bảo muốn nhờ tôi một việc. "Ngày mai, anh nói chuyện với Lucien Wilbanks được chứ?"

"Tại sao lại là tôi?"

"Tôi nói cũng được, nhưng tôi không chịu nổi lão, và lão cũng thế."

"Ai mà chẳng ghét Lucien," tôi đáp.

"Ngoại trừ..."

"Ngoại trừ... Harry Rex?"

"Harry Rex. Anh và Harry Rex đến nói chuyện với Lucien thì sao? Xem thử ông ta có thể làm trung gian với nhà Padgitt được không. Đằng nào, tôi cũng phải nói chuyện với Danny mà."

"Chắc vậy. Ông là cảnh sát trưởng mà."

"Anh cứ nói chuyện với Lucien Wilbanks, chỉ cần vậy thôi. Xem thử lão thế nào. Nếu ổn cả, có lẽ tôi sẽ đích thân đi hỏi

chuyện lão. Cảnh sát trưởng tìm đến đầu tiên thì tinh thần khác hẳn."

"Thà ông lấy roi đánh tôi còn hơn," tôi nói, nhưng không đùa chút nào.

"Nhưng anh sẽ giúp tôi chứ?"

"Để tôi xem sao đã."

Harry Rex cũng chẳng hứng thú gì với chuyện này. Tại sao chúng tôi phải can dự? Chúng tôi tiếp tục bàn tính khi ăn sáng ở quán, một việc chẳng thường làm, nhưng hôm nay phải hóng xem mọi người bàn tán thế nào. Chẳng ngạc nhiên khi xuất hiện quá nhiều chuyên gia đầy lo âu, nêu ra đủ thứ chi tiết và giả thuyết về vụ án mạng của Fargarson. Chúng tôi tập trung nghe hơn là nói, đến 8:30 thì đi ra.

Cách quán hai nhà là văn phòng của Wilbanks. Khi đang đi ngang qua nó, tôi dừng lại, "Làm thôi."

Trước thời Lucien, nhà Wilbanks là một trong những gia tộc nền tảng của xã hội, thương mại và luật pháp ở Clanton. Trong thời hoàng kim của mình, họ nắm giữ nhiều đất đai và ngân hàng, mọi người trong gia tộc đều học luật, một số còn tốt nghiệp những trường Ivy League. Nhưng vẻ huy hoàng cứ phai nhạt dần. Lucien là nam giới có chút máu mặt cuối cùng của nhà Wilbanks và khả năng cao là lão sắp bị tước giấy hành nghề luật.

Ethel Twitty, bà thư ký lâu năm của lão, chào đón chúng tôi một cách lạnh lùng, thậm chí hình như còn khịt mũi về phía

Harry Rex trong khi ông ấy lầm bầm với tôi, “Con mụ hiểm ác nhất thành phố đấy,” và lầm bầm có vẻ vừa đủ cho bà ấy nghe. Rõ ràng hai người họ đã có thù oán nhiều năm rồi. Sếp của bà có ở văn phòng, nhưng chúng tôi muốn gì đây?

“Chúng tôi muốn gặp Lucien,” Harry Rex bảo. “Không thì tới đây làm gì chứ?” Bà nhấc máy gọi cho Lucien ở trên lầu và chúng tôi ngồi chờ. “Tôi không rảnh cả ngày đâu!” Harry Rex quát lên khi chờ mãi chưa thấy.

“Mời lên,” bà nói, chỉ muốn chúng tôi đi khuất mắt cho rồi. Văn phòng Lucien rất rộng, ít nhất cũng phải ngang chín mét, trần cao ba mét, với loạt cửa kính lớn nhìn xuống quảng trường. Tòa nhà này ở mạn Bắc, nằm trực diện với tòa soạn *Thời báo*, nhưng may mà có tòa án chắn giữa, nên tôi khỏi phải thoáng thấy bộ mặt của Lucien mỗi khi ra ban công.

Lão chào hỏi lãnh đạm, như thể chúng tôi vừa xen ngang suy tư lớn nào đó của lão. Dù mới đầu giờ sáng, nhưng nhìn bàn của lão như thể cả tối qua lão làm việc xuyên đêm vậy. Lão có mái tóc muối tiêu dài đến cổ, bộ râu dê lỗi thời và đôi mắt đỏ ngầu mệt mỏi của dân nghiện rượu. “Nhân dịp gì đây?” lão hỏi, rất chậm rãi. Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau, thể hiện sự khinh bỉ hết sức có thể dành cho nhau.

"Hôm qua đã có án mạng, Lucien,” Harry Rex mở lời. “Lenny Fargarson, gã què trong bồi thẩm đoàn năm đó.”

“Tôi cho rằng cuộc nói chuyện này sẽ không được ghi lại

nhỉ?" lão nhìn về phía tôi.

"Phải," tôi nói. "Chỉ là cảnh sát trưởng McNatt nhờ tôi ghé qua hỏi thăm ông. Và tôi mời cả Harry Rex đi cùng."

"Vậy là ta chuyện trò cho vui?"

"Có lẽ. Bàn tán đôi chút về vụ án mạng ấy mà."

"Tôi biết hết rồi," lão nói luôn.

"Gần đây, ông có nói chuyện với Danny Padgitt không?" Harry Rex hỏi luôn.

"Từ khi cậu ấy được thả thì không."

"Hắn có ở trong hạt này không?"

"Cậu ấy ở trong phạm vi bang, còn ở đâu thì tôi không chắc. Nếu cậu ấy ra khỏi bang mà chưa được phép thì sẽ vi phạm điều kiện ân xá."

Sao họ không ân xá cho hắn ở chỗ khác chứ, Wyoming chẳng hạn? Bắt hắn phải quanh quẩn ở nơi hắn từng phạm tội có vẻ quái lạ thật mà. Sao không tống khứ hắn đi cho khuất mắt?

"Cảnh sát trưởng McNatt muốn nói chuyện với hắn," tôi nói.

"Ồ, thế à? Chuyện đó thì liên quan gì đến cậu và tôi? Bảo cảnh sát trưởng cứ đi mà nói chuyện với Danny."

"Đâu đơn giản như thế, ông biết mà" Harry Rex nói vào. "Cảnh sát trưởng có bằng chứng gì chống lại thân chủ của tôi không? Có chứng cứ gì không? Ông biết căn cứ hợp lý là gì nhỉ, Harry Rex? Đâu thể cứ thế mà lôi cổ người dễ bị tình nghi về

được. Phải có chứng cứ rõ ràng hơn thế."

"Các bồi thẩm năm đó đã bị đe dọa trực tiếp," tôi nói. "Đã chín năm rồi mà."

"Vẫn là lời đe dọa, chúng ta đều nhớ rõ chuyện đó. Và giờ, chỉ hai tuần sau khi hắn được thả, một trong các bồi thẩm đã bị giết."

"Thế vẫn chưa đủ chứng cứ. Khi nào có thêm thì tôi sẽ đi hỏi thân chủ xem sao. Còn giờ các ông chỉ có ức đoán vô căn cứ. Nhưng thành phố này thích có chuyện để đàm tiếu mà."

"Tôi không biết hắn ở đâu, nhưng còn ông, Lucien?" Harry Rex hỏi.

"Tôi cho rằng cậu ấy đang ở trên cồn, với số còn lại," Lucien nói như thể đám người trên cồn là bầy chuột vậy.

"Nếu có thêm bồi thẩm nào bị bắn thì sao?" Harry Rex bắt đầu dồn ép.

Lucien thả tập giấy xuống bàn, chống khuỷu tay ngồi xuống, đổi giọng, "Tôi phải làm gì đây, Harry Rex? Gọi cho nó, bảo 'Danny, tôi chắc chắn cậu không giết bồi thẩm vụ của mình đâu, nhưng nếu có, thì thôi, làm bé ngoan và dừng tay đi nhé.' Nghĩ nó chịu nghe tôi hả? Đáng ra đâu có chuyện này nếu thằng ngốc đó chịu nghe lời tôi. Tôi đã nài nỉ nó đừng lên bục tự biện hộ. Nó là thằng ngu, Harry Rex! Ông là luật sư, ông biết thừa mấy thân chủ mất não mà. Chẳng có cách nào ghìm cương được chúng."

"Nếu có thêm bồi thẩm nào bị bắn thì sao?" Harry Rex lặp lại

câu hỏi.

"Thì có thêm bồi thẩm chết thôi."

Tôi chịu hết nổi, bật phắt dậy. "Ông là tên khốn bệnh hoạn." tôi nói rồi quay ra cửa.

"Đừng có đăng lời nào ta vừa nói đấy," lão càu nhàu sau lưng tôi.

"Kệ mẹ ông," tôi vừa hét vừa đóng sầm cửa.

Chiều hôm đó, ông Magargel gọi từ nhà tang lễ hỏi xem tôi có thể ghé qua không. Ông bà Fargarson đã đến đó chọn quan tài và sắp xếp tang lễ. Như đã làm nhiều lần lâu nay, tôi gặp họ ở phòng C, phòng kính viếng nhỏ nhất và hiếm khi sử dụng.

Mục sư J. B. Cooper ở nhà thờ Baptist Nguyên khởi Maranatha cũng ở đó với họ, ông đúng là một vị thánh. Họ làm gì cũng cậy nhờ ông.

Ít nhất hai lần một năm, tôi phải ngồi lại với một gia đình mất đi người thân yêu một cách thương tâm. Hầu như luôn là tai nạn xe cộ hoặc tai nạn nông trường, những chuyện không ngờ. Người còn sống quá sốc không thể nghĩ thông hay ra quyết định gì. Những người mạnh mẽ nhất có gắng gượng được thì cũng thất thần. Người yếu đuối thường tê dại và khóc mãi không thôi. Bà Fargarson vốn là người mạnh mẽ hơn, nhưng nỗi kinh hoàng khi thấy con trai mình bay mất nửa đầu đã khiến bà không thể nào là chính mình được nữa. Ông Fargarson thì cứ nhìn xuống sàn.

Mục sư Cooper nhẹ nhàng thuật cho tôi thông tin để viết cáo phó, nhiều chuyện trong đó vốn có sẵn trong ký ức ông rồi. Từ khi bị chấn thương cột sống năm 15 tuổi, Lenny đã mơ được lên thiên đàng, phục hồi lại thể xác hư mất và ngày ngày được bước đi tay trong tay với Đấng Cứu Thế. Chúng tôi sẽ viết cáo phó theo tinh thần như thế, và bà Fargarson rất lấy làm cảm kích. Bà đưa tôi một tấm ảnh chụp Lenny cầm cần câu ngồi bên hồ, và tôi hứa sẽ đăng nó lên trang nhất.

Như mọi bậc cha mẹ đang đau buồn, đến lúc ra về, họ cảm ơn tôi rối rít, nhất quyết phải ôm tôi thật chặt mới chịu. Tang quyến cần người khác như thế đấy, nhất là lúc đang ở nhà tang lễ.

Tôi ghé qua quán của Pepe mua một ít đồ ăn đem về, rồi lái đến Hạ trấn, thấy Sam đang chơi bóng chuyền, bà Callie ngủ trong nhà, còn ông Esau thì ngồi gác với khẩu shotgun bên cạnh. Một lát sau, chúng tôi ngồi ăn ở hiên, dù bà chỉ đụng chút xíu món đồ ăn ngoại quốc này. Bà không đói, dù ông Esau kể là cả ngày bà cũng ăn rất ít.

Tôi lôi ra bảng cờ tào cáo và dạy Sam chơi. Ông Esau thích chơi cờ đam hơn. Bà Callie thì tâm niệm trò nào liên quan đến hột xí ngầu thì đều có tội, nhưng bà không lên lớp gì.

Chúng tôi ngồi đó hàng giờ, khi màn đêm xuống dần, ngắm nhìn hoạt động sôi nổi của Hạ trấn. Trời bắt đầu chuyển sang hè, ngày dài hơn và nóng hơn, nên ai cũng thích đổ ra đường vào giờ

muộn này.

Buster, vệ sĩ bán thời gian của tôi, cứ nửa tiếng lại chạy xe ngang qua. Tới đoạn trước nhà Ruffin, anh sẽ chạy chậm lại, tôi đưa tay vẫy báo hiệu mọi chuyện ổn cả, rồi anh lướt đi về lại cổng biệt thự Hocutt. Một xe tuần tra đỗ lại cách nhà Ruffin hai nhà rồi nằm yên ở đó một lúc lâu. Cảnh sát trưởng McNatt đã tuyển ba cảnh sát da đen, và hai người trong số họ được phân công canh gác cho bà Callie.

Những người khác cũng đang canh chừng. Khi bà Callie đi ngủ rồi, ông Esau chỉ tay ra đường, chỗ mái hiên tối nhà Braxton. "Tully ở bên kia. Quan sát tất cả."

"Ông ấy bảo sẽ thức cả đêm," Sam nói thêm.

Nổ súng ở Hạ trấn có vẻ không phải quyết định khôn ngoan gì.

Sau 11:00, tôi ra về, qua đường ray, lái trên những ngả đường vắng hoe của Clanton. Thành phố đang căng thẳng, nín thở chờ đợi, vì chuyện đã được khơi mào này còn lâu mới kết thúc.

CHƯƠNG 38

Bà Callie nhất quyết đi dự tang lễ Lenny Fargarson. Sam và Esau phản đối kịch liệt, nhưng như lâu nay vẫn vậy, khi bà đã quyết chuyện gì thì chắc chắn phải làm như thế. Tôi đã bàn bạc với cảnh sát trưởng McNatt, và ông kết luận gọn lỏn, "Bà ấy là người trưởng thành rồi." Ông biết không bồi thẩm nào dự định đến tang lễ, nhưng tổ chức canh gác cho sự kiện như thế này không phải dễ.

Tôi còn gọi mục sư Cooper để cảnh báo trước. Ông trả lời tôi, "Bà ấy sẽ được chào đón ở nhà thờ nhỏ của chúng tôi. Nhưng nhớ đến sớm nhé."

Rất hiếm khi người da đen và da trắng ở Hạt Ford thờ phượng chung nhà thờ. Họ nhiệt thành tin vào cùng một Chúa nhưng lại chọn những cách rất khác nhau để thờ phượng Ngài. Với đa số người da trắng, lịch trình ngày Chúa nhật là đến nhà thờ lúc 5:30 và ăn trưa lúc 12:30. Người da đen thì chẳng quan tâm lắm đến chuyện mấy giờ thì tan lễ, hay thậm chí là mấy giờ thì nhập lễ. Tôi đã thăm 27 nhà thờ da đen và chưa hề thấy họ ngồi lại đọc kinh ăn trưa trước 1:30, thật ra thường thì phải tận 3:00 chiều. Vài nhà thờ tổ chức lễ cả ngày, với khoảng nghỉ ăn trưa ngắn ở

hội trường rồi quay lại nhà thờ ngay để tiếp tục nghi lễ dài hơi.

Dân da trắng chẳng bao giờ chịu nổi kiểu sùng đạo cuồng nhiệt như thế.

Nhưng tang lễ thì khác. Khi bà Callie, đi cùng Sam và ông Esau, bước vào nhà thờ Baptist Nguyên khởi Maranatha, có vài người trố mắt nhìn, nhưng chỉ thế mà thôi. Nếu họ bước vào đây vào lễ sáng Chúa nhật thì đã gây bực bội ghê gớm rồi.

Chúng tôi đến sớm 45 phút mà nhà thờ lúc đó đã gần hết chỗ. Tôi ngồi nhìn qua khung cửa sổ ngắm cảnh trong lúc ngoài kia xe vẫn tiếp tục đổ về. Loa phóng thanh được lắp trên một trong những cây sồi cổ thụ, và mọi người quy tụ ở đó khi trong nhà thờ đã kín chỗ. Ca đoàn hát bài "Thập giá xù xì yêu dấu" và những tiếng nấc bắt đầu vang lên. Mục sư Cooper cất lời nhắn nhủ nhẹ nhàng bảo chúng tôi đừng chất vấn tại sao người tốt lại gặp chuyện xấu. Thiên Chúa luôn tể trị tất cả, và dù chúng ta quá nhỏ bé không thể hiểu hết sự khôn ngoan và uy nghi vô tận của Ngài, nhưng đến một ngày Ngài sẽ tỏ lộ hết cho chúng ta. Lenny giờ đang ở bên Ngài, và bao lâu nay, Lenny đã khao khát được như thế.

Họ chôn anh ở sau nhà thờ, một nghĩa trang nhỏ trắng tinh sau bờ rào sắt. Bà Callie bám chặt tay tôi và cầu nguyện sốt sắng khi quan tài được hạ xuống huyệt. Một ca viên hát solo bài "Ân sủng diệu kỳ" rồi mục sư Cooper cất lời cảm ơn cộng đoàn đã đến tiễn đưa người quá cố. Bánh trái được dọn ra ở hội trường

sau nhà thờ, và hầu hết đều nán lại vài phút để viếng mộ hoặc có đôi lời phân ưu với ông bà Fargarson.

Tôi thấy cảnh sát trưởng McNatt và gật đầu ra dấu muốn nói chuyện, rồi chúng tôi ra mặt trước nhà thờ giờ đang vắng hoe để khỏi ai nghe thấy. Ông mặc đồng phục, với cái tăm giắt trên miệng, hình tượng quen thuộc của ông. "Được gì với Wilbanks không?" ông hỏi.

"Gặp rồi, nhưng chẳng được gì. Hôm qua, Harry Rex có quay lại, nhưng vẫn thế."

"Có lẽ tôi phải nói chuyện với lão rồi," McNatt gật gù. "Nói chuyện thì được, nhưng cũng chẳng được gì đâu."

Chiếc tăm chuyển từ mép bên này sang bên kia, không khác gì kiểu Harry Rex đảo điếu xì gà. "Chúng tôi chẳng tìm được gì. Đã lục tung khu rừng quanh nhà, nhưng không thấy dấu vết gì cả. Anh sẽ không đăng mấy chuyện này chứ?"

"Không."

"Quanh nhà Fargarson có nhiều đường mòn dẫn sâu vào rừng. Chúng tôi đã lần theo hết, nhưng chẳng có gì."

"Vậy chứng cứ duy nhất là một viên đạn."

"Và một thi thể."

"Có ai thấy Danny Padgitt không?"

"Vẫn chưa. Tôi cho hai xe trực ở xa lộ 401, chỗ rẽ vào cồn ấy. Họ chẳng thấy gì, nhưng ít ra đám Padgitt biết có cảnh sát làm việc. Thật ra có cả trăm lối ra vào cồn đó, nhưng chỉ người nhà

Padgitt mới biết."

Nhà Ruffin đang tiến tới chỗ chúng tôi, vừa đi vừa nói chuyện với một cảnh sát da đen.

"Có lẽ bà ấy là người an toàn nhất," McNatt nói.

"Làm gì có ai được an toàn chứ."

"Rồi ta sẽ biết thôi. Hắn sẽ cố ra tay lần nữa, Willie à, nhớ lời tôi. Tôi tin chắc như vậy."

"Tôi cũng thế."

Ned Ray Zook sở hữu 4000 mẫu đất ở phía đông của hạt. Ông trồng bông và đậu nành, tầm canh tác của ông đủ lớn để duy trì lợi nhuận đều đặn. Người ta đồn ông là số ít nông dân vẫn kiếm được bộn tiền từ trồng trọt. Lần đầu tiên và cuối cùng Harry Rex đưa tôi đi xem đá gà cách đây chín năm là trên đất của ông, ở một chuồng gia súc đã được cải tạo nằm sâu trong rừng.

Tầm sáng sớm ngày 14 tháng 6, có kẻ chơi khăm nào đó đã đột nhập vào nhà để thiết bị của Zook, rút một phần dầu trong máy của hai máy kéo lớn. Dầu được cho vào can và giấu giữa đống thiết bị vật liệu, nên hai thợ lái máy kéo đến vào tầm 6:00 chẳng thấy có dấu hiệu gì lạ. Một thợ kiểm dầu như thường lệ, thấy thiếu, thấy lạ nhưng cũng chẳng nói gì, chỉ việc thêm vào bốn lít. Thợ kia thì đã kiểm tra máy từ chiều hôm trước, nên giờ chẳng quan tâm chuyện đó nữa. Chiếc máy kéo thứ hai vừa làm được nửa tiếng thì đột nhiên dừng lại, động cơ chết máy. Vậy là thợ máy phải chạy bộ gần cây số về trại báo cho quản lý.

Hai tiếng sau, một xe cứu hộ xanh vàng chạy dọc đường ruộng tới chỗ chiếc máy kéo hỏng. Hai thợ máy chui ra, nhìn trời nhìn mây một hồi rồi rảo quanh máy kéo xem xét. Họ miễn cưỡng mở cốp xe lấy dụng cụ. Mặt trời phả hơi nóng gắt gao, chẳng mấy chốc mồ hôi đã tuôn ra như tắm.

Để lên tinh thần, họ mở đài trong xe, vặn âm lượng hết cỡ đến mức từ bên kia cánh đồng vẫn có thể nghe được giọng Merle Haggard.

Tiếng nhạc át luôn một tiếng súng nổ từ xa. Viên đạn bắn thẳng vào lưng Mo Teale, xuyên qua phổi, xuyên thẳng ra ngoài, để lại một lỗ toang hoác. Đồng nghiệp của Teale, Red, nói lui nói tới rằng âm thanh duy nhất anh nghe được là tiếng thở dốc chỉ một hai giây trước khi Mo ngã xuống trước trục xe. Ban đầu anh nghĩ là do thứ gì đó trong máy kéo bung mạnh ra và đâm vào Mo. Red kéo Mo lên xe, chạy đi, lo cho bạn mình hơn là nghĩ xem thứ gì khiến anh thành ra thế này. Về đến trại, quản lý liền tức tốc gọi xe cấp cứu, nhưng đã quá muộn. Mo Teale tắt thở ở đó, trên sàn bê tông của một văn phòng nhỏ bẩn thỉu. “Ông John Deere,” trong phiên tòa, chúng tôi gọi Mo bằng cái tên đó. Ông luôn ngồi giữa hàng ghế trước, ngôn ngữ cơ thể rất đáng ngại.

Lúc tắt thở, ông cũng mặc bộ đồng phục áo liền quần màu vàng sáng như mọi lần bước ra ghế bồi thẩm đoàn năm đó. Bộ áo đó biến ông thành mục tiêu dễ ngắm.

Tôi đứng ngoài cửa, quan sát thi thể ông từ xa. Cảnh sát trưởng McNatt cho phép chúng tôi vào trong trại kèm quy định cấm chụp ảnh như thông lệ. Wiley biết trước, nên đã để máy ảnh ngoài xe.

Một lần nữa, Wiley lại bắt được sóng cảnh sát, nghe họ thông báo, "Có nổ súng ở nông trại Ned Ray Zook!" Wiley luôn kè kè đài bắt sóng cảnh sát bên mình, và trong những ngày này, không chỉ mình ông như vậy. Với tình trạng lo lắng lan rộng khắp ban, mọi đài bắt sóng cảnh sát đều được mở sẵn và mỗi khi nghe có tin nổ súng là cả chục người nhảy lên xe ngay lập tức.

Chẳng mấy chốc McNatt đã yêu cầu chúng tôi đi ra. Người của ông đã tìm được những can dầu do kẻ chơi khăm rút ra, thấy một cửa sổ bị cạy. Họ tiến hành lấy mẫu vân tay nhưng chẳng tìm được gì. Họ tìm dấu chân trên nền sỏi và cũng chỉ công cốc. Họ sục sạo cánh rừng quanh đồng đậu nành nhưng chẳng thấy dấu tích gì của hung thủ. Trên lớp đất cạnh máy kéo, họ tìm được một vỏ đạn cỡ 30,06 ly và nhanh chóng xác định nó trùng khớp với viên đạn đoạt mạng Lenny Fargarson.

Tôi nán lại văn phòng cảnh sát trưởng đến tận khi trời tối. Rõ ràng họ đang tất bật, cảnh sát viên chạy đôn chạy đáo, so sánh các vụ án, xác định những tình tiết mới. Điện thoại sở cảnh sát hạt reo không ngừng. Mấy người hiếu kỳ bắt đầu tạt qua hỏi xem có gì mới chưa.

Chẳng có gì. McNatt đóng đô trong văn phòng với những

cảnh sát giỏi nhất của mình, xác định tình hình và bước đi tiếp theo. Ưu tiên hàng đầu của ông là bảo vệ tám bồi thẩm còn sống. Có ba người đã chết, ông Fred Bilroy vì viêm phổi, mới vừa qua là Lenny Fargarson và Mo Teale. Một bồi thẩm đã chuyển đến Florida chỉ hai năm sau phiên tòa. Ngay lúc này, xe tuần tra đang túc trực cạnh cửa nhà của tám bồi thẩm còn lại.

Tôi ra về, định lên văn phòng để viết bài về cái chết của Mo Teale, nhưng lại thấy bên văn phòng Harry Rex còn ánh đèn. Ông đang ở trong phòng họp, bù đầu với đống hồ sơ, lời khai, đủ thứ rối rắm ngành luật luôn khiến tôi đau đầu mỗi khi nhìn đến. Chúng tôi lấy hai lon bia trong tủ lạnh văn phòng ông rồi ra xe lái một vòng.

Ở khu vực lao động trung lưu của thành phố, hay còn gọi là Coventry, chúng tôi lái dọc con đường hẹp, đi qua dãy xe đỗ sát rạt như đống domino trước dãy nhà. “Maxine Root sống ở đây,” Harry Rex bảo. “Bà ấy có trong bồi thẩm đoàn.”

Tôi chỉ nhớ mang máng về bà Root. Ngôi nhà mái đỏ của bà không có hiên trước, nên hàng xóm bắc ghế gấp ngồi rải rác quanh nhà để xe. Vài khẩu súng lộ ra khá rõ. Nhà nào cũng sáng đèn. Một xe tuần tra đỗ cạnh hộp thư, hai cảnh sát đang đứng dựa vào cốp, hút thuốc và quan sát kỹ khi chúng tôi lái ngang qua. Harry Rex dừng xe lại gọi chào Troy.

“Chào ông Harry Rex,” Troy vừa nói vừa bước tới. “Ở đây đông vui nhỉ?”

“Chỉ có đứa khùng mới dám kiếm chuyện ở đây.”

“Chúng tôi chỉ đi ngang qua thôi.”

“Tốt nhất ông cứ đi tiếp đi. Họ đang bồn chồn, dễ nổ súng lắm đấy.”

“Ừ, bảo trọng.”

Rồi chúng tôi lướt đi, qua một trại gia súc ở phía bắc thành phố thì rẽ vào một con đường dài tối tăm dẫn đến ngõ cụt dưới chân tháp nước. Đi được nửa đường, bắt đầu thấy xe đỗ kín hai bên lề. “Ai sống ở đây?” tôi hỏi.

“Ông Earl Youry. Ông ấy ngồi hàng ghế sau, ngoài cùng.”

Một đám đông đang túm tụm ở hiên trước. Vài người ngồi trên bậc cấp. Một số nữa thì ngồi ghế đẩu trên bãi cỏ. Ông Earl Youry đang ẩn mình đâu đó giữa sự bảo vệ của hàng xóm và bạn bè.

Bà Callie cũng được bảo vệ kỹ không kém. Con đường trước nhà bà giờ xe đỗ chật kín, gần như không lái qua được. Vài nhóm đàn ông ngồi trên xe, miệng ngậm thuốc, tay cầm súng. Nhà bên cạnh và đối diện cũng đầy người ngồi ở hiện và sân trước. Một nửa Hạ trấn đã quy tụ về đây để đảm bảo bà thấy được an toàn. Không khí gần như lễ hội vậy, một sự kiện độc nhất vô nhị.

Là người da trắng, tôi và Harry Rex liền bị mấy chục ánh mắt dò xét kỹ lưỡng. Đến khi gặp xe cảnh sát, chúng tôi mới dừng lại, và khi thân phận chúng tôi đã được phê chuẩn, đám đông vệ sĩ bất đắc dĩ mới thở phào nhẹ nhõm. Tôi vào nhà bà, gặp Sam ở

bậc thềm. Harry Rex đứng lại ngoài xe, hỏi thăm hai cảnh sát canh gác.

Bà Callie ở trong phòng ngủ, đọc Kinh Thánh với một bà bạn ở nhà thờ. Vài chấp sự ngồi ở hiên với Sam và ông Esau, họ nôn nóng muốn biết về vụ án mạng ông Teale. Tôi kể cho họ những gì mình biết, vốn không nhiều nhặn gì.

Tầm nửa đêm, đám đông bắt đầu tản mác dần. Sam và cảnh sát đã tổ chức gác luân phiên suốt đêm, có người cầm súng túc trực ở cả hiên trước và sau nhà, và người tình nguyện thì không thiếu. Bà Callie chưa hề nghĩ sẽ đến ngày ngôi nhà nhỏ êm đềm và hết lòng kính sợ Chúa của mình lại biến thành một pháo đài đầy đủ vũ trang, nhưng với hoàn cảnh này, rõ ràng bà quá hài lòng.

Chúng tôi lái qua những ngả đường đầy bồn chồn lo âu về đến biệt thự Hocutt thì thấy Buster đang ngủ gục trong xe trước lối vào nhà. Tôi đi lấy chút rượu, rồi ngồi với Harry Rex ở hiên trước, vung tay đập muỗi và nghiền ngẫm tình hình.

“Hắn rất kiên nhẫn,” Harry Rex bắt đầu. “Hắn sẽ chờ vài ngày cho đến khi hàng xóm bắt đầu chán chuyện ra hiên ngồi gác, khi ai cũng muốn thư giãn đôi chút. Các bồi thẩm đó đâu thể giam mình trong nhà cả đời. Hắn sẽ chờ.”

Một thông tin gây ớn lạnh chưa được công bố là công ty máy kéo cũng đã nhận cuộc gọi yêu cầu sửa chữa cách đây một tuần. Ở nông trại Anderson ở phía nam thành phố, một máy kéo cũng

bị hư theo cách tương tự. Mo Teale, một trong bốn thợ máy chính, hôm đó không được cử đi. Trong ống nhắm súng trường hôm đó là một người áo vàng khác.

"Hắn kiên nhẫn và tỉ mỉ," tôi đồng ý với Harry Rex. Hai vụ án mạng cách nhau 11 ngày, và không ai tìm được dấu vết gì. Nếu quả thật là do Danny Padgitt, thì đúng là quá tương phản với vụ giết người đầu tiên của hắn. Hắn đã chuyển từ ra tay do một phút bốc đồng thành hành quyết máu lạnh. Có lẽ chín năm trong tù đã biến hắn thành một thứ khác. Hắn có dư thời gian để ghi nhớ từng khuôn mặt của 12 người đã phán quyết tống hắn vào tù và lên kế hoạch báo thù.

"Hắn chưa dừng tay đâu," Harry Rex khẳng định.

Một vụ giết người có thể là hành động ngẫu nhiên. Nhưng hai vụ là có mô thức rồi. Vụ thứ ba sẽ khiến cả đạo quân cảnh sát và hiệp sĩ tự phong xông lên cồn Padgitt quyết chiến.

"Hắn sẽ chờ," Harry Rex lẩm bẩm. "Có lẽ chờ rất lâu."

"Tôi đang tính bán tờ báo."

Harry Rex uống một hơi bourbon rồi mới hỏi, "Sao cậu lại làm thế?"

"Tiền. Có một công ty ở Georgia đang nghiêm túc ngỏ lời."

"Bao nhiêu?"

"Nhiều lắm. Nhiều hơn tôi mơ. Tôi sẽ khỏi phải làm việc một thời gian dài. Có thể là mãi mãi luôn."

Ý tưởng không làm việc chẳng vui gì với Harry Rex. Lịch

trình thường nhật của ông là mười tiếng hỗn loạn với những thân chủ ly hôn đang rối ren cảm xúc và kích động dữ dội. Ông thường làm việc buổi đêm, khi văn phòng vắng vẻ yên tĩnh để ông suy nghĩ. Ông kiếm khá đủ tiền để sống sung túc, nhưng chắc chắn chẳng dư được đồng nào. “Cậu nắm tờ báo bao lâu rồi nhỉ?”

“Chín năm.”

“Tôi chẳng thể hình dung được tờ báo lại vắng cậu.”

“Có lẽ bán tờ báo lại hợp lý. Tôi chẳng muốn thành một Wilson Caudle thứ hai.”

“Rồi cậu định làm gì?”

“Nghỉ ngơi, du lịch, thăm thú thế giới, tìm một cô gái tốt, đám cưới, sinh con. Ngôi nhà này rộng quá mà.”

“Vậy cậu sẽ không chuyển đi?”

“Đi đâu chứ? Nơi này là nhà tôi.”

Lại uống một ngụm dài, “Chẳng biết nữa. Là tôi thì cứ suy nghĩ đã.” Rồi Harry Rex ra xe lái đi.

CHƯƠNG 39

Với hai vụ án mạng liên tiếp, sự chú ý dành cho câu chuyện này đã vượt quá tầm của tờ *Thời báo*. Sáng hôm sau, một phóng viên tôi quen ở Memphis tìm đến văn phòng, và hai mươi phút sau, lại một phóng viên khác ở Jackson cũng nhập hội. Cả hai đều viết bài ở khu vực Bắc Mississippi, nơi những tin sốt dẻo nhất thường là nổ nhà máy hay một công chức hạt bị truy tố.

Tôi thuật sơ qua về hai vụ giết người, chuyện Padgitt được ân xá và nỗi sợ đang bao trùm cả hạt. Chúng tôi không cạnh tranh với nhau, họ làm cho những tờ nhật báo lớn hầu như không trùng địa bàn phát hành với tôi. Hầu hết người đăng ký mua báo của tôi cũng mua cả báo của Memphis và Jackson. Tờ nhật báo Tupelo cũng khá được ưa chuộng.

Và nói thẳng, tôi cũng đã phần nào nguội lạnh, không phải với cuộc rối ren hiện thời mà là với nghề viết báo. Thế giới đang vẫy gọi tôi. Khi ngồi đó uống cà phê chuyện trò với hai ngòi bút kỳ cựu này, cả hai đều lớn tuổi hơn tôi, và biết mỗi người kiếm được 40.000 đô mỗi năm, tôi thấy thật khó tin khi mình có thể cầm cả triệu đô lên đường. Cứ nghĩ như thế là tôi chẳng còn tập trung nổi.

Cuối cùng họ cũng cáo từ, đi tìm thêm thông tin để viết bài. Vài phút sau, Sam gọi tôi với giọng khẩn cấp, “Anh phải đến ngay đi.”

Một đội dân quân tự phát vẫn đang canh gác trước hiên nhà Ruffin. Nhìn mắt bốn người đều lơ mơ, thiếu ngủ. Sam ra xác minh thân phận để tôi qua được trạm gác này, rồi chúng tôi đi vào bếp, nơi bà Callie đang giã đậu lima, một việc lâu nay bà luôn làm ở hiên sau. Bà cười nồng hậu với tôi, ôm chào như thường lệ, nhưng tôi biết trong lòng bà không thể nào yên. “Vào đây,” bà bảo tôi. Sam gật đầu rồi chúng tôi theo bà vào phòng ngủ. Bà đóng cửa lại như sợ có người lẻn vào, rồi quay vào buồng áo quần. Chúng tôi đứng đó chờ đợi trong lúc bà lục lọi tìm thứ gì đó.

Cuối cùng bà cũng quay ra, tay cầm một quyển sổ cũ, thứ rõ ràng lâu nay được giấu rất kỹ. “Có chuyện không hợp lý chút nào,” bà vừa nói vừa ngồi xuống cạnh giường. Sam ngồi bên cạnh bà, còn tôi thì ngả người vào ghế tựa. Bà lật giở các trang ghi chú của mình.

“Đây rồi. Chúng tôi đã thề sẽ không bao giờ nói về chuyện xảy ra trong phòng bồi thẩm đoàn, nhưng chuyện này quá quan trọng không thể không nói được. Khi định tội Padgitt, quyết định được đưa ra rất nhanh chóng và nhất trí tuyệt đối. Nhưng đến lúc ra phán quyết về án tử hình, thì có người phản đối. Chắc chắn tôi chẳng muốn khiến ai phải chết, nhưng tôi đã hứa sẽ làm theo luật. Cuộc bàn luận bắt đầu căng lên, lời lẽ bắt đầu gay

gắt, thậm chí có cả cáo buộc và đe dọa. Bầu không khí thật không chịu nổi. Ranh giới được vạch ra rõ ràng, có ba người phản đối án tử hình, và họ nhất quyết không chịu đổi ý."

Bà đưa cho tôi xem trang ghi chú đó. Với nét chữ rõ ràng của bà, có hai cột danh sách, một cột có chín tên và cột kia chỉ có ba tên, là L. Fargarson, Mo Teale, và Maxine Root. Tôi trố mắt nhìn, tưởng như đang nhìn danh sách cần thủ tiêu của kẻ sát nhân.

"Bà viết cái này khi nào?" tôi hỏi.

"Tôi ghi chép suốt phiên tòa mà," bà trả lời.

Sao Danny Padgitt lại đi giết những bồi thẩm không chịu ra án tử cho hắn chứ? Những người đã cứu mạng cho hắn đấy. "Hắn đang giết nhầm người à?" Sam hỏi. "Ý con là, thấy chẳng đúng gì cả, nếu đi báo thù, sao lại giết những người đã cố cứu mạng mình chứ?"

"Mẹ đã nói rồi, thật chẳng hợp lý gì cả," bà Callie xác nhận.

"Bà suy diễn quá thôi," tôi lên tiếng. "Bà cho rằng hắn biết các bồi thẩm bỏ phiếu thế nào. Theo tôi biết, mà tôi đã thám thính một thời gian khá dài rồi, thì các bồi thẩm chưa hề hé miệng về chuyện bỏ phiếu hôm đó. Phiên tòa sớm bị lãng quên vì sắc lệnh xóa bỏ phân tách chủng tộc. Padgitt bị chuyển đến Parchman ngay trong ngày bị phán có tội mà. Có khả năng cao là hắn chọn những mục tiêu dễ hạ trước, đơn giản là Fargarson và ông Teale dễ tiếp cận hơn thôi."

“Thế thì trùng hợp quá.” Sam trầm ngâm.

Chúng tôi ngồi đó ngẫm nghĩ một hồi. Tôi không chắc chuyện này có hợp lý không, thật sự là tôi không chắc được chuyện gì cả. Rồi tôi lại nghĩ ra một ý, “Cứ nhớ rằng, cả 12 bồi thẩm đều ra phán quyết có tội, ngay sau khi hắn buông lời đe dọa.”

“Tôi cho là thế,” bà Callie nói, giọng có vẻ chẳng thấy thuyết phục. Chúng tôi đang cố hợp lý hóa một chuyện hoàn toàn không thể nào hiểu nổi.

“Dù gì, tôi cần báo tin này cho cảnh sát trưởng,” tôi nói. “Chúng tôi đã thề không tiết lộ mà.”

“Chuyện từ chín năm trước rồi mà, mẹ,” Sam nói vào, “và đâu ai ngờ hôm nay lại thành ra thế này.”

“Chuyện này vô cùng hệ trọng với Maxine Root,” tôi kiên quyết.

“Mẹ không nghĩ một vài bồi thẩm khác đã tiết lộ chuyện này rồi à?” Sam cũng không kìm được nữa.

“Có lẽ, nhưng chuyện lâu lắm rồi. Mà có khi họ cũng chẳng ghi lại.”

Ở cửa trước bỗng huyên náo hẳn lên. Bobby, Leon và Al vừa về đến. Họ gặp nhau ở St. Louis rồi lái cả đêm về Clanton. Chúng tôi ngồi uống cà phê ở bếp và tôi thuật cho họ những tình tiết mới nhất. Bà Callie bỗng tươi tắn hẳn lên, ngẫm nghĩ xem nên nấu món gì và lên danh sách rau củ để ông Esau ra vườn hái.

Cảnh sát trưởng McNatt đang đi một vòng thăm từng bồi

thẩm. Tôi phải thuật chuyện cho cảnh sát trực, rồi vội qua văn phòng Harry Rex sốt ruột chờ ông đang ngồi làm cho xong phần cung khai. Khi văn phòng chỉ còn hai người, tôi kể ngay cho ông về danh sách của bà Callie. Ông vừa ngồi trong phòng đầy luật sư suốt hai tiếng qua, nên giờ đang rất máu lửa.

Như thường lệ, Harry Rex lại có một giả thuyết khác hẳn, sâu cay hơn hẳn.

"Ba người đó đáng ra phải khiến bồi thẩm đoàn mắc kẹt ở phần định tội," ông nói sau khi phân tích nhanh tình hình. "Họ chùn bước là có lý do, có lẽ họ nghĩ không đẩy hắn vào phòng hơi ngạt là việc làm có tình có lý, nhưng dĩ nhiên Padgitt đâu nghĩ như thế. Suốt chín năm, hắn giận vì ba người của hắn không cầm chân được bồi thẩm đoàn. Hắn thấy phải xử họ trước, rồi đến số còn lại."

"Không thể nào Lenny Fargarson lại làm cho Danny Padgitt được," tôi cãi ngay.

"Chỉ bởi nó bị què à?"

"Vì anh ấy là Cơ Đốc nhân ngoan đạo."

"Lúc đó, nó đang thất nghiệp, Willie à. Nó vẫn lết được đi làm, nhưng biết trước tình trạng của mình sẽ ngày một tệ hơn. Có lẽ nó cần tiền. Ai mà chẳng cần tiền và nhà Padgitt thì không thiếu."

"Tôi chẳng tin đâu."

"Nó hợp lý hơn bất kỳ giả thuyết tréo ngoe nào của cậu đấy.

Chứ cậu nghĩ có kẻ khác đang đi xử các bồi thẩm sao?”

“Tôi không nói vậy.”

“Tốt, vì tôi đã định gọi cậu là đồ đần rồi đấy.”

“Ông từng gọi tôi bằng đủ thứ tệ hơn rồi mà.”

“Sáng nay thì chưa nhé.”

“Mà theo giả thuyết của ông, Mo Teale và Maxine Root cũng nhận tiền của nhà Padgitt, rồi bán đứng Danny khi định tội, sau đó lại đảo chiều khi phán quyết tử hình, và giờ họ phải trả giá vì không cản trở bồi thẩm đoàn ở bước đầu? Ý ông là vậy chứ gì, Harry Rex?”

“Chuẩn!”

“Ông mới là đồ đần ấy. Tại sao một người lương thiện, làm việc chăm chỉ, ghét tội ác, đi lễ nhà thờ đều đặn như Mo Teale lại đồng ý nhận tiền của nhà Padgitt chứ?”

“Có lẽ chúng đe dọa ông ấy.”

“Có lẽ có! Có lẽ không.”

“Vậy cậu có giả thuyết gì nào?”

“Padgitt là thủ phạm, và việc hắn xử hai trong ba người không bỏ phiếu tử cho hắn chỉ là tình cờ thôi. Hắn đâu biết phiếu của bồi thẩm đoàn thế nào. Chỉ 12 tiếng sau phán quyết là hắn đã vào Parchman rồi. Hắn đã lên danh sách hành quyết. Fargarson là người đầu tiên vì dễ hạ nhất. Teale thứ hai, vì Padgitt có thể dàn xếp hoàn cảnh.”

“Người thứ ba là ai?”

“Tôi không biết, nhưng họ đâu thể nhốt mình trong nhà cả đời được. Hắn sẽ thong thả, chờ mọi chuyện lắng xuống, rồi lẳng lặng tiếp tục kế hoạch.”

“Có thể có người giúp hắn.”

“Chính xác.”

Điện thoại của Harry Rex nãy giờ cứ đổ chuông liên hồi. Ông liếc nhìn nó rồi bảo, “Tôi có việc phải làm bây giờ.”

“Vậy tôi qua chỗ cảnh sát trưởng. Gặp ông sau.”

Khi tôi vừa ra khỏi cửa thì ông hét gọi, “Willie. Một chuyện nữa.”

Tôi quay người lại.

“Bán luôn đi, lấy tiền đi chơi một thời gian. Cậu xứng đáng được thế.”

“Cảm ơn ông.”

“Nhưng đừng bỏ Clanton đấy.”

“Chắc chắn rồi.”

Ông Earl Youry lái máy ủi cho hạt. Ông ủi những con đường làng dẫn đến những nơi hẻo lánh nhất, xa hơn cả Gò Chồn và Lùm Rậm. Vì công việc của ông luôn làm một mình, nên mọi người đã thống nhất ông phải đến ở kho thóc của hạt vài ngày, nơi ông có nhiều bạn bè và ai cũng để sẵn súng trong xe, cảnh giác cao độ. Cảnh sát trưởng McNatt ngồi lại với Youry và cấp

trên của ông để vạch kế hoạch giữ an toàn cho ông.

Ông Youry đã gọi cho cảnh sát trưởng, bảo mình có thông tin quan trọng cần báo. Ông thừa nhận không thể nhớ thật rõ, nhưng chắc chắn rằng gã què và Mo Teale đã rất quyết liệt phản đối án tử hình. Ông nhớ là còn một phiếu chống nữa, có lẽ là phụ nữ, có lẽ là một bà da màu. Ông không nhớ chính xác được, ký ức từ chín năm trước rồi mà. Ông cũng đặt cho McNatt cùng câu hỏi đó, "Sao Danny Padgitt lại đi giết những bồi thẩm không chịu ra án tử cho hắn chứ?"

Khi tôi vào văn phòng cảnh sát trưởng, ông vừa nói chuyện với Youry xong và hoang mang tột độ. Tôi đóng cửa lại rồi kể chuyện danh sách của bà Callie. "Tôi đã thấy ghi chép của bà ấy. Người thứ ba là Maxine Root."

Suốt một tiếng, chúng tôi lại tranh luận những chuyện hệt như tôi vừa nói với Harry Rex, và một lần nữa lại đi vào ngõ cụt. McNatt không tin là Padgitt đã mua chuộc hay dọa dẫm Lenny và Mo Teale, nhưng không chắc lắm về Maxine Root vì gia đình bà ấy phức tạp hơn. Ông phần nào đồng ý với tôi rằng hai người bị giết đầu tiên chỉ là tình cờ, và Padgitt không biết các bồi thẩm đã bỏ phiếu thế nào. Thú vị là, ông thừa nhận rằng một năm sau phiên tòa, ông đã biết tỷ lệ phiếu là chín thuận ba chống khi ra phán quyết tử hình, và Mo Teale đã phản đối điên cuồng bản án tử.

Nhưng cả hai chúng tôi đều thừa nhận, nếu Lucien Wilbanks

nhúng tay vào, hoàn toàn có khả năng Padgitt nắm rõ nội tình phòng bồi thẩm đoàn hơn cả chúng tôi.

Chuyện gì cũng có thể. Và chẳng chuyện gì hợp lý cả.

Khi tôi còn ngồi trong văn phòng, McNatt nhấc máy gọi cho Maxine Root. Bà ấy làm kế toán ở nhà máy đóng giày phía bắc thành phố và nhất quyết tiếp tục đi làm. Sáng đó, McNatt đã ghé văn phòng bà, khảo sát khắp chỗ đó, nói chuyện với sếp và đồng nghiệp của bà, bảo đảm mọi người cảm thấy được an toàn. Khi ra về, ông để lại hai cảnh sát túc trực bên ngoài tòa nhà, giám sát mọi động tĩnh đáng ngờ và chờ hộ tống bà về nhà khi tan làm.

Họ chuyện trò điện thoại vài phút như hai người bạn lâu năm, rồi McNatt nói rõ, "Maxine này, tôi biết bà, Mo Teale và Fargarson là ba người duy nhất bỏ phiếu chống án tử hình Danny Padgitt..." ông dừng lại một giây khi Maxine phản ứng ngay lập tức.

"Làm sao tôi biết không quan trọng. Cái quan trọng là chuyện này khiến tôi thật sự quan ngại về an nguy của bà. Lo lắng hết sức."

Rồi ông im lặng lắng nghe vài phút. Thỉnh thoảng lại đáp vài câu như, "Maxine, tôi không thể cứ thế xông vào đó bắt hắn được."

"Bà bảo các anh em mình để sẵn súng trong xe đi."

"Tôi đang lo vụ này mà, Maxine, và khi có đủ chứng cứ, tôi sẽ ra lệnh bắt hắn."

“Giờ quá muộn để cho hắn án tử hình rồi, Maxine. Bà đã làm điều mà bà cho là đúng vào lúc đó.”

Cuối cuộc điện thoại, Maxine đã khóc. “Tội nghiệp,” McNatt bảo tôi, “bà ấy căng thẳng đến quẫn trí.”

“Hẳn là thế rồi,” tôi đáp. “Cả tôi còn thấy sợ đây này.”

CHƯƠNG 40

Tang lễ Mo Teale diễn ra ở nhà thờ Giám lý đường Willow, số 36 trong danh sách của tôi và là một trong số những nơi tôi thích nhất. Nó nằm ngay rìa thành phố Clanton về phía nam. Vì tôi chưa hề gặp mặt ông Teale, nên cũng không đến dự tang lễ. Tuy nhiên, có nhiều người ở đó cũng chưa hề gặp ông bao giờ.

Nếu như ông chết vì trụy tim ở tuổi 51, đấy đã là cái chết đột ngột và thương tâm với khá đông đủ người đến đưa tiễn rồi. Nhưng bị bắn hạ trong màn truy sát báo thù của một tên sát nhân vừa được ân xá thì quá sức hấp dẫn với dân tình hiếu kỳ. Người đến dự bao gồm cả các bạn học từ lâu chẳng gặp nhau của bốn đứa con ông, những bà góa già hiếm khi bỏ lỡ tang lễ hay ho nào, những phóng viên từ nơi xa đến và vài ông lớn ở hãng máy kéo John Deere nhưng chưa gặp Teale bao giờ.

Tôi không đến dự nhưng vẫn lo cáo phó đầy đủ. Người con lớn của ông đủ tử tế để ghé văn phòng cung cấp mọi thông tin tôi cần. Anh đã 32 tuổi, vì hai vợ chồng Teale cưới rất sớm, chuyên bán xe Ford ở Tupelo. Anh ngồi lại hai tiếng và tuyệt vọng muốn tôi bảo đảm rằng Danny Padgitt sẽ bị săn lùng và hành hình.

Mo Teale được chôn cất ở nghĩa trang Clanton. Đoàn đưa tiễn

linh cữu kéo dài vài khối nhà, đi qua quảng trường xuống đại lộ Jackson, ngay trước cửa tòa soạn *Thời báo*. Giao thông hoàn toàn không bị cản trở, bởi ở đây có bao nhiêu người thì đều trong đoàn đưa tiễn cả rồi.

Nhờ Harry Rex làm trung gian, Lucien Wilbanks đã hẹn gặp cảnh sát trưởng McNatt. Tôi được đích thân Lucien thông báo và cũng đích thân bảo lão rằng tôi không được dự. Chẳng sao cả, Harry Rex đã ghi chú và kể hết cho tôi, dù cả hai đều biết rằng không được đăng chuyện này lên báo.

Ở văn phòng Lucien còn có Rufus Buckley, công tố viên kế nhiệm Ernie Gaddis từ năm 1975. Buckley là người thích lấy tiếng, dù lần lữa can thiệp chuyện ân xá cho Padgitt, nhưng giờ lại hăng hái dẫn đầu đoàn người tìm hắn hành hình. Harry Rex khinh bỉ Buckley, và ngược lại. Lucien cũng thế, nhưng vì xưa giờ lão có ưa ai đâu nên dĩ nhiên tất cả mọi người đều không ưa lão. Cảnh sát trưởng McNatt thì ghét Lucien, thoải mái với Harry Rex, và buộc phải cộng tác với Buckley dù trong lòng rất ghét.

Với hiềm khích vung vẩy vào nhau từ mọi phía thế này, không đến dự cũng là may cho tôi.

Lucien thông báo đã nói chuyện với Danny Padgitt và bố hắn, Gill. Họ gặp nhau đâu đó ở ngoại vi Clanton, nhưng không phải trên cồn. Danny bình thường cả, ngày nào cũng đi làm ở văn phòng công ty thầu xa lộ của gia đình, dù văn phòng đó tọa lạc

an toàn ở cầu tàu cồn Padgitt.

Chẳng ngạc nhiên khi Danny chối bỏ mọi liên quan đến vụ sát hại Lenny Fargarson và Mo Teale. Hắn thậm chí còn sốc với chuyện đang xảy ra và nổi giận khi ai cũng xem hắn là nghi phạm chính. Lucien nhấn mạnh rằng lão đã dồn ép Danny rất lâu, đến mức hắn nổi khùng và lão không thấy có dấu hiệu giấu giếm lươn lẹo nào cả.

Lenny Fargarson bị bắn vào chiều ngày 23 tháng 5. Thời điểm đó, Danny đang ở trong văn phòng với bốn người có thể làm chứng cho hắn. Nhà Fargarson cách cồn Padgitt ít nhất phải nửa tiếng lái xe, và bốn nhân chứng bảo đảm suốt chiều hôm ấy, Danny ở trong văn phòng, không thì cũng ở rất gần đó.

“Và có bao nhiêu nhân chứng mang họ Padgitt?” McNatt hỏi. “Tôi chưa lấy tên,” Lucien lảng tránh đúng kiểu luật sư lão luyện.

Ngày 03 tháng 6, 11 ngày sau án mạng đầu tiên, Mo Teale bị bắn vào tầm 9:15 sáng. Vào đúng giờ đó, Danny đang đứng bên một xa lộ mới trải nhựa ở Hạt Tippah, lấy chữ ký của một đốc công làm cho nhà Padgitt. Đốc công đó, cùng hai công nhân khác, sẵn sàng làm chứng cụ thể Danny đã ở đâu vào đúng thời điểm đó. Địa điểm thi công cách nông trại Ned Ray Zook ít nhất phải hai tiếng lái xe.

Lucien đã đưa chứng cứ ngoại phạm quá chặt chẽ cho hai vụ án mạng, dù những nhân chứng của lão vẫn có vẻ khá đáng ngờ.

Dĩ nhiên, nhà Padgitt sẽ chối bay chối biến. Và với năng lực dối trá, đe dọa hay hối lộ xuất sắc lâu nay, đây là chuyện quá dễ với chúng.

Cảnh sát trưởng McNatt cũng thể hiện sự hoài nghi. Ông giải thích với Lucien rằng mình vẫn tiếp tục điều tra, và khi có căn cứ hợp lý, ông sẽ xin lệnh bắt và lên cồn. Ông đã nhiều lần bạc bạc với cảnh sát bang, và nếu cần huy động trăm cảnh sát mới lôi được Danny ra thì họ sẽ làm vậy.

Lucien nói không cần phải thế đâu. Nếu đã có lệnh bắt, thì lão sẽ cố hết sức để Danny tự nộp mình.

"Và nếu có thêm án mạng." McNatt tuyên bố dứt khoát, "thành phố sẽ nổi điên. Sẽ có cả ngàn người liều lĩnh xông qua cầu, bắn bỏ bất kỳ người nào mang họ Padgitt."

Buckley thì cho biết ông và thẩm phán Omar Noose đã bàn bạc hai lần về các vụ án mạng này, và ông tin chắc rằng Noose "gần như sẵn sàng" ban lệnh bắt Danny bất kỳ lúc nào. Thế là Lucien công kích bằng cả loạt câu hỏi về căn cứ hợp lý và chứng cứ đầy đủ. Buckley lập luận rằng lời đe dọa của Danny Padgitt trong phiên tòa là lý do quá đủ để khiến hắn thành nghi phạm giết người.

Buổi họp biến thành màn khẩu chiến của hai người về những vấn đề pháp lý rườm rà. Cảnh sát trưởng bèn đứng lên, bảo đã nghe đủ rồi và đi ra. Buckley liền theo sau. Harry Rex nón lại nói chuyện tiếp với Lucien, khi giờ đã thoải mái hơn nhiều.

Một tiếng sau, Harry Rex càu nhàu, đi lui đi tới trong văn phòng tôi, “Tìm kẻ dối trá để bảo vệ kẻ dối trá, Lucien chỉ nói thật khi nó có lợi cho lão và thân chủ của lão, một chuyện khá hiếm khi xảy ra. Với nhà Padgitt, sự thật là thứ không tồn tại.”

“Nhớ Lydia Vince chứ?” tôi hỏi.

"Ai?'

“Cô nàng dâm đãng ở phiên tòa, được Wilbanks đưa lên bục nhân chứng ấy. Cô ta bảo với bồi thẩm đoàn rằng Danny nằm trên giường cô ta vào thời điểm Rhoda bị sát hại. Nhà Padgitt đã tìm ra cô ta, đút tiền để cô ta làm chứng, rồi giao cho Lucien. Chúng là một lũ trộm cướp dối trá.”

“Rồi chồng cũ cô ta bị bắn?”

“Ngay sau khi phiên tòa kết thúc. Có lẽ bị một tên trong bọn Padgitt xử. Cũng không có chứng cứ gì ngoài viên đạn. Không xác định được nghi phạm. Không có chút gì luôn. Có vẻ khá giống lần này.”

“McNatt chẳng tin lời nào của Lucien. Buckley cũng thế.”

“Còn ông?”

“Miễn. Tôi đã thấy Lucien khóc trước mặt bồi thẩm đoàn. Nhiều lúc lão đóng kịch không khác gì thật, không phải thường xuyên, nhưng thỉnh thoảng trông lão đáng tin ghê gớm. Tôi có cảm giác là lão đang cố hết sức để thuyết phục ta. Thủ phạm là Danny và có kẻ giúp hắn.”

“McNatt có tin thế không?”

“Chắc chắn rồi, nhưng chẳng có chứng cứ. Bắt về cũng chẳng làm gì.”

“Thì hắn khỏi nhởn nhơ ngoài đường.”

“Chỉ tạm thời thôi. Không có chứng cứ, đâu thể giam hắn mãi được. Hắn kiên nhẫn lắm. Chờ đợi chín năm rồi mà.”

Dù không bao giờ xác định được những kẻ chơi khăm, và chúng cũng đủ khôn để mang bí mật này xuống tận huyệt mộ, nhưng trong mấy tháng sau đó, có lời đồn rằng thủ phạm là hai đứa con tuổi thiếu niên của thị trưởng. Hai đứa nhóc này đã chuồn khỏi hiện trường, quá nhanh không kịp bị phát hiện. Đám con của thị trưởng từ lâu đã có tiếng là lũ chơi khăm liều lĩnh và sáng tạo.

Trong màn đêm, chúng liều lĩnh lẻn qua đám cây bụi rậm rạp, chỉ dừng lại cách hiên nhà ông Erl Youry chưa đầy 20 mét. Chúng quan sát và lắng nghe hội bạn bè hàng xóm của ông đang đóng quân ở đó, kiên nhẫn chờ thời cơ để xuất kích.

Vừa qua 11:00, một dây pháo Black Cat 84 quả được ném thẳng vào hiên. Đàn ông hét lên, phụ nữ kêu la, còn ông Youry thì nằm sụp xuống bò nhanh vào nhà. Đội vệ sĩ của ông liền núp sau những chiếc ghế xếp, tay lăm lăm súng, nằm sát đất nhìn những quả pháo nảy lên nổ đùng đùng trong làn khói mù. Chỉ mất 30 giây để 84 quả pháo nổ hết, và trong chừng đó thời gian, hơn chục người cầm súng hạng nặng lao vào lùm cây, chĩa súng khắp nơi, sẵn sàng bắn bất kỳ thứ gì chuyển động.

Một cảnh sát bán thời gian tên Travis giật mình khi đang ngủ gật trong xe tuần tra đỗ gần đó. Cậu lôi khẩu Magnum 44 ly ra, chầm chậm tiến về phía tiếng pháo nổ. Hội hàng xóm lùng sục sân trước nhà ông Youry, không chừa chỗ nào. Vì lý do gì đó, một lý do mà cả Travis lẫn cấp trên của cậu không nêu ra trong tường trình, cậu cảnh sát nghiệp dư này bắn một phát chỉ thiên. Một phát súng rõ to, át hẳn tiếng pháo. Và nó khiến một ai đó đang bồn chồn hoảng sợ, dù không rõ là ai, nã một phát shotgun nòng 12 vào lùm cây. Những người khác nghe vậy cũng xả súng và không biết bao nhiêu người sẽ thiệt mạng nếu như không có anh cảnh sát bán thời gian khác, Jimmy, hét lên "Đừng bắn, đám ngốc này!"

Tiếng súng ngừng ngay, dù vẫn còn vài viên Black Cat nổ đùng đoàng sau lưng. Khi viên pháo cuối cùng đã xong, cả hội hiệp sĩ tự phong mới đi quanh bãi cỏ kiểm tra. Theo lời đồn, trên cỏ chỉ toàn xác pháo. Ông Earl Youry hé mắt nhìn qua cửa, cuối cùng cũng dám len lén bước ra ngoài.

Ở ngôi nhà cuối đường, Alice Woods nghe tiếng súng nổ liền chạy lui sau nhà khóa cửa hậu thì thấy hai đứa nhóc chạy vụt qua, cười điên dại. Bà trình báo là chúng khoảng 15 tuổi, da trắng.

Cách đó một dặm, ở Hạ trấn, tôi vừa bước ra hiên nhà bà Callie thì nghe tiếng nổ đằng xa. Ca gác đêm, gồm Sam, Leon và hai chấp sự, liền bật dậy, chăm chú nhìn quanh. Khẩu Magnum 44 ly nổ lớn như đại bác. Chúng tôi cứ thấp thỏm chờ, và khi

tiếng ồn im bặt, Leon mới bảo, “Nghe như tiếng pháo ấy.”

Sam thì vào nhà xem mẹ thế nào. Cậu trở ra và báo bà ổn cả. “Để tôi đi xem bên kia thế nào,” tôi nói. “Có gì quan trọng, tôi sẽ báo.”

Con đường vào nhà ông Youry đầy ánh đèn đỏ xanh của cả chục xe cảnh sát. Giao thông tắc nghẽn khi đám đông hiếu kỳ bắt đầu kéo đến. Tôi thấy xe của Buster đỗ ở một mương cạn, và vài phút sau, anh thuật lại cho tôi đầu đuôi câu chuyện. “Do mấy thằng nhóc thôi,” anh bảo.

Tôi muốn bật cười khi biết chuyện, dù đại đa số lại không nghĩ vậy.

CHƯƠNG 41

Trong chín năm từ khi mua tờ *Thời báo*, tôi chưa hề rời xa nó lâu hơn bốn ngày. Phải in vào mỗi thứ Ba, phát hành mỗi thứ Tư, và tuần nào tôi cũng phải đối phó với hạn chót giao bài sát sao.

Một lý do chính cho thành công của tờ báo là tôi viết quá nhiều bài về một thành phố có quá ít chuyện. Mỗi ấn bản có đến 36 trang. Trừ đi năm trang rao tin, ba trang thông cáo pháp lý và sáu trang quảng cáo, hàng tuần tôi phải đương đầu với nhiệm vụ khủng khiếp là lấp đầy 22 trang báo bằng những tin tức trong vùng.

Các cáo phó sẽ giảm bớt ít nhất một trang, dù người viết vẫn luôn là tôi. Davey Bigmouth Bass phụ trách hai trang thể thao, dù tôi thường giúp tường thuật tóm tắt một trận bóng bầu dục trung học hay một bài phút chót về thằng nhóc 12 tuổi nào đó vừa bắn hạ được một con hươu đực lớn. Margaret phụ trách một trang Tôn giáo, và một trang Hôn lễ cùng vài bài rao tin khác. Baggy, với đóng góp mờ nhạt suốt chín năm qua, đã gần như chìm trong men rượu và mỗi tuần chỉ viết được một bài nhưng lúc nào cũng đòi được đăng trang nhất. Tôi cũng cố tuyển một vài phóng viên, nhưng họ cứ đến rồi đi, và thường là trong thất

vọng. Chúng tôi thường chỉ có một hoặc hai phóng viên hiện trường, nhưng cũng thường chỉ là lợi bất cập hại. Tôi phải dò và sửa bài báo của họ đến mức ước gì ban đầu tự tôi làm hết cho rồi.

Rồi tôi quyết định làm vậy luôn. Dù từng học đại học ngành báo chí, nhưng tôi không dám tự tin về thiên hướng viết được cả bài dài trong thời gian ngắn. Vậy mà đột nhiên tôi lại thành chủ một tờ báo, và khi phải bơi cùng nó, tôi mới khám phá ra trong mình có năng lực tiềm tàng của một nhà báo có thể viết những câu chuyện phong phú về gần như mọi thứ hay thậm chí là về những chuyện còn không đáng là chuyện. Một vụ tông xe bình thường không có thương vong có thể lên trang nhất với những câu bình luận hấp dẫn đến nghẹt thở từ người chứng kiến và nhân viên cấp cứu. Một nhà máy nhỏ mở rộng quy mô lại nghe như cú hích lớn cho tổng sản lượng kinh tế quốc gia. Buổi bán bánh của hội các bà ở nhà thờ Baptist có thể thành bài báo 800 từ. Một vụ bắt giữ ma túy nhỏ khi lên báo lại khiến độc giả có cảm giác như dân Colombia đang tràn sang nắm đầu mọi thiếu niên ngây thơ ở Clanton. Cuộc hiến máu do Hội Civitan tổ chức lại thành lời kêu gọi cấp bách thiếu nguồn máu cấp cứu chiến sĩ thời chiến. Ba chiếc xe bị trộm mỗi tuần sẽ khiến nhiều độc giả cảm giác như tội phạm có tổ chức đang hoành hành ở đây.

Tôi còn dành rất nhiều trang để viết về con người của Hạt Ford. Bà Callie là câu chuyện tiểu sử thú vị mở màn, và từ đó, ít nhất mỗi lần tháng một lần, cuộc đời ai đó sẽ được lên báo. Còn có một người sống sót sau Cuộc hành quân chết chóc Bataan,

cựu binh cuối cùng của Thế chiến I ở trong vùng, một thợ may từng ở Trân Châu Cảng, một mục sư về hưu đã phục vụ một cộng đoàn nông thôn nhỏ suốt 45 năm, một nhà truyền giáo đã trải qua 30 năm ở Congo, một sinh viên mới tốt nghiệp đã diễn trong một vở kịch Broadway, một bà đã sống qua 22 tiểu bang, một người từng qua bảy đời vợ và có rất nhiều lời muốn nhắn nhủ các cặp tân hôn, ông Mitlo - người nhập cư sáng giá, một huấn luyện viên bóng rổ về hưu, một đầu bếp ở Trà Quán cả đời chỉ nấu một món là đổ trứng. Vân vân và vân vân. Những câu chuyện này được đón nhận nồng nhiệt.

Tuy nhiên, sau chín năm, danh sách những người thú vị ở Hạt Ford chẳng còn mấy cái tên.

Tôi cũng đã chán viết rồi. Hai mươi trang một tuần, 52 tuần một năm.

Mỗi sáng thức dậy, tôi phải nghĩ ra một câu chuyện mới hoặc một khía cạnh mới của câu chuyện cũ. Bất kỳ tin tức hay sự kiện bất thường nào cũng là cảm hứng để viết nên một bài, có một chỗ trên báo. Tôi từng viết về chó mèo, xe cổ, một vòi rồng lốc xoáy lớn nhất lịch sử hạt, ngôi nhà ma, chó thất lạc, kho báu thời Nội chiến, giai thoại về nô lệ không đầu, hay chồn hôi bị dại. Những chuyện bình thường như phiên tòa, bầu cử, tội ác, cửa hàng mới mở, thông báo phá sản, những nhân vật mới đến, tất cả đều thành bài báo. Tôi chán viết thật rồi.

Và tôi cũng chán cả Clanton. Sau nhiều miễn cưỡng ban đầu,

thành phố này đã đón nhận tôi, nhất là khi rõ ràng có đuổi tôi cũng không đi. Nhưng đây là thành phố nhỏ, rất nhỏ và nhiều lúc tôi cảm thấy ngột ngạt. Quá nhiều dịp cuối tuần, tôi nằm lì ở nhà, chẳng biết làm gì ngoài đọc và viết, một chuyện tôi dần đã thành quen, nhưng vẫn cứ là nỗi chán ngán ghê gớm. Tôi đã thử đi đánh bài với Bubba Crocket cùng hội Hang Cáo, đi nhậu thả cửa với Harry Rex và các bạn của ông, nhưng chưa bao giờ tìm được chỗ thật sự hợp với mình.

Clanton đã đổi thay và không phải thay đổi nào cũng làm tôi vui. Như những thành phố nhỏ ở miền Nam, nó đang mở rộng ra bốn phương tám hướng nhưng chẳng hề có sự phát triển thật sự. Bargain City xuất hiện và khu vực quanh nó thu hút đủ loại chuỗi đồ ăn nhanh. Khu vực trung tâm bị bỏ bê, dù tòa án và tòa nhà chính quyền hạt vẫn là nơi thu hút nhiều người. Cần có những chính trị gia mạnh mẽ, những lãnh đạo có tầm nhìn, nhưng tìm ra họ như mò kim đáy bể.

Mặt khác, tôi cũng cho rằng thành phố này đã dần chán tôi. Vì những bài xã luận giáo huấn xã hội về chiến tranh Việt Nam mà tôi luôn bị xem là người theo chủ nghĩa tự do cực đoan. Và tôi cũng chẳng buồn làm gì để gỡ cái mác đó. Khi tờ báo ngày một lớn mạnh, lợi nhuận tăng tiến thì tôi càng cứng rắn hơn, lỳ lợm hơn và viết xã luận thường xuyên hơn. Tôi lên tiếng phản đối những cuộc họp kín của hội đồng thành phố và hội đồng giám sát của hạt, đâm cả đơn kiện để đòi biên bản công khai. Tôi dành cả năm trời kêu ca về công tác quản lý và hoạch định kém

cỏi của hạt, và khi Bargain City mon men đến, tôi vung hết ra không kìm nén bất kỳ lời lẽ nào. Tôi mỉa mai luật gây quỹ tranh cử của bang, vốn được thiết kế để người giàu có được những ứng viên họ thích. Và khi Danny Padgitt được thả tự do, tôi rủa sả cả hệ thống ân xá.

Suốt thập niên 1970, tôi luôn là tiếng nói nổi bật ở nơi này. Và nó đem lại nhiều câu chuyện hay và giúp bán nhiều báo, nhưng cũng biến tôi thành một thứ kỳ quặc trong mắt dân tình. Tôi bị xem là một người bất bình triền miên, tệ hơn nữa là người bất bình có bục giảng để lên tiếng suốt ngày. Tôi chưa hề nghĩ mình là kẻ bức bách, và đã cố hết sức để không thành như thế. Nhưng nhìn lại, có những cuộc luận chiến tôi khơi ra không chỉ bởi xác quyết trong lòng mà còn đơn giản là vì muốn có việc để làm cho đỡ chán.

Càng thêm tuổi, tôi càng muốn làm một công dân bình thường. Bao lâu nay, tôi chỉ muốn làm kẻ ngoài cuộc, người quan sát, nhưng giờ tôi chẳng ham thế nữa. Tôi muốn cứ đến rồi đi, thấy vui thì ở Clanton, thấy chán thì đi đến khi nào hết chán. Nghĩ đến đây, tôi mới thấy đúng là tiền bạc có thể thay đổi tương lai con người.

Giấc mơ đi xa cứ ngày một hiện lên nhiều hơn, tôi chỉ muốn được nghỉ dài hạn, đi nơi nào đó mà tôi chưa hề đặt chân đến, ngao du khắp thế giới.

Gary McGrew đã hẹn gặp tôi ở một nhà hàng tại Tulepo.

Trong thời gian qua, ông đã ghé văn phòng tôi thêm vài lần. Ông mà đến thêm lần nữa, thể nào mọi người cũng sẽ bắt đầu xôn xao. Vừa ăn trưa, chúng tôi vừa xem lại sổ sách, nói về kế hoạch của thân chủ ông, thương lượng điểm này điểm kia. Nếu bán, tôi muốn chủ mới tôn trọng hợp đồng năm năm mà tôi vừa ký với Davey Bigmouth Bass, Hardy, và Margaret. Baggy thì sắp nghỉ hưu hoặc có khi phải ra đi sớm vì nhiễm độc gan. Wiley luôn là nhân viên bán thời gian, và đam mê kể chuyện bằng ảnh của ông cũng đã nhạt dần. Ông là nhân viên duy nhất được tôi kể về chuyện đàm phán bán tờ báo, và lời khuyên của ông cũng là cầm tiền du hí thì hơn.

Thân chủ của McGrew muốn tôi ở lại ít nhất là một năm, với mức lương rất cao để đào tạo cho tổng biên tập mới. Tôi chẳng bao giờ đồng ý chuyện đó. Ở là ở, đi là đi. Tôi chẳng muốn có sếp dí đầu mình, cũng chẳng muốn chịu cơn thịnh nộ của dân tình khi họ biết tôi bán tờ báo cho một công ty ngoài bang.

Lời đề nghị của họ vẫn là 1.300.000. Nhưng một tham vấn viên mà tôi thuê ở Knoxville lại định giá tờ *Thời báo* đến 1.350.000.

"Nói riêng với anh thôi, chúng tôi đã mua hai tờ báo ở Hạt Tyler và Hạt Van Buren rồi," McGrew thầm thì. "Mọi chuyện sắp đâu vào đấy."

Lâu nay, ông khá thành thật với tôi. Chủ của tờ báo ở Hạt Tyler đã đồng ý về điều khoản chung, dù vẫn chưa ký.

“Nhưng có vấn đề mới,” McGrew nói tiếp. “Tờ báo ở Hạt Polk có lẽ sẵn sàng đổi chủ. Nói thẳng, chúng tôi đang cân nhắc chỗ đó nếu anh không chịu. Nó còn rẻ hơn đôi chút.”

“À, lại ép rồi,” tôi nói.

Tờ báo của Hạt Polk có bốn ngàn độc giả đăng ký và ban quản trị khá lớn giọng. Tôi đọc nó hàng tuần mà.

“Tôi đâu cố ép anh. Chỉ cho anh biết tình hình thôi.”

“Tôi thật sự muốn giá 1.500.000.”

“Thế là quá nhiều, Willie à.”

“Cao đấy, nhưng các ông sẽ kiếm lại đủ. Có lẽ lâu hơn một chút, nhưng cứ nghĩ dài hạn mười năm đi.”

“Tôi không chắc chúng tôi lên được giá đó đâu.”

“Phải được, nếu các ông muốn tờ báo này.”

Cảm giác hối thúc đã lộ rõ. McGrew chốt lại, “Chúng ta đã thương lượng nhiều tháng rồi, và thân chủ của tôi rất muốn có quyết định cuối cùng. Anh ấy muốn chốt chuyện trong tháng này, không thì sẽ đi tìm chỗ khác.”

Chiến thuật này chẳng nhằm nhò gì với tôi. Tôi cũng chán thương lượng lắm rồi. Hoặc bán hoặc không thôi mà. Đã đến lúc phải ra quyết định.

“Vậy là còn 23 ngày?” tôi hỏi.

“Phải.”

“Được.”

Những ngày hè nắng non kéo dài đã đến và sẽ ở lại suốt ba tháng trời nóng nực, ẩm ướt. Tôi vẫn đi những chuyến thường lệ, thăm nhà thờ, chơi bóng mềm, giải golf địa phương, lễ cắt dưa hấu. Nhưng Clanton vẫn đang thấp thỏm chờ đợi.

Rõ ràng thòng lọng quanh cổ các bồi thẩm còn sống đã lỏng ra đôi chút. Lẽ tự nhiên, họ chán ngán cuộc sống quanh quẩn trong nhà, chán phải thay đổi lệ thường cả đời của họ, chán cảnh hàng xóm túc trực trước cửa từ sáng đến tối. Họ bắt đầu thử trở lại cuộc sống bình thường.

Kẻ sát nhân này thật sự quá kiên nhẫn. Hắn có lợi thế thời gian, còn các nạn nhân tương lai sẽ dần lơi lỏng cảnh giác. Hắn biết thế nào họ cũng sẽ phạm sai lầm. Và chúng tôi cũng biết thế.

Sau khi lần đầu tiên trong đời bỏ ba lễ Chúa nhật liên tiếp, bà Callie nhất quyết tuần này phải đi cho bằng được. Với sự hộ tống của ông Esau, Sam và Leon, bà bước vào nhà thờ sáng Chúa nhật và thờ phượng Chúa với hết lòng sốt sắng và thèm khát được ở bên Ngài. Các anh chị em trong hội thánh quây lại bên bà, cầu nguyện nhiệt thành cho bà. Mục sư Small lập tức đổi chủ đề bài giảng, nói về sự bảo vệ của Chúa cho những ai theo Ngài. Sam kể là ông giảng một mạch suốt ba tiếng đồng hồ.

Hai ngày sau, tôi lái chiếc Mercedes đến đón bà. Bà ngồi giữa hàng ghế sau, hai bên là ông Esau và Sam, với khẩu súng đặt bên cạnh. Chúng tôi nhấn ga ra khỏi Clanton với sự hộ tống của một xe cảnh sát. Đến biên giới hạt, xe cảnh sát quay về, còn chúng tôi

lái thẳng đến Memphis. Ở phía đông Memphis vừa mở một trung tâm mua sắm mới và bà Callie ao ước được đến đó một lần. Hơn một trăm cửa hàng trong cùng một tòa nhà cơ mà! Lần đầu tiên trong đời, bà ăn pizza, thấy sân trượt băng, thấy hai người đàn ông nắm tay nhau và một gia đình đa chủng tộc. Trong số đó, bà chỉ khen mỗi sân trượt băng.

Sau một tiếng lái xe theo chỉ dẫn lơ đãng của Sam, cuối cùng chúng tôi cũng đến được nghĩa trang Nam Memphis. Dùng sơ đồ ở trạm bảo vệ, chúng tôi tìm được mộ của bà Nicola Rossetti DeJarnette. Bà Callie đặt lên mộ bó hoa bà mua từ nhà trước khi đi, và khi thấy rõ bà có nhiều chuyện muốn tâm tình với người đã khuất, chúng tôi lặng lẽ đi ra để bà được yên tĩnh.

Để tưởng nhớ bà Nicola, bà Callie muốn ăn vài món Ý. Tôi đã đặt sẵn bàn ở nhà hàng Grisanti nổi tiếng tại Memphis, và chúng tôi ngồi lại lâu, nói chuyện, thưởng thức lasagna và ravioli nhồi pho mát dê. Bà Callie đã gạt bỏ được định kiến về chuyện ăn ở nhà hàng, và để bà khỏi phải thấy tội lỗi, tôi nhất quyết mời bữa này.

Chúng tôi thật sự chẳng muốn rời Memphis. Trong vài tiếng đồng hồ, nỗi sợ hãi và bồn chồn dường như tan biến. Clanton như cách xa chúng tôi ngàn dặm, nhưng lại cũng quá gần. Trên đường về tối hôm đó, tôi nhận thấy mình lái xe mỗi lúc mỗi chậm.

Dù chúng tôi không nhắc đến nhưng rõ ràng một kẻ sát nhân

vẫn đang nhởn nhơ ở Hạt Ford và tên bà Callie nằm trong danh sách hành quyết của hắn. Nếu không phải đã có hai người nằm xuống, chúng tôi chẳng thể nào tin trên đời lại có chuyện kinh hoàng như thế này.

Theo lời Baggy, và đã được xác nhận sau khi tôi kiểm lại kho lưu trữ của tờ Times, suốt một thế kỷ qua, chưa có vụ án mạng không được phá. Hầu hết đều là giết người trong phút bốc đồng với nhiều người chứng kiến. Chuyện bắt giữ, xét xử và kết tội chỉ là thủ tục. Nhưng giờ đang có một tên sát nhân quá khôn khéo và thận trọng, tệ hơn nữa, ai cũng biết rõ danh sách hành quyết của hắn. Với một cộng đồng kính sợ Chúa và thượng tôn pháp luật như thế, chuyện này đúng là không thể nào hình dung nổi.

Bobby, Al, Max, và Leon đã nhiều lần cố nài nỉ bà Callie đến nhà họ ở một vài tháng. Tôi và Sam, thậm chí cả ông Esau cũng hùa theo, nhưng bà chẳng hề lung lay. Bà ở gần lòng Chúa và Chúa sẽ che chở bà.

Suốt chín năm, lần duy nhất tôi mất bình tĩnh với bà Callie và cũng là lần duy nhất bà quở trách tôi là khi chúng tôi tranh cãi về chuyện đến sống với Bobby một tháng ở Milwaukee. “Mấy thành phố lớn đó nguy hiểm lắm,” bà cứ bảo vậy.

“Hiện giờ làm gì có chỗ nào nguy hiểm hơn Clanton chứ!” tôi bực bội vì sự ngoan cố của bà.

Rồi tôi bắt đầu to tiếng, và khi bà nói thẳng không chấp nhận kiểu vô lễ như thế, tôi liền im ngay.

Khi đi qua biên giới Hạt Ford, tôi bắt đầu để ý gương chiếu hậu. Làm thế đúng là ngốc, nhưng hóa ra không hẳn vậy. Về đến Hạ trấn, ven đường là một xe cảnh sát và trên hiên là một người bạn của ông Esau cầm súng ngồi gác.

“Một tối yên tĩnh,” ông bạn già bảo vậy. Nói thế nghĩa là chưa ai bị bắn, chưa ai nổ súng.

Khi bà Callie đi ngủ rồi, tôi nán lại chơi cờ trước hiên một tiếng.

Tất cả vẫn đang thấp thỏm chờ đợi.

CHƯƠNG 42

Năm 1979 là năm bầu cử địa phương ở Mississippi, cũng là lần thứ ba tôi tham gia bỏ phiếu. Lần này im ắng hẳn so với hai lần trước. Không có ai tranh cử chức cảnh sát trưởng với McNatt, một chuyện chưa từng có. Người ta đồn là nhà Padgitt đã mua chuộc một ứng viên mới, nhưng sau sự thất bại của lệnh ân xá, ứng viên đó cũng lặn mất tăm. Tham nghị viên Theo Morton có một đối thủ tìm đến tôi đăng bài quảng cáo với chất vấn thẳng mặt - TẠI SAO THAM NGHỊ VIÊN MORTON CHO DANNY PADGITT ĐƯỢC ÂN XÁ? TIỀN! VÌ THẾ ĐẤY! Dù tôi muốn đăng bài quảng cáo đó lắm, nhưng giờ chẳng có dư thời gian hay sức lực để dính vào vụ kiện tội phỉ báng.

Ở Tứ Tàn, cuộc tranh chấp chức cảnh sát dân cử thu hút đến 13 ứng viên, nhưng ngoài chỗ đó ra, không khí tranh cử mọi nơi khác đều lặng lẽ. Toàn hạt chỉ quan tâm đến vụ án mạng kép của Fargarson và Teale, và quan trọng hơn, ai sẽ là người tiếp theo. Cảnh sát trưởng McNatt, tổ điều tra ở cảnh sát bang và phòng pháp y đã lật lui lật tới mọi manh mối có thể. Giờ chỉ còn biết chờ đợi.

Khi ngày Quốc khánh 4 tháng 7 đến gần, càng dễ thấy rõ sự

hưng phấn năm nay kém xa mọi năm. Dù hầu như ai cũng cảm thấy an toàn, nhưng cảm giác thấp thỏm vẫn bao trùm toàn hạt. Lạ là có lời đồn rằng sẽ có chuyện không hay xảy ra vào lúc mọi người quy tụ ở quảng trường mừng Quốc khánh. Những lời đồn trong thời gian tháng 6 chưa bao giờ hoang đường và lan nhanh đến thế.

Vào ngày 25 tháng 6, tại một văn phòng hoành tráng ở Tupelo, tôi đã ký cả chồng giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu tờ *Thời báo* cho một công ty truyền thông mà Ray Noble ở Atlanta nắm một phần cổ phần. Noble đưa cho tôi chi phiếu 1.500.000 đô, và tôi nhanh chóng, có thể nói là bồn chồn, đem nó sang bên kia đường, nơi người bạn tôi vừa mới quen, Stu Holland, đang chờ sẵn trong văn phòng rộng rãi của mình ở Ngân hàng Thương mại. Thanh toán một chi phiếu lớn như thế ở Clanton thì ngay sớm mai cả thành phố đã kháo nhau rồi, nên tôi để tiền lại chỗ Stu rồi lái xe về nhà.

Đấy là chuyến xe dài nhất đời tôi. Phấn khởi đấy, vì tôi đã bán món hàng của mình với giá cao nhất thị trường. Tôi đã lấy đủ từng đồng giá trị rồi giao báu vật của mình cho một người mua danh giá cùng nhiều dự định phát triển nó. Tiếng gọi phiêu lưu đang vẫy mời và giờ tôi sẵn sàng đáp lại.

Nhưng cũng buồn đấy, vì tôi vừa từ bỏ một phần đời lớn nhất và đầy tưởng thưởng nhất của mình. Tờ báo và tôi đã cùng nhau phát triển, tôi thì trưởng thành, nó thì lớn mạnh. Nó đã làm đúng vai trò của một tờ báo thành phố nhỏ, một người quan sát

hăng hái mọi sự kiện đương thời, một biên niên sử thành phố, một nhà bình luận chuẩn mực trước các vấn đề chính trị và xã hội. Còn tôi trở thành một chàng trai kiên gan bền chí và ngây thơ táo bạo đã xây dựng lên một công trình đẹp đẽ từ con số không. Tôi đang trong độ tuổi sung sức nhất, nhưng hiện giờ, tôi chỉ muốn tìm một bãi biển và một cô gái.

Khi về đến Clanton, tôi vào văn phòng Margaret, đóng cửa lại và kể cho bà về chuyện bán tờ báo. Bà bật khóc, mắt tôi cũng ươn ướt. Sự trung thành tuyệt đối của bà luôn khiến tôi kinh ngạc, và cũng như bà Callie, Margaret luôn lo cho phần hồn của tôi, nhưng dần dần bà đã yêu mến tôi vô điều kiện. Tôi giải thích rằng chủ mới là những người tuyệt vời, không có kế hoạch thay đổi lớn gì và đã đồng ý tôn trọng tuyệt đối hợp đồng năm năm của bà, thậm chí còn tăng lương. Chuyện này càng khiến bà khóc to hơn, nhưng có lẽ đã thành nước mắt của sự vui mừng.

Hardy thì không khóc. Đến giờ này, ông đã phụ trách phòng in gần 30 năm rồi. Ông cáu kỉnh, gắt gỏng, uống quá nhiều như mọi thợ in khác, và nếu chủ mới không thích thế thì ông sẽ nghỉ việc và đi câu cá ngay. Ông cũng không quan tâm lắm chuyện hợp đồng mới.

Davey Bigmouth Bass cũng không khóc. Ông sốc trước tin này, nhưng phấn khởi ngay vì biết được tăng lương.

Baggy lúc đó đang đi nghỉ mát đâu đó ở bờ Tây, với anh em, không phải với vợ. Ray Noble đã lưỡng lự trước chuyện thêm

năm năm hợp đồng với Baggy uể oải, và tôi không thể chốt được cho ông chuyện này dù như thế thì tôi lại thấy thanh thản lương tâm hơn. Baggy tự lo được mà.

Trong tòa soạn có năm nhân sự, và tôi đích thân đi báo cho từng người. Với những cảm xúc trái chiều nhưng đều chấn động, phải mất cả buổi chiều mới xong việc đó và tôi cũng thấy cạn kiệt sức lực hay cảm xúc. Tối đó, tôi gặp Harry Rex ở phòng hậu của Pepe, ăn mừng qua ly margarita.

Tôi háo hức được rời thành phố và chu du đâu đó, nhưng chưa thể đi nếu cuộc hành quyết đẫm máu chưa dừng lại.

Trong tháng 6, các giáo sư nhà Ruffin cứ đi đi về về Clanton. Họ tránh hết các việc lặt vặt được giao, cũng không cần đi nghỉ mát, cố gắng sắp xếp sao cho lúc nào cũng có ít nhất hai hoặc ba người ở bên mẹ mình. Sam hiếm khi rời khỏi nhà. Cậu ở lì trong Hạ trấn để bảo vệ mẹ, nhưng cũng để khỏi gây chú ý. Mối đe dọa của lão Durant vẫn còn đó, dù lão đã tái hôn và hai đứa con cũng đã đi khỏi Clanton rồi.

Sam ngồi hàng giờ ở hiên, đọc sách ngấu nghiến, chơi cờ đam với ông Esau hay bất kỳ ai ghé qua giúp canh gác. Cậu chơi cờ tào cáo với tôi, và khi đã thông thạo liền rủ tôi cược một đô một ván. Chẳng mấy chốc, tôi đã nợ cậu ấy 50 đô, tiền bạc lúc khác sẽ đưa, vì chơi cược cao như vậy mà để bà Callie biết thì chết.

Một tuần trước lễ Quốc khánh, nhà Ruffin tổ chức ngày đoàn viên. Vì nhà tôi còn năm phòng ngủ không ai ở và cực kỳ vắng

tiếng người, nên tôi nhất quyết cả nhà họ phải ghé lại ở cho vui. Đại gia đình Ruffin đã mở rộng nhiều từ khi tôi mới quen họ hồi năm 1970. Ngoại trừ Sam, tất cả đều đã có vợ chồng và họ đem lại cho bà Callie cả thảy 21 đứa cháu. Không tính Sam và ông bà Callie, Esau, thì còn 35 người, và 34 trong số đó về Clanton tụ họp. Vợ của Leon phải ở lại Chicago chăm sóc bố bị ốm.

Và 33 trong số 34 người đó lần lượt kéo đến biệt thự Hocutt. Họ đến từ nhiều vùng khắp cả nước, chủ yếu là từ miền Bắc, chia thành nhiều đợt liên tục cả ngày, đợt nào cũng được đón tiếp nồng nhiệt. Khi Carlota và chồng cùng hai đứa con nhỏ từ Los Angeles đến Clanton lúc 3:00 sáng, đèn đuốc khắp nhà đều rực sáng và Bonnie, vợ của Bobby xắn tay làm bánh áp chảo ngay.

Bonnie tiếp quản luôn căn bếp của tôi và ngày nào tôi cũng chạy ra cửa hàng tạp hóa ba lượt để mua những thứ cần nấu gấp. Tôi mua cả đống kem và bọn trẻ sớm nhận ra là hễ xin giờ nào cũng được cho ăn thỏa thích.

Vì hàng hiên hiếm khi có người đứng của tôi dài và rộng, nên nhà Ruffin quây quần tại đó. Sam đưa bà Callie và ông Esau ghé nhà mỗi buổi chiều. Bà quá muốn được ra khỏi Hạ trấn. Ngôi nhà ấm cúng của bà giờ cảm giác chẳng khác gì nhà tù.

Nhiều lần tôi nghe các con bà nói chuyện với vẻ nghiêm trọng, lo lắng cho mẹ mình. Mối đe dọa ám sát không hiểu sao lại ít được nhắc đến so với chuyện sức khỏe của bà. Bà đã giảm được hơn 30 cân, còn con số chính xác thì mỗi người nói mỗi

khác. Giờ bác sĩ lại lo lắng về lưng và huyết áp của bà. Những căng thẳng sợ hãi đã có tác hại rõ rệt. Ông Esau bảo bà ngủ rất chập chờn, và hay đổ tại thuốc mà ra. Bà không còn hoạt bát, không cười nhiều và xuống sức thấy rõ.

Tất cả đều do "chuyện Padgitt." Hắn mà bị bắt và chuyện hành quyết chấm dứt là bà sẽ khỏe lên ngay thôi.

Hầu hết các con bà đều suy nghĩ kiểu tích cực như vậy.

Ngày 02 tháng 7, thứ Hai, Bonnie và cả hội đã chuẩn bị bữa trưa nhẹ với salad và pizza. Mọi người nhà Ruffin đang ở Clanton đều có mặt, chúng tôi ra hiên ngồi ăn dưới những chiếc quạt trần quay chầm chậm đến vô dụng. Nhưng may là có cơn gió thoảng và nhiệt độ tầm 34 là đủ để chúng tôi thong thả thưởng thức bữa ăn kéo dài.

Tôi vẫn chưa tìm được dịp báo với bà Callie là tôi đã bán tờ báo. Tôi biết bà sẽ sốc và thất vọng lắm. Nhưng tôi chẳng thấy có lý do gì để chúng tôi ngưng những bữa ăn trưa thứ Năm hàng tuần. Có lẽ đếm lỗi chính tả của người khác còn thú vị hơn ấy chứ.

Trong chín năm trời, chúng tôi chỉ bỏ lỡ tám buổi, đều do đổ bệnh hoặc nhổ răng.

Câu chuyện rôm rả sau bữa ăn bỗng dưng im bặt vì tiếng còi hụ cảnh sát vang lên xa xa, đâu đó bên kia thành phố.

Chiếc hộp chỉ to bằng quyển vở, sâu hơn chục phân, màu trắng với sao và sọc xanh đỏ, là quà của người em gái sống ở

Concord, California đặt nông trại Hồ đào Bolan ở Hazelhurst, Mississippi, gửi cho Maxine Root. Hồ đào Mỹ làm quà mừng ngày Quốc khánh thì quá chuẩn. Chiếc hộp được gửi qua đường bưu điện, được bưu tá giao vào tầm giờ trưa, để trong hộp thư của Maxine Root, rồi được đưa vào nhà, qua người gác duy nhất đang ngồi dưới bóng cây sân trước, vào căn bếp nơi Maxine Root đang đứng.

Đã gần một tháng từ khi cảnh sát trưởng McNatt hỏi chuyện bà về lá phiếu trong phòng bồi thẩm đoàn. Bà đã miễn cưỡng thừa nhận mình không bỏ phiếu thuận cho án tử hình Danny Padgitt, và bà nhớ rằng hai người đứng về phe bà là Lenny Fargarson và Mo Teale. Vì họ đều đã chết, nên McNatt nghiêm túc thừa nhận khả năng cao rằng bà có thể là nạn nhân tiếp theo.

Suốt nhiều năm sau phiên tòa đó, Maxine đã phải vật lộn về quyết định của mình. Thành phố ghét bỏ kết quả đó và bà cảm nhận được bầu không khí thù địch mơ hồ. May là các bồi thẩm đã thề sẽ giữ thinh lặng, còn bà, Lenny và Mo tất nhiên chẳng muốn lạy ông tôi ở bụi này. Thời gian trôi qua dần xoa dịu tình hình, bà cũng đã ngơi thấp thỏm về hậu quả phán quyết năm đó.

Vậy mà bây giờ, cả thế giới đều biết bà đã chọn lựa thế nào. Lại có một tên điên đang rình rập bà. Bà đã xin nghỉ phép công việc thủ thư, tinh thần luôn bồn chồn, không thể nào ngủ ngon giấc, chán phải chui rúc trong nhà, chán cảnh đêm nào sân nhà cũng đầy người, chán phải cúi mình mỗi khi đi qua cửa sổ. Bà đã uống

quá nhiều loại thuốc xung khắc nhau đến nỗi giờ loại nào cũng vô hiệu.

Ngay khi vừa thấy hộp hồ đào, bà đã bật khóc. Vẫn có người yêu thương bà. Người em gái thân thương Jane vẫn nghĩ đến bà. Giá mà bây giờ được ở California với em mình thì hay biết mấy.

Maxine bắt đầu mở hộp thì bỗng sực nhớ ra một chuyện. Bà đi lấy điện thoại gọi cho Jane. Một tuần rồi, hai người chưa gọi cho nhau.

Jane đang làm việc, mừng rỡ khi nghe chị mình gọi. Họ nói chuyện này chuyện kia, rồi Maxine nhắc, "Cảm ơn em đã gửi hồ đào cho chị."

"Hồ đào nào cơ?" Jane hỏi, và Maxine khựng lại trong giây lát.

"Hộp quà Hồ đào Bolan ở Hazelhurst, hộp lớn, phải cân rưỡi ấy."

Lại một thoáng ngập ngừng. "Không phải em gửi đâu. Chắc là người khác rồi."

Maxine liền gác máy và đi kiểm tra cái hộp. Mặt trước hộp dán tấm thẻ "Quà của Jane Parham." Nếu không phải người em gái Jane Parham của bà thì là ai mới được.

Bà nhẹ nhàng cầm nó lên. Có vẻ hơi nặng so với một hộp hồ đào cân rưỡi.

Tình cờ, cậu cảnh sát bán thời gian Travis cũng đến nhà. Đi cùng với cậu là Teddy Ray, một nhóc mặt còn mụn, trong bộ

đồng phục quá khổ và khẩu súng cảnh dụng chưa hề bắn phát nào. Maxine liền lôi họ vào bếp, nơi cái hộp đỏ trắng xanh đang nằm ngoan ngoãn trên bàn bếp. Người đứng gác duy nhất ngoài kia cũng vào xem, cả bốn người đứng đó nhìn chằm chằm cái hộp mà không nói lời nào. Maxine thuật lại nguyên văn cuộc điện thoại mới tức thì với Jane.

Travis rón rén đưa tay nhấc cái hộp lên, lắc nhẹ. “Có vẻ hơi nặng so với hộp hồ đào,” cậu nhận định, rồi nhìn sang Teddy Ray lúc đó đã tái mét mặt mày và người hàng xóm cầm súng có vẻ sẵn sàng vọt ra khỏi cửa.

“Cậu nghĩ là bom à?” ông hàng xóm hỏi.

“Chúa ơi,” Maxine lắp bắp, có vẻ sắp ngã quỵ.

“Có thể lắm,” Travis bảo, kinh hoàng nhìn thứ đang nằm trên tay mình.

“Ra ngoài đi,” Maxine rụt rè,

“Ta gọi sếp không?” Teddy Ray cuối cùng cũng mở miệng được.

“Có lẽ phải thế,” Travis đồng tình.

“Lỡ nó có hẹn giờ gì đó thì sao?” ông hàng xóm bắt đầu thấy lo hơn.

Travis lưỡng lự một thoáng rồi với nói giọng cương quyết của lính mới chưa biết sợ, “Tôi biết phải làm gì rồi.”

Họ tới cửa bếp, ra dãy hiên dài và hẹp chạy dọc mặt hậu nhà. Travis cẩn thận đặt cái hộp xuống rìa hiên, cách mặt đất chục

phân. Rồi cậu rút khẩu Magnum 44 ly ra, Maxine giật mình, "Cậu định làm gì?"

"Ta sẽ xem thử nó có phải bom hay không?" Teddy Ray và ông hàng xóm liền chạy khỏi hiên, kiếm chỗ an toàn trên bãi cỏ cách cái hộp hơn chục mét.

"Cậu định bắn hồ đào của tôi á?" Maxine lưỡng lự.

"Vậy bà có ý gì hay hơn không?" Travis bật lại ngay.

"Có lẽ là không."

Với cả người được che chắn sau tường căn bếp, Travis chĩa khẩu súng ra ô cửa sổ, nhắm bắn. Maxine đứng ngay sau cậu, cúi thấp người, bám sát eo cậu.

Phát súng đầu tiên trượt cả mét, Teddy Ray hét lên, "Bắn đẹp lắm," rồi cùng ông hàng xóm cười ngặt nghẽo.

Travis nhắm bắn lần nữa.

Cái hộp phát nổ, giật sập hoàn toàn mái hiên, để lại một lỗ to tướng trên tường bếp và gỗ vụn bắn xa cả trăm mét. Các cửa kính rạn vỡ, những tấm ván bật tung lên và bốn người quan sát đều bị thương. Teddy Ray và ông hàng xóm bị nhiều miếng kim loại găm vào ngực và chân. Cánh tay và bàn tay phải của Travis gần như nát bấy. Maxine bị trúng hai mảnh vào đầu, một mảnh kính trên trái tai phải và một cái đinh nhỏ đâm vào cằm.

Trong khoảnh khắc, cả bốn người đều bất tỉnh do sức tàn phá của quả bom nặng ký rưỡi gồm thuốc nổ gói chung với đinh, mảnh kính và bi sắt.

Tiếng còi hụ cảnh sát vang khắp thành phố, tôi liền đi lấy máy gọi Wiley Meek. Ông ấy cũng đang định gọi cho tôi. “Chúng đã cố cho nổ tan xác Maxine Root,” ông thông báo.

Tôi bảo nhà Ruffin là có vụ tai nạn rồi để họ ngồi lại ở hiên, một mình ra xe chạy đi. Lúc tôi đến gần khu nhà Root sinh sống, các tuyến đường chính đều bị chặn, xe cộ phải quay đầu. Tôi vội quay xe đến bệnh viện, tìm một bác sĩ trẻ có quen biết. Cậu ấy bảo là có bốn người bị thương, không ai trong tình trạng nguy kịch.

Thẩm phán Omar Noose đang xử một vụ ở tòa Clanton chiều hôm đó. Sau này, ông kể lại là đã nghe thấy tiếng nổ. Rufus Buckley và cảnh sát trưởng McNatt đã gặp ông suốt một tiếng đồng hồ, nhưng nội dung họ bàn luận thì không ai được biết. Khi chúng tôi ngồi chờ tin ở phòng xử án, Harry Rex và hầu hết các luật sư đang thơ thẩn ở đó đều chắc mẩm là ba người họ đang vò đầu bứt tai tìm cách ban hành lệnh bắt Danny Padgitt vì hiện tại có quá ít chứng cứ cho thấy hắn có vai trò gì trong những vụ này.

Nhưng đằng nào họ cũng phải làm gì đó, phải bắt giữ ai đó. Cảnh sát trưởng phải bảo vệ nhân dân, và ông phải ra tay ngay, kể cả khi chưa hoàn toàn thích đáng.

Chúng tôi được tin là Teddy Ray và Travis đã được chuyển đến một bệnh viện ở Memphis để phẫu thuật. Maxine và người hàng xóm cũng đang trong phòng phẫu thuật rồi. Thế này rồi mà các

bác sĩ vẫn bảo không ai trong tình trạng nguy kịch, dù có khả năng Travis sẽ mất cánh tay phải.

Ở Hạt Ford, có bao nhiêu người biết cách chế bom chứ? Ai có khả năng tiếp cận chất nổ? Ai có động cơ? Đấy là những câu hỏi được tranh luận sôi nổi giữa chúng tôi ở phòng xử và chắc chắn cũng là những vấn đề mà ba ông lớn ngồi trong kia đang cố giải đáp. Noose, Buckley, và McNatt đều là công chức dân cử. Người dân Hạt Ford muốn được bảo vệ. Vì Danny Padgitt là kẻ tình nghi duy nhất trong vụ này, nên thẩm phán Noose cuối cùng cũng quyết định ban hành lệnh bắt.

Họ thông báo cho Lucien, và lão điềm thản nhận việc. Đến mức độ này rồi, kể cả luật sư của nhà Padgitt cũng không dám biện luận gì chuyện đưa hắn về trại giam để điều tra. Thật ra, đằng nào rồi hắn cũng sẽ được thả mà.

Vừa qua 5:00 chiều, một chiếc xe thùng cảnh sát lao ra khỏi Clanton hướng thẳng về cồn Padgitt. Harry Rex giờ cũng có đài thu sóng cảnh sát theo phong trào khá nở rộ gần đây, và chúng tôi ngồi trong văn phòng ông, nhấp bia, lắng nghe tiếng rè rè. Đây hẳn là vụ bắt giữ hấp dẫn nhất lịch sử Hạt Ford, và rất nhiều người muốn tận mắt chứng kiến nó. Liệu nhà Padgitt có dám chặn đường cản trở bắt giữ không? Liệu có nổ súng không? Bắn nhau loạn xạ?

Với cái đài mở sẵn, chúng tôi có thể theo dõi mọi chuyện sắp diễn ra. Trên Xa lộ 42, McNatt và người của ông hội quân với

mười “đơn vị” tuần tra xa lộ của bang. Chúng tôi cho rằng “đơn vị” ở đây chỉ đơn giản là xe, nhưng nói kiểu này đúng là nghiêm trọng hơn hẳn. Họ thẳng tiến Xa lộ 401, rẽ vào con đường nội hạt dẫn thẳng đến cồn, sẵn sàng tinh thần cho viễn cảnh kịch tính và xấu nhất. Thế nhưng, ở cây cầu dẫn vào cồn là cảnh tượng không ai ngờ, Danny Padgitt đang ngồi trong xe Lucien chờ sẵn.

Tiếng người trên đài nói nhanh và bồn chồn. “Hắn ngồi với luật sư của hắn!”

"Wilbanks?"

“Phải.”

“Bắn cả hai luôn đi.”

“Chúng đang ra khỏi xe.”

“Wilbanks đang đưa hai tay lên trời. Khôn đấy!”

“Danny Padgitt đây rồi, cũng đưa hai tay đầu hàng.”

“Tôi sẽ đánh cho hắn bỏ điệu cười đó đi.”

“Đã còng tay chúng lại rồi.”

“Khốn kiếp!” Harry Rex hét lên. “Tôi muốn có nổ súng. Như ngày xưa ấy.”

Một tiếng sau, chúng tôi đều túc trực trước trại giam chờ đoàn xe hụ còi chạy về. Cảnh sát trưởng McNatt khôn khéo để Padgitt ngồi trong xe của tuần tra bang, tránh chuyện lính của ông tẩn hắn tơi bời trên đường về. Hai đồng đội của họ đang nằm trong phòng phẫu thuật ở Memphis, ngọn lửa thịnh nộ vẫn

đang ngùn ngụt.

Một đám đông hiếu kỳ vây kín bên ngoài trại. Padgitt cười mỉa và chửi thề khi bị lôi vào trong, rồi cảnh sát trưởng cáu tiết quát bảo đám hiếu kỳ ai về nhà nấy.

Thấy hắn để tay trong còng là ai cũng nhẹ nhõm đi nhiều. Và tin này lan như lửa cháy khắp toàn hạt. Đám mây đen u ám đã được xua tan, tối hôm ấy, Clanton như bừng sống lại.

Khi tôi về đến biệt thự Hocutt lúc trời đã tối, nhà Ruffin vẫn đang miệt mài vui chơi. Bà Callie ngồi đó, vô cùng thư thái. Chúng tôi nán lại ở hiện một hồi lâu, kể chuyện, cười đùa, nghe nhạc Aretha Franklin và Temptations, thỉnh thoảng còn có tiếng pháo hoa xa xa vọng lại.

CHƯƠNG 43

Không ai biết rằng Lucien Wilbanks và thẩm phán Noose đã đi đến một thỏa thuận ngay trước vụ bắt giữ. Thẩm phán lo ngại viễn cảnh Danny Padgitt chọn cách trốn trong cồn, hoặc tệ hơn nữa là chống cự bằng vũ lực. Hạt Ford đang là thùng thuốc súng chỉ chờ một mồi lửa để nổ tung. Cảnh sát sẵn sàng đổ máu vì Teddy Ray và Travis đang nằm trong phòng phẫu thuật. Và Maxine Root xuất thân trong một gia đình thợ gỗ khét tiếng, một hội máu mặt đi săn quanh năm, sống chết với mảnh đất và không ngại bất kỳ kẻ thách thức nào.

Lucien hiểu rõ tình thế. Lão đồng ý giao nộp thân chủ với một điều kiện duy nhất, là tổ chức điều trần bảo lãnh ngay lập tức. Lão có ít nhất chục nhân chứng sẵn sàng cung cấp chứng cứ ngoại phạm "vững vàng" cho Danny, và Lucien muốn cư dân Hạt Fork nghe thật rõ lời chứng của họ. Lão tin rằng hung thủ là một người khác, và điều quan trọng là thuyết phục cả thị trấn tin như thế.

Lucien chỉ còn một tháng nữa là bị tước giấy phép luật sư vì một vụ rối ren khác. Lão biết hồi kết đã điểm và phiên điều trần này sẽ là màn diễn cuối cùng của lão trước tòa.

Noose chấp thuận điều trần, chốt lịch vào lúc 10:00 sáng hôm sau, ngày 03 tháng 7. Một lần nữa Danny Padgitt lại khiến phòng xử án Hạt Ford chật kín người, một cảnh tượng gợi nhớ quái gở về chuyện chín năm trước. Đám đông đầy giận dữ, đang bừng bừng chờ hắn bước ra, chỉ mong hắn bị treo cổ tại chỗ cho rồi. Gia đình của Maxine Root đến từ sớm, ngồi ở hàng ghế đầu. Nhìn hội đàn ông lực lưỡng, râu ria rậm rạp, hằm hằm sát khí này khiến tôi phải thấy sợ, may thay chúng tôi cùng một phe. Tin báo là Maxine đang tịnh dưỡng và vài ngày nữa là xuất viện.

Sáng hôm đó, nhà Ruffin không có kế hoạch gì, nên đâu thể nào bỏ lỡ chuyện đáng chú ý thế này. Bà Callie nhất quyết phải đi thật sớm để kiếm chỗ tốt. Được vào lại trung tâm thành phố đã là niềm vui với bà rồi. Bà mặc bộ váy ngày Chúa nhật, hơn hở ngồi tham dự một sự kiện công cộng với gia đình.

Tin từ bệnh viện thì nửa mừng nửa lo. Teddy Ray đã được phẫu thuật xong và đang bình phục. Travis thì bất ổn hơn, và bác sĩ đang lo ngại khả năng cứu được cánh tay cậu ấy. Đồng đội của họ đều hiện diện trong phòng xử, sẵn sàng thay nhau trừng mắt với kẻ chế bom.

Tôi thấy ông bà Fargarson ngồi ở hàng ghế gần cuối, thật tình tôi chẳng dám hình dung cảm nghĩ của họ lúc này.

Nhà Padgitt không có ai đến, chúng đủ tỉnh táo để tránh xa phòng xử này. Chỉ cần thấy mặt chúng thôi là đủ để xảy ra bạo loạn rồi. Harry Rex mách với tôi là nhà Padgitt đang ngồi ở một

phòng trên lầu, cửa khóa chặt. Nhưng chẳng ai thấy bóng dáng chúng cả.

Rufus Buckley dắt theo đoàn tùy tùng, đại diện cho công tố Bang Mississippi. Một cái lợi khi bán tờ *Thời báo* là tôi sẽ hết phải ngồi lại với ông ta. Buckley ngạo mạn và khoa trương, mọi việc ông ta làm đều để nhắm đến cái ghế Thống đốc.

Khi ngồi chờ và quan sát phòng xử chật kín người, tôi nhận ra đây là lần cuối cùng tôi tường thuật một sự kiện thế này cho tờ *Thời báo*. Nhưng tôi chẳng thấy buồn. Tâm lý của tôi đã được chuẩn bị sẵn trong một thời gian dài, và bây giờ chỉ còn nỗi háo hức được tiêu số tiền mới nhận. Giờ lại thêm Danny đã bị giam giữ, tôi càng sẵn sàng rời Clanton và ngắm nhìn thế giới.

Phiên tòa sẽ kéo dài vài tháng. Lại một đại hội Danny Padgitt nữa sắp diễn ra, dù tôi khá chắc nó sẽ không được tổ chức ở Hạt Ford. Nhưng tôi quan tâm làm gì. Đấy là chuyện cho người khác viết bài.

Lúc 10:00 sáng, mọi chỗ ngồi đều đã kín, thêm hàng dài người đứng dọc các bờ tường. Mười lăm phút sau, phía cuối phòng bỗng huyên náo hẳn lên, cửa mở ra và Lucien Wilbanks bước vào. Nhìn điệu bộ của lão có cảm tưởng như đây là trận bóng còn lão là cầu thủ ngôi sao, nhưng là ngôi sao bị ghét bỏ. Hai chấp hành tòa nhanh chóng nối gót lão, một người xướng lên, “Mời tất cả đứng!”

Thẩm phán Noose thong thả bước vào trong bộ áo chùng đen,

bước lên ngồi trên ngai của mình rồi ghé vào micro, “Mời mọi người ngồi.” Ông nhìn quanh khán phòng, kinh ngạc trước số người dự khán.

Noose gật đầu ra hiệu, cửa hông mở ra, và Danny Padgitt, tay trong còng, xích ở mắt cá chân, mặc bộ đồ cam như năm nào, được ba cảnh sát dắt vào. Phải mất vài phút để mở hết đám còng cho hắn, và vừa được buông lỏng, hắn liền cúi người thì thầm gì đó với Lucien.

“Đây là phiên điều trần bảo lãnh,” Noose tuyên bố, cả khán phòng im bặt đợi chờ. “Không có lý do gì để không tiến hành một cách sáng suốt và ngắn gọn.”

Nhưng chẳng ai ngờ phiên điều trần này lại ngắn gọn đến thế.

Một phát súng nổ ra đâu đó trên đầu chúng tôi, và trong một giây, tôi tưởng cả khán phòng sẽ bị bắn chết hết. Cả thành phố vốn đã đẫm lo âu và giờ tất cả đều tê dại trước bất ngờ kinh hoàng này, trong bầu khí im lìm đặc quánh nỗi sợ đó, một tiếng bụp vang lên, tiếng ú ớ của Danny Padgitt, rồi tất cả chìm trong hỗn loạn. Các bà hét lên. Các ông hét lên. Có người kêu lớn, “Nằm xuống!” và nửa khán phòng cúi rạp nấp dưới ghế, có người còn nằm cả ra sàn. Người khác hét lên, “Hắn bị bắn rồi!”

Tôi cúi đầu xuống một chút, nhưng cũng không muốn bỏ lỡ chuyện gì. Mọi cảnh sát đều rút súng lục ra, quay đầu khắp hướng tìm kẻ nổ súng.

Dù chúng tôi vẫn cứ tranh cãi chuyện này suốt nhiều năm,

nhưng phát súng thứ hai cách phát súng thứ nhất cũng chỉ tính bằng giây. Nó găm thẳng vào sườn Danny, nhưng phát đó thật ra chẳng có ý nghĩa gì nữa. Phát đầu tiên đã thổi bay đầu hắn rồi. Phát súng thứ hai đã thu hút sự chú ý của một cảnh sát đứng gác ở đầu phòng xử. Tôi cúi người thấp hơn chút nữa, nhưng vẫn thoáng thấy anh nổ súng về phía tầng lửng.

Cửa chính phòng xử án mở toang, tiếng chân người chạy tán loạn. Trong cơn kích động đó, tôi vẫn ngồi yên ở ghế của mình, cố xác định mọi chuyện. Tôi nhớ là đã thấy Lucien Wilbanks cúi người che cho thân chủ. Rufus Buckley thì bò gấp qua phía ô bồi thẩm đoàn tìm cách thoát thân. Và tôi sẽ không bao giờ quên cảnh tượng thẩm phán Noose ngồi vững vàng trên ghế, điềm nhiên quan sát tất cả qua gọng kính kê hờ trên mũi, như thể đây là chuyện tuần nào ông cũng gặp phải vậy.

Mỗi giây trôi qua dài dằng dặc.

Những phát súng găm thẳng vào Danny được bắn từ tầng trên, ngay phía trên tầng lửng. Và dù ban công đầy người đứng, nhưng chẳng ai thấy nòng súng thò ra vài phân ngay cách đầu họ hai mét. Như hầu hết mọi người, họ chỉ chăm chăm nhìn Danny Padgitt bước vào.

Trong hàng chục năm qua, hạt đã cho cải tạo phòng xử nhiều lần, làm nhỏ giọt với kinh phí hạn hẹp. Thời những năm 1960, với nỗ lực cải thiện ánh sáng, một trần treo đã được lắp thêm vào. Tay súng đã tìm được chỗ lý tưởng trên ống khí lớn ngay

trên một tấm trần. Trong không gian tối tăm đó, hắn kiên nhẫn chờ đợi, quan sát phòng xử bên dưới qua kẽ hở mười phân sau khi dỡ nhẹ một tấm trần ẩm ướt.

Khi nghĩ màn xả súng đã ngưng hẳn, tôi rón rén lại gần phía tòa. Cảnh sát đang hét bảo tất cả mọi người ra khỏi phòng xử. Họ đang thúc ép và hét lên đủ chỉ dẫn trái chiều. Danny đang nằm dưới bàn, Lucien và vài cảnh sát vây quanh. Tôi có thể thấy đôi chân hắn, nằm yên không hề động đậy. Một phút rồi hai phút trôi qua, mọi chuyện có vẻ đã quá rõ ràng. Đột nhiên, tiếng súng lại vang lên, ơn trời giờ là ở bên ngoài. Tôi nhìn ra cửa sổ thì thấy mọi người đang chạy vụt vào các cửa hàng quanh quảng trường. Một ông già đang chĩa súng lên, ngắm vào thứ gì đó trên nóc tòa án.

Cảnh sát trưởng McNatt xác định ngay vị trí qua tiếng súng vừa nổ trên đầu mình. Ông và hai cảnh sát khác lao tới cầu thang lên lầu ba, rồi chậm rãi theo cầu thang xoắn lên mái. Cửa ra đình bát giác bị khóa chặt, nhưng có thể nghe được tiếng bước chân nóng nảy của tay súng, nghe được cả tiếng vỏ đạn rơi xuống nền.

Toàn bộ đạn đến giờ chỉ nhắm vào văn phòng luật của Lucien Wilbanks, nhất là những cửa sổ tầng trên. Với dự tính rõ ràng, hắn bắn vỡ từng ô cửa sổ một. Ở tầng một, Ethel Twitty nấp dưới bàn, la hét cầu cứu suốt thời gian đó.

Cuối cùng, tôi cũng ra khỏi phòng xử, nhanh chân chạy

xuống tầng trệt, nơi đám đông vẫn đang chờ đợi, không chắc nên làm gì. Cảnh sát trưởng thành phố lên tiếng bảo tất cả cứ ở yên trong nhà. Giữa những tràng đạn, tiếng xôn xao rầm rì cứ vang lên gấp gáp và lo âu. Mỗi lần súng nổ, chúng tôi lại nhìn nhau, ai cũng nghĩ trong đầu, "Chuyện này bao lâu mới chấm dứt?"

Tôi qua đứng với nhà Ruffin. Bà Callie đã ngất ngay khi tiếng súng đầu nổ trong phòng xử. Max và Bobby đang đỡ bà, nôn nóng đưa bà về nhà.

Sau khi khủng bố cả thành phố trong suốt một tiếng, cuối cùng tay súng cũng hết đạn. Hắn để dành viên đạn cuối cùng cho mình, và tiếng súng cuối cùng vừa nổ thì một xác người ngã xuống đánh bịch vào nền đình bát giác. Cảnh sát trưởng McNatt chờ vài phút, rồi cạy cửa xông lên. Thi thể Hank Hooten nằm đó, lại trần truồng như lần trước. Nhưng lần này thì chết thật rồi.

Một cảnh sát chạy xuống lầu, hét lớn, "Xong rồi! Hắn chết rồi! Là Hank Hooten!"

Cảm giác chung trên khuôn mặt mọi người là kinh ngạc pha với chút hứng thú. Hank Hooten? Ai cũng kháo nhau. Hank Hooten sao?

"Tay luật sư phát điên ấy."

"Tôi tưởng hắn ở nhà thương điên rồi."

"Không phải hắn ở Whitfield à?"

"Tưởng hắn chết rồi."

“Hank Hooten là ai?” Carlota hỏi tôi, nhưng tôi đang rối bời, chẳng còn tâm trí nào để giải thích. Chúng tôi đi ra, đứng dưới bóng cây một hồi, không chắc nên ở lại, phòng khi có thêm vụ việc gì đó hay là về nhà cố hiểu cho thông chuyện vừa trải qua. Nhà Ruffin thì phải gấp rút về vì bà Callie thấy không khỏe.

Cuối cùng, một xe cứu thương tấp vào đưa Danny Padgitt lên xe rồi vội vã chạy đi. Đưa xác Hank Hooten xuống thì vất vả hơn, nhưng họ cũng đánh vật lôi được anh ta xuống, đưa ra xe bằng cáng, quấn một tấm ga trắng từ đầu xuống chân.

Tôi rảo bộ về văn phòng, nơi Margaret và Wiley đang uống cà phê mới pha và chờ tôi. Chúng tôi vẫn còn quá choáng váng, không thể nào bàn luận được gì. Cả thành phố cũng đang im bặt.

Sau một hồi tĩnh trí, tôi bắt đầu cầm máy gọi vài cuộc, tìm được người tôi cần, và rời văn phòng tầm giờ trưa. Khi lái xe vòng quanh quảng trường, tôi thấy ông Dex Pratt, chủ công ty cắt kính trong vùng và đăng quảng cáo hàng tuần trên tờ *Thời báo*, ông đang đứng ở ban công văn phòng Lucien cạnh bộ kính mới vừa thay. Tôi khá chắc Lucien đang ở trong đó, cầm ly rượu đứng chỗ nào có thể nhìn lên mái vòm và đình bát giác của tòa án.

Whitfield cách đây ba tiếng lái xe về phía nam. Tôi không chắc có đi được xa đến thế không, vì cứ vài phút tôi lại thấy thôi thúc muốn rẽ phải, về hướng tây, vượt sông ở Grenville hay

Vicksburg và đặt chân xuống Texas lúc hoàng hôn, hoặc rẽ phải, đi về hướng đông, tìm một chỗ ăn tối đâu đó gần Atlanta.

Thật quá điên rồ. Một thành phố nhỏ êm đềm lại rơi vào cơn ác mộng như thế này? Giờ trong đầu tôi chỉ còn ý muốn thoát ly.

Nhưng khi cơn mơ chưa tỉnh, tôi đã đến gần Jackson rồi.

Bệnh viện tâm thần của bang nằm trên xa lộ nội bang cách Jackson 30 cây số. Tôi lao đến chốt bảo vệ, yêu cầu gặp một bác sĩ mà tôi đã xác định qua điện thoại là đang quanh quẩn ở đây.

Bác sĩ Vero rất bận và tôi phải ngồi đọc tạp chí cả tiếng ngoài văn phòng ông. Khi cuối cùng tôi thông báo với cô thư ký là tôi sẽ không về, nếu cần sẽ bám theo ông đến tận nhà, bỗng nhiên bác sĩ Vero lại thu xếp được thời gian tiếp tôi ngay.

Bác sĩ Vero để tóc dài, bộ ria muối tiêu. Ông nói chất giọng thượng trung tây đặc sệt. Trên tường là hai tấm bằng gì đó của đại học Tây Bắc và Johns Hopkins, nhưng ánh sáng trong phòng mờ quá, tôi không đọc rõ chi tiết được.

Tôi thuật lại cho ông vụ việc sáng nay ở Clanton. Nghe tôi kể xong, ông nói thẳng, "Tôi không thể kể với anh về anh Hooten. Như tôi đã giải thích qua điện thoại, đây là vấn đề bảo mật giữa bệnh nhân và bác sĩ."

"Từng thôi."

"Vẫn còn đấy, anh Traynor à. Vẫn phải bảo mật, và tôi e là tôi không thể nói gì về bệnh nhân này."

Tôi đã quanh quẩn bên Harry Rex đủ lâu để biết không

chuyện gì là không thể. Tôi liền thuật lại chi tiết về vụ Padgitt, kể thật lâu từ phiên tòa cho đến buổi điều trần tháng trước và bầu khí căng thẳng ở Clanton. Tôi kể chuyện đã thấy Hank Hooten vào một tối Chúa nhật ở nhà thờ Độc lập Gò Calico và dường như không ai biết gì về Hank suốt mấy năm qua.

Ý tôi muốn nói rằng thành phố cần biết chuyện gì khiến anh ta nổi cơn điên như thế. Anh ta đã bệnh nặng đến thế nào? Tại sao lại được xuất viện? Quá nhiều câu hỏi, và để có thể gác lại câu chuyện bi thương này, "chúng tôi" cần biết sự thật. Tôi đang cố hết sức để nặn miệng ông.

"Anh định đăng bao nhiêu phần?" ông hỏi, cánh cửa đang hé dần.

"Ông cho đăng bao nhiêu, tôi đăng bấy nhiêu. Và nếu có chuyện gì phải giữ kín, cứ nói tôi biết."

"Ta dạo một vòng đi."

Ra ghế băng bằng bê tông ở sân trong rợp bóng cây, chúng tôi uống cà phê và bắt đầu trao đổi. "Đây là những chuyện anh được phép đăng báo," Vero bắt đầu kể. "Anh Hooten nhập viện vào tháng 1 năm 1971. Anh ta được chẩn đoán mắc chứng tâm thần phân liệt, được giữ lại ở đây và điều trị, rồi xuất viện vào tháng 10 năm 1976."

"Ai là người chẩn đoán cho anh ta?" tôi hỏi.

"Giờ đến phần trao đổi không chính thức. Được chứ?"

"Được."

“Chuyện này phải bảo mật, anh Traynor. Anh phải hứa với tôi đã.”

Tôi cất giấy bút đi, “Tôi thề trên Kinh Thánh là sẽ không đăng báo đoạn này.”

Ông ngập ngừng một hồi, nhấp vài ngụm cà phê, và trong khoảnh khắc tôi cứ sợ ông bỗng đổi ý và đuổi tôi về. Rồi ông có vẻ thả lỏng hơn, “Ban đầu, tôi là người điều trị cho anh Hooten. Gia đình của anh ta có tiền sử tâm thần phân liệt. Mẹ và có khả năng cả bà của anh ta đã từng lên cơn tâm thần rồi. Bệnh này có xác suất di truyền mà. Anh ta đã nhập viện từ hồi học đại học, nhưng không hiểu sao, vẫn nỗ lực lấy được bằng luật. Sau lần ly hôn thứ hai, Hank, 36 tuổi, chuyển đến Clanton, tìm cách làm lại cuộc đời. Nhưng rồi lại ly hôn thêm lần nữa. Anh ta say mê phụ nữ, nhưng không thể bên ai lâu dài. Anh ta khá say đắm Rhoda Kassellaw và bảo đã nhiều lần cầu hôn cô ấy. Tôi khá chắc cô ấy phần nào thấy sợ anh ta. Vụ án mạng của cô ấy thật quá thương tâm. Và khi bồi thẩm đoàn không chịu tuyên án tử cho kẻ sát nhân, Hank đã sụp đổ.”

“Cảm ơn ông đã dùng ngôn ngữ bình thường cho tôi dễ hiểu,” tôi nói, mà nghĩ đến chẩn đoán của dân tình, “thằng khùng.”

“Anh ta nghe nhiều tiếng nói vang lên trong đầu mình, đa phần là của cô Kassellaw. Cả tiếng hai đứa con nhỏ của cô ấy nữa. Chúng nài xin anh bảo vệ cô ấy, cứu cô ấy. Chúng mô tả nỗi kinh hoàng khi chứng kiến mẹ mình bị cưỡng hiếp và giết hại

ngay trên giường mình, và chúng trách Hooten đã không cứu cô ấy. Kẻ sát nhân, Padgitt, cũng giày vò anh ta bằng những lời chế nhạo từ sau song sắt. Nhiều lần tôi đã quan sát anh Hooten hét chửi Danny Padgitt trong trí tưởng tượng."

"Anh ta có nhắc đến các bồi thẩm không?"

"Có, nói suốt. Anh ta biết có ba người, Fargarson, Teale và Root, đã nhất quyết không thông qua án tử hình. Anh ta hét chửi tên của họ lúc nửa đêm."

"Chuyện này lạ quá. Các bồi thẩm đã thề không tiết lộ những gì họ bàn luận mà. Ngay cả tôi cũng mới biết chuyện cách đây một tháng."

"Anh ta là trợ lý công tố mà."

"Phải rồi." Tôi nhớ lại cảnh Hank Hooten ngồi cạnh Ernie Gaddis ở phiên tòa, không hề hé miệng nói lời nào, trông có vẻ chán ngán và hờ hững trước diễn biến xét xử. "Anh ta có thể hiện ý muốn báo thù không?"

Lại nhấp cà phê, lại thinh lặng, Vero đang cân nhắc có nên trả lời câu này không. "Có. Anh ta ghét họ. Anh ta muốn họ phải chết, cùng với Padgitt."

"Vậy sao anh ta được xuất viện?"

"Tôi không thể nói về chuyện này được, anh Traynor. Vào thời điểm đó, tôi không ở đây, hơn nữa có khi bệnh viện này sẽ phải chịu trách nhiệm gì đó."

"Vậy lúc đó, ông ở đâu?"

“Tôi đi dạy ở Chicago hai năm. Sau 18 tháng, tôi trở lại thì anh Hooten đã về nhà rồi.”

“Nhưng ông đã xem lại bệnh án.”

“Phải, và tình trạng của anh ta đã cải thiện nhiều sau khi tôi đi. Các bác sĩ đã tìm được loại thuốc an thần phù hợp và các triệu chứng của anh ta giảm đáng kể. Anh ta được cho xuất viện, tham gia một chương trình điều trị cộng đồng ở Tupelo, và kể từ đó, chúng tôi không còn nắm thông tin gì nữa. Khỏi cần phải nói, anh Traynor à, chuyện trị liệu tâm lý đâu phải ưu tiên lớn của bang này, hay bất kỳ bang nào khác. Chúng tôi thiếu cả nhân lực và tài lực.”

“Nếu là ông, liệu ông có cho anh ta xuất viện không?”

“Tôi không trả lời câu đó được. Anh Traynor, tôi nghĩ nói đến đây là đủ rồi.”

Tôi cảm ơn ông đã chịu đón tiếp, cảm ơn sự thành thật của ông và cam đoan lần nữa rằng chuyện gì cần giữ kín sẽ được giữ kín. Bác sĩ Vero dặn tôi nhớ gửi một tờ báo có bài này cho ông.

Tôi ghé lại một quán đồ ăn nhanh ở Jackson, ăn vội cái bánh kẹp pho mát. Ra bốt điện thoại, tôi gọi về văn phòng, thấp thỏm không biết mình có bỏ lỡ vụ xả súng nào nữa không. Margaret thở phào khi nghe tiếng tôi.

“Anh phải về nhà ngay, Willie, về nhanh,” bà nói. “Tại sao?”

“Callie Ruffin vừa lên cơn đột quỵ. Giờ đang trong bệnh viện.”

“Có nghiêm trọng không?”

“Tôi e là có.”

CHƯƠNG 44

Trái phiếu hạt phát hành năm 1977 đã đem lại lượng tiền lớn để cải tạo bệnh viện. Cuối tầng trệt có một nhà nguyện hiện đại dù khá tối, nơi tôi từng ngồi với Margaret và gia đình bà khi mẹ bà qua đời. Khi tôi đến đó, nhà Ruffin, toàn bộ tám người con và dâu rể, chỉ thiếu vợ của Leon, cùng 21 người cháu đang ngồi chờ ở đó. Mục sư Small cũng đến cùng kha khá đồng đạo của bà Callie. Ông Esau đang ở trên lầu, trong khu vực chăm sóc đặc biệt, chờ đợi bên ngoài phòng bà Callie.

Sam kể là sau khi ngủ trưa, bà tỉnh dậy thì thấy đau dữ dội ở tay trái, rồi tê chân trái và chẳng mấy chốc đã lắp bắp, không thể nói được thành lời. Xe cấp cứu vội vã đưa bà đến bệnh viện. Bác sĩ chắc chắn đây là triệu chứng ban đầu của đột quỵ, chẩn đoán sơ bộ là trụy tim nhẹ. Bà được bác sĩ cho dùng thuốc và giám sát chặt chẽ. Chẩn đoán mới nhất của bác sĩ là từ hồi 8:00 tối, tình trạng của bà "nghiêm trọng nhưng ổn định."

Bác sĩ không cho người vào thăm bệnh, nên giờ họ chỉ có thể chờ đợi, cầu nguyện và tiếp những người bạn thay nhau đến hỏi thăm về bà Callie. Sau một tiếng ở nhà nguyện, tôi đã thấy cần phải ngủ lắm rồi. Max, chỉ là anh Tư nhưng chắc chắn là thủ

lĩnh của cả nhà, đứng ra chia lịch thức đêm. Phải luôn có ít nhất hai người con của bà Callie túc trực ở bệnh viện.

Tầm 11:00, chúng tôi hỏi thăm bác sĩ lần nữa, ông trả lời có vẻ tích cực rằng bà vẫn ổn định. Ông bảo bà "đã ngủ, nhưng sau vài câu, chúng tôi mới biết họ đã cho bà dùng thuốc ngủ để ngăn chặn bất kỳ cơn đột quỵ tiềm tàng nào có thể sớm xảy ra. "Các anh chị về nhà nghỉ ngơi đi, ông bảo, "mai có thể là một ngày vất vả đấy." Chúng tôi để lại Mario và Gloria trực ở nhà nguyện, rồi tất cả cùng về biệt thự Hocutt, chưa ngủ, nhưng ra hiên ngồi trầm ngâm ăn kem. Sam đưa ông Esau về nhà ở Hạ trấn. Tôi đã rất mừng khi cả nhà bà đều thích ở nhà tôi hơn.

Trong số 13 người lớn ở đây, chỉ có Leon và chồng của Carlota có uống rượu. Tôi mở một chai và khui mấy hộp kem.

Ai cũng kiệt sức rồi, nhất là bọn trẻ. Kế hoạch ban đầu của hôm nay chỉ là đến tòa án nhìn qua kẻ đã khủng bố cộng đồng suốt thời gian qua. Vậy mà hàng đống chuyện kinh hoàng đã ập xuống. Tầm nửa đêm, Al gọi cả nhà quy tụ lại để cầu nguyện trước khi đi ngủ. Anh gọi là "chuỗi cầu nguyện" cũng không sai, mọi người lớn, trẻ con đều lần lượt tạ ơn Chúa vì chuyện gì đó và xin Chúa bảo vệ cho bà Callie. Ngồi đó, cầm tay Bonnie và vợ của Mario, thở chung bầu không khí sốt sắng này, tôi thật sự cảm thấy có Chúa hiện diện. Tôi biết người bạn thân yêu của tôi, mẹ và bà của họ, rồi sẽ ổn cả thôi.

Hai tiếng sau, tôi nằm trên giường, mắt mở thao láo, vẫn còn

nghe vang vọng tiếng lách cách đanh gọn của khẩu súng trường trong phòng xử, tiếng bụp khi viên đạn đâm vào Danny, và vô vàn âm thanh hoảng loạn kéo theo sau đó. Tôi ngẫm đi ngẫm lại từng lời của bác sĩ Vero, thắc mắc không biết mười năm qua, Hank Hooten tội nghiệp sống kiểu gì, tại sao anh ta lại được thả ra?

Và tôi lo cho bà Callie, dù tình trạng của bà có vẻ ổn định và được chăm sóc tận tình.

Cuối cùng, tôi cũng ngủ được hai tiếng, rồi nhẹ nhàng xuống lầu, thấy Mario và Leon đang uống cà phê ở bàn bếp. Mario vừa từ bệnh viện về cách đây một tiếng, tình hình vẫn thế. Mấy người con đã bàn nhau khi bà Callie xuất viện thì phải ép bà giảm cân. Bà sẽ cần tập thể dục, bao gồm đi bộ dài giờ hàng ngày quanh Hạ trấn. Còn cần kiểm tra sức khỏe thường xuyên, bổ sung vitamin, ăn kiêng.

Họ rất nghiêm túc về kế hoạch cải thiện sức khỏe này, dù ai cũng biết bà Callie chỉ làm theo ý mình thôi.

Vài tiếng sau, tôi bắt đầu đóng hộp vật dụng và đủ thứ linh tinh tôi thu thập suốt chín năm qua và dọn dẹp văn phòng mình. Tổng biên tập mới là một bà nhẹ nhàng, người ở Meridian, Mississippi, và muốn bắt tay vào việc trước cuối tuần này. Margaret đề nghị giúp một tay, nhưng tôi muốn thong thả dọn dẹp hộc tủ và hồ sơ để mênh mang hồi tưởng. Đây là khoảnh khắc rất riêng tư và tôi muốn được làm một mình.

Số sách của ông Caudle cuối cùng cũng được lấy xuống khỏi đám kệ đầy bụi, nơi chúng đã an vị từ lâu trước khi tôi đến. Tôi dự định để chúng đâu đó trong nhà, phòng khi có vong linh tổ tiên ông tìm đến hỏi han.

Cảm xúc trong tôi lẫn lộn. Tôi đụng đến thứ gì cũng gợi lại một câu chuyện, một hạn giao bài, một chuyến đi vào sâu trong vùng quê để tìm tin, phỏng vấn nhân chứng hay gặp ai đó mà tôi mong là đủ thú vị để viết tiểu sử. Dọn dẹp xong càng nhanh thì tôi càng sớm phải bước ra khỏi tòa nhà này và chỉ còn việc bắt máy bay đi đâu đó.

Lúc 9:30, Bobby Ruffin gọi. Bà Callie đã tỉnh, có thể kê gối ngồi dậy uống trà và bác sĩ cũng cho thân nhân vào thăm trong vài phút. Tôi liền tức tốc đến bệnh viện. Sam chờ sẵn ở sảnh, dẫn tôi qua ma trận buồng bệnh ở khu chăm sóc đặc biệt. "Đừng nhắc gì về chuyện hôm qua, được chứ?" anh vừa đi vừa dặn.

"Được."

"Tình hình chỉ tạm ổn. Họ không cho đám cháu vào, sợ làm nhịp tim của bà bất ổn. Trong phòng im ắng lắm."

Bà Callie đã tỉnh, nhưng không hẳn là vậy. Tôi tưởng sẽ được thấy đôi mắt sáng và nụ cười tươi rói, nhưng bà Callie chỉ như người mơ màng sau giấc ngủ dài. Bà nhận ra tôi, chúng tôi ôm nhau, và tôi cầm lấy tay phải bà, tay trái đang găm ống truyền rồi. Ông Esau, Sam và Gloria cũng đứng đó.

Tôi muốn có vài phút riêng tư để báo tin bán tờ báo, nhưng

giờ rõ ràng bà đâu đủ sức nghe tin đó. Bà đã dậy gần hai tiếng rồi, giờ rõ ràng bà cần ngủ lại. Có lẽ để một vài ngày nữa rồi nói cũng được.

Sau 15 phút, bác sĩ đến bảo chúng tôi ra về. Chúng tôi về nhà, rồi quay lại, tiếp tục cầu nguyện cho bà suốt cả ngày, và vẫn không được phép vào phòng chăm sóc đặc biệt.

Thị trưởng quyết định sẽ không có pháo hoa mừng ngày Quốc khánh. Chúng tôi đã nghe đủ tiếng nổ rồi, chịu mùi thuốc súng đủ rồi. Vì cả thành phố vẫn còn rối bời sau vụ việc, nên chẳng ai tổ chức phản đối ầm ĩ gì. Cuộc tuần hành, các bài diễn thuyết tranh cử vẫn có, mặc dù các ứng viên bớt hăng đi nhiều. Tham nghị viên Theo Morton không đến, vì sao thì ai cũng biết. Có kem, nước chanh, thịt nướng, kẹo bông, những món thường lệ được phục vụ ở các quầy quanh quảng trường.

Nhưng thành phố có vẻ thờ ơ lặng lẽ. Hoặc có thể do tôi buồn nên nhìn cảnh cũng chẳng vui. Có lẽ tôi quá mệt mỏi với nơi này rồi, nên nhìn đâu cũng không còn hứng thú. Nhưng chắc chắn trong tay tôi có sẵn liều thuốc trị cơn mê này.

Sau phần diễn thuyết tranh cử, tôi rời quảng trường lái xe về bệnh viện. Tôi hỏi thăm Fuzzy, ông lao công quét dọn bãi đỗ xe của bệnh viện, và nói chuyện với Ralph, người lau kính ở tiền sảnh. Tôi còn ghé qua căn tin, mua ít nước chanh của Hazel, rồi nói chuyện với bà Esther Ellen Trussel, phụ trách bàn thông tin tiền sảnh của hội Hồng Nữ, những người chuyên hỗ trợ bệnh

nhân. Bobby và vợ của Al đang ở phòng chờ tầng hai, ngồi xem tivi như hai người mất hồn. Tôi vừa mở tờ tạp chí ra thì Sam chạy vào.

"Mẹ lại bị một cơn trụy tim!"

Cả ba người chúng tôi liền bật dậy, như thể chuẩn bị chạy đến đó ngay.

"Vừa tức thì! Đội cấp cứu vừa vào!"

"Để tôi gọi về nhà," tôi nói và chạy ra bốt điện thoại ở sảnh. Max nghe máy, và 15 phút sau, nhà Ruffin lũ lượt chạy vào nhà nguyện.

Chờ mãi vẫn chưa thấy tin gì từ các bác sĩ. Tầm 8:00 tối, bác sĩ điều trị của bà mới đến. Không dễ để hiểu ý tứ của các bác sĩ, nhưng đôi mắt nặng nề và lông mày nhíu lại của ông đang chuyển tải thông điệp không thể nào nhầm được. Khi ông nói đến "trụy tim nghiêm trọng" cả tám người con của bà Callie đều bủn rủn. Bà đang dùng máy thở, không còn tự hô hấp được.

Trong vòng một tiếng, bạn bè của bà đã kéo đến kín nhà nguyện. Mục sư Thurston Small chủ trì một nhóm cầu nguyện liên tục cạnh bàn thờ, và người ta cứ vào quỳ gối rồi ra liên tục. Ông Esau tội nghiệp ngồi ở hàng ghế cuối nhà nguyện, vai thõng xuống, hoàn toàn kiệt quệ. Bầy cháu ngồi quanh ông, im lặng và lễ phép.

Chúng tôi cứ thế chờ đợi suốt nhiều giờ. Dù ai cũng cố mỉm cười và lạc quan, nhưng cảm giác giờ tàn rõ ràng quá rồi. Như

thể tang lễ đã bắt đầu rồi vậy.

Margaret ghé qua, chúng tôi ra hành lang nói chuyện. Rồi ông bà Fargarson cũng đến, ngỏ ý muốn nói chuyện với ông Esau. Khi tôi đưa họ vào nhà nguyện, mọi người nhà Ruffin đều nhiệt tình chào hỏi, ai cũng bày tỏ lòng tiếc thương người con vừa mất của họ.

Đến nửa đêm, chúng tôi đã tê lại, không còn biết thời gian nữa. Từng phút trôi qua nặng nề, tôi nhìn lên mà tưởng chiếc đồng hồ không chạy. Tôi muốn ra về, hay ít nhất là ra ngoài hít thở chút không khí trong lành. Nhưng bác sĩ đã dặn phải ở quanh quẩn gần bệnh viện.

Nỗi kinh hoàng lên đến đỉnh điểm khi ông gọi chúng tôi lại, nặng nề thông báo đã đến "thời khắc cuối bên người thân." Có người thở dài, có người bật khóc. Tôi sẽ không bao giờ quên tiếng Sam thảng thốt, "Thời khắc cuối sao?"

"Giờ sao?" Gloria kinh hoàng hỏi lại.

Chúng tôi, đầy hoang mang và sợ hãi, theo chân bác sĩ ra khỏi nhà nguyện, lên cầu thang, ai nấy đều đi với bước chân nặng nề như người lê bước ra đoạn đầu đài. Các y tá hướng dẫn chúng tôi qua ma trận buồng bệnh, và sắc mặt họ toát lên điều chúng tôi e sợ nhất.

Khi cả nhà tràn vào căn buồng nhỏ, bác sĩ cầm tay tôi bảo, "Thời khắc này chỉ cho người nhà thôi."

"Phải rồi," tôi nói và đứng lại.

“Không sao,” Sam quay lại, “Anh ấy là người nhà chúng tôi.”

Chúng tôi quây quần bên bà Callie và dàn máy móc hỗ trợ, hầu hết đã được tháo ra rồi. Hai đứa cháu nhỏ nhất được ngồi cuối giường bà. Ông Esau đứng gần nhất, nhẹ nhàng vuốt mặt bà. Đôi mắt bà nhắm nghiền và không có vẻ gì là đang thở.

Bà đang rất yên bình. Chồng và các con, ai cũng chạm vào người bà, tiếng khóc vang vang đến não lòng. Tôi đứng ở góc, khuất sau lưng chồng của Gloria và vợ của Al, vẫn không thể tin chuyện này là thật.

Khi Max tạm bình tâm lại, anh cầm tay bà Callie và nói, “Chúng ta cùng cầu nguyện.” Chúng tôi đều cúi đầu, và tiếng khóc ngưng bặt. “Lạy Cha, xin đừng theo ý con mà hãy theo ý Cha. Chúng con xin dâng linh hồn người con trung tín này vào tay Cha. Xin chuẩn bị cho người một chỗ trong thiên đàng của Cha. Amen.”

Lúc mặt trời mọc, tôi đang ngồi ở ban công văn phòng. Tôi muốn ở một mình, muốn được khóc cho thỏa một mình, nhưng không thể nào chịu nổi tiếng khóc dội trong tòa biệt thự vắng vẻ.

Tôi đã mơ chu du khắp thế giới, đều đặn về thăm Clanton và tặng quà cho bà Callie. Tôi sẽ đem cho bà bình bạc của Anh quốc, vải lanh từ nước Ý mà bà mơ một lần đặt chân đến, cả nước hoa Paris, chocolate Bỉ, một cái vạc từ Ai Cập và một viên kim cương nhỏ lấy ở mỏ Nam Phi. Tôi sẽ tặng quà cho bà ở hiên, rồi chúng

tôi ăn uống nhiệt tình, kể chuyện say sưa về những nơi tôi đã đến. Tới đâu tôi cũng sẽ gửi bưu thiếp cho bà. Chúng tôi sẽ cùng xem lại và bình phẩm những tấm ảnh tôi chụp trên hành trình. Qua tôi, bà sẽ được thấy cả thế giới. Bà sẽ luôn ở đó, háo hức chờ tôi quay về, trông mong tôi sẽ có quà gì. Bà sẽ trang trí khắp nhà bằng những món đồ thu thập từ mọi ngóc ngách trên đời, và có những món mà không một ai, dù da đen hay da trắng, ở Clanton từng có.

Tôi đau đớn khi mất đi người bạn thân yêu nhất. Một mất mát quá bất ngờ. Một mất mát quá lớn đến nỗi lúc đó tôi nghĩ mình không thể vực dậy nổi.

Khi thành phố dần bừng sức sống dưới ánh mặt trời, tôi đi về bàn, đá mấy cái thùng qua một bên và ngồi xuống. Tôi lấy bút ra, nhưng trơ mắt nhìn tờ giấy trắng một hồi lâu. Rồi chầm chậm và nhức nhối trong lòng, tôi đưa bút viết bài cáo phó cuối cùng.

LỜI TÁC GIẢ

Trên đời này, rất ít luật trường tồn. Một khi ra đời, chúng sẽ được nghiên cứu, sửa đổi, cải tạo, rồi thường bị hủy bỏ. Sự chắp vá sửa chữa này từ các thẩm phán và nhà lập pháp thường là chuyện tốt. Luật xấu bị xóa sổ. Luật yếu kém được cải thiện. Luật tốt được trau chuốt.

Tôi đã khá tùy ý khi nhắc đến những luật từng tồn tại ở Mississippi vào thập niên 1970. Những luật bị tôi nói sai nói quá trong quyển sách này giờ đã được sửa đổi và cải thiện. Tôi chỉ tận dụng chúng để thúc đẩy câu chuyện của mình. Tôi làm như thế suốt và không hề thấy có lỗi, vì tôi luôn có thể tuyên bố từ bỏ trách nhiệm trong trang này mà.

Nếu phát hiện ra sai lỗi, vui lòng đừng viết thư nhắc nhở tôi làm gì. Tôi đã biết nó không phải, tôi chủ ý làm thế mà.

Tôi xin gửi lời tri ân đến Grady Tollison và Ed Perry ở Oxford, Mississippi, vì bộ sưu tập của họ về các luật và quy trình cũ. Xin tri ân Don Whitten và Jessie Phillips ở tòa soạn Oxford Eagle. Và xin tri ân Gary Greene vì đã cố vấn về mặt kỹ thuật.

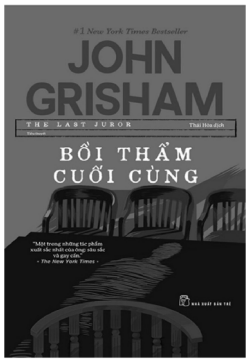
#1 New York Times Bestseller
JOHN
GRISHAM
THE LAST JUROR
BỒI THẨM
CUỐI CÙNG

HET